



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Thành Nhân trước thành Danh

Kỷ yếu

**HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT
TRONG KỶ NGUYÊN AI**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2026



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

LỜI GIỚI THIỆU

Kính thưa các nhà nghiên cứu, các nghệ sĩ, các Thầy Cô, anh chị, ...

Trường Đại học Văn Hiến là cơ sở giáo dục đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Hiện nay, Trường đang đào tạo 43 ngành đại học, trong đó có các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật. Việc đào tạo ngành nghệ thuật trong trường đại học đa ngành không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phong phú, đa dạng cho đất nước, mà còn góp phần xây dựng môi trường giáo dục toàn diện, sáng tạo và nhân văn theo phương châm của nhà trường: “*Thành nhân trước thành danh*”. Bởi lẽ, nghệ thuật góp phần định hướng giá trị, tính cách con người, nuôi dưỡng lòng nhân ái, trách nhiệm xã hội và các hoạt động đào tạo, sáng tạo nghệ thuật vừa để phục vụ cộng đồng, nâng cao đời sống tinh thần con người, vừa giáo dục ý thức, định hướng thẩm mỹ cho sinh viên.

Âm nhạc là loại hình nghệ thuật có vai trò quan trọng trong đời sống con người. Đồng thời, âm nhạc còn có ý nghĩa là “linh hồn” của nhiều loại hình nghệ thuật khác, giúp tác phẩm trở nên sống động, giàu cảm xúc và có giá trị lâu bền.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, âm nhạc Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới, nơi truyền thống và hiện đại, bản sắc và công nghệ cùng tồn tại và tương tác sâu sắc. AI (trí tuệ nhân tạo) hiện đã chi phối không chỉ quá trình sáng tạo, phương thức biểu diễn, mà còn ảnh hưởng đến thị hiếu, cách tiếp nhận sản phẩm âm nhạc và sự lan tỏa các giá trị nghệ thuật. Những thay đổi này đặt ra vấn đề lý luận và thực tiễn cần được nhìn nhận, phân tích và thảo luận một cách khoa học, hệ thống và đa chiều.

Hội thảo khoa học cấp quốc gia với chủ đề “**Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI**” do Trường Đại học Văn Hiến tổ chức vào ngày 23/01/2026 là diễn đàn để các nhà khoa học, các cơ sở đào tạo âm nhạc và các nghệ sĩ trao đổi về các vấn đề nêu trên.

Ban Tổ chức hội thảo đã nhận được sự hưởng ứng và tham gia gửi bài tham luận từ các Học viên Âm nhạc, các trường Đại học, các Sở Văn hóa, các đơn vị quản lý tổ chức sự kiện âm nhạc trong nước. Sau khi tổ chức phản biện, phân loại và biên tập lại, Ban Tổ chức đã chọn 32 bài tham luận tiêu biểu nhất để in trong Kỷ yếu hội thảo.

Các tham luận tập trung nghiên cứu vấn đề theo 03 nhóm chủ đề chính:

- Bản sắc âm nhạc Việt trong sáng tác và biểu diễn đương đại - thời đại kỷ nguyên AI
- Bản sắc âm nhạc Việt trong hành trình sáng tạo và nhu cầu thưởng thức âm nhạc của giới trẻ thời đại kỷ nguyên AI
- AI – cơ hội và thách thức cho việc định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt

Trong các tham luận, nhiều ý kiến nhận định rằng âm nhạc truyền thống Việt Nam không chỉ là di sản cần bảo tồn mà còn là chất liệu sống động cho sáng tác và biểu diễn hiện nay, đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa cái cũ đã có và công nghệ mới. Các nghiên cứu cũng cho thấy đối với giới trẻ hiện nay, AI không chỉ tác động đến thị hiếu, cách tiếp cận và trải nghiệm âm nhạc, mà còn đặt ra yêu cầu phải tái định hình cách truyền tải bản sắc âm nhạc dân tộc sao cho phù hợp với ngôn ngữ, thẩm mỹ và không gian số.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Điều này mở ra cơ hội để âm nhạc truyền thống tiếp cận công chúng trẻ, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ bị giản lược, lai tạp hoặc mất đi chiều sâu văn hóa, căn tính dân tộc.

Từ góc độ rộng hơn, AI được nhìn nhận như một công cụ hai mặt: vừa là cơ hội hỗ trợ nghiên cứu, lưu trữ, phục dựng, quảng bá các loại hình âm nhạc truyền thống (dân ca, Nhã nhạc cung đình, cải lương Nam Bộ, âm nhạc Tây Nguyên, âm nhạc Khmer...), vừa là thách thức trong việc giữ gìn tính nguyên bản, giá trị tinh thần và bản sắc văn hóa. Qua đó, các nghiên cứu nhấn mạnh yêu cầu định vị đúng vai trò của AI, sử dụng công nghệ một cách có chọn lọc và có định hướng, nhằm phát huy bền vững bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI.

Trong các tham luận, những vấn đề được quan tâm nhiều là:

- Phân tích ảnh hưởng của công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) đến sáng tạo âm nhạc, giáo dục âm nhạc và thẩm mỹ thưởng thức của giới trẻ - động lực lẫn thách thức mới đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Định vị và đề xuất giải pháp giữ gìn, phát huy bản sắc âm nhạc Việt trong sáng tác, đào tạo, biểu diễn, thưởng thức âm nhạc trong kỷ nguyên AI và toàn cầu hóa. Làm sao để bản sắc âm nhạc Việt Nam không bị mất đi và người trẻ biết kết hợp công nghệ với gốc rễ văn hóa, đưa âm nhạc Việt ra thế giới.

- Xác định tác động của AI và vai trò của các cơ sở đào tạo âm nhạc trong nhiệm vụ đào tạo và định hướng thẩm mỹ cho người học – những nghệ sĩ tương lai.

Hội thảo Khoa học cấp quốc gia với chủ đề **“Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”** do Trường Đại học Văn Hiến tổ chức vào thời điểm cả nước rộn ràng đón mùa Xuân về, hân hoan bước vào kỷ nguyên vươn mình, hội nhập với thế giới. Hội thảo không chỉ hướng đến các giá trị học thuật mà còn có ý nghĩa trong việc định hướng, xây dựng nền âm nhạc Việt Nam phát triển bền vững, hiện đại, tân tiến nhưng vẫn giữ và phát huy được bản sắc dân tộc. Hội thảo cũng thúc đẩy mối quan hệ gắn kết giữa âm nhạc – văn hóa – công nghệ, một xu hướng tất yếu trong kỷ nguyên số và tạo sự cộng hưởng, đoàn kết chung giữa những người quan tâm, trân quý âm nhạc dân tộc.

Ban tổ chức và Ban biên tập Kỷ yếu Hội thảo xin chân thành cảm ơn các tác giả đã tham gia viết bài đến từ các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, nhạc viện, hội nhạc sĩ, cơ sở âm nhạc: Đại học Sư phạm TPHCM, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TPHCM, Đại học Sân khấu – Điện ảnh TPHCM, Đại học Sài Gòn, Đại học Văn Lang, Đại học Cửu Long, Đại học Trà Vinh, Đại học Khánh Hòa, Nhạc viện TPHCM, Học viện âm nhạc Huế, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Điện ảnh TPHCM, Cao đẳng Kon Tum, Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk, Trung Cấp Mai Linh, THCS Nguyễn Trãi, TT Đào tạo Âm nhạc Trung Kiên, Sion Studio và các giảng viên Trường Đại học Văn Hiến.

Trân trọng!

TM. BAN TỔ CHỨC

BAN TỔ CHỨC

PGS.TS Trần Huy Hoàng	Phó Hiệu trưởng thường trực	Trưởng ban
PGS.TS Nguyễn Thị Thu Trang	Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng ban
TS. Vũ Thanh Long	Giám đốc Điều hành	Thành viên
ThS. Phù Thị Thùy Trang	Giám đốc Điều hành	Thành viên
ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Điều hành	Thành viên
ThS. Nguyễn Thanh Hà	Giám đốc Ban Tài chính	Thành viên
ThS. Huỳnh Hoàng Cư	Trưởng khoa, K. Nghệ thuật	Thành viên
ThS. Hồ Duy Trường	Trưởng khối ngành, K. Nghệ thuật	Thành viên
ThS. Trương Thị Ngọc Bích	Trưởng khối ngành, K. Nghệ thuật	Thành viên
TS. Hà Minh Châu	Giám đốc Ban Quản lý khoa học	Thành viên
Nguyễn Thị Kim Mị	Giám đốc Dự án, Ban Tài chính	Thành viên
ThS. Nguyễn A Say	Giám đốc, Trung tâm Thông tin và Truyền thông	Thành viên
Lại Võ Đăng Khoa	Giám đốc, Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp	Thành viên
ThS. Đoàn Thị Thanh Thảo	Trưởng phòng, Ban Quản lý khoa học	Thành viên
ThS. Trần Ái Tiên	Trưởng phòng, Ban Quản lý khoa học	Thành viên
ThS. Nguyễn Thị Hưng Thanh	Trưởng phòng, Ban Quản lý khoa học	Thành viên

BAN CHUYÊN MÔN

PGS.TS Nguyễn Thị Thu Trang	Phó Hiệu trưởng	Trưởng Tiểu ban
ThS. Huỳnh Hoàng Cư	Trưởng khoa, K. Nghệ thuật	Phó Trưởng Tiểu ban
ThS. Hồ Duy Trường	Trưởng khối ngành, K. Nghệ thuật	Thành viên

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

ThS. Trương Thị Ngọc Bích

Trưởng khối ngành,

Thành viên

K. Nghệ thuật

MỤC LỤC

VẬN DỤNG CHẤT LIỆU VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG SẢN PHẨM ÂM NHẠC HƯỚNG TỚI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA MANG “BẢN SẮC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH”

Nguyễn Thị Mỹ Liên 1

CHỦ THỂ SÁNG TẠO VÀ BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT TRONG KỶ NGUYÊN AI: TRI THỨC VÀ BẢN LĨNH VĂN HÓA TRONG SÁNG TÁC ÂM NHẠC

Trần Dũng 10

GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT NAM LÀ YẾU TỐ THIẾT YẾU KHI ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)

Nguyễn Hương Thành 19

BẢO TỒN GIÁ TRỊ NGHI LỄ CỦA BIÊN KHÁNH VÀ BIÊN CHUNG TRONG NHẢ NHẠC CUNG ĐÌNH VIỆT NAM

Bùi Vũ Khang 22

ÂM NHẠC CẢI LƯƠNG NAM BỘ TRONG KỶ NGUYÊN AI: BẢO TỒN GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VÀ SÁNG TẠO NGÔN NGỮ ÂM THANH MỚI

Lê Nguyên Đạt 34

TIỀM NĂNG VÀ THÁCH THỨC CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG SÁNG TẠO VÀ PHỔ BIẾN ÂM NHẠC DÂN TỘC KHMER TỈNH VĨNH LONG

Phan Tấn Được , Ngô Sô Phe 44

DÂN CA VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)

Nguyễn Thị Lan Anh 58

SỨC SỐNG CỦA CHẤT LIỆU DÂN GIAN TRONG DÒNG CHẢY ÂM NHẠC ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Nguyễn Xuân Chiến 65

SỬ DỤNG ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG ĐỊNH DANH NHÂN VẬT TRÊN SÂN KHẤU -
ĐIỆN ẢNH TRONG THỜI ĐẠI AI

Nguyễn Thanh Thương

72

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ SỰ NHẬN DIỆN CÁC GIÁ TRỊ
BẢN SẮC CỦA ÂM NHẠC TRONG SINH HOẠT TÔN GIÁO: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Ngô Võ Khánh Trâm, Lê Phước An, Dương Tuyết Ngân

88

ÂM HƯỞNG DÂN CA QUẢNG NAM TRONG SÁNG TÁC ÂM NHẠC BẰNG TRÍ TUỆ
NHÂN TẠO

Lê Như Hưng

101

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) – CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG VIỆC ĐỊNH VỊ, BẢO
TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT NAM

Cao Hữu Nhạc

107

ĐỊNH VỊ VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ
TUỆ NHÂN TẠO: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Nguyễn Thiều Hoa

113

KHOẢNG TRỐNG DỮ LIỆU VÀ VẤN ĐỀ BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT NAM TRONG KỶ
NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Huỳnh Hoàng Cư

124

TỪ TRUYỀN KHẤU ĐẾN DỮ LIỆU SỐ: VAI TRÒ CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG
BẢO TỒN DÂN CA VÙNG BÌNH - TRỊ - THIÊN (QUẢNG BÌNH - QUẢNG TRỊ - THỪA
THIÊN HUẾ)

Nguyễn Đình Khoa

128

CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA VÀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC DÂN TỘC:
VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT TRONG NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO
VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỊ HIỂU ÂM NHẠC CHO SINH VIÊN

Đặng Ngọc Ngân, Phạm Kim Ngân

134

MÔ HÌNH STEAM TRONG GIẢNG DẠY THANH NHẠC: CƠ HỘI, THÁCH THỨC
VÀ KHẢ NĂNG NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG GIỌNG HÁT NGƯỜI VIỆT TRONG KỶ
NGUYÊN SỐ

Nguyễn Đăng Khoa

151

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VỚI VIỆC ĐỊNH HƯỚNG BẢN SẮC ÂM NHẠC CHO HỌC SINH,
SINH VIÊN

Trần Kim Trọng Nghĩa, Nguyễn Thị Nhật Kim 162

ĐẶC ĐIỂM BẢN SẮC ÂM NHẠC DÂN TỘC TRONG CA KHÚC VIỆT NAM TRONG
THỜI ĐẠI KỶ NGUYÊN AI

Trần Hữu Phát, Phạm Nguyễn Anh Duy 170

ÂM SẮC GIỌNG HÁT CÁ NHÂN TRONG KỶ NGUYÊN AI ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO
THANH NHẠC TỪ GÓC ĐỘ BẢN SẮC NGHỆ SĨ

Huỳnh Hoàng Cư 177

VAI TRÒ CỦA NHẠC VIỆN TP. HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY
BẢN SẮC ÂM NHẠC DÂN TỘC DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHỆ SỐ

Huỳnh Thị Thu Hiền 180

GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY ÂM NHẠC DI SẢN TRUYỀN THỐNG TRONG BỐI CẢNH
HIỆN NAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO NGHỆ THUẬT TẠI KHU VỰC
MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN

Hà Mai Hương 191

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG VIỆC BẢO TỒN VÀ NÂNG CAO KỸ
THUẬT BIỂU DIỄN THANH NHẠC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

Ngô Đăng Khoa, Trương Huy Hoàng 197

ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG TRONG PHIM TRUYỆN VIỆT NAM THỜI AI:
TRƯỜNG HỢP CẢI LƯƠNG TRONG SONG LANG

Phạm Thuận Hải Thảo 211

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG HÒA PHỐI ÂM NHẠC QUA PHIM
QUỶ NHẬP TRĂNG CỦA ĐẠO DIỄN POM NGUYỄN

Lê Hữu Phước Thành 219

TỪ LO NGẠI ĐẾN KIẾN TẠO: XÂY DỰNG “A.I. MANG BẢN SẮC VIỆT” TRONG ÂM
NHẠC ĐIỆN ẢNH

Ngô Phạm Hạnh Thúy 229

THƯỜNG THỨC BIỂU DIỄN THANH NHẠC TRONG KỶ NGUYÊN A.I.

Trương Ngọc Thắng 238

BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT TRONG SÁNG TÁC VÀ BIỂU DIỄN ĐƯƠNG ĐẠI THỜI ĐẠI
KỶ NGUYÊN AI

Đặng Xuân Trường 243

AI VÀ NGUY CƠ ĐỒNG HÓA THẨM MỸ TRONG SÁNG TÁC NHẠC VIỆT
ĐƯƠNG ĐẠI

Nông Văn Hiếu 249

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC ÂM NHẠC
VIỆT NAM

Trần Văn Thành 253

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC PHÒNG THU TRONG VIỆC GÌN GIỮ
BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT NAM Ở KỶ NGUYÊN AI

Trần Quang Khả Tuấn 259

BEL CANTO TRONG ĐÀO TẠO THANH NHẠC VIỆT NAM TỪ LỐI HÁT TRUYỀN
THỐNG ĐẾN VAI TRÒ GIẢNG VIÊN TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Đoàn Thanh Minh 262

VẬN DỤNG CHẤT LIỆU VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG SẢN PHẨM ÂM NHẠC HƯỚNG TỚI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA MANG “BẢN SẮC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH”

Nguyễn Thị Mỹ Liêm

Khoa Khoa học Xã hội và Nghệ thuật, Trường Đại học Sài Gòn

Email: ntmliem@squ.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết này sẽ bắt đầu từ khái niệm “chất liệu văn hóa truyền thống” đến sản phẩm công nghiệp văn hóa với chuỗi giá trị mới mang tính bền vững. Từ các trường hợp tiêu biểu gần đây như các MV (music video - phim ca nhạc), chúng tôi muốn đề xuất đến nhóm giải pháp vận dụng chất liệu văn hóa truyền thống trong tổ chức hệ sinh thái sáng tạo của công nghiệp văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong điều kiện AI đang rất phát triển hiện nay, việc sử dụng chất liệu âm nhạc truyền thống để sáng tạo tác phẩm âm nhạc cũng là cách để tạo nên dấu ấn của nghệ sỹ, tạo sự khác biệt với những sản phẩm hàng loạt của trí thông minh nhân tạo.

Từ khóa: Âm nhạc, chất liệu văn hóa truyền thống, công nghiệp văn hóa, trí thông minh nhân tạo (AI), Thành phố Hồ Chí Minh

Utilizing traditional cultural elements in musical products aims to create cultural industry products that embody the “identity of Ho Chi Minh City”

Abstract

This article will begin with the concept of “traditional cultural materials” and move towards cultural industry products with a new, sustainable value chain in the current reality in Hochiminh City in particular and Vietnam in general. Drawing on recent examples such as music videos (MVs), we aim to propose solutions for utilizing traditional cultural materials within the creative ecosystem of the cultural industry in Ho Chi Minh City.

Keywords: Music, AI, cultural industry, Hochiminh city, traditional cultural materials

1. Đặt vấn đề

Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) là một “siêu đô thị văn hóa”, nơi các dòng chảy âm nhạc dân gian, bác học, cổ truyền, đương đại luôn “va đập” nhau, “pha trộn” và góp phần làm mới lẫn nhau; nơi các hoạt động văn hóa sôi nổi mang tính chất thị trường đặc biệt là hoạt động âm nhạc. Trong bối cảnh Việt Nam xác định Công nghiệp Văn hóa là động lực tăng trưởng mới, câu chuyện vận dụng chất liệu văn hóa truyền thống vào sản phẩm âm nhạc không chỉ là lựa chọn thẩm mỹ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa mà còn là chiến lược tạo giá trị gia tăng, hình thành bản sắc cạnh tranh của sản phẩm sáng tạo “Made in Hochiminh city”.

Bài viết này sẽ bắt đầu từ khái niệm “chất liệu văn hóa truyền thống” đến sản phẩm công nghiệp văn hóa với chuỗi giá trị mới mang tính bền vững. Từ các trường hợp tiêu biểu gần đây như các MV (music video - phim ca nhạc), chúng tôi muốn đề

xuất đến nhóm giải pháp vận dụng chất liệu văn hóa truyền thống trong tổ chức hệ sinh thái sáng tạo của công nghiệp văn hóa TP.HCM.

1. Từ chất liệu văn hóa truyền thống TP.HCM...

Trải qua mấy trăm năm, Sài Gòn - TP.HCM đã tạo nên một hình ảnh rất riêng, không chỉ ở đặc điểm, cá tính, cách ứng xử của con người mà còn tạo cho những người từ xa đến đây sẽ có một cảm xúc rất riêng đối với không gian văn hóa của thành phố. Không gian văn hóa đó có những yếu tố của cuộc sống đời thường và đời sống tinh thần, những yếu tố vật thể như chợ búa, phố xá, chùa chiềng, trường học... hay yếu tố phi vật thể như những di sản âm nhạc, nghệ thuật biểu diễn, sân khấu... Do vậy, bàn tới chất liệu văn hóa truyền thống Sài Gòn - TP.HCM cần phải được hiểu một cách mở rộng, với những yếu tố khác nhau, những yếu tố “văn hóa truyền thống”, góp phần làm nên bản sắc của TP.HCM.

Chất liệu đối với âm nhạc nói riêng hay các loại hình nghệ thuật nói chung là những yếu tố cơ sở tạo nên tác phẩm. Chất liệu âm nhạc có thể là một làn điệu dân ca, một giai điệu hay tiết tấu của một thể loại âm nhạc truyền thống, nhưng cũng có thể là những xúc cảm giúp gợi nên ý tưởng sáng tạo nghệ thuật. Bàn đến chất liệu văn hóa truyền thống để có thể vận dụng sáng tạo nên sản phẩm âm nhạc theo định hướng công nghiệp văn hóa tại TP.HCM có một phạm vi khá rộng:

+ Chất liệu mang tính “phi vật thể” có thể là tín ngưỡng, tâm linh, những địa chỉ tôn giáo cụ thể mang yếu tố bản sắc và truyền thống văn hóa của TP.HCM. Chất liệu được sử dụng để tạo nên những tác phẩm âm nhạc có thể là một bài thơ (như bài thơ “Bên cửa sổ” của Song Hào đã trở thành chất liệu cho ca khúc “Mùa xuân bên cửa sổ” của NS Xuân Hồng), của văn chương, những câu chuyện cổ tích, huyền thoại, tục ngữ, truyện thơ... của Việt Nam, của Nam Bộ (như truyện thơ nôm Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, Thạch Sanh – Lý Thông, Phạm Công – Cúc Hoa,...) hoặc những câu chuyện đặc biệt nói về, kể về TP.HCM.

Chất liệu văn hóa truyền thống đối với sáng tạo âm nhạc gần gũi nhất, tất nhiên, là những làn điệu âm nhạc dân gian mà cụ thể là dân ca (hát ru, hò, lý, vè, đồng dao, Nói thơ Vân Tiên,...). TP.HCM còn là nơi hội tụ, hoàn thiện, vinh danh và tạo nên những tác phẩm xuất sắc của nhiều thể loại nghệ thuật sân khấu truyền thống như Đờn ca Tài tử Nam Bộ, Cải lương, Hát bội,... Đó là chưa kể những loại hình văn hóa truyền thống chứa đựng nhiều yếu tố khác nhau như các nghi lễ cúng đình, bóng rỗi với âm nhạc, nghi tiết xây chầu đại bội, chập Địa – Nàng,... hoặc các loại hình nghệ thuật sân khấu, lễ hội của các cộng đồng Hoa, Chăm, Khmer,... cùng chung sống trên vùng đất mang tên TP.HCM.

+ Chất liệu mang tính “vật thể” trong văn hóa truyền thống còn là những yếu tố, sản phẩm mỹ thuật (đồ án, họa tiết trang trí, hoa văn ở các công trình kiến trúc cổ, kiến trúc kiểu tượng của TP.HCM), các thiết kế kiến trúc riêng có của TP.HCM thời xưa hay mới được xây dựng (như hình ảnh chợ Bến Thành, Bến nhà rồng, tòa nhà Bitexco, tòa nhà Landmark 81,...), trang phục (áo dài, khăn đóng) hay không gian với âm thanh của chợ, bến thuyền trên kênh rạch, tiếng rao hàng hay cả nhịp độ sinh hoạt đô thị,... Thậm

chí, ngày trước, tiếng xe “xích lô máy” hay tiếng xe “lam”¹ ồn ả trên đường phố Sài Gòn xưa cũng khiến nhiều người nôn nao nhớ về một không gian, một vùng đất mang tên Sài Gòn.

Do vậy, chất liệu văn hóa truyền thống để được vận dụng sáng tạo một tác phẩm nghệ thuật nói chung và âm nhạc nói riêng là rất đa dạng, phong phú, mở rộng. Nhưng bắt đầu từ chất liệu để đi đến một sản phẩm nghệ thuật, một giá trị mới, một “tài sản trí tuệ văn hóa” theo hướng “công nghiệp văn hóa” đòi hỏi sức sáng tạo, cách thể hiện mới, mang ý nghĩa thời đại là một việc làm không dễ. Và, chỉ với sự sáng tạo cá tính cùng với kỹ năng điêu luyện và sức thể hiện đặc sắc... mới mong có được một sản phẩm văn hóa được công chúng yêu thích và ghi nhớ.

2. ...Đến “tài sản trí tuệ văn hóa”

Việc vận dụng chất liệu văn hóa truyền thống vào những lĩnh vực khác nhau trong đời sống đã trở thành một xu hướng và là chủ đề nổi bật, là dòng sông cảm hứng bất tận thu hút bất cứ ai, là những gợi ý, góp phần cho những sáng tạo và đột phá, xuất hiện trong các lĩnh vực đời sống xã hội, từ vật chất đến tinh thần. Tuy nhiên, cách thể hiện các chất liệu đó một cách sáng tạo trong tác phẩm nghệ thuật mới mang đến giá trị. Trong logic công nghiệp văn hóa, những chất liệu ấy được chuyển hóa thành tài sản trí tuệ (IP): giai điệu, âm sắc nhạc cụ, thậm chí những yếu tố nhỏ như motif nhỏ của một làn điệu hò, lý quen thuộc, một motif tiết tấu dễ nhận diện trong cuộc sống hay trong một điệu hát, lời hòa giọng, điệu thức (hơi Bắc, Hạ, Nam, Oán trong đàn ca Tài tử hay trong các làn điệu dân ca), ca từ mang ngữ điệu phương ngôn Sài Gòn như phát âm chữ “v” khác với chữ “d”, chữ “s” khác với “x”,... được sử dụng một cách sáng tạo, đúng chỗ, hợp lý hoặc được phát triển thành những câu nhạc mới với hòa âm/ phối khí khác biệt.

Chuỗi giá trị âm nhạc từ yếu tố truyền thống dân tộc hay bản sắc của địa phương trong kỷ nguyên số phải được sáng tạo dựa trên những yếu tố hạt nhân không chỉ là giai điệu âm nhạc. Ngày nay ngoài những cách “sáng tác” để có một bài hát (songwriting/ production) như: lấy những motif âm nhạc, những quãng âm và nét rung lấy đặc thù từ các điệu lý, bài bản tài tử, thủ pháp nói lối, ngâm thơ tạo đàn theo kiểu của điệu vọng cổ để xây dựng thành câu nhạc mới, phát triển thành một bài hát mới... như trước đây, người ta còn yêu cầu phải hòa âm (thêm nhiều âm, làm dày bài hát lên bởi những âm thanh khác nhau), phối khí (pha trộn các âm thanh bởi các âm sắc nhạc cụ khác nhau, có thể từ những nhạc cụ điện tử, trống nhạc Jazz, thậm chí là các nhạc cụ của dàn nhạc giao hưởng rồi “nêm nếm”, “hòa sắc” bằng nhạc cụ dân tộc như đàn tranh, kìm, bầu, sáo...) để tạo nên hình tượng gần gũi với dân tộc, truyền thống.

Vẫn là câu nói: “nhạc cụ ta đánh bài Tây và nhạc cụ Tây đánh nhạc Ta” khiến mọi người vẫn xem đây là cách duy nhất để khai thác âm nhạc truyền thống, cổ truyền trong

1 Lối gọi tắt của người dân Sài Gòn loại xe vận tải hành khách cỡ nhỏ, có 3 bánh, hiệu Lambretta rất phổ biến ở Sài Gòn xưa.

âm nhạc hiện nay. Cách làm này sẽ không cũ nếu chúng ta biết cách kể câu chuyện âm nhạc một cách sáng tạo, và sáng tạo của người nghệ sĩ là không giới hạn. Nhiều gợi ý không phải từ giai điệu bài hát mà từ bản hòa âm – phối khí của những tên tuổi trước đây như Bảo Chấn, Bảo Phúc, Lê Hựu Hà, Đỗ Bảo cho đến những tên tuổi của Võ Thiện Thanh, Đức Trí, Hoài Sa, Hồ Hoài Anh,... và sau này qua các MV của các nhạc sĩ, trẻ: Đạt G, Dtap, MaSew (Lê Tuấn Anh) và nhiều người khác.

Ngày trước, tác phẩm âm nhạc dù không lời hay có lời đều được thưởng thức chậm rãi, chiêm nghiệm từ từ, tạo thành những hình tượng trong tâm trí và để lại ấn tượng trong người thưởng thức những cảm xúc bền vững mà nhiều năm sau vẫn được ghi nhớ hoặc mỗi khi nhắc đến đều như được vang lên trong tiềm thức. Tác phẩm âm nhạc ngày nay phải nhanh chóng đi vào cảm xúc người thưởng thức, phải được tạo dựng bằng hình ảnh (visual IP) bởi thiết kế phục trang, hình ảnh dàn dựng thành trường đoạn mang tính kịch với câu chuyện. Tác phẩm âm nhạc công nghiệp cần có “lớp vỏ” hình ảnh với những yếu tố mỹ thuật, vũ đạo, trang phục, đạo cụ, diễn xuất,... được đưa vào. Nhưng để đến được người thưởng thức, các yếu tố đó phải được sáng tạo nhiều hơn, biên đạo vũ điệu dựa trên nhịp phách truyền thống để “bắt trend” trên nền tảng hoặc đưa thành câu chuyện (storyworld) và mở rộng thành MV (Music video), live show, phim, game, thời trang,... và thậm chí là sản phẩm du lịch.

Từ đây, tác phẩm âm nhạc đưa đến những gợi ý cho những sản phẩm công nghiệp khác: các MV có thể gợi cho người xem lịch sử/ địa lý, văn hóa; là nguồn cội để dặt đến một nền mỹ thuật của một địa phương. Bài hát có thể được khai thác đa nền tảng: đồng bộ hóa âm nhạc cho phim/ web series, là âm nhạc cho loại hình sân khấu hoặc trở thành chương trình biểu diễn, sân khấu hóa mini tại một điểm đến văn hóa - du lịch, hình ảnh của MV với trang phục truyền thống của nhân vật trở thành gắn họa tiết trên các món đồ lưu niệm, sản phẩm du lịch,...

Có thể thấy, âm nhạc với sự vận dụng các yếu tố truyền thống sẽ tạo nên phong cách cho sản phẩm và đồng thời có thể trở thành chuỗi giá trị mới. Yếu tố văn hóa truyền thống là một tài sản mà biết cách khai thác, tìm được cách thể hiện mới mẽ sẽ luôn là một sản phẩm thu hút. Hơn nữa, với những đặc điểm riêng, việc sử dụng chất liệu âm nhạc truyền thống trong sáng tác âm nhạc hay xây dựng sản phẩm âm nhạc chính là tạo điểm khác biệt mà AI hiện nay chưa có đủ tư liệu để tổng hợp cũng như đưa ra sản phẩm. Những chất liệu âm nhạc hay chất liệu văn hóa truyền thống đưa vào tác phẩm hay sản phẩm âm nhạc đều đòi hỏi sự sáng tạo của người nghệ sĩ, không chỉ là sự gán ghép, sử dụng y nguyên, thậm chí liều lượng cũng như sự gia công để xây dựng hình tượng và hướng người thưởng thức đến với ý tưởng mới mẽ, đòi hỏi sự sáng tạo mang tính cá nhân. Nếu có sự lặp lại trong giai điệu hay hòa âm, hoặc trong hình ảnh,... đều nhanh chóng bị phát hiện và sự lặp lại qua hệ thống chọn lọc của trí thông minh nhân tạo cũng sẽ khiến cho công chúng nhàm chán và nhanh chóng bị đào thải trong thị trường âm nhạc hiện nay.

3. Một số trường hợp tiêu biểu gần đây

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Khảo sát một số MV hoặc các thể hiện của 3 nghệ sĩ trẻ: Phương Mỹ Chi, Đức Phúc và Hòa Minzy (là 3 cái tên được nhắc đến nhiều trong gần đây qua cuộc thi Sing Asia! của Phương Mỹ Chi, Đức Phúc ở cuộc thi Intervision 2025 ở Nga và Hòa Minzy với Bắc Blink và Nổi đau giữa hòa bình - nhạc phim Mưa Đỏ), chúng ta sẽ nhìn thấy vài nét chung của xu hướng sáng tạo hiện nay:

+ **Phương Mỹ Chi** từ “cô bé dân ca” (Nam Bộ) với âm nhạc và phong cách biểu diễn đồng quê dần thay đổi phong cách bản thân và thành thị hóa dân ca (urban folk) qua các bài hát lẫn cách thể hiện trong các MV. Xuất phát điểm là dân ca Nam Bộ, Phương Mỹ Chi đã dịch chuyển dần sang cấu trúc của ca khúc thể loại pop nhưng vẫn giữ “linh hồn, bản sắc” nhờ: ngữ điệu miền Tây trong ca từ và nhà chữ; phần âm nhạc sử dụng chất liệu âm nhạc dân gian, phần phối khí sử dụng nhạc cụ truyền thống pha trộn với nhạc cụ phương Tây, nhạc cụ điện tử (đàn tranh pha trộn, “đổi thoại” với ghita thùng, accordion, đàn phím điện tử - organ, trống Jazz,...). Phong cách phối khí đơn giản, dễ giọng kể “đậm mùi phù sa” dãn dặt. Đồng thời, trong các MV của Phương Mỹ Chi, đạo diễn đã tô đậm yếu tố đồng quê bằng hình ảnh miền sông nước (chợ nổi, con rạch, mái lá) làm cầu nối ký ức với hiện tại, quê nhà và nơi thị thành, gia đình và cuộc sống sinh nhai cuốn hút, sôi nổi nơi thị thành... rất hiệu quả đối với lớp khán giả trẻ. Trường hợp này cho thấy tính chất địa phương hóa nhạc pop (ca khúc mang âm hưởng dân ca Nam Bộ chẳng hạn) không nhất thiết phải “nặng nề” bằng giai điệu âm nhạc mà chỉ cần giữ phương ngữ, âm thanh và hình ảnh đời sống là đã tạo khác biệt cạnh tranh. Tuy nhiên, càng về sau này, các bài hát của Phương Mỹ Chi đã thay đổi mặc dù phong cách thể hiện và âm nhạc do cô tạo nên vẫn giữ nguyên, đậm nét của “cô bé dân ca”.

+ **Đức Phúc** thể hiện nghi lễ theo phong tục tập quán truyền thống, qua trang phục truyền thống trong ngôn ngữ giải trí đại chúng trong các bài hát của mình. Dù thể mạnh là pop ballad hiện đại, một số MV/hoạt động sân khấu của Đức Phúc khai thác hình ảnh nghi lễ truyền thống, trang phục và mỹ thuật Việt (áo dài, lễ thành thân, các chi tiết trang trí dân gian,...) như một mã hình ảnh (visual code) khiến sản phẩm trở nên gần gũi, “đậm Việt” mà không làm khó khán giả đương đại, khá chuyên nghiệp nhưng cũng rất phổ thông. Đây là hướng “truyền thống qua thị giác”: khi giai điệu không mang điệu thức dân gian, thì mỹ thuật và phong tục tập quán qua các nghi lễ truyền thống vẫn đủ sức gợi bản sắc và mở rộng không gian thương mại (thời trang, đám cưới, sự kiện, quảng bá điểm đến).

+ **Hòa Minzy** - kể chuyện lịch sử bằng mỹ thuật Việt trong MV pop. Các sản phẩm gần đây của Hòa Minzy, đặc biệt MV dựng bối cảnh lịch sử, cho thấy cách mượn ngôn ngữ cung đình, trang phục, các nghi tiết trong lễ thức cổ truyền người Việt để nâng cấp một bản ballad thành “phim ngắn ca nhạc”. Thành công không nằm ở việc “dân gian hóa” giai điệu ca khúc mới (Thị Mầu - Masew) hoặc biến một điệu dân ca trở thành ca khúc mới bằng lối hát hóm hỉnh, nhịp điệu sôi động của beat nhạc EDM (Bắc Blink – Xuân Hinh và Tuấn Cry), mà ở mức độ thuyết phục của toàn bộ quá trình xây dựng tác phẩm và các thành tố của tác phẩm: đạo cụ thư pháp, triện ấn, màu men gốm, nhưng gấm cung đình, nhạc cụ dân tộc “điểm xuyết” trong hòa âm. Bài học ở đây là tính

kể chuyện (narrative) và mỹ thuật (art direction) có thể “gánh” bản sắc truyền thống, giúp ca khúc pop chạm vào ký ức văn hóa chung mà vẫn thương mại.

Điểm chung cho ba trường hợp: điểm gặp nhau của các MV/ bài hát của 3 nghệ sĩ trẻ đang được yêu chuộng hiện nay là khán giả cảm nhận truyền thống văn hóa dân tộc qua câu chuyện và hình ảnh, sau đó mới “nghe thấy” âm nhạc truyền thống qua chất giọng/ giai điệu/ nhạc cụ/ tiết tấu.

Đây là chiến lược phù hợp với thói quen tiêu thụ video-first của người dùng hiện nay mà nhiều nghệ sĩ, nhà sáng tạo, nhà sản xuất chọn lựa. Những trường hợp tạo cho mình phong cách riêng dựa trên việc khai thác chất liệu văn hóa truyền thống, chất liệu âm nhạc dân tộc có thể kể ra đây rất nhiều: Hoàng Thùy Linh, Masew, Dtap, Đạt G hay nhiều người khác. Họ đã khai thác chất liệu âm nhạc cổ truyền, dân tộc với các bản phối đầy ắp những câu nhạc từ các thể loại chèo, hát xẩm, chầu văn hay sa mạc, bông mận. Chất liệu âm nhạc truyền thống Việt như một “mã văn hóa” được vận dụng thành giai điệu âm nhạc mới nhưng cùng với “vũ trụ hình ảnh, vũ đạo, điểm nhấn (hook)”, sản phẩm có thể bùng nổ trên nền tảng số và lan ra quốc tế. Bài học này hữu dụng cho nghệ sĩ ở TP.HCM khi tiếp cận kho tài nguyên Đờn ca tài tử, Cải lương, Hát bội. Hơn nữa, rất nhiều công trình văn ca ngợi âm nhạc truyền thống Việt có lời rung nhả hạt trong Ca Trù, Quan Họ; lời phát âm bằng “giọng ruột, giọng gan” với các kiểu láy rày, láy rút... trong Hát Bội, nhưng có mấy ai đã đưa được vào cách thể hiện của mình như ca sĩ Khả Lâu với lời hát giọng “mè” của hí kịch Trung Quốc trong ca khúc “Lời xưa” tại Sing!Asia?

4. Một số kinh nghiệm và gợi ý cho nhà sản xuất, nhà sáng tạo, nghệ sĩ...

Trong sáng tạo nghệ thuật nói riêng hay sáng tạo, xây dựng sản phẩm theo hướng công nghiệp nói chung, điểm mấu chốt không phải chỉ là biết sử dụng chất liệu mà là vận dụng chất liệu như thế nào. Trong vận dụng các yếu tố của văn hóa truyền thống làm chất liệu sáng tạo, chúng ta có thể hướng đến việc phát huy hơn là bảo vệ, hay nói cách khác chúng ta bảo tồn “hạt giống” cổ truyền và sử dụng, nâng cấp bằng công nghệ. Có thể đưa ra một ví dụ khác: câu chuyện cổ dân gian “Tấm - Cám” mà trẻ con nào ở Việt Nam đều nhiều lần được nghe kể. Thế nhưng khi “vận dụng” làm hình ảnh cho MV bài hát *Anh ơi ở lại* (sáng tác: Đạt G, phối khí Đoàn Minh Vũ, biểu diễn: Chi Pu) đã bị đặt ngược với nội dung câu chuyện cổ. Cũng như vậy, *Bóng bóng bang bang* (nhóm nhạc 365 thể hiện, được sáng tác bởi Only C và Nguyễn Phúc Thiện, là bài hát chủ đề của bộ phim điện ảnh *Tấm Cám: Chuyện chưa kể* - 2017) hay ca khúc *Ta hứa sẽ nhận ra* (Lê Cát Trọng Lý, Nhạc phim *Tấm Cám: Chuyện chưa kể*) hoặc ca khúc *Vũ trụ có anh* (sáng tác Dtap, biểu diễn: Phương Mỹ Chi) cũng có dung mạo khác nhau. Đó là chưa kể nhiều bài Rap về Tấm – Cám: *Tấm Cám đại chiến*, *Cô Tấm ngày nay* hay *Tấm Cám chuyện hoàng hậu sắp kể*... được lan truyền trên không gian mạng. Dù chưa ổn hay còn nhiều vấn đề về nội dung nhưng có thể thấy, cùng một chất liệu là câu chuyện cổ, vẫn có nhiều cách thể hiện khác nhau, khiến nhân vật, câu chuyện luôn mới và tạo thành một chuỗi giá trị mới, tác động đến các bên liên quan khác nhau... Từ đây, một số kinh nghiệm gợi ý cho nhà sản xuất, nhà sáng tạo, nghệ sĩ:

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

- Sử dụng âm sắc nhạc cụ (timbral identity), màu âm của đàn tranh, kìm, bầu chỉ là một phần của câu chuyện vận dụng chất liệu âm nhạc truyền thống. Chính những đặc trưng khi thể hiện giai điệu âm nhạc như các nốt rung, luyến, láy hoặc lối bỏ chữ, nhấn câu, sử dụng đảo phách... mới là những yếu tố bản sắc của âm nhạc truyền thống. Hơn nữa, cách đặt những yếu tố này trong khung hòa âm hiện đại một cách hợp lý, tinh tế; cách chắt lọc, tìm ra những yếu tố tinh túy tạo bản sắc và biết phát triển khéo léo mới là những điều gây cho người thưởng thức cảm xúc mới mẻ nhưng có ấn tượng.

- Kể chuyện Việt bằng giai điệu âm nhạc đặc thù nhưng nhịp điệu mới mẻ, đương đại và mang tính toàn cầu: ngắn, rõ, dễ remix, mở đường cho cộng đồng sáng tạo thứ cấp (dance cover, beat flip). Đây cũng là cách mà các nhà sáng tạo vận dụng. Tuy nhiên cách này làm biến đổi tác phẩm và dễ tạo nên nét giống nhau của các tác phẩm (do quy luật vận động của giai điệu). Tuy nhiên, kinh nghiệm cho thấy: một câu hát được phát hành hoặc lan tỏa trên nền tảng số tối ưu nhất là ở những video ngắn, mà trong đó, người nghe (đặc biệt là giới trẻ) có thể lập tức phân/ tách ra (“chopping”) một câu hát/ câu nhạc quen thuộc, biến chúng thành câu hát/ nói mang tính đại chúng, dân dã với đặc điểm riêng và dễ ghi nhớ. Vậy, cái đẹp trong chính sự đơn giản và hàm nghĩa.

- Thiết kế mỹ thuật như tài sản IP: áo dài/ hoa văn/ đạo cụ nghi lễ không chỉ “trang trí” mà trở thành biểu trưng nhận diện, có khả năng thương mại hóa (merch, collab thời trang). Đây cùng với những yếu tố hình ảnh, cách kể câu chuyện,... cũng là những cách làm có thể tham khảo. Đặc biệt, ở đây AI sẽ là bạn đồng hành để cho ta những số liệu: những chất liệu nào đã được sử dụng, sử dụng ở đâu, như thế nào,... để người nghệ sĩ phải cố gắng tìm kiếm những điều mới mẻ hơn, những sự kết hợp khác biệt hoặc những ứng dụng chưa xuất hiện trước đó,...

Tóm lại, trong thời đại công nghệ số và sự phát triển trí thông minh nhân tạo, sự sáng tạo của con người càng chịu nhiều đòi hỏi, có yêu cầu nhiều hơn. Nhiều nhạc sĩ đã bắt đầu sử dụng AI để phối khí, tạo ra âm thanh lạ, mới hoặc thậm chí, xây dựng giai điệu. Tuy nhiên, chỉ dừng lại ở mức độ “hỗ trợ”. AI không thể làm thay bởi đó là một thuật toán, sản phẩm do AI làm ra dựa trên sự hệ thống và chọn lọc, pha trộn và kết hợp,... không thể có những phá cách, sáng tạo, mới mẻ hay xúc cảm như tác phẩm hay sản phẩm do con người sáng tạo.

5. Đề xuất các thành tố nhằm xây dựng hệ sinh thái công nghiệp văn hóa âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh

Để hỗ trợ cho các nhà sáng tạo, đặc biệt là người trẻ, giúp cho việc sáng tạo thuận lợi, chúng tôi có một số đề xuất:

5.1. Thành lập “Ngân hàng dữ liệu (Databank hoặc Kho sample) mang tính địa phương Sài Gòn - Nam Bộ” (mở cho những nhà sản xuất trẻ) gồm: các bản thu âm bài bản nhạc Tài tử, cải lương, Hát bội, nhạc lễ Nam Bộ hoặc âm thanh đặc trưng của môi trường đô thị sông nước chuẩn mực, được thể hiện nghiêm túc, cộng đồng công nhận. Biến các bản thu âm và những tư liệu các thể loại âm nhạc truyền thống, văn hóa truyền thống thành tài nguyên và thành lập ngân hàng, kho dữ liệu. Tài nguyên này được phổ biến, phát hành và sử dụng theo giấy phép mở có hướng dẫn quy định về trích dẫn. Ở

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

đây, AI sẽ là công cụ hỗ trợ để người trẻ có những sáng tạo mới mẻ mà không hề làm thui chột hay giảm tính chất cảm xúc, chất “người” của tác phẩm.

5.2. Quỹ đồng sản xuất MV - xây dựng chương trình biểu diễn trực tiếp (Live Session) kết nối giữa văn hóa truyền thống và văn hóa đương đại: tài trợ cho những dự án dùng nhạc cụ dân tộc hoặc các yếu tố văn hóa truyền thống khác như không gian di sản (chợ Bình Tây, Bến Bạch Đằng, Nhà Rông...), công trình kiến trúc đặc trưng của thành phố với yêu cầu, quy định nghiêm ngặt trong vận dụng sáng tạo nhằm bảo vệ di sản về mỹ thuật, an toàn bối cảnh, nội dung và đặc trưng.

5.3. Chương trình “Residency Nhạc & Sân khấu”, mục đích kết nối nghệ nhân, nhà sản xuất (producer) với đạo diễn MV: như một “trại sáng tác”, có thời gian cho sáng tạo, xây dựng tác phẩm, thời gian thử nghiệm, và đưa ra buổi trình chiếu, ghi hình chuẩn theo thời gian biểu nhất định, phát hành trên không gian mạng với sự quản lý chặt chẽ của cơ quan chuyên môn.

5.4. Xây đội ngũ tư vấn học thuật để đảm bảo chất lượng chuyên môn nghệ thuật và văn hóa mà vẫn phù hợp giải trí đại chúng. Đội ngũ học thuật này có trách nhiệm tư vấn nội dung chuyên môn, duyệt, chấp nhận cho phát hành và lan tỏa trên hệ thống truyền thông đại chúng. Ngoài ra, cần nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo theo nhu cầu và “chuẩn” đối với nghề “biên tập” cho MV/ Concert. Ở nước ngoài, chương trình này mang tên: Music Producer, đào tạo ở bậc đại học để cung cấp nguồn nhân lực cho công nghiệp văn hóa âm nhạc.

5.5. Liên thông giữa các ngành, các đơn vị quản lý để mở đường cho công tác sản xuất sản phẩm nghệ thuật một cách đồng bộ giữa âm nhạc - điện ảnh - sân khấu và chuyển hóa thành sản phẩm du lịch: một ca khúc mang âm hưởng dân ca hoặc được biến hóa theo đường nét giai điệu/ lời hát/ phong cách âm nhạc dân tộc (dân tộc hóa) có thể đồng bộ/ làm chủ đề cho một phim ngắn hoặc một tour du lịch tham quan thành phố kết hợp giới thiệu lịch sử, kiến trúc, văn hóa, nghệ thuật, ẩm thực theo cách “citywalk” mà các nước vẫn thực hiện; được sử dụng làm phần âm nhạc cho triển lãm số hoặc triển lãm các loại hình nghệ thuật khác như hội họa, điêu khắc... Đó là cách tạo vòng đời cho sản phẩm và doanh thu dài hơn.

5.6. Thành lập Giải thưởng “Di sản âm thanh Sài Gòn – TP.HCM” (Saigon Sounds of Heritage): định kỳ xếp hạng, vinh danh sản phẩm vận dụng, khai thác di sản văn hóa truyền thống hiệu quả trên nền tảng số. Đồng thời xây dựng danh sách thương hiệu “mạnh”, đoạt giải... của thành phố.

5.7. Chuẩn hóa pháp lý - bản quyền đối với những chất liệu văn hóa truyền thống: khi trích dẫn làn điệu cổ, cần tư vấn học thuật và “làm sạch” vấn đề bản quyền đối với các bản ghi/ biểu diễn có sử dụng tư liệu/ tài liệu trong các công trình đã được in ấn, công bố để sẵn sàng phát hành quốc tế. Bản quyền, cấp phép: chuẩn hóa quy trình cho trích dẫn làn điệu truyền thống; phát triển “thư viện sample” địa phương dành cho nhà sản xuất, đặc biệt là các nhà sáng tạo, sản xuất trẻ. Đặc biệt, bản quyền cũng cho phép nhà sáng tạo bảo vệ tác phẩm và bản thân, giúp làm rõ sản phẩm do con người hay AI

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

sản xuất, bảo vệ người thưởng thức (tiêu dùng sản phẩm) chống lại những sản phẩm do AI làm ra.

Kết luận

Vận dụng chất liệu văn hóa truyền thống không phải là “quay về quá khứ” mà là cách hiện đại hóa ký ức văn hóa, biến di sản thành tài sản trong chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa. Trường hợp Hòa Minzy, Phương Mỹ Chi, Đức Phúc cho thấy ba cửa ngõ cùng dẫn đến bản sắc: (1) kể chuyện lịch sử bằng âm nhạc thông qua mỹ thuật Việt (storytelling/ visual); (2) Giữ ngữ điệu và đặc trưng âm thanh mang tính bản sắc của một địa phương (sonic identity); (3) Vận dụng và giới thiệu những đặc trưng của phong tục - tập quán thông qua lễ hội hay nghi lễ (như một mã khóa để tìm hiểu) và trang phục truyền thống (visual code đại chúng).

TP.HCM với nền tảng thị trường năng động, nguồn nhân lực sáng tạo dồi dào và kho di sản Nam Bộ phong phú, có đầy đủ điều kiện để trở thành trung tâm âm nhạc mang bản sắc địa phương với đặc điểm đương đại của khu vực. Khi ngôn ngữ âm nhạc và các loại hình nghệ thuật trong truyền thống Việt được chuẩn hóa thành IP có khả năng lan tỏa đa nền tảng, chúng ta không chỉ có thêm “bản hit”, mà còn đang kiến tạo thương hiệu văn hóa đô thị bền vững, khác biệt và có sức chinh phục bạn bè quốc tế.

Tài liệu tham khảo

Đạt G (2019), ca khúc *Anh ơi ở lại* (MV, phối khí Đoàn Minh Vũ, biểu diễn: Chi Pu).

Dtap và các thành viên Thịnh Kainz, Kata Trần, Tiến Nguyễn (2019), ca khúc *Để Mị nói cho mà nghe* (biểu diễn Hoàng Thùy Linh).

Dtap và nhóm sáng tác (2023), ca khúc *Vũ trụ có anh* (biểu diễn: Phương Mỹ Chi và Pháo, phối khí và sản xuất Dtap).

Lê Cát Trọng Lý (2017), ca khúc *Ta hứa sẽ nhận ra* (nhạc phim Tấm Cám: Chuyện chưa kể).

Nguyễn Hoàng Phong (2023), ca khúc *Thị Màu* (biểu diễn: Hòa Minzy. Hòa âm, phối khí và sản xuất: Masew).

Only C và Nguyễn Phúc Thiện (2017), ca khúc: *Bóng bóng bang bang* (nhóm nhạc 365 thể hiện, bài hát chủ đề của bộ phim Tấm Cám: Chuyện chưa kể).

Tuấn Cry (2025), MV *Bắc Bling* (biểu diễn NSUT Xuân Hinh, Hòa Minzy, Hòa âm, phối khí và sản xuất: Masew).

CHỦ THỂ SÁNG TẠO VÀ BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT TRONG KỶ NGUYÊN AI: TRI THỨC VÀ BẢN LĨNH VĂN HÓA TRONG SÁNG TÁC ÂM NHẠC

Trần Dũng

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn,

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Email: trandungcd66@gmail.com

Tóm tắt

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) đang tác động sâu sắc đến hoạt động sáng tác âm nhạc, đồng thời đặt ra yêu cầu phải định vị lại bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên số. Trong bối cảnh đó, bài viết tập trung phân tích vai trò của chủ thể sáng tạo trong sáng tác âm nhạc có sự hỗ trợ của AI, qua đó làm rõ ý nghĩa của tri thức và bản lĩnh văn hóa. Trên cơ sở tiếp cận âm nhạc học kết hợp nghiên cứu văn hóa, bài viết cho thấy nền tảng tri thức giúp chủ thể sáng tạo kiểm chứng, sàng lọc và kiểm soát các gợi ý từ AI, hạn chế nguy cơ sai lệch bản sắc và đồng nhất hóa thẩm mỹ. Đồng thời, bản lĩnh văn hóa cho phép chuyển hóa các giá trị truyền thống thành những biểu đạt âm nhạc mang chiều sâu cảm xúc và tính dân tộc. Qua đó, bài viết khẳng định AI chỉ là công cụ hỗ trợ, trong khi chủ thể sáng tạo vẫn giữ vai trò trung tâm trong việc định vị bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI.

Từ khóa: chủ thể sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, bản sắc âm nhạc Việt, sáng tác âm nhạc.

Creative Agency and Vietnamese Musical Identity in the Age of AI: Knowledge and Cultural Agency in Music Composition

Abstract

The rapid development of artificial intelligence (AI) is exerting a profound impact on musical composition, while simultaneously raising the need to re-position Vietnamese musical identity in the digital era. In this context, this paper examines the role of the creative subject in AI-assisted music composition, thereby highlighting the significance of foundational knowledge and cultural agency. Adopting an interdisciplinary approach that combines musicology and cultural studies, the paper demonstrates that foundational knowledge enables the creative subject to verify, filter, and critically control AI-generated suggestions, thus reducing the risks of identity distortion and aesthetic homogenization. At the same time, cultural agency allows traditional values to be transformed into musical expressions with emotional depth and national character. On this basis, the paper argues that AI should be understood as a supportive tool, while the creative subject continues to occupy a central role in defining Vietnamese musical identity in the age of AI.

Keywords: creative subject; artificial intelligence; Vietnamese musical identity; music composition.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) đã tạo ra những thay đổi sâu sắc trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có âm nhạc. AI ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong các khâu sáng tác, phối khí, biểu diễn và phổ biến âm nhạc, góp phần mở rộng khả năng thử nghiệm sáng tạo, hỗ trợ xử lý kỹ thuật và làm biến đổi cách con người tiếp cận các sản phẩm nghệ thuật. Tuy nhiên, bên cạnh những tiềm năng đó, sự can thiệp ngày càng sâu của AI cũng đặt ra nhiều vấn đề học thuật và thực tiễn, đặc biệt liên quan đến nguy cơ đồng nhất hóa thẩm mỹ và làm mờ nhạt bản sắc âm nhạc trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa mạnh mẽ hiện nay.

Về bản chất, các hệ thống AI không sở hữu ý thức văn hóa, chủ ý sáng tạo hay khả năng phản tư, mà chỉ vận hành dựa trên việc mô phỏng và tái tổ hợp các mẫu dữ liệu có sẵn; do đó, những sản phẩm do AI tạo ra không thể thay thế vai trò quyết định thẩm mỹ và trách nhiệm văn hóa của con người trong sáng tác và biểu diễn âm nhạc (Boden, 2016; McCormack & cộng sự, 2019). Các nghiên cứu gần đây về AI trong sáng tác âm nhạc chủ yếu tập trung vào khả năng mô phỏng phong cách, tái tổ hợp dữ liệu và mở rộng không gian thử nghiệm hình thức (Briot & cộng sự, 2020; Boden, 2016). Cách tiếp cận này góp phần làm rõ tiềm năng kỹ thuật của AI, song vẫn còn hạn chế khi đặt trong mối quan hệ với bản sắc âm nhạc và vai trò của chủ thể sáng tạo trong những bối cảnh văn hóa cụ thể (McCormack & cộng sự, 2021). Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến ý thức thẩm mỹ, trải nghiệm lịch sử và chiều sâu cảm xúc - vốn là nền tảng của các truyền thống âm nhạc bản địa - chưa được quan tâm tương xứng trong nhiều nghiên cứu hiện nay.

Đối với âm nhạc Việt Nam, một loại hình nghệ thuật gắn bó chặt chẽ với lịch sử, đời sống và bản sắc văn hóa dân tộc, những tác động của AI càng trở nên đáng chú ý. Khi các công cụ AI có khả năng tái tạo giai điệu, cấu trúc và phong cách âm nhạc dựa trên dữ liệu sẵn có, câu hỏi đặt ra không chỉ là AI có thể làm được gì, mà quan trọng hơn là vai trò của con người trong việc định hướng, kiểm soát và chuyển hóa công nghệ ấy như thế nào để không làm mất đi tính dân tộc và chiều sâu văn hóa của âm nhạc Việt. Thực tế cho thấy, dù có thể hỗ trợ mạnh mẽ về mặt kỹ thuật, AI không sở hữu ý thức văn hóa, trải nghiệm lịch sử hay khả năng cảm thụ gắn với ký ức cộng đồng - những yếu tố cốt lõi làm nên bản sắc âm nhạc.

Từ góc nhìn đó, bài viết cho rằng vấn đề trung tâm của âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI không nằm ở việc công nghệ có thay thế con người hay không, mà ở việc con người có đủ nền tảng tri thức và bản lĩnh văn hóa để làm chủ, kiểm chứng và sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ cho sáng tạo nghệ thuật hay không. Nền tảng tri thức giúp chủ thể sáng tạo thẩm định, đối chiếu và sàng lọc các gợi ý từ AI, qua đó tránh việc tái tạo sai lệch hoặc giản lược các giá trị âm nhạc truyền thống. Trong khi đó, bản lĩnh văn hóa cho phép người sáng tác nội hóa và chuyển hóa các giá trị văn hóa dân tộc thành những biểu đạt âm nhạc mang chiều sâu cảm xúc, bản sắc và dấu ấn cá nhân - những phương diện mà AI không thể thay thế.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Bài viết tiếp cận vấn đề từ góc nhìn âm nhạc học kết hợp nghiên cứu văn hóa, vận dụng phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu và lập luận lý luận nhằm làm rõ vai trò của con người trong sáng tác âm nhạc Việt Nam dưới tác động của trí tuệ nhân tạo. Trọng tâm phân tích được đặt vào nền tảng tri thức và bản lĩnh văn hóa của chủ thể sáng tạo trong bối cảnh AI ngày càng tham gia sâu vào quá trình sáng tác, qua đó khẳng định tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên công nghệ số. Trong bài viết này, trí tuệ nhân tạo được tiếp cận chủ yếu như một tập hợp các công cụ hỗ trợ sáng tác và xử lý âm nhạc dựa trên dữ liệu, chứ không được xem như một chủ thể sáng tạo độc lập hay mang ý thức văn hóa.

Trong bài viết này, “chủ thể sáng tạo” được hiểu là cá nhân hoặc cộng đồng tham gia vào quá trình sáng tác và biểu diễn âm nhạc với tư cách là tác nhân văn hóa, có khả năng lựa chọn, định hướng và sáng tạo, đồng thời chịu trách nhiệm thẩm mỹ đối với các giá trị được tạo ra. Chủ thể sáng tạo vì thế không chỉ là người sử dụng kỹ thuật hay công cụ, mà còn đóng vai trò trung gian trong việc nội hóa và chuyển hóa các giá trị văn hóa vào ngôn ngữ âm nhạc (Hall, 1990; Born, 2011).

Trong khuôn khổ bài viết, “bản lĩnh văn hóa” được hiểu là năng lực của chủ thể sáng tạo trong việc nội hóa các giá trị văn hóa truyền thống, từ đó sáng tạo và phát triển những lựa chọn thẩm mỹ có ý thức, giàu cảm xúc và mang trách nhiệm văn hóa trong sáng tác và biểu diễn âm nhạc.

Bên cạnh đó, “nền tảng tri thức” được hiểu là hệ thống tri thức âm nhạc và tri thức văn hóa được tích lũy thông qua đào tạo, thực hành và trải nghiệm, cho phép chủ thể sáng tạo và thẩm định, đồng thời sàng lọc và kiểm soát các gợi ý từ công nghệ trong quá trình sáng tác.

Từ góc nhìn âm nhạc học kết hợp nghiên cứu văn hóa, bản sắc âm nhạc được hiểu như tổng hòa của các yếu tố lịch sử, xã hội, thẩm mỹ và cảm xúc, được hình thành và tái tạo liên tục thông qua thực hành sáng tác và biểu diễn trong những bối cảnh xã hội - lịch sử cụ thể. Bản sắc âm nhạc vì thế không tồn tại như một tập hợp các đặc trưng bất biến, mà là một quá trình động, phát triển, gắn với ký ức tập thể, không gian văn hóa và trải nghiệm lịch sử của cộng đồng (Hall, 1990; Geertz, 1973; Nettl, 2005). Trong tiến trình này, chủ thể sáng tạo giữ vai trò trung tâm với tư cách là người lựa chọn, biến đổi và tái cấu trúc các giá trị văn hóa trong ngôn ngữ âm nhạc.

Các nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo trong sáng tác âm nhạc cho thấy AI có khả năng hỗ trợ phân tích dữ liệu, gợi ý hòa âm, phát triển giai điệu và mô phỏng phong cách sáng tác dựa trên các mô hình học máy. Những công cụ này mở rộng khả năng thử nghiệm về mặt kỹ thuật và hình thức biểu đạt; tuy nhiên, về bản chất, các sản phẩm do AI tạo ra là kết quả của quá trình học và tái tổ hợp dữ liệu sẵn có, chứ không xuất phát từ chủ ý sáng tác hay sự phản tư thẩm mỹ của một chủ thể văn hóa (Boden, 2016). Sự phụ thuộc vào dữ liệu huấn luyện cũng khiến AI tiềm ẩn nguy cơ đồng nhất hóa biểu đạt khi tiếp cận các truyền thống âm nhạc giàu tính bản địa (Briot & cộng sự, 2020).

Từ góc độ âm nhạc học và dân tộc nhạc học, bản sắc âm nhạc chỉ có thể được hình thành và duy trì thông qua thực hành sống, ký ức cộng đồng và bối cảnh văn hóa

cụ thể, trong đó sáng tác và trình diễn giữ vai trò then chốt (Nettl, 2005). Quan điểm này cho thấy rõ giới hạn của trí tuệ nhân tạo khi tiếp cận các truyền thống âm nhạc như Việt Nam, nơi sáng tác không chỉ là thao tác kỹ thuật trên âm thanh mà còn là quá trình diễn giải và chuyển hóa kinh nghiệm văn hóa.

Trong bối cảnh Việt Nam, bản sắc âm nhạc được hình thành và tái tạo trong mối quan hệ chặt chẽ giữa lịch sử, đời sống cộng đồng và các thực hành văn hóa cụ thể. Các nghiên cứu về văn hóa và âm nhạc Việt Nam chỉ ra rằng âm nhạc không chỉ là hệ thống cấu trúc âm thanh, mà còn là phương tiện lưu giữ ký ức cộng đồng và biểu đạt các giá trị văn hóa dân tộc (Phan Hữ Dật, 1999; Trần Quốc Vượng, 2000; Tô Ngọc Thanh, 2007). Từ góc nhìn nghệ thuật biểu diễn, bản sắc văn hóa được thể hiện thông qua vai trò của chủ thể sáng tạo trong mối quan hệ với bối cảnh xã hội và hệ giá trị văn hóa mà họ gắn bó (Nguyễn Thị Minh Thái, 2010).

Trong bối cảnh kỷ nguyên số, nền tảng tri thức và bản lĩnh văn hóa trở thành những điều kiện then chốt quyết định khả năng của chủ thể sáng tạo trong việc làm chủ quá trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào âm nhạc. Nền tảng tri thức cho phép người sáng tác kiểm chứng và sàng lọc các gợi ý từ AI theo những nguyên tắc thẩm mỹ phù hợp, trong khi bản lĩnh văn hóa giúp chuyển hóa các yếu tố truyền thống thành những biểu đạt âm nhạc mới mà vẫn duy trì chiều sâu cảm xúc và tính dân tộc. Đây chính là những năng lực mang tính người, mà trí tuệ nhân tạo không thể thay thế.

Về phương pháp, bài viết sử dụng cách tiếp cận định tính, kết hợp phân tích – tổng hợp tài liệu với phân tích diễn giải, dựa trên hướng tiếp cận liên ngành giữa âm nhạc học, nghiên cứu văn hóa và các nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo. Đối tượng nghiên cứu là hoạt động sáng tác âm nhạc Việt Nam trong bối cảnh có sự hỗ trợ của AI, với trọng tâm là vai trò của chủ thể sáng tạo, nền tảng tri thức và bản lĩnh văn hóa. Nguồn tư liệu bao gồm các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến AI trong sáng tác âm nhạc và vấn đề bản sắc âm nhạc. Trên cơ sở đối chiếu và khái quát hóa các tư liệu này, bài viết phân tích những tác động của AI đối với quá trình bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Nền tảng tri thức như cơ chế kiểm chứng và thẩm định các gợi ý sáng tác từ AI

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng được sử dụng như một công cụ hỗ trợ sáng tác âm nhạc, nền tảng tri thức của chủ thể sáng tạo giữ vai trò then chốt trong việc kiểm chứng và thẩm định các gợi ý do AI tạo ra. Các hệ thống AI có khả năng gợi ý giai điệu, hòa âm, cấu trúc hoặc mô phỏng phong cách sáng tác dựa trên dữ liệu huấn luyện; tuy nhiên, về bản chất, những gợi ý này chủ yếu là kết quả của quá trình học và tái tổ hợp các mẫu âm nhạc có sẵn, chứ không xuất phát từ sự lựa chọn thẩm mỹ có ý thức của một chủ thể văn hóa (Boden, 2016; Briot & cộng sự, 2020). Do đó, AI không thể tự phân biệt đâu là đặc trưng cốt lõi, đâu là yếu tố ngoại lai hoặc sai lệch khi tiếp cận các truyền thống âm nhạc Việt Nam.

Trong thực hành sáng tác, hạn chế này của AI thể hiện ở việc tạo ra những gợi ý mang “âm hưởng dân gian” nhưng thực chất là sự pha trộn lai tạp giữa các hệ thống

điệu thức, ngữ điệu và quy luật thẩm mỹ khác nhau, hoặc sao chép các yếu tố hình thức bề mặt như thang âm và tiết tấu. Bên cạnh đó, do không nắm bắt được chức năng xã hội và ý nghĩa biểu tượng của chất liệu âm nhạc, AI có thể đưa ra các gợi ý lệch ngữ cảnh, làm sai lệch tinh thần của âm nhạc truyền thống (Nettl, 2005).

Trong trường hợp này, chỉ những chủ thể sáng tạo có nền tảng tri thức âm nhạc và hiểu biết văn hóa vững vàng mới có khả năng kiểm chứng, đối chiếu và sàng lọc các gợi ý từ AI một cách có ý thức. Điều này cho thấy AI không thể tự đảm nhiệm vai trò thẩm định tri thức, mà chỉ thực sự có ý nghĩa khi được đặt dưới sự kiểm soát và định hướng của con người. Các gợi ý từ AI chủ yếu hỗ trợ con người tiết kiệm thời gian, qua đó cho phép chủ thể điều chỉnh, sáng tạo và phát triển chúng trên nền tảng tri thức, bản lĩnh và hiểu biết văn hóa – âm nhạc.

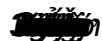
3.2. Tri thức như cơ chế kiểm soát nguy cơ đồng nhất hóa và sao chép thẩm mỹ

Bên cạnh vấn đề kiểm chứng tri thức, một thách thức đáng chú ý khác khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong sáng tác âm nhạc là nguy cơ đồng nhất hóa và sao chép thẩm mỹ. Do được huấn luyện trên các tập dữ liệu lớn thường ưu tiên những cấu trúc âm nhạc phổ biến và dễ nhận diện, các hệ thống AI có xu hướng tái tạo và củng cố các khuôn mẫu quen thuộc, dẫn đến sự lặp lại và đồng dạng hóa phong cách sáng tác (Briot & cộng sự, 2020).

Trong thực hành, nguy cơ này thể hiện rõ khi AI gợi ý các “công thức” âm nhạc đã được chuẩn hóa theo thị hiếu đại chúng. Chẳng hạn, các tác phẩm mang màu sắc “dân tộc đương đại” dễ bị giản lược thành việc lặp lại thang âm ngũ cung phổ biến, tiết tấu ổn định hoặc cách phối khí quen thuộc, trong khi chiều sâu thẩm mỹ và chức năng văn hóa của chất liệu truyền thống không được thể hiện đầy đủ. Khi ranh giới giữa kế thừa sáng tạo và tái sản xuất khuôn mẫu trở nên mờ nhạt, sáng tác âm nhạc có nguy cơ mất dần tính độc đáo và dấu ấn cá nhân của chủ thể sáng tạo (Boden, 2016).

Trong bối cảnh đó, tri thức vận hành như một cơ chế kiểm soát thẩm mỹ, cho phép người sáng tác chủ động nhận diện các khuôn mẫu lặp lại, đối chiếu chúng với hệ thống thẩm mỹ và bản sắc âm nhạc dân tộc, từ đó lựa chọn, điều chỉnh hoặc từ chối các gợi ý không phù hợp từ AI. Nhờ vậy, sáng tác âm nhạc có thể tránh được xu hướng đồng dạng hóa toàn cầu, đồng thời vẫn duy trì tính đa dạng, chiều sâu và bản sắc riêng (Born, 2011).

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng tri thức giữ vai trò then chốt trong việc giúp chủ thể sáng tạo bảo toàn tính độc đáo và bản sắc thẩm mỹ khi sử dụng AI; chỉ dưới sự dẫn dắt của tri thức và bản lĩnh văn hóa, các gợi ý từ AI mới có thể trở thành chất liệu cho sáng tạo, thay vì dẫn đến sao chép và đồng nhất hóa.



Bên cạnh nền tảng tri thức, bản lĩnh văn hóa giữ vai trò quyết định đối với chiều sâu cảm xúc và tính dân tộc của sáng tác âm nhạc trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo. Nếu tri thức giúp người sáng tác hiểu, kiểm chứng và kiểm soát các gợi ý từ công nghệ, thì bản lĩnh văn hóa cho phép họ đưa ra những lựa chọn thẩm mỹ mang tính chủ động, sáng tạo và giàu cảm xúc trong quá trình thể hiện bản sắc âm nhạc. Bản lĩnh văn hóa không

dừng lại ở sự am hiểu truyền thống như một hệ tri thức, mà là năng lực nội hóa các giá trị văn hóa, ký ức cộng đồng và trải nghiệm sống, từ đó chuyển hóa chúng thành ngôn ngữ âm nhạc phù hợp với bối cảnh đương đại (Geertz, 1973; Born, 2011).

Trong thực hành sáng tác có sự hỗ trợ của AI, sự khác biệt giữa việc sử dụng và chuyển hóa chất liệu truyền thống thể hiện khá rõ. Khi tiếp cận các gợi ý từ AI liên quan đến giai điệu hoặc tiết tấu dân gian, người sáng tác thiếu bản lĩnh văn hóa có xu hướng dừng lại ở việc tái hiện các dấu hiệu quen thuộc như thang âm, mô-típ giai điệu hay màu sắc âm thanh mang tính biểu trưng. Ngược lại, người sáng tác có bản lĩnh văn hóa xem các yếu tố truyền thống như những chất liệu sống, gắn với không gian văn hóa, chức năng xã hội và ký ức cộng đồng cụ thể, từ đó tái cấu trúc chúng theo cảm nhận và trải nghiệm cá nhân, thay vì sao chép các khuôn mẫu có sẵn.

Bản lĩnh văn hóa còn thể hiện ở khả năng người sáng tác đưa ra những quyết định thẩm mỹ vượt lên trên các gợi ý “hợp lý” về mặt kỹ thuật của AI. Trong nhiều trường hợp, AI có thể đề xuất những phương án xử lý âm nhạc mạch lạc và dễ tiếp nhận, nhưng lại thiếu chiều sâu cảm xúc hoặc không phản ánh đúng tinh thần văn hóa mà người sáng tác hướng tới. Khi đó, bản lĩnh văn hóa cho phép chủ thể sáng tạo chủ động điều chỉnh, thậm chí từ chối các gợi ý ấy, để ưu tiên những lựa chọn mang dấu ấn cá nhân và gắn với trải nghiệm văn hóa của mình (Frith, 1996).

Những quyết định về giai điệu, tiết tấu, cấu trúc hay cách xử lý âm sắc trong quá trình này không chỉ mang tính kỹ thuật, mà phản ánh mối quan hệ sâu sắc giữa cá nhân sáng tạo với không gian văn hóa và cộng đồng mà họ gắn bó. Chính quá trình chuyển hóa này tạo nên chiều sâu cảm xúc và tính dân tộc của tác phẩm âm nhạc - những yếu tố không thể được tạo ra thông qua mô phỏng dữ liệu hay tối ưu hóa thuật toán. Vì vậy, trong bối cảnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, bản lĩnh văn hóa có thể được xem như nguồn lực sáng tạo cốt lõi, cho phép người sáng tác không chỉ bảo tồn mà còn chủ động làm mới bản sắc âm nhạc Việt Nam một cách có chiều sâu về thẩm mỹ và văn hóa.

3.4. Xác lập vai trò chủ thể sáng tạo trong bối cảnh sáng tác có sự hỗ trợ của AI

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, trong sáng tác âm nhạc Việt Nam dưới tác động của trí tuệ nhân tạo, nền tảng tri thức và bản lĩnh văn hóa không chỉ mang tính hỗ trợ, mà còn là những yếu tố then chốt khẳng định vị trí trung tâm của chủ thể sáng tạo. AI có thể mở rộng khả năng xử lý dữ liệu, gợi ý hình thức và hỗ trợ thử nghiệm các phương án âm nhạc khác nhau; tuy nhiên, chính con người mới là chủ thể đưa ra các quyết định thẩm mỹ cuối cùng và chịu trách nhiệm văn hóa đối với tác phẩm (Boden, 2016; McCormack & cộng sự, 2019).

Trong thực hành sáng tác có sự hỗ trợ của AI, vai trò chủ thể của người sáng tác thể hiện qua cách họ tiếp nhận, lựa chọn và sử dụng các gợi ý từ công nghệ. Các phương án giai điệu, cấu trúc hay xử lý âm thanh do AI đề xuất chỉ thực sự có giá trị khi được đặt dưới sự đánh giá và định hướng của con người. Dựa trên tri thức chuyên môn và bản lĩnh văn hóa, người sáng tác chủ động điều chỉnh hoặc loại bỏ những gợi ý không phù hợp với tinh thần tác phẩm, bối cảnh văn hóa và thông điệp nghệ thuật cần truyền tải.

Đối với các sáng tác sử dụng chất liệu âm nhạc truyền thống, vai trò chủ thể sáng tạo càng trở nên rõ nét. AI không thể tự xác định ranh giới giữa đổi mới sáng tạo và lệch chuẩn văn hóa; việc quyết định mức độ can thiệp, biến đổi hay giữ gìn các yếu tố truyền thống luôn thuộc về người sáng tác - chủ thể duy nhất có khả năng gắn kết lựa chọn thẩm mỹ với trách nhiệm văn hóa và ký ức cộng đồng (Nettl, 2005; Geertz, 1973). Do đó, bản sắc âm nhạc không phải là kết quả trực tiếp của công nghệ, mà là sản phẩm của quá trình lựa chọn có ý thức của con người trong mối quan hệ với công cụ AI.

Từ đó, có thể khẳng định rằng trong bối cảnh sáng tác có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo, việc xác lập và củng cố vai trò trung tâm của chủ thể sáng tạo không chỉ là yêu cầu về mặt thẩm mỹ, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính liên tục, chiều sâu và bản sắc văn hóa của âm nhạc Việt Nam trong quá trình phát triển.

3.5. Tái định vị vai trò chủ thể sáng tạo trong bối cảnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa, trí tuệ nhân tạo ngày càng can thiệp sâu vào lĩnh vực âm nhạc, từ sáng tác, phối khí đến giảng dạy và truyền thông. Sự phát triển nhanh chóng của các công cụ AI đã làm dấy lên nhiều tranh luận xoay quanh nguy cơ đồng nhất hóa thẩm mỹ và làm phai nhạt bản sắc âm nhạc dân tộc. Tuy nhiên, thay vì tiếp cận AI như một mối đe dọa trực tiếp đối với bản sắc âm nhạc Việt Nam, bài viết cho rằng vấn đề cốt lõi nằm ở việc con người - với tư cách là chủ thể sáng tạo và truyền thụ văn hóa - có đủ nền tảng tri thức và ý thức văn hóa để làm chủ và định hướng việc sử dụng công nghệ này hay không.

Về bản chất, các hệ thống trí tuệ nhân tạo không sở hữu ý thức văn hóa, không có chủ ý sáng tạo, cũng như không mang theo trải nghiệm lịch sử và cảm xúc gắn với đời sống cộng đồng. AI vận hành chủ yếu dựa trên việc học, mô phỏng và tái tổ hợp các mẫu dữ liệu có sẵn thông qua các mô hình tính toán; do đó các sản phẩm âm nhạc do AI tạo ra về cơ bản là kết quả của quá trình xử lý dữ liệu quá khứ, chứ không phải là sự lựa chọn thẩm mỹ có ý thức hay hành vi phản tư văn hóa (Boden, 2016). Chính vì vậy, AI không tự thân tạo ra hay mang theo bản sắc, mà chỉ phản ánh những giới hạn và thiên lệch của kho dữ liệu huấn luyện.

Đáng chú ý, do phụ thuộc vào chất lượng và tính đại diện của dữ liệu đầu vào, AI có nguy cơ tái tạo các biểu hiện giản lược, phiến diện hoặc lệch chuẩn khi tiếp cận những hình thức âm nhạc truyền thống giàu tính bản địa. Những giới hạn này cho thấy AI không thể đảm nhiệm vai trò thẩm định thẩm mỹ, định hướng giá trị hay chịu trách nhiệm văn hóa trong thực hành sáng tác và biểu diễn âm nhạc. Trái lại, sự can thiệp của AI vào quá trình sáng tạo buộc con người phải tái xác lập rõ ràng hơn vai trò chủ thể sáng tạo của mình - không chỉ với tư cách người sử dụng công cụ, mà còn là chủ thể mang ý thức văn hóa và trách nhiệm đối với di sản âm nhạc dân tộc (McCormack & cộng sự, 2019).

Từ đó, có thể khẳng định rằng trí tuệ nhân tạo không làm mất bản sắc âm nhạc Việt; nguy cơ thực sự nằm ở việc con người dễ dãi từ bỏ vai trò chủ thể sáng tạo và giao phó quyền quyết định thẩm mỹ cho thuật toán. Trong kỷ nguyên AI, bản sắc âm nhạc Việt chỉ có thể tồn tại và được tái tạo khi vẫn còn những chủ thể sáng tạo có nền tảng tri

thức vững vàng và ý thức văn hóa rõ ràng. Việc sử dụng AI trong nghiên cứu và sáng tác âm nhạc vì thế đặt ra yêu cầu cao hơn đối với con người: phải tự ý thức về lập trường văn hóa, chủ động kiểm soát quá trình sáng tạo và chịu trách nhiệm đối với các giá trị thẩm mỹ – văn hóa được tạo ra.

Như vậy, AI không tạo ra bản sắc, nhưng chính sự hiện diện của AI buộc con người phải ý thức sâu sắc hơn về căn tính văn hóa của mình. Trong bối cảnh đó, tái định vị vai trò chủ thể sáng tạo không chỉ là yêu cầu mang tính kỹ thuật, mà còn là vấn đề mang tính đạo đức và văn hóa. Chỉ khi con người giữ vững vai trò trung tâm trong việc định hướng, kiểm chứng và chuyển hóa các gợi ý từ AI, trí tuệ nhân tạo mới thực sự trở thành công cụ hỗ trợ cho việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam, thay vì làm mờ nhạt hay đồng nhất hóa nó.

3. Kết luận

Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, sáng tác âm nhạc Việt Nam đứng trước cả cơ hội và thách thức. AI có thể hỗ trợ mở rộng kỹ thuật và hình thức biểu đạt, song không thể thay thế vai trò chủ thể sáng tạo hay tái hiện đầy đủ chiều sâu văn hóa - cảm xúc của âm nhạc. Vấn đề cốt lõi vì thế không nằm ở việc phủ định công nghệ, mà ở năng lực con người trong việc làm chủ và định hướng việc sử dụng AI.

Phân tích của bài viết cho thấy nền tảng tri thức và bản lĩnh văn hóa giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm bản sắc âm nhạc Việt. Tri thức giúp người sáng tác kiểm chứng, đánh giá và sử dụng có chọn lọc các gợi ý từ AI, trong khi bản lĩnh văn hóa cho phép nội hóa và chuyển hóa các giá trị truyền thống thành sáng tạo mang dấu ấn cá nhân và tính dân tộc - những yếu tố mà trí tuệ nhân tạo không thể thay thế.

Do đó, AI cần được nhìn nhận như một công cụ hỗ trợ, đồng thời là phép thử làm nổi bật hơn vai trò, trách nhiệm và năng lực sáng tạo của con người. Việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI không phải bằng cách hạn chế công nghệ, mà thông qua việc nâng cao tri thức, bản lĩnh và ý thức văn hóa của chủ thể sáng tạo. Trên cơ sở đó, bài viết gợi mở những hướng nghiên cứu tiếp theo về vai trò của con người trong các thực hành âm nhạc khác như biểu diễn, giáo dục và truyền thông trong bối cảnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Tài liệu tham khảo

- Boden, M. A. (2016). *AI: Its nature and future*. Oxford University Press.
- Born, G. (2011). Music and the materialization of identities. *Journal of Material Culture*, 16(4), 376–388. <https://doi.org/10.1177/1359183511424196>
- Briot, J.-P., Hadjeres, G. & Pachet, F. (2020). *Deep learning techniques for music generation*. Springer.
- Frith, S. (1996). *Performing rites: On the value of popular music*. Harvard University Press.
- Geertz, C. (1973). *The interpretation of cultures*. Basic Books.
- Hall, S. (1990). Cultural identity and diaspora. In Jonathan Rutherford (Ed.), *Identity: Community, culture, difference* (pp. 222–237). Lawrence & Wishart.

- McCormack, J., Gifford, T., Hutchings, P., Llano, M. T. & d’Inverno, M. (2019). Autonomy, authenticity, authorship and intention in computer-generated art. *Frontiers in Artificial Intelligence*, 2, 17. <https://doi.org/10.3389/frai.2019.00017>
- Nettl, B. (2005). *The study of ethnomusicology: Thirty-one issues and concepts*. University of Illinois Press.
- Nguyễn Thị Minh Thái (2010). *Bản sắc văn hóa trong nghệ thuật biểu diễn*. Nxb Văn hóa – Thông tin.
- Tô Ngọc Thanh (2007). *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội.
- Trần Quốc Vượng (2000). *Văn hóa Việt Nam – Tìm tòi và suy ngẫm*. Nxb Văn hóa Dân tộc.

GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT NAM LÀ YẾU TỐ THIẾT YẾU KHI ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)

Nguyễn Hương Thành

Hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam

Email: hitinini@gmail.com

Tóm tắt

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) phát triển nhanh chóng và được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực âm nhạc, vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc âm nhạc dân tộc Việt Nam đặt ra như một yêu cầu cấp thiết. Bài viết tập trung phân tích giá trị cốt lõi của bản sắc âm nhạc Việt Nam; làm rõ vai trò, lợi ích và những thách thức của AI trong sáng tác và sản xuất âm nhạc; từ đó đề xuất định hướng sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ nhằm phát huy giá trị truyền thống, tránh nguy cơ đồng hóa và mai một bản sắc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc làm chủ công nghệ và chủ động đưa yếu tố văn hóa Việt vào quá trình ứng dụng AI là điều kiện then chốt để âm nhạc Việt Nam phát triển bền vững trong thời đại số.

Từ khóa: Âm nhạc Việt Nam, bản sắc văn hóa, trí tuệ nhân tạo, sáng tác âm nhạc.

1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tạo ra những biến đổi sâu sắc trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật. Trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong sáng tác, phối khí, xử lý âm thanh và sản xuất âm nhạc. Bên cạnh những lợi ích rõ rệt về tốc độ, chi phí và khả năng thử nghiệm phong cách, AI cũng đặt ra không ít thách thức đối với việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc dân tộc.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng, nguy cơ đồng hóa phong cách âm nhạc là điều hiển hữu. Do đó, việc nghiên cứu và định hướng ứng dụng AI gắn với giữ gìn bản sắc âm nhạc Việt Nam mang ý nghĩa khoa học và thực tiễn quan trọng.

2. Bản sắc âm nhạc Việt Nam – giá trị nền tảng

Âm nhạc Việt Nam được hình thành qua hàng nghìn năm lịch sử, gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần, phong tục và tâm lý cộng đồng người Việt. Các loại hình như cồng chiêng Tây Nguyên, quan họ, ca trù, chèo, cải lương, đờn ca tài tử hay nhạc cung đình Huế... đều mang những đặc trưng riêng về thang âm, tiết tấu, lối diễn xướng và ngôn ngữ âm nhạc.

Những yếu tố này không chỉ tạo nên sự khác biệt về mặt âm thanh mà còn hàm chứa chiều sâu văn hóa, lịch sử và bản sắc dân tộc. Đây chính là nền tảng giúp âm nhạc Việt Nam giữ được bản lĩnh riêng trong dòng chảy âm nhạc khu vực và thế giới.

Cụ thể là các loại hình âm nhạc phong phú trong kho tàng âm nhạc Việt Nam với mỗi sắc thái, ca từ, nhạc cụ,... vừa là tinh hoa, vừa là khác biệt mà AI không có được hoặc chưa có, do còn hạn chế đưa dữ liệu vào AI:

- Cồng chiêng Tây Nguyên (Âm nhạc của cộng đồng) tiết tấu mạnh mẽ gắn liền với nghi lễ, tín ngưỡng...

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

- Ca trù (tinh hoa, tư duy âm nhạc Việt cổ) nhịp phách độc lạ, lời ca giàu tính thơ... từng gắn liền tính bác học, trí thức với giới văn nhân sĩ phu.

- Quan họ Bắc Ninh (Âm nhạc của nhân văn, tình tế, tình người) giai điệu đối đáp mượt mà, giao duyên gắn liền với giá trị bản sắc văn hoá cộng đồng, lễ hội...

- Chèo (sân khấu dân gian Bắc bộ) đàn nguyệt Âm nhạc - diễn xuất - kể chuyện với các nhạc cụ đàn nhị, sáo, trống, đàn nguyệt với bản sắc mang tính hài hước, châm biếm, triết lý dân gian.

- Nhã nhạc cung đình Huế (Âm nhạc hoàng gia) ...

- Dân ca Trung bộ (Vĩ Dạ) với nhiều huyền lý đặc trưng.

- Cải lương, đờn ca tài tử (Hồn Nam bộ) ngẫu hứng, phóng khoáng, biến hoá linh hoạt,...

- Bản sắc âm nhạc Việt vô cùng phong phú với tính chất riêng biệt độc đáo của các dân tộc anh em sống trong ngôi nhà chung (Tây nguyên với giai điệu của người Ê Đê, M'Nong, Bana ... người Chăm với văn hoá Chăm Ấn... người Khmer...

3. AI trong âm nhạc: tiềm năng và thách thức

AI về bản chất là hệ thống xử lý dữ liệu dựa trên thuật toán, không có cảm xúc hay trải nghiệm văn hóa. Các sản phẩm âm nhạc do AI tạo ra phụ thuộc lớn vào nguồn dữ liệu huấn luyện và định hướng của người sử dụng.

Nếu AI được khai thác chủ yếu từ các mô hình âm nhạc phổ biến toàn cầu, nguy cơ sao chép phong cách và làm mờ nhạt bản sắc âm nhạc Việt Nam là điều khó tránh khỏi. Ngược lại, khi được “nuôi dưỡng” bằng chất liệu âm nhạc dân tộc và tri thức âm nhạc truyền thống, AI có thể trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả trong việc sáng tạo, bảo tồn và lan tỏa giá trị âm nhạc Việt.

Ứng dụng AI trong âm nhạc cần được nhìn nhận như một phương tiện hỗ trợ, không thay thế vai trò sáng tạo của con người. Người nghệ sĩ và nhà sản xuất âm nhạc giữ vai trò trung tâm trong việc định hướng thẩm mỹ và giá trị văn hóa cho sản phẩm âm nhạc, như chủ động tích hợp chất liệu âm nhạc dân tộc vào quá trình sử dụng AI; giữ vững tư duy thẩm mỹ Việt Nam, tránh chạy theo xu hướng nhất thời; kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại nhằm tạo ra những sản phẩm vừa mang bản sắc dân tộc, vừa phù hợp với thị hiếu đương đại.

4. Một số góc nhìn về sáng tác và thưởng thức âm nhạc AI

Thực tiễn cho thấy, AI góp phần phổ cập khả năng sáng tác, hỗ trợ học tập và tăng tốc quá trình sản xuất âm nhạc. Tuy nhiên, các sản phẩm do AI tạo ra thường thiếu chiều sâu cảm xúc và hàm lượng văn hóa so với sáng tác của con người.

Những quan điểm cho rằng AI sẽ thay thế nhạc sĩ hoặc phủ nhận hoàn toàn giá trị nghệ thuật của âm nhạc AI đều mang tính cực đoan.

- Có quan điểm dễ dãi cho rằng AI dần thay thế các Nhạc sĩ, sáng tác quá dễ dàng, người người sáng tác, nhà nhà sáng tác... đưa vài câu thơ, lời nói ảo tưởng vào là AI sẽ tức khắc cho ra ca khúc... quan điểm này đang là phổ biến tràn lan trên cộng đồng mạng, vẫn có một số ít nhạc sĩ cũng chủ quan để AI làm công việc thay thế mình, đây cũng là phần đáng để chúng ta phải suy nghĩ về bản sắc âm nhạc Việt sẽ đi về đâu? Chất

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

liệu Việt sẽ vươn ra thế giới như thế nào? Giữ gìn bản sắc, tâm hồn Việt cho các thế hệ sau ra sao?

- Có quan điểm thẳng thừng chê bai, từ chối những sản phẩm “có dính dáng” tới AI, vô tình quay lưng với công nghệ mới, một thành quả của trí tuệ loài người, quên mất rằng thực chất AI được ví như nhiều “người Thầy” với những học thuật phong phú...được chuyển thành thuật toán để ta có thể học hỏi vận dụng, sáng tạo thêm trong từng trường hợp .

- Có quan điểm AI chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, dưới sự kiểm soát và định hướng của con người, nhận ra giá trị của AI giúp rút ngắn thời gian tìm tòi, giảm bớt chi phí ra sản phẩm để nghe, thử nghiệm, sáng tạo... đây cũng là ưu điểm cho người nhạc sĩ nghiêm túc để làm một sản phẩm chất lượng cao về học thuật, bản sắc riêng biệt...

Bên cạnh đó, vẫn có những sáng tác do AI lan toả mạnh vào cộng đồng hiện nay, trong đó có những yếu tố can thiệp thêm của người nghệ sĩ: AI sáng tác - ca sĩ hát hoặc tạo lại phiên bản; Nhạc sĩ sáng tác - AI phối khí hoà âm; ví dụ: ca khúc “Ta say một đời vì em” (sáng tác AI); “Khúc ca hoà bình” (AI kết hợp Nhạc sĩ) ; “Việt Nam hành trình xanh” (AI sáng tác); ... không thể phủ nhận những sáng tác do AI hoặc có yếu tố AI đang được đón nhận, thu hút trong cộng đồng.

Nhu cầu thưởng thức âm nhạc của con người hiện tại là rất lớn và phong phú trong bối cảnh các nền tảng số đa dạng , là thách thức và cơ hội cho những người làm âm nhạc chuyên nghiệp đưa bản sắc tâm hồn Việt vào trào lưu hiện đại .

6. Kết luận

Trí tuệ nhân tạo mang lại nhiều cơ hội cho sáng tác và sản xuất âm nhạc trong thời đại số, song cũng đặt ra những thách thức đáng kể đối với việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Việc giữ gìn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam trong quá trình ứng dụng AI không chỉ là yêu cầu mang tính thời sự mà còn có ý nghĩa chiến lược, lâu dài đối với sự phát triển của nền âm nhạc nước nhà.

Chỉ khi người nghệ sĩ làm chủ công nghệ, có tri thức, bản lĩnh nghề nghiệp và ý thức sâu sắc về giá trị văn hóa dân tộc, AI mới thực sự trở thành công cụ hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của âm nhạc Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Qua đó, âm nhạc Việt không chỉ theo kịp tiến bộ công nghệ, mà còn có cơ hội khẳng định bản sắc riêng và vị thế của mình trong đời sống âm nhạc đương đại.

Chắc chắn nhu cầu thưởng thức âm nhạc Bản sắc Việt sẽ được đón nhận rộng rãi trong khu vực cũng như thế giới.

Tài liệu tham khảo

Lý Vân Linh Niê Kdam (2024). *Nhạc cụ truyền thống của người Ê Đê trong không gian nhạc cụ Tây Nguyên*. Nxb Văn hoá Dân tộc.

Lê Xuân Hoan (2014). *Tìm hiểu thang âm - điệu thức trong âm nhạc dân gian Bahnar*. Nxb Âm nhạc.

Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2008). *Hát dân ca*. Nxb Âm nhạc.

BẢO TỒN GIÁ TRỊ NGHI LỄ CỦA BIÊN KHÁNH VÀ BIÊN CHUNG TRONG NHÃ NHẠC CUNG ĐÌNH VIỆT NAM

Bùi Vũ Khang

Khoa Công tác xã hội - Nhân học - Xã hội học,

Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Email: 2456220017@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Trên cơ sở tiếp cận liên ngành Mỹ học Tôn giáo, Lịch sử học và Văn hóa học, tham luận làm rõ nguồn gốc, tiến trình du nhập, đặc trưng cấu trúc, giá trị nghi lễ và ý nghĩa thiêng của Biên khánh – Biên chung qua việc khảo sát Biên khánh – Biên chung trong Nhã nhạc cung đình Việt Nam như một hệ thống nhạc khí nghi lễ mang giá trị tôn giáo – vũ trụ quan đặc thù của xã hội truyền thống Á Đông. Đồng thời bài viết cũng phân tích vai trò biểu tượng của các linh vật có liên quan trong việc thiêng hóa nhạc khí và không gian tế tự để tiến hành nhận định đánh giá thực trạng bảo tồn Biên khánh – Biên chung từ cuối thế kỷ XX đến nay. Trước những thách thức và cơ hội mới trong kỷ nguyên AI. Bài viết kiến nghị việc bảo tồn loại hình nhạc khí này không chỉ là phục chế hiện vật hay âm thanh, mà cần hướng đến bảo tồn hệ tri thức nghi lễ và ý nghĩa tôn giáo nhằm đảm bảo tính bền vững của di sản trong xã hội đương đại.

Từ khóa: Di sản văn hóa, Nhã nhạc cung đình, Biên khánh, Biên chung, Kỷ nguyên AI.

Preserving the Ritual Significance of “Biên Khánh – Biên Chung” in Vietnamese Royal Court Music

Abstract

Drawing on an interdisciplinary approach that integrates Religious Aesthetics, Historical Studies, and Cultural Studies, this paper elucidates the origins, processes of transmission, structural characteristics, ritual values, and sacred meanings of Bien khanh and Bien chung by examining their role within Vietnamese court Nha nhạc (elegant music). These instruments are analyzed as a system of ritual sound-producing devices embodying the religious and cosmological worldview characteristic of traditional East Asian societies. The study further explores the symbolic functions of associated mythical creatures in sacralizing both the musical instruments and the ritual space, thereby contributing to an assessment of the current state of preservation of Bien khanh and Bien chung from the late twentieth century to the present. In light of the challenges and opportunities presented by the AI era, the paper argues that the preservation of these ritual instruments should not be limited to the physical restoration of artifacts or the reconstruction of sound, but must also encompass the safeguarding of ritual knowledge systems and religious meanings in order to ensure the sustainable transmission of this heritage in contemporary society.

Keywords: Cultural Heritage, Court Music, Bien khanh, Bien chung, Age of AI.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử văn hóa Việt Nam, Nhã nhạc cung đình giữ vị trí đặc biệt như một thiết chế âm nhạc gắn chặt với nghi lễ quốc gia và tư tưởng chính trị - tôn giáo của hoàng triều. Trong hệ thống đó, Biên khánh - Biên chung không chỉ là nhạc khí định âm, mà còn là nhạc khí nghi lễ mang tính biểu tượng cao, phản ánh vũ trụ quan, trật tự xã hội và quan niệm về quyền lực thiêng của nhà nước quân chủ. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, các nghiên cứu về Nhã nhạc chủ yếu tập trung vào phương diện âm nhạc học, trình diễn hoặc giá trị di sản, trong khi chiều kích tôn giáo và ý nghĩa nghi lễ của Biên khánh - Biên chung chưa được phân tích một cách hệ thống.

Các công trình trước đây đã đề cập đến vai trò của lễ nhạc trong tư tưởng Nho giáo, sự du nhập của nhạc lễ Trung Hoa vào Việt Nam, cũng như quá trình phục dựng Nhã nhạc sau khi được UNESCO công nhận. Tuy nhiên, đa phần các nghiên cứu mới dừng ở mức mô tả lịch sử hoặc kỹ thuật âm nhạc, chưa làm rõ Biên khánh – Biên chung như một cấu trúc thiêng, nơi hội tụ âm thanh, biểu tượng linh vật, nghi thức và quyền lực chính trị. Bên cạnh đó, trong bối cảnh kỷ nguyên số và AI, vấn đề bảo tồn di sản âm nhạc nghi lễ đặt ra những câu hỏi mới về phương thức tiếp cận, nguy cơ thể tục hóa và khả năng tái sinh di sản trong đời sống đương đại:

- Đặng Hoàng Lan (2004) đã phác họa tương đối hệ thống tiến trình hình thành và phát triển của Nhã nhạc cung đình Việt Nam, qua đó góp phần làm rõ vị trí của loại hình âm nhạc này trong lịch sử văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, do mục tiêu nghiên cứu mang tính khái quát, tác giả chưa đi sâu phân tích vai trò và đặc trưng của Biên khánh - Biên chung, cũng như chưa làm rõ mối quan hệ giữa “lễ” và “nhạc” trong cấu trúc nghi lễ cung đình. Bên cạnh đó, cách tiếp cận bảo tồn trong nghiên cứu này chủ yếu đặt trọng tâm vào việc giữ gìn hình thức truyền thống, lập trường bảo thủ, không ủng hộ khả năng ứng dụng công nghệ số trong công tác bảo tồn và phát huy Nhã nhạc trong bối cảnh đương đại.

- Nguyễn Thị Việt Hà (2021) đã hệ thống hóa tiến trình phát triển của Nhã nhạc triều Nguyễn, đồng thời phân tích cấu trúc dàn nhạc và đề xuất một số định hướng bảo tồn, phát huy di sản Nhã nhạc cung đình. Nghiên cứu này có giá trị ở việc làm rõ tổ chức và chức năng của hệ thống nhạc lễ trong không gian cung đình. Tuy vậy, các phân tích vẫn chủ yếu dừng ở bình diện tổng thể, chưa đi sâu vào các nhạc khí mang tính biểu tượng cao như Biên khánh – Biên chung, cũng như chưa đặt vấn đề về tác động của chuyển đổi số và công nghệ mới đối với công tác bảo tồn Nhã nhạc.

- Văn Thị Minh Hương (2023) tiếp cận Nhã nhạc trong không gian văn hóa khu vực, qua đó chỉ ra những điểm tương đồng và giao thoa giữa âm nhạc cung đình các nước thuộc khu vực văn hóa chữ Hán. Công trình này có đóng góp nhất định trong việc làm rõ vai trò của yếu tố lễ và nhạc trong nghi lễ cung đình từ góc nhìn so sánh. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn mang tính khái quát, chưa tập trung khảo sát sâu các nhạc khí nghi lễ cụ thể như Biên khánh - Biên chung, đồng thời chưa phân tích những thách thức và khả năng đặt ra cho công tác bảo tồn Nhã nhạc trong bối cảnh công nghệ số và kỷ nguyên AI.

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu này, bài viết nhằm làm rõ giá trị nghi lễ và ý nghĩa tôn giáo của Biên khánh - Biên chung trong Nhã nhạc cung đình Việt Nam, đồng thời đánh giá thực trạng bảo tồn và những thách thức mới trong kỷ nguyên AI. Tính mới của nghiên cứu nằm ở việc tiếp cận Biên khánh - Biên chung như một chỉnh thể tôn giáo - biểu tượng, không tách rời nhạc khí khỏi không gian thiêng, nghi lễ và hệ tư tưởng lễ nhạc truyền thống. Qua đó, bài viết góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho việc bảo tồn Nhã nhạc theo hướng bền vững và nhân văn hơn.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai trên cơ sở phương pháp liên ngành, kết hợp giữa Mỹ học Tôn giáo, Lịch sử học và Văn hóa học. Về cơ sở lý luận, bài viết vận dụng khung phân tích về “cái thiêng” và “không gian thiêng” của Eliade (2021) để lý giải vai trò của âm nhạc trong cấu trúc quyền lực và nghi lễ cung đình. Về đối tượng nghiên cứu, bài viết tập trung vào Biên khánh – Biên chung trong Nhã nhạc cung đình Việt Nam, đặc biệt là giai đoạn triều Nguyễn, thời kỳ mà hệ thống lễ nhạc được chuẩn hóa tương đối hoàn chỉnh.

Về phương pháp nghiên cứu cụ thể, bài viết sử dụng phương pháp lịch sử để khảo sát tiến trình du nhập, gián đoạn và phục hồi của Biên khánh - Biên chung; phương pháp phân tích biểu tượng để làm rõ ý nghĩa thiêng của các linh vật và cấu trúc số học trong nhạc khí; phương pháp so sánh đối chiếu nhằm nhận diện đặc trưng bản địa hóa; phương pháp phân tích tư liệu thứ cấp, bao gồm sử liệu, hồ sơ bảo tồn Nhã nhạc và các nghiên cứu đương đại về di sản và công nghệ.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1 Đặc trưng của Biên khánh - Biên chung trong nhã nhạc cung đình Việt Nam

Trong truyền thống lễ nhạc Á Đông, Biên khánh - Biên chung không chỉ được nhận diện như những nhạc khí định âm, mà còn là những cấu trúc biểu tượng phức hợp, nơi kỹ thuật chế tác, quy luật âm luật và tư duy vũ trụ quan cùng hội tụ. Vì vậy, khi khảo sát đặc trưng cấu trúc của Biên khánh - Biên chung trong Nhã nhạc cung đình Việt Nam, cần đặt chúng trong tương quan so sánh với mô hình Trung Hoa và bán đảo Triều Tiên, đồng thời làm rõ những điều chỉnh mang tính bản địa hóa phù hợp với tư duy nghi lễ của vương triều Việt.

3.1.1. Mô hình cấu trúc chung trong truyền thống Á Đông

Căn cứ vào các bản vẽ cổ như Cầm ứng chương (thời Tống) và Tam tài đồ hội (thời Minh), mô hình Biên khánh - Biên chung của Trung Hoa thường gồm 16 nhạc khí, chia thành hai hàng, mỗi hàng 8 chiếc. Không gian bố trí này phản ánh tư duy âm dương - đối xứng, đồng thời gắn với quan niệm về trật tự vũ trụ và lễ nghi tông miếu. Các bộ nhạc khí này được chế tác với kích thước lớn, trọng lượng nặng, hoa văn chạm trổ cầu kỳ, thể hiện trình độ mỹ thuật và quyền lực hoàng triều.

Ở Triều Tiên (Hàn Quốc), tuy tiếp thu mô hình lễ nhạc Trung Hoa, Biên khánh - Biên chung vẫn mang sắc thái riêng của mỹ thuật vương triều Joseon. Kích thước nhạc khí có phần nhỏ hơn, màu sắc tổng thể tươi sáng và sặc sỡ hơn, bố cục vẫn giữ 16 nhạc

khí chia làm hai hàng. Sự thay đổi về tạo hình linh vật trang trí (rồng, phượng, sư tử, thiên nga) cho thấy quá trình bản địa hóa biểu tượng, trong khi vẫn bảo lưu cấu trúc lễ nhạc cốt lõi.

3.1.2. Sự khác biệt của Biên khánh - Biên chung trong Nhã nhạc cung đình Việt Nam

Sự khác biệt của Biên khánh - Biên chung trong Nhã nhạc cung đình Việt Nam so với các quốc gia Á Đông khác cần được nhìn nhận trước hết từ bối cảnh lịch sử - nghi lễ. Nếu tại Trung Hoa và Triều Tiên, Biên khánh và Biên chung xuất hiện sớm, phát triển liên tục và được ghi chép tương đối đầy đủ trong hệ thống lễ nhạc cung đình, thì ở Việt Nam, sự xuất hiện của hai nhạc khí này diễn ra muộn hơn và gắn với những nỗ lực có ý thức của triều đình trong việc kiến lập thiết chế lễ nhạc chính thống.

Bước ngoặt quan trọng diễn ra dưới triều Lê sơ, khi Biên khánh - Biên chung lần đầu tiên được đưa vào hệ thống Nhã nhạc cung đình. Vua Lê Thái Tổ đã giao cho Nguyễn Trãi định chế lễ nhạc cho thấy định hướng xây dựng trật tự chính trị dựa trên tư tưởng lễ trị Nho giáo (Ngô Sĩ Liên, 2013: 536). Đến năm 1437, dưới triều Lê Thái Tông, việc giao cho Nguyễn Trãi và Lương Đăng chế tác nhạc khí, huấn luyện nhạc vũ, cùng việc Nguyễn Trãi dâng bản vẽ khánh đá và được chuẩn y (Ngô Sĩ Liên, 2013: 563), cho thấy Biên khánh - Biên chung được tiếp nhận. Đặc biệt, trong quy chế lễ nhạc cùng năm, hai nhạc khí này được xếp vào nhạc Đường thượng - hai nhạc khí bậc cao nhất của nhã nhạc cung đình - và chỉ sử dụng trong các đại lễ như tế Giao², Tông Miếu³ hay các nghi lễ quan trọng khác (Ngô Sĩ Liên, 2013: 570-571). Đến triều Nguyễn, đặc biệt dưới thời Minh Mạng, Biên khánh - Biên chung mới được phục hồi và chuẩn hóa trong khuôn khổ Huyền nhạc, với quy định chặt chẽ về không gian bố trí, hình thức trình diễn và chức năng nghi lễ, khác biệt rõ rệt với mô hình phát triển liên tục ở các nước Á Đông khác (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1993: 116-117).

Tiếp đến là sự khác biệt về cấu tạo. Khác với mô hình 16 nhạc khí phổ biến ở Trung Hoa và Triều Tiên, Biên khánh của Việt Nam chỉ gồm 12 chiếc, chế tác bằng đá núi Nhồi (Thanh Hóa), có hình chữ L ngược. Mỗi phiên khánh được gia công với độ dày mỏng khác nhau nhằm tạo nên các cao độ riêng biệt khi diễn tấu. Tương tự, Biên chung trong Nhã nhạc cung đình Việt Nam gồm 12 quả chuông đồng, được đúc rỗng với độ dày mỏng khác nhau nhằm tạo ra hệ thống cao độ phù hợp với hòa tấu nghi lễ. Trên thân mỗi quả chuông có 5 đường gờ nổi song song, tượng trưng cho Ngũ hành. Bên cạnh đó, mỗi quả chuông còn có 4 đường gờ với 9 nút nhỏ trên mỗi đường. Các nút gờ này không chỉ đóng vai trò kỹ thuật trong việc xác định điểm phát âm, mà còn là ký hiệu nghi lễ hóa âm thanh, điều chỉnh cường độ và trường độ trong quá trình trình tấu.

² Tế Giao: hay còn gọi là Tế Nam Giao, là nghi lễ tế trời do vị quân chủ của một nước Á Đông tiến hành, được xếp vào hàng Đại tự (lễ lớn). Thời Chu, tế trời vào ngày Đông chí ở đàn Viên Khâu, tế đất vào ngày Hạ chí ở đàn Phương Trạch. Riêng nước ta lại hợp nhất hai ngày lễ này thành một, gọi là Tế Nam Giao, cử hành vào đầu Xuân.

³ Tế Tông Miếu: là nghi thức tế hương cho thần chủ tổ tiên của vua chúa ở Tông miếu, với tổ tiên nhà vua được thờ ở Thái Miếu, tổ tiên nhà chúa được thờ ở Cung Miếu. Nghi lễ này được xem là thực hiện “hiếu đạo” nền tảng Nho giáo.

Đáng chú ý, móc treo chuông được chạm hình bò lao⁴ hai đầu, một linh vật trong hệ thống “long sinh cửu tử”, nổi tiếng với tiếng kêu vang dội.

Toàn bộ 12 chuông và 12 khánh được treo trên một giá đỡ bằng gỗ quý, sơn son thếp vàng, chia thành hai hàng trên - dưới, mỗi hàng 6 ô móc treo. Cách bố trí này tạo nên sự cân xứng, ổn định và nhấn mạnh tính trật tự. Hai đầu giá đỡ được chạm nổi hình đầu rồng, kết hợp với đòn gánh cho phép nhạc khí dễ dàng di chuyển đến không gian hành lễ. Chân giá đỡ chạm hình nghê, linh vật quen thuộc trong mỹ thuật Việt Nam, biểu trưng cho sự canh giữ, bảo hộ và phân định ranh giới giữa không gian thiêng và không gian phàm tục.

Từ cấu trúc số lượng, chất liệu, hoa văn cho đến cách bố trí không gian, có thể thấy Biên khánh - Biên chung trong Nhã nhạc cung đình Việt Nam là kết quả của quá trình tiếp thu có chọn lọc truyền thống lễ nhạc Á Đông, đồng thời phản ánh rõ nét tư duy biểu tượng, vũ trụ quan và ý thức chính trị - tôn giáo của vương triều Việt. Sự tinh giản về số lượng (12 thay vì 16) không làm suy giảm giá trị nghi lễ, mà trái lại còn nhấn mạnh tính cô đọng, hàm súc và phù hợp với hệ thống biểu tượng bản địa.

3.2. Giá trị nghi lễ và ý nghĩa tôn giáo

Trong cấu trúc của Nhã nhạc cung đình Việt Nam, Biên khánh và Biên chung không chỉ là nhạc khí mang giá trị thẩm mỹ, mà còn biểu hiện một tầng sâu của tư duy tôn giáo - vũ trụ quan Á Đông. Để hiểu thấu giá trị này, cần đặt chúng trong khung lý thuyết về “cái thiêng” và cấu trúc không gian lễ nghi mà Eliade mô tả: nơi nào diễn ra nghi lễ, nơi đó xuất hiện sự phân tách giữa không gian phàm tục và không gian thiêng, giữa trật tự hỗn mang và trật tự vũ trụ đã được “tái tạo” bằng nghi thức (Eliade, 2021: 22-61). Nhạc lễ, với vai trò là thành tố trung tâm của nghi lễ cung đình, chính là một phương tiện để mở ra và duy trì không gian thiêng ấy.

3.2.1. Biên khánh - Biên chung như nhạc khí nghi lễ tối thượng

Khác với “tục nhạc” lưu hành trong đời sống dân gian, Biên khánh - Biên chung chỉ xuất hiện trong những nghi lễ mang tính hoàng quyền, như tế Giao, tế Xã Tắc, tế Tông Miếu hay các nghi thức cát lễ quan trọng. Việc giới hạn không gian và đối tượng sử dụng cho thấy hai nhạc khí này thuộc về trật tự thiêng, không thể tách rời nghi thức.

Trong quan niệm Nho giáo, lễ và nhạc là hai trụ cột của giáo hóa và trị quốc. Nếu “lễ” quy định trật tự hình thức thì “nhạc” điều hòa cảm xúc, đưa con người vào trạng thái hòa mục. Biên khánh - Biên chung, với âm sắc trang nghiêm, tiết chế và ổn định, chính là phương tiện để thiết lập bầu không khí nghi lễ, giúp nghi thức đạt tới trạng thái “chính danh” và “hợp lễ”. Do đó, giá trị nghi lễ của chúng không nằm ở tính giải trí, mà ở khả năng tạo dựng trật tự và sự trang nghiêm cho hành vi tế tự.

3.2.2. Âm thanh như phương tiện kết nối con người với cõi thiêng

Dưới góc nhìn Tôn giáo, âm thanh trong nghi lễ không chỉ mang chức năng thẩm mỹ mà còn là phương tiện giao tiếp với thần linh và vũ trụ. Biên khánh - Biên chung,

⁴ Bò lao: là một trong những đứa con của rồng, giống cá voi, thích kêu với thanh âm lớn nên được chạm khắc trên quai chuông hoặc mõ, nhằm khiến cho nhạc khí có âm thanh như mong muốn (Đình Hồng Hải, 2016: 118-124).

với chất liệu đá và đồng, tượng trưng cho hai yếu tố “ngọc” và “kim”, tạo nên hiệu ứng “kim thanh ngọc chấn” - một lý tưởng âm thanh trong lễ nhạc Á Đông.

Âm thanh của chuông và khánh không hướng đến biểu đạt cảm xúc cá nhân, mà nhằm thiết lập một trường âm thiêng, nơi con người bước ra khỏi đời sống thường nhật để kết nối với không gian linh thiêng. Trong các nghi lễ tế tự, tiếng Biên chung ngân dài và lan xa, còn tiếng Biên khánh trong, sáng và thanh khiết, kết hợp tạo nên nhịp điệu mang tính chu kỳ, biểu trưng cho sự vận hành hài hòa của trời - đất - người.

Ở bình diện này, Biên khánh - Biên chung đóng vai trò trung giới: chuyển tải lòng thành kính của con người đến thần linh, đồng thời “triệu thỉnh” sự hiện diện của cõi thiêng trong không gian nghi lễ.

3.2.3. Biểu tượng vũ trụ quan và quyền lực thiêng

Cấu trúc của Biên khánh - Biên chung, như đã phân tích ở trên, mang đậm dấu ấn vũ trụ quan Á Đông. Số lượng 12 nhạc khí gắn với Thập Nhị Cung Phi và Thập Nhị Thời Thần, thể hiện chu kỳ thời gian - không gian; ngũ hành được thể hiện qua các đường gờ trên thân chuông, cùng hệ thống linh vật như rồng, nghê, bò lao,... tạo nên một vũ trụ biểu tượng thu nhỏ.

Trong bối cảnh nghi lễ cung đình, nhà vua là người đứng ở trung tâm vũ trụ ấy, với tư cách Thiên tử - kẻ nhận mệnh Trời để trị vì thiên hạ. Việc Biên khánh - Biên chung chỉ được sử dụng trong các nghi lễ do triều đình chủ trì cho thấy âm nhạc trở thành công cụ thiêng hóa quyền lực chính trị. Âm thanh nhạc lễ không chỉ làm đẹp cho nghi thức, mà còn khẳng định tính chính thống và hợp thiên mệnh của hoàng quyền.

3.2.4. Phân định ranh giới giữa thiêng và phàm

Từ quan điểm của Eliade về “thiêng” và “phàm”, có thể thấy Biên khánh - Biên chung góp phần quan trọng trong việc thiết lập ranh giới giữa không gian linh thiêng và đời sống thế tục. Chỉ cần tiếng chuông, tiếng khánh vang lên, không gian nơi diễn ra nghi lễ lập tức được “chuyển hóa” thành không gian thiêng, nơi các quy chuẩn hành vi, ngôn ngữ và cảm xúc đều phải tuân theo lễ nghi.

Chính vì vậy, trong lịch sử, khi vai trò của vương quyền suy giảm như thời Lê Trung hưng, Biên khánh - Biên chung cũng dần vắng bóng trong thực hành lễ nhạc. Ngược lại, khi triều Nguyễn phục hồi hệ thống lễ nghi, hai nhạc khí này lại được tái lập, cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa quyền lực thiêng - nghi lễ - âm nhạc.

3.2.5. Vai trò và ý nghĩa thiêng của các hình tượng linh vật trên Biên khánh - Biên chung

Trong hệ thống nhạc lễ cung đình, các hình tượng linh vật xuất hiện trên Biên khánh - Biên chung không mang tính trang trí thuần túy, mà là những biểu tượng tôn giáo - vũ trụ học, góp phần thiêng hóa nhạc khí và nâng âm thanh từ bình diện vật chất lên bình diện linh thánh. Việc lựa chọn và bố trí các linh vật như rồng, nghê và bò lao phản ánh rõ tư duy biểu tượng của văn hóa Việt Nam trong quá trình tiếp thu và bản địa hóa truyền thống lễ nhạc Á Đông.

Hình tượng rồng được chạm nổi ở đầu đòn gánh của giá treo Biên khánh - Biên chung, giữ vị trí trung tâm và nổi bật nhất. Trong văn hóa Á Đông nói chung và Việt

Nam nói riêng, rồng là linh vật tối thượng, biểu trưng cho Thiên mệnh, quyền lực hoàng triều và sự vận hành của vũ trụ. Rồng vừa thuộc về thiên giới, vừa gắn với mưa - yếu tố thúc đẩy sự sinh sôi của cây trồng, thể hiện khả năng nối kết giữa trời và đất. Việc đặt hình tượng rồng ở vị trí đầu giá hàm ý rằng toàn bộ hệ thống âm thanh của Biên khánh - Biên chung được đặt dưới sự bảo trợ của Thiên mệnh. Trong nghi lễ, khi âm thanh vang lên, đó không chỉ là hành vi trình tấu, mà còn là sự tái hiện trật tự vũ trụ, với Thiên tử đứng ở trung tâm, rồng trở thành biểu tượng thị giác hóa cho quyền lực thiêng của hoàng quyền.

Hình tượng nghệ xuất hiện ở chân giá đỡ của Biên khánh - Biên chung. Trong tín ngưỡng và mỹ thuật Việt Nam, nghệ là linh vật bản địa, mang chức năng canh giữ, trấn áp tà khí và bảo vệ không gian thiêng. Nghệ thường được đặt ở cổng đình, đền, miếu hoặc các công trình linh thiêng để phân định ranh giới giữa thế giới phạm tục và không gian thờ tự. Việc chạm nghệ ở chân giá nhạc khí mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc: Biên khánh - Biên chung được “đặt” trên nền tảng linh thiêng, được bảo vệ khỏi sự xâm nhập của yếu tố ô uế. Trong nghi lễ, nghệ đóng vai trò như người gác cổng vô hình, giúp bảo toàn tính trang nghiêm của không gian tế tự, đồng thời khẳng định rằng âm thanh phát ra từ nhạc khí này thuộc về thế giới thiêng, không thể tùy tiện sử dụng trong sinh hoạt thường nhật.

Trong ba hình tượng, bò lao là linh vật gắn trực tiếp nhất với âm thanh. Bò lao là một trong “chín đứa con của rồng”, được miêu tả là loài sống ven biển, có tiếng kêu lớn, vang xa và uy dũng. Vì đặc tính này, hình tượng bò lao thường được dùng để trang trí móc treo chuông trong truyền thống lễ nhạc Á Đông. Trên Biên chung cung đình Việt Nam, móc treo chuông được chạm hình bò lao hai đầu, hàm ý tăng cường sức vang và khả năng truyền dẫn âm thanh. Dưới góc nhìn biểu tượng học, bò lao chính là hiện thân của năng lực “phát ngôn” của nhạc khí, giúp tiếng chuông không chỉ vang về mặt vật lý, mà còn “vang” trong không gian thiêng, chạm đến cõi thần linh. Tiếng chuông, nhờ vậy, trở thành lời gọi linh giới, có khả năng triệu thỉnh thần linh và xác lập tính linh nghiệm của nghi lễ.

3.3. Thực trạng bảo tồn và những thách thức trong kỷ nguyên AI

Trong dòng chảy lịch sử âm nhạc cung đình Việt Nam, Biên khánh - Biên chung là những nhạc khí mang giá trị đặc biệt, vừa giữ vai trò trung tâm trong nghi lễ quốc gia, vừa kết tinh tư duy tôn giáo - vũ trụ quan của xã hội truyền thống. Tuy nhiên, bước sang thời cận - hiện đại, cùng với sự suy thoái của chế độ quân chủ và những biến động lịch sử sâu sắc, hệ thống nhạc lễ này đã trải qua quá trình đứt gãy nghiêm trọng. Việc bảo tồn và phục hồi Biên khánh - Biên chung trong bối cảnh kỷ nguyên AI vì thế không chỉ là một nhiệm vụ kỹ thuật, mà là một thách thức phức hợp, liên quan đến ký ức văn hóa, tri thức nghi lễ và phương thức tiếp cận di sản trong xã hội đương đại.

3.3.1. Những thách thức trong phục hồi

Cho đến cuối thế kỷ XX, cả Biên khánh và Biên chung trong Nhã nhạc cung đình Việt Nam về cơ bản đã rơi vào tình trạng thất truyền. Không chỉ các bộ nhạc khí nguyên vẹn không còn tồn tại, mà tri thức về cách trình tấu, quy chuẩn âm luật, bối cảnh nghi lễ

sử dụng cũng không còn được truyền nối một cách liên tục. Những gì còn lại chỉ là di tích vật chất rời rạc, tiêu biểu là tám chiếc Biên chung hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

Tình trạng này phản ánh một thực tế phổ biến trong bảo tồn di sản phi vật thể: khi môi trường thực hành nghi lễ biến mất, nhạc khí dù còn tồn tại cũng trở nên “câm lặng”. Biên chung - Biên khánh, vốn là nhạc khí chỉ có ý nghĩa trong không gian tế lễ và hệ thống nghi thức chặt chẽ, khi bị tách khỏi bối cảnh ấy, đã đánh mất chức năng nguyên thủy của mình. Việc không còn ai biết cách trình tấu không chỉ là mất kỹ năng, mà là mất đi cả một hệ thống tri thức nghi lễ tích hợp, nơi âm nhạc, động tác, không gian và ý niệm thiêng hòa làm một.

Trong giai đoạn 2005-2009, khi Việt Nam triển khai dự án bảo tồn Nhã nhạc - Âm nhạc cung đình Việt Nam, hồ sơ khoa học về Biên chung đã được xây dựng với sự hỗ trợ quan trọng của các chuyên gia âm nhạc Hàn Quốc. Đây là một bước đi hợp lý, bởi Hàn Quốc là quốc gia vẫn còn duy trì hệ thống Biên chung trong Nhã nhạc (Aak), với truyền thống nghiên cứu và trình diễn tương đối liên tục.

Tuy nhiên, quá trình nghiên cứu trực tiếp tám chiếc Biên chung tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế đã cho thấy những giới hạn lớn của phương pháp phục chế dựa trên hiện vật còn sót lại. Do chịu tác động lâu dài của môi trường, thời tiết và sự “phong hóa” tự nhiên, âm thanh của các chuông không còn phản ánh chính xác cao độ nguyên thủy. Điều này dẫn đến việc không thể xác lập một cách chắc chắn hệ thống âm luật vốn được sử dụng trong Nhã nhạc cung đình Việt Nam thời Nguyễn.

Khó khăn này không chỉ mang tính kỹ thuật, mà còn đặt ra vấn đề phương pháp luận: liệu việc phục chế có thể đạt tới mức “nguyên gốc” hay chỉ là một sự tái tạo mang tính giả định khoa học? Trong trường hợp Biên khánh - Biên chung, sự thiếu hụt tư liệu văn bản chi tiết về cấu trúc âm luật và cách trình tấu càng làm gia tăng tính bất định của quá trình phục dựng.

3.3.2. Những nỗ lực phục hồi và thành tựu bước đầu

Từ những năm 2010, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã phối hợp với các chuyên gia thuộc Trung tâm Nghiên cứu Nghệ thuật Biểu diễn Truyền thống Quốc gia Hàn Quốc tiến hành nghiên cứu và phục chế Biên khánh - Biên chung trên cơ sở liên ngành: khảo cổ học, nhạc học, mỹ thuật truyền thống và nghi lễ.

Kết quả của quá trình này là việc phục dựng các bộ Biên khánh - Biên chung mới, được trưng bày tại Trai Cung và từng bước đưa vào thử nghiệm trình diễn. Trong các năm 2012-2013, hai loại nhạc khí này đã được biểu diễn trong khuôn khổ Festival Huế, đánh dấu sự “tái sinh” mang tính biểu tượng của một loại nhạc khí từng được xem là đã mất hẳn.

Sau giai đoạn thử nghiệm, Biên khánh - Biên chung tiếp tục được hoàn thiện và đưa vào các chương trình tái hiện nghi lễ lớn của triều Nguyễn như tế đàn Xã Tắc, đàn Nam Giao. Dù chưa thể khẳng định mức độ chính xác tuyệt đối so với nguyên bản lịch sử, những nỗ lực này cho thấy khả năng phục hồi chức năng nghi lễ của nhạc khí, ít nhất ở bình diện biểu trưng và trình diễn văn hóa.

3.3.3. Thách thức trong kỷ nguyên AI: từ kỹ thuật đến nhận thức

Bước vào kỷ nguyên AI, công tác bảo tồn Biên khánh - Biên chung đứng trước cả cơ hội lẫn thách thức mới. Về mặt tích cực, công nghệ số và AI có thể hỗ trợ trong việc mô phỏng âm thanh nguyên thủy dựa trên dữ liệu đo đạc hiện vật còn lại; phân tích cấu trúc âm học, so sánh với hệ thống Biên chung của các nước Đông Á; lưu trữ và phổ biến tri thức về nhạc lễ thông qua nền tảng số.

Tuy nhiên, thách thức lớn nhất không nằm ở công nghệ, mà ở nguy cơ làm “tái thể tục hóa” giá trị thiêng của nhạc lễ. Khi Biên khánh - Biên chung được tái hiện chủ yếu trong bối cảnh lễ hội, sân khấu hóa hoặc trải nghiệm số, nguy cơ chúng bị hiểu như nhạc cụ cổ để trình diễn, thay vì pháp khí nghi lễ, là điều khó tránh khỏi.

AI có thể tái tạo âm thanh, hình ảnh, thậm chí mô phỏng không gian nghi lễ, nhưng không thể thay thế ý thức thiêng và tri thức nghi lễ sống. Nếu thiếu sự dẫn dắt của nghiên cứu Mỹ học Tôn giáo, việc ứng dụng AI rất dễ dẫn đến sự lệch chuẩn trong diễn giải, khiến nhạc lễ bị tách rời khỏi nền tảng tư tưởng vốn tạo nên ý nghĩa của nó.

3.3.4. Mặt tích cực của kỷ nguyên số và AI: sự hồi sinh của âm nhạc truyền thống trong tiếp nhận của giới trẻ

Bên cạnh những thách thức đặt ra cho công tác bảo tồn Biên khánh - Biên chung và Nhã nhạc cung đình nói chung, kỷ nguyên số và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, trong đó có AI, cũng mở ra những khả năng tích cực đáng ghi nhận trong việc làm sống lại các giá trị âm nhạc truyền thống, đặc biệt thông qua sự tiếp nhận và tái sáng tạo của giới trẻ.

Trong những năm gần đây, có thể nhận thấy một xu hướng rõ rệt: âm nhạc cổ truyền không còn bị đặt trong vị thế “xa lạ” hay “khó tiếp cận” đối với thế hệ trẻ, mà trái lại, đang được tái diễn giải thông qua những hình thức biểu đạt mới. Các làn điệu dân ca ví, giặm Nghệ - Tĩnh, đờn ca tài tử Nam Bộ, hệ thống các bài lý dân gian, ca Huế,... đã được giới trẻ tiếp cận, làm mới bằng việc kết hợp với hòa âm hiện đại, phối khí điện tử, nhịp điệu đương đại và không gian trình diễn số. Quá trình này không chỉ làm tăng khả năng lan tỏa của di sản, mà còn giúp các giá trị âm nhạc truyền thống bước ra khỏi khuôn khổ bảo tồn thuần túy để trở thành chất liệu sống trong sáng tạo đương đại.

Đáng chú ý, xu hướng này không chỉ dừng lại ở âm nhạc dân gian, mà đã bắt đầu lan sang lĩnh vực âm nhạc cung đình - vốn từ lâu được xem là “đỉnh cao bác học” và khó tiếp cận. Một số giai điệu trong Nhã nhạc cung đình Huế như Đăng Đàn Cung, Phụng Vũ đã được biến tấu, tái cấu trúc hoặc trích dẫn trong các sản phẩm âm nhạc, trình diễn và dự án nghệ thuật hướng đến công chúng trẻ. Dù những biến tấu này không còn giữ nguyên chức năng nghi lễ, nhưng lại góp phần đánh thức sự quan tâm xã hội đối với một di sản từng bị giới hạn trong không gian cung đình và nghiên cứu hàn lâm.

Từ góc nhìn Mỹ học Tôn giáo và Văn hóa học, hiện tượng này có thể được hiểu như một quá trình “tái thể tục hóa” có kiểm soát của di sản thiêng. Khi âm nhạc truyền thống được đưa vào đời sống đương đại thông qua công nghệ số, nó tạm thời rời khỏi không gian thiêng nguyên gốc, nhưng đồng thời mở ra một không gian tiếp nhận mới, nơi di sản không còn bị đóng khung trong quá khứ. Nếu được định hướng đúng, quá

trình này có thể đóng vai trò như bước trung gian, giúp công chúng trẻ từng bước tiếp cận chiều sâu văn hóa - nghi lễ của âm nhạc cổ truyền.

Trong bối cảnh đó, AI và các nền tảng số không chỉ là công cụ kỹ thuật, mà còn trở thành chất xúc tác cho sáng tạo liên văn hóa và liên thế hệ. Công nghệ cho phép lưu trữ, phân tích, tái tạo và phổ biến các yếu tố âm nhạc truyền thống ở quy mô chưa từng có, đồng thời tạo điều kiện để giới trẻ chủ động tham gia vào quá trình diễn giải di sản. Sự quan tâm ngày càng gia tăng đối với các làn điệu dân ca, ca Huế và cả Nhã nhạc cung đình cho thấy di sản không hề “lỗi thời”, mà vấn đề nằm ở cách thức truyền tải và ngôn ngữ tiếp cận.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng giá trị tích cực này chỉ thực sự phát huy khi có sự đồng hành của nghiên cứu học thuật và định hướng văn hóa. Việc biến tấu các giai điệu Nhã nhạc như Đăng Đàn Cung, Phụng Vũ nếu tách rời hoàn toàn khỏi bối cảnh nghi lễ và tư tưởng lễ nhạc Nho giáo, sẽ dễ dẫn đến sự hiểu giản lược hoặc lệch chuẩn. Ngược lại, nếu coi đây là một bước mở đầu trong quá trình “giải mã” và tái kết nối di sản, thì các sáng tạo đương đại của giới trẻ có thể trở thành cầu nối hữu hiệu giữa truyền thống và hiện đại.

Từ đó có thể thấy, trong kỷ nguyên số và AI, thách thức và cơ hội luôn song hành. Việc các giá trị âm nhạc cổ truyền được giới trẻ làm mới không nên bị nhìn nhận đơn thuần như sự “pha loãng bản sắc”, mà cần được đánh giá như một biểu hiện của sức sống di sản trong điều kiện xã hội mới. Vấn đề cốt lõi không phải là ngăn cản sự sáng tạo, mà là xây dựng một khung diễn giải học thuật và văn hóa đủ vững chắc để bảo đảm rằng quá trình hiện đại hóa vẫn tôn trọng chiều sâu lịch sử, nghi lễ và ý nghĩa thiêng của âm nhạc truyền thống.

3.3.5. Vấn đề bảo tồn và giới hạn của công nghệ

Một vấn đề cốt lõi đặt ra là: bảo tồn Biên khánh - Biên chung nên hướng đến bảo tồn vật thể, bảo tồn trình diễn, hay bảo tồn hệ tri thức nghi lễ? Trong bối cảnh hiện nay, công nghệ AI chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được đặt trong chiến lược bảo tồn sống, tức là bảo tồn gắn với thực hành, giáo dục và cộng đồng.

Nếu Biên khánh - Biên chung chỉ tồn tại như hiện vật trưng bày hoặc dữ liệu số hóa, thì giá trị tôn giáo - nghi lễ của chúng sẽ tiếp tục bị thu hẹp. Ngược lại, nếu công nghệ được sử dụng để hỗ trợ đào tạo nhạc công, nghiên cứu nghi lễ và truyền thông chiều sâu văn hóa, thì AI có thể trở thành công cụ nối dài truyền thống, chứ không phải yếu tố thay thế.

3.3.6. Nhận định chung

Thực trạng bảo tồn Biên khánh - Biên chung cho thấy đây là một di sản đặc biệt mong manh, bởi nó phụ thuộc không chỉ vào vật thể, mà còn vào ký ức văn hóa và thực hành nghi lễ. Những nỗ lực phục chế trong hai thập niên gần đây đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, song vẫn đối diện với nhiều thách thức trong việc tái lập tính thiêng và chiều sâu tôn giáo của nhạc lễ.

Trong kỷ nguyên AI, bảo tồn Biên khánh - Biên chung cần được nhìn nhận như một quá trình đối thoại giữa truyền thống và công nghệ, trong đó khoa học kỹ thuật phải

đặt dưới sự dẫn dắt của tư duy nhân văn và Mỹ học Tôn giáo. Chỉ khi đó, di sản này mới có thể được bảo tồn một cách bền vững, vừa thích ứng với bối cảnh hiện đại, vừa không đánh mất cốt lõi thiêng liêng vốn làm nên bản sắc của Nhã nhạc cung đình Việt Nam.

4. Kết luận

Trên cơ sở tiếp cận liên ngành giữa Mỹ học Tôn giáo, Lịch sử học và Văn hóa học, bài viết đã làm rõ vị trí và vai trò của Biên khánh - Biên chung trong Nhã nhạc cung đình Việt Nam như một hệ thống nhạc khí nghi lễ mang tính biểu tượng và tôn giáo sâu sắc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hai nhạc khí này không tồn tại như những công cụ tạo âm thanh thuần túy, mà là những pháp khí nghi lễ, gắn chặt với tư tưởng lễ nhạc Nho giáo, thiết chế vương quyền và vũ trụ quan Á Đông. Âm thanh của Biên khánh - Biên chung, trong bối cảnh nghi lễ, giữ vai trò thiết lập không gian thiêng, điều hòa cảm xúc cộng đồng và khẳng định tính chính thống của quyền lực chính trị.

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, nguồn gốc và tiến trình du nhập của Biên khánh - Biên chung vào Việt Nam không phải là sự tiếp thu thụ động từ văn hóa Hoa Hạ, mà là một quá trình chọn lọc, điều chỉnh và bản địa hóa, thể hiện rõ qua cấu trúc số học, hình thức tạo tác, cũng như hệ thống linh vật trang trí, không chỉ mang giá trị mỹ thuật, mà còn đóng vai trò thiêng hóa nhạc khí, bảo vệ không gian nghi lễ và tăng cường sức mạnh biểu tượng của âm thanh. Qua đó, nhạc lễ cung đình Việt Nam hình thành một cấu trúc thiêng hoàn chỉnh.

Bài viết cũng làm sáng tỏ thực trạng đứt gãy truyền thống của Biên khánh - Biên chung trong bối cảnh lịch sử cận - hiện đại, khi môi trường thực hành nghi lễ bị suy giảm và tri thức trình tấu không còn được truyền nối. Những nỗ lực phục chế và phục hồi từ đầu thế kỷ XXI, đặc biệt tại Huế, cho thấy khả năng tái sinh của nhạc khí này trong đời sống đương đại, song đồng thời bộc lộ nhiều giới hạn về tư liệu, âm luật và cách thức tái lập tính thiêng. Điều này khẳng định rằng, bảo tồn Biên khánh - Biên chung không thể chỉ dừng ở việc phục dựng hình thức hoặc âm thanh, mà cần hướng đến bảo tồn hệ tri thức nghi lễ gắn với chúng.

Trong bối cảnh kỷ nguyên AI, nghiên cứu nhấn mạnh tính hai mặt của công nghệ số đối với di sản âm nhạc nghi lễ. Một mặt, AI mở ra những khả năng mới trong việc mô phỏng âm thanh, phân tích cấu trúc và phổ biến di sản đến công chúng trẻ. Mặt khác, nếu thiếu sự dẫn dắt của nghiên cứu nhân văn, công nghệ có thể dẫn đến nguy cơ thể tục hóa, giản lược hóa hoặc tách rời nhạc lễ khỏi nền tảng tôn giáo vốn tạo nên ý nghĩa cốt lõi của nó. Do đó, bài viết khẳng định vai trò trung tâm của Mỹ học Tôn giáo và Nhân học văn hóa trong việc định hướng ứng dụng AI vào bảo tồn Nhã nhạc cung đình.

Từ những kết quả trên, nghiên cứu đề xuất rằng trong tương lai, việc bảo tồn Biên khánh - Biên chung cần được triển khai theo hướng tích hợp giữa phục chế vật thể, phục hồi thực hành trình diễn và diễn giải chiều sâu tôn giáo - nghi lễ. Các nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung vào việc xây dựng mô hình bảo tồn “lai” giữa truyền thống và công nghệ, trong đó AI đóng vai trò công cụ hỗ trợ cho nghiên cứu, đào tạo và truyền thông, nhưng

không thay thế không gian thiêng và thực hành nghi lễ sống. Cách tiếp cận này không chỉ góp phần bảo tồn bền vững Nhã nhạc cung đình Việt Nam, mà còn mở ra hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu di sản âm nhạc nghi lễ trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Hoàng Lan (2004). Nhã nhạc cung đình Việt Nam. *Tạp chí Di sản Văn hóa*, 6(2004), 78-81.
- Đinh Hồng Hải (2016). *Những biểu tượng đặc trưng trong văn hóa truyền thống Việt Nam, tập 3*. Nxb Thế giới.
- Eliade, .M (2021). *Thiêng và phàm: Bản chất của tôn giáo* (Huyền Giang, dịch). Nxb Tri thức.
- Hải Trung (2010). Ly kỳ bảo vật Việt Nam - Bộ biên chung Nhạc lễ triều Nguyễn. *Báo Thanh niên*. Truy cập tại: <https://thanhnien.vn/ly-ky-bao-vat-viet-nam-bo-bien-chung-nhac-le-trieu-nguyen-185297340.htm> (truy cập vào 13/12/2025).
- Kiến Thức (2019). *Chùm ảnh: Biên chung, biên Khánh – hai nhạc cụ kỳ lạ của cung đình nhà Nguyễn*. Truy cập tại: <https://redsvn.net/chum-anh-bien-chung-bien-khanh-hai-nhac-cu-ky-la-cua-cung-dinh-nha-nguyen/> (truy cập vào 13/12/2025).
- Ngô Sĩ Liên (2013). *Đại Việt Sử ký Toàn thư* (Cao Huy Giu, dịch). Hà Nội, Nxb Thời đại.
- Nguyễn Thị Việt Hà (2021). Dàn nhã nhạc trong lễ nhạc cung đình triều Nguyễn. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 324. Truy cập tại: <https://vanhoanghethuat.vn/dan-nha-nhac-trong-le-nhac-cung-dinh-trieu-nguyen-77747735.html>
- Quốc sử quán triều Nguyễn (1993). *Khâm định Đại Nam Hội điển Sự lệ, tập 7* (Viện sử học, dịch). Nxb Thuận Hóa.
- Văn Thị Minh Hương (2023). Mối liên hệ giữa âm nhạc cung đình các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật*, 2(45), 39-47.

ÂM NHẠC CẢI LƯƠNG NAM BỘ TRONG KỶ NGUYÊN AI: BẢO TỒN GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VÀ SÁNG TẠO NGÔN NGỮ ÂM THANH MỚI

Lê Nguyên Đạt

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh TP.HCM

E-mail: datlenguyen72@gmail.com

Tóm tắt

Cải lương Nam Bộ, di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc của Việt Nam, đang đứng trước ngưỡng cửa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trí tuệ nhân tạo (AI). Với đặc trưng là tính ngẫu hứng, sự giao thoa sâu sắc giữa người ca và dàn nhạc, cùng hệ thống bài bản phong phú nhưng lỏng lẻo về quy chuẩn ký âm phương Tây, Cải lương đặt ra những thách thức lớn cho việc số hóa. Bài tham luận này khám phá vai trò kép của AI đối với Cải lương trong bối cảnh đương đại: một mặt là công cụ đắc lực để bảo tồn (thông qua phục hồi tư liệu âm thanh cổ, ký âm tự động các lòng bản thất truyền, lưu trữ phong cách biểu diễn của các nghệ nhân); mặt khác là phương tiện để sáng tạo (tạo ra không gian âm thanh - soundscape hiện đại, hòa phối thể nghiệm, cá nhân hóa trải nghiệm khán giả). Tuy nhiên, bài viết cũng đưa ra những cảnh báo mang tính triết học và mỹ học về giới hạn của công nghệ trước cái “tình”, cái “mùi” và kỹ thuật “ca ra bộ” độc đáo của nghệ sĩ – những yếu tố thuộc về “tri thức ẩn” mà thuật toán khó lòng sao chép. Từ đó, tác giả đề xuất mô hình “Sân khấu lai hợp” nơi AI đóng vai trò bệ đỡ tôn vinh bản sắc Cải lương thay vì đồng hóa nó, hướng tới mục tiêu kép: gìn giữ căn cốt văn hóa và thu hút khán giả trẻ trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Cải lương Nam Bộ, Trí tuệ nhân tạo (AI), Bảo tồn di sản, Ngôn ngữ âm thanh mới, Sân khấu lai hợp, Bản sắc văn hóa.

Southern Vietnamese Cải lương music in the AI era: Preserving traditional values and creating a new sonic language

Abstract

Southern Vietnamese Cải lương, a distinctive intangible cultural heritage of Vietnam, is standing at the threshold of the Fourth Industrial Revolution with the strong rise of Artificial Intelligence (AI). With its defining features - improvisational performance, the profound interaction between the vocalist and the ensemble, and a rich system of bài bản that remains relatively unconstrained by Western notation standards - Cải lương poses major challenges for digitization. This paper explores AI's dual role in contemporary Cải lương: on the one hand, as a powerful tool for preservation (through restoring archival audio materials, automatically transcribing the musical frameworks of long-lost lòng bản, and archiving master artists' performance styles); on the other hand, as a means of creation (generating modern soundscapes, enabling experimental arrangements, and personalizing audience experiences). However, the paper also raises philosophical and aesthetic cautions about technology's limits in relation to

the tình (emotional depth), the mùi (distinctive expressive “flavor”), and the unique ca ra bộ technique of performers - elements of tacit knowledge that algorithms can hardly replicate. On that basis, the author proposes a “hybrid stage” model in which AI functions as a supportive foundation that elevates cải lương identity rather than assimilating it, aiming at a dual objective: safeguarding its cultural core while attracting younger audiences in the digital era.

Keywords: Southern Vietnamese Cải lương, Artificial Intelligence (AI), Heritage preservation, New sonic language, Hybrid stage, Cultural identity.

1. Đặt vấn đề

Trải qua hơn một thế kỷ hình thành và tiếp biến, Cải lương Nam Bộ luôn vận động theo tinh thần “cải cách” liên tục, kết hợp linh hoạt chất liệu truyền thống với các yếu tố hiện đại trong nhạc cụ, dàn dựng và ngôn ngữ biểu diễn. Như Phạm Phương Thảo & cộng sự (2024: 362) nhấn mạnh, bản sắc văn hóa Nam Bộ (trong đó có Đờn ca tài tử và Cải lương) là một bộ phận quan trọng cấu thành bản sắc văn hóa Việt Nam: *“Bản sắc văn hóa Việt Nam phải được kế thừa và phát huy, theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Góp phần hình thành nên bản sắc văn hóa Việt Nam chúng ta không thể không nhắc đến bản sắc văn hóa của vùng đất Nam Bộ, trong đó điển hình là Đờn ca tài tử, Cải lương”*.

Ngay từ thập niên 1930, báo giới đã ghi nhận sức lan tỏa mạnh mẽ của “Cải lương” trong đời sống đô thị Nam Kỳ, Hoàng Song Nguyệt (1930: 3) đã nhận định rằng: *“Đời là đời Cải lương, thiên hạ thấy đua nhau Cải lương, lại nhơn có Cải lương nên tưởng mượn lấy mà Cải lương cho thiên hạ cũng chẳng phải là chẳng ích”*.

Tuy nhiên, bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ 21, cuộc “cải cách” ấy đang đối diện với một làn sóng mới, mạnh mẽ và phức tạp hơn bao giờ hết: Trí tuệ nhân tạo (AI). Không còn dừng lại ở việc hỗ trợ kỹ thuật đơn thuần, AI đang thâm nhập vào các quy trình sáng tạo cốt lõi của nghệ thuật, từ soạn nhạc, thiết kế cảnh trí đến tái tạo giọng hát.

Trong bối cảnh đó, âm nhạc Cải lương - linh hồn của sân khấu Nam Bộ - đang đứng trước những cơ hội và thách thức chưa từng có. Một mặt, chúng ta đối diện với nguy cơ mai một các bài bản cổ, các phong cách đờn ca đặc sắc của thể hệ tiền bối do sự đứt gãy trong quá trình truyền nghề và sự xuống cấp của tư liệu lưu trữ. Mặt khác, Cải lương chịu áp lực nặng nề phải đổi mới ngôn ngữ âm thanh để phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ và nhịp sống nhanh của khán giả trẻ (Gen Z, Gen Alpha) - những người sinh ra và lớn lên trong môi trường kỹ thuật số.

AI, với khả năng xử lý dữ liệu lớn và khả năng tạo sinh, mang đến chìa khóa tiềm năng cho cả hai bài toán trên. Nhưng liệu việc áp dụng các thuật toán lạnh lùng vào một loại hình nghệ thuật đề cao tính “tâm”, tính “ngẫu hứng” và cảm xúc cá nhân như Cải lương có phải là một sự mạo hiểm? Bài tham luận này sẽ đi sâu phân tích mối quan hệ biện chứng giữa Công nghệ và Truyền thống, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể để AI thực sự trở thành cánh tay nối dài, đưa Cải lương vươn xa hơn trong kỷ nguyên mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tham luận sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, gồm: (i) Tổng quan và phân tích tài liệu về âm nhạc Cải lương/Đờn ca tài tử và bối cảnh chuyển đổi số; (ii)

Phân tích trường hợp (case study) một số thực hành số hóa - phục chế tư liệu và hoạt động phổ biến Cải lương trên nền tảng số; (iii) Phân tích - đối chiếu để nhận diện cơ hội, rủi ro và đề xuất mô hình ứng dụng AI phù hợp. Nguồn dữ liệu dựa trên tài liệu tham khảo, trích dẫn trong bài và quan sát thực hành.

3. Cơ sở lý luận và bối cảnh lịch sử

Trong việc xác lập khung lý luận về ngôn ngữ sân khấu truyền thống, việc đối chiếu với Tuồng và Chèo giúp làm rõ đặc trưng tái hiện đời sống và phương pháp tự sự - chuyển hóa mô hình trong các loại hình kịch hát, Mịch Quang (1996: 4) đã cho rằng: *“Tìm hiểu đặc trưng của tuồng cũng có nghĩa là tìm xem trải qua lịch sử phát triển các loại hình của nó, sân khấu tuồng đã tái hiện con người và cuộc sống như thế nào và cách tái hiện của nó có gì khác các bộ môn bạn”*. Trần Bảng (1999) đã khái quát phương pháp nghệ thuật chèo như: *“Chèo - sân khấu tự sự; Chèo - sân khấu ước lệ; Chèo - nghệ thuật chuyển hóa mô hình”*.

2.1. Từ đờn ca tài tử đến cải lương Nam Bộ

Đờn ca tài tử Nam Bộ là nền tảng quan trọng hình thành ngôn ngữ âm nhạc Cải lương, UNESCO mô tả đây là loại hình âm nhạc kết hợp tính bác học và dân gian, gắn với sinh hoạt cộng đồng vùng sông nước Nam Bộ.

Từ nền tảng đờn ca tài tử, thực hành ca ra bộ phát triển và dần định hình sân khấu Cải lương Nam Bộ. Nguyễn Phúc An (2022: 59) ghi nhận phong trào Cải lương đầu thế kỷ XX như một hiện tượng kịch nghệ có tác động mạnh đến cấu trúc và ngôn ngữ âm nhạc Nam Bộ: *“Hiện tượng đặc biệt nhất về ca kịch nghệ Việt Nam và đầu thế kỷ XX là phong trào Cải lương tại miền Nam Việt Nam. Đó là một xu hướng kịch nghệ đã thay đổi cả cơ cấu của đờn ca tài tử và gọi ra việc sáng tác những cung điệu mới được kêu là “bản vấn sân khấu”. Việc mô phỏng một số bài hát Quảng, hát Triều Châu và cả bài hát Tây Phương vào sân khấu. Riêng về âm nhạc thì sinh hoạt Cải lương đã nêu cao Đờn ca tài tử miền Nam đến tột độ phong phú đặc biệt, độ phổ biến sâu rộng khắp ba miền, nhất là từ ngày xuất hiện bản Vọng cổ khoảng 1919 để cuối cùng trở thành hình thức ca kịch nghệ duy nhất còn sống mạnh ngày nay.”*. Từ góc nhìn hồi ký, Vương Hồng Sển (2024: 33) cũng nhấn mạnh mốc định hình của điệu hát cải lương: *“Kể năm 1918... Điệu hát cải lương chánh thức hình thành từ đó”*. Một số đặc điểm chính gồm:

Về bài bản: Hệ thống 20 bài bản tổ trong đờn ca tài tử (Lưu thủy, Kim tiền, Xuân phong, Cổ bản, Phụng hoàng, Tứ đại oán,...) được cải biên, phát triển thành các làn điệu cải lương;

Về ngôn ngữ âm nhạc: kết hợp thang âm ngũ cung với các biến âm đặc trưng (hơi Bắc, hơi Nam, hơi Oán...); kỹ thuật luyến láy, rung, mổ, nhấn... tạo nên “giọng nói âm nhạc” rất riêng;

Về cấu trúc sân khấu: cải lương tiếp thu nhiều yếu tố của kịch nói và opera phương Tây (kịch bản có hồi - lớp, xung đột tâm lý, dàn dựng theo cảnh trí hiện thực) nhưng vẫn giữ hệ thống ca - nhạc là “xương sống”.

Như vậy, ngay từ đầu, cải lương đã mang trong mình tính lai ghép sáng tạo: kết hợp truyền thống - hiện đại, Đông - Tây, dân gian - bác học.

Quá trình hình thành và lan tỏa của Cải lương cũng được mô tả rõ: “*Cải lương Nam Kỳ: Cải lương hình thành ở Nam Kỳ, bồng chốc lớn mạnh. Đầu thập niên 1920, bắt đầu lan dần ra miền Bắc bởi những du học sinh Nam Kỳ ra Hà Nội du học, rồi tổ chức những đêm diễn văn nghệ bằng tự hát Cải lương nhằm giúp nhau trong hội Tương tế.*” (Nguyễn Phúc An, 2022: 120).

Ở một hướng tiếp cận khác, Hoàng Ngọc Phách & Huỳnh Lý (1958: 11-12) ghi nhận những biến chuyển và giao thoa loại hình ở miền Bắc đầu thế kỷ XX, gợi mở bối cảnh tiếp biến - hiện đại hóa sân khấu: “*Cải lương Bắc Kỳ: đến đầu thế kỷ XX, người ta thấy diễn ở Hà Nội một số vở Chèo lấy tích truyện Trung Quốc, trang phục theo Trung Quốc, thỉnh thoảng có vẽ mặt và hát pha vài điệu Nam, Bắc của tuồng (Hát bội). Năm 1914 xuất hiện cái tên “Chèo văn minh”. Chèo Văn Minh có phong cảnh, lớp...*”.

2.2. Đặc điểm ngôn ngữ âm nhạc cải lương Nam Bộ

Âm nhạc Cải lương có thể được nhận diện qua một số yếu tố:

Hệ thống hơi - điệu: Hơi Bắc: khoan thai, tươi sáng, gần gũi; Hơi Nam: trữ tình, sâu lắng; Hơi Oán: bi ai, day dứt, phù hợp cảnh bi kịch, chia ly; Các biến thể, chuyển hơi phức tạp trong các bản Oán (Tứ đại oán, Phụng hoàng...) thể hiện tâm trạng tinh vi của nhân vật.

Cấu trúc nhịp phách: Nhịp 2, 4, 8, 16 cho phép linh hoạt trong việc mở rộng - cô đọng câu nhạc; Sự co giãn nhịp tùy theo cảm xúc, cách “đu đưa” nhịp của nhạc công và ca sĩ tạo nên tính “ngẫu hứng có kỷ luật”.

Tổ hợp nhạc cụ: Dàn nhạc Cải lương - tài tử thường gồm đàn kìm, đàn cò, đàn tranh, đàn bầu, guitar phím lõm, trống, song lang...; Guitar phím lõm với kỹ thuật nhấn, rung đặc trưng là biểu tượng âm thanh điển hình của Cải lương.

Quan hệ mật thiết giữa ca - thoại - diễn: Ca không tách rời diễn; người nghệ sĩ “ca bằng diễn, diễn bằng ca”; Những câu Vọng cổ dài là nơi nội tâm nhân vật được bộc lộ sâu nhất.

Về kỹ thuật “Nói lới” trong Cải lương - một cầu nối giữa Thoại và Ca, Nguyễn Phúc An (2022: 133) nêu rõ sự giản lược quy cách so với Hát bội và xu hướng tiệm cận thoại kịch: “*Nói lới trong Cải lương: Nói lới được đơn giản hóa, không được quy cách hẳn hoi như Hát bội, mặc dù trong cách Nói lới của Cải lương, nhất là loại Cải lương từ Tàu tiếp thu nhiều từ Hát bội, còn Cải lương tuồng tích xã hội thì đã đi đến lối Nói suông như thoại kịch nhiều hơn.*”

Những yếu tố trên tạo nên một “*ngôn ngữ âm thanh*” đặc trưng của Cải lương Nam Bộ - vừa gần với căn tính vùng miền, vừa có khả năng chuyển tải biên độ cảm xúc lớn.

3. Âm nhạc cải lương Nam bộ trong kỷ nguyên số

3.1. Biểu diễn truyền thống và các nỗ lực đổi mới

Trong khoảng hai thập niên gần đây, song song với khó khăn về khán giả, vẫn có nhiều nỗ lực bảo tồn - phát huy Cải lương. Các nhà hát, đoàn Cải lương ở TP.HCM, Cần Thơ, Long An, Cà Mau... dựng mới hoặc phục dựng nhiều vở lịch sử, dân gian, hiện đại. Các chương trình liên hoan, cuộc thi nghệ thuật sân khấu Cải lương toàn quốc,

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Liên hoan Tài tử - Cải lương... được tổ chức định kỳ; Một số vở kết hợp màn hình LED, mapping, dàn nhạc giao hưởng, múa đương đại... nhưng vẫn giữ nền là âm nhạc Cải lương. Tuy nhiên, mô hình Nhà hát truyền thống gặp nhiều thách thức về kinh phí, thói quen giải trí mới, cạnh tranh với các loại hình giải trí số.

3.2. Cải lương trên nền tảng số và mạng xã hội

Với sự phổ cập Internet, cải lương Nam Bộ hiện diện ngày càng nhiều trên nền tảng số: Livestream các suất diễn trên YouTube, Facebook; Kênh riêng của các nghệ sĩ, nhà hát đăng trích đoạn, hậu trường, talkshow về Cải lương; Các bản tân cổ, vọng cổ remix, cover của nghệ sĩ trẻ; Trích đoạn cải lương, câu Vọng cổ được dùng làm “sound” trên TikTok, Reels cho các clip ngắn.

Về mặt tích cực: Âm nhạc Cải lương tiếp cận được khán giả vùng sâu vùng xa, người Việt ở nước ngoài, khán giả trẻ ít có điều kiện đến nhà hát; Nhiều bạn trẻ lần đầu biết đến bài bản Cải lương qua một đoạn clip lan truyền.

Về mặt hạn chế: Nguy cơ tiếp nhận Cải lương ở dạng mảnh vụn (5-30 giây), chỉ nhớ đoạn “hook” vui tai, không hiểu bối cảnh và chiều sâu câu chuyện; Nhiều bản phối, remix làm “phẳng” hệ thống hơi - điệu, biến Cải lương thành một dạng nhạc pop “pha chút lạ tai”, khó nhận ra bản sắc gốc.

4. Kỷ nguyên AI và tác động đối với âm nhạc cải lương

4.1. Công cụ AI trong lĩnh vực âm nhạc

Các công cụ AI đang thâm nhập mạnh mẽ vào sản xuất âm nhạc: AI tạo giai điệu, hòa âm theo phong cách cho trước; AI tách lời - nhạc, làm sạch tiếng ồn, nâng chất lượng thu âm cũ; AI chuyển đổi giọng hát, mô phỏng giọng nghệ sĩ; AI gợi ý playlist, phân tích hành vi nghe của người dùng để cá nhân hóa nội dung. Trong lĩnh vực bảo tồn âm nhạc truyền thống, một số nghiên cứu đã thử nghiệm dùng AI nhận dạng nhạc cụ dân tộc, số hóa tư liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ tra cứu.

4.2. Cơ hội cho bảo tồn âm nhạc cải lương Nam Bộ

AI có thể hỗ trợ tích cực ở một số khía cạnh:

Số hóa và phục dựng tư liệu âm thanh - hình ảnh: Dùng AI khử nhiễu, cân bằng âm lượng, khôi phục băng ghi âm cải lương - đờn ca tài tử cũ; Tự động nhận diện, phân loại loại bài bản, hơi điệu, nhạc cụ, giọng ca trong các bản thu; Gắn metadata (tác giả, nghệ sĩ, năm thu, bài bản) giúp tra cứu khoa học và phổ biến.

Xây dựng kho dữ liệu mở cho nghiên cứu - đào tạo: Tạo thư viện số các bản thu chuẩn của 20 bài bản tổ, các trích đoạn kinh điển, giọng các danh ca, nghệ sĩ ưu tú; Hỗ trợ sinh viên, nhà nghiên cứu truy cập nhanh, nghe so sánh giữa nhiều phong cách thể hiện.

Hỗ trợ phân tích ngôn ngữ âm nhạc: AI có thể giúp phân tích cấu trúc giai điệu, nhịp điệu, mô hình luyến láy trong các bản vọng cổ, bản tổ; Kết quả phân tích hỗ trợ cho biên soạn giáo trình, sáng tác mới có cơ sở lý luận chặt chẽ hơn.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Mở rộng đối tượng tiếp cận: Ứng dụng AI dịch phụ đề, dịch nghĩa ca từ Cải lương sang nhiều ngôn ngữ, giúp bạn bè quốc tế hiểu hơn; Tạo các ứng dụng tương tác (app học hát Vọng cổ, app nhận diện hơi điệu...) thu hút giới trẻ.

4.3. Rủi ro và thách thức

Bên cạnh cơ hội, nhiều cảnh báo từ các tổ chức quốc tế, hiệp hội tác giả, nhà nghiên cứu cho thấy những rủi ro của AI với ngành âm nhạc: mất thu nhập của nghệ sĩ, nguy cơ đồng nhất hóa thẩm mỹ, làm giảm giá trị lao động sáng tạo, tạo nội dung giả tạo giọng hát... Đặt vào bối cảnh Cải lương Nam Bộ, có thể nêu một số nguy cơ:

Pha loãng bản sắc: các mô hình AI nếu chỉ học từ dữ liệu âm nhạc “pha tạp” (remix, tân cổ pop hóa) dễ tái tạo những bản nhạc “na ná Cải lương” nhưng đã mất hệ hơi - điệu, kỹ thuật luyện láy tinh vi;

Giả giọng danh ca: Tuỳ chỉnh giọng nói (Voice Conversion) có thể tạo ra bản Vọng cổ với “giọng” giống nghệ sĩ nổi tiếng mà không có sự tham gia của họ, dẫn đến xung đột đạo đức, bản quyền và xúc phạm di sản cá nhân;

Đồng nhất hóa cảm xúc: âm nhạc AI thiếu trải nghiệm sống, nếu bị lạm dụng trong Cải lương sẽ làm giảm chiều sâu cảm xúc - vốn là linh hồn của loại hình này;

Thị trường hóa cực đoan: nguy cơ có những “xưởng” sản xuất hàng loạt bản Cải lương - tân cổ bằng AI nhằm khai thác lượt nghe, lượt xem, mà không đầu tư cho nghệ sĩ, không gắn với cộng đồng thực hành.

Ở bình diện phương pháp, cảnh báo của Bùi Như Lai (2023: 226) về cách tiếp thu thủ pháp kịch hát truyền thống trong sáng tạo đương đại cũng là gợi ý quan trọng cho việc áp dụng những loại hình khác vào sân khấu kịch hát truyền thống - nếu thiếu tư duy nền tảng, việc “tích hợp” dễ rơi vào ngẫu nhiên và khiên cưỡng: *“Thực trạng của các đạo diễn Việt Nam khi thực hành việc áp dụng tinh hoa sân khấu kịch hát truyền thống vào kịch nói đã cho thấy một số những khiếm khuyết trong việc áp dụng này. Đó là: chưa có tư duy nền tảng nên xử lý dù có áp dụng thủ pháp của truyền thống vẫn mang tính ngẫu nhiên; Vẫn còn sự tùy tiện chưa phù hợp, kiên cường ở một số vở khi áp dụng những tin Hoa kịch hát truyền thống”*.

5. AI trong công tác bảo tồn: khôi phục ký ức vàng son

Bảo tồn Cải lương không chỉ là lưu giữ những kịch bản trên giấy hay những bản ghi âm đầy tạp âm, mà là bảo tồn cả một không gian diễn xướng và những sắc thái biểu cảm tinh tế nhất. AI đang tạo ra một cuộc cách mạng trong công tác lưu trữ và phục chế này.

5.1. Phục chế và Nâng cấp tư liệu âm thanh

Tư liệu Cải lương Nam Bộ giai đoạn hoàng kim (1950-1975) còn lưu trên các đĩa đá 78 vòng, băng cassette và băng cối, nhưng nhiều bản ghi đã xuống cấp do thời gian và điều kiện bảo quản: méo tiếng, nhiễu, nổ lách tách và mất dải tần cao. Trước đây, phục chế thủ công thường tốn rất nhiều giờ và hiệu quả còn hạn chế.

Ngày nay, các mô hình AI chuyên dụng (dựa trên kiến trúc mạng nơ-ron tích chập - CNN hoặc GANs) có thể thực hiện việc này với độ chính xác kinh ngạc.

AI có thể tách riêng giọng hát của nghệ sĩ và tiếng đàn từ một bản thu âm mono cũ kỹ. Điều này cho phép các nhà nghiên cứu nghe rõ từng kỹ thuật luyện láy, nhả chữ

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

của các danh ca như Phùng Há, Thanh Nga, Minh Cảnh,... mà không bị tiếng ồn nền che lấp.

Các thuật toán AI có thể “dự đoán” và tái tạo lại các dải tần số đã bị mất trong quá trình ghi âm analog, trả lại sự trong trẻo, ấm áp và đầy đặn cho tiếng hát người xưa.

Việc này có ý nghĩa to lớn trong công tác đào tạo. Sinh viên ngày nay có thể tiếp cận những “bài học mẫu” từ các bậc tiền bối với chất lượng âm thanh chuẩn HD, giúp họ cảm nhận trọn vẹn cái “mùi” mặn, cái “thần” trong giọng ca, thay vì phải nghe những bản thu rè rẹt.

5.2. Số hóa và Phân tích hệ thống bài bản

Hệ thống bài bản Cải lương rất phong phú (Bắc, Nam, Oán, Quảng,...), trong đó “lòng bản” là khung sườn, còn phần diễn tấu lại mang tính “biến hóa” cao theo từng danh cầm và từng lần trình diễn. Chính vì vậy, ký âm theo hệ nốt nhạc phương Tây khó phản ánh đầy đủ các sắc thái nhấn, rung, mổ và các nốt hoa mỹ.

AI có thể giải quyết vấn đề này thông qua việc “học” từ hàng nghìn giờ ghi âm: AI có thể phân tích và phân loại tự động các làn điệu, nhận diện đâu là bài *Vọng cổ* nhịp 8, nhịp 16 hay nhịp 32.

Các phần mềm AI tiên tiến hiện nay đang được phát triển để ký âm không chỉ cao độ và trường độ mà còn ký âm được cả các biến động vi mô về cao độ - tức là ghi lại được cả chữ “nhấn”, chữ “rung”.

Xây dựng “Ngân hàng dữ liệu gen Cải lương”, đây sẽ là kho dữ liệu số hóa lưu trữ mọi biến thể của bài bản, giúp các nhà nghiên cứu so sánh sự biến đổi của âm nhạc Cải lương qua các thời kỳ, từ đó tìm ra quy luật phát triển và bảo vệ tính chính thống của các bài bản gốc.

6. Sáng tạo ngôn ngữ âm thanh mới: từ “đờn” đến kiến tạo nên không gian

Nếu bảo tồn là nhìn về quá khứ, thì sáng tạo là hướng tới tương lai. Cải lương không chỉ là ca và đờn, mà là một nghệ thuật tổng hợp. Trong tư duy dân dựng hiện đại, âm nhạc không chỉ làm nền mà còn kiến tạo nên không gian (Soundscape) và kịch tính.

6.1. Mở rộng biên độ của Dàn nhạc Cải lương

Trong các vở Cải lương thực nghiệm hoặc các vở diễn lịch sử hoành tráng, dàn nhạc cổ truyền (Kìm, Cò, Tranh, Bầu, Guitar phím lõm) đôi khi gặp hạn chế trong việc tạo ra những hiệu ứng âm thanh mang tính điện ảnh hoặc siêu thực.

AI có thể tạo ra các lớp âm thanh nền phức tạp. Ví dụ: Trong phân cảnh *Kiều Nguyệt Nga* lạc giữa rừng, thay vì chỉ dùng tiếng gió thổi thu sẵn, AI có thể tạo ra một bản hòa âm thời gian thực kết hợp tiếng lá cây xào xạc, tiếng chim kêu và những âm thanh điện tử mô phỏng tiếng đàn Kìm bị bóp méo, tạo ra cảm giác rợn ngợp, ma quái phản ánh tâm trạng nhân vật.

Các nhà soạn nhạc có thể dùng AI để “lai ghép” âm sắc. Thử tưởng tượng tiếng đàn Bầu được lai với tiếng Cello để tạo ra một âm sắc mới: vừa có độ nỉ non, ai oán của phương Đông, vừa có độ trầm hùng, dày dặn của phương Tây. Âm sắc này khi dùng cho các đoạn cao trào bi kịch sẽ tạo hiệu ứng tâm lý cực mạnh cho khán giả hiện đại. Ở đây,

AI không thay thế nhạc công, mà đóng vai trò như một “nhạc cụ ảo” thứ n, làm dày thêm không gian thính giác.

6.2. Cá nhân hóa trải nghiệm âm nhạc

Với xu hướng thưởng thức nghệ thuật trên các nền tảng số, AI mở ra khả năng cá nhân hóa trải nghiệm nghe Cải lương.

AI có thể cho phép khán giả tùy chỉnh phần đệm nhạc cho một trích đoạn. Khán giả muốn nghe bài *Dạ cổ hoài lang* theo phong cách mộc mạc nguyên bản (chỉ có đàn Kìm) hay theo phong cách giao hưởng hóa (Orchestral Cải lương)? Hệ thống AI có thể phối khí lại (remix) ngay lập tức dựa trên lựa chọn của người nghe mà vẫn giữ nguyên phần lời ca gốc của nghệ sĩ.

Để tiếp cận giới trẻ, nhiều nhà sản xuất đã dùng AI để phối các bài bản Cải lương trên nền nhạc Lo-fi (nhạc thư giãn), tạo ra một dòng chảy “Cải lương Chill” trên TikTok hay YouTube, giúp giai điệu ngũ cung len lỏi vào danh sách phát nhạc học bài, làm việc của người trẻ.

6.3. Giới hạn của công nghệ và giá trị của “Cái tình”

Mặc dù AI mang lại những quyền năng to lớn, nhưng bài tham luận này cần nhấn mạnh một quan điểm cốt lõi: AI không thể và không bao giờ nên thay thế hoàn toàn người nghệ sĩ Cải lương. Có những “thành trì” của nghệ thuật truyền thống mà máy móc chưa thể chạm tới.

Sự ngẫu hứng và tính tương tác: Cải lương là nghệ thuật của khoảnh khắc “tại đây và bây giờ”. Khi một nghệ sĩ lão luyện ca xuống một câu Vọng cổ, họ không bao giờ ca giống hệt nhau hai lần. Họ có thể “rớt” nhịp, có thể ngân dài hay ngắn tùy vào cảm xúc lúc đó, tùy vào sức khỏe, và quan trọng nhất là tùy vào phản ứng của khán giả bên dưới. Người thầy đàn (nhạc công) ngồi bên cánh gà phải là người “tri âm tri kỷ”. Họ phải “vót”, phải “theo”, phải “đổi đáp”, phải nương theo từng hơi thở của người ca để nhấn phím. Đó là sự giao cảm tâm linh giữa người với người. AI hiện tại hoạt động dựa trên dữ liệu quá khứ và quy luật định sẵn. Nó có thể đàn rất đúng nhịp, nhưng chính cái “đúng” tuyệt đối đó lại là cái “sai” trong Cải lương. Cải lương cần cái “lơi”, cái “nhấn nhá”, cái sai lệch đầy tính người. Một dàn nhạc AI chơi quá chuẩn sẽ khiến vở diễn trở nên lạnh lẽo, vô hồn.

Cảm xúc trong tiếng đàn: cái hay của nhạc Tài tử - Cải lương nằm ở chữ “Nhấn”. Một nốt nhạc không đứng yên mà dao động, uốn lượn. Chữ “Xang” khi vui nhấn khác, khi buồn nhấn khác. AI có thể tái tạo cao độ, nhưng chưa thể tái tạo được “hồn vía” của cú nhấn dây chứa đựng nỗi đau hay niềm vui, trải nghiệm cả một đời người của nghệ sĩ.

7. Đề xuất mô hình “sân khấu lai hợp”

Để phát triển Cải lương trong kỷ nguyên AI một cách bền vững, nghiên cứu đề xuất mô hình “Sân khấu lai hợp”, kết hợp hài hòa giữa Nhân và Máy:

Giữ nguyên dàn nhạc cụ dân tộc và nghệ sĩ biểu diễn trực tiếp. Phần ca và phần đàn chính phải luôn là con người để bảo đảm tính ngẫu hứng và cảm xúc chân thật.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Sử dụng AI để thiết kế âm thanh môi trường, tạo hiệu ứng âm học không gian và hỗ trợ khâu hòa âm phối khí cho các đoạn chuyển cảnh hoặc cao trào kịch tính, nơi cần độ dày của âm thanh mà dàn nhạc dây truyền thống chưa đáp ứng đủ.

Sử dụng phần mềm AI để hỗ trợ sinh viên luyện tập tại nhà. AI có thể đóng vai trò người đàn mẫu để sinh viên tập ca cho đúng nhịp, đúng dây trước khi ráp với dàn nhạc thật. Điều này giúp tăng hiệu quả đào tạo trong các trường nghệ thuật.

8. Gợi ý giải pháp cho các chủ thể liên quan

- *Đối với nghệ sĩ Cải lương - Nhạc sĩ - Đạo diễn*: cần xây dựng nhận thức rõ ràng về AI: học sử dụng một số công cụ cơ bản (dựng âm thanh, làm sạch, phối khí gợi ý) nhưng giữ chủ quyền sáng tạo; tham gia các dự án số hóa, ghi âm - ghi hình chuẩn mực các bài bản, trích đoạn, vai diễn kinh điển; chủ động hợp tác với nhạc sĩ trẻ, nhà sản xuất âm nhạc điện tử, nhưng đặt điều kiện tôn trọng bài bản, ghi nguồn, không “làm mòn” bản sắc.

- *Đối với Nhà hát, Trung tâm biểu diễn, Hãng phim*: cần xây dựng chiến lược số hóa và phát hành: kênh YouTube, TikTok chính thức, thư viện số, livestream chất lượng cao; đầu tư hạ tầng âm thanh - ánh sáng, phòng thu, phim trường để tạo điều kiện cho các dự án cải lương - tài tử ứng dụng công nghệ mới; thiết lập cơ chế hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ để triển khai dự án AI phục vụ bảo tồn và sáng tạo.

- *Đối với cơ sở đào tạo nghệ thuật*: tích hợp học phần “Cải lương - tài tử trong môi trường số và AI” vào chương trình Đạo diễn, Diễn viên Kịch hát, Âm nhạc, Thiết kế âm thanh; khuyến khích sinh viên làm đồ án kết hợp Cải lương với công nghệ mới (XR, VR, AI), nhưng bắt buộc có phần lý giải về hơi - điệu, bài bản truyền thống được sử dụng; kết nối với các nghệ nhân, danh ca để tổ chức workshop, lớp truyền nghề kết hợp ghi hình, số hóa tư liệu.

- *Đối với cơ quan quản lý nhà nước*: cần hoàn thiện hành lang pháp lý liên quan đến AI và bản quyền âm nhạc, đặc biệt là với di sản văn hóa phi vật thể; hỗ trợ kinh phí cho các dự án số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về Đờn ca Tài tử, Cải lương; có chính sách khuyến khích các dự án Sân khấu - Điện ảnh - Âm nhạc dùng chất liệu Cải lương Nam Bộ với cách tiếp cận sáng tạo, trách nhiệm.

9. Kết luận

Âm nhạc Cải lương Nam Bộ, với chiều sâu lịch sử và sức sống cộng đồng, là một trong những “tiếng nói” quan trọng nhất của văn hóa Nam Bộ và của nghệ thuật biểu diễn Việt Nam. Bước vào kỷ nguyên AI, loại hình này không thể đứng ngoài dòng chảy công nghệ, nhưng cũng không thể “phó mặc” bản sắc của mình cho thuật toán.

Bảo tồn và sáng tạo, truyền thống và hiện đại, con người và AI - đó là những cặp phạm trù cần được đặt trong mối quan hệ đối thoại, thay vì đối kháng. Nếu biết sử dụng AI như một trợ lý thông minh để số hóa, phân tích, lan tỏa, đồng thời giữ vững “bộ gen” bài bản - hơi điệu - phong cách diễn xướng, những người làm nghề hoàn toàn có thể xây dựng một “ngôn ngữ âm thanh mới” cho Cải lương Nam Bộ: vừa quen vừa lạ, vừa gần với căn tính vùng đất phương Nam, vừa đối thoại được với thế giới. Khi đó, tiếng đờn

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

kìm, đàn tranh, tiếng guitar phím lõm, tiếng Vọng cổ Nam Bộ sẽ không chỉ vang lên trên sân khấu truyền thống, mà còn ngân vang trong các không gian số, trong trí nhớ của khán giả trẻ thời AI - như một minh chứng sống động rằng di sản chỉ thực sự “sống” khi được tiếp tục sáng tạo.

Chúng ta ứng dụng AI không phải để tạo ra những “Nghệ sĩ Cải lương robot”, mà để tôn vinh giá trị độc bản của Nghệ sĩ thực thụ. Khi tiếng đàn Kìm vang lên mộc mạc, da diết giữa một không gian âm thanh ảo diệu, hoành tráng do công nghệ kiến tạo, đó chính là lúc truyền thống và hiện đại bắt tay nhau. Đó là lời khẳng định bản lĩnh văn hóa Việt Nam: tiếp thu tinh hoa công nghệ nhân loại để làm giàu cho bản sắc dân tộc, đúng như tinh thần “Cải cách” để “Vươn lên” mà cha ông ta đã gửi gắm trong hai chữ Cải Lương.

Tài liệu tham khảo

Bùi Như Lai (2023). *Kịch nói tiếp thu ảnh hưởng truyền thống qua một số vở diễn của nhà hát Tuổi Trẻ*. Nxb sân khấu.

Phạm Phương Thảo, Phan Xuân Biên, Nguyễn Trường Lưu, Nguyễn Thị Thanh Thuý và Trình Quang Phú (2024). *Nghiên cứu lý luận, phê bình, văn học, nghệ thuật thành phố Hồ Chí Minh: 50 năm sau ngày đất nước thống nhất*. Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

Hoàng Ngọc Phách, Huỳnh Lý (1958). *Chèo và Tuồng*. Nxb Giáo dục.

Hoàng Song Nguyệt (1930). *Tửu, sắc, tài, phiến*. Nhà in Lê Vĩnh Tường.

Mịch Quang (1996). *Đặc trưng Nghệ thuật Tuồng*. Nxb Sân khấu.

Nguyễn Phúc An (2022). *Tuồng hát Cải lương Khảo và Luận*. Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

Trần Bảng (1999). *Khái luận về Nghệ thuật Chèo*. Viện sân khấu, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

Vương Hồng Sển (2024). *Hồi ký 50 năm mê hát- 50 năm cải lương*. Nxb Trẻ.

TIỀM NĂNG VÀ THÁCH THỨC CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG SÁNG TẠO VÀ PHỔ BIẾN ÂM NHẠC DÂN TỘC KHMER TỈNH VĨNH LONG

Phan Tấn Được^{1,2}, Ngô Sô Phe^{1*}

¹*Trường Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ và Nhân văn,
Trường Đại học Trà Vinh*

²*Khoa Du lịch học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội*

Email: sophetvu@tvu.edu.vn

Tóm tắt

Âm nhạc dân tộc Khmer tại Vĩnh Long, đặc biệt là Nhạc Ngũ âm và các làn điệu dân ca truyền thống, đang đứng trước nguy cơ mai một do sự suy giảm lực lượng nghệ nhân kế cận và những hạn chế trong việc tiếp cận công chúng hiện đại. Trong bối cảnh đó, sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực sáng tạo và phổ biến âm nhạc mở ra những cơ hội mới cho việc bảo tồn, hiện đại hóa và lan tỏa giá trị di sản âm nhạc dân tộc. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI cũng đặt ra nhiều thách thức nghiêm trọng liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, đạo đức và nguy cơ làm biến dạng bản sắc văn hóa cốt lõi của âm nhạc truyền thống. Nghiên cứu này nhằm đánh giá một cách toàn diện tiềm năng và thách thức của AI trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer Vĩnh Long. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là tổng quan tài liệu về ứng dụng AI trong âm nhạc và bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, kết hợp với phân tích nội dung các chính sách văn hóa và công nghệ liên quan. Kết quả cho thấy AI có tiềm năng lớn trong số hóa, phân tích cấu trúc và phổ biến âm nhạc Khmer trên nền tảng số, song bị hạn chế bởi thiếu dữ liệu chất lượng cao, khung pháp lý chưa hoàn thiện và rủi ro làm suy giảm tính nguyên bản. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các hàm ý quản trị nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa sáng tạo công nghệ và bảo tồn di sản văn hóa.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo (AI), âm nhạc dân tộc Khmer, sáng tạo âm nhạc, bảo tồn di sản, tỉnh Vĩnh Long

THE POTENTIAL AND CHALLENGES OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN THE CREATION AND DISSEMINATION OF KHMER ETHNIC MUSIC IN VINH LONG PROVINCE

Abstract

Khmer ethnic music in Vinh Long, particularly the Five-tone (Ngu am) ensemble and traditional folk melodies, is facing the risk of decline due to a decreasing number of successor artisans and limited access to contemporary audiences. In this context, the rapid development of Artificial Intelligence (AI) in music creation and dissemination presents new opportunities for the preservation, modernization, and diffusion of ethnic musical heritage. However, the application of AI also raises serious challenges related to intellectual property rights, ethical concerns, and the risk of distorting the core cultural identity of traditional music. This study aims to comprehensively assess the

potential and challenges of AI in the creation and dissemination of Khmer ethnic music in Vinh Long. The research primarily employs a literature review on AI applications in music and intangible cultural heritage preservation, combined with content analysis of relevant cultural and technological policies. The findings indicate that AI has significant potential for digitizing, analyzing musical structures, and disseminating Khmer music on digital platforms; nevertheless, this potential is constrained by the lack of high-quality data, an underdeveloped legal framework, and risks to cultural authenticity. On this basis, the study proposes governance implications to ensure a balanced integration of technological innovation and cultural heritage preservation.

Keywords: Artificial intelligence (AI), Khmer ethnic music, music creation, heritage preservation, Vinh Long province

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, sự giao thoa giữa công nghệ và văn hóa đang tái định hình quá trình sáng tạo, lưu trữ và phổ biến các giá trị nghệ thuật truyền thống. Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực âm nhạc nhờ khả năng phân tích cấu trúc, học hỏi phong cách và tạo ra các tác phẩm mới, qua đó mở rộng phạm vi của sáng tạo tính toán trong nghệ thuật (Herremans & cộng sự, 2017; Briot & cộng sự, 2020). Đối với âm nhạc dân tộc Khmer tại Vĩnh Long – một trung tâm văn hóa Khmer tiêu biểu ở Việt Nam với các loại hình đặc sắc như Nhạc Ngũ âm (Phlêng Pinpeat) và dân ca nghi lễ, quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản đang đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm sự suy giảm đội ngũ nghệ nhân kế cận, hạn chế trong tiếp cận công chúng trẻ và tác động của các hình thức giải trí hiện đại (UNESCO, 2015; Phạm, 2022). Trong bối cảnh đó, vấn đề nghiên cứu đặt ra là việc ứng dụng AI trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer Vĩnh Long mang lại những tiềm năng và thách thức cụ thể nào, cũng như cần có những giải pháp gì để bảo đảm sự phát triển bền vững, hài hòa giữa đổi mới công nghệ và bảo tồn bản sắc văn hóa. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này nhằm phân tích tiềm năng của AI trong việc số hóa, tái cấu trúc và lan tỏa âm nhạc Khmer; đồng thời nhận diện các thách thức về kỹ thuật, đạo đức và pháp lý, đặc biệt liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và nguy cơ làm suy giảm tính nguyên bản của di sản (Floridi & cộng sự, 2018). Các nghiên cứu hiện có về AI trong âm nhạc chủ yếu tập trung vào âm nhạc đại chúng hoặc cổ điển phương Tây, trong khi các công trình về âm nhạc dân tộc thiểu số Việt Nam phần lớn dừng lại ở hoạt động số hóa và tư liệu hóa di sản, chưa phân tích sâu vai trò sáng tạo và phổ biến của AI trong mối quan hệ với bảo tồn văn hóa phi vật thể, tạo nên khoảng trống nghiên cứu đáng kể (Briot & cộng sự, 2020).

Từ góc độ trong nước, các nghiên cứu về chuyển đổi số trong bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam bước đầu đề cập đến vai trò của công nghệ số và AI trong lưu trữ, số hóa và quảng bá di sản, song còn rất hạn chế các nghiên cứu chuyên sâu về ứng dụng AI trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc cụ thể. Để lấp đầy khoảng trống này, nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, bao gồm tổng quan tài liệu về AI trong sáng tạo âm nhạc và bảo tồn di sản số, phân tích nội dung các chính sách văn hóa, công nghệ và khung pháp lý

liên quan, kết hợp với phân tích kịch bản nhằm đánh giá các khả năng và rủi ro khi ứng dụng AI vào âm nhạc Khmer. Do đó, việc nghiên cứu tiềm năng và thách thức của AI trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer Vĩnh Long góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể tại Việt Nam nói chung và Vĩnh Long nói riêng, đồng thời cung cấp các hàm ý quản trị và định hướng chính sách cho nhà quản lý văn hóa, nghệ nhân và doanh nghiệp công nghệ trong việc khai thác AI để xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển di sản âm nhạc gắn với chuyển đổi số, du lịch văn hóa và phát triển một cách có trách nhiệm và bền vững.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

2.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan

Nhiều nghiên cứu cho thấy AI được triển khai hiệu quả trong các hoạt động như sáng tác, phân tích cấu trúc giai điệu, mô phỏng phong cách, số hóa, lưu trữ và phổ biến âm nhạc truyền thống, qua đó mở ra những cách tiếp cận mới trong bảo tồn, tái hiện và phát huy giá trị di sản văn hóa trong môi trường số (Briot & cộng sự, 2020; Herremans & cộng sự, 2017).

Các nghiên cứu gần đây đã ứng dụng công nghệ số và AI trong bảo tồn và phát huy âm nhạc truyền thống, tập trung vào cả trải nghiệm nhập vai và phân tích, số hóa, sáng tạo âm nhạc. Jia & Yang (2025) nhấn mạnh vai trò của AI trong số hóa, phân tích giai điệu, tiết tấu và phong cách biểu diễn đàn tranh (Guzheng) của Trung Quốc, giúp lưu trữ dữ liệu hệ thống và tạo điều kiện cho việc truyền dạy âm nhạc truyền thống, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận của thế hệ trẻ. Cao & cộng sự (2025) ứng dụng phân tích đa phương thức để tái tạo phong cách âm nhạc Trung Hoa từ video, chứng minh AI có thể tạo ra các tác phẩm mới mang bản sắc dân tộc. Chen & cộng sự (2024) tập trung vào xây dựng bộ dữ liệu âm nhạc truyền thống, nhấn mạnh tầm quan trọng của chất lượng dữ liệu, tính đại diện văn hóa và phương pháp gán nhãn để đảm bảo ứng dụng AI bền vững. Syukur & cộng sự (2023) sử dụng trò chơi nhạc cụ thực tế ảo (VR) để bảo tồn nhạc Gamelan, tăng tính tương tác và học tập trải nghiệm. Gabr & cộng sự (2025) phát triển quy trình AI để bảo tồn video âm nhạc truyền thống Malay, nâng cao chất lượng, chú thích metadata (thông tin mô tả, giải thích, định danh hoặc tổ chức dữ liệu khác, giúp quản lý, tìm kiếm và sử dụng dữ liệu đó hiệu quả hơn) và khả năng tiếp cận. Cả hai hướng tiếp cận đều chứng minh tiềm năng kết hợp công nghệ hiện đại với văn hóa truyền thống, góp phần duy trì, phục hồi và phổ biến âm nhạc truyền thống trong kỷ nguyên số.

Đối với âm nhạc truyền thống và dân tộc, nhiều công trình nhấn mạnh vai trò của AI trong việc số hóa, nhận diện và tái tạo các cấu trúc âm nhạc đặc thù như thang âm, nhịp điệu và nhạc cụ bản địa. Các mô hình học máy và học sâu đã được ứng dụng để phân tích âm nhạc sử dụng thang âm ngũ cung ở châu Á, hỗ trợ lưu trữ dữ liệu âm thanh, phục dựng các tác phẩm thất truyền và hỗ trợ đào tạo thế hệ nghệ nhân trẻ thông qua các nền tảng học tập số (Serra & cộng sự, 2013; Yang, 2018). Một số mô hình AI tiêu biểu minh họa cho khả năng sáng tạo và tái tạo âm nhạc dân tộc có thể kể đến dự án

Folk RNN tại Ireland. Dự án này sử dụng mạng thần kinh tái phát (Recurrent Neural Network – RNN) để học hỏi cấu trúc và phong cách của hơn 23.000 bản nhạc dân gian Ireland, từ đó tạo ra các giai điệu mới có mức độ xác thực văn hóa cao. Kết quả nghiên cứu cho thấy AI có khả năng nhận diện và tái tạo các mô thức cấu trúc phức tạp của âm nhạc truyền thống, nếu được huấn luyện trên bộ dữ liệu đủ lớn và có kiểm soát (Folk RNN Project, n.d.). Tương tự, tại Trung Quốc, mô hình MusicMamba kết hợp State Space Model (SSM) và Transformer đã được phát triển nhằm tạo ra các tác phẩm âm nhạc truyền thống với cấu trúc phức hợp, bảo đảm tính nhất quán về giai điệu và điệu thức, vượt trội so với các mô hình thế hệ trước (Yang, 2018).

Trong những năm gần đây, nhạc Ngũ âm của người Khmer Nam Bộ, đặc biệt tại Vĩnh Long, đã được nhiều nghiên cứu trong nước tiếp cận từ các góc độ dân tộc học, âm nhạc học, văn hóa học và du lịch văn hóa. Các công trình chủ yếu làm rõ nguồn gốc, cấu trúc dàn nhạc, chức năng xã hội, tín ngưỡng và khẳng định nhạc Ngũ âm là thành tố cốt lõi của bản sắc văn hóa Khmer, gắn chặt với không gian chùa Phật giáo Nam tông và các lễ hội truyền thống (Lý, 2018; Phạm, 2022). Ở góc độ bảo tồn, nhiều tác giả cảnh báo nguy cơ mai một do thiếu lực lượng kế cận và tác động của hiện đại hóa, đồng thời nhấn mạnh vai trò của truyền dạy cộng đồng và chính sách hỗ trợ (Phạm, 2022). Trong bối cảnh chuyển đổi số, các nghiên cứu tại Việt Nam chủ yếu mới dừng ở số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu di sản, trong khi các nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, vào bảo tồn, truyền dạy và phổ biến nhạc Ngũ âm Khmer vẫn còn là khoảng trống nghiên cứu đáng chú ý (Duong, 2024; Tran & Nguyen, 2025).

Nhìn chung, các nghiên cứu trong và ngoài nước đã cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng về vai trò của trí tuệ nhân tạo trong bảo tồn và phát huy âm nhạc truyền thống; tuy nhiên, đối với nhạc Ngũ âm Khmer tại tỉnh Vĩnh Long, vẫn còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu mang tính liên ngành, tích hợp giữa công nghệ AI, dân tộc nhạc học và bối cảnh văn hóa – tín ngưỡng địa phương, qua đó tạo ra khoảng trống nghiên cứu cần được tiếp tục khai thác trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

2.2. Cơ sở lý thuyết

2.2.1. Trí tuệ nhân tạo trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc

Trong lĩnh vực âm nhạc, AI không chỉ được ứng dụng trong sáng tác và mô phỏng phong cách âm nhạc mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phân tích, lưu trữ, tái hiện và phổ biến các di sản âm nhạc truyền thống thông qua các công nghệ như học máy (machine learning), học sâu (deep learning), nhận dạng mẫu và xử lý tín hiệu âm thanh (Shatri & cộng sự, 2024). Cách tiếp cận này mở ra khả năng kết nối giữa công nghệ hiện đại và các giá trị âm nhạc truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số.

Đối với âm nhạc dân tộc, AI được xem là một công cụ hỗ trợ hiệu quả cho công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể. Thông qua quá trình số hóa và phân loại dữ liệu âm nhạc, bao gồm bản ghi âm, ký hiệu nhạc, cấu trúc giai điệu và thông tin ngữ cảnh văn hóa, AI góp phần xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu, truyền dạy và lưu trữ lâu dài (Chen & cộng sự, 2024). Đồng thời, các nền tảng số, ứng dụng học tập và bảo tàng ảo có tích hợp AI giúp âm nhạc dân tộc tiếp cận gần hơn với công

chúng, đặc biệt là giới trẻ, qua đó nâng cao hiệu quả giáo dục và phổ biến giá trị văn hóa truyền thống trong không gian số (UNESCO Chair on Anthropology of Traditional Music, 2023).

Trong lĩnh vực sáng tạo, AI còn cho phép khám phá và tạo ra các tác phẩm âm nhạc mới dựa trên dữ liệu truyền thống thông qua việc học và tái tạo các đặc trưng về thang âm, tiết tấu và phong cách biểu diễn. Các nghiên cứu cho thấy, nếu được kiểm soát phù hợp, AI có thể góp phần mở rộng không gian sáng tạo âm nhạc dân tộc mà vẫn giữ được những yếu tố bản sắc cốt lõi, từ đó tạo ra các sản phẩm âm nhạc vừa mang giá trị truyền thống vừa phù hợp với thị hiếu đương đại (He & cộng sự, 2025). Tiềm năng này đặc biệt có ý nghĩa đối với âm nhạc dân tộc Khmer tại tỉnh Vĩnh Long trong bối cảnh cần vừa bảo tồn giá trị nghi lễ – tín ngưỡng, vừa gia tăng khả năng phổ biến trong cộng đồng và phục vụ phát triển du lịch văn hóa.

Tuy nhiên, việc ứng dụng AI trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc cũng đặt ra nhiều thách thức. Trước hết, hiệu quả của các mô hình AI phụ thuộc lớn vào chất lượng và mức độ đầy đủ của dữ liệu đầu vào, trong khi nhiều tác phẩm và tri thức âm nhạc truyền thống vẫn chưa được số hóa một cách hệ thống, làm hạn chế khả năng học và tái tạo của AI (Wibawa & Rusnalasari, 2025). Bên cạnh đó, nguy cơ làm biến dạng các yếu tố nguyên bản, suy giảm tính xác thực văn hóa và phát sinh các vấn đề liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, đạo đức và quyền lợi của nghệ nhân cộng đồng là những thách thức cần được đặc biệt lưu ý (UNESCO Chair on Anthropology of Traditional Music, 2023).

Do đó, các nghiên cứu gần đây nhấn mạnh yêu cầu tiếp cận liên ngành trong ứng dụng AI vào âm nhạc dân tộc, trong đó sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên gia công nghệ, nhà nghiên cứu văn hóa và nghệ nhân bản địa được xem là điều kiện tiên quyết nhằm bảo đảm rằng các sản phẩm âm nhạc do AI hỗ trợ phản ánh trung thực giá trị văn hóa truyền thống và phục vụ mục tiêu phát triển bền vững (Sánchez-Martín & cộng sự, 2025). Khung lý thuyết này là cơ sở quan trọng để phân tích một cách toàn diện tiềm năng và thách thức của AI trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer tại tỉnh Vĩnh Long.

2.2.2. Một số lý thuyết có liên quan sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc

Thứ nhất, lý thuyết lưu trữ và truyền bá di sản văn hóa phi vật thể nhấn mạnh vai trò của công nghệ số trong việc bảo tồn, duy trì và lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng. Theo cách tiếp cận này, số hóa không chỉ nhằm mục tiêu lưu giữ tư liệu mà còn mở rộng khả năng tiếp cận di sản cho các thế hệ tương lai, đặc biệt trong bối cảnh khoảng cách thế hệ và sự suy giảm người thực hành di sản ngày càng rõ nét (UNESCO Chair on Anthropology of Traditional Music, 2023). Đối với âm nhạc dân tộc Khmer, công nghệ số và AI có thể góp phần hệ thống hóa tri thức âm nhạc, hỗ trợ truyền dạy và nâng cao mức độ phổ biến của di sản trong đời sống đương đại.

Thứ hai, lý thuyết sáng tạo máy tính (Computational Creativity – CC) cung cấp cơ sở khoa học để lý giải khả năng của AI trong việc tham gia vào các hoạt động sáng tạo, vốn trước đây được xem là đặc quyền của con người (Boden, 2004; Colton & cộng sự,

2015). Trong lĩnh vực âm nhạc, CC cho phép phát triển các hệ thống AI có khả năng phân tích cấu trúc âm nhạc, nhận diện thang âm, mô-típ, tiết tấu đặc trưng và từ đó hỗ trợ sáng tác hoặc cải biên tác phẩm. Khi áp dụng vào âm nhạc truyền thống như nhạc Ngũ âm Khmer, AI có thể đóng vai trò công cụ hỗ trợ nghệ nhân và nhà sáng tạo thử nghiệm các hình thức biểu đạt mới, tạo ra các tác phẩm phái sinh mang âm hưởng truyền thống nhưng phù hợp với thị hiếu đương đại, qua đó mở rộng không gian sáng tạo và công chúng tiếp nhận. Gắn với CC, lý thuyết sáng tạo kết hợp (Hybrid Creativity) nhấn mạnh mối quan hệ cộng tác giữa con người và AI trong quá trình sáng tạo. Theo cách tiếp cận này, AI không thay thế con người mà đóng vai trò hỗ trợ phát hiện mẫu, gợi ý ý tưởng và mở rộng khả năng thử nghiệm, trong khi con người giữ vai trò chủ thể quyết định nhằm đảm bảo tính xác thực và bản sắc văn hóa của sản phẩm sáng tạo (He & cộng sự, 2025). Đây là khung lý thuyết đặc biệt phù hợp với âm nhạc dân tộc Khmer, nơi yếu tố bản sắc, tín ngưỡng và giá trị cộng đồng giữ vai trò trung tâm.

Thứ ba, lý thuyết bảo tồn di sản kỹ thuật số (Digital Heritage Preservation) nhấn mạnh yêu cầu đảm bảo tính xác thực, toàn vẹn và bền vững của dữ liệu di sản trong quá trình số hóa và ứng dụng công nghệ (Smith & Akagawa, 2009; Giaccardi, 2012). Việc ứng dụng AI trong âm nhạc Khmer không chỉ nhằm tạo ra các sản phẩm mới mà còn phải tuân thủ các nguyên tắc bảo tồn, tránh làm sai lệch hoặc giản lược giá trị nguyên bản của di sản. Đồng thời, bảo tồn kỹ thuật số tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu, giáo dục và phát triển các sản phẩm văn hóa – du lịch dựa trên âm nhạc truyền thống.

Cuối cùng, khung đạo đức và pháp lý về AI trong sáng tạo là nền tảng lý thuyết quan trọng để nhận diện và đánh giá các thách thức phát sinh khi AI tham gia vào lĩnh vực âm nhạc dân tộc. Các vấn đề như quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm do AI hỗ trợ sáng tạo, tính minh bạch của dữ liệu huấn luyện, cũng như nguy cơ thương mại hóa hoặc làm biến dạng các giá trị văn hóa linh thiêng cần được xem xét thận trọng (Ginsburg, 2019; Thomas, 2024). Việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức và pháp lý không chỉ đảm bảo tính bền vững của hoạt động ứng dụng AI mà còn thể hiện sự tôn trọng đối với cộng đồng chủ thể di sản.

Tổng hợp các cơ sở lý thuyết trên cho thấy, AI mở ra nhiều tiềm năng trong việc sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer tỉnh Vĩnh Long, đồng thời cũng đặt ra những thách thức đáng kể liên quan đến dữ liệu, bản sắc văn hóa, đạo đức và pháp lý. Đây chính là nền tảng khoa học quan trọng để nghiên cứu đề xuất các định hướng và giải pháp ứng dụng AI theo hướng vừa bảo tồn giá trị truyền thống, vừa phát huy khả năng sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định tính tổng hợp, kết hợp tổng quan tài liệu và phân tích chính sách để đánh giá tiềm năng và thách thức của việc ứng dụng AI trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer tại Vĩnh Long. Trọng tâm nghiên cứu tập trung vào Nhạc Ngũ âm và các làn điệu dân ca truyền thống, vốn đang đứng trước nguy cơ mai một do sự suy giảm lực lượng nghệ nhân kế cận và hạn chế trong tiếp cận công chúng hiện đại.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Tổng quan tài liệu được tiến hành nhằm hệ thống hóa các nghiên cứu quốc tế và trong nước về ứng dụng AI trong âm nhạc truyền thống, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, sáng tạo kết hợp giữa con người và máy tính, cũng như các khung đạo đức và pháp lý liên quan. Quá trình này giúp nhận diện các xu hướng, phương pháp, và mô hình triển khai AI đã được ứng dụng trong việc số hóa, phân tích cấu trúc âm nhạc, sáng tác phái sinh và phổ biến nội dung văn hóa trên nền tảng số.

Phân tích chính sách và văn bản pháp luật tập trung vào các văn bản quản lý, hướng dẫn, và các quy định liên quan đến bảo tồn văn hóa, quyền sở hữu trí tuệ, và ứng dụng công nghệ trong sáng tạo âm nhạc. Việc phân tích này nhằm đánh giá mức độ sẵn sàng của hệ thống pháp lý và các cơ chế quản trị hiện tại, đồng thời nhận diện những thách thức về đạo đức, minh bạch dữ liệu và bản sắc văn hóa trong quá trình ứng dụng AI.

Dữ liệu thu thập được phân loại, mã hóa và phân tích theo hướng nội dung, nhằm làm rõ các cơ hội, rủi ro, và hạn chế của AI đối với âm nhạc dân tộc Khmer. Cụ thể, nghiên cứu đánh giá các khía cạnh: (1) khả năng số hóa và bảo tồn các yếu tố âm nhạc cốt lõi, (2) tiềm năng sáng tạo phái sinh và mở rộng phạm vi phổ biến, (3) thách thức về chất lượng dữ liệu, bản quyền và đạo đức văn hóa, (4) các hàm ý quản trị nhằm cân bằng giữa sáng tạo công nghệ và bảo tồn giá trị nguyên bản.

Phương pháp nghiên cứu này cho phép xây dựng một bức tranh toàn diện về vai trò của AI trong bảo tồn và phát triển âm nhạc dân tộc Khmer, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học để đề xuất các chiến lược ứng dụng AI một cách hợp lý, đảm bảo vừa khai thác tiềm năng công nghệ, vừa bảo vệ bản sắc văn hóa truyền thống.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tiềm năng của AI trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer

Tỉnh Vĩnh Long là nơi sinh sống của cộng đồng người dân tộc Khmer đáng kể, với tổng số khoảng 682.331 người. Cộng đồng này không chỉ duy trì sự đa dạng văn hóa mà còn lưu giữ nhiều di sản văn hóa phi vật thể có giá trị, bao gồm các lễ hội truyền thống, nghệ thuật trình diễn, âm nhạc và nghề thủ công đặc trưng. Những di sản tiêu biểu có thể kể đến như Lễ hội Văn Thánh Miếu, Nghệ thuật Hát bội, Lễ hội Lăng Ông Thống chế Điều bát Nguyễn Văn Tồn, làng nghề làm tàu hũ ky xã Mỹ Hòa, Hát Sắc Bùa Phú Lễ, Lễ hội Nghinh Ông Bình Thắng, nghề làm bánh tráng Mỹ Lồng và bánh phồng Sơn Đốc, Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ, Nghệ thuật Chòm-riêng Chà-pây, Nghệ thuật Rô-băm, cùng các lễ hội Ok Om Bok, My Long Sea Worshipping Festival và Đom Long Néak Tà Festival. Những giá trị văn hóa này vừa thể hiện bản sắc dân tộc Khmer đặc trưng, vừa đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống, phát triển du lịch bền vững và tạo nền tảng cho các sản phẩm du lịch cộng đồng, sinh thái, và trải nghiệm văn hóa địa phương đa dạng.

Hiện nay, công tác bảo tồn âm nhạc truyền thống của đồng bào Khmer đang được tỉnh quan tâm và triển khai. Ngày 31/10/2025, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long tổ chức Hội thi trình diễn nhạc cụ truyền thống dân tộc Khmer lần thứ I năm 2025, thu hút sự tham gia của nhiều đội nhạc Ngũ âm đến từ các chùa Phật giáo Nam

tông Khmer. Hoạt động này không chỉ góp phần tôn vinh giá trị di sản âm nhạc truyền thống mà còn phản ánh sự đồng hành tích cực của chính quyền địa phương và cộng đồng trong công tác bảo tồn văn hóa. Song song đó, các lớp truyền dạy nghệ thuật tại các chùa Phật giáo Nam tông, bao gồm nhạc Ngũ âm và nghệ thuật Chòm-riêng Chà-pây, tiếp tục được duy trì và từng bước mở rộng, qua đó tạo điều kiện để thế hệ trẻ tiếp cận, kế thừa và phát huy di sản văn hóa dân tộc. Đáng chú ý, sự xuất hiện của một số nghệ nhân trẻ có niềm đam mê với việc chế tác nhạc cụ truyền thống được xem là tín hiệu tích cực, góp phần đảm bảo tính liên tục của nguồn lực vật chất phục vụ thực hành di sản. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, các hoạt động bảo tồn hiện nay vẫn chủ yếu dựa trên phương thức truyền miệng và thực hành truyền thống, chưa có sự tích hợp hiệu quả các công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, do đó còn hạn chế về khả năng mở rộng phạm vi phổ biến, lưu trữ và đổi mới sáng tạo các giá trị âm nhạc Khmer trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Vĩnh Long là địa phương còn lưu giữ khá phong phú các giá trị âm nhạc truyền thống của cộng đồng Khmer, tiêu biểu là Nhạc Ngũ âm, các làn điệu dân ca và hệ thống nghi lễ gắn với Phật giáo Nam tông, cùng các kỹ thuật chế tác nhạc cụ truyền thống. Những yếu tố này hợp thành một chỉnh thể văn hóa đặc thù, góp phần định hình bản sắc văn hóa Khmer tại địa phương. Tuy nhiên, trong bối cảnh số lượng nghệ nhân kế cận ngày càng suy giảm, phương thức truyền dạy chủ yếu dựa vào truyền khẩu và khả năng tiếp cận công chúng hiện đại còn hạn chế, việc ứng dụng AI được xem là một hướng tiếp cận mới, mở ra nhiều cơ hội cho công tác bảo tồn, sáng tạo và phổ biến âm nhạc Khmer.

(1) AI tạo điều kiện nâng cao hiệu quả bảo tồn và số hóa di sản âm nhạc Khmer. Thông qua các kỹ thuật học máy và học sâu, AI có khả năng tự động phân tích, lập chỉ mục và phân loại các tư liệu âm nhạc như bản ghi âm, video trình diễn Nhạc Ngũ âm và các làn điệu dân ca. Các thuật toán có thể nhận diện thang âm, nhịp điệu và mô-típ đặc trưng, từ đó xây dựng các mô hình dữ liệu âm nhạc chi tiết và chính xác hơn so với phương pháp ký âm truyền thống. Đáng chú ý, AI có khả năng hỗ trợ tái tạo âm thanh của các nhạc cụ truyền thống bị hư hỏng hoặc thất lạc như Rô-niét, Khưm thông qua mô hình hóa âm sắc, qua đó góp phần bảo tồn nguyên bản đặc trưng âm thanh và giá trị nghệ thuật của di sản. Việc ứng dụng các mô hình tiên tiến như MusicMamba cho phép giải mã và phục dựng các cấu trúc âm nhạc phức tạp, đồng thời phân tích các bản ghi Nhạc Ngũ âm trong lễ Chol Chnam Thmay tại các chùa Khmer ở Vĩnh Long theo từng thành tố như tiết tấu, giai điệu và nhạc cụ chủ đạo, từ đó hình thành cơ sở dữ liệu số hóa có chú thích rõ ràng, phục vụ hiệu quả cho nghiên cứu và truyền dạy lâu dài.

(2) AI góp phần mở rộng không gian sáng tạo và hiện đại hóa âm nhạc Khmer trên nền tảng giá trị truyền thống. Dựa trên kho dữ liệu âm nhạc dân tộc, các hệ thống AI có thể gợi ý giai điệu, tiết tấu và hòa âm, hỗ trợ nghệ sĩ sáng tác những tác phẩm mới mang âm hưởng Nhạc Ngũ âm. Thông qua các kỹ thuật như Generative AI và Style Transfer, âm nhạc Khmer có thể được kết hợp linh hoạt với các thể loại đương đại như Pop hoặc EDM, vừa đáp ứng thị hiếu của giới trẻ, vừa bảo tồn “hồn cốt” văn hóa. Kinh

nghiệm từ các dự án quốc tế như Folk RNN cho thấy AI đóng vai trò như công cụ đồng sáng tạo hiệu quả. Đồng thời, việc số hóa âm sắc nhạc cụ Ngũ âm thành các thư viện âm thanh số (VST) tạo điều kiện cho các nghệ sĩ trẻ Khmer tại Vĩnh Long thử nghiệm phối khí trong các sản phẩm truyền thông du lịch và sự kiện văn hóa, góp phần làm mới và lan tỏa giá trị di sản trong bối cảnh hiện đại.

(3) AI góp phần đổi mới căn bản phương thức truyền dạy và giáo dục âm nhạc Khmer thông qua các nền tảng học tập số, bảo tàng ảo và ứng dụng gia sư âm nhạc thông minh, đặc biệt phù hợp trong bối cảnh thiếu hụt nghệ nhân truyền dạy trực tiếp tại các chùa Khmer ở Vĩnh Long. Các ứng dụng này cho phép cá nhân hóa quá trình học tập bằng cách phân tích cao độ, nhịp điệu của người học và cung cấp phản hồi tức thì, qua đó nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng. Bên cạnh đó, công nghệ thực tế tăng cường (AR) và thực tế ảo (VR) có thể mô phỏng trực quan cách sử dụng nhạc cụ Ngũ âm cũng như không gian nghi lễ tại chùa Khmer, giúp người học tiếp cận di sản một cách sinh động, tăng cường trải nghiệm và thu hút thế hệ trẻ tham gia vào quá trình kế thừa và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

(4) AI thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phổ biến và lan tỏa âm nhạc Khmer trên phạm vi rộng thông qua các công cụ gắn thẻ, phân loại và đề xuất nội dung tự động, giúp âm nhạc Khmer dễ dàng được tìm kiếm và tiếp cận trên các nền tảng số toàn cầu. Bên cạnh đó, AI hỗ trợ tạo phụ đề đa ngôn ngữ, phân tích hành vi người nghe và cá nhân hóa trải nghiệm, qua đó mở rộng đối tượng công chúng quốc tế. Đặc biệt, các chatbot AI được huấn luyện trên dữ liệu văn hóa Khmer có thể đóng vai trò như “hướng dẫn viên ảo” tại các lễ hội và điểm du lịch ở Vĩnh Long, cung cấp thông tin về ý nghĩa của Nhạc Ngũ âm và nghi lễ liên quan thông qua hình thức tương tác linh hoạt, góp phần nâng cao trải nghiệm du khách và giá trị truyền thông văn hóa.

Nhìn chung, việc ứng dụng AI không chỉ góp phần bảo tồn và lưu giữ giá trị âm nhạc truyền thống của người Khmer tại Vĩnh Long mà còn tạo động lực cho sáng tạo, đổi mới phương thức truyền dạy và mở rộng phạm vi phổ biến trong bối cảnh chuyển đổi số. Đây là tiền đề quan trọng để phát triển âm nhạc dân tộc Khmer theo hướng bền vững, vừa gìn giữ bản sắc văn hóa, vừa thích ứng với xã hội hiện đại.

4.2. Thách thức và rủi ro của AI trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer

Bên cạnh các tiềm năng, nghiên cứu cũng xác định nhiều thách thức lớn liên quan đến việc ứng dụng AI trong âm nhạc dân tộc Khmer.

(1) Thiếu dữ liệu chất lượng cao và đa dạng là rào cản lớn, khiến AI khó nắm bắt đầy đủ các yếu tố âm nhạc đặc trưng và dẫn đến nguy cơ làm sai lệch hoặc giản lược giá trị nguyên bản. Phần lớn tư liệu Nhạc Ngũ âm và dân ca Khmer hiện vẫn tồn tại dưới hình thức truyền khẩu hoặc các bản ghi rờ rạc, chất lượng không đồng đều và thiếu chú giải về bối cảnh nghi lễ, không gian trình diễn cũng như vai trò của từng nhạc cụ. Sự thiếu hụt này khiến các mô hình AI khó nắm bắt đầy đủ các yếu tố cấu thành âm nhạc và ý nghĩa văn hóa, dễ dẫn đến việc tái tạo giản lược hoặc sai lệch giá trị nguyên bản. Chẳng hạn, nếu AI chỉ được huấn luyện từ các bản ghi mang tính sân khấu hóa, mô hình

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

có thể bỏ qua những biến thể tinh tế gắn với nghi lễ Phật giáo Nam tông, làm suy giảm chiều sâu văn hóa của các sản phẩm âm nhạc được tạo ra.

(2) Khung pháp lý và quản lý về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm do AI tạo ra còn chưa hoàn thiện, gây khó khăn trong việc xác định chủ sở hữu, quyền khai thác và chia sẻ sản phẩm sáng tạo. Khung pháp lý hiện hành tại Việt Nam và nhiều quốc gia chưa theo kịp sự phát triển nhanh của AI trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật, đặc biệt đối với các tác phẩm dựa trên di sản văn hóa cộng đồng. Vấn đề xác định quyền sở hữu và quyền khai thác đối với sản phẩm âm nhạc do AI tạo ra giữa nghệ nhân cung cấp dữ liệu, chủ thể vận hành hệ thống AI và cộng đồng nắm giữ di sản văn còn nhiều tranh luận. Chẳng hạn, một tác phẩm mang phong cách Nhạc Ngũ âm được AI hỗ trợ sáng tác phục vụ quảng bá du lịch tại Vĩnh Long có thể phát sinh tranh chấp về quyền thương mại và phân chia lợi ích nếu thiếu cơ chế pháp lý rõ ràng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cộng đồng Khmer.

(3) Các vấn đề đạo đức văn hóa được đặt ra, bao gồm nguy cơ biến dạng hoặc thương mại hóa quá mức các giá trị linh thiêng, truyền thống, dẫn đến mất đi bản sắc văn hóa cốt lõi của âm nhạc dân tộc. Âm nhạc Khmer, đặc biệt là Nhạc Ngũ âm, gắn bó mật thiết với không gian chùa và các nghi lễ mang tính linh thiêng. Việc ứng dụng AI để tái tạo hoặc biến đổi các giai điệu nghi lễ phục vụ mục đích giải trí hay thương mại tiềm ẩn nguy cơ làm sai lệch ý nghĩa thiêng liêng và suy giảm bản sắc văn hóa cốt lõi. Chẳng hạn, việc sử dụng các giai điệu Nhạc Ngũ âm do AI “remix” trong hoạt động quảng cáo hoặc sự kiện thương mại, nếu thiếu sự tham vấn và đồng thuận của nghệ nhân và cộng đồng Khmer, có thể gây phản cảm và làm phát sinh xung đột văn hóa.

(4) Việc thiếu minh bạch trong dữ liệu huấn luyện AI có thể gây ra rủi ro về bản quyền, sử dụng dữ liệu không được phép hoặc không chính xác. Việc thu thập và sử dụng các bản ghi âm, video trình diễn Nhạc Ngũ âm khi chưa có sự đồng thuận rõ ràng của nghệ nhân hoặc cộng đồng nắm giữ di sản có thể dẫn đến vi phạm bản quyền và chiếm dụng văn hóa. Chẳng hạn, các mô hình AI được huấn luyện từ dữ liệu âm nhạc Khmer thu thập trên các nền tảng trực tuyến mà thiếu thông tin về quyền sử dụng không chỉ tiềm ẩn nguy cơ tranh chấp pháp lý, mà còn có thể làm suy giảm niềm tin của cộng đồng đối với các dự án ứng dụng công nghệ trong bảo tồn và phát huy di sản.

(5) Thách thức về năng lực kỹ thuật và hợp tác liên ngành giữa nghệ nhân, nhà nghiên cứu, nhà quản lý và chuyên gia AI cũng ảnh hưởng đến khả năng triển khai các giải pháp công nghệ một cách hiệu quả và bền vững. Việc triển khai AI trong lĩnh vực âm nhạc dân tộc đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nghệ nhân, nhà nghiên cứu văn hóa và âm nhạc, chuyên gia công nghệ và cơ quan quản lý. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể về ngôn ngữ chuyên môn, cách tiếp cận và năng lực kỹ thuật giữa các chủ thể liên quan. Chẳng hạn, nếu các dự án AI chủ yếu do chuyên gia công nghệ thiết kế mà thiếu sự tham gia thực chất của nghệ nhân Khmer tại Vĩnh Long, sản phẩm tạo ra có thể đạt hiệu quả kỹ thuật nhưng không phản ánh đầy đủ tinh thần và giá trị văn hóa của Nhạc Ngũ âm, từ đó làm giảm tính bền vững của quá trình ứng dụng.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Tóm lại, nghiên cứu chỉ ra rằng AI có tiềm năng lớn trong việc bảo tồn, sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer, nhưng đồng thời đòi hỏi một quy hoạch chiến lược toàn diện, cân bằng giữa sáng tạo công nghệ và bảo tồn giá trị văn hóa, đồng thời đảm bảo các vấn đề pháp lý, đạo đức và chất lượng dữ liệu được kiểm soát chặt chẽ.

Bảng 1. Thách thức và rủi ro trong ứng dụng AI đối với di sản âm nhạc dân tộc Khmer

Yếu tố	Thách thức	Rủi ro
Dữ liệu và kỹ thuật	Thiếu dữ liệu âm nhạc Khmer chất lượng cao, đa dạng và được số hóa chuẩn, khiến AI khó nhận diện đầy đủ các yếu tố âm nhạc đặc trưng. Các nhạc cụ truyền thống có âm sắc phức tạp, khó tái tạo chính xác bằng AI.	Mô hình AI có thể tạo ra các tác phẩm sai lệch, giản lược hoặc không phản ánh đúng bản sắc âm nhạc truyền thống.
Pháp lý và quyền sở hữu trí tuệ	Khung pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm do AI tạo ra chưa hoàn thiện, gây khó khăn trong xác định chủ sở hữu, quyền khai thác và chia sẻ sản phẩm.	Tranh chấp bản quyền giữa nghệ nhân truyền thống, nhà nghiên cứu và nhà phát triển AI; khó bảo vệ quyền lợi hợp pháp.
Đạo đức và văn hóa	Nguy cơ biến dạng hoặc thương mại hóa quá mức các giá trị linh thiêng, nghi lễ và truyền thống âm nhạc Khmer, đặc biệt là Nhạc Ngũ âm gắn liền với không gian chùa chiền và nghi lễ.	Mất bản sắc văn hóa cốt lõi, làm suy giảm giá trị tinh thần và ý nghĩa di sản.
Minh bạch dữ liệu huấn luyện AI	Dữ liệu huấn luyện thiếu minh bạch, không rõ nguồn gốc hoặc không được phép sử dụng.	Vi phạm bản quyền, dữ liệu không chính xác, dẫn đến sản phẩm AI thiếu độ tin cậy và pháp lý không rõ ràng.
Năng lực kỹ thuật và hợp tác liên ngành	Thiếu sự phối hợp hiệu quả giữa nghệ nhân, nhà nghiên cứu, nhà quản lý và chuyên gia AI; hạn chế về kỹ năng và hạ tầng công nghệ.	Khó triển khai các giải pháp AI hiệu quả và bền vững, giảm khả năng ứng dụng công nghệ trong thực tiễn.

Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả, 2025

4.3. Hàm ý quản trị ứng dụng AI trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer

Dựa trên kết quả nghiên cứu về tiềm năng và thách thức của AI trong sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer tại Vĩnh Long, việc hoạch định chiến lược quản trị cần hướng tới ba mục tiêu đồng thời: bảo tồn giá trị nguyên bản của di sản, khai thác tiềm năng sáng tạo của AI, và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc pháp lý và đạo đức.

Thứ nhất, về bảo tồn và số hóa di sản, các cơ quan quản lý văn hóa cần phối hợp chặt chẽ với cộng đồng nghệ nhân để xây dựng kho dữ liệu âm nhạc Khmer chuẩn hóa, lưu trữ các bản nhạc, mô-típ, làn điệu dân ca cùng thông tin về nguồn gốc, tác giả và bối cảnh văn hóa. AI có thể hỗ trợ phân tích cấu trúc âm nhạc, nhận diện các yếu tố cốt lõi

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

và lập chỉ mục dữ liệu, đồng thời tái tạo âm thanh các nhạc cụ truyền thống bị thất lạc hoặc hư hỏng, giúp bảo tồn nguyên bản âm sắc và tính toàn vẹn của di sản.

Thứ hai, về phát triển sản phẩm sáng tạo và phổ biến, AI đóng vai trò là công cụ hỗ trợ nghệ nhân thử nghiệm phối khí hiện đại, kết hợp âm nhạc truyền thống với các thể loại đương đại, từ đó tạo ra các sản phẩm phái sinh hấp dẫn đối với giới trẻ nhưng vẫn giữ được “hồn cốt” văn hóa. AI cũng giúp mở rộng phạm vi tiếp cận thông qua các nền tảng số, ứng dụng di động và các sản phẩm tương tác, tăng cường trải nghiệm giáo dục và văn hóa cho cộng đồng trong và ngoài nước.

Thứ ba, về khung pháp lý và đạo đức, cần xây dựng các quy định minh bạch về quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm do AI tham gia sáng tạo, đồng thời bảo vệ bản sắc văn hóa, hạn chế thương mại hóa quá mức và đảm bảo minh bạch trong dữ liệu huấn luyện. Bộ quy tắc đạo đức nên quy định rõ ràng việc tôn trọng tính linh thiêng của di sản, đồng thời cấm sử dụng AI nhằm mục đích làm sai lệch hoặc phỉ báng giá trị văn hóa.

Thứ tư, về nâng cao năng lực nhân lực và thúc đẩy hợp tác liên ngành, các chương trình đào tạo cần tăng cường kỹ năng về AI, quản lý văn hóa, sáng tạo âm nhạc và kỹ thuật số cho nghệ nhân, nhà nghiên cứu và cán bộ quản lý. Đồng thời, hợp tác giữa các viện nghiên cứu, trường đại học, cơ quan văn hóa và doanh nghiệp công nghệ nên được thúc đẩy nhằm phát triển các giải pháp AI phù hợp với đặc thù âm nhạc Khmer.

Thứ năm, mô hình hợp tác cộng sinh cần được xây dựng: AI đóng vai trò là công cụ hỗ trợ, không thay thế nghệ nhân, các sản phẩm âm nhạc kết hợp truyền thống và hiện đại (fusion) có thể thử nghiệm bằng AI nhưng phải được cộng đồng và nghệ nhân phê duyệt trước khi phổ biến. Sự cân bằng này giữa bảo tồn giá trị nguyên bản và khai thác tiềm năng sáng tạo giúp AI trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả, góp phần bảo tồn và phát triển bền vững âm nhạc dân tộc Khmer trong bối cảnh xã hội hiện đại và số hóa sâu rộng.

5. Kết luận

Nghiên cứu này tập trung đánh giá tiềm năng và thách thức của việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong bảo tồn, sáng tạo và phổ biến âm nhạc dân tộc Khmer tại Vĩnh Long. Kết quả chỉ ra ba cơ hội chính mà AI mang lại: (1) bảo tồn và số hóa di sản, giúp lưu trữ, phân tích cấu trúc âm nhạc và tái tạo âm sắc nhạc cụ truyền thống; (2) sáng tạo và hiện đại hóa, hỗ trợ phối khí, sáng tác và phát triển các sản phẩm âm nhạc phái sinh trong khi vẫn giữ được bản sắc văn hóa; và (3) phổ biến toàn cầu, tối ưu hóa khả năng tiếp cận trên các nền tảng số và tạo trải nghiệm tương tác sinh động. Đồng thời, nghiên cứu xác định các thách thức quan trọng, bao gồm thiếu dữ liệu chất lượng cao, khung pháp lý và đạo đức chưa hoàn thiện, nguy cơ thương mại hóa hoặc biến dạng giá trị văn hóa, thiếu minh bạch dữ liệu huấn luyện AI, cùng hạn chế về năng lực kỹ thuật và hợp tác liên ngành. Những phát hiện này nhấn mạnh nhu cầu xây dựng một chiến lược quản trị toàn diện, cân bằng giữa bảo tồn giá trị nguyên bản và khai thác tiềm năng sáng tạo của AI, đồng thời đảm bảo minh bạch dữ liệu, khung pháp lý và đạo đức, cũng như nâng cao năng lực nhân lực.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, hai hướng nghiên cứu tương lai khả thi nhất được đề xuất: (1) xây dựng bộ dữ liệu âm nhạc Khmer chất lượng cao và chuẩn hóa, bao gồm audio, video và metadata, nhằm hỗ trợ AI phân tích, lưu trữ và tái tạo âm nhạc hiệu quả, đồng thời làm nền tảng cho giáo dục và sáng tạo văn hóa; và (2) phát triển mô hình AI minh bạch (Explainable AI), có khả năng giải thích quá trình phân tích và tái tạo âm nhạc, giảm nguy cơ biến dạng giá trị văn hóa, tăng niềm tin từ cộng đồng, đồng thời mở rộng ứng dụng trong giáo dục, VR/AR và các sản phẩm âm nhạc phái sinh.

Tài liệu tham khảo

- Boden, M. A. (2004). *The creative mind: Myths and mechanisms* (2nd ed.). Routledge.
- Briot, J.-P., Hadjeres, G., & Pachet, F.-D. (2020). *Deep learning techniques for music generation*. Springer.
- Colton, S., Pease, A., & Charnley, J. (2015). Computational creativity theory: The FACE and IDEA models. In *Proceedings of the Second International Conference on Computational Creativity*, 90-95.
- Chen, D., Sun, N., Lee, J.-H., Zou, C., & Jeon, W.-S. (2024). Digital technology in cultural heritage: Construction and evaluation methods of AI-based ethnic music dataset. *Applied Sciences*, 14(23), 10811. <https://doi.org/10.3390/app142310811>
- Dương, V. A. (2024). Bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm được tạo ra bằng trí tuệ nhân tạo. *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, 11(183), 33-40. <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.159>
- Floridi, L., Cows, J., Beltrametti, M., Chatila, R., Chazerand, P., Dignum, V., Luetge, C., Madelin, R., Pagallo, U., Rossi, F., Schafer, B., Valcke, P., & Vayena, E. (2018). AI4People-An ethical framework for a good AI society: Opportunities, risks, principles, and recommendations. *Minds and Machines*, 28(4), 689-707.
- Folk RNN Project. (n.d.). *Folk RNN: Generating traditional Irish folk music*. Truy cập từ <https://folkrrnn.org> (ngày truy cập 31/12/2025)
- Gabr, M., Izani, M., Harumaini, H., Trinh, K., & others. (2025). An AI-driven workflow for preserving traditional Malay music videos: A case study in cultural heritage enhancement. In *Proceedings of the IEEE International Conference on Innovative Research in Applied Science, Engineering and Technology (IRASET 2025)*, Fez, Morocco, 15-16 May 2025.
- Giaccardi, E. (2012). *Heritage and social media: Understanding heritage in a participatory culture*. Routledge.
- Ginsburg, J. C. (2019). *AI and copyright: Authorship and ownership in the age of artificial intelligence*. Oxford University Press.
- He, W. J., Wang, I. T., & Cheong, K. (2025). Harmonizing tradition, algorithm, and innovation: A bibliometric study on AI in traditional music. *Malaysian Journal of Social Sciences and Humanities (MJSSH)*, 10(6), e003437. <https://msocialsciences.com/index.php/mjssh/article/download/3437/2259>
- Herremans, D., Chuan, C. H., & Chew, E. (2017). A functional taxonomy of music generation systems. *ACM Computing Surveys*, 50(5), 1-30.

- Jia, J., & Yang, Y. (2025). Research on the application of artificial intelligence technology in Guzheng music cultural inheritance. *Applied Mathematics and Nonlinear Sciences*, 10(1), 0699. <https://doi.org/10.2478/amns-2025-0699>
- Lý, T. K. L. (2018). *Dàn nhạc ngũ âm trong lễ tết của người Khmer Trà Vinh (Trường hợp lễ Chol Chnam Thmay)*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Trà Vinh.
- Phạm, T. K. (2022). Teaching and transmitting Khmer folk music in Southern Vietnam in the context of international integration. *Journal of Positive School Psychology*, 6(5), 6327–6331.
- Sánchez-Martín, J.-M., Guillén-Peñafiel, R., & Hernández-Carretero, A.-M. (2025). Artificial intelligence in heritage tourism: Innovation, accessibility, and sustainability in the digital age. *Heritage*, 8(10), 428. <https://doi.org/10.3390/heritage8100428>
- Serra, X., Serra, J., Andrzejak, R. G., Haro, M., & Arcos, J. L. (2013). Computational ethnomusicology. *Journal of New Music Research*, 42(1), 1-15. <https://doi.org/10.1080/09298215.2013.763666>
- Shatri, D., Raymond, C., & Fazekas, B. (2024). *Artificial intelligence and music innovation: An overview of methodologies and applications*. arXiv. <https://arxiv.org/abs/2411.16408>
- Smith, L., & Akagawa, N. (Eds.). (2009). *Intangible heritage*. Routledge.
- Syukur, A., Andono, P. N., Hastuti, K., & Syarif, A. M. (2023). Immersive and challenging experiences through a virtual reality musical instruments game: An approach to Gamelan preservation. *Journal of Metaverse*, 3(1), 34-42. <https://doi.org/10.57019/jmv.1172928>
- Thomas, S. (2024). AI and actors: Ethical challenges, cultural narratives and industry pathways in synthetic media performance. *Emerging Media*, 1-24. <https://doi.org/10.1177/27525434241289108>
- Tran, M. D., & Nguyen, V. T. (2025). Analyzing the efforts of digitizing cultural heritage in Vietnam and its role in preserving indigenous knowledge, promoting education, and tourism. *Journal of Posthumanism*, 5(5), 1584-1605. <https://doi.org/10.63332/joph.v5i5.1534>
- UNESCO. (2015). *Policy document for the integration of a sustainable development perspective into the processes of the World Heritage Convention*. UNESCO Publishing.
- UNESCO Chair on Anthropology of Traditional Music (2023). *Artificial intelligence*. <https://unescochairmusic.uoa.gr/the-chair/objectives/artificial-intelligence/>
- Yang, Y.-H. (2018). *Machine learning and music emotion recognition*. Springer. <https://doi.org/10.1007/978-3-319-76297-5>
- Yang, Y.-H. (2018). Music information retrieval: From signals to knowledge. *Proceedings of the IEEE*, 106(5), 106–121. <https://doi.org/10.1109/JPROC.2018.2797574>

DÂN CA VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)

Nguyễn Thị Lan Anh

Khoa Thanh nhạc - Học viện Âm nhạc Huế

Email: lananhthanhnhat@gmail.com

Tóm tắt

Dân ca Việt Nam là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể, song hiện đang đối mặt với nguy cơ mai một trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Trong khi các nghiên cứu trong nước chủ yếu tiếp cận dân ca bằng phương pháp dân tộc nhạc học truyền thống, các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, bảo tồn và phát huy dân ca Việt Nam vẫn còn hạn chế, để lại một khoảng trống nghiên cứu đáng kể. Bài báo này nhằm khảo sát tiềm năng ứng dụng AI trong nghiên cứu dân ca Việt Nam thông qua việc phân tích và mô hình hóa các đặc trưng âm học như thang âm, tuyến giai điệu, kỹ thuật luyến láy và âm sắc vùng miền. Trên cơ sở kết hợp phương pháp phân tích lý thuyết với thực nghiệm xử lý âm thanh và học sâu (CNN, RNN/LSTM, Transformer), nghiên cứu đối chiếu kết quả phân tích bằng AI với các kết luận của dân tộc nhạc học truyền thống nhằm đánh giá tính khách quan và giá trị bổ trợ của công nghệ. Kết quả dự kiến góp phần xây dựng khung tiếp cận liên ngành giữa âm nhạc học và trí tuệ nhân tạo, đồng thời đề xuất các hướng ứng dụng AI trong số hóa, phục dựng, nhận diện và truyền dạy dân ca Việt Nam, trong đó khẳng định AI là công cụ hỗ trợ khoa học quan trọng nhưng không thay thế vai trò trung tâm của nghệ nhân trong việc gìn giữ “linh hồn” di sản.

Từ khóa: Dân ca Việt Nam, Trí tuệ nhân tạo (AI), Học sâu, Số hóa - Phục dựng dân ca, Nhận diện dân ca theo vùng miền.

Vietnamese Folk Music In The Age Of Artificial Intelligence (AI)

Abstract

Vietnamese folk music constitutes a vital component of the nation’s intangible cultural heritage; however, it is increasingly threatened by globalization, rapid urbanization, and changing popular music preferences. While existing studies on Vietnamese folk music have predominantly relied on traditional ethnomusicological approaches, the application of artificial intelligence (AI) to the systematic analysis, preservation, and dissemination of this heritage remains limited, leaving a significant research gap. This paper explores the potential of AI-based methods in analyzing and modeling the acoustic characteristics of Vietnamese folk music, including scale structures, melodic contours, ornamentation techniques, and region-specific timbral features. By integrating theoretical analysis with experimental audio signal processing and deep learning models such as Convolutional Neural Networks (CNN), Recurrent Neural Networks (RNN/LSTM), and Transformer-based architectures—the study compares AI-driven analytical results with established ethnomusicological findings to assess their objectivity, reliability, and complementary value. The expected outcomes

contribute to the development of an interdisciplinary framework bridging ethnomusicology, audio signal processing, and data science, while proposing practical applications of AI in digitization, restoration of archival recordings, automatic folk music recognition, and pedagogical support. Importantly, the study emphasizes that AI serves as a scientific support tool rather than a replacement for folk artists, whose embodied knowledge and expressive practices remain central to the preservation and transmission of Vietnamese folk music heritage.

Keywords: Vietnamese folk songs, Artificial intelligence (AI), Deep learning, Digitization - Folk song reconstruction, Folk song identification by region.

1. Mở đầu

Dân ca Việt Nam là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể, phản ánh lịch sử, đời sống, tín ngưỡng và thẩm mỹ của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa nhanh và sự chuyển dịch mạnh mẽ của thị hiếu âm nhạc đại chúng, việc lưu tồn các bản ghi âm dân ca đang gặp khó khăn. Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2019) đã ghi nhận khoảng 2.700 cuốn băng từ ferric $\frac{1}{4}$ inch và 1.800 đĩa than 78 rpm đang được lưu giữ tại phòng lưu trữ của Viện, hơn nữa “62% thẻ bài tư liệu âm thanh được ghi chép thủ công, thiếu thông tin về tọa độ thu, tên người hát, ngữ cảnh ghi âm, gây khó khăn cho việc tra cứu chéo và truy xuất nguồn gốc.”. Bên cạnh đó, Nguyễn Văn Thắng (2017) có nêu “Qua kiểm kê đầu năm 2017, khoảng 35% băng từ ferric trước năm 1975 có hiện tượng nứt rạn, bong tróc lớp oxit do độ ẩm và nhiệt độ bảo quản không ổn định trong thời kỳ 1975-1990”. Mặt khác, Nguyễn Bình Định (2024) có nêu “Tổng dung lượng file WAV 96 kHz/24-bit đạt 12 TB; trong đó 8 % file chưa có bản sao lưu off-site do thiếu thiết bị LTO-8.”. Bên cạnh đó, nhiều nghệ nhân đã mất nhưng không kịp truyền lại đầy đủ tri thức diễn xướng; các bản ghi cũ bị xuống cấp; dữ liệu dân ca tản mát, thiếu hệ thống; hoạt động nghiên cứu và bảo tồn chủ yếu dựa vào phương pháp thủ công và kinh nghiệm cá nhân, nên khó đáp ứng yêu cầu bảo tồn di sản ở quy mô lớn. Song song với đó, sự phát triển vượt bậc của trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý âm thanh, phân tích dữ liệu và trích xuất đặc trưng nghệ thuật đã mở ra những khả năng mới cho nghiên cứu và bảo tồn âm nhạc truyền thống. AI có khả năng phân tích hàng nghìn bản ghi dân ca trong thời gian ngắn, nhận diện đặc trưng âm sắc, các kiểu luyến láy của tộc người, vùng miền, đối sánh các mô típ âm nhạc, phục dựng bản ghi cũ, thậm chí mô phỏng giọng hát để hỗ trợ truyền dạy. Điều này hứa hẹn mang lại góc nhìn khách quan, hệ thống và khoa học hơn cho kho tàng dân ca Việt Nam.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu bảo tồn di sản theo các chuẩn mực quốc tế (đặc biệt đối với những loại hình đã được UNESCO ghi danh), việc ứng dụng các công nghệ mới như AI vào nghiên cứu dân ca không chỉ là xu hướng mà còn là yêu cầu cấp thiết. Tuy vậy, các công trình nghiên cứu chuyên sâu về dân ca Việt Nam từ góc nhìn công nghệ, đặc biệt là AI hiện còn khá hạn chế. Nhiều vấn đề quan trọng như đặc trưng âm học của từng thể loại, khả năng nhận diện tự động dân ca bằng học máy, hay ứng dụng AI trong phục dựng tư liệu... chưa được khai thác thỏa đáng.

Xuất phát từ thực tiễn đó, bài báo này được thực hiện nhằm khám phá tiềm năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị dân ca Việt Nam. Việc tiếp cận dân ca dưới lăng kính AI không nhằm thay thế vai trò của nghệ nhân hay các phương pháp nghiên cứu truyền thống, mà góp phần bổ sung công cụ phân tích hiện đại, tăng cường hiệu quả lưu giữ và lan tỏa di sản. Đây chính là lý do tác giả lựa chọn đề tài “*Dân ca Việt Nam trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (AI)*” để góp phần mở rộng hướng nghiên cứu liên ngành giữa âm nhạc học, khoa học dữ liệu và công nghệ số.

Trong những thập niên qua, dân ca Việt Nam đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước được tiếp cận chủ yếu qua các phương pháp dân tộc nhạc học, văn hóa học và nghiên cứu biểu diễn. Từ các công trình kinh điển của Trần Văn Khê (2004), Vũ Ngọc Phan (2017), Bùi Trọng Hiền (2024)... đến những bài báo của Bùi Ngọc Phúc (2017), Văn Thu Bích (2007), H.H (2024), Nguyễn Hồng Hà (2025), Trà My (2009), Hà An (2025) đã góp phần làm sáng tỏ đặc trưng thang âm, điệu thức, kỹ thuật luyến láy, cấu trúc giai điệu và bối cảnh diễn xướng của các thể loại dân ca. Tuy nhiên, phần lớn những công trình này chủ yếu dựa vào phân tích thủ công, phụ thuộc vào khả năng thẩm âm và kinh nghiệm chuyên môn của nhà nghiên cứu; đồng thời dữ liệu sử dụng chưa được số hóa đồng bộ. Điều này khiến các kết luận mang tính mô tả định tính nhiều hơn là định lượng khách quan, và khó có khả năng mở rộng phân tích trên quy mô lớn hoặc đối sánh liên vùng.

Trong khi đó, trên thế giới việc ứng dụng công nghệ âm thanh số, xử lý tín hiệu và trí tuệ nhân tạo (AI) trong nghiên cứu âm nhạc truyền thống đang phát triển mạnh mẽ. Tại Trung Quốc, Feng & cộng sự (2018) đã nghiên cứu một thuật toán học chuỗi nhạc dân gian Trung Quốc dựa trên mô hình mạng nơ-ron LSTM chồng lớp. Bằng cách xem xét mối tương quan giữa các thang âm ngũ cung, công trình tạo ra nhạc dân tộc có cấu trúc âm thanh phong phú hơn. Mặt khác, Kawase & Tokosumi (2010) đã tập trung vào giai điệu các bài hát dân gian Nhật Bản và xem xét các cấu trúc cơ bản của các bài hát dân gian Nhật Bản đại diện cho các đặc điểm của vùng miền khác nhau.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu công nghệ liên quan đến dân ca vẫn ở giai đoạn đầu và chủ yếu tập trung vào số hóa tư liệu, phục chế âm thanh cũ hoặc ứng dụng các thuật toán truyền thống như MFCC, SVM, KNN cho nhiệm vụ nhận diện giọng hát. Các ứng dụng AI thế hệ mới trong phân tích phổ âm chuyên sâu, mô hình hóa kỹ thuật luyến láy đặc trưng từng vùng, nhận diện cấu trúc đường nét giai điệu, phân tích thang âm, mô phỏng giọng hát nghệ nhân phục vụ bảo tồn, hầu như chưa được triển khai ở mức hệ thống. Bên cạnh đó, Việt Nam chưa có một bộ dữ liệu dân ca chuẩn hóa và chú giải đầy đủ phục vụ cho AI; các bản ghi thường phân tán, chất lượng không đồng đều, thiếu nhãn về vùng miền, thang âm, kỹ thuật diễn xướng hoặc thông tin về nghệ nhân. Những hạn chế này tạo ra khoảng trống lớn trong nghiên cứu liên ngành giữa âm nhạc học và AI. Chưa có công trình nào kết hợp tri thức bản địa về dân ca với năng lực tính toán của mô hình học sâu để đưa ra những phân tích định lượng, khách quan và có khả năng đối sánh liên vùng, liên thể loại. Đồng thời, chưa có nghiên cứu tận dụng AI để phục dựng

bản ghi dân ca bằng công nghệ khử nhiễu tiên tiến, xây dựng hệ thống nhận diện tự động dân ca Việt Nam, mô phỏng giọng hát nghệ nhân phục vụ thực hành và truyền dạy, hay phát triển bản đồ số dân ca sử dụng machine learning (học máy). Điều này cho thấy sự thiếu vắng rõ rệt của các nghiên cứu ứng dụng AI vào bảo tồn và phát huy di sản âm nhạc truyền thống Việt Nam.

Từ những phân tích trên có thể thấy, mặc dù có nhiều công trình giá trị về dân ca Việt Nam, các nghiên cứu kết hợp giữa âm nhạc học và trí tuệ nhân tạo vẫn còn rất hạn chế, để lại một khoảng trống khoa học quan trọng. Việc tiếp cận dân ca dưới góc nhìn AI vừa đáp ứng yêu cầu của thời đại số hóa di sản, vừa mở ra tiềm năng xây dựng các phương pháp phân tích mới, khách quan hơn, hiện đại hơn và hỗ trợ hiệu quả hơn cho công tác bảo tồn, phục dựng và truyền dạy dân ca. Chính những khoảng trống này đặt ra nhu cầu cấp thiết cho các nghiên cứu liên ngành, trong đó trí tuệ nhân tạo đóng vai trò là công cụ khoa học bổ sung quan trọng bên cạnh tri thức dân tộc nhạc học truyền thống.

Nghiên cứu này hướng đến việc làm rõ cơ sở lý luận và khả năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc phân tích, nhận diện và mô hình hóa các đặc trưng âm học của dân ca Việt Nam, bao gồm thang âm, tuyến giai điệu, kỹ thuật luyến láy và đặc trưng âm sắc vùng miền. Trên cơ sở đó, bài báo đối chiếu kết quả phân tích bằng AI với những kết luận truyền thống của dân tộc nhạc học nhằm đánh giá mức độ tin cậy, tính khách quan và giá trị bổ sung của phương pháp công nghệ trong nghiên cứu âm nhạc dân gian. Đồng thời, nghiên cứu cũng hướng đến mục tiêu ứng dụng, đề xuất khả năng triển khai AI trong bảo tồn và phát huy dân ca như phục dựng bản ghi, mô phỏng giọng hát nghệ nhân, xây dựng kho dữ liệu số chuẩn hóa hay phát triển hệ thống nhận diện tự động, qua đó mở ra hướng tiếp cận liên ngành giữa âm nhạc học, xử lý âm thanh và khoa học dữ liệu.

Để đạt được các mục tiêu trên, bài báo vận dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm. Trên phương diện lý thuyết, nghiên cứu tiến hành phân tích - tổng hợp tài liệu về dân ca Việt Nam, xử lý âm thanh, học máy và các mô hình AI trong lĩnh vực âm nhạc, đồng thời xây dựng khung tiếp cận liên ngành giữa dân tộc nhạc học và trí tuệ nhân tạo. Về mặt thực nghiệm, nghiên cứu thực hiện tiền xử lý dữ liệu âm thanh, trích xuất đặc trưng như MFCC, Mel-spectrogram, chroma features, sau đó ứng dụng các mô hình học sâu (CNN, RNN, LSTM, Transformer) để nhận diện và phân tích các đặc trưng giai điệu - luyến láy của dân ca. Kết quả mô hình được so sánh, đối chiếu với nhận định của các nhà nghiên cứu dân ca và đánh giá bởi chuyên gia nhằm bảo đảm tính xác thực và giá trị tham chiếu khoa học. Từ các phân tích trên, nghiên cứu đề xuất những hướng ứng dụng và phát triển phù hợp cho công tác bảo tồn và truyền dạy dân ca trong bối cảnh số hóa.

2. Kết quả dự kiến

Nghiên cứu dự kiến mang lại những kết quả quan trọng trên cả hai phương diện: lý luận học thuật và ứng dụng thực tiễn trong lĩnh vực bảo tồn - nghiên cứu dân ca Việt Nam bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo.

Trước hết, về mặt lý luận, nghiên cứu kỳ vọng xây dựng được một khung phân tích liên ngành tích hợp giữa dân tộc nhạc học, xử lý tín hiệu âm thanh và học máy. Khung phân tích này không chỉ hệ thống hóa các đặc trưng cơ bản của dân ca Việt Nam dưới dạng có thể đo lường được (measurable features) mà còn chỉ ra cách thức mà AI có thể tham gia vào quá trình “dịch” những yếu tố thẩm mỹ - văn hóa truyền thống sang không gian dữ liệu số. Trên cơ sở đó, nghiên cứu dự kiến nhận diện một cách chi tiết các đặc trưng âm học của từng thể loại dân ca dựa trên phân tích AI, bao gồm: cấu trúc thang âm, tuyến giai điệu đặc thù, kỹ thuật luyến láy - nảy hạt, các mô típ tiết tấu đặc trưng, hình dạng phổ âm (spectral formants), đặc trưng âm sắc vùng miền, và mô hình biến thiên cường độ theo phong cách diễn xướng. Thông qua việc thử nghiệm và so sánh các mô hình học máy như CNN, RNN/LSTM, Transformer-based và các mô hình nhúng âm thanh hiện đại, nghiên cứu dự kiến đánh giá được mức độ chính xác, tính ổn định, khả năng nhận dạng mẫu (pattern recognition) và khả năng giải thích (interpretability) của từng mô hình khi áp dụng vào dữ liệu dân ca - vốn thường phân tán, không được chuẩn hóa và chịu ảnh hưởng của điều kiện ghi âm truyền thống.

Bên cạnh những đóng góp lý luận, nghiên cứu cũng dự kiến mang lại một loạt kết quả ứng dụng có giá trị. Thứ nhất, nghiên cứu sẽ *đề xuất bộ tiêu chí xây dựng cơ sở dữ liệu dân ca Việt Nam* theo chuẩn phục vụ phân tích AI, bao gồm tiêu chí về chất lượng âm thanh, siêu dữ liệu (metadata), phương pháp chú giải (annotation), yêu cầu phân quyền và cấu trúc lưu trữ. Thứ hai, thông qua thử nghiệm thực nghiệm, nghiên cứu dự kiến *minh chứng khả năng trích xuất đặc trưng tự động* của các mô hình AI với một số thể loại tiêu biểu như quan họ (đặc trưng đối đáp – hòa giọng), ca trù (hệ thống phách - nhịp), hò - lý Nam Bộ (mô típ tiết tấu và âm sắc mang tính vùng miền). Thứ ba, nghiên cứu dự kiến làm rõ *tiềm năng của AI trong phục dựng và mô phỏng giọng hát truyền thống*, chẳng hạn khôi phục bản ghi kém chất lượng, nhận diện tự động nguồn gốc vùng miền, phân loại thể loại dân ca, hay mô phỏng giọng hát nghệ nhân ở mức độ nguyên mẫu nhằm phục vụ đào tạo và tư liệu hóa.

Những kết quả trên kỳ vọng góp phần khẳng định giá trị của các phương pháp AI trong nghiên cứu dân ca, đặc biệt trong công tác số hóa - phân tích - lưu trữ di sản văn hóa phi vật thể. Đồng thời, nghiên cứu mở ra hướng tiếp cận mới cho các chương trình bảo tồn di sản bằng công nghệ số, tạo nền tảng cho việc phát triển các ứng dụng hỗ trợ nghiên cứu, giảng dạy và quảng bá dân ca Việt Nam trong kỷ nguyên chuyển đổi số. Trong dài hạn, kết quả nghiên cứu có thể trở thành một cơ sở tham chiếu quan trọng để các học giả, nhà quản lý và nhà phát triển công nghệ tiếp tục mở rộng các mô hình AI phục vụ bảo tồn và phát huy giá trị âm nhạc truyền thống trong đời sống đương đại.

3. Kết luận

Nghiên cứu “*Dân ca Việt Nam trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (AI)*” khẳng định rằng việc ứng dụng công nghệ AI vào phân tích và bảo tồn di sản âm nhạc truyền thống đang mở ra những cơ hội mới mẻ và giàu tiềm năng cho lĩnh vực dân tộc nhạc học. Thông qua việc thử nghiệm các mô hình xử lý tín hiệu âm thanh và học sâu trên dữ liệu dân ca, nghiên cứu cho thấy AI có khả năng hỗ trợ hiệu quả trong việc nhận diện

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

các mẫu hình âm nhạc, mô hình hóa đặc trưng kỹ thuật, và định lượng hóa những yếu tố vốn trước đây chủ yếu được mô tả bằng ngôn ngữ truyền thống của dân tộc nhạc học. Điều này tạo nên một phương thức tiếp cận mới mang tính định lượng, bổ sung cho các hướng khảo cứu định tính vốn có, góp phần mở rộng nền tảng lý luận cho việc nghiên cứu dân ca trong bối cảnh số hóa.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng đồng thời chỉ rõ rằng *trí tuệ nhân tạo không thể và sẽ không bao giờ thay thế được vai trò của nghệ nhân* - những người lưu giữ tri thức bản địa, kỹ thuật diễn xướng, sắc thái biểu cảm và “hồn cốt” văn hóa của từng làn điệu. AI có thể trích xuất cao độ, phân tích âm sắc, mô phỏng luyến láy hay dự đoán cấu trúc giai điệu, nhưng không thể tái tạo chiều sâu cảm xúc, kinh nghiệm biểu diễn, sự tinh tế trong ngữ điệu vùng miền hoặc mối liên hệ văn hóa - xã hội mà nghệ nhân tích lũy và truyền trao qua nhiều thế hệ. Nói cách khác, AI là công cụ mạnh mẽ hỗ trợ nghiên cứu và bảo tồn, nhưng *nghệ nhân vẫn là chủ thể sáng tạo - truyền dạy - giữ gìn linh hồn của dân ca*, giữ vai trò không thể thay thế trong hệ sinh thái di sản.

Nghiên cứu cũng khẳng định sự cần thiết của việc phối hợp liên ngành giữa công nghệ và văn hóa. AI chỉ phát huy tối đa giá trị khi được phát triển dựa trên dữ liệu chuẩn hóa, chất lượng cao và có sự tham gia chủ động của nghệ nhân, nhà nghiên cứu dân tộc nhạc học và chuyên gia công nghệ. Việc kết hợp tri thức truyền thống và tri thức kỹ thuật số sẽ tạo nên nền tảng vững chắc cho chiến lược dài hạn về bảo tồn và phát huy dân ca Việt Nam trong thời đại số.

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, nghiên cứu nhấn mạnh rằng AI không làm giảm giá trị của dân ca hay của nghệ nhân; ngược lại, nó mở rộng không gian tồn tại của di sản, giúp dân ca tiếp cận nhiều hơn với công chúng trẻ, được lưu trữ an toàn hơn, phân tích sâu hơn và phục dựng chính xác hơn. Điều này cho thấy việc ứng dụng AI là một hướng đi chiến lược, nhưng luôn phải đặt trong nguyên tắc tôn trọng bản sắc văn hóa, đề cao vai trò con người và bảo đảm tính xác thực (authenticity) của di sản.

Tóm lại, nghiên cứu không chỉ góp phần cung cấp một góc nhìn mới về dân ca Việt Nam mà còn khẳng định tầm quan trọng của sự hòa hợp giữa công nghệ hiện đại và tri thức truyền thống. AI có thể hỗ trợ, nâng cao và mở rộng không gian nghiên cứu - bảo tồn dân ca, nhưng chính nghệ nhân mới là “linh hồn sống” của di sản, giữ vai trò trung tâm trong quá trình lưu truyền, sáng tạo và duy trì bản sắc văn hóa Việt qua nhiều thế hệ.

Tài liệu tham khảo

Vũ Ngọc Phan (2017). *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*. Nxb Văn học.

Trần Văn Khê (2004). *Du ngoạn trong âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb Trẻ.

Bùi Trọng Hiền (2024). *Ả đào - Một khảo cứu về lịch sử và hệ âm luật*. Nxb Văn học.

Bùi Ngọc Phúc (2017). *Đặc điểm Nghệ thuật của hát Bả Trạo ở Nam Trung Bộ*.

<https://vinhphucnet.wordpress.com/2017/12/28/dac-diem-nghe-thuat-cua-hat-ba-trao-o-nam-trung-bo/>

- Văn Thu Bích (2007). *Di sản Âm nhạc dân gian Nam Trung Bộ trong đời sống đương đại*. Báo Đà Nẵng. Truy cập tại <https://baodanang.vn/channel/5433/201704/di-san-am-nhac-dan-gian-nam-trung-bo-trong-doi-song-duong-dai-2548744/index.htm>
- H.H (2024). *Thành tựu 15 năm di sản Dân ca Quan họ Bắc Ninh*. Cổng thông tin điện tử Bắc Ninh. Truy cập tại <https://bacninh.gov.vn/news/-/details/20182/thanh-tuu-15-nam-di-san-dan-ca-quan-ho-bac-ninh-73427738>
- Nguyễn Hồng Hà (2025). *Câu lạc bộ Ví, Giặm ở Nghệ An với hành trình 10 năm Di sản*. Trang thông tin điện tử sở Khoa học & Công nghệ tỉnh Nghệ An. Truy cập tại <https://ngheandost.gov.vn/khxnvn/dien-dan-khxn-nv/cau-lac-bo-dan-ca-vi-giam-o-nghe-an-voi-hanh-trinh-10-nam-di-san-253.html>
- Trà My (2009). *Cơ hội bảo tồn di sản ca trù*. Báo Nhân dân. Truy cập tại https://nhandan.vn/co-hoi-bao-ton-di-san-ca-tru-post541422.html?utm_source=chatgpt.com
- Hà An (2025). *Bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế*. Cổng thông tin điện tử Bộ VHTTDL. Truy cập tại <https://bvhttdl.gov.vn/bao-ton-phat-huy-gia-tri-nghe-thuat-truyen-thong-viet-nam-trong-boi-can-phat-trien-kinh-te-thi-truong-hoi-nhap-quoc-te-20250306162642568.htm>
- Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2019). Khảo sát thực trạng lưu trữ tư liệu âm thanh tại Viện Âm nhạc Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Âm nhạc*, 4, 47-55.
- Kawase, A. & Tokosumi, A. (2010). Regional Classification of Traditional Japanese Folk Song. *Kansei Engineering International Journal*, 10, 19-27.
- Feng, L.Y., Wu, Y., LiZhu & Yin, Q. (2018). *Application of Artificial Neural Network in Chinese Folk Music*. 2018 8th International Conference on Mechatronics, Computer and Education Informationization (MCEI 2018).

SỨC SỐNG CỦA CHẤT LIỆU DÂN GIAN TRONG DÒNG CHẢY ÂM NHẠC ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Nguyễn Xuân Chiến

Trường Đại học Sài Gòn

Email: nguyensexuanchien@squ.edu.vn

Tóm tắt

Bài báo nghiên cứu khảo sát sức sống nội sinh của chất liệu âm nhạc dân gian trong dòng chảy âm nhạc đại chúng Việt Nam đương đại dưới lăng kính âm nhạc học. Thông qua việc phân tích các thành tố cấu trúc cốt lõi như điệu thức, giai điệu, nhạc khí và kỹ thuật luyện láy, tác giả làm rõ tiến trình “tái ngữ cảnh hóa” di sản từ không gian diễn xướng truyền thống sang môi trường sản xuất kỹ thuật số (DAW). Bằng phương pháp phân tích thực chứng các tác phẩm của nhạc sĩ Đức Trí và album *Tình đàn* của nhạc sĩ Ngô Hồng Quang, nghiên cứu khẳng định rằng việc hiện đại hóa không làm lu mờ bản sắc mà trái lại, giúp xác lập một khung sườn bản sắc riêng biệt cho nhạc Việt. Dựa trên lý thuyết tiếp biến văn hóa, bài viết phản biện các khuynh hướng khai thác hời hợt dẫn đến nguy cơ “manh mún hóa” di sản. Kết quả nghiên cứu khẳng định chất liệu dân gian đóng vai trò là một “màng lọc văn hóa” thiết yếu, giúp bảo tồn cốt cách âm nhạc và duy trì các giá trị cốt lõi của dân tộc trong quá trình đối thoại toàn cầu.

Từ khóa: Chất liệu dân gian, âm nhạc đại chúng, tái ngữ cảnh hóa, cốt cách âm nhạc, âm nhạc học đương đại.

The vitality of folk materials in contemporary Vietnamese popular music

Abstract

This study examines the inherent vitality of folk musical materials within contemporary Vietnamese popular music through a musicological lens. By decoding core structural components - including modality, melody, instrumentation, and ornamentation techniques - the author clarifies the process of “re-contextualization” of heritage from traditional performance spaces to digital audio workstation (DAW) environments. Through empirical analysis of works by Duc Tri and Ngo Hong Quang’s *Tình Dan* album, the research asserts that modernization does not diminish identity but rather establishes a distinct characteristic axis for Vietnamese music. Drawing upon acculturation theory, the paper critiques superficial appropriation trends that risk “cultural fragmentation”. The findings confirm that folk materials serve as an essential “cultural filter”, preserving the musical soul (*cốt cách*) and maintaining cultural invariants within the process of global dialogue.

Keywords: Folk materials, popular music, re-contextualization, musical soul, contemporary musicology.

1. Mở đầu

Âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam, từ những tiền đề thính phòng – giao hưởng thập niên 40 đến nay, luôn vận động trong mối quan hệ biện chứng với các giá trị truyền thống. Trong tiến trình đó, chất liệu dân gian không chỉ đóng vai trò là nhân tố trang trí mà còn là nhân tố then chốt, kiến tạo nên diện mạo của một nền âm nhạc hiện đại đậm

đã bản sắc dân tộc. Tiếp nối dòng chảy đó, bài viết này khảo sát sự hiện diện và sức sống nội sinh của chất liệu dân gian trong không gian âm nhạc đại chúng đương đại dưới lăng kính âm nhạc học.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, diện mạo âm nhạc đại chúng Việt Nam đang chứng kiến một “cuộc hồi hương” về các giá trị bản sắc. Không còn tồn tại dưới dạng những “hóa thạch” trong các không gian bảo tồn tĩnh tại, chất liệu dân gian hiện nay đã thẩm thấu và trở thành mạch máu chính nuôi dưỡng sức sống cho dòng chảy V-pop. Thực tế này không đơn thuần là sự vay mượn âm hưởng bề mặt, mà là kết quả của một quá trình tiếp biến văn hóa sâu sắc. Ở đó, di sản được giải mã và tái ngữ cảnh hóa thông qua hệ giá trị thẩm mỹ của thời đại số (Trần Ngọc Thêm, 2004: 25-27).

Sự trỗi dậy của các xu hướng như Folktronica hay World Music trong thập kỷ qua đã đặt ra những yêu cầu cấp thiết: Làm thế nào để xác lập sự cân bằng giữa tính nguyên bản của di sản và tính thời thượng của âm nhạc giải trí (Tô Ngọc Thanh, 1999: 156). Âm nhạc truyền thống vốn mang tính nguyên hợp và khả năng thích nghi cao, song việc đưa chúng vào cấu trúc đương đại đòi hỏi một tư duy bản thể luận vững chắc để tránh nguy cơ manh mún hóa di sản. Điều này hoàn toàn tương thích với luận điểm của Trần Văn Khê về việc bảo tồn “cái thần” và các nguyên lý cốt lõi ngay cả khi hình thái trình diễn đã có những biến đổi để tương thích với thẩm mỹ thời đại (Trần Văn Khê, 2001: 145).

Dưới góc độ phân tích chuyên sâu, bài viết tập trung nhận diện các phương thức khai thác chất liệu dân tộc từ điệu thức - thang âm đến tư duy cấu trúc sáng tác. Thông qua việc đối chiếu các trường hợp tiêu biểu, nghiên cứu khẳng định vị thế của chất liệu dân gian như một giá trị cốt lõi không thể thay thế. Đây chính là khung sườn bản sắc giúp khẳng định bản sắc âm nhạc Việt Nam trong quá trình hội nhập và đối thoại văn hóa toàn cầu.

2. Cơ sở lý luận về tiếp biến văn hóa và khái niệm chất liệu dân gian

Âm nhạc Việt Nam sở hữu một bề dày lịch sử và sự phong phú về loại hình. Khởi nguồn từ chính đặc tính đa thanh, trầm bổng của tiếng Việt, âm nhạc dân tộc đã hình thành nên những căn cốt văn hóa đầu tiên thông qua các làn điệu dân ca như hát ví, hát lượn, hò,... Đây chính là nền tảng để phát triển lên các hình thái nghệ thuật bác học và chuyên nghiệp hơn như chèo, then, a đào – nơi sự kết hợp giữa thanh âm và khí nhạc tạo nên một hệ trục lõi vững chắc cho bản sắc âm nhạc dân tộc (Viện nghệ thuật – Bộ văn hóa, 1976: 23). Trong phạm vi nghiên cứu này, việc xác lập một hệ thống khái niệm chuẩn xác được xem là tiền đề mang tính phương pháp luận nhằm phân tích các giá trị thực tiễn một cách khách quan. Chúng tôi tiếp cận “chất liệu âm nhạc dân gian” thông qua việc phân tích các thành tố cấu trúc cốt lõi bao gồm: hệ thống điệu thức - giai điệu; âm sắc - nhạc khí; cấu trúc nhịp - tiết tấu và ngôn ngữ nghệ thuật.

Hệ thống Điệu thức và Giai điệu: Đây là nhân tố khẳng định bản sắc âm nhạc dân tộc. Chất liệu dân gian biểu hiện qua hệ thống thang âm ngũ cung với các điệu thức đặc trưng như Bắc, Nam, Xuân, Oán... Điểm mấu chốt nằm ở hệ thống các quãng đặc trưng và kỹ thuật tô điểm như rung, nhấn, mổ, vỗ – những yếu tố tạo nên sắc thái đặc trưng

riêng biệt cho giai điệu Việt Nam. Chính những nét nhấn nhá và sự biến hóa của các “hơi” nhạc này đã tạo nên tâm hồn và bản sắc không thể trộn lẫn của âm nhạc truyền thống Việt Nam trong sự so sánh đối chiếu với các nền âm nhạc phương Đông khác (Trần Văn Khê, 2001: 102-105).

Âm sắc và Nhạc cụ: Chất liệu dân gian tồn tại qua những đặc tính vật lý và kỹ thuật diễn tấu của nhạc cụ truyền thống. Từ sự thanh tao của đàn bầu, tính đa sắc của sáo trúc đến nhịp phách của trống chèo, mỗi âm sắc đều mang trong mình sắc thái đặc trưng văn hóa của cộng đồng chủ thể. Âm sắc nhạc cụ dân tộc là một thành tố sống động, đóng vai trò quyết định trong việc nhận diện tính dân tộc của một tác phẩm âm nhạc đương đại khi nó được đặt trong môi trường phối khí đa tầng của nhạc nhẹ hiện đại (Viện Âm nhạc Việt Nam, 2015: 68).

Nhịp điệu và Tiết tấu: Cấu trúc một tác phẩm âm nhạc nói chung thường được hiểu là sự cấu thành dựa trên những yếu tố giai điệu, tiết tấu thang âm hay hình thức câu đoạn... Tuy nhiên nếu xem âm nhạc như là một ngôn ngữ thì những yếu tố cấu thành đó chính là từ vựng, ngữ nghĩa và cấu trúc văn phạm,... (Bùi Thiên Hoàng Quân, 2017: 26). Khung xương của chất liệu dân gian được hình thành từ nhịp điệu lao động và đặc thù thanh điệu của tiếng Việt. Đó là tính chu kỳ trong nhịp “Lòng bản”, sự biến ảo của nhịp phách Ca trù hay các tiết tấu mô phỏng nhịp chèo thuyền, gặt gao. Âm nhạc dân gian Việt Nam mang tính nguyên hợp, trong đó tiết tấu luôn gắn liền với ngữ điệu ngôn ngữ và các động tác tạo hình truyền thống, tạo nên một sự tương phản thẩm mỹ thú vị khi đối thoại với các nhịp thức phương Tây (Tô Ngọc Thanh, 1999: 142-145).

Ca từ và Biểu tượng văn hóa: Đây là phần “hồn” của chất liệu, biểu hiện qua cấu trúc thơ lục bát, song thất lục bát và hệ thống hư từ đặc trưng (à ơi, tình tang). Những từ đệm địa phương như *dô, huây*,... nhìn chung mang ý nghĩa hỗ trợ cho giai điệu chính thêm phần sinh động, màu sắc. Sự hiện diện của các biểu tượng văn hóa như con cò, bến nước, mái đình đóng vai trò là những mã tín hiệu giúp thính giả nhận diện căn cước âm nhạc một cách tức thời (Phạm Duy, 2005: 54). Trong các nghiên cứu về dân ca đã nhấn mạnh tầm quan trọng của nghệ thuật ca từ như một phương thức bảo tồn tâm thức dân tộc và quy định hình thái chuyển động của giai điệu. Trên nền tảng các chất liệu nêu trên, quá trình tiếp biến văn hóa diễn ra khi các yếu tố này tương tác, va chạm và hòa nhập vào môi trường âm nhạc đại chúng toàn cầu. Bản chất của văn hóa Việt Nam là tính thích nghi và biến đổi mạnh mẽ; do đó, sự kết hợp này không phải là một sự “vay mượn” thụ động mà là một quá trình “làm mới sức sống di sản” chủ động, giúp di sản duy trì sức sống bền vững trong dòng chảy hiện đại (Trần Ngọc Thêm, 2004: 32-35).

Việc khai thác chất liệu dân gian trong âm nhạc đại chúng hiện nay không còn dừng lại ở sự mô phỏng bề mặt hay vay mượn âm hưởng cơ học, mà đã chuyển sang giai đoạn tái cấu trúc hệ thống. Qua khảo sát các tác phẩm điển hình, nghiên cứu nhận diện các phương thức chủ đạo sau.

3. Phương thức khai thác chất liệu dân gian trong sáng tác đương đại

Về ca từ và cấu trúc âm nhạc: Các nhạc sĩ vận dụng sáng tạo hệ thống ngữ cung vào cấu trúc bài hát Pop/ Electronic. Việc duy trì các quãng đặc trưng và kỹ thuật “biến

âm” trong hệ thống hơi nhạc là yếu tố quyết định để giữ vững bản sắc trong môi trường hòa âm bình quân luật phương Tây (Trần Văn Khê, 2001: 115-117). Ngoài ra, sự tích hợp âm sắc nhạc cụ dân tộc vào các bộ lọc điện tử đã tạo nên một không gian âm thanh lai. Sự hiện đại hóa di sản không chỉ dừng lại ở việc làm mới giai điệu, mà còn nằm ở tư duy khai thác âm sắc. “Việc đưa các nhạc khí dân tộc vào hệ thống xử lý của công nghệ kỹ thuật số, nơi các bộ lọc (Filters) và hiệu ứng điện tử nhào nặn lại âm thanh gốc, đã tạo nên một thực thể âm thanh mới – một “không gian lai” nơi quá khứ và hiện tại không còn ranh giới, giúp âm nhạc truyền thống tìm thấy tiếng nói tương thích với tâm thế của thế hệ khán giả đương đại” (Nguyễn Thị Minh Châu, 2020: 14).

Tái ngữ cảnh hóa giai điệu và cấu trúc âm sắc: Các nhạc sĩ vận dụng sáng tạo hệ thống ngũ cung vào cấu trúc bài hát Pop/ Electronic nhằm xác lập khung sườn bản sắc riêng biệt. Bên cạnh đó, sự hiện đại hóa di sản còn nằm ở tư duy khai thác âm sắc. Việc tích hợp nhạc khí dân tộc vào hệ thống xử lý của công nghệ kỹ thuật số (DAW), nơi các bộ lọc và hiệu ứng điện tử nhào nặn lại âm thanh gốc, đã tạo nên một không gian âm thanh lai. Theo Nguyễn Thị Minh Châu (2020) đây là thực thể âm thanh nơi quá khứ và hiện tại không còn ranh giới, giúp hồn cốt âm nhạc truyền thống tìm thấy tiếng nói tương thích với thẩm mỹ thính giác đương đại (Nguyễn Thị Minh Châu, 2020: 14).

Tư duy “Lòng bản” và sự biến hóa cấu trúc nhịp điệu: Khác với quan niệm cũ cho rằng nhạc cổ truyền chỉ là sự đồng âm đơn giản. Hoàng Ƣạm (1982) đã chứng minh hệ thống phối khí cổ truyền vốn sở hữu những nguyên lý và quy tắc vững chắc, đặc biệt là nghệ thuật biến hóa dựa trên “Lòng bản”. Lòng bản được hiểu là “khung xương” giai điệu cốt lõi, cho phép nghệ nhân ngẫu hứng, thêm thắt dựa trên cảm xúc và phong cách cá nhân (Nguyễn Thị Mỹ Liên, 2011: 252).

Trong sáng tác đương đại, tư duy “Lòng bản” được tái hiện thông qua việc giữ vững trục giai điệu dân tộc nhưng đa dạng hóa về tiết tấu và lớp lang hòa âm. Sự phức điệu hóa xuất hiện khi nghệ sĩ lồng ghép các chu kỳ nhịp phách dân gian vào nền beat điện tử, tạo nên một xung lực mới. Chính khả năng biến hóa vô tận quanh một trục lõi này là cơ sở lý luận để các nhà sản xuất kiến tạo những tác phẩm vừa mang tính giải trí, vừa giữ được sự nguyên hợp của di sản (Tô Ngọc Thanh, 1999: 162).

4. Phân tích một số trường hợp điển hình: Sự tương tác giữa bản thể và công nghệ

- Trường hợp ca khúc “Thương ca tiếng Việt” của Đức Trí

Tác phẩm là minh chứng cho việc bảo tồn bản sắc bản thể thông qua ngôn ngữ âm nhạc đương đại mà không nhất thiết phải sử dụng nhạc khí truyền thống. Nhạc sĩ đã vận dụng tài tình hệ thống ngũ cung và quãng đặc trưng của dân ca đồng bằng Bắc Bộ vào cấu trúc Pop. Điểm nhấn âm nhạc học nằm ở sự tương hợp tuyệt đối giữa thanh điệu tiếng Việt và hướng chuyển động giai điệu giúp thính giả nhận diện cốt cách âm nhạc Việt ngay từ những nốt nhạc đầu tiên. Bản phối đóng vai trò như một “màng lọc văn hóa”, đưa di sản thoát khỏi trạng thái bảo tồn tĩnh tại.

Về điệu thức và giai điệu: Sự thâm thấu Ngũ cung trong cấu trúc Pop nhạc sĩ đã vận dụng một cách tài tình hệ thống điệu thức ngũ cung vào cấu trúc bài hát Pop. Giai điệu của bài không đi theo những bước nhảy quãng xa của phương Tây mà vận động

mềm mại, mô phỏng các quãng đặc trưng của dân ca đồng bằng Bắc Bộ và miền Trung. Việt thông qua các quãng 4, quãng 5 và các nốt luyến láy tự nhiên theo thanh điệu tiếng Việt.

Về ca từ và Biểu tượng: Sự tương hợp giữa ca từ và giai điệu đúng như luận điểm của Phạm Duy (2005: 54) về lời ca, bài hát đã sử dụng cấu trúc ngôn ngữ giàu hình ảnh và tính biểu tượng (tiếng mẹ đẻ, lời ru, hạt gạo...). Điểm nhấn âm nhạc học ở đây là sự tương hợp tuyệt đối giữa dấu giọng tiếng Việt và hướng chuyển động của giai điệu. Tác giả đã thực hiện quá trình “tái ngữ cảnh hóa” khi đưa tâm thức dân tộc vào một bản phối Pop/Ballad sang trọng, khiến thính giả nhận diện được cốt cách âm nhạc Việt một cách tức thời mà không cần đến nhạc cụ dân tộc.

Màng lọc văn hóa trong hòa âm đương đại: Mặc dù sử dụng hệ thống hòa âm và nhạc cụ phương Tây (Piano, Strings), nhưng tác phẩm vẫn tạo ra một không gian âm thanh lai về mặt cảm xúc. Bản phối của nhạc sĩ Đức Trí đóng vai trò như một “màng lọc văn hóa”, gạn lọc những tinh túy của dân ca để hòa quyện vào dòng chảy âm nhạc đại chúng, giúp di sản thoát khỏi trạng thái bảo tồn tĩnh tại để sống động trong tâm thức người trẻ.

- Trường hợp Album "Tình đàn" của Ngô Hồng Quang

Đây là một chỉnh thể nghệ thuật minh chứng cho khả năng tái cấu trúc hình thái dân gian trong dòng chảy World Music. Ngô Hồng Quang đã đưa đàn Tính và đàn Nhị vào một môi trường âm sắc đa tầng, sử dụng công nghệ để biến âm sắc mộc mạc thành những lớp vân âm huyền ảo. Sự tương tác này không làm mất đi bản sắc âm nhạc mà tạo ra một thực thể thích nghi hoàn hảo với thẩm mỹ toàn cầu.

Sự chuyển dịch về Nhạc khí và Âm sắc: Trong album này, cây đàn Tính của người Tày và đàn Nhị không còn đóng vai trò nhạc cụ độc tấu truyền thống mà được đặt vào một môi trường âm sắc đa tầng. Việc sử dụng các bộ lọc điện tử kết hợp với các hiệu ứng âm thanh (Reverb, Delay) đã biến âm sắc mộc mạc của nhạc cụ dân tộc thành những lớp vân âm huyền ảo. Điều này hiện thực hóa luận điểm của Nguyễn Thị Minh Châu (2020) về việc “hiện đại hóa” âm sắc di sản, tạo nên một không gian âm thanh lai nơi các nhạc cụ truyền thống được cộng hưởng với tư duy phối khí hiện đại.

Cấu trúc nhịp và Tiết tấu: Điểm độc đáo của Tình đàn nằm ở sự phá vỡ cấu trúc nhịp thức đơn lẻ. Ngô Hồng Quang đã lồng ghép các mô-típ tiết tấu của dân ca vùng cao vào các cấu trúc Polyrhythm (đa nhịp điệu) hoặc kết hợp với Beatbox. Sự tương tác này không làm mất đi mã gen đặc thù của âm nhạc bản địa mà ngược lại, nó tạo ra một “xung lực” mới, giúp giai điệu dân tộc thích nghi hoàn hảo với thẩm mỹ âm nhạc toàn cầu. Đây là một tiến trình tái ngữ cảnh hóa thực hành điển hình, đưa di sản thoát khỏi không gian lề hội hẹp để bước vào không gian biểu diễn quốc tế.

Khác với xu hướng khai thác hời hợt, Ngô Hồng Quang thực hiện việc sáng tạo dựa trên sự thấu hiểu bản thể luận của từng làn điệu. Dù được nhào nặn qua công nghệ DAW và các thiết bị điện tử hiện đại, “cái thần” và các quãng đặc trưng của dân ca vẫn được bảo tồn nguyên vẹn. Điều này hoàn toàn tương thích với quan điểm của Trần Văn Khê (2001: 145), khi ông cho rằng bản sắc âm nhạc không nằm ở sự cố hữu của hình

thức biểu đạt mà tồn tại trong sự bảo tồn cái thần và các nguyên lý cốt lõi ngay cả khi hình thái trình diễn đã có những biến đổi để tương thích với thẩm mỹ thời đại. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chất liệu dân gian trong *Tình đàn* đóng vai trò là một “màng lọc văn hóa” hữu hiệu, giúp định vị diện mạo đặc hữu của âm nhạc Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế mà không bị hòa tan.

5. Đánh giá thực trạng và phản biện giữa biến đổi và di sản

Thông qua việc khảo sát thực trạng, dưới lăng kính âm nhạc học, chúng tôi đưa ra những đánh giá mang tính học thuật sau:

Khẳng định vị thế di sản qua “Màng lọc văn hóa”: Âm nhạc đại chúng đã thành công trong việc đưa dân gian ra khỏi không gian tĩnh của bảo tồn để bước vào không gian động của đời sống đương đại. Việc này giúp xác lập một màng lọc văn hóa hữu hiệu, giúp âm nhạc nội địa không bị hòa tan trước các trào lưu ngoại nhập. Theo Viện Âm nhạc Việt Nam (2015: 112-115), sự tồn tại của di sản trong đời sống hiện đại phụ thuộc vào khả năng tự thích nghi và tái sinh của chúng trong các hình thái văn hóa mới, thay vì chỉ tồn tại như những hiện vật lưu trữ.

Nguy cơ manh mún hóa di sản văn hóa: Sự chiếm dụng bề mặt là vấn đề đáng quan ngại. Việc cắt dán giai điệu thiếu thấu hiểu nguồn gốc bản chất dẫn đến sự tầm thường hóa di sản. Trần Ngọc Thêm (2004: 258) cảnh báo rằng nếu thiếu sự định hướng về chiều sâu lý luận, sự phát triển quá nhanh của yếu tố thị trường sẽ dẫn đến hiện tượng lai căng về mặt thẩm mỹ, làm suy yếu nội lực văn hóa dân tộc. Việc khai thác chất liệu thiếu đi hệ trục đặc tính sẽ khiến tác phẩm trở nên rời rạc, mất đi tính kết nối với nguồn cội.

Phản biện về tính nguyên bản và giá trị cốt lõi: Chúng tôi cho rằng tính nguyên bản không phải là một trạng thái hóa thạch bất biến. Trong dòng chảy lịch sử, âm nhạc dân gian luôn vận động thông qua quá trình tái ngữ cảnh hóa để phù hợp với tâm thức thời đại. Thách thức lớn nhất hiện nay nằm ở việc thay đổi có hiểu biết. Theo Phạm Duy (2005: 124), một tác phẩm thành công phải giữ được cốt cách âm nhạc - tức là phần tinh hồn của điệu thức và hơi nhạc - dù kỹ thuật phối khí đã thay đổi hoàn toàn theo xu thế toàn cầu.

Thông qua hệ thống đối chứng giữa tác phẩm của nhạc sĩ Đức Trí và Ngô Hồng Quang, nghiên cứu làm rõ ba vấn đề trọng tâm:

Sự chuyển dịch hình thái và tính thích nghi: Kết quả nghiên cứu cho thấy di sản không tồn tại dưới dạng hóa thạch mà là một thực thể sống. Sự hiện diện của chất liệu dân gian trong môi trường kỹ thuật số (DAW) không làm mất đi giá trị gốc mà tạo ra một ngữ cảnh thực hành mới, giúp các giá trị cốt lõi có khả năng đối thoại trực diện với thẩm mỹ thính giác toàn cầu.

Xác lập diện mạo đặc hữu: Việc tạo nên một không gian âm thanh lai chính là phương thức hữu hiệu để khẳng định bản sắc. Chất liệu dân gian đóng vai trò gạn lọc những ảnh hưởng ngoại lai hời hợt, giữ lại bản sắc âm nhạc đặc thù để kiến tạo nên một dòng nhạc nội địa có chiều sâu bản thể, tương ứng với quan điểm của Trần Văn Khê (2001) về sự bảo tồn bản sắc trong sự biến đổi hình thái.

Ranh giới giữa sáng tạo và chiếm dụng: Nghiên cứu nhấn mạnh rằng việc thấu hiểu các quy luật về điệu thức và kỹ thuật nhấn nhá mới là yếu tố quyết định để tránh sự manh mún hóa. Đây là bài học quan trọng cho các nghệ sĩ trẻ trong tiến trình tiếp biến văn hóa.

6. Kết luận

Qua quá trình phân tích và đánh giá, nghiên cứu đi đến các kết luận sau:

Dân gian là nguồn năng lượng nội sinh: Chất liệu dân gian không phải là di vật mà là một hệ thống ký hiệu học âm nhạc linh hoạt, có khả năng tái sinh mạnh mẽ trong môi trường kỹ thuật số.

Tính tất yếu của sự tiếp biến: Sự kết hợp giữa âm nhạc truyền thống và đại chúng không chỉ là xu hướng thẩm mỹ mà là một chiến lược sống còn. Quá trình này giúp di sản duy trì sự hiện diện trong tâm thức của thế hệ trẻ, chủ thể tương lai của văn hóa dân tộc.

Khẳng định cốt cách âm nhạc Việt: Việc khai thác chất liệu dân gian một cách bản sắc là con đường ngắn nhất để âm nhạc Việt Nam tạo dựng một thương hiệu riêng biệt trên bản đồ World Music toàn cầu.

Công trình nghiên cứu khẳng định: Chất liệu âm nhạc dân gian là nguồn năng lượng động trong dòng chảy đương đại. Việc nghiên cứu và phân tích các thành tố từ cấu trúc quãng đến không gian âm thanh lai đã minh chứng cho sức sống bền bỉ của di sản. Trong tương lai, sự kết hợp giữa tri thức âm nhạc học truyền thống và công nghệ hiện đại sẽ tiếp tục là chìa khóa để khẳng định cốt cách âm nhạc Việt Nam trên bản đồ nghệ thuật thế giới. Đó là mạch ngầm vĩnh cửu, không ngừng bồi đắp và định hình nên tầm vóc của âm nhạc dân tộc trong kỷ nguyên mới.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Thiên Hoàng Quân (2017). *Cấu trúc và âm điệu trong các “Lòng bản” nhạc Tài tử Nam bộ*. Nxb Mỹ thuật.
- Hoàng Đạm (1982). *Những phương pháp hòa tấu cổ truyền và vấn đề ứng dụng chúng trong sáng tác mới*. Tạp chí nghiên cứu nghệ thuật (49).
- Nguyễn Thị Minh Châu (2020). *Nhạc nhẹ Việt Nam trong xu thế hội nhập*. Tạp chí Âm nhạc, 4.
- Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2011). *Góp phần nghiên cứu đờn ca Tài tử Nam bộ*. Nxb Âm nhạc.
- Phạm Duy (2005). *Đặc khảo về dân nhạc ở Việt Nam*. Nxb Trẻ.
- Tô Ngọc Thanh (1999). *Ghi chép về văn hóa và âm nhạc*. Nxb Khoa học xã hội.
- Trần Ngọc Thêm (2004). *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nxb Tổng hợp TP.HCM.
- Trần Ngọc Thêm (2025). *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
- Trần Văn Khê (2001). *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb Thanh niên.
- Viện Âm nhạc Việt Nam (2015). *Âm nhạc dân gian trong đời sống đương đại*. Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nxb Âm nhạc.
- Viện nghệ thuật - Bộ văn hóa (1976). *Về tính dân tộc trong âm nhạc Việt Nam*. Nxb Văn hóa.

SỬ DỤNG ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG ĐỊNH DANH NHÂN VẬT TRÊN SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH TRONG THỜI ĐẠI AI

Nguyễn Thanh Thương

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh TP.HCM

E-mail: thuongmilanothacsi@gmail.com

Tóm tắt

Trong nghệ thuật Sân khấu và Điện ảnh, âm nhạc không chỉ tạo bầu không khí hay làm nền cho hành động, mà còn là một thủ pháp nghệ thuật quan trọng để “định danh” nhân vật - khắc họa tính cách, số phận và căn cước văn hóa của họ. Tham luận khảo sát việc sử dụng âm nhạc truyền thống Việt Nam như một mã hiệu nhận diện nhân vật trong Sân khấu và Điện ảnh khi quy trình sáng tác âm nhạc ngày càng được hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo (AI). Bài viết khái quát các thành phần bản sắc âm nhạc (thang âm, làn điệu, nhịp, âm sắc nhạc cụ, lối hát vùng miền) thường gắn với kiểu vai, tính cách và số phận nhân vật; phân tích cơ chế “chủ đề dẫn dắt/ leitmotif” và cách vận dụng vào kịch - phim Việt; minh họa qua một số trường hợp sân khấu truyền thống và phim Việt Nam đương đại, kèm kịch bản thử nghiệm “Thị Mầu 4.0” để nhận diện các điểm AI có thể hỗ trợ tạo biến thể âm nhạc theo hành động - tâm lý. Cuối cùng, bài viết nêu nhóm tiêu chí kiểm soát “con người trong vòng lặp” cho thiết kế âm nhạc định danh nhân vật.

Từ khóa: Âm nhạc truyền thống, Định danh nhân vật, Trí tuệ nhân tạo (AI), Chủ đề dẫn dắt (Leitmotif), Sân khấu - Điện ảnh.

Using traditional music to identify characters in theatre and cinema in the AI era Abstract

In theatre and cinema, music not only creates atmosphere or serves as background for action, but is also an important artistic device for “identifying” characters - shaping their personality, fate, and cultural identity. This paper examines the use of Vietnamese traditional music as a signifying code for character recognition in theatre and film as music composition processes are increasingly supported by artificial intelligence (AI). The paper: (1) outlines key components of musical identity (scales, tunes/ melodic patterns, rhythm, instrumental timbre, and regional vocal styles) that are commonly associated with role types, character traits, and destinies; (2) analyzes the mechanism of the “guiding theme/leitmotif” and its application in Vietnamese stage plays and films; and (3) provides illustrations from selected cases in traditional theatre and contemporary Vietnamese cinema, together with an experimental script titled Thị Mầu 4.0, to identify points at which AI may assist in generating musical variations aligned with action and psychological states. Finally, the paper proposes a set of “human-in-the-loop” control criteria for designing character-identifying music.

Keywords: Traditional music, Character identification, Artificial intelligence (AI), Guiding theme (leitmotif), Theatre and cinema.

1. Đặt vấn đề

Trong nghiên cứu Sân khấu - Điện ảnh, nhân vật được hiểu là hình tượng nghệ thuật mang tính điển hình và cá biệt, được kiến tạo bởi hành động, lời thoại, tâm lý,

hình thể và hệ thống ký hiệu thẩm mỹ. Ở sân khấu, nhân vật hiện diện trực tiếp trước khán giả và được tổ chức theo ước lệ; ở điện ảnh, nhân vật được kiến tạo thêm bởi ngôn ngữ hình ảnh, dựng phim và âm thanh. Vì vậy, “định danh nhân vật” không chỉ dựa vào diện mạo hay câu chữ, mà còn dựa vào các dấu hiệu âm thanh lặp lại và nhất quán.

Trong hệ ký hiệu ấy, âm nhạc (đặc biệt âm nhạc truyền thống) có thể hoạt động như một “mã” nhận diện: gọi vùng miền, thời đại, tầng lớp; phân biệt kiểu vai; đồng thời mở ra lớp nghĩa nội tâm. Âm nhạc truyền thống ở đây được hiểu là các hệ thống làn điệu, thang âm, nhịp, kỹ thuật diễn tấu và âm sắc nhạc cụ hình thành trong bối cảnh lịch sử - văn hóa Việt Nam (ví dụ: dân ca, đờn ca tài tử, cải lương, chèo, tuồng, ca trù...), được chuyển dịch vào sân khấu và phim như chất liệu sáng tạo.

Trong bối cảnh hiện nay, công nghệ AI tạo sinh có khả năng tạo - tái tạo nhạc nền, giọng nói và hiệu ứng âm thanh với tốc độ cao, đặt ra yêu cầu tái xác lập quy trình thiết kế âm nhạc định danh nhân vật để hạn chế xu hướng đồng dạng hóa. Ở bình diện công nghệ âm thanh, Vũ Minh Trang & cộng sự (2025: 95) mô tả các *“AI Audio Generators là những công cụ sử dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra, chỉnh sửa hoặc tái tạo âm thanh, bao gồm nhạc, giọng nói và hiệu ứng âm thanh. Chúng có thể sáng tác nhạc theo nhiều thể loại khác nhau, từ cổ điển đến hiện đại, từ nhạc nền cho video đến nhạc chuông điện thoại. Chúng cũng có thể tạo ra những giọng nói nhân tạo, mô phỏng giọng nói của người thật, hoặc tạo ra các hiệu ứng âm thanh độc đáo”*.

Trong lý luận Văn học và Nghệ thuật, nhân vật là một hiện tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, là phương tiện cơ bản để tác giả khái quát hiện thực và thể hiện quan niệm về con người. Nhân vật không chỉ là bản sao của con người ngoài đời thực mà là một hình tượng nghệ thuật được xây dựng qua các chi tiết điển hình về ngoại hình, nội tâm, hành động và ngôn ngữ. Nhân vật đóng vai trò dẫn dắt người xem vào thế giới của tác phẩm, đại diện cho các nhóm xã hội hoặc các tư tưởng thẩm mỹ nhất định.

Khác với nhân vật văn học tồn tại qua ngôn từ, nhân vật Sân khấu và Điện ảnh là những thực thể sống động được hiện thực hóa thông qua nghệ thuật biểu diễn của người diễn viên. Diễn viên sử dụng ngôn ngữ cơ thể, giọng điệu, biểu cảm gương mặt để biến những nhân vật tưởng tượng trong kịch bản thành con người thật. Nhân vật ở đây được định hình bởi sự tương tác trực tiếp (Sân khấu) hoặc gián tiếp (qua ống kính máy quay - Điện ảnh) với không gian, thời gian và các yếu tố kỹ thuật hỗ trợ như âm thanh, ánh sáng, hóa trang. Đặc biệt, nhân vật Điện ảnh/ Sân khấu luôn chịu sự chi phối của “tính cách” - hệ thống các đặc điểm tâm lý, hành vi được quy định bởi hoàn cảnh kịch tính.

Âm nhạc truyền thống là di sản văn hóa phi vật thể được hình thành và phát triển qua nhiều thế kỷ, phản ánh đời sống, tâm tư và tình cảm của cộng đồng dân tộc. Âm nhạc truyền thống Việt Nam mang tính đặc thù vùng miền rõ rệt (Bắc, Trung, Nam) và gắn liền với các hoạt động sinh hoạt, lễ hội, tín ngưỡng. Nó thường được lưu truyền theo phương thức truyền miệng và đề cao tính ngẫu hứng, sáng tạo của người biểu diễn trên một khung bài bản cố sẵn.

Đặc trưng âm nhạc truyền thống Việt Nam là điểm cốt lõi làm nên bản sắc âm nhạc Việt nằm ở hệ thống thang âm điệu thức và sắc thái diễn tấu. Khác với thang âm

bình quân luật của phương Tây (12 bán cung đều nhau), nhạc Việt sử dụng các thang âm ngũ cung với các biến thể phong phú (Bắc, Nam, Oán,...). Đặc biệt, “hồn” của nhạc Việt nằm ở các vị phân âm được tạo ra qua kỹ thuật nhấn, nhá, rung, mổ của ngón đàn, tạo nên những sắc thái biểu cảm tinh tế (“non” hay “già”) mà hệ thống ký âm phương Tây khó ghi lại trọn vẹn. Chính sự linh hoạt trong cao độ và tiết tấu này là yếu tố then chốt để âm nhạc tham gia vào việc diễn tả nội tâm phức tạp của nhân vật.

Tham luận tiếp cận theo hướng liên ngành (sân khấu học, điện ảnh học, âm nhạc học, nghiên cứu văn hóa) nhằm: (i) nhận diện các thành phần bản sắc âm nhạc có thể định danh nhân vật; (ii) phân tích cơ chế “chủ đề dẫn dắt/ leitmotif” và cách vận dụng vào ngữ cảnh Việt; (iii) chỉ ra các điểm AI có thể hỗ trợ và nhóm tiêu chí kiểm soát “con người trong vòng lặp” (human-in-the-loop) trong thiết kế âm nhạc cho nhân vật.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng quan và đối chiếu tài liệu về nhạc phim, sân khấu học và giáo dục âm nhạc; phân tích ký hiệu học âm thanh để nhận diện các “dấu hiệu” bản sắc trong thiết kế âm nhạc cho nhân vật; phân tích trường hợp minh họa từ một số loại hình sân khấu truyền thống (Chèo, Tuồng/ Hát bội, Cải lương) và phim Việt Nam đương đại; xây dựng kịch bản giả định “Thị Màu 4.0” như một mô hình thử nghiệm nhằm chỉ ra các điểm có thể ứng dụng AI trong tạo biến thể âm nhạc, đồng thời kiểm soát tính nhất quán văn hóa và quyền tác giả.

3. Cơ sở lý luận và khung phân tích

3.1. Khái niệm “định danh bằng âm nhạc” và kỹ thuật chủ đề dẫn dắt

Trong lý luận điện ảnh và nhạc kịch phương Tây, kỹ thuật dùng một chủ đề nhạc ngắn, đặc trưng lặp đi lặp lại gắn với một nhân vật, một ý niệm hay tình huống được gọi là chủ đề dẫn dắt (*Leitmotif*). Thuật ngữ này gắn liền với nhà soạn nhạc Richard Wagner, người đã phát triển kỹ thuật chủ đề dẫn dắt đến đỉnh cao trong các vở opera của mình; sau này kỹ thuật này trở thành xương sống của nhạc phim Hollywood - tiêu biểu như giai điệu “*Imperial March*” gắn liền với nhân vật Darth Vader trong phim *Star Wars*. Chủ đề dẫn dắt giúp khán giả ngay lập tức liên tưởng đến nhân vật hoặc ý niệm mỗi khi chủ đề âm nhạc đó vang lên. Từ góc nhìn lý luận nhạc phim, Trần Diệu Hiền (2010: 26) nhấn mạnh: “*Nhạc phim giúp hình tượng hóa chủ đề tư tưởng bộ phim bằng âm thanh. Nó là công cụ giúp đạo diễn gửi gắm ý đồ tư tưởng của mình tới khán giả một cách hiệu quả, mà đôi khi chỉ hình ảnh thôi không thể hiện hết được. Nó dễ dàng khắc sâu vào trí nhớ, giúp người xem có những mốc vững vàng khi chuyển biến tình tiết chuyện. Chủ đề âm nhạc xuyên suốt giúp nhận rõ nhân vật, tình cảm và những hình tượng tượng trưng*”.

Tuy nhiên, khi vận dụng vào bối cảnh văn hóa Việt Nam, khái niệm “định danh bằng âm nhạc” không đơn thuần dừng ở một giai điệu lặp lại. Âm nhạc Việt Nam có tính biểu trưng và ước lệ rất cao - nhiều âm thanh, tiết tấu mang ý nghĩa hàm ẩn, gợi liên tưởng sâu xa hơn là chỉ một chủ đề nhạc cụ thể. Nói cách khác, định danh nhân vật trong âm nhạc Việt dựa nhiều vào âm sắc và điệu thức đặc thù. Nghệ thuật luôn cần những mã hiệu để người thưởng thức nhận biết và kết nối với tác phẩm. Âm nhạc truyền

thống Việt Nam chính là một hệ thống mã hiệu vô cùng phong phú, giúp gợi đúng *căn cước văn hóa* của nhân vật. Chẳng hạn, tiếng đàn bầu rung ngân gợi ngay nỗi niềm tâm sự thâm kín; nhịp trống châu dòn dập liên gợi khí thế trận mạc. Những điệu thức ngũ cung quen thuộc vang lên cũng khiến người nghe “nhận ra” quê hương, tâm trạng của nhân vật. Quả thật, chất liệu âm nhạc có khả năng giúp người nghe nhận ra bản sắc văn hóa, nguồn cội dân tộc của hình tượng nghệ thuật. Đây chính là nền tảng lý luận cho việc sử dụng âm nhạc như một yếu tố định danh trong sân khấu - điện ảnh Việt Nam.

3.2. Các yếu tố bản sắc cốt lõi trong định hình tính cách nhân vật

Để xây dựng một nhân vật “đậm chất Việt”, giới sáng tạo thường khai thác đồng thời nhiều tầng bản sắc âm nhạc. Đi sâu vào chức năng sân khấu học, Phạm Duy Khuê (2016: 146) khẳng định: “*Âm nhạc một mặt thể hiện hiệu quả tâm lý nhân vật, mặt khác, đồng thời, còn tạo điều kiện cho thính giả hòa nhịp sống cùng với đời sống nội tâm của nhân vật, một thủ pháp rất có hiệu quả của sân khấu. Âm nhạc khắc họa tính cách nhân vật...*”. Có thể khái quát thành ba tầng bậc chính như sau:

- Định danh theo vùng miền, xuất thân:

Âm nhạc là “bản đồ tâm hồn” mang dấu ấn địa phương. Sử dụng chất liệu âm nhạc đặc trưng vùng miền là cách nhanh và hiệu quả nhất để xác định xuất xứ nhân vật.

Ví dụ: *Miền Bắc* - nhân vật nho sĩ, trí thức phong kiến thường đi liền với âm hưởng *Ca trù* (tiếng phách, đàn đáy) hoặc *Nhã nhạc cung đình* (tiếng sáo, đàn nhị); còn tầng lớp nông dân, thôn nữ Bắc Bộ lại gắn với điệu *Chèo* hoặc dân ca đồng bằng (trống quân, quan họ). *Miền Trung* - những thân phận chịu nhiều u hoài, bi kịch triều đình thường được định danh bằng âm điệu trầm buồn của *ca Huế* hoặc câu hò mái nhì, mái đẩy xứ Trung. *Miền Nam* - những nhân vật hào sảng, phóng khoáng hoặc số phận trôi nổi sông nước sẽ gắn với tiếng đàn *kìm* (đàn nguyệt), điệu *Dạ cổ hoài lang* hoặc các bài bản tài tử Nam Bộ hơi *Nam* và *Oán*. Chính sắc thái âm nhạc vùng miền tạo nên “giọng quê hương” cho nhân vật, giúp khán giả định vị họ thuộc không gian văn hóa nào.

- Định danh theo tâm lý và số phận:

Hệ thống làn điệu - hơi trong âm nhạc truyền thống Việt Nam là công cụ biểu đạt tâm lý nhân vật vô cùng độc đáo. Các *hơi điệu* (hơi Bắc, hơi Nam, hơi Oán,...) mang những sắc thái cảm xúc - số phận khác nhau.

Cụ thể: Hơi Bắc thường được dùng cho những tình huống, nhân vật vui tươi, trang nghiêm hoặc hào hùng; Hơi Nam (bao gồm Nam xuân, Nam ai) gợi nỗi buồn man mác, tâm trạng thanh tao, sâu lắng; còn Hơi Oán lại chuyên chở những bi kịch tột cùng, những oán hờn, oan khuất. Tiếng đàn nhấn nhá trong Hơi Oán có khả năng “xé lòng” người nghe, định danh ngay nỗi đau của nhân vật. Như vậy, thông qua lựa chọn hơi điệu phù hợp, nhạc sĩ có thể khắc họa chiều sâu tâm lý và số phận nhân vật một cách tinh tế mà lời thoại hay hình ảnh khó bề truyền tải trọn vẹn.

- Định danh bằng âm sắc nhạc cụ:

Mỗi nhạc cụ dân tộc Việt Nam đều mang một “nhân cách” độc đáo, do đó lựa chọn nhạc cụ chủ đạo để làm *nhạc đề* cho nhân vật cũng là một cách định danh hiệu quả.

Ví dụ: *Đàn bầu* với âm thanh ngân nga sâu lắng thường đại diện cho tiếng lòng người mẹ, nỗi nhớ quê hương hoặc nỗi buồn cô quạnh. *Đàn tranh* và *sáo trúc* tạo không gian âm nhạc trong trẻo, thanh tao, gắn liền với hình ảnh thiếu nữ xuân thì hoặc cảnh thiên nhiên thơ mộng. Ngược lại, *kèn Sona (kèn đám ma)* với âm sắc rền rĩ thường dùng để báo hiệu điềm gở, tang tóc hoặc định danh những nhân vật phản diện gian xảo. Việc phối hợp âm sắc các nhạc cụ phù hợp giúp “nhân cách hóa” âm nhạc - biến âm nhạc thành tiếng nói riêng của nhân vật.

Những lớp bản sắc âm nhạc kể trên có thể kết hợp đồng thời để tạo nên “dấu vân tay” âm thanh riêng cho mỗi vai diễn. Chẳng hạn, *tiếng đàn nguyệt* hòa với nhịp song lang trong phim Điện ảnh *Song Lang* (2018, đạo diễn Leon Lê) vừa mang đậm dấu ấn tài tử Nam Bộ, vừa gắn liền định mệnh hai nhân vật chính Dũng “Thiên Lôi” và Linh Phụng. Nhịp gõ *cốc... cốc...* khô mà chắc của song lang vang lên như nhịp đập lương tri, đánh dấu từng bước chuyển hóa nội tâm Dũng. Nếu tách bỏ lớp âm nhạc tài tử cải lương ấy, các nhân vật sẽ mất đi chiều sâu văn hóa và sự định danh rõ nét, chỉ còn lại những hình mẫu tâm lý xã hội thông thường.

Ví dụ này cho thấy việc lựa chọn đúng chất liệu âm nhạc truyền thống làm chủ đề cho nhân vật sẽ thổi hồn văn hóa vào hình tượng, khiến nhân vật trở nên “có nguồn cội” và độc đáo hơn hẳn.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Trên sân khấu truyền thống

Trong sân khấu cổ truyền Việt Nam như Chèo, Tuồng (Hát bội) và Cải lương, âm nhạc đảm nhiệm chức năng “định dạng” lớp nhân vật ngay từ khi họ bước ra sân khấu. Mỗi loại vai (đào - kép, trung - nịnh, văn - võ, hề - bi) đều gắn với một hệ thống làn điệu, nhịp điệu và âm sắc đặc trưng. Chẳng hạn, trong Cải lương và Đờn ca tài tử Nam Bộ: những cảnh sinh hoạt vui tươi hoặc nhân vật trẻ trung thường sử dụng hơi Bắc với các điệu lý hoặc nhạc tiết tấu Valse nhẹ nhàng; ngược lại, những thân phận bi thương, nhân vật đau khổ nội tâm sâu sắc sẽ vang lên điệu Nam Ai, Nam Bình, Tứ đại oán, Phụng Hoàng (Hơi Nam, Hơi Oán), giúp khán giả cảm nhận ngay nỗi niềm nhân vật. Nhịp điệu cũng được sử dụng như một mã hiệu: nhịp 2/4, 4/4 gọn gàng thường dành cho đối thoại thường nhật; còn nhịp 8/8, 16/16 kéo dài cho phép câu nhạc trữ tình hơn, diễn tả tâm trạng dạt dào. Từ góc độ thực hành đạo diễn Sân khấu, Nguyễn Đình Thi & Lê Mạnh Hùng (2021: 144) lưu ý: “Xử lý âm sân khấu còn là kết hợp giữa diễn biến hành động nhân vật, với diễn biến của các trạng thái tâm lý, tiết tấu của sự kiện xung đột kịch. Sự kết hợp giữa hai hay nhiều hình thái ngôn ngữ nghệ thuật trong một mô hình cấu trúc sẽ làm cộng hưởng những giá trị nội dung mà sân khấu Cần chuyển tải. Xây dựng ý đồ về xử lý âm nhạc không chỉ xác định những đoạn, lớp diễn, tình huống sẽ sử dụng âm nhạc, mà trong đó vấn đề là sử dụng chất liệu âm nhạc nào, hình thức thể hiện ra sao cũng rất quan trọng”.

Trong Chèo, Tuồng, Hát bội, các làn điệu cổ điển được quy ước cho từng kiểu nhân vật. Vai đào thương, đào lệ (nữ chính chịu nhiều éo le) hay ngân các làn điệu trữ tình như *lời lơ, sa lệch*; các võ tướng, trung thần thường xuất hiện với tiết tấu trống dồn dập, âm

vực trầm hùng gợi uy nghiêm; những lúc nhân vật độc thoại suy tư thì văng lên tiếng *ngâm thơ, nói lối* mang tính triết lý, sâu lắng. Nhờ hệ thống quy ước âm nhạc chặt chẽ đó, chỉ cần nghe tiếng đàn hay giọng hát cất lên, khán giả đã phần nào nhận diện được nhân vật thuộc tuyến chính - tà, thiện - ác, sang - hèn hay bi - hài. Âm nhạc truyền thống vì thế trở thành một “ngôn ngữ” giới thiệu nhân vật nhanh chóng và giàu thông tin nghệ thuật.

Đặc biệt, Sân khấu Việt Nam có nhiều nhân vật “hát chính mình” - tức là họ cất tiếng hát để giải bày tâm trạng nội tâm, nói lên điều mà lời thoại thường không thể chạm tới. Ví dụ tiêu biểu là những đoạn Vọng cổ, Tân cổ giao duyên trong Cải lương: khi nhân vật cất giọng ca Vọng cổ, đó thường là lúc họ bộc lộ nỗi niềm sâu kín nhất, như tiếng lòng trực tiếp của nhân vật đối với khán giả. Tương tự, trong Tuồng, Chèo hay cả Kịch nói hiện đại, những khúc ngâm thơ, nói vìa với nhạc đệm dân tộc tạo ra không gian *nội tâm hóa* đặc biệt, nơi khán giả nghe được “tiếng lòng” của nhân vật. Thủ pháp “hát chính mình” này biến âm nhạc thành “giọng nói thứ hai” của nhân vật, song hành cùng lời thoại bề mặt. Khi bản sắc âm nhạc Việt được đặt đúng chỗ, nhân vật không chỉ được nhận diện ở bề mặt (tên tuổi, xuất thân) mà còn ở tầng sâu cảm xúc và văn hóa: họ thuộc về một “vũ trụ âm nhạc” nào, mang theo ký ức và khát vọng gì được gợi lên qua âm nhạc.

Khi bản sắc âm nhạc Việt được đặt đúng chỗ, nhân vật không chỉ được nhận diện ở bề mặt (tên tuổi, xuất thân) mà còn ở tầng sâu cảm xúc và văn hóa. Trên sân khấu truyền thống, âm nhạc mang bản sắc Việt vừa là mã định danh tầng nông (giúp phân biệt loại vai, tính cách cơ bản), vừa là tiếng nói tầng sâu (bộc lộ nội tâm, số phận). Điều này tạo nên nét độc đáo cho sân khấu Việt: khán giả có thể nghe bằng tai để “nhìn” thấy nhân vật, cảm nhận được hồn cốt của nhân vật ngay cả khi chưa kịp thấy rõ diện mạo hoặc hành động của họ. Đó là di sản nghệ thuật quý báu mà cha ông ta đã hun đúc, nơi âm nhạc và kịch nghệ giao hòa để tôn vinh con người.

4.2. Trong điện ảnh Việt Nam

Khác với sân khấu, nghệ thuật điện ảnh không có lợi thế trình diễn trực tiếp âm nhạc cùng hành động trên cùng một khung cảnh mọi lúc. Tuy nhiên, âm nhạc phim vẫn đóng vai trò then chốt để xây dựng chủ đề âm nhạc của nhân vật và bối cảnh văn hóa cho câu chuyện. Nhạc phim không chỉ đơn thuần “minh họa” cảm xúc mà còn được thiết kế như một ngôn ngữ kể chuyện song song với hình ảnh. Nhiều bộ phim Việt đã sử dụng chất liệu Dân ca, Cải lương, Nhạc tài tử, Quan họ, Ca trù... để khắc họa xuất thân hoặc tính cách nhân vật. Trong nghiên cứu về nhạc phim, Phan Bích Hà (2003: 266) nhấn mạnh: *“Ngày nay, âm nhạc đã trở thành yếu tố không thể thiếu đối với một tác phẩm điện ảnh. Âm nhạc cần cho phần lớn các phim. Thậm chí vai trò của nó quan trọng hơn cả những “lời thoại nhạt nhẽo” vẫn xảy ra ở một số phim”*. Đồng thời Phan Bích Hà chỉ ra năng lực của âm nhạc trong việc phản ánh nội cảm và các tầng cảm xúc nhân vật: *“Âm nhạc phản ánh nội cảm. Các trạng thái cảm xúc luôn tạo thành lớp vỏ của nội dung thể hiện trong âm nhạc. Âm nhạc đã trở thành phương tiện biểu hiện cho mọi cảm xúc nội cảm đặc thù. Nó phản ánh mọi sắc thái cũng như cung bậc cảm xúc như niềm vui, nỗi buồn, sự hân hoan, khổ đau, tuyệt vọng...”*

Ví dụ: nhân vật người lính miền Trung được gọi qua điệu hò xứ Huế; cô gái Nam Bộ gắn với câu vọng cổ; bà mẹ Bắc Bộ hiện lên qua lời ru con hoặc điệu quan họ; hay hình tượng người nghệ sĩ cải lương giữa Sài Gòn lại vang bóng một trích đoạn tài tử... Khi một chủ đề nhạc phim đậm bản sắc Việt được lặp đi lặp lại một cách có chủ ý, nó trở thành “dấu hiệu âm thanh” giúp khán giả nhận ra nhân vật ngay khi những nốt nhạc đầu tiên vang lên. Thậm chí chỉ cần vài nốt nhạc đặc trưng cất lên thoáng qua, người xem cũng có thể liên tưởng đến nhân vật gắn với nó nếu bộ phim đã khéo léo gài cắm chủ đề dân dất văn hóa đó từ trước. Nhìn lại lịch sử nhạc phim Việt, Phan Bích Hà (2003: 268) gợi nhắc: *“Ở Việt Nam, nhiều thế hệ nhạc sĩ đã tham gia, gắn bó cùng những bước thăng trầm của điện ảnh nước nhà. Hẳn người xem còn nhớ những âm điệu băng khuâng, day dứt trong phim “Đến hẹn lại lên”, những cảm xúc bi tráng thời chiến tranh qua nét nhạc của Phú Quang trong phim “Bao giờ cho đến tháng mười”, một rung động tinh tế mang âm hưởng dân gian trong phim “Thằng Bờm” qua âm nhạc của Đỗ Hồng Quân...”*.

Âm nhạc trong điện ảnh còn cho phép những thủ pháp *ngịch tự sự* thú vị nhờ sự linh hoạt của dựng phim. Chẳng hạn, một khuôn hình cận cảnh một cô gái trẻ ở đô thị nhưng nhạc nền lại vang lên điệu lý hoặc câu hát ru quê nhà - điều này ngầm định rằng nhân vật tuy sống hiện đại nhưng tâm hồn vẫn ràng buộc với nguồn cội nông thôn. Hoặc cảnh một cựu chiến binh bước đi giữa thành phố thời bình, nhưng âm nhạc nội tâm của ông lại là tiếng trống trận và kèn hành quân - âm thanh quá khứ chiến trận ấy định danh bản lĩnh người lính trong con người tưởng như đời thường hiện tại. Hay hình ảnh một nhân vật “lưu dân đô thị” mang cây đàn tài tử vào quán bar chơi nhạc, tạo nên sự đối thoại giữa hai thế giới âm thanh truyền thống và hiện đại trong cùng một không gian. Những sự kết hợp hình - thanh độc đáo này cho thấy âm nhạc bản sắc giúp mở rộng tầng nghĩa cho nhân vật: nhân vật không chỉ có “nhân” nghề nghiệp hay nơi ở, mà còn có “căn tính” văn hóa ẩn sau - họ đến từ đâu, họ đang đối mặt với sự giao thoa hay đứt gãy cội rễ nào.

Về mặt thể loại phim, có sự khác biệt thú vị trong cách sử dụng âm nhạc bản sắc: ở dòng phim lịch sử - chiến tranh, âm nhạc dân tộc (Dân ca, Chèo, Nhạc lễ) hoặc nhạc cách mạng thường được dùng làm nhạc chủ đề cho tập thể - ví dụ âm nhạc cho đoàn quân, cho nhân dân, cho cả cộng đồng làng xã thời kháng chiến, nhằm định danh những nhân vật tập thể mang tính biểu tượng. Song song đó, trong cùng phim, những ca khúc trữ tình được dân ca hóa lại dùng để định danh các nhân vật cá nhân như người mẹ, người vợ nơi hậu phương, cô thanh niên xung phong, người chiến sĩ... Sự đan xen này giúp tạo nên bản sắc âm nhạc đa tầng: nhân vật tập thể thì có chủ đề âm nhạc chung khơi dậy tinh thần dân tộc, nhân vật cá thể thì có giai điệu riêng chạm đến tình cảm riêng tư. Đến dòng phim đời sống đương đại, bản sắc âm nhạc Việt thường xuất hiện tinh tế hơn, “lên lời” vào các cảnh thông qua những chi tiết nhỏ: một lời ru con vang lên ở đâu đó, một điệu lý trong đám cưới, một bản đàn tài tử văng trong quán café nhạc sống, hay tiếng radio Cải lương thấp thoáng giữa phố phường Sài Gòn đêm khuya. Những chi tiết âm nhạc thoát nghe rất đời thường ấy, nếu được đạo diễn dụng ý lồng

ghép, sẽ giúp nhân vật “không bị lẫn” trong dòng chảy phim toàn cầu hóa - dấu họ mặc quần Jeans, đi xe máy, dùng Smartphone như mọi người, nhưng chỉ một khúc dân ca cất lên cũng đủ nhắc ta rằng họ mang bản sắc văn hóa Việt riêng biệt.

Trường hợp tiêu biểu: Bộ phim Điện ảnh *Song Lang* (2018) đã cho thấy sức mạnh đặc biệt của âm nhạc truyền thống trong Điện ảnh đương đại. Phim kể về mối lương duyên giữa hai con người xa lạ: Dũng - một tay đòi nợ thuê giang hồ, và Linh Phụng - anh kép chính Cải lương. Xuyên suốt phim, tiếng đàn đàn nguyệt (đàn kìm) và tiếng song lang giữ nhịp của dàn nhạc tài tử Nam Bộ được lặp đi lặp lại đầy dụng ý. Hai âm thanh này không chỉ làm nhạc nền thông thường mà thực sự trở thành “nhân vật vô hình” gắn kết nhân vật Dũng và Linh Phụng. Tiếng *cóc... cóc...* chắc nịch của nhịp song lang vang lên ở nhiều thời điểm quan trọng, như một tiếng gọi lương tri đánh thức tâm hồn Dũng “Thiên Lôi” khỏi vũng lầy tội lỗi. Đồng thời, những giai điệu tài tử vang vọng khiến Dũng dần đồng cảm với Linh Phụng và Cải lương - thứ nghệ thuật anh từng xa lánh. Ở cao trào phim, khi Dũng rơi nước mắt nghe Linh Phụng ca trên Sân khấu, người xem hiểu rằng âm nhạc Cải lương đã chạm đến phần thiện lương sâu thẳm trong anh. Như nhà phê bình nhận xét, nếu tách bỏ lớp âm thanh đậm chất Cải lương đó, nhân vật Dũng và Linh Phụng sẽ chỉ còn là hai người xa lạ vô tình gặp nhau, mất đi tầng nghĩa văn hóa và định mệnh nghệ thuật gắn kết họ. Bộ phim Điện ảnh *Song Lang* thành công chính nhờ việc sử dụng âm nhạc truyền thống làm “chất keo” định danh và kết nối các nhân vật, đồng thời tạo nên bản sắc độc đáo cho bộ phim giữa thị trường Điện ảnh hiện nay. Đây là minh chứng rõ nét rằng âm nhạc bản sắc Việt, nếu được vận dụng tinh tế, sẽ gia tăng đáng kể sức nặng biểu đạt cho nhân vật điện ảnh, khiến thông điệp phim thấm sâu và đáng nhớ hơn.

4.3. Xu hướng kết hợp truyền thống và hiện đại, trong nước và quốc tế

Việc sử dụng âm nhạc truyền thống để định danh nhân vật không chỉ là câu chuyện riêng của Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhiều nền điện ảnh đang nỗ lực tìm về chất liệu âm nhạc dân tộc để tạo dấu ấn riêng. Từ Hollywood đến Bollywood, từ châu Á đến châu Âu, ta đều có thể bắt gặp những âm thanh mang màu sắc bản địa trong phim ảnh đương đại. Ví dụ, các nhà soạn nhạc phương Tây đôi khi đưa tiếng sitar Ấn Độ hay Shamisen Nhật Bản vào nhạc phim để gợi không khí văn hóa khi nhân vật đặt chân đến những miền đất đó. Series phim *Star Wars* của Hollywood dù là không gian giả tưởng nhưng cũng nổi tiếng với việc dùng chủ đề dẫn dắt phong cách phương Đông, như giai điệu ám chỉ “Thần lực” hay âm hưởng hành khúc cổ điển để định danh các thế lực khác nhau. Xu hướng “thế giới hóa” âm nhạc phim cho thấy bản sắc dân tộc đang được đề cao như một phương tiện tạo nên sự khác biệt và chiều sâu.

Đối với Việt Nam, bên cạnh những ví dụ truyền thống đã nêu, Sân khấu - Điện ảnh những năm gần đây cũng chứng kiến sự giao thoa nhạc dân tộc với nhạc hiện đại để thu hút khán giả trẻ. Nhiều phim hoặc dự án âm nhạc đã phối hợp thang âm ngũ cung với các thể loại pop, rock, EDM nhằm tạo màu sắc vừa hiện đại vừa đậm đà truyền thống. Chẳng hạn, ca sĩ Tùng Dương với “*Chiếc khăn Piêu*”, Hoàng Thùy Linh với “*Từ Phú*” gặt hái thành công với album kết hợp chất liệu dân gian (quan họ, ca trù)

cùng nhạc điện tử, giúp hình tượng nhân vật trong MV mang tính truyền thống nhưng vẫn hợp thời. Trong phim ảnh, các nhà làm phim cũng mạnh dạn thử nghiệm đưa nhạc cụ dân tộc vào những bối cảnh tưởng chừng không liên quan, tạo ra trải nghiệm mới lạ. Xu hướng này không chỉ diễn ra ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia khác (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản đều có phim hiện đại nhưng sử dụng nhạc cụ cổ truyền để làm nhạc nền cho nhân vật nhằm nhấn mạnh bản sắc). Điều đó cho thấy, trong kỷ nguyên hội nhập văn hóa, bản sắc âm nhạc dân tộc trở thành “vũ khí mềm” để các nhà làm phim khẳng định giá trị riêng, cạnh tranh sự chú ý của khán giả toàn cầu.

Tuy nhiên, việc pha trộn truyền thống - hiện đại cũng tiềm ẩn rủi ro nếu không khéo léo. Nhạc truyền thống có sức cuốn hút nhờ nét riêng có của nó (thang âm, nhịp điệu, kỹ thuật diễn tấu “nhấn nhá” độc đáo). Khi đưa vào phối với nhạc hiện đại, nếu người sáng tạo không nắm vững cả hai ngôn ngữ, rất dễ dẫn đến “lệch tông”: hoặc là chất liệu dân tộc bị chìm ngấm trong hòa âm hiện đại, hoặc ngược lại, phần nhạc mới làm mất đi sự tinh tế của làn điệu cổ. Do đó, không thể đơn thuần ghép nối cơ học mà đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc và tôn trọng chất liệu gốc. Đây chính là chỗ mà công nghệ AI có thể đóng vai trò hỗ trợ, nếu được sử dụng đúng cách - điều sẽ được phân tích kỹ hơn ở phần sau.

Từ Sân khấu truyền thống đến Điện ảnh hiện đại, từ Việt Nam ra thế giới, việc sử dụng âm nhạc mang bản sắc văn hóa để định danh nhân vật đang là một xu hướng quan trọng. Nó đáp ứng nhu cầu của khán giả về sự đa dạng và tính chân thực văn hóa trong nghệ thuật, đồng thời mở ra không gian sáng tạo mới cho giới làm nghề. Vấn đề đặt ra là làm sao phát huy xu hướng này trong thời đại công nghệ AI bùng nổ mà không đánh mất “hồn” dân tộc - một thách thức mà chúng ta sẽ bàn luận ngay sau đây.

4.4. Nghiên cứu tình huống: Dự án giả định “THỊ MÀU 4.0”

Chúng ta hãy giả định việc xây dựng âm nhạc định danh cho nhân vật Thị Mầu thời 4.0 trong một vở nhạc kịch đương đại dành cho khán giả trẻ. Thị Mầu trong Chèo cổ là biểu tượng của sự phá cách, bản năng, lẳng lơ nhưng cũng đầy sức sống, dám yêu dám làm, đối lập với Thị Kính cam chịu.

- *Định danh truyền thống*: Điệu Chèo lệch, tiếng Trống đế rộ rành, tiếng Thanh la chanh chua.

- *Vấn đề*: Làm sao để đưa Thị Mầu lên sân khấu hiện đại, tiếp cận Gen Z mà không làm mất chất Chèo?

- *Giải pháp ứng dụng AI*:

- Giữ nguyên âm sắc của Trống đế và Thanh la làm yếu tố định danh cốt lõi.
- Sử dụng AI để phân tích tiết tấu phức tạp, đảo phách của tiếng trống đế trong các trích đoạn Chèo cổ. Sau đó, dùng thuật toán “Style Transfer” (Chuyển đổi phong cách) để lai ghép tiết tấu này với nhịp điệu của nhạc điện tử (Trap/Hip-hop/Dubstep) - dòng nhạc đại diện cho sự nổi loạn của giới trẻ ngày nay.
- *Kết quả*: Nhân vật Thị Mầu 4.0 xuất hiện. Cô vẫn được nhận diện ngay lập tức nhờ tiếng Trống đế và Thanh la (Bản sắc Việt), nhưng nhịp điệu lại mang hơi thở thời đại, dồn dập, mạnh mẽ (Yếu tố AI). Âm nhạc lúc này định danh Thị Mầu

không chỉ là một cô gái lãng lơ dân gian, mà là một biểu tượng của nữ quyền, của sự tự do cá nhân, kết nối trực tiếp với tâm thức khán giả trẻ. Đây là sự chuyển hóa bản sắc thành công và đầy sáng tạo.

5. AI và âm nhạc định danh nhân vật: cơ hội và thách thức

5.1. Thách thức: Nguy cơ “mất gốc” và đồng hóa văn hóa

Nhiều tài liệu phổ biến về AI đều chỉ ra tác động lan tỏa của AI tới các ngành nghề truyền thống; trong đó, nghệ thuật cũng không nằm ngoài xu thế chuyển dịch này. Vũ Minh Trang & cộng sự (2025: 34) lưu ý rằng: *“AI cũng sẽ tác động đến những ngành nghề truyền thống. Ví dụ, trong lĩnh vực y tế, sẽ có bác sĩ phẫu thuật robot, sử dụng AI để thực hiện các ca phẫu thuật phức tạp. Trong lĩnh vực giao thông, sẽ có kỹ sư thiết kế xe tự lái. Trong lĩnh vực giáo dục, sẽ có giáo viên AI, cá nhân hóa bài học cho từng học sinh. Thậm chí, trong lĩnh vực nghệ thuật, cũng sẽ có Nghệ sĩ AI, sử dụng AI để sáng tác nhạc, vẽ tranh, viết truyện...”*.

Sự tham gia của AI vào quá trình sáng tạo âm nhạc đang tạo ra một bức tranh nhiều mảng sáng tối đan xen. Trước hết, về mặt kỹ thuật, các mô hình AI hiện đại hoạt động dựa trên học máy quy mô lớn: chúng được “đào tạo” trên hàng triệu bản nhạc có sẵn để học hỏi quy luật giai điệu, hòa thanh, tiết tấu... Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi nằm ở chất lượng và tính đại diện của dữ liệu đầu vào. Hầu hết các mô hình AI phổ biến hiện nay được huấn luyện trên kho dữ liệu âm nhạc phương Tây - vốn sử dụng hệ thống thang âm 12 bán cung. Trong khi đó, âm nhạc truyền thống Việt Nam và nhiều nước Á Đông sử dụng thang âm ngũ cung, thậm chí có cả những vi phân âm - những cao độ nằm giữa các phím đàn piano mà nhạc phương Tây không có ký âm tương ứng. Điều này dẫn đến sự lệch chuẩn dữ liệu: AI thiếu hiểu biết về các thang âm điệu thức đặc thù của ta, nên khó tạo ra giai điệu thuần Việt nếu chỉ dựa trên dữ liệu có sẵn.

Hệ quả là khi người dùng yêu cầu AI sáng tác nhạc “mang âm hưởng Việt Nam”, hệ thống có thể cho ra những giai điệu ngũ cung chung chung, nghe hao hao như nhạc Trung Hoa hoặc nhạc thiên phương Tây, tức là mang tính Đông Á nói chung chứ không phải Việt Nam cụ thể. Những yếu tố tinh tế như kỹ thuật rung, nhấn, ngắt, vượt trong diễn tấu nhạc cụ dân tộc - vốn làm nên cái “hồn” rất Việt - thường bị AI bỏ qua do không được học. Từ đó xuất hiện nguy cơ các nhân vật Việt Nam trên sân khấu/ điện ảnh tương lai sẽ được gán những bản nhạc nền *na ná* châu Á nhưng xa lạ với tinh thần Việt, tạo nên một “căn tính lai căng” lệch lạc. AI, vốn là một thực thể không có trải nghiệm văn hóa hay ràng buộc cộng đồng, khi tạo ra âm nhạc sẽ thiếu vắng cội rễ văn hóa đích thực. Nếu đa số dữ liệu huấn luyện là nhạc đại chúng toàn cầu, AI sẽ có xu hướng cao bằng phong cách, lặp lại những mô hình âm nhạc thịnh hành thay vì tạo ra biến thể độc đáo. Hậu quả là sự đồng nhất hóa âm thanh: các nhạc nền phim dễ trở nên giống nhau, những nét nhạc địa phương mờ nhạt dần. Đó là nguy cơ chuẩn hóa phong cách và triệt tiêu khác biệt, khi các đặc trưng địa phương bị gạt ra bên lề trong bối cảnh AI tái sản xuất những công thức âm nhạc sẵn có.

Bên cạnh vấn đề phong cách, còn xuất hiện thách thức về bản quyền và đạo đức. AI có thể *vô thức* lấy mẫu hoặc bắt chước những đoạn nhạc có bản quyền trong dữ liệu

huấn luyện, dẫn đến sản phẩm “lai” mà không rõ nguồn gốc. Việc các nhà làm phim sử dụng chất liệu âm nhạc truyền thống (vốn có tác giả cộng đồng) hoặc trích đoạn Cải lương, nhạc phim kinh điển rồi cho AI biến tấu, remix lại mà không xin phép, không ghi nguồn có thể gây tranh cãi về quyền sở hữu trí tuệ và sự tôn trọng đối với nghệ sĩ gốc. Chẳng hạn, một giai điệu quan họ nếu bị biến thành một đoạn nhạc nền TikTok vui nhộn qua AI mà không ghi nhận xuất xứ, thì không chỉ vấn đề pháp lý mà giá trị văn hóa cũng bị ảnh hưởng (người trẻ có thể không biết đó là Quan họ, chỉ coi như nhạc “trend” rồi lãng quên gốc gác).

Tựu trung, thách thức lớn nhất AI mang lại là làm sao giữ được “chất” Việt trong âm nhạc nhân vật giữa cơn lốc toàn cầu hóa thuật toán. Nếu mặc kệ cho AI sáng tác vô tội vạ theo dữ liệu ngoại lai, chúng ta có nguy cơ đánh mất dần bản sắc quý báu mà thế hệ trước đã dày công gây dựng trong nghệ thuật.

5.2. Cơ hội - Cá nhân hóa và mở rộng biên độ sáng tạo

Ở chiều ngược lại, AI cũng đem đến những cơ hội chưa từng có, miễn là chúng ta coi nó như công cụ hỗ trợ chứ không phải người thay thế nghệ sĩ. Ưu thế nổi bật nhất của AI là tốc độ và khả năng tạo ra biến thể vô hạn dựa trên một mẫu gốc. Điều này rất hữu ích trong việc cá nhân hóa âm nhạc cho nhân vật. Chẳng hạn, với một chủ đề âm nhạc dân tộc gốc (ví dụ câu hò mái nhì xứ Nghệ hay điệu hò mái đẩy Trung Bộ), AI có thể giúp nhà soạn nhạc sản sinh hàng chục, thậm chí hàng trăm biến tấu khác nhau trong thời gian ngắn - có biến tấu vui, buồn, hài hước, bi tráng, kinh dị tùy nhu cầu. Nhờ đó, trong một bộ phim dài hoặc vở diễn nhiều hồi, khi tâm lý nhân vật thay đổi liên tục, chúng ta vẫn giữ được motif âm nhạc chủ đạo thống nhất mà lại linh hoạt về sắc thái. Bản sắc âm nhạc của nhân vật được duy trì xuyên suốt nhưng không gây nhàm chán, vì mỗi hoàn cảnh lại có một phiên bản âm thanh phù hợp. Đây là việc nếu làm thủ công sẽ tốn rất nhiều thời gian, còn AI thì rút ngắn đáng kể, giúp đạo diễn - nhạc sĩ có thêm nguồn tham khảo phong phú để lựa chọn. Dịch Dương & cộng sự (2025: 260) nhận định rằng: *“Có thể nói trong thời đại mà hiệu suất là vua này, việc nắm chắc công nghệ Multiple AI chính là nắm chắc hiệu suất trong tay, sẽ giúp bạn đi trước những người khác.”*

AI cũng hỗ trợ đắc lực cho việc phối khí “lai hợp” giữa nhạc dân tộc và nhạc hiện đại. Như đã bàn ở trên, việc dung hòa hai thế giới âm thanh cần sự tính toán tinh vi. AI có thể thử nghiệm nhanh hàng loạt phương án phối hợp khác nhau, từ đó người sáng tạo chọn ra phương án ưng ý nhất. Ví dụ, để định danh một nhân vật anh hùng dân tộc trong phim hành động hiện đại, ta có thể nhờ AI “lai” âm thanh trống đồng Đông Sơn với nhịp epic percussion của Hollywood. Kết quả thu được có thể là một bản nhạc nền vừa hùng tráng, vừa phảng phất âm hưởng Âu Lạc xưa, phù hợp thị hiếu khán giả trẻ nhưng không mất gốc văn hóa. Thử nghiệm như vậy giúp mở rộng *biên độ sáng tạo*: những kết hợp mà con người có thể chưa nghĩ tới, AI có thể gợi ý, từ đó khơi nguồn cho ý tưởng mới.

Một tiềm năng khác của AI là trong bảo tồn và tái tạo âm thanh di sản để phục vụ xây dựng nhân vật. Giả sử một bộ phim muốn tái hiện tiếng đàn của cổ nghệ nhân dân

gian huyền thoại, AI có thể hỗ trợ phục chế hoặc mô phỏng dựa trên tư liệu có sẵn. Nhờ AI phân tích và học phong cách chơi đàn của nghệ nhân đó, nhân vật trên phim (một Nghệ sĩ hoặc nhân vật lịch sử) có thể “cất tiếng đàn” chân thực đúng như nghệ nhân thật từng chơi, thay vì phụ thuộc vào diễn viên đóng thế. Điều này giúp định danh chính xác tài năng và cá tính âm nhạc của nhân vật, đem lại trải nghiệm chân thật hơn cho khán giả. Tương tự, AI có thể tái hiện tiếng hát các nghệ sĩ quá cố (với sự cho phép cần thiết) để lồng vào phim - ví dụ giọng ca NSƯT Út Trà Ôn trong vai một nghệ nhân Cải lương tiền bối, khiến nhân vật “sống” hơn rất nhiều.

Ngoài ra, AI mở ra cơ hội để âm nhạc định danh nhân vật vươn xa hơn không gian truyền thống. Ngày nay, chủ đề âm nhạc của nhân vật không chỉ nằm trong phim hay vở diễn, mà còn được khán giả trẻ đưa lên mạng xã hội, làm nhạc chuông, remix... (trở thành những đoạn âm thanh ngắn vui nhộn “sound meme” lan truyền). AI có thể hỗ trợ tạo ra các phiên bản *remix* chất lượng, hoặc tự động điều chỉnh độ dài, tốc độ nhạc phù hợp với định dạng clip ngắn, từ đó giúp nhạc chủ đề nhân vật dễ dàng lan tỏa trên nền tảng số. Đây là con dao hai lưỡi: mặt tích cực là bản sắc âm nhạc Việt gắn với nhân vật có thể vượt ra khỏi ranh giới rạp chiếu, sân khấu, đến với khán giả toàn cầu qua Internet một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Đồng thời, âm nhạc nhân vật còn có cơ hội gắn bó hơn với đời sống cá nhân khán giả trẻ - khi họ dùng nó làm “nhạc nền cuộc đời” trên TikTok, trong playlist yêu thích... nhân vật trở nên gần gũi như người bạn, không còn xa lạ. Tuy nhiên, như đã nói, nếu lạm dụng có thể gây “loãng” ý nghĩa gốc. Do đó cần những giải pháp định hướng để khai thác cơ hội này mà hạn chế mặt trái.

Tựu trung, AI nếu được ứng dụng đúng đắn sẽ là trợ thủ tuyệt vời để nâng tầm âm nhạc định danh nhân vật: cho phép cá nhân hóa sâu hơn, sáng tạo đa dạng hơn nhưng vẫn bám rễ bản sắc. Vấn đề then chốt là giữ vai trò kiểm soát của con người, chúng ta không được phó thác toàn bộ quyết định thẩm mỹ cho thuật toán; con người phải là người cầm lái cuối cùng. Chỉ khi đó, công nghệ mới thực sự phục vụ nghệ thuật thay vì lèo lái nó đi chệch hướng.

6. Giải pháp và khuyến nghị ứng dụng ai trong thiết kế âm nhạc định danh nhân vật

Từ những cơ hội và thách thức phân tích ở trên, có thể thấy chìa khóa nằm ở cách tiếp cận “Human-in-the-loop” - tức con người chủ động trong vòng lặp sáng tạo với AI như một công cụ. Dưới đây là một số đề xuất cụ thể nhằm ứng dụng AI hiệu quả để định danh nhân vật bằng âm nhạc, đồng thời bảo tồn được bản sắc Việt: Cùng tinh thần đó, Jesuthasan & Boudreau (2024: 289) nhấn mạnh: *“Khi chúng ta xem xét nhiều tiến bộ nhanh chóng trong tự động hóa và công việc, hãy nhớ rằng mọi người đều có sức mạnh. Tương lai của công việc hoàn toàn phụ thuộc vào chúng ta. Cho dù chúng ta sử dụng công, hỗ trợ hoặc tạo ra công việc thì đó phải luôn là một lựa chọn có Ý thức và có hiểu biết”*.

- *Xác lập “ADN âm nhạc” cho nhân vật trước khi dùng AI*

Việc này thuộc trách nhiệm của Đạo diễn và Nhạc sĩ. Trước khi đưng đến bất kỳ phần mềm AI nào, người sáng tạo cần tự trả lời: *Nhân vật này thuộc vùng văn hóa nào?*

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

(Bắc, Trung, Nam hay dân tộc thiểu số khác?); *Tính cách và số phận chủ đạo của họ là gì?* (bi thương, anh hùng, hài hước...?); *Nhạc cụ hoặc làn điệu dân tộc nào có thể làm “mã định danh” phù hợp nhất?* Ví dụ, với nhân vật một người mẹ Việt Nam kiên cường nhưng chịu nhiều mất mát, có thể chọn đàn bầu kết hợp hơi Nam ai làm nhạc chủ đề để nhấn mạnh sự đằm thắm mà bi thương của hình tượng mẹ Việt Nam. Việc thiết kế trước “hồ sơ âm nhạc” cho nhân vật sẽ đảm bảo rằng mọi bước sử dụng AI sau đó đều xoay quanh cái lõi bản sắc đã định, tránh bị chệch hướng. Âm nhạc định danh vì thế vẫn giữ được gốc rễ văn hóa do con người cài vào ngay từ đầu.

- *Xây dựng dữ liệu huấn luyện AI mang bản sắc Việt*

Đừng hoàn toàn dựa vào các mô hình AI có sẵn trên thị trường (vốn thiên về dữ liệu Âu - Mỹ). Đối với các dự án lớn, nên hợp tác với kỹ sư AI để tùy biến mô hình và dữ liệu huấn luyện. Cụ thể, cần thu thập và số hóa các mẫu âm nhạc truyền thống chất lượng cao, ví dụ thu âm tiếng các nhạc cụ dân tộc do chính nghệ nhân biểu diễn, các làn điệu dân ca vùng miền, trích đoạn Cải lương, Chèo, Tuồng mẫu mực. Sau đó tiến hành huấn luyện tinh chỉnh mô hình AI với kho dữ liệu này. Quá trình này dạy cho AI hiểu về Thang âm Ngũ cung, về cách nhấn nhá, luyện láy đặc trưng của âm nhạc Việt. Đây là bước quyết định để “Việt hóa” AI, giúp nó tránh tạo ra những sản phẩm lai căng thiếu gốc. Kinh nghiệm từ lĩnh vực xử lý ngôn ngữ tự nhiên cho thấy: mô hình AI khi được huấn luyện bằng dữ liệu bản ngữ sẽ cải thiện đáng kể độ chính xác và tính tự nhiên. Tương tự, trong âm nhạc, một mô hình AI “hiểu” nhạc Việt sẽ cho ra những giai điệu, hợp âm gần gũi với tinh thần Việt hơn hẳn. Tất nhiên, việc này đòi hỏi đầu tư thời gian và kinh phí, nhưng nếu hướng đến tầm nhìn lâu dài thì rất nên làm, thậm chí ở cấp độ quốc gia cần xây dựng thư viện âm nhạc dân tộc số hóa để phục vụ nhiều dự án.

- *Đồng sáng tạo và kiểm duyệt*

Khi đã có mô hình AI hiểu biết về nhạc Việt, quá trình sáng tác sẽ trở thành sự tương tác linh hoạt giữa người và máy. AI có thể được yêu cầu tạo ra nhiều bản phác thảo nhạc nền dựa trên “ADN âm nhạc” đã định và dữ liệu đã nạp. Lúc này, đạo diễn và nhạc sĩ phải sắm vai trò người giám tuyển - lắng nghe và chọn lọc những đoạn nhạc phù hợp nhất với thần thái nhân vật. Những đoạn nào AI tạo ra nghe *sai lệch văn hóa* hoặc không truyền tải đúng cảm xúc nhân vật thì kiên quyết loại bỏ. Con người cũng cần chỉnh sửa thêm thắt (về nhịp điệu, phối khí, hòa âm) cho các phương án được chọn để ăn khớp hoàn hảo với nhịp độ phim, cao trào kịch bản. Đây là bước mà phán đoán thẩm mỹ và kinh nghiệm của Nghệ sĩ là tối quan trọng - AI chỉ cung cấp nguyên liệu thô, quyết định cuối cùng phải do người làm nghệ thuật đưa ra dựa trên hiểu biết sâu sắc về bối cảnh và bản sắc. Như vậy, AI trở thành “người cộng sự” đưa ra gợi ý, còn con người mới là đạo diễn thực sự của bản nhạc. Giữ vững nguyên tắc này sẽ giúp chúng ta tận dụng được sáng tạo của AI mà không đánh mất tiếng nói nghệ thuật riêng.

- *Tương tác thời gian thực trên Sân khấu*

Một ý tưởng mở rộng là dùng AI để điều khiển nhạc nền *theo thời gian thực* trong các vở diễn Sân khấu hiện đại hoặc chương trình thực cảnh. Ví dụ, gắn các cảm biến chuyển động hoặc phân tích giọng nói để AI nhận biết cảm xúc/ động tác của diễn viên,

từ đó tự động chuyển đổi âm nhạc nhân vật cho phù hợp ngay lúc diễn. Nếu diễn viên đang cao trào đau khổ, AI có thể ngay lập tức chuyển nhạc nền sang hơi oán, thêm hiệu ứng rung ngân để tăng bi thương cộng hưởng khán phòng. Khi tình huống chuyển sang vui tươi, AI lại uyển chuyển đưa về giai điệu Hơi Bắc hoặc dí dỏm hơn. Âm nhạc lúc này như *sống cùng nhân vật*, biến hóa linh hoạt thay vì cố định. Tất nhiên, triển khai điều này đòi hỏi công nghệ phức tạp và thử nghiệm kỹ, nhưng nếu thành công sẽ mở ra một loại trải nghiệm sân khấu mới mẻ, nơi âm nhạc truyền thống và AI kết hợp tạo nên sự tương tác độc đáo với khán giả. Quan trọng là lập trình AI vẫn phải dựa trên chất liệu nhạc truyền thống (Ví dụ dạy cho hệ thống biết đổi sang *trống chiến*, *trống đế* khi cảnh diễn võ tướng, chuyển sang *đàn tranh*, *sáo trúc* khi cảnh thơ mộng...). Có thể hình dung mô hình một “sân khấu lai”, nơi nghệ sĩ - khán giả - công nghệ hòa quyện, trong đó công nghệ tôn vinh bản sắc chứ không lấn át nó.

- *Phát huy vai trò của cộng đồng khán giả và các tổ chức*

Như đã đề cập, khán giả trẻ ngày nay không chỉ thưởng thức thụ động mà còn chủ động đồng sáng tạo nội dung (fan-edit, fancam, remix nhạc phim...). Thay vì xem đây là mối đe dọa, nhà sản xuất nên coi đó là cơ hội quảng bá bản sắc âm nhạc nhân vật. Chẳng hạn, hãng phim có thể phát hành nhạc chính thức của phim (official soundtrack) kèm thông tin về chất liệu nhạc (đây là điệu dân ca vùng nào, lời cổ hay mới sáng tác...). Đồng thời, cung cấp các mẫu âm thanh chính thức (audio template) - ví dụ đoạn nhạc chủ đề nhân vật không lời với độ dài phù hợp clip ngắn - để khuyến khích khán giả dùng làm nhạc nền sáng tạo nội dung. Những bản phát hành chính thức này sẽ đóng vai trò “neo giữ” bản sắc gốc: dù khán giả có phối (remix) hay trình diễn lại (cover) thì cái chất liệu nền vẫn được duy trì, tránh việc biến tấu quá đà làm người nghe quên mất cội nguồn. Các cuộc thi cover nhạc chủ đề nhân vật bằng nhạc cụ dân tộc, hay workshop giải mã âm nhạc phim cũng nên được tổ chức. Những hoạt động này vừa gắn kết khán giả với tác phẩm, vừa giáo dục họ hiểu hơn về bản sắc âm nhạc được sử dụng, tạo cộng đồng người hâm mộ có hiểu biết và trân trọng giá trị truyền thống.

- *Đổi mới trong đào tạo và quản lý*

Các cơ sở đào tạo nghệ thuật (đặc biệt trong lĩnh vực Đạo diễn, Biên kịch, Âm nhạc, Thiết kế Âm thanh) cần đưa nội dung về “Âm nhạc định danh nhân vật” vào chương trình học chính khóa. Sinh viên nên được học qua các nghiên cứu tình huống (case study) thành công - thất bại trong việc dùng âm nhạc truyền thống cho nhân vật, từ đó đúc rút bài học. Đồng thời, cần trang bị kiến thức cơ bản về AI và bản quyền cho thế hệ trẻ: để họ biết cơ hội và rủi ro khi dùng AI trong sáng tạo, biết cách bảo vệ tác phẩm của mình và tôn trọng chất xám người đi trước. Về phía quản lý nhà nước, các cơ quan văn hóa nên nhanh chóng hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến việc sử dụng di sản âm nhạc trong môi trường AI (vấn đề bản quyền dữ liệu, quyền nhân thân của nghệ sĩ khi giọng hát bị AI bắt chước...). Song song đó là hỗ trợ các dự án Sân khấu - Điện ảnh tiên phong kết hợp bản sắc âm nhạc với công nghệ mới, nhất là các dự án hướng tới khán giả trẻ. Việc xây dựng những kho tư liệu số về âm nhạc truyền thống, nhạc phim... cũng rất cần thiết, trong đó ghi rõ nguồn gốc xuất xứ từng chất liệu để nghệ sĩ tra cứu và

sử dụng một cách có trách nhiệm. Tất cả những động thái này sẽ tạo nền tảng vững chắc để bản sắc âm nhạc Việt được bảo tồn và thăng hoa trong kỷ nguyên kỹ thuật số.

Ở góc độ giáo dục âm nhạc, Nguyễn Thị Hồng Thanh & cộng sự (2025: 140) khẳng định: *“Hiện nay, tầm quan trọng, sự hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục nói chung và dạy học nói riêng ở nước ta đã được khẳng định. Ứng dụng nghệ thuật thông tin trong dạy học được coi là xu thế tất yếu. Vai trò của công nghệ thông tin trong dạy học môn âm nhạc được thể hiện: - Tính hiệu quả: việc ứng dụng nghệ thuật thông tin trong giảng dạy đã nâng cao chất lượng giảng dạy và học môn âm nhạc. Sự hứng thú học tập của học sinh được thể hiện rõ nét. Các dẫn chứng, minh họa sinh động, cụ thể thu hút được sự chú ý, dễ dàng chạm đến cảm xúc của học sinh hơn. - Tính đồng bộ: việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học đã được khẳng định trong thực tiễn ở nước ta và trở thành xu thế tất yếu của giáo dục. - Tính thông minh: việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp người sử dụng sáng tạo tạo ra các sản phẩm hỗ trợ, thay thế các mô hình hình động, các thí nghiệm ảo, các chuyến du hành khám phá ảo mà việc thực hiện trực tiếp có nhiều khó khăn.”*

Những giải pháp trên đây chỉ là bước đầu phác thảo cho một hướng đi “đồng hành” cùng AI thay vì đối đầu với nó. Tựu trung lại, nguyên tắc then chốt là: chủ động “cầm cương” công nghệ bằng bàn tay và khối óc con người. Khi người nghệ sĩ hiểu sâu sắc và trân trọng bản sắc dân tộc, họ hoàn toàn có thể biến AI thành một công cụ trợ giúp sáng tạo tuyệt vời, tạo nên những tác phẩm vừa đậm đà tinh hoa Việt, vừa mới mẻ hấp dẫn với khán giả thời đại mới.

7. Kết luận

Bản sắc âm nhạc Việt Nam, kết tinh qua chiều sâu văn hóa - lịch sử - vùng miền, từ lâu đã là một trong những yếu tố quan trọng nhất để định danh nhân vật trên sân khấu - điện ảnh. Âm nhạc không chỉ “minh họa” cho hình tượng, mà thực sự trở thành “giọng nói thứ hai” của nhân vật, giúp khán giả nhận diện họ cả ở bề mặt lẫn chiều sâu nội tâm. Trong thời đại kỷ nguyên AI, khi nhân vật có thể được “sinh ra”, “biến đổi” và “sống tiếp” trên vô số không gian kỹ thuật số, chức năng định danh ấy đang đứng trước những biến động lớn: vừa được khuếch đại, lan tỏa, vừa có nguy cơ bị pha loãng, méo mó. Giải pháp không phải là khép mình trước công nghệ, mà là chủ động kiến tạo những mô hình sáng tạo - sản xuất - đào tạo mới, trong đó: bản sắc âm nhạc Việt vẫn là gốc rễ; nhân vật vẫn được khắc họa bằng một “bộ mã âm thanh” rõ ràng, giàu ý nghĩa; khán giả (đặc biệt khán giả trẻ) được mời gọi đồng sáng tạo trong khuôn khổ thẩm mỹ - đạo đức chung; và AI chỉ đóng vai “trợ lý thông minh” chứ không trở thành “đạo diễn vô hình” chi phối mọi thứ. Khi làm được điều đó, mỗi nhân vật sân khấu - điện ảnh Việt Nam trong thế kỷ 21 sẽ không chỉ có gương mặt, câu chuyện, tính cách riêng, mà còn sở hữu một “giọng âm nhạc” độc nhất vô nhị - vang xa trong không gian toàn cầu nhưng vẫn giữ được dấu vân tay Việt Nam đậm đà, tự tin và độc đáo. Ở bình diện rộng hơn về kết nối xã hội và ký ức văn hóa, Buchanan (2020: 256) viết: *“Mặc dù nhờ công nghệ, chúng ta có nhiều phương thức tiếp cận ngay lập tức với bạn bè và gia đình, tuy nhiên xu hướng thiếu kết nối chỉ có thể được giải quyết khi con người làm việc và cùng nhau*

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

sáng tạo. Âm nhạc là sự tôn vinh ta là ai và là sự khám phá tính đa dạng của chúng ta. Nếu ta thực sự coi trọng điều này và tin rằng nó là một phần quan trọng trong kết nối xã hội thì âm nhạc có thể tôn vinh những khác biệt này theo một cách tích cực, không chút đe dọa. Âm nhạc cho chúng ta cơ hội để có được cái nhìn rộng hơn về lịch sử và bối cảnh văn hóa bằng cách tiếp xúc với hàng thập kỷ di sản”.

Gợi mở từ đó, việc vận dụng AI theo nguyên tắc “con người trong vòng lặp” không chỉ là lựa chọn kỹ thuật, mà còn là lựa chọn văn hóa: bảo vệ “ADN” âm thanh của nhân vật Việt Nam, đồng thời mở rộng không gian sáng tạo trong nghệ thuật đương đại.

Tài liệu tham khảo

- Buchanan, J. (2020). *Ứng dụng âm nhạc để thay đổi cuộc sống*. NXB Công thương.
- Dịch Dương, Phan Trạch Bản và Lý Thế Minh (2025). *ChatGPT Thực chiến*. NXB Dân Trí.
- Jesuthasan, R. & Boudreau, J. W. (2024). *AI Công cụ nâng cao hiệu suất công việc*. NXB Thế Giới.
- Nguyễn Đình Thi và Lê Mạnh Hùng (2021). *Giáo trình Đạo diễn Sân khấu*. NXB Văn học.
- Nguyễn Thị Hồng Thanh, Trần Hương Giang và Bùi Đình Thọ (2025). *Giáo trình Âm nhạc truyền thống trong hoạt động biểu diễn sân khấu*. NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- Phạm Duy Khuê (2016). *Cơ sở lý luận sân khấu học*. NXB Sân khấu.
- Phan Bích Hà (2003), *Hiện thực thứ hai*, NXB Văn hóa - Thông tin.
- Trần Diệu Hiền (2010). *Giáo trình Âm nhạc trong phim*. Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.
- Vũ Minh Trang, Đặng Ngọc Thuyên, Ngô Văn Cẩn và Trần Quý Ban (2025). *AI 9 ngày yêu*. NXB Dân Trí.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ SỰ NHẬN DIỆN CÁC GIÁ TRỊ BẢN SẮC CỦA ÂM NHẠC TRONG SINH HOẠT TÔN GIÁO: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Ngô Võ Khánh Trâm, Lê Phước An, Dương Tuyết Ngân

Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Email: <mailto:2156220038@hcmussh.edu.vn>

Tóm tắt

Nghiên cứu này phân tích cán cân giữa việc ứng dụng (AI) và sự bảo tồn bản sắc truyền thống thiêng liêng của âm nhạc trong sinh hoạt tôn giáo, trên nền tảng triết học, nhân học và thần học Công giáo. AI mang lại cơ hội tối ưu hóa hiệu quả, đa dạng hóa Phụng vụ, và hỗ trợ truyền giáo, nhưng đồng thời tạo ra các thách thức căn nguyên về tính thực và tính thiêng.

Về mặt triết học, Heidegger là một trong những gương mặt tiêu biểu cho rằng sự can thiệp của AI đe dọa biến sự sáng tạo thiêng liêng thành sự mô phỏng vô hồn. Về mặt nhân học, nguy cơ đồng nhất hóa văn hóa và phai nhạt bản sắc địa phương là hiện hữu. Sự kiện DJ remix Kinh Kính Mừng tại Đại hội Giới trẻ Sài Gòn 2025 là minh chứng thực tế cho thấy sự xâm lấn của văn hóa tiêu dùng và sự thiếu tôn trọng cảm thức về cái thiêng.

Bài nghiên cứu kiến nghị có lẽ chúng ta nên định vị lại vai trò của AI, xem nó là công cụ hỗ trợ chứ không phải là chủ thể sáng tạo. Giải pháp nằm ở việc xây dựng khung thần học và đạo đức công nghệ, thiết lập các vùng cấm sáng tạo cho kinh nguyện cốt lõi.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, Âm nhạc tôn giáo, Bản sắc, Phụng vụ, Tính thiêng

AI, the sacred, and the simulacrum: Reconciling technological efficiency with the identity of religious music

Abstract

This study analyzes the delicate existential balance between the application of Artificial Intelligence (AI) and the preservation of the sacred traditional identity of music within religious practices, grounded in philosophical, anthropological, and Catholic theological perspectives. AI presents undeniable opportunities for efficiency optimization, liturgical diversification, and evangelization support, yet simultaneously generates profound radical challenges concerning authenticity and sacredness.

From a philosophical standpoint, Martin Heidegger's thought serves as a critical lens, suggesting that AI's intervention threatens to reduce sacred creation into a soulless simulacrum (or phantasma) of the original, marking the ultimate triumph of the Enframing (Gestell). Anthropologically, the risk of cultural homogenization and the erosion of local religious identity are palpable concerns. The widely discussed incident of the Hail Mary remix at the Saigon Youth Congress 2025 stands as a compelling empirical case, demonstrating the acute intrusion of consumer culture and the profound disregard for the Sense of the Numinous (Sensus Numinis) in liturgical contexts.

The research proposes a necessary re-ontologization of AI's role, positioning it strictly as a strategic auxiliary tool rather than a creative subject. The solution mandates the development of a coherent Theology and Ethics of Technology, coupled with the establishment of designated creative exclusion zones for core liturgical music and prayers.

Keywords: Artificial Intelligence (AI), Religious Music, Identity, Liturgy, Sacredness

1. Dẫn nhập

Những năm đầu thập niên thứ ba của thế kỷ XXI đang mở ra một giai đoạn lịch sử được đánh dấu bằng sự hội tụ của các biến động toàn cầu đi từ khủng hoảng môi trường đến sự chuyển đổi mô hình kinh tế và xã hội. Trong bối cảnh đó, sự trỗi dậy mạnh mẽ của công cụ trí tuệ nhân tạo không chỉ là một cột mốc công nghệ mà còn là một hiện tượng triết học và nhân học, vĩnh viễn tái định hình mối quan hệ giữa con người và công cụ. Sự phát triển của AI là một thành tựu khoa học có thể nói là tuyệt vời bởi có khả năng tổng hợp dữ liệu, mô phỏng quá trình sáng tạo, và chính sự tối ưu hoá hiệu quả đang tiếp tục thúc đẩy cái mà triết gia người Đức, Martin Heidegger⁵, gọi là sự mở rộng của kỹ thuật trở thành một khung nhìn chi phối cách chúng ta tiếp cận và tổ chức thực tại (Heidegger, 1977). Chính cái nhìn này yêu cầu mọi thứ phải được “hiện hữu hóa” như một nguồn tài nguyên sẵn có, bao gồm cả các sản phẩm văn hóa và tinh thần.

Không nằm ngoài quỹ đạo này, lĩnh vực tôn giáo là một trong những lĩnh vực mang nhiều sắc thái thiêng liêng và truyền thống, vốn cũng là nơi lưu giữ và truyền đạt các giá trị văn hóa, bản sắc và kinh nghiệm thiêng liêng sâu sắc nhất của nhân loại cũng đang chứng kiến sự góp mặt và tác động của các công cụ AI. Cụ thể, trong sinh hoạt tôn giáo, đặc biệt là trong cộng đồng truyền thống như Công giáo, AI đang được tin đồ ứng dụng vào việc sáng tác, cải biên, và tổ chức âm nhạc phụng vụ, với mục tiêu rõ ràng là tiết kiệm thời gian, đa dạng hóa chất liệu, và hỗ trợ công tác giáo lý. Về mặt tích cực, AI có thể trở thành một công cụ hiệu quả cho việc sản xuất âm nhạc có tính đại chúng và dễ tiếp cận, giúp truyền bá thông điệp tôn giáo đến các nhóm dân cư rộng hơn, hay thậm chí phục vụ cho các mục đích giáo dục tôn giáo bằng phương pháp trực quan và âm thanh hiện đại. Sự tiện nghi và tốc độ mà AI mang lại dường như là câu trả lời cho nhu cầu truyền giáo và giảng dạy trong một thế giới đang vận hành với nhịp độ ngày càng nhanh.

Tuy nhiên, sự can thiệp của AI vào âm nhạc tôn giáo là một loại hình nghệ thuật thiêng liêng không chỉ là phương tiện truyền đạt mà còn là thành tố kiến tạo bản sắc cộng đồng và kinh nghiệm gặp gỡ siêu nhiên đã và đang đặt ra những chất vấn căn cốt về bản chất của sự sáng tạo, tính xác thực của tín ngưỡng, và sự bền vững của các giá trị văn hóa. Từ góc độ thần học công giáo, âm nhạc Thánh không chỉ là nghệ thuật mà còn là hành vi phụng tự, phải tuân thủ các tiêu chí về tính thiêng liêng và tính phổ quát,

⁵ Martin Heidegger (1889–1976) là một trong những nhà triết học quan trọng và có ảnh hưởng sâu sắc nhất của thế kỷ XX. Ông được biết đến chủ yếu qua việc phát triển triết học hiện sinh (Existentialism) và Bản thể học (Ontology).

được quy định rõ trong Hiến chế Phụng vụ Sacrosanctum Concilium (Công đồng Vatican II, 1963). Văn kiện này nhấn mạnh rằng truyền thống âm nhạc Thánh phải được bảo tồn và trau dồi.

Liệu một sáng tác được tổng hợp từ dữ liệu có sẵn theo cơ chế của AI có thể thực sự mang tính sáng tạo từ bên trong hay chỉ là sự mô phỏng, và quan trọng hơn, liệu nó có thể truyền đạt được cảm nghiệm đức tin cá vị và linh đạo dân tộc những yếu tố làm nên bản sắc của âm nhạc tôn giáo Việt Nam và các dân tộc khác? Tính xác thực của nghệ thuật tôn giáo gắn liền với sự cống hiến, hy sinh và kinh nghiệm hiện sinh của người nghệ sĩ (tín hữu). Khi AI sản xuất âm nhạc dựa trên thuật toán, liệu yếu tố nhân bản này có bị mất đi, biến phụng vụ thành một trải nghiệm tiện nghi, vô hồn? Liệu việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo vào trong sinh hoạt tôn giáo có đang trở thành một “cán cân” nan giải giữa bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc (vốn được định hình bởi yếu tố con người, truyền thống và dân tộc) hay hướng tới sự chuyển đổi số hóa (mang lại hiệu quả tức thời, tiện nghi công nghệ, và trải nghiệm mới) trong bối cảnh toàn cầu hóa và kỹ thuật số hiện nay?

Nghiên cứu này, thông qua lăng kính của nhân học văn hóa, triết học AI (Philosophy of Artificial Intelligence) và thần học Công giáo, sẽ phân tích các cơ hội và thách thức mà AI mang lại đối với sự nhận diện và bảo tồn các giá trị bản sắc của âm nhạc trong đời sống tôn giáo, từ đó đề xuất một cách tiếp cận cân bằng, nhằm giữ gìn tính thiêng liêng và giá trị nhân bản của âm nhạc phụng vụ trong kỷ nguyên số, đặc biệt là đối với cộng đồng Công giáo tại Việt Nam.

2. Bàn luận

2.1. Một số thuật ngữ

2.1.1 Bản sắc (Identity)

Bản sắc (Identity) không phải là một thực thể tĩnh, cố định mà là một kiến tạo xã hội, mang tính động và đa chiều. Bản sắc là tập hợp các đặc điểm (văn hóa, ngôn ngữ, lịch sử, tín ngưỡng, hành vi) mà một cá nhân hoặc một nhóm người sử dụng để tự nhận diện mình và được người khác nhận diện, qua đó tạo nên ranh giới phân biệt với các nhóm khác (Geertz, 1973: 53-55).

Trong bối cảnh tôn giáo, bản sắc được củng cố và thể hiện thông qua các thực hành thiêng liêng, các câu chuyện thần thoại, và các sản phẩm văn hóa như âm nhạc tôn giáo. Bản sắc tôn giáo là quá trình diễn giải liên tục giữa kinh nghiệm cá nhân và hệ thống ký hiệu tập thể, mang lại ý nghĩa, sự thuộc về và tính liên tục lịch sử cho cộng đồng. Bản sắc này là nền tảng cho sự tồn tại của các giá trị riêng biệt mà cộng đồng mong muốn bảo tồn trước sức ép của toàn cầu hóa và đồng hóa văn hóa (Berger, 1967: 3-5).

2.1.2 Trí tuệ Nhân tạo (Artificial Intelligence - AI)

Trí tuệ Nhân tạo (AI) vượt ra ngoài định nghĩa kỹ thuật về thuật toán và mô hình tính toán. AI là một biểu hiện cực đoan của chủ nghĩa công cụ, nơi công nghệ không chỉ là phương tiện mà còn là mục đích, tái định nghĩa mối quan hệ giữa chủ thể (con người) và khách thể (công cụ) (Heidegger, 1977).

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Theo lập trường của Triết học AI của Heidegger, AI có thể được xem là đỉnh cao của khung nhìn kỹ thuật, tức là một cách nhìn thế giới coi mọi sự vật, kể cả sự sáng tạo tinh thần, chỉ là nguồn tài nguyên có thể được khai thác và tối ưu hóa. Vấn đề triết học đặt ra là: Liệu một thực thể do con người tạo ra, hoạt động dựa trên sự tổng hợp dữ liệu có sẵn, có thể đạt đến trí khôn đích thực bao gồm ý thức, cảm nghiệm, và khả năng sáng tạo từ hư vô (ex nihilo) hay không. Trong bối cảnh tôn giáo, sự can thiệp của AI vào sáng tạo thiêng liêng đặt ra câu hỏi về tính bản thể của sự sáng tạo và giới hạn của sự mô phỏng so với linh hứng siêu nhiên (Heidegger, 1977).

2.1.3. Tôn giáo (Religion)

Tôn giáo không chỉ đơn thuần là niềm tin vào một Đấng Siêu Nhiên mà là một hệ thống ký hiệu, thực hành, và tổ chức được xây dựng xung quanh khái niệm về thiêng liêng. Tôn giáo có chức năng nhân học cốt lõi là tạo ra ý nghĩa và trật tự trong một thế giới đầy hỗn loạn và ngẫu nhiên cung cấp một khung giải thích cho những vấn đề hiện sinh lớn như sự sống, cái chết, và khổ đau (Geertz, 1973).

Từ góc độ triết học tôn giáo, tôn giáo là sự thể hiện mối quan hệ nền tảng của con người với Đấng Tuyệt Đối. Nó bao gồm các khía cạnh: đức tin, đạo đức và phụng tự. Trong Phụng tự, âm nhạc là một ngôn ngữ biểu tượng có khả năng đưa con người vượt qua ngôn ngữ trần thế để hiệp thông với Đấng Thiêng Liêng, góp phần củng cố mối liên kết giữa cái cá nhân và cái cộng đồng thiêng liêng (Otto, 1958).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu này được xây dựng trên nền tảng phương pháp định tính liên ngành. Phương pháp này được lựa chọn để đối phó với bản chất phức tạp, đa chiều của đối tượng nghiên cứu, vốn đòi hỏi sự phê phán không chỉ về mặt kỹ thuật mà còn về mặt bản thể học, thần học và nhân học.

Đối tượng nghiên cứu chính là mối tương quan bản thể giữa tính thiêng của âm nhạc phụng vụ và bản chất AI.

Để phân tích mối tương quan này, bài nghiên cứu triển khai khung lý thuyết là triết học công nghệ của Martin Heidegger và bản thể học ngôn ngữ và tâm trí (Searle, Plato) kết hợp với Thần học và Nhân học Tôn giáo (Công đồng Vatican II, Berger, Geertz).

2.3. Vai trò của AI trong âm nhạc tôn giáo

Việc định vị lại vai trò của AI không chỉ là nhiệm vụ riêng biệt của thần học Công giáo, mà còn là một vấn đề bản thể học nhân văn cấp thiết đối với các hệ tư tưởng tôn giáo lớn, nơi mà sự sáng tạo luôn được xem là sự tuôn trào của linh hồn hoặc trí tuệ siêu việt.

Từ góc độ Phật giáo, âm nhạc hay các nghi lễ tụng niệm được coi là “Phương tiện thiện xảo” (Upaya) để dẫn dắt tâm thức đạt đến trạng thái tĩnh thức. Tuy nhiên, giá trị cốt lõi của một hành vi tôn giáo nằm ở “Tác ý” (Chetana). Triết học Phật giáo cho rằng AI, dù có khả năng mô phỏng âm thanh hoàn hảo đến đâu, vẫn rơi vào trạng thái “vô hữu” về mặt tâm thức; nó không sở hữu Phật tính và không thể thực hành sự “tĩnh thức” trong từng nốt nhạc. Vì vậy, trong âm nhạc Phật giáo, AI có thể hỗ trợ lưu trữ các làn điệu Phạn

sái hay kinh kệ cổ, nhưng không bao giờ có thể thay thế một hành giả trong việc tạo ra “âm thanh giải thoát” thứ âm thanh đòi hỏi sự rung cảm của lòng từ bi và trí tuệ thực chứng.

Đối với Islam, quan điểm về sự duy nhất của Thượng đế (Tawhid) đặt ra ranh giới nghiêm ngặt về sự sáng tạo. Nghệ thuật âm thanh trong Islam, đặc biệt là nghệ thuật xướng kinh Tajwid, là sự thể hiện sự phục tùng và tôn vinh lời mặc khải của Allah. Trong thần học Islam, mọi hành vi thờ phượng đều phải bắt nguồn từ ý định (Niyyah) của một chủ thể có linh hồn (Ruh). AI là một thực thể vô hồn, do đó, các sản phẩm âm thanh do nó tạo ra hoàn toàn trống rỗng về mặt giá trị tâm linh (Barakah). Tuy nhiên, các cộng đồng Islam giáo có thể ứng dụng AI như một công cụ hỗ trợ bảo tồn các biến thể âm nhạc truyền thống của thế giới Islam, từ Trung Đông đến Đông Nam Á, chống lại sự đồng hóa văn hóa toàn cầu, miễn là ranh giới giữa “máy tính toán” và “người thờ phượng” được giữ vững.

Trong khi đó, triết học Cao Đài, một tôn giáo mang tính tổng hợp và nhấn mạnh vào sự Hòa hợp (Harmony) lại nhìn nhận âm nhạc lễ nghi như một sợi dây liên kết giữa vi mô (con người) và vĩ mô (Càn khôn Vũ trụ). Âm nhạc trong đạo Cao Đài phải đạt được sự giao hòa giữa Thiên - Địa - Nhân. AI có thể được xem là một thành tựu của trí tuệ con người (nhân), nhưng nếu không có “Linh điển” hay sự dẫn dắt của tinh thần, âm nhạc AI chỉ là những dao động vật lý vô nghĩa, không thể tạo ra sự tương thông với cõi thiêng. Sự can thiệp của AI vào nhạc lễ Cao Đài chỉ có ý nghĩa khi nó giúp duy trì sự chuẩn mực của các bài bản cổ nhạc, đóng vai trò như một “bộ khung” kỹ thuật để người nhạc công dựa vào đó mà thăng hoa cảm xúc tâm linh.

Sự hội tụ của các dòng chảy triết học

Dù dưới lăng kính của bất kỳ hệ tư tưởng nào, việc khẳng định “Linh hồn, đức tin và ý định là khu vực độc quyền của con người” chính là chìa khóa để giữ gìn bản sắc. AI, khi được định vị đúng, sẽ trở thành “lợi khí” để vinh danh các giá trị truyền thống, thay vì trở thành một “thần tượng kỹ thuật số” làm lu mờ đi bản chất thiêng liêng của âm nhạc tôn giáo.

Và việc xác định vai trò của công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong âm nhạc Công giáo là một nhiệm vụ triết học cấp thiết. Dựa trên luận điểm rằng AI không thể sở hữu ý thức hay cảm nghiệm đức tin, vai trò của nó phải được định vị lại một cách nghiêm ngặt: AI không phải là chủ thể sáng tạo mà là một công cụ hỗ trợ chiến lược. Vai trò này nhằm mục đích điều hòa “cán cân” giữa việc tận dụng hiệu suất công nghệ và bảo vệ tính thiêng, bản sắc, và tính nhân bản của phụng vụ.

Một trong những vai trò đạo đức và thần học quan trọng nhất của AI là hỗ trợ bảo tồn và phục hồi các giá trị truyền thống, củng cố tính liên tục lịch sử của bản sắc tinh thần. Vai trò này chống lại sự đồng nhất hóa và sự lãng quên. AI có khả năng xử lý, làm sạch, và số hóa các bản nhạc và bản ghi âm Thánh ca cổ, quý giá đã bị hư hại hoặc thất lạc. Công nghệ học sâu giúp nhận dạng và khôi phục các chi tiết phức tạp của hòa âm, giai điệu truyền thống (ví dụ: các biến thể của Thánh ca Gregorian hay các bản nhạc thế kỷ XIX). Vai trò này đảm bảo rằng di sản âm nhạc, cốt lõi của bản sắc tôn giáo, được

lưu giữ vượt qua sự hủy hoại của thời gian và vật chất. AI giúp xây dựng và quản lý các kho dữ liệu âm nhạc tôn giáo khổng lồ, được gắn thẻ và phân loại theo chủ đề, mùa phụng vụ, tác giả, hay phong cách với độ chính xác cao. Vai trò này chuyển đổi tài liệu vật lý thành tài nguyên sẵn có nhằm phục vụ cho nghiên cứu và truyền giáo.

Thứ hai, AI có vai trò hỗ trợ việc hiểu và phát huy tính đặc thù của âm nhạc địa phương, chống lại nguy cơ đồng nhất hóa. AI có thể được lập trình để phân tích cấu trúc âm nhạc của các bài Thánh ca đã được “nhập thể” thành công (ví dụ: phân tích thang âm, tiết tấu của nhạc dân tộc Việt Nam được sử dụng trong phụng vụ). AI có thể xác định các mẫu hình âm nhạc đặc trưng, giúp nhạc sĩ con người hiểu rõ hơn về ngôn ngữ thiêng liêng của truyền thống. AI hỗ trợ các cộng đồng xây dựng kho dữ liệu huấn luyện chuyên biệt, tập trung vào các yếu tố âm nhạc địa phương. Điều này đảm bảo rằng các sản phẩm AI được tạo ra trong tương lai sẽ mang tính Nhập Thể cao hơn, tôn trọng và phát huy Bản sắc Cộng đồng, thay vì chỉ tái tạo các mẫu hình phổ quát phương Tây.

Thứ ba, AI được sử dụng như một cộng sự kỹ thuật trong quá trình sáng tạo, giới hạn ở khía cạnh cú pháp, không can thiệp vào ý nghĩa ngữ nghĩa hay ý định thiêng liêng. AI có thể đảm nhận các công việc phức tạp về mặt kỹ thuật, như tạo ra các lớp hòa âm phức tạp, phối khí cho dàn nhạc lớn, hoặc điều chỉnh âm điệu/tông giọng để phù hợp với giọng ca cụ thể hoặc acoustics của nhà thờ. Điều này giúp nhạc sĩ con người (người nắm giữ ý định thiêng liêng) tập trung vào việc phát triển giai điệu cốt lõi và lời ca là những thành tố mang tính sáng tạo từ bên trong. AI có thể nhanh chóng tạo ra nhiều phiên bản hòa âm hoặc mẫu nhạc dựa trên một giai điệu cốt lõi do con người cung cấp. Vai trò này giúp đội ngũ phụng vụ lựa chọn phiên bản tối ưu, tiết kiệm nguồn lực và thời gian sản xuất, đặc biệt quan trọng đối với các giáo xứ còn hạn chế về đội ngũ nhạc sĩ chuyên nghiệp. Trong vai trò này, AI phải tuân thủ nguyên tắc sáng tạo là của con người, tính toán là của máy.

Thứ tư, AI có thể hoạt động như một công cụ phản hồi, giúp tránh các lỗi nghiêm trọng về mặt thẩm mỹ và thần học. AI có thể được lập trình để phân tích các mẫu nhạc mới dựa trên kho dữ liệu của Musica Sacra truyền thống, đưa ra cảnh báo về mức độ sai lệch hoặc nguy cơ giải thiêng hóa (ví dụ: cảnh báo nếu tốc độ beat hoặc phong cách hòa âm gần giống với nhạc sàn/giải trí thể tục). AI, nếu được huấn luyện đúng cách, có thể là một lớp bảo vệ kỹ thuật đầu tiên. Nó có thể cảnh báo đội ngũ tổ chức rằng việc remix Kinh Kính Mừng (Ave Maria) theo phong cách EDM là sự vi phạm rõ ràng đối với bản chất thiêng liêng và cảm thức về cái thiêng của cộng đồng. Vai trò của AI ở đây có lẽ là công cụ kiểm soát đạo đức kỹ thuật.

Thứ năm, AI có tiềm năng lớn trong việc thực hiện sứ mạng truyền giáo mới, mở rộng tầm với của thông điệp đức tin và cá nhân hóa quá trình học tập. AI giúp tối ưu hóa việc phân phối nội dung âm nhạc Thánh qua các nền tảng số (YouTube, Spotify,...), đảm bảo nội dung chất lượng cao đến được với đối tượng mục tiêu một cách hiệu quả nhất. Vai trò này giúp đưa thông điệp Tin Mừng vượt qua rào cản địa lý và ngôn ngữ. AI có thể giúp điều chỉnh các bản Thánh ca để phù hợp với các định dạng khác nhau của các nền tảng kỹ thuật số (ví dụ: tạo bản hòa âm ngắn gọn, tối ưu âm thanh cho

podcast, hoặc tạo visualizer nghệ thuật). Điều này đảm bảo rằng nội dung thiêng liêng được trình bày bằng ngôn ngữ kỹ thuật số mà giới trẻ dễ tiếp thu nhất.

Thứ sáu, AI có thể hỗ trợ các nhà giáo lý trong việc truyền đạt giáo lý thông qua âm nhạc. Bằng cách phân tích phản hồi và sở thích âm nhạc của tín hữu (đặc biệt là người trẻ), AI có thể gợi ý hoặc tạo ra các biến thể âm nhạc (Variants) phù hợp với nhóm tuổi, nền văn hóa, hoặc cấp độ hiểu biết của người học. Điều này giúp các nhà giáo lý lựa chọn bài hát có tính hấp dẫn cao hơn, gia tăng hiệu quả tiếp thu giáo lý, chống lại sự suy giảm tính cộng đồng bằng cách tăng cường sự tương tác cá nhân. AI có thể cung cấp các công cụ đào tạo cá nhân cho ca đoàn và nhạc công (ví dụ: phần mềm luyện tập giọng hát, phân tích kỹ thuật biểu diễn). Điều này nâng cao chất lượng biểu diễn trong Phụng vụ mà không làm suy giảm sự tham gia chủ động, mà thay vào đó là nâng cao năng lực chủ động.

Cuối cùng, AI có thể được sử dụng để kiểm tra và lập danh mục nguồn gốc của dữ liệu được dùng để huấn luyện các mô hình AI sáng tạo âm nhạc. Vai trò này giúp giải quyết các vấn đề đạo đức về tác quyền và sự liên chính của tác phẩm, đảm bảo rằng âm nhạc được sử dụng trong phụng vụ không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc đạo đức. AI có thể hỗ trợ các ủy ban phụng vụ trong việc phân loại và chứng nhận các tác phẩm mới. Dù quyết định cuối cùng là của con người, Vai trò của AI phải là phương tiện, không phải mục đích. Khi AI được sử dụng một cách có ý thức để làm phong phú Phụng vụ, nó cũng cố lựa chọn triết học của cộng đồng về việc giữ vững tính nhân bản trong sáng tạo, chống lại sự cám dỗ biến mọi thứ thành tài nguyên sẵn có. Bằng cách giới hạn chức năng của AI ở cấp độ kỹ thuật và cú pháp, chúng ta khẳng định rằng linh hồn, đức tin, và ý định vẫn là khu vực độc quyền của con người. Điều này bảo vệ vai trò trung tâm của tín hữu trong phụng vụ, đảm bảo rằng âm nhạc vẫn là một hành vi giao ước giữa Thiên Chúa và con người.

Vai trò của AI trong âm nhạc Công giáo không phải là thay thế con người, mà là một người cộng sự kỹ thuật được định vị thần học. AI hoạt động hiệu quả nhất khi nó giữ vai trò là: bảo quản, đồng tác giả kỹ thuật, sứ giả truyền giáo và kiểm soát đạo đức. Việc giới hạn vai trò của AI ở cấp độ công cụ là chìa khóa để giữ vững tính nhân bản và tính thiêng liêng của âm nhạc tôn giáo. Chỉ khi con người là người nắm giữ ý thức, ý chí, và cảm nghiệm đức tin sẽ giữ vai trò là người ra quyết định cuối cùng và là nguồn mạch của sự sáng tạo, chúng ta mới có thể biến AI thành lợi khí mạnh mẽ phục vụ cho vinh quang Thiên Chúa và sự thánh hóa con người.

2.4. Cơ hội và thách thức

Sự trỗi dậy của công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực âm nhạc tôn giáo không chỉ là một vấn đề kỹ thuật hay thẩm mỹ mà là một cuộc khủng hoảng triết học sâu sắc. Nó chất vấn lại những khái niệm nền tảng về sự sáng tạo bản chất của con người và tính thiêng liêng. Việc AI can thiệp vào không gian thiêng liêng đặt ra “cân cân” hiện sinh giữa sự tiện nghi của công nghệ và sự bảo tồn Bản sắc tinh thần là một thách thức đòi hỏi sự phân tích sắc bén từ góc độ triết học và nhân học tôn giáo.

Từ góc độ triết học tôn giáo và hiện sinh, sáng tạo nghệ thuật là một hành vi hiện sinh, xuất phát từ một kinh nghiệm nội tại gắn liền với sự nhận thức về cái hữu hạn và khao khát cái Tuyệt Đối. Sự sáng tạo con người luôn được xem là sự phản ánh hình ảnh Thiên Chúa (Imago Dei) trong con người. Nó là một hành động chứa đựng khổ đau, sự hy sinh ý chí, và sự linh hứng siêu nhiên, những yếu tố chỉ có thể xuất hiện từ một chủ thể có ý thức và ý định thực sự. Âm nhạc Thánh là một hình thức lời cầu nguyện (Oratio) được thể hiện qua âm thanh.

Ngược lại, cơ chế hoạt động của AI là tổng hợp và tái cấu trúc dữ liệu thông qua thuật toán học sâu, hoạt động dựa trên logic tính toán cú pháp. Áp dụng lập luận của John Searle, AI có thể thao túng các ký hiệu âm nhạc một cách hiệu quả nhưng hoàn toàn không hiểu ý nghĩa ngữ nghĩa hay cảm nghiệm đức tin mà các ký hiệu đó truyền tải. Do thiếu ý thức và ý định thiêng liêng, âm nhạc do AI tạo ra có nguy cơ trở thành sự mô phỏng hoàn hảo nhưng vô hồn. Vấn đề này là điểm khởi đầu cho toàn bộ cuộc khủng hoảng hiện sinh trong Phụng vụ.

Vấn đề cốt lõi nhất nằm ở sự khác biệt bản thể. Khả năng sáng tạo của con người bắt nguồn từ ý thức, bao gồm tính cảm nhận chủ quan và tính hướng đích. AI không trải nghiệm đức tin không chịu đựng khổ đau hay cảm thấy niềm vui màu nhiệm. Âm nhạc do AI tạo ra là kết quả của suy luận quy nạp từ tập dữ liệu không phải sự khai mở bản thể từ chủ thể. Hãy tưởng tượng một AI tạo bản nhạc Mùa Chay: nó tính toán thang âm phù hợp với sự trầm buồn theo quy luật âm nhạc. Tuy nhiên, nó không trải nghiệm sự sám hối hiện sinh hay khổ đau thần học về tội lỗi. Sản phẩm cuối cùng thiếu đi chiều sâu thiêng liêng để thực sự chạm đến chiều sâu tâm linh của tín hữu.

Áp dụng lập luận của Plato về những nhà ngục biện: AI có nguy cơ trở thành một hình ảnh giả tạo của sự thiêng liêng. Âm nhạc AI là sự mô phỏng chân lý một cách kỹ thuật, tạo ra sự chấp nhận bề ngoài (sự tiện nghi) của Phụng vụ, nhưng thiếu đi chân lý hiện sinh hay ý định cầu nguyện thực sự để kết nối tín hữu với nguồn mạch của chân lý. Nếu âm nhạc Thánh thiếu đi dấu ấn của tính nhân bản và sự hiện diện của chủ thể sáng tạo, nó sẽ trở thành một đối tượng tiện nghi hơn là một phương tiện dẫn dắt Phụng tự.

Vấn đề này leo thang từ sáng tạo cá nhân lên sự chi phối toàn bộ thực tại phụng vụ theo lý thuyết của Martin Heidegger. Gestell là xu hướng của công nghệ hiện đại nhằm biến mọi sự vật, bao gồm cả những lĩnh vực tinh thần và thiêng liêng, thành Nguồn tài nguyên sẵn có để khai thác và tối ưu hóa. Khi AI được sử dụng để “tối ưu hóa” âm nhạc Thánh (ví dụ: tối ưu hóa để dễ hát hơn, dễ tiếp cận hơn, hoặc phổ biến hơn), giá trị thẩm mỹ và cảm xúc của âm nhạc có nguy cơ bị quy giản thành giá trị sản phẩm. Mục đích tối cao của âm nhạc Thánh là tôn vinh Thiên Chúa lại bị thay thế bằng mục đích phụng sự tiện nghi con người. Sự siêu hình của kỹ thuật đã xâm lấn không gian thiêng liêng, đòi hỏi mọi thứ phải được đo lường, tính toán và tiêu chuẩn hóa.

Âm nhạc Công giáo, đặc biệt tại Việt Nam, đã trải qua quá trình “nhập thể”, hấp thụ các yếu tố văn hóa địa phương (thang âm, nhạc cụ dân tộc) để tạo ra một bản sắc độc đáo. Đây là sự hòa quyện giữa tính phổ quát của đức tin và tính đặc thù của văn hóa dân tộc. Các mô hình AI lớn thường được đào tạo dựa trên dữ liệu phổ quát và phương

Tây. Việc sử dụng chúng để sáng tác có thể dẫn đến việc tạo ra một loại âm nhạc tôn giáo có tính phổ quát bề mặt, thiếu đi những yếu tố bản sắc dân tộc và địa phương đã được “nhập thể” qua nhiều thế kỷ. Điều này đe dọa sự đa dạng văn hóa của phụng vụ, làm suy yếu khả năng của âm nhạc trong việc củng cố bản sắc cộng đồng và phá vỡ ngôn ngữ biểu tượng chung mà cộng đồng sử dụng để diễn tả đức tin. Bản sắc không phải là sản phẩm có thể tái tạo bằng thuật toán, mà là kết quả của lịch sử và sự tương tác giữa con người.

Trong triết học nhân học, sự sáng tạo nghệ thuật là một hành vi tự biểu đạt và gắn kết xã hội. Khi nhạc sĩ địa phương, ca đoàn và tín hữu tham gia vào quá trình sáng tác và biểu diễn, họ thực hiện một hành động chủ động và giao ước với truyền thống và với nhau. Nếu cộng đồng quá phụ thuộc vào AI để cung cấp âm nhạc “sẵn sàng sử dụng”, vai trò sáng tạo và sự tham gia chủ động của con người sẽ bị chuyển giao cho máy móc. Điều này làm xói mòn năng lực tự biểu đạt và sự gắn kết nội tại của cộng đồng, biến tín hữu thành người tiêu thụ thụ động của sản phẩm do thuật toán tạo ra. Tính hiện sinh của đức tin bị thay thế bằng tính tiện nghi của thuật toán. Sự sáng tạo sống động, nguồn mạch của Bản sắc, sẽ bị đóng băng.

Âm nhạc Phụng vụ phải có mục đích tối cao là vinh danh Thiên Chúa và thánh hóa tín hữu. Sự kiện DJ Remix Kinh Kính Mừng (Ave Maria) tại sự kiện Đại hội Giới trẻ Sài Gòn 2025 là minh họa rõ ràng nhất cho sự xung đột giữa Gestell và Sensus Numinis. Việc sử dụng DJ remix Kinh Kính Mừng (một văn bản thiêng liêng mang tính chiêm niệm và gắn liền với lịch sử linh đạo) thành nhạc “giật giật”, một sản phẩm của văn hóa giải trí thị trường và thường được tạo ra bởi công cụ tổng hợp kỹ thuật số đã vi phạm nghiêm trọng cảm thức về cái thiêng của cộng đồng. Hành vi này đã biến phụng vụ (hành động hướng lên Thiên Chúa) thành giải trí (hành động hướng về bản thân), dẫn đến sự giải thiêng hóa các ký hiệu và hành vi thiêng liêng. Nó là sự sụp đổ của trật tự biểu tượng. Nó đặt ra câu hỏi: “Liệu chúng ta đang dùng công nghệ để tôn vinh hay để thỏa mãn người tham dự?” Về mặt thần học, việc một tác phẩm được gọi là “lời cầu nguyện” đòi hỏi sự tận hiến và ý định của người sáng tác. Khi sản phẩm là kết quả của một thuật toán vô tri, giá trị tận hiến và cầu nguyện (Oratio) của tác phẩm bị giảm sút. Âm nhạc AI hoạt động dựa trên kho dữ liệu khổng lồ. Điều này đặt ra các vấn đề đạo đức về tác quyền và sự minh bạch về nguồn gốc của tác phẩm. Sự liêm chính của nghệ thuật tôn giáo bị tổn hại nếu nguồn gốc của nó mập mờ hoặc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

AI là công cụ lý tưởng cho việc số hóa, phục hồi và tái tạo những bản Thánh ca cổ, quý giá. AI có thể đảm nhận các công việc lặp đi lặp lại về hòa âm, phối khí cho dàn nhạc, hoặc phân tích cấu trúc âm nhạc dân tộc. Điều này giải phóng nhạc sĩ con người (người nắm giữ ý định thiêng liêng) tập trung vào việc phát triển giai điệu cốt lõi và lời ca, những thành tố mang tính sáng tạo từ bên trong. AI giúp tối ưu hóa việc phân phối nội dung âm nhạc Thánh qua các nền tảng số, vượt qua rào cản địa lý, phục vụ sứ mạng truyền giáo trong thời đại mới.

2.5. Kiến nghị

Kiến nghị nền tảng nhất là thiết lập một bộ nguyên tắc triết học và thần học để định nghĩa lại mối quan hệ giữa Con người và AI trong không gian thiêng liêng. Mọi hoạt động của AI trong Phụng vụ phải bắt đầu bằng sự thừa nhận sự khác biệt bản thể giữa sáng tạo và tổng hợp thuật toán. Thần học AI phải khẳng định rằng, ý chí sáng tạo và linh hứng là độc quyền của con người, người mang Hình ảnh Thiên Chúa (Imago Dei). AI chỉ là công cụ mô phỏng dữ liệu có sẵn, nó không có khả năng sáng tạo từ hư vô hay cảm nghiệm đức tin cá vị. Do đó, AI không được phép đóng vai trò là chủ thể sáng tạo mà chỉ là công cụ hỗ trợ kỹ thuật. Cần đặt ra câu hỏi triết học thường xuyên: “Liệu sản phẩm của AI có chứa ý định cầu nguyện hay không?” Vì AI không có ý thức, các tác phẩm của nó thiếu tính hướng đích cần thiết cho một hành vi phụng tự. Sự chấp nhận tác phẩm AI phải dựa trên sự “nhập hồn” và khẳng định ý định của nhạc sĩ - tín hữu. Mọi quyết định ứng dụng AI phải được đánh giá không chỉ dựa trên hiệu quả hay tiện nghi mà phải dựa trên khả năng tôn vinh mục đích tối cao (Telos) của phụng vụ.

Để bảo vệ Cảm thức về cái thiêng, cần xác định các ranh giới đạo đức không thể xâm phạm bằng công nghệ kỹ thuật số giải trí. Rút kinh nghiệm sâu sắc từ sự kiện DJ remix Kinh Kính Mừng (Ave Maria), cần ban hành quy tắc cấm tuyệt đối việc sử dụng các công cụ kỹ thuật số (bao gồm cả AI tạo nhạc) để biến các văn bản thiêng liêng (Kinh Lạy Cha, Kinh Kính Mừng, Điệp ca Phụng vụ) thành các thể loại nhạc mang tính chất kích động, giải trí thể tục (EDM, Dubstep, ...). Đây là hành vi giải thiêng hóa ký hiệu thiêng liêng. Mọi sự can thiệp của AI vào âm nhạc phụng vụ phải tuân thủ nguyên tắc đạo đức cơ bản tiên phong là không làm tổn thương tính thiêng liêng. Nếu có bất kỳ nghi ngờ nào về việc AI có thể làm lu mờ ý nghĩa thần học hoặc gây ra sự xao nhãng khỏi hành vi phụng tự, thì sự can thiệp đó phải bị loại bỏ. Mọi tác phẩm được sử dụng trong phụng vụ phải minh bạch về nguồn gốc dữ liệu. Cộng đồng cần xem xét nghiêm túc vấn đề tác quyền đạo đức rằng liệu có chấp nhận sử dụng một tác phẩm thuật toán được đào tạo từ dữ liệu không rõ nguồn gốc hoặc vi phạm bản quyền hay không. Sự liêm chính của nghệ thuật tôn giáo đòi hỏi sự minh bạch tuyệt đối.

Thay vì để AI dẫn đến sự đồng nhất hóa theo xu hướng toàn cầu, AI phải được sử dụng để phát huy tính đặc thù của âm nhạc địa phương. Cộng đồng Công giáo địa phương (như Việt Nam) cần chủ động xây dựng và quản lý các kho dữ liệu AI chất lượng cao, tập trung vào các yếu tố âm nhạc truyền thống, dân ca, và phong cách hòa âm địa phương đã được Giáo hội công nhận là đã nhập thể. Việc đào tạo AI trên dữ liệu Bản sắc địa phương sẽ giúp AI trở thành công cụ phát huy sự phong phú về văn hóa. Sử dụng AI để phân tích cấu trúc âm nhạc của các bài Thánh ca dân tộc, xác định các yếu tố đặc trưng (thang âm, tiết tấu truyền thống). Điều này giúp nhạc sĩ con người hiểu rõ hơn về ngôn ngữ thiêng liêng đã được nhập thể, từ đó sáng tác các tác phẩm mới vẫn tôn trọng và phát huy các yếu tố bản sắc đã được công nhận.

Vai trò của con người trong quá trình sáng tạo phải được tái khẳng định, chống lại sự chuyển giao vai trò chủ thể cho máy móc. Dù AI có thể tạo ra mẫu nhạc, người nhạc sĩ - tín hữu phải là người giữ vai trò biên tập Viên và người lọc Văn hóa. Họ phải có đủ kiến thức về nhân học tôn giáo và phụng vụ để chọn lọc, điều chỉnh và “nhập hồn” cho

tác phẩm, đảm bảo rằng tác phẩm mang đậm kinh nghiệm đức tin cá nhân và bản sắc dân tộc. Khuyến khích mô hình sáng tạo kết hợp nghệ sĩ con người cung cấp cảm hứng, ý định, và lời ca (phần cốt lõi thiêng liêng), còn AI cung cấp giải pháp kỹ thuật (hòa âm, phối khí). Đây là mô hình tối ưu, nơi công nghệ làm giàu cho nghệ thuật mà vẫn tôn trọng năng lực tinh thần độc nhất của con người.

Cần thành lập một ủy ban đa ngành (bao gồm thần học gia, nhạc sĩ Phụng vụ, triết gia đạo đức, và chuyên gia AI) để đánh giá và cấp phép cho các công cụ AI được sử dụng trong việc sáng tác và tổ chức âm nhạc Phụng vụ. Ủy ban này chịu trách nhiệm xác định tiêu chuẩn thiêng liêng và nghệ thuật mà âm nhạc AI phải đạt được, đồng thời kiểm tra nguy cơ vi phạm Cảm thức về Cái Thiêng. Phát triển quy trình chứng nhận (ví dụ: Imprimatur Kỹ thuật số) cho các phần mềm AI được phép sử dụng trong Phụng vụ, đảm bảo chúng không làm tổn hại đến tính chính thống của giáo lý và nghi thức.

Giáo hội phải trang bị cho cộng đồng khả năng kiểm soát công nghệ, thay vì để công nghệ kiểm soát họ. Mở rộng các khóa đào tạo không chỉ về kỹ năng sử dụng AI mà còn về đạo đức học, thần học và triết học công nghệ. Mục tiêu là giúp nhạc sĩ và giáo lý viên có đủ tư duy phản biện để nhận ra khi nào AI vượt quá ranh giới đạo đức hoặc khi nào Gestell đang bắt đầu chi phối nội dung Phụng vụ. Sử dụng các sự kiện thực tế như vụ DJ remix Kinh Kính Mừng làm “Case Study” trong các chương trình đào tạo. Phân tích lỗi triết học, thần học và nhân học đã dẫn đến sự cố đó để giáo dục về sự nguy hiểm của việc đồng hóa phụng vụ với giải trí.

Ứng dụng AI để số hóa, làm sạch và phục hồi các bản nhạc tôn giáo cổ, quý giá đã bị hư hại. Vai trò này của AI là vô giá, giúp bảo tồn các bằng chứng vật chất về bản sắc tinh thần của cộng đồng qua lịch sử. Xây dựng các kho lưu trữ dữ liệu âm nhạc lớn, được quản lý nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn thần học. Kho này sẽ là nguồn tài nguyên đáng tin cậy cho việc đào tạo AI trong tương lai, đảm bảo rằng dữ liệu đầu vào luôn có tính thiêng liêng và xác thực.

Thay vì tạo ra âm nhạc giải trí, AI có thể được lập trình để hỗ trợ cho kinh nghiệm chiêm niệm. Khuyến khích AI sáng tác các tác phẩm có chủ đích hỗ trợ cho sự chiêm niệm, tĩnh tâm, hoặc cầu nguyện cá nhân, tránh xa các cấu trúc pop/thị trường. Đây là cách sử dụng AI để củng cố màu nhiệm, làm chậm nhịp độ tinh thần, thay vì thúc đẩy sự tiêu thụ nhanh chóng. Mục đích cuối cùng của việc kiểm soát AI là bảo vệ tính hiện sinh và tính nhân bản của con người. Thách thức lớn nhất không phải là liệu AI có thể sáng tác âm nhạc hay không, mà là liệu âm nhạc AI có thể mang linh hồn, đức tin, và bản sắc là những yếu tố siêu hình và nhân học cốt lõi để phục vụ cho mục đích thiêng liêng của tôn giáo hay không.

Việc ứng dụng AI vào âm nhạc tôn giáo là một cuộc chiến triết học giữa công cụ và bản thể. Các kiến nghị này không nhằm mục đích cấm đoán công nghệ, mà nhằm mục đích đặt công nghệ vào vị trí phục vụ ý chí và ý định của con người. Chỉ thông qua việc xây dựng một khung đạo đức và thần học nghiêm ngặt, khẳng định vai trò trung tâm của con người như người sáng tạo có ý thức, chúng ta mới có thể biến AI từ nguy

cơ đe dọa Bản sắc thành công cụ mạnh mẽ phục vụ vinh quang Thiên Chúa và sự thánh hóa con người, qua đó điều hòa thành công cân cân hiện sinh này.

3. Kết luận

Nghiên cứu này đã phân tích sâu sắc về “cán cân” hiện sinh giữa việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) và sự bảo tồn các giá trị bản sắc của âm nhạc trong sinh hoạt tôn giáo. Mặc dù AI mang lại những cơ hội rõ rệt về hiệu quả và khả năng tiếp cận trong việc hỗ trợ công tác truyền giáo và bảo tồn di sản, những lợi ích này đi kèm với các thách thức căn cốt đe dọa trực tiếp đến tính xác thực và cảm thức về cái thiêng của đức tin.

Thách thức lớn nhất không nằm ở khía cạnh kỹ thuật, mà ở sự xung đột giữa khung nhìn kỹ thuật (Gestell) của Heidegger, vốn quy giản mọi thứ thành nguồn tài nguyên có thể khai thác với bản chất thiêng liêng của âm nhạc tôn giáo. Sự kiện sử dụng DJ remix Kinh Kính Mừng là một minh chứng đau xót, cho thấy khi ranh giới giữa phụng tự và giải trí bị xóa nhòa, Bản sắc tinh thần và sự tôn kính thiêng liêng sẽ bị tổn thương nghiêm trọng. Sự kiện này khẳng định rằng, sự giải thiêng hóa là nguy cơ hiện hữu khi công nghệ xâm nhập vào không gian thiêng liêng mà thiếu sự kiểm soát chặt chẽ.

Tóm lại, Chuyển đổi số không nên là sự thay thế mà phải là sự phục vụ cho bản sắc tinh thần của tôn giáo. Câu trả lời cho “cán cân” này nằm ở sự lựa chọn triết học có ý thức rằng chúng ta phải giữ vững vai trò trung tâm là người lọc thần học và người quyết định bảo vệ tính nhân bản và tính thiêng liêng trong sáng tạo. Chỉ khi con người, mang theo ý chí và cảm nghiệm đức tin, giữ quyền kiểm soát đối với công cụ AI, chúng ta mới có thể biến công nghệ thành công cụ mạnh mẽ phục vụ vinh quang Thiên Chúa và sự thánh hóa con người một cách bền vững trong thế kỷ XXI.

Tài liệu tham khảo

Bauman, Z. (2000). *Liquid Modernity*. Cambridge: Polity Press.

Berger, P. L. (1967). *The Sacred Canopy: Elements of a Sociological Theory of Religion*. Garden City, NY: Doubleday.

Công đồng Vatican II (1963). *Hiến chế Phụng vụ Sacrosanctum Concilium*.

Émile, D. (1995). *The Elementary Forms of Religious Life*. Dịch bởi Karen E. Fields. New York: Free Press.

Geertz, C. (1973). *The Interpretation of Cultures: Selected Essays*. New York: Basic Books.

Heidegger, M. (1977). *The Question Concerning Technology and Other Essays*. Dịch bởi William Lovitt. New York: Harper & Row.

Otto, R. (1958). *The Idea of the Holy: An Inquiry into the Non-Rational Factor in the Idea of the Divine and Its Relation to the Rational*. London: Oxford University Press.

Postman, N. (1985). *Amusing Ourselves to Death: Public Discourse in the Age of Show Business*. New York: Penguin Books.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Searle, J. R. (1980). Minds, Brains, and Programs. *Behavioral and Brain Sciences*, 3: 417–457.

ÂM HƯỞNG DÂN CA QUẢNG NAM TRONG SÁNG TÁC ÂM NHẠC BẰNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Lê Như Hưng

Trường THCS Nguyễn Trãi, Tam Mỹ, Thành phố Đà Nẵng

Email: jbnhuhung95@gmail.com

Tóm tắt

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI), âm nhạc Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội đổi mới về phương thức sáng tác, lưu trữ và lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống. Quảng Nam là vùng đất giàu bản sắc âm nhạc dân gian với các loại hình tiêu biểu như hò khoan, hò giã gạo, hò chèo thuyền, hát lý, bài chòi... phản ánh đậm nét đời sống lao động và tinh thần của cư dân miền Trung. Bài viết tập trung phân tích khả năng vận dụng âm hưởng dân ca Quảng Nam trong sáng tác âm nhạc bằng trí tuệ nhân tạo, làm rõ các yếu tố giai điệu, tiết tấu, thang âm, ca từ dân gian có thể được mã hóa và khai thác trong các mô hình AI. Qua đó, nghiên cứu chỉ ra cơ hội, thách thức cũng như định hướng sử dụng AI một cách có chọn lọc, nhằm vừa phát huy giá trị dân ca Quảng Nam, vừa đáp ứng nhu cầu sáng tạo âm nhạc trong thời đại số.

Từ khóa: Dân ca Quảng Nam, Trí tuệ nhân tạo, Sáng tác âm nhạc, Bản sắc âm nhạc, âm hưởng dân ca.

The sound of Quang Nam folk song in music creation using artificial intelligence **Abstract**

In the landscape of digital transformation and the rapid evolution of Artificial Intelligence (AI), Vietnamese music is presented with significant opportunities to innovate in composition, archiving, and the dissemination of traditional cultural values. Quang Nam is a region steeped in folk music identity, characterized by signature genres such as ho khoan (communal singing), ho gia gạo (rice-pounding songs), ho cheo thuyền (boat-rowing songs), hat ly (folk chants), and bai choi. These genres serve as a profound reflection of the working lives and spiritual essence of the people in Central Vietnam. This article analyzes the potential of integrating Quang Nam folk influences into AI-assisted music composition. It examines how specific elements - including melody, rhythm, musical scales, and folk lyrics - can be encoded and leveraged within AI models. Furthermore, the study identifies the inherent opportunities and challenges, offering a strategic framework for the selective application of AI. This approach aims to both preserve and promote the heritage of Quang Nam folk music while meeting the demands of creative musical expression in the digital era.

Keywords: Quang Nam folk music, Artificial Intelligence, Music composition, Musical identity, Folk influences.

1. Đặt vấn đề

*“Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm
Rượu hồng đào chưa nhấm đã say”*

Quảng Nam được biết đến là vùng đất địa linh nhân kiệt, ngũ phụng tề phi... và đặc biệt nơi đây còn lưu giữ những giá trị lịch sử, tinh thần và thẩm mỹ đặc trưng của dân tộc Việt Nam. Trong đó, dân ca Quảng Nam mang lại sự mộc mạc, giàu chất tự sự, gắn liền với đời sống sinh hoạt, lao động và tâm hồn của người dân miền Trung.

Sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo đã tạo ra những thay đổi sâu sắc trong lĩnh vực âm nhạc, từ hỗ trợ sáng tác giai điệu, hòa âm, phối khí cho đến mô phỏng phong cách âm nhạc truyền thống. Chính vì thế, làm thế nào để AI có thể tiếp nhận, tái tạo và phát triển âm hưởng dân ca Quảng Nam mà không làm mất đi bản sắc vốn có? Việc nghiên cứu âm hưởng dân ca Quảng Nam trong sáng tác âm nhạc bằng AI mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn, góp phần bảo tồn và phát huy di sản âm nhạc địa phương trong kỷ nguyên số.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp phân tích – tổng hợp: Phân tích đặc điểm âm nhạc của dân ca Quảng Nam (giai điệu, tiết tấu, thang âm, hình thức diễn xướng) và tổng hợp khả năng ứng dụng vào sáng tác bằng AI.

Phương pháp so sánh: So sánh giữa sáng tác âm nhạc truyền thống của con người và sản phẩm âm nhạc được tạo ra từ AI có sử dụng chất liệu dân ca.

Phương pháp liên ngành: Kết hợp giữa âm nhạc học, công nghệ thông tin và khoa học dữ liệu để làm rõ vai trò của AI trong sáng tác âm nhạc.

3. Âm hưởng dân ca Quảng Nam – giá trị và đặc điểm

Dân ca Quảng Nam hình thành và phát triển trong môi trường văn hóa dân gian phong phú, phản ánh rõ nét đời sống lao động và tâm tư tình cảm của người dân. Một số đặc điểm nổi bật, chất liệu mang nhiều màu sắc. Giai điệu dân ca xứ Quảng thường mộc mạc, giàu tính ngẫu hứng, mang âm hưởng buồn man mác nhưng sâu lắng. Về tiết tấu, dân ca thường linh hoạt, gắn với nhịp điệu lao động (chèo thuyền, gĩa gạo, kéo lưới...). Thang âm của dân ca Quảng Nam chủ yếu sử dụng thang âm ngũ cung, tạo màu sắc riêng biệt của âm nhạc miền Trung. Ca từ của loại hình âm nhạc này thường giản dị, giàu hình ảnh, mang tính giáo dục và nhân văn sâu sắc. Những đặc điểm này chính là “chất liệu đầu vào” quan trọng để AI có thể học tập và tái hiện trong sáng tác âm nhạc.

4. Âm hưởng dân ca Quảng Nam trong sáng tác ca khúc mới của các nhạc sĩ đương đại

Trong thực tiễn sáng tác âm nhạc Việt Nam, âm hưởng dân ca Quảng Nam đã được nhiều nhạc sĩ khai thác và vận dụng linh hoạt trong các ca khúc mới, góp phần làm giàu thêm diện mạo âm nhạc đương đại. Các yếu tố dân ca không được sử dụng một cách nguyên mẫu, mà thường được chắt lọc, biến đổi sáng tạo để phù hợp với tư duy âm nhạc hiện đại và thị hiếu người nghe.

Nhiều ca khúc mới mang âm hưởng dân ca có sức lan tỏa rộng rãi như: *Điều lý quê em* (sáng tác Thái Nghĩa) mang âm hưởng làn điệu Hò ba lý; *Quảng Nam yêu thương* (sáng tác Phan Huỳnh Điểu) mang âm hưởng làn điệu Lý tang tít...

Về giai điệu, nhiều nhạc sĩ đã vận dụng thang âm ngũ cung và các quãng đặc trưng của dân ca Quảng Nam để tạo nên màu sắc mộc mạc, sâu lắng cho ca khúc mới. Về tiết tấu, nhịp điệu lao động và sinh hoạt dân gian như nhịp chèo thuyền, nhịp hò đối đáp được cách điệu, kết hợp với tiết tấu hiện đại nhằm tạo sự gần gũi mà vẫn mới mẻ. Ca từ trong các sáng tác này thường mang tính tự sự, giàu hình ảnh quê hương, con người Quảng Nam, qua đó gọi lên chiều sâu cảm xúc và bản sắc văn hóa vùng miền.

Thực tiễn sáng tác của các nhạc sĩ cho thấy, việc kế thừa âm hưởng dân ca Quảng Nam không chỉ dừng lại ở mục tiêu bảo tồn, mà còn hướng đến sáng tạo và phát triển. Đây chính là tiền đề quan trọng để trí tuệ nhân tạo có thể tiếp cận, học tập và hỗ trợ sáng tác âm nhạc mang âm hưởng dân ca trong bối cảnh đương đại.

Một số giáo viên THCS chưa có thời gian, hay khả năng để sáng tác các ca khúc mang âm hưởng dân ca, nhưng luôn vận dụng các phương pháp giảng dạy để giúp học sinh khắc sâu âm hưởng ấy như: hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn hóa vùng miền, trước khi học hát... Đặc biệt là đặt lời mới cho những làn điệu mà các em vừa học.

5. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong sáng tác âm nhạc mang âm hưởng dân ca Quảng Nam

Trí tuệ nhân tạo có khả năng xử lý và phân tích khối lượng lớn dữ liệu âm nhạc, từ đó học được các quy luật về giai điệu, hòa âm và cấu trúc tác phẩm. Khi áp dụng vào dân ca Quảng Nam, AI có thể thu thập và số hóa các làn điệu dân ca Quảng Nam làm dữ liệu huấn luyện. Đồng thời, có thể nhận diện đặc trưng âm nhạc (cao độ, tiết tấu, thang âm) để tạo ra các giai điệu mới mang âm hưởng dân ca. Từ đó hỗ trợ nhạc sĩ trong việc hòa âm, phối khí hiện đại, giúp dân ca Quảng Nam tiếp cận gần hơn với giới trẻ.

Tuy nhiên, yếu tố sáng tạo, cảm xúc và sự am hiểu văn hóa của con người vẫn giữ vai trò quyết định trong việc định hướng và kiểm soát sản phẩm âm nhạc. Nhiều sản phẩm âm nhạc mang âm hưởng dân ca do AI tạo ra mang tính chung chung, pha lẫn với vùng miền khác, hoặc pha lẫn với dân ca của quốc gia khác. Sáng tác mang âm hưởng dân ca xứ Quảng của AI chưa thật sự gần gũi với những làn điệu vốn có.

Khi đặt câu lệnh “*Từ làn điệu Lý tang tít, dân ca Quảng Nam, sử dụng nhạc cụ quen thuộc của nghệ sĩ Quảng Nam hãy sáng tác cho tôi một ca khúc mới với đề tài quê hương, mang âm hưởng của làn điệu đó*” thì sản phẩm của AI cho ra đúng nội dung, đúng thang âm, nhưng chất liệu lại chưa sâu sắc và thật sự gần gũi với làn điệu ban đầu. (Quét mã QR để nghe sản phẩm của AI).



Hay khi đặt câu lệnh “*Đặt lời mới cho làn điệu Hò ba lĩ*” thì AI cũng không thực hiện được đúng với làn điệu ban đầu, mà chỉ sử dụng âm hưởng của thang âm. Như vậy, cho thấy rằng, AI chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ.

6. Cơ hội, thách thức và định hướng phát triển

6.1. Cơ hội

Khi trí tuệ nhân tạo, các sản phẩm sáng tác từ AI phát triển, sẽ góp phần bảo tồn và lan tỏa dân ca Quảng Nam trên nền tảng số. Từ đó mở rộng không gian sáng tạo âm

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

nhạc, kết hợp truyền thống và hiện đại. Đồng thời, tạo điều kiện cho giáo dục âm nhạc và nghiên cứu khoa học.

6.2. Thách thức

Bên cạnh những cơ hội, thì những sáng tác mang âm hưởng dân ca từ AI cũng tạo ra nhiều thách thức. Khi sáng tác rộng rãi, dễ xảy ra nguy cơ làm phai nhạt bản sắc nếu lạm dụng AI. Bên cạnh tiềm năng sáng tạo, việc trí tuệ nhân tạo khai thác dữ liệu từ các nghệ nhân dân ca Quảng Nam cũng đặt ra thách thức đáng kể về bản quyền và đạo đức văn hóa. Mặc dù dân ca là di sản chung của cộng đồng, nhưng cách thể hiện cụ thể của nghệ nhân (giọng hát, lời nhấn nhá, biến tấu làn điệu) cùng các bản ghi âm, ghi hình lại thuộc phạm vi quyền liên quan và quyền nhân thân. Khi AI học từ những dữ liệu này để tái tạo tác phẩm mới, nguy cơ xâm phạm quyền của người biểu diễn, làm mờ vai trò chủ thể sáng tạo và thương mại hóa tri thức dân gian một cách thiếu công bằng là vấn đề cần được đặc biệt lưu ý.

6.3. Định hướng

Từ những thách thức trên cần sử dụng AI trong sáng tác âm nhạc dựa trên âm hưởng dân ca Quảng Nam cần gắn liền với cơ chế cấp phép, ghi nhận nguồn gốc và tôn trọng giá trị văn hóa của cộng đồng sở hữu di sản. Đồng thời, cần xây dựng cơ sở dữ liệu dân ca Quảng Nam có chọn lọc; đào tạo nguồn nhân lực vừa hiểu âm nhạc truyền thống vừa am hiểu công nghệ; đồng thời xác định rõ vai trò chủ đạo của con người trong sáng tác âm nhạc bằng AI.

7. Đóng góp dưới góc nhìn giáo viên THCS

7.1. Vai trò của giáo viên THCS trong việc bảo tồn và lan tỏa dân ca Quảng Nam

Giáo viên THCS, đặc biệt là giáo viên Âm nhạc, giữ vai trò cầu nối quan trọng giữa di sản âm nhạc truyền thống và thế hệ học sinh trẻ. Thông qua các tiết học chính khóa, hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ nghệ thuật và sinh hoạt ngoại khóa, giáo viên có điều kiện trực tiếp giới thiệu, nuôi dưỡng tình yêu dân ca Quảng Nam cho học sinh. Việc lồng ghép các làn điệu dân ca địa phương vào giảng dạy góp phần hình thành ý thức trân trọng bản sắc văn hóa ngay từ lứa tuổi thiếu niên.

7.2. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp dạy học Âm nhạc ở THCS

Trí tuệ nhân tạo mở ra nhiều khả năng đổi mới phương pháp dạy học Âm nhạc ở bậc THCS. Giáo viên có thể sử dụng các công cụ AI để tạo mẫu giai điệu mang âm hưởng dân ca Quảng Nam, hỗ trợ học sinh luyện nghe, hát và cảm thụ âm nhạc. AI còn giúp minh họa trực quan các yếu tố như cao độ, tiết tấu, cấu trúc giai điệu, từ đó nâng cao hứng thú học tập và khả năng tiếp cận âm nhạc truyền thống của học sinh.

7.3. Góp phần phát triển năng lực sáng tạo âm nhạc cho học sinh

Việc kết hợp dân ca Quảng Nam với AI trong hoạt động học tập giúp học sinh không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn được tham gia sáng tạo. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh có thể thử nghiệm sáng tác giai điệu mới dựa trên chất liệu dân ca, qua đó phát triển năng lực sáng tạo, tư duy công nghệ và kỹ năng làm việc nhóm. Đây là hướng tiếp cận phù hợp với định hướng giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

7.4. Định hướng giáo dục bản sắc văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số

Từ thực tiễn giảng dạy ở THCS, giáo viên cần đóng vai trò định hướng để học sinh hiểu rằng AI chỉ là công cụ hỗ trợ, không thể thay thế hoàn toàn cảm xúc và giá trị văn hóa của con người. Việc sử dụng AI trong sáng tác âm nhạc cần gắn liền với giáo dục bản sắc, giúp học sinh nhận thức đúng đắn về trách nhiệm gìn giữ và phát huy dân ca Quảng Nam trong môi trường số.

7.5. Kiến nghị và đề xuất từ thực tiễn giáo dục THCS

Từ góc nhìn của giáo viên THCS, bài viết đề xuất một số định hướng nhằm phát huy hiệu quả việc đưa âm hưởng dân ca Quảng Nam và công nghệ trí tuệ nhân tạo vào giáo dục âm nhạc. Trước hết, cần tăng cường số hóa các tư liệu dân ca địa phương để phục vụ trực tiếp cho giảng dạy và học tập trong nhà trường. Song song với đó, việc tổ chức các đợt tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên Âm nhạc về ứng dụng AI trong dạy học là hết sức cần thiết, giúp giáo viên tiếp cận công nghệ mới một cách chủ động và có định hướng. Nhà trường cũng nên khuyến khích các hoạt động trải nghiệm và dự án học tập gắn với dân ca địa phương, như trải nghiệm hát bài chòi, đặt lời mới trên các làn điệu truyền thống, qua đó giúp học sinh vừa học vừa thực hành sáng tạo. Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống học liệu số kết hợp hài hòa giữa âm nhạc truyền thống và công nghệ hiện đại sẽ góp phần nâng cao hứng thú học tập của học sinh. Cuối cùng, cần đẩy mạnh sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng nhằm tạo môi trường giáo dục văn hóa âm nhạc toàn diện, bền vững cho học sinh THCS.

8. Kết luận

Âm hưởng dân ca Quảng Nam là nguồn chất liệu quý giá trong sáng tác âm nhạc Việt Nam. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào sáng tác âm nhạc mang âm hưởng dân ca Quảng Nam mở ra nhiều cơ hội mới, song cũng đặt ra không ít thách thức. Nghiên cứu này khẳng định rằng AI chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được sử dụng như một công cụ hỗ trợ sáng tạo, trên cơ sở tôn trọng và gìn giữ bản sắc âm nhạc truyền thống. Đây là hướng đi cần thiết nhằm phát triển bền vững âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên số. Tuy nhiên, AI không thể thay thế hoàn toàn vai trò của con người trong nghệ thuật – nơi cảm xúc, kinh nghiệm cá nhân và chiều sâu tư duy là những yếu tố cốt lõi. Sự kết hợp giữa con người và AI, trong tương lai, sẽ mở ra một thời kỳ mới của sáng tạo – nơi công nghệ trở thành đối tác hỗ trợ chứ không phải đối thủ.

Tài liệu tham khảo

- Đào, N. C. (2008). *Dân ca miền Trung Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.
- Nguyễn, T. M. C. (2018). *Âm nhạc dân gian Việt Nam – Giá trị và bảo tồn*. Nhà xuất bản Âm nhạc.
- Vũ, C. M. (2025). *Âm nhạc do trí tuệ nhân tạo (AI) tạo sinh và vấn đề xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam*. Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh. LSVN. <https://lsvn.vn/am-nhac-do-tri-tue-nhan-cao-ai-tao-sinh-va-van-de-xam-pham-quyen-tac-gia-quyen-lien-quan-tai-viet-nam-a166992.html>
- Russell, S., & Norvig, P. (2021). *Artificial intelligence: A modern approach* (4th ed.). Pearson.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

- Todorov, E. (2020). Artificial intelligence and music creation. *Journal of Music Technology*, 12(3), 45–60.
- Wired, Harvard Business Review, & Forbes. (2020–2024). *Các bài viết phân tích về trí tuệ nhân tạo và nghệ thuật.*

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) – CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG VIỆC ĐỊNH VỊ, BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT NAM

Cao Hữu Nhạc

Tóm tắt

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, trí tuệ nhân tạo (AI) đang tác động sâu rộng đến hoạt động sáng tác, sản xuất, phổ biến và tiếp nhận âm nhạc. Đối với âm nhạc Việt Nam, AI vừa mở ra những cơ hội mới trong việc số hóa, lưu trữ, nghiên cứu và quảng bá các giá trị âm nhạc truyền thống, vừa đặt ra những thách thức liên quan đến nguy cơ đồng hóa, chuẩn hóa và suy giảm bản sắc dân tộc. Bài viết tập trung phân tích vai trò hai mặt của AI đối với việc định vị, bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Trên cơ sở đó, bài viết nhấn mạnh vai trò trung tâm của con người, đặc biệt là nhạc sĩ, nhà giáo dục âm nhạc và nhà quản lý văn hóa trong việc làm chủ, định hướng và sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ, nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, Âm nhạc Việt Nam, Bản sắc văn hóa, Sáng tác âm nhạc; Chuyển đổi số.

Abstract

In the context of globalization and rapid digital transformation, artificial intelligence (AI) has increasingly influenced musical creation, production, dissemination, and reception. For Vietnamese music, this technological shift presents both opportunities and challenges in preserving and promoting national musical identity. This paper examines the impacts of AI on Vietnamese music from the perspectives of cultural identity, creative subjectivity, and long-term development. The study highlights the potential of AI in digitization, documentation, and creative support, while also addressing risks such as homogenization, algorithmic dominance, and the weakening of traditional musical characteristics. Emphasizing that AI should be regarded as a supportive tool rather than a creative subject, the paper argues for the central role of human musicians, educators, and cultural policymakers in guiding the ethical and aesthetic use of AI. The sustainable development of Vietnamese music in the AI era requires a balanced approach that integrates technological innovation with a strong commitment to cultural identity.

Keywords: Artificial intelligence, Vietnamese music, Cultural identity, Music creation, Digital transformation.

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành một trong những yếu tố công nghệ có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống văn hóa nghệ thuật đương đại. Trong lĩnh vực âm nhạc, AI không chỉ tham gia vào các khâu kỹ thuật như sáng tác, hòa âm, phối khí, sản xuất và phân phối, mà còn đặt ra những vấn đề mang tính căn bản liên quan đến vai trò chủ thể sáng tạo, định hướng thẩm mỹ và bản sắc văn hóa dân tộc.

Âm nhạc Việt Nam, với hệ giá trị đa dạng được hình thành qua lịch sử lâu dài, đang đứng trước yêu cầu vừa hội nhập với dòng chảy công nghệ toàn cầu, vừa bảo tồn và phát huy những đặc trưng bản sắc cốt lõi. Trong bối cảnh đó, việc nhận diện một cách khoa học các cơ hội và thách thức mà AI mang lại là cần thiết, nhằm góp phần định vị hướng phát triển bền vững cho âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên số.

2. AI và những cơ hội đối với việc bảo tồn, phát huy âm nhạc Việt Nam

Trước hết, cần khẳng định rằng AI mang lại nhiều tiềm năng tích cực đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị âm nhạc truyền thống. Với khả năng xử lý và phân tích dữ liệu lớn, AI có thể hỗ trợ hiệu quả việc số hóa, lưu trữ, phân loại và nghiên cứu các loại hình âm nhạc dân gian, cổ truyền của Việt Nam như dân ca, nhạc lễ, sân khấu truyền thống và các hình thức diễn xướng dân gian khác.

Trong lĩnh vực sáng tác và sản xuất, AI có thể được sử dụng như một công cụ hỗ trợ kỹ thuật, giúp người nghệ sĩ thử nghiệm các phương án hòa âm, phối khí, cấu trúc tác phẩm, từ đó mở rộng khả năng sáng tạo. Khi được định hướng đúng đắn, việc ứng dụng AI có thể góp phần tạo ra những sản phẩm âm nhạc kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và ngôn ngữ âm nhạc đương đại, đáp ứng nhu cầu thưởng thức của công chúng trong bối cảnh mới.

Trong sáng tác hiện nay, nếu được định hướng đúng, AI có thể trở thành cầu nối giữa truyền thống và hiện đại. Người nhạc sĩ có thể khai thác chất liệu dân gian, ngôn ngữ âm nhạc dân tộc làm nền tảng, trong khi AI hỗ trợ xử lý kỹ thuật, mở rộng không gian âm thanh và hình thức thể hiện. Sự kết hợp này, nếu đặt dưới sự kiểm soát của tư duy nghệ thuật con người, có thể tạo ra những tác phẩm vừa mang bản sắc Việt Nam, vừa phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của công chúng trẻ trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Ngoài ra, AI và các nền tảng số còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ biến, quảng bá âm nhạc Việt Nam ra thế giới. Các công cụ phân tích dữ liệu và định hướng đề xuất nội dung, nếu được khai thác phù hợp, có thể góp phần đưa những tác phẩm mang bản sắc Việt tiếp cận rộng rãi hơn với công chúng quốc tế, qua đó nâng cao vị thế của âm nhạc Việt Nam trong không gian văn hóa rộng lớn.

Bên cạnh những lợi ích trực tiếp về mặt kỹ thuật, AI còn mở ra một cách tiếp cận mới trong công tác nghiên cứu và phục dựng các giá trị âm nhạc truyền thống đang có nguy cơ mai một. Thông qua việc phân tích cấu trúc giai điệu, tiết tấu, thang âm và hình thức diễn xướng, AI có thể hỗ trợ giới nghiên cứu nhận diện những đặc trưng chính của từng loại hình âm nhạc dân tộc, từ đó góp phần xây dựng hệ thống tư liệu khoa học có giá trị lâu dài.

Đối với những loại hình âm nhạc truyền khẩu, vốn phụ thuộc nhiều vào trí nhớ nghệ nhân, việc số hóa bằng công nghệ AI không chỉ giúp lưu giữ âm thanh, mà còn tạo điều kiện cho việc mô phỏng, tái hiện và giảng dạy trong môi trường đào tạo hiện đại. Đây là cơ hội để âm nhạc truyền thống bước ra khỏi phạm vi bảo tồn thụ động, chuyển sang trạng thái “sống” trong đời sống đương đại.

3. Nguy cơ đồng hóa và những thách thức đối với bản sắc âm nhạc dân tộc

Bên cạnh những cơ hội, AI cũng đặt ra những thách thức không nhỏ, đặc biệt là nguy cơ đồng hóa và suy giảm bản sắc. Thực tế cho thấy, các hệ thống AI hiện nay chủ yếu được huấn luyện từ kho dữ liệu âm nhạc toàn cầu, trong đó âm nhạc đại chúng phương Tây chiếm tỷ trọng lớn. Điều này dễ dẫn đến xu hướng chuẩn hóa và đồng dạng hóa sản phẩm âm nhạc.

Âm nhạc truyền thống Việt Nam vốn đề cao tính tinh tế, chiều sâu cảm xúc và mối liên hệ chặt chẽ với không gian văn hóa - xã hội. Trong khi đó, nhiều sản phẩm âm nhạc do AI hỗ trợ hiện nay lại thiên về tính lặp lại, dễ nghe, dễ tiêu thụ. Nếu không có sự tinh táo nghề nghiệp, việc sử dụng AI có thể dẫn đến sự giản lược hóa các yếu tố nghệ thuật, làm nghèo đi ngôn ngữ âm nhạc dân tộc.

Nếu việc ứng dụng AI trong sáng tác và sản xuất không đi kèm với ý thức gìn giữ bản sắc, âm nhạc Việt Nam có nguy cơ bị cuốn theo những mô hình âm nhạc chung chung mang màu sắc toàn cầu, làm mờ nhạt các đặc trưng về thang âm, tiết tấu, cấu trúc giai điệu và cảm thức thẩm mỹ truyền thống. Nguy cơ này không diễn ra một cách đột ngột mà thể hiện qua quá trình tích tụ lâu dài, khi các giá trị bản địa dần bị thay thế bởi những chuẩn mực do phương pháp tính toán và thị trường quốc tế chi phối.

Một trong những thách thức lớn nhất của việc ứng dụng AI trong âm nhạc hiện nay là nguy cơ “đồng hóa mềm” về thẩm mỹ. Khác với sự áp đặt trực tiếp, đồng hóa thông qua công nghệ diễn ra âm thầm, thông qua các thuật toán đề xuất, các mô hình sáng tác được chuẩn hóa theo thị hiếu số đông toàn thế giới. Khi đó, người sáng tác dễ bị cuốn theo những khuôn mẫu sẵn có mà không nhận ra sự đánh mất dần bản sắc.

Đáng lưu ý hơn, khi công chúng trẻ tiếp xúc thường xuyên với các sản phẩm âm nhạc mang tính toàn cầu hóa cao, khả năng tiếp nhận và cảm thụ âm nhạc truyền thống sẽ dần suy giảm. Đây không chỉ là vấn đề của sáng tác, mà còn là vấn đề của định hướng văn hóa và giáo dục thẩm mỹ trong xã hội.

4. Những vấn đề đặt ra đối với giới sáng tác trong bối cảnh AI đang đi sâu vào đời sống

Sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng của AI trong lĩnh vực âm nhạc đang đặt giới sáng tác trước yêu cầu phải tự xác định lại vai trò nghề nghiệp của mình. Nếu như trước đây, nhạc sĩ giữ vai trò trung tâm trong toàn bộ quá trình sáng tác – từ ý tưởng, cấu trúc đến xử lý kỹ thuật – thì nay, với sự hỗ trợ của AI, ranh giới giữa sáng tạo nghệ thuật và thao tác công nghệ ngày càng trở nên gần gũi. Điều này đòi hỏi người sáng tác phải có nhận thức rõ ràng để tránh tình trạng lệ thuộc hoặc phó mặc tư duy nghệ thuật cho công cụ.

Trong bối cảnh AI ngày càng tham gia sâu vào quá trình sáng tạo, giới sáng tác âm nhạc đang đối diện với nhiều vấn đề có tính nguyên tắc. Trước hết là vấn đề xác định vai trò chủ thể sáng tạo của con người. AI có thể hỗ trợ kỹ thuật, nhưng không thể thay thế tư duy nghệ thuật, trải nghiệm sống và chiều sâu văn hóa – những yếu tố làm nên giá trị đích thực của tác phẩm âm nhạc.

Bên cạnh đó, việc sử dụng AI đặt ra yêu cầu cấp thiết về hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến quyền tác giả và quyền liên quan. AI học từ các tác phẩm đã có, trong đó có

những tác phẩm âm nhạc Việt Nam, do đó cần có cơ chế quản lý chặt chẽ nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng của người sáng tác và tránh tình trạng sao chép, lai ghép thiếu kiểm soát.

Ngoài ra, giới sáng tác cần được trang bị đồng thời năng lực công nghệ và nền tảng văn hóa dân tộc. Việc làm chủ công cụ AI chỉ thực sự có ý nghĩa khi người nghệ sĩ có bản lĩnh văn hóa vững vàng và ý thức rõ trách nhiệm xã hội của hoạt động sáng tạo nghệ thuật.

Vấn đề chính không phải là có sử dụng AI hay không, mà là sử dụng AI ở mức độ nào và với mục đích gì. Khi AI chỉ đóng vai trò gợi ý, hỗ trợ kỹ thuật, người nhạc sĩ vẫn giữ quyền kiểm soát tư tưởng nghệ thuật và chiều sâu cảm xúc của tác phẩm. Ngược lại, nếu để AI dẫn dắt toàn bộ quá trình sáng tác, tác phẩm dễ rơi vào tình trạng vô danh về phong cách, thiếu dấu ấn cá nhân và xa rời trải nghiệm sống – yếu tố vốn là linh hồn của nghệ thuật âm nhạc.

Bên cạnh đó, AI còn đặt ra thách thức về đạo đức nghề nghiệp và ý thức tự trọng sáng tạo. Việc sử dụng các sản phẩm do AI tạo ra nhưng gắn danh nghĩa sáng tác cá nhân, hoặc khai thác dữ liệu từ các tác phẩm đã có mà không tôn trọng quyền tác giả, là những vấn đề cần được nhìn nhận nghiêm túc. Giới sáng tác cần chủ động xây dựng những chuẩn mực nghề nghiệp mới, phù hợp với bối cảnh công nghệ, nhưng vẫn dựa trên các giá trị đạo đức truyền thống của hoạt động sáng tạo nghệ thuật.

5. Xu hướng âm nhạc số và tác động tới công nghiệp âm nhạc Việt Nam

Sự phát triển của AI đang thúc đẩy mạnh mẽ xu hướng âm nhạc số, làm thay đổi căn bản mô hình hoạt động của công nghiệp âm nhạc. Các nền tảng số và dịch vụ phát trực tuyến mở ra cơ hội tiếp cận công chúng rộng lớn hơn, đồng thời tạo điều kiện cho sự tham gia của các nghệ sĩ độc lập.

Tuy nhiên, nếu quá lệ thuộc vào sự tính toán và dữ liệu thị trường, công nghiệp âm nhạc có nguy cơ chạy theo thị hiếu ngắn hạn, dẫn đến sự đồng nhất hóa sản phẩm và suy giảm vai trò định hướng thẩm mỹ. Phát triển công nghiệp âm nhạc cần gắn liền với mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thay vì chỉ tập trung vào hiệu quả kinh tế trước mắt.

AI đang góp phần làm thay đổi sâu sắc chuỗi giá trị của công nghiệp âm nhạc, từ sáng tác, sản xuất đến phát hành và tiếp nhận tác phẩm. Với sự hỗ trợ của các nền tảng số, việc tạo ra và phổ biến sản phẩm âm nhạc trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Điều này mở ra cơ hội lớn cho các nhạc sĩ trẻ, nghệ sĩ độc lập, đồng thời làm gia tăng tính cạnh tranh trong môi trường âm nhạc.

Tuy nhiên, chính sự thuận tiện đó cũng đặt ra nguy cơ thương mại hóa quá mức hoạt động sáng tác. Khi sự định hướng ưu tiên những sản phẩm dễ lan tỏa, dễ tiêu thụ, thì âm nhạc có nguy cơ bị chi phối bởi các tiêu chí ngắn hạn như lượt nghe, lượt xem, thay vì giá trị nghệ thuật lâu dài. Trong bối cảnh đó, AI có thể vô tình trở thành công cụ thúc đẩy sự đồng nhất hóa thẩm mỹ, làm suy giảm tính đa dạng và chiều sâu của đời sống âm nhạc.

Đối với công nghiệp âm nhạc Việt Nam, thách thức không chỉ là cạnh tranh với sản phẩm quốc tế, mà còn là giữ được bản sắc trong quá trình phát triển. Việc ứng dụng AI cần gắn liền với chiến lược xây dựng thương hiệu âm nhạc Việt Nam, trong đó coi trọng các yếu tố văn hóa bản địa, tính nhân văn và trách nhiệm xã hội. Công nghiệp âm nhạc không thể tách rời nhiệm vụ phục vụ cộng đồng và góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

6. Vai trò của giáo dục, chính sách và cộng đồng

Để ứng phó hiệu quả với những tác động của AI, cần có sự tham gia đồng bộ của các chủ thể: nhà nước, giới chuyên môn, cơ sở đào tạo và cộng đồng xã hội. Giáo dục âm nhạc cần chú trọng kết hợp giữa đào tạo kỹ năng công nghệ và bồi dưỡng kiến thức về lịch sử, bản sắc âm nhạc Việt Nam.

Trong bối cảnh AI tác động ngày càng mạnh mẽ đến âm nhạc, giáo dục đóng vai trò then chốt trong việc hình thành thế hệ sáng tác mới vừa có năng lực công nghệ, vừa có nền tảng văn hóa vững chắc. Các cơ sở đào tạo âm nhạc cần đổi mới chương trình theo hướng tích hợp kiến thức về công nghệ số và AI, đồng thời tăng cường giảng dạy lịch sử âm nhạc, âm nhạc truyền thống và mỹ học dân tộc.

Về mặt chính sách, Nhà nước và các cơ quan quản lý văn hóa cần sớm xây dựng khung pháp lý phù hợp với thực tiễn mới, đặc biệt trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan và quản lý dữ liệu âm nhạc. Việc đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu âm nhạc Việt Nam mang tính hệ thống, phục vụ cho nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng AI theo hướng bản địa hóa, là nhiệm vụ mang tính chiến lược lâu dài. Xây dựng chiến lược phát triển âm nhạc trong kỷ nguyên số, trong đó xác định rõ AI là công cụ hỗ trợ, không phải là chủ thể sáng tạo. Việc đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu âm nhạc Việt Nam phục vụ nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng AI theo hướng bản địa là giải pháp mang tính bền vững. Bên cạnh đó, việc nâng cao nhận thức thẩm mỹ của công chúng cũng đóng vai trò quan trọng, góp phần tạo môi trường xã hội thuận lợi cho sự phát triển của âm nhạc mang bản sắc Việt.

Bên cạnh đó, cộng đồng xã hội và công chúng thưởng thức âm nhạc cũng giữ vai trò quan trọng trong việc định hình môi trường văn hóa. Khi công chúng có trình độ thẩm mỹ tốt và ý thức trân trọng các giá trị âm nhạc dân tộc, thị trường âm nhạc sẽ có điều kiện phát triển theo hướng lành mạnh, bền vững, hạn chế những tác động tiêu cực của xu hướng chạy theo thị hiếu tức thời.

7. Kết luận

AI là một xu thế khách quan của thời đại. Thách thức lớn nhất hiện nay không nằm ở bản thân công nghệ, mà ở khả năng làm chủ và định hướng công nghệ của con người. Âm nhạc Việt Nam chỉ có thể phát triển bền vững trong kỷ nguyên AI khi vừa chủ động hội nhập, vừa kiên định với các giá trị bản sắc dân tộc. Việc sử dụng AI cần được đặt trong chiến lược phát triển văn hóa tổng thể, bảo đảm hài hòa giữa đổi mới sáng tạo và gìn giữ những giá trị nền tảng của âm nhạc trong việc định vị, bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Có thể khẳng định rằng, trí tuệ nhân tạo không phải là mối đe dọa tự thân đối với âm nhạc Việt Nam. Thách thức thực sự nằm ở chỗ chúng ta tiếp cận, sử dụng và định hướng công nghệ ấy như thế nào. Nếu thiếu bản lĩnh văn hóa và tư duy chiến lược, AI có thể trở thành lực đẩy làm gia tăng nguy cơ đồng hóa và làm mờ nhạt bản sắc dân tộc. Ngược lại, nếu được đặt trong một chiến lược phát triển văn hóa tổng thể, AI hoàn toàn có thể trở thành công cụ hữu hiệu để bảo tồn, phát huy và lan tỏa các giá trị âm nhạc Việt Nam trong không gian số toàn cầu.

Trong tiến trình đó, vai trò chủ thể sáng tạo của con người cần được khẳng định một cách rõ ràng và nhất quán. AI chỉ nên được xem là phương tiện hỗ trợ kỹ thuật, không phải là chủ thể sáng tạo hay người quyết định giá trị thẩm mỹ của tác phẩm. Việc định vị, bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam vì vậy phải xuất phát từ tư duy văn hóa, từ trách nhiệm xã hội của người nghệ sĩ và từ định hướng quản lý của các cơ quan chuyên môn.

Âm nhạc Việt Nam chỉ có thể phát triển bền vững trong kỷ nguyên AI khi vừa chủ động hội nhập với thế giới, vừa kiên định gìn giữ những giá trị nền tảng đã được hun đúc qua nhiều thế hệ. Đó không chỉ là yêu cầu của thời đại, mà còn là trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và các thế hệ mai sau.

Tài liệu tham khảo

Davis, R. A. (2005). Music Education and Cultural Identity. *Educational Philosophy and Theory*, 37(1), 47-63.

UNESCO (2025). *Culture and Artificial Intelligence*.

ĐỊNH VỊ VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Nguyễn Thiều Hoa

Trường Đại học Văn Hiến

Email: thieuhua52@gmail.com

Tóm tắt

Sự phát triển mạnh mẽ của Trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong ngành công nghiệp âm nhạc toàn cầu, đặt ra cả cơ hội lẫn thách thức cho việc bảo tồn và phát triển bản sắc âm nhạc dân tộc. Bài viết này áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, phân tích tài liệu và tổng hợp thực tiễn để làm rõ tác động của AI trong chuỗi giá trị âm nhạc: sáng tạo, sản xuất, phân phối và thưởng thức. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng AI mở ra cơ hội lớn trong việc khơi nguồn sáng tạo từ di sản, nâng tầm sản xuất và quảng bá thông minh âm nhạc Việt. Tuy nhiên, các thách thức chính bao gồm nguy cơ đồng nhất hóa do phụ thuộc vào dữ liệu toàn cầu, khoảng cách số và thiếu dữ liệu chuẩn hóa về âm nhạc truyền thống Việt Nam, cùng những vấn đề về đạo đức và bản quyền. Bài viết đề xuất một khung chiến lược tổng thể, nhấn mạnh việc xây dựng kho dữ liệu số quốc gia, phát triển công cụ AI “bản địa hóa”, đào tạo nguồn nhân lực liên ngành và hoàn thiện khung pháp lý, nhằm chủ động hội nhập và định vị bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, bản sắc âm nhạc Việt Nam, di sản số, sáng tạo âm nhạc, chuyển đổi số văn hóa.

1. Mở đầu

Toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, đặc biệt với sự bùng nổ của Trí tuệ nhân tạo (AI), đang tái định hình mọi lĩnh vực, trong đó có văn hóa nghệ thuật. Âm nhạc, với tư cách là một thành tố quan trọng của bản sắc văn hóa dân tộc, đứng trước một nghịch lý: vừa có cơ hội chưa từng có để lan tỏa, vừa đối mặt với nguy cơ bị hòa tan trong dòng chảy âm nhạc đại chúng toàn cầu được sản xuất và đề xuất hàng loạt bởi các thuật toán.

AI trong âm nhạc: Các nghiên cứu quốc tế tập trung vào hai hướng chính: AI hỗ trợ sáng tạo (Music Information Retrieval - MIR, mô hình sinh như GPT cho âm nhạc) (Briot & cộng sự, 2020); và Tác động văn hóa - xã hội của AI, như vấn đề thiên kiến trong dữ liệu, bản quyền và tính đại chúng hóa (Yang & Lerch, 2020). Tại Việt Nam, nghiên cứu về ứng dụng AI trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật còn khá mới mẻ và rời rạc, chủ yếu tập trung vào khía cạnh kỹ thuật số hóa di sản (VICAS, 2022) mà chưa có một nghiên cứu hệ thống về AI và bản sắc âm nhạc. Sự phát triển của âm nhạc đương đại cho thấy một sự giao thoa phức tạp giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại, giữa bản địa và quốc tế (Gibbs, 2007; Olsen, 2008).

Trong khi đó, AI đã thâm nhập vào mọi khâu từ sáng tác (như OpenAI MuseNet, Jukebox), sản xuất (iZotope Neutron, LANDR), đến phân phối và đề xuất (Spotify,

YouTube algorithms) (Briot & cộng sự, 2020). Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: Làm thế nào để định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam trong bối cảnh AI trở thành một tác nhân trung gian mới, và cần có chiến lược gì để biến thách thức thành cơ hội? Bài viết nhằm phân tích toàn diện các cơ hội và thách thức, từ đó đề xuất các định hướng chiến lược có tính khả thi cho Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan tài liệu

Bản sắc âm nhạc Việt Nam: Được định hình bởi hệ thống thang âm, điệu thức độc đáo (ngũ cung với các biến thể Bắc, Trung, Nam), tiết tấu đặc trưng của các thể loại dân ca, sân khấu truyền thống (chèo, tuồng, cải lương), và âm sắc của các nhạc cụ dân tộc (Trần Văn Khê, 1997; Nguyễn Thị Mỹ Liêm, 2010). Bản sắc này không tĩnh tại mà luôn biến động, thay đổi, phát triển trong bối cảnh mới.

Các nghiên cứu âm nhạc học về truyền thống Việt Nam đều thống nhất rằng bản sắc âm nhạc không hình thành từ các yếu tố rời rạc, mà từ mối quan hệ hữu cơ giữa hệ thống thang âm, tổ chức tiết tấu và âm sắc nhạc cụ, được kết tinh trong các bài bản và thể loại diễn xướng cụ thể. Trong các loại hình như ca trù, đờn ca tài tử, chèo, quan họ và hát văn, hệ thống cao độ chủ yếu dựa trên ngũ cung Việt Nam với các biến thể linh hoạt, trong đó các bậc âm không tồn tại như những cao độ cố định, mà vận động theo ngữ điệu, trạng thái biểu cảm và không gian diễn xướng. Hiện tượng trượt âm, luyến láy và vi sai cao độ đóng vai trò cấu trúc, góp phần tạo nên bản sắc thẩm mỹ đặc thù.

Về phương diện tiết tấu, âm nhạc truyền thống Việt Nam thường không tuân thủ nghiêm ngặt mô hình nhịp điệu đối xứng, mà phát triển dựa trên tư duy nhịp điệu gắn với ngôn ngữ và diễn xướng. Trong ca trù và hát văn, tiết tấu được tổ chức theo các chu kỳ phách – nhịp linh hoạt, cho phép người diễn chủ động kéo giãn hoặc nén thời gian âm nhạc nhằm đáp ứng yêu cầu nghi lễ hoặc biểu cảm. Ở đờn ca tài tử và chèo, các bài bản tồn tại như khung cấu trúc mở, nơi nhịp điệu vừa mang tính quy ước, vừa luôn sẵn sàng biến đổi thông qua thực hành dị bản. Cách tổ chức tiết tấu này tạo nên cảm thức thời gian phi tuyến, khác biệt rõ rệt so với tư duy nhịp điệu cơ học của âm nhạc phương Tây.

Âm sắc nhạc cụ truyền thống Việt Nam giữ vai trò trung tâm trong việc định hình bản sắc. Các nhạc cụ như đàn nhị, đàn tranh, đàn bầu, sáo trúc không chỉ đảm nhiệm chức năng phát âm, mà còn mang theo dấu ấn văn hóa – diễn xướng thông qua kỹ thuật chơi đặc thù. Chẳng hạn, đàn nhị với khả năng tạo ra các sắc thái vi tế của cao độ và cường độ thường gắn với tư duy ngữ điệu gần với tiếng nói; sáo trúc thể hiện rõ mối quan hệ giữa hơi thở, không gian và thời gian âm nhạc; trong khi đàn bầu vận hành như một hệ thống cao độ liên tục, thách thức tư duy chia bậc cao độ cố định. Các yếu tố âm sắc này, khi được chuyển hóa vào hình thức sáng tác đương đại, không thể tách rời khỏi tư duy diễn xướng bản địa.

Trong bối cảnh ứng dụng AI vào sáng tác và phân tích âm nhạc, các yếu tố bản sắc nêu trên đặt ra thách thức lớn đối với các hệ thống tính toán vốn dựa trên dữ liệu rời rạc và chuẩn hóa. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng AI có thể tái tạo các mô hình cao độ hoặc tiết tấu ở mức độ bề mặt, nhưng gặp giới hạn rõ rệt khi xử lý tính biến thiên vi tế, dị bản

diễn xướng và mối quan hệ giữa âm nhạc với ngữ cảnh văn hóa. Do đó, việc định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI đòi hỏi sự tham gia chủ động của chủ thể sáng tạo, nhằm chuyển hóa các nguyên lý âm nhạc truyền thống - được hình thành qua bài bản và thể loại cụ thể - thành logic cấu trúc và thẩm mỹ trong thực hành sáng tác đương đại.

Các tài liệu nghiên cứu về âm nhạc Việt Nam nhìn chung tiếp cận vấn đề bản sắc âm nhạc thông qua hai bình diện có mối quan hệ mật thiết với nhau: quá trình định hình về mặt khái niệm trong những bối cảnh lịch sử – văn hóa cụ thể, và quá trình phát huy thông qua sự chuyển hóa sáng tạo trong thực hành đương đại. Các nghiên cứu âm nhạc học trong nước nhấn mạnh rằng bản sắc âm nhạc được cấu thành bởi một hệ thống tích hợp gồm tổ chức cao độ ngũ cung, tư duy tiết tấu gắn với ngôn ngữ nói, tính biến thiên trong diễn xướng và vai trò trung tâm của âm sắc nhạc cụ truyền thống, tất cả đều được đặt trong các thực hành thể loại cụ thể như ca trù, đờn ca tài tử, chèo và quan họ (Trần Văn Khê, 1982, 1991; Nguyễn Thuyết Phong, 2006, 2012). Các công trình này không xem bản sắc như một dấu hiệu phong cách cố định, mà như một phương thức nhận thức âm nhạc mang tính động, được duy trì thông qua trình diễn và dị bản.

Các nghiên cứu quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực dân tộc nhạc học và nghiên cứu âm nhạc - bản sắc, nhìn nhận âm nhạc Việt Nam như một hệ thống văn hóa năng động, liên tục được tái định hình thông qua sự tương tác giữa truyền thống và hiện đại (Nettl, 2005; Rice, 2014). Các nghiên cứu của UNESCO về di sản văn hóa tiếp tục củng cố quan điểm cho rằng bản sắc âm nhạc Việt Nam được bảo tồn và duy trì thông qua truyền lưu thích ứng, thay vì bảo tồn tĩnh (UNESCO, 2009, 2016).

Các tài liệu gần đây về trí tuệ nhân tạo trong sáng tác âm nhạc cho thấy đồng thời tiềm năng phân tích và những giới hạn văn hóa của các hệ thống dựa trên AI. Mặc dù AI có thể hỗ trợ hiệu quả trong mô hình hóa cấu trúc và phối khí, các hệ thống này vẫn chưa có khả năng tự thân xử lý những giá trị thẩm mỹ gắn với văn hóa và sắc thái diễn xướng, qua đó tái khẳng định vai trò trung tâm của chủ thể sáng tác con người trong việc trung gian giữa công nghệ và bản sắc âm nhạc (Roads, 2015; Collins, 2018).

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, chủ yếu dựa trên:

Phân tích tài liệu thứ cấp: Tổng hợp và phân tích các tài liệu học thuật trong và ngoài nước về AI, âm nhạc học và bản sắc văn hóa.

Phân tích tình huống (Case study): Tham chiếu một số dự án/ diễn biến thực tế như việc ứng dụng AI trong sản xuất nhạc của một số nghệ sĩ Việt trẻ, các dự án số hóa di sản của Viện Âm nhạc Việt Nam.

Phương pháp chuyên gia: Tổng hợp ý kiến từ các nghiên cứu, bài phỏng vấn của các chuyên gia trong lĩnh vực âm nhạc và công nghệ.

Daniel Burrus, cho rằng việc một nghệ sĩ do AI tạo ra dẫn đầu bảng xếp hạng không có nghĩa là sáng tạo con người bị mai một; thay vào đó, AI đang thay đổi hình thức sáng tạo. Theo ông, “AI có thể mô phỏng các khuôn mẫu, nhưng không thể cảm nhận nhịp điệu, cảm xúc hay nhịp tim của khán giả,” và tương lai âm nhạc thuộc về

những nghệ sĩ biết khai thác AI để mở rộng, chứ không để thay thế sáng tạo của chính họ (Burrus, dẫn theo VTV/GenK, 2025).

Eugeny Naidenov nhấn mạnh rằng AI đã “trở thành một phần của tiến trình sáng tạo” nhưng vẫn chỉ đảm nhiệm các khía cạnh kỹ thuật trong sản xuất âm nhạc, trong khi giá trị cốt lõi, như đánh giá, chỉnh sửa và các tương tác cảm xúc, vẫn thuộc về con người. Ông dẫn chứng rằng mức độ tương tác của người hâm mộ đối với các sản phẩm hoàn toàn do AI tạo ra có thể giảm theo thời gian, phản ánh sự trân trọng dấu ấn con người trong âm nhạc (Naidenov, dẫn theo GenK, 2025).

Korobova cho rằng các hệ thống trí tuệ nhân tạo trong sáng tạo âm nhạc, khi chủ yếu dựa trên dữ liệu và chuẩn mực thẩm mỹ toàn cầu, có nguy cơ dẫn đến xu hướng đồng nhất hóa, làm suy giảm các đặc trưng âm nhạc mang tính dân tộc. Nhận định này đặc biệt có ý nghĩa đối với trường hợp Việt Nam, nơi bản sắc âm nhạc được cấu thành bởi hệ thống thang âm ngũ cung với nhiều biến thể vùng miền, tính dị bản và truyền thống diễn xướng truyền khẩu; do đó, việc ứng dụng AI chỉ có thể góp phần định vị và phát huy bản sắc khi được đặt trong một chiến lược bản địa hóa dữ liệu, tôn trọng ngữ cảnh văn hóa và bảo đảm vai trò trung tâm của con người trong quá trình sáng tạo (Korobova, 2021). Trên cơ sở đó, việc phân tích song song các cơ hội và thách thức do trí tuệ nhân tạo mang lại trở thành bước cần thiết để xây dựng các định hướng phát triển phù hợp cho âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Còn tại Việt Nam, các chuyên gia đã bày tỏ quan điểm rằng sự xâm nhập của âm nhạc AI vào thị trường toàn cầu không còn là dự báo mà là một thực tế. Sự xuất hiện của các nghệ sĩ AI, chẳng hạn như các tác phẩm góp mặt trên các bảng xếp hạng quốc tế, đã đặt ra câu hỏi về giá trị cảm xúc và linh hồn nghệ thuật - vốn được xem là không thể sao chép trọn vẹn bởi các thuật toán (Lê Thanh Huyền, dẫn theo VTV, 2025). Các ý kiến này phản ánh mối quan tâm về việc làm sao để AI phục vụ âm nhạc chứ không xóa nhòa những yếu tố đặc trưng của truyền thống (Báo điện tử VTV).

Một góc độ khác liên quan đến công nghệ và pháp lý được nêu trong các phân tích chuyên môn là vấn đề bản quyền và chia sẻ lợi ích khi AI sử dụng dữ liệu âm nhạc có bản quyền. Ví dụ, Adam Granite nhận định rằng việc sử dụng AI “phục vụ nghệ sĩ là điều tuyệt vời nhưng AI sử dụng tác phẩm của họ mà không có sự cho phép và bồi thường thì không” (Granite, trích trong Tuổi Trẻ Online, 2025). Quan điểm này phản ánh yêu cầu phải có hành lang pháp lý rõ ràng để bảo vệ bản sắc và quyền lợi sáng tạo trong bối cảnh khai thác AI (Tuổi Trẻ Online).

4. Các yếu tố cốt lõi để “định vị” bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI

4.1. Hệ thống chất liệu âm nhạc truyền thống

Đây là lớp nền bản sắc quan trọng nhất, bao gồm: Hệ thống thang âm – điệu thức (ngũ cung Việt Nam với các biến thể vùng miền; tính linh hoạt cao của cao độ); Tiết tấu và nhịp điệu gắn với ngôn ngữ tiếng Việt và diễn xướng dân gian; Âm sắc nhạc cụ truyền thống (đàn tranh, bầu, nhị, sáo...), mang tính “định danh” văn hóa rõ rệt. Trong kỷ nguyên AI, các yếu tố này cần được chuẩn hóa, số hóa, chú giải ngữ cảnh để tránh bị giản lược thành các “mẫu âm thanh trung tính”.

4.2. Nguyên lý tư duy âm nhạc Việt Nam

Bản sắc không chỉ nằm ở “cái gì được dùng”, mà ở “cách dùng”: Tính dị bản, ngẫu hứng có kiểm soát, linh hoạt theo ngữ cảnh; Tư duy phi tuyến tính, không phụ thuộc hoàn toàn vào cấu trúc hình thức phương Tây; Mối quan hệ chặt chẽ giữa âm nhạc – ngôn ngữ – diễn xướng – cộng đồng. Đây là điểm mà AI hiện nay chưa tự thân tái tạo được nếu không có sự định hướng của chủ thể sáng tạo.

4.3. Chủ thể sáng tạo và bản lĩnh văn hóa

AI không phải là chủ thể văn hóa. Vì vậy con người (nhà soạn nhạc, nghệ sĩ, nhà nghiên cứu) phải là trung tâm định vị bản sắc. Bản sắc chỉ được phát huy khi người sáng tạo có tri thức về truyền thống, nền tảng và kiến thức sâu, rộng về văn hóa nghệ thuật, âm nhạc, ý thức chọn lọc – chuyển hóa, sáng tạo, phát triển, năng lực đối thoại, kỹ năng giao tiếp với công nghệ. Thiếu chủ thể có bản lĩnh, AI dễ dẫn đến đồng hóa phong cách hoặc “toàn cầu hóa vô danh”.

4.4. Ngữ cảnh xã hội – văn hóa đương đại

Bản sắc không bất biến, âm nhạc Việt Nam cần được định vị trong dòng chảy hiện đại, không phải bảo tồn tĩnh. AI đặt ra yêu cầu mới về tốc độ sản xuất, tính liên ngành, và khả năng tiếp cận công chúng toàn cầu. Bản sắc chỉ “sống” khi được tái ngữ cảnh hóa trong đời sống hôm nay.

5. Đề xuất tiến trình “phát huy” bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI

5.1. Nhận diện và hệ thống hóa bản sắc

Xây dựng cơ sở dữ liệu âm nhạc Việt Nam (giai điệu, tiết tấu, âm sắc, sắc thái, diễn xướng).

Phân tích bản sắc ở cả bình diện định tính (tư duy, thẩm mỹ) và định lượng (thang âm, giai điệu, mô hình tiết tấu).

5.2. Chuẩn hóa và số hóa có chú giải

Số hóa không chỉ dữ liệu âm thanh, mà cả ngữ cảnh văn hóa, không gian diễn xướng, chức năng xã hội của âm nhạc. Tránh việc AI học dữ liệu “trần”, tách rời khỏi văn hóa gốc.

5.3. Định hướng sử dụng AI như công cụ sáng tạo

AI được sử dụng để hỗ trợ phân tích, mô phỏng, gợi ý ý tưởng, tiết kiệm thời gian và mở rộng khả năng thử nghiệm. Con người giữ vai trò quyết định thẩm mỹ, kiểm soát bản sắc, sáng tạo, phát triển, và chịu trách nhiệm văn hóa.

5.4. Thực nghiệm sáng tác và trình diễn

Khuyến khích các mô hình sáng tác lai ghép (truyền thống – đương đại – AI), và trình diễn đa phương tiện. Đánh giá không chỉ ở kỹ thuật, mà ở mức độ chuyển hóa, sáng tạo và phát triển bản sắc.

5.5. Phản biện, đào tạo và lan tỏa

Xây dựng diễn đàn học thuật và nghệ thuật để phản biện các sản phẩm âm nhạc dùng AI, điều chỉnh nhận thức về bản sắc. Đưa nội dung này vào đào tạo âm nhạc, giáo dục văn hóa số.

6. Ví dụ thực hành sáng tác concerto như một trường hợp định vị bản sắc âm nhạc

Việt Nam trong kỷ nguyên AI

Trong thực hành sáng tác concerto cho nhạc cụ truyền thống Việt Nam và dàn nhạc giao hưởng, người viết tiếp cận bản sắc không như một yếu tố trang trí mang tính biểu trưng, mà như nguyên lý tổ chức tư duy âm nhạc chi phối toàn bộ cấu trúc tác phẩm. Hai tác phẩm *Concerto cho đàn nhị* (Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, Hà Nội) và *Concerto cho sáo trúc* (Hội Nhạc sĩ Việt Nam) cho phép quan sát rõ nét cách bản sắc âm nhạc Việt Nam được định vị có ý thức trong một hình thức phương Tây quy mô lớn, đồng thời đặt trong đối thoại trực tiếp với các công cụ phân tích và hỗ trợ sáng tác của AI.

3.1. Concerto cho đàn nhị & dàn nhạc giao hưởng: bản sắc như tư duy ngữ điệu và tính dị bản

Trong *Concerto cho đàn nhị*, nhạc cụ độc tấu không được đặt vào vai trò “phiên dịch giai điệu dân gian” trên nền hòa âm giao hưởng, mà giữ vị thế chủ thể diễn xướng với ngôn ngữ riêng. Đường nét của đàn nhị được xây dựng dựa trên: tính ngữ điệu gần với tiếng nói, sự linh hoạt cao độ (trượt âm, vi sai cao độ), tư duy phát triển mô-típ mang tính dị bản, thay vì phát triển chủ đề theo logic đối xứng cổ điển.

Dàn nhạc giao hưởng, trong tác phẩm này, không đóng vai trò áp đặt hệ thống hòa âm phương Tây, mà được tổ chức như một trường âm thanh mở, phản hồi và bao quanh tiếng đàn nhị. Điều này tạo ra một quan hệ căng thẳng có kiểm soát giữa độc tuyền truyền khẩu và đa tuyền giao hưởng.

Trong quá trình sử dụng AI để phân tích cấu trúc và đề xuất các phương án phát triển hình thức (đặc biệt ở các đoạn tutti và chuyển tiếp), người viết nhận thấy AI có xu hướng chuẩn hóa cao độ, làm rõ trung tâm âm, tăng tính cân xứng hình thức.

Tuy nhiên, chính những đặc điểm này lại xung đột với thẩm mỹ đàn nhị, vốn dựa trên sự mơ hồ, linh hoạt và cảm thức ngẫu hứng. Do đó, AI được sử dụng như công cụ kiểm chứng hình thức, trong khi các quyết định liên quan đến cao độ, nhịp điệu và diễn đạt vẫn do người sáng tác chủ động kiểm soát. Thực hành này cho thấy bản sắc không nằm trong dữ liệu mà AI xử lý, mà nằm ở hành vi từ chối có ý thức của chủ thể sáng tạo.

3.2. Concerto cho sáo trúc & dàn nhạc giao hưởng: bản sắc như tư duy không gian và hơi thở

Khác với đàn nhị, *Concerto cho sáo trúc* đặt trọng tâm vào hơi thở, dòng chảy thời gian và không gian âm nhạc. Sáo trúc, với khả năng tạo ra các sắc thái vi tế của cao độ và âm sắc, trở thành trung tâm của một tư duy âm nhạc mang tính thiền định và phi tuyến. Thay vì phát triển theo mô hình xung đột – giải quyết đặc trưng của concerto cổ điển, tác phẩm được xây dựng như một hành trình âm thanh, trong đó cao trào không nhất thiết là đỉnh điểm động lực, thời gian được cảm nhận như sự giãn nở, và sự im lặng và khoảng trống giữ vai trò cấu trúc. Khi ứng dụng AI để thử nghiệm các phương án phối khí và tổ chức thời gian, AI thường đề xuất gia tăng mật độ dàn nhạc, làm rõ phân đoạn hình thức, và tối ưu hóa tương phản.

Những đề xuất này, dù hợp lý về mặt kỹ thuật giao hưởng, lại có nguy cơ làm mất đi không gian thẩm mỹ của sáo trúc, nơi hơi thở và sự tiết chế là yếu tố cốt lõi. Người

viết vì vậy sử dụng AI như một đối trọng tư duy, nhằm nhận diện rõ ranh giới giữa hiệu quả giao hưởng và bản sắc văn hóa Việt Nam, từ đó lựa chọn giải pháp giữ được tính “thở” của âm nhạc.

4. Tư phản tư học thuật: concerto như phép thử của bản sắc trong kỷ nguyên AI

Từ hai concerto trên, thực hành sáng tác cá nhân của người viết cho thấy bản sắc âm nhạc Việt Nam trong hình thức concerto không nằm ở việc “Việt hóa” dàn nhạc giao hưởng, mà ở cách tái định nghĩa quan hệ giữa nhạc cụ độc tấu và tập thể âm thanh. AI có thể hỗ trợ hiệu quả trong phân tích, mô phỏng và kiểm chứng cấu trúc, nhưng không thể thay thế tư duy diễn xướng và cảm thức văn hóa. Quá trình sáng tác trở thành một hình thức nghiên cứu thực hành, trong đó mỗi lựa chọn thẩm mỹ đồng thời là một lập luận về bản sắc. Do đó, *Concerto cho đàn nhị* và *Concerto cho sáo trúc* không chỉ là các tác phẩm giao hưởng, mà còn là trường hợp nghiên cứu cụ thể cho thấy cách bản sắc âm nhạc Việt Nam có thể được định vị và phát huy trong kỷ nguyên AI thông qua bản lĩnh, tri thức và trách nhiệm văn hóa của chủ thể sáng tạo.

5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

5.1. Đối thoại analog – digital: hướng tiếp cận cân bằng

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng tham gia sâu vào các hoạt động sáng tác, lưu trữ và phổ biến âm nhạc, việc đặt tư duy analog và digital trong mối quan hệ đối thoại, thay vì đối lập, trở thành một hướng tiếp cận cần thiết để định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam. Hai hệ hình này đại diện cho những cách thức khác nhau trong việc tiếp cận âm thanh, tri thức và giá trị văn hóa, song đều giữ vai trò nhất định trong quá trình phát triển âm nhạc đương đại.

Tư duy analog, gắn với tính liên tục của âm thanh, kinh nghiệm biểu diễn sống và truyền thống truyền khẩu, giữ vai trò nền tảng trong việc bảo tồn chiều sâu thẩm mỹ và bản sắc văn hóa của âm nhạc Việt Nam. Thông qua tư duy này, các yếu tố như sắc thái vi mô, tính linh hoạt trong diễn tấu và mối quan hệ giữa âm nhạc với không gian văn hóa – xã hội được duy trì như những giá trị cốt lõi, khó có thể được mô hình hóa đầy đủ bằng các hệ thống dữ liệu rời rạc. Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, tư duy analog đóng vai trò định hướng, giúp xác lập những giới hạn văn hóa và thẩm mỹ đối với việc ứng dụng công nghệ.

Ngược lại, tư duy digital và các công nghệ dựa trên trí tuệ nhân tạo mang lại khả năng xử lý, lưu trữ và phân tích âm nhạc ở quy mô lớn, tạo điều kiện cho việc bảo tồn và lan tỏa âm nhạc Việt Nam trong môi trường số. Khi được sử dụng như công cụ hỗ trợ, digital và AI có thể góp phần hệ thống hóa tri thức âm nhạc, hỗ trợ nghiên cứu và mở rộng không gian sáng tạo, qua đó giúp bản sắc âm nhạc Việt Nam tiếp cận các hình thức biểu đạt mới mà vẫn duy trì mối liên hệ với truyền thống.

Hướng tiếp cận cân bằng giữa analog và digital không nhằm dung hòa một cách hình thức, mà hướng tới việc xác lập vai trò trung tâm của con người trong quá trình tích hợp công nghệ. Trong mô hình này, tư duy analog định hướng giá trị, xác lập bản sắc và bối cảnh văn hóa, trong khi tư duy digital và trí tuệ nhân tạo đóng vai trò công cụ phục vụ cho mục tiêu bảo tồn và sáng tạo. Việc thiếu vắng sự đối thoại này có thể dẫn

đến hai cực đoan: hoặc bảo thủ, khép kín trước công nghệ, hoặc lệ thuộc vào thuật toán và làm suy giảm bản sắc.

Do đó, đối thoại analog – digital cần được hiểu như một chiến lược phát triển bền vững, trong đó âm nhạc Việt Nam không chỉ được bảo tồn trong hình thức “di sản số”, mà còn được tái sinh trong các thực hành sáng tạo mới, có kiểm soát và có ý thức. Cách tiếp cận này cho phép trí tuệ nhân tạo trở thành một phần của hệ sinh thái sáng tạo âm nhạc, đồng thời bảo đảm rằng bản sắc âm nhạc Việt Nam tiếp tục được định vị rõ ràng và phát huy hiệu quả trong kỷ nguyên số.

5.2. Cơ hội trong việc định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam

Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, công nghệ digital và AI mở ra những cơ hội quan trọng cho việc tái định vị bản sắc âm nhạc Việt Nam trong không gian văn hóa – công nghệ toàn cầu. Trước hết, AI tạo điều kiện cho quá trình số hóa, lưu trữ và hệ thống hóa các di sản âm nhạc truyền thống, góp phần bảo tồn những giá trị âm nhạc vốn dựa nhiều vào truyền khẩu và thực hành cộng đồng. Việc hình thành các cơ sở dữ liệu âm nhạc quy mô lớn không chỉ giúp bảo vệ tư liệu trước nguy cơ mai một, mà còn tạo nền tảng cho việc nghiên cứu và khai thác bản sắc âm nhạc Việt Nam một cách bền vững.

Bên cạnh đó, các công cụ phân tích dựa trên trí tuệ nhân tạo cho phép tiếp cận bản sắc âm nhạc Việt Nam dưới góc độ khoa học và liên ngành, thông qua việc nhận diện và mô hình hóa các đặc trưng ngôn ngữ âm nhạc như thang âm, tiết tấu, cấu trúc hình thức và lối diễn tấu. Trong bối cảnh này, AI có thể trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc làm rõ và củng cố các yếu tố cấu thành bản sắc, đồng thời góp phần đổi mới phương pháp đào tạo và nghiên cứu âm nhạc.

Ở bình diện sáng tạo, trí tuệ nhân tạo mở ra khả năng phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam thông qua các hình thức sáng tác mới, trong đó chất liệu truyền thống được tái cấu trúc và đối thoại với ngôn ngữ âm nhạc đương đại. Nếu được định hướng phù hợp, quá trình này không chỉ làm giàu thêm đời sống sáng tác trong nước, mà còn góp phần đưa âm nhạc Việt Nam tham gia vào diễn ngôn âm nhạc quốc tế với tư cách một chủ thể văn hóa có bản sắc rõ ràng trong kỷ nguyên số.

5.3. Thách thức đối với việc định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam

Song song với các cơ hội, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo cũng đặt ra những thách thức đáng kể đối với quá trình định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam. Thách thức trước hết nằm ở nguy cơ giản lược và đồng nhất hóa bản sắc, khi các hệ thống AI vận hành dựa trên dữ liệu đã được chuẩn hóa, trong khi âm nhạc Việt Nam lại mang tính linh hoạt cao, giàu sắc thái vì mô và tồn tại dưới nhiều dị bản. Nếu không được kiểm soát, quá trình mô hình hóa có thể làm mất đi tính đa dạng và chiều sâu vốn là đặc trưng cốt lõi của truyền thống.

Một thách thức khác là khả năng tách rời âm nhạc khỏi ngữ cảnh văn hóa – xã hội, vốn là môi trường hình thành và duy trì bản sắc. Trong khi âm nhạc truyền thống Việt Nam gắn chặt với không gian diễn xướng, nghi lễ và đời sống cộng đồng, các sản phẩm âm nhạc do AI tạo ra có nguy cơ trở thành những thực thể âm thanh phi ngữ cảnh,

làm suy giảm ý nghĩa văn hóa và tính xác thực của bản sắc được tái hiện.

Ngoài ra, việc phụ thuộc quá mức vào công nghệ và thuật toán có thể dẫn đến sự suy giảm vai trò chủ thể sáng tạo của con người, đặc biệt là các nghệ nhân, nhạc sĩ và nhà nghiên cứu – những người nắm giữ tri thức truyền thống và có khả năng định hướng giá trị thẩm mỹ. Do đó, thách thức cốt lõi trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo không chỉ nằm ở giới hạn của công nghệ, mà ở việc thiếu một chiến lược văn hóa rõ ràng nhằm bảo đảm rằng AI được sử dụng như công cụ hỗ trợ, chứ không thay thế, trong quá trình định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam.

Những vấn đề về đạo đức và quyền sở hữu trí tuệ: Quyền sở hữu đối với tác phẩm do AI tạo ra dựa trên chất liệu dân gian, quyền lợi của nghệ nhân cung cấp dữ liệu, và nguy cơ thương mại hóa không kiểm soát di sản văn hóa là những vấn đề còn bỏ ngỏ. Khoảng cách năng lực giữa các chủ thể: Giữa nghệ sĩ truyền thống, nhà sản xuất âm nhạc và kỹ sư AI tồn tại khoảng cách lớn về kiến thức chuyên môn, dẫn đến khó khăn trong hợp tác liên ngành.

5.4. Định hướng chiến lược: Con người và giá trị văn hóa như trung tâm của sáng tạo trong kỷ nguyên AI

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng tham gia sâu vào quá trình sáng tác âm nhạc, việc xác lập rõ vai trò trung tâm của con người và giá trị văn hóa cần được coi là nguyên tắc chiến lược mang tính nền tảng. AI, về bản chất, là công cụ hỗ trợ sáng tạo, có khả năng mở rộng năng lực phân tích, mô hình hóa và thử nghiệm âm thanh, nhưng không thể thay thế cảm xúc, tư duy nghệ thuật, kinh nghiệm văn hóa và năng lực phán đoán thẩm mỹ của chủ thể sáng tác. Do đó, mọi ứng dụng AI trong âm nhạc cần được đặt trong một khung tư duy nhân văn, nơi con người giữ vai trò định hướng, lựa chọn và chịu trách nhiệm thẩm mỹ.

Việc khuyến khích sáng tạo dựa trên chất liệu và tư duy âm nhạc truyền thống Việt Nam không nhằm tái tạo hay sao chép các hình thức đã có, mà hướng tới quá trình chuyển hóa sáng tạo, trong đó bản sắc được hiểu như một logic cấu trúc và nhận thức, có khả năng thích ứng với những hình thức, công nghệ và ngữ cảnh mới. Theo nghĩa này, AI trở thành một phương tiện giúp khai thác, phân tích và tái tổ chức các yếu tố bản địa, thay vì là lực lượng làm đồng nhất hóa ngôn ngữ âm nhạc.

Đồng thời, cần thừa nhận rằng AI là một xu thế tất yếu và không thể đảo ngược trong đời sống âm nhạc đương đại. Vấn đề không nằm ở việc chấp nhận hay từ chối AI, mà ở cách thức định hướng, kiểm soát và tích hợp công nghệ vào quá trình sáng tạo sao cho phù hợp với giá trị văn hóa và mục tiêu phát triển lâu dài. Trong bối cảnh đó, bản sắc âm nhạc Việt Nam chỉ có thể được duy trì và phát huy nếu được nhận thức đúng, bảo vệ có ý thức và sáng tạo có định hướng, dựa trên sự chủ động của con người thay vì phó mặc cho thuật toán.

Nếu được triển khai một cách hệ thống và nhất quán, định hướng này không chỉ có ý nghĩa đối với các thảo luận mang tính thời điểm về AI và âm nhạc, mà còn có giá trị như một khung tham chiếu lâu dài cho chiến lược phát triển âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên công nghệ, nơi bản sắc không bị đóng băng trong quá khứ mà tiếp tục được

tái tạo trong đối thoại với tương lai.

6. Đề xuất và khuyến nghị

Đề tận dụng hiệu quả các cơ hội do trí tuệ nhân tạo mang lại, đồng thời hạn chế những thách thức đối với việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam, cần triển khai một chiến lược tổng thể, đa tác nhân với sự tham gia đồng bộ của Nhà nước, giới học thuật và cộng đồng sáng tạo.

Đối với Nhà nước và cơ quan quản lý, cần ưu tiên xây dựng Kho dữ liệu số quốc gia về di sản âm nhạc Việt Nam, trong đó bao gồm việc số hóa, chuẩn hóa và mở (có kiểm soát) các tư liệu âm thanh, bản nhạc và dữ liệu diễn xướng truyền thống, nhằm tạo nền tảng cho nghiên cứu và huấn luyện các hệ thống AI. Song song với đó, việc hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến bản quyền, quyền tác giả và cơ chế chia sẻ lợi ích đối với các tác phẩm có sự tham gia của AI và di sản văn hóa là yêu cầu cấp thiết. Nhà nước cũng cần tăng cường tài trợ cho các dự án nghiên cứu liên ngành kết nối âm nhạc học, văn hóa học và khoa học máy tính. Liên kết với kho dữ liệu số toàn cầu về di sản âm nhạc Việt Nam, nhằm mục đích giới thiệu và quảng bá

Đối với cộng đồng giáo dục và nghiên cứu, cần phát triển các chương trình đào tạo liên ngành (như Digital Humanities, Âm nhạc và Công nghệ) tại các cơ sở đào tạo nghệ thuật và công nghệ, nhằm hình thành thế hệ sáng tác và nghiên cứu có năng lực công nghệ đi cùng nền tảng văn hóa. Đồng thời, việc khuyến khích nghiên cứu và phát triển các mô hình AI “bản địa hóa”, được huấn luyện trực tiếp trên dữ liệu âm nhạc Việt Nam, có ý nghĩa then chốt trong việc bảo đảm tính đặc thù văn hóa của sản phẩm sáng tạo.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp và nghệ sĩ, cần thúc đẩy các mô hình hợp tác công – tư trong các dự án ứng dụng AI vào sáng tác, trình diễn và quảng bá âm nhạc mang bản sắc Việt Nam. Về phía nghệ sĩ, việc chủ động tiếp cận công nghệ, đồng thời khẳng định vai trò của mình như chủ thể định hướng thẩm mỹ và văn hóa cho AI, là điều kiện tiên quyết để AI trở thành công cụ hỗ trợ sáng tạo, thay vì làm suy giảm vai trò của con người trong đời sống âm nhạc đương đại.

7. Kết luận

Trong kỷ nguyên AI, định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam không phải là chống lại công nghệ, mà là xác lập rõ ai là chủ thể; bản sắc nằm ở tư duy và lựa chọn, không chỉ ở chất liệu; AI chỉ thực sự có giá trị khi trở thành công cụ phục vụ bản lĩnh văn hóa Việt Nam, chứ không phải thay thế nó.

Kỷ nguyên AI không đặt dấu chấm hết cho bản sắc, mà đặt ra một bối cảnh mới đòi hỏi cách tiếp cận chủ động, sáng tạo và có chiến lược. Việc định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam trong thời đại này phụ thuộc vào khả năng xây dựng nền tảng số cho chính di sản của mình, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thiết lập một môi trường pháp lý - đạo đức phù hợp. Chỉ khi làm chủ được công nghệ, chúng ta mới có thể biến AI thành phương tiện hữu hiệu để kể những câu chuyện âm nhạc mang hồn cốt Việt bằng ngôn ngữ của tương lai, góp phần vào sự đa dạng của bản đồ âm nhạc toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- Agafonnikov, N. (2020). Digital Ethnomusicology: Methods of Preservation and Actualization of Folklore in the 21st Century. *Journal of the Society for Music Theory*, 15(3), 45-62.
- Briot, J.-P., Hadjeres, G., & Pachet, F.-D. (2020). *Deep Learning Techniques for Music Generation*. Springer.
- Dukov, E. V. (2018). Cultural Heritage in the Digital Age: Challenges and Prospects. *Questions of Culturology*, 5, 12-19.
- Korobova, A. V. (2021). Artificial Intelligence in Musical Creativity: Between Globalization and National Identity. In *Proceedings of “Art and Technology”* (pp. 88-104). St. Petersburg State Institute of Culture.
- Mikhailov, M. A. (2019). Transformation of Musical Ethnicity in the Context of Digitalization. *Bulletin of the Moscow State Conservatory*, 42(1), 123-137.
- Nguyễn Quang A. (2021). *Chuyển đổi số và những vấn đề đặt ra với văn hóa, con người Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2010). *Đặc trưng âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb Văn hóa Thông tin.
- Nguyễn Thiếu Hoa (2010). *Âm nhạc giao hưởng Nga - Xô Viết và sự ảnh hưởng đối với lĩnh vực âm nhạc giao hưởng Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật - Âm nhạc.
- Olsen, D. A. (2008). *Popular Music of Vietnam: The Politics of Remembering, the Economics of Forgetting*. Routledge.
- Petruseva, N. A., & Sokolov, A. S. (2022). Neural Networks and Folklore: On the Algorithmic Modeling of National Musical Styles. *Information Technologies in the Humanities*, 3, 77-89.
- Trần Văn Khê (1997). *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb Trẻ.
- Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam (VICAS) (2022). *Báo cáo thường niên về ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật tại Việt Nam*.
- Yang, L., & Lerch, A. (2020). On the Evaluation of Generative Models in Music. *Neural Computing and Applications*, 32, 4773–4784. <https://doi.org/10.1007/s00521-018-3849-7>

KHOẢNG TRỐNG DỮ LIỆU VÀ VẤN ĐỀ BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Huỳnh Hoàng Cư

Trường Đại học Văn Hiến

Email: CuHH@vhu.edu.vn

Tóm tắt

Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu trở thành nền tảng quan trọng trong phân tích, tái tạo và lan tỏa các giá trị âm nhạc. Tuy nhiên, âm nhạc Việt Nam, đặc biệt là âm nhạc dân gian mang tính truyền khẩu và gắn với bản sắc vùng miền, hiện vẫn thiếu đáng kể trong các cơ sở dữ liệu số. Khoảng trống dữ liệu này có thể dẫn đến nguy cơ AI tái hiện bản sắc âm nhạc Việt Nam theo hướng chuẩn hóa hoặc sai lệch ngữ cảnh văn hóa. Bài viết phân tích thực trạng dữ liệu âm nhạc Việt Nam, làm rõ những vấn đề đặt ra trong việc ứng dụng AI, đồng thời nhấn mạnh vai trò chủ thể của con người trong việc xây dựng, thẩm định và làm chủ dữ liệu, qua đó đề xuất một số định hướng nhằm bảo tồn và phát huy bền vững bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo; âm nhạc Việt Nam; âm nhạc dân gian; bản sắc văn hóa; dữ liệu số.

Data Gaps and the Question of Vietnamese Musical Identity in the Era of Artificial Intelligence

Abstract

In the era of artificial intelligence (AI), data plays a fundamental role in the analysis, reproduction, and dissemination of musical values. However, Vietnamese music - particularly traditional folk music rooted in oral transmission and regional cultural identity - remains significantly underrepresented in digital databases. This data gap poses the risk that AI systems may reconstruct Vietnamese musical identity in a standardized or culturally decontextualized manner. This paper examines the current state of Vietnamese music data, identifies key challenges in applying AI to the preservation of musical identity, and emphasizes the central role of human agency in building, validating, and governing cultural data. Based on this analysis, the paper proposes several orientations aimed at sustainably preserving and promoting Vietnamese musical identity in the AI era.

Keywords: Artificial intelligence; Vietnamese music; folk music; cultural identity; digital data.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm thay đổi sâu sắc phương thức sáng tạo, lưu trữ, phổ biến và tiếp nhận âm nhạc trên phạm vi toàn cầu (UNESCO, 2021). Từ góc độ người làm công tác quản lý đào tạo và nghiên cứu nghệ thuật tại một cơ sở đại học đang trực tiếp tổ chức và tham gia diễn đàn học thuật về âm nhạc trong kỷ nguyên số, tác giả nhận thấy rằng những tác động của AI đối với âm nhạc

truyền thống Việt Nam cần được nhìn nhận một cách thận trọng, có chiều sâu văn hóa và trách nhiệm học thuật. Trong bối cảnh Trường Đại học Văn Hiến tổ chức hội thảo khoa học về âm nhạc và trí tuệ nhân tạo, những vấn đề được nêu trong bài viết không chỉ mang tính lý luận mà còn xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của công tác đào tạo và nghiên cứu nghệ thuật hiện nay. Trong môi trường số, AI ngày càng được sử dụng để phân tích phong cách, mô phỏng chất liệu âm nhạc và hỗ trợ sáng tác. Tuy nhiên, khả năng của AI phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn dữ liệu mà nó được tiếp cận.

Đối với âm nhạc Việt Nam, đặc biệt là âm nhạc dân gian, nơi kết tinh bản sắc văn hóa và tri thức bản địa được truyền dạy chủ yếu thông qua thực hành, vấn đề đặt ra không chỉ là ứng dụng AI như thế nào, mà quan trọng hơn là AI đang “học” từ nguồn dữ liệu nào. Khi kho dữ liệu âm nhạc dân tộc trên không gian số còn thiếu, phân tán và chưa được chuẩn hóa, nguy cơ sai lệch trong việc tái hiện bản sắc âm nhạc Việt Nam bằng AI trở nên hiện hữu, tác động trực tiếp đến chiến lược bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa âm nhạc truyền thống trong bối cảnh mới.

2. Thực trạng dữ liệu âm nhạc Việt Nam trong không gian số

Hiện nay, phần lớn dữ liệu âm nhạc được sử dụng để huấn luyện các hệ thống AI đến từ các nền công nghiệp âm nhạc phát triển, với ưu thế vượt trội về số lượng, chất lượng, mức độ chuẩn hóa và khả năng liên thông toàn cầu. Ngược lại, tư liệu âm nhạc Việt Nam, đặc biệt là âm nhạc dân gian, thường tồn tại dưới dạng ghi chép rời rạc, băng đĩa lưu trữ cá nhân hoặc tri thức truyền khẩu của nghệ nhân (Ngô Đức Thịnh, 2014).

Không chỉ thiếu dữ liệu âm thanh, âm nhạc dân gian Việt Nam còn thiếu hụt nghiêm trọng các dữ liệu ngữ cảnh như không gian diễn xướng, phong tục, nghi lễ, phương ngữ, môi trường sinh hoạt văn hóa và vai trò xã hội của âm nhạc trong cộng đồng. Theo Công ước 2003 của UNESCO, di sản văn hóa phi vật thể chỉ thực sự được bảo tồn khi gắn với cộng đồng chủ thể và bối cảnh thực hành văn hóa. Sự thiếu hụt dữ liệu đồng bộ này khiến quá trình số hóa âm nhạc dân gian Việt Nam gặp nhiều khó khăn, đồng thời hạn chế khả năng tiếp cận toàn diện của AI đối với bản sắc âm nhạc truyền thống.

3. Vấn đề đặt ra trong việc tái tạo bản sắc âm nhạc bằng AI

Trong bối cảnh AI ngày càng được ứng dụng vào phân tích, mô phỏng và sáng tạo âm nhạc, vấn đề cốt lõi không nằm ở năng lực kỹ thuật của công nghệ mà ở chất lượng, tính đại diện và chiều sâu văn hóa của dữ liệu đầu vào (UNESCO, 2021). Khi dữ liệu âm nhạc Việt Nam, đặc biệt là âm nhạc dân gian mang tính truyền khẩu, còn thiếu hụt và không cân xứng so với các kho dữ liệu âm nhạc toàn cầu, quá trình tái tạo bản sắc âm nhạc bằng AI tất yếu nảy sinh nhiều vấn đề cần được nhìn nhận thận trọng.

Trước hết, AI có xu hướng chuẩn hóa và đồng nhất hóa các đặc trưng âm nhạc dựa trên những mô hình phổ biến nhất trong kho dữ liệu mà nó được tiếp cận. Điều này có thể dẫn đến việc các yếu tố bản địa như thang âm ngũ cung, lối xử lý tiết tấu linh hoạt, ngữ điệu gắn với tiếng nói vùng miền và kỹ thuật diễn xướng cá nhân của nghệ nhân bị giản lược hoặc đồng nhất hóa (Trần Văn Khê, 2005). Âm nhạc được AI tái tạo

có thể tương đồng về mặt âm thanh, nhưng lại thiếu chiều sâu biểu cảm và tinh thần văn hóa vốn được hình thành trong môi trường sinh hoạt cộng đồng cụ thể.

Thứ hai, do thiếu dữ liệu về ngữ cảnh văn hóa, AI khó có khả năng phân biệt ranh giới giữa tương đồng âm nhạc và bản sắc văn hóa. Nhiều hệ thống âm nhạc trong khu vực châu Á có sự giao thoa về thang âm và chất liệu, song lại khác biệt về thẩm mỹ và triết lý nghệ thuật. Khi AI học từ dữ liệu không mang tính bản địa, sản phẩm tái tạo có nguy cơ pha trộn hoặc lệch chuẩn, khiến bản sắc âm nhạc Việt Nam bị hòa tan trong các mô hình âm nhạc khu vực hoặc quốc tế (Nguyễn Thị Minh Châu, 2020).

Thứ ba, việc AI tham gia ngày càng sâu vào sáng tạo âm nhạc có thể dẫn đến nguy cơ định hình sai lệch nhận thức công chúng về âm nhạc truyền thống trên không gian số. Nếu các sản phẩm âm nhạc do AI tạo ra được sử dụng rộng rãi trong giáo dục, truyền thông hoặc giải trí mà không có sự thẩm định văn hóa, có thể dần làm mờ tính lịch sử, tính cộng đồng và vai trò chủ thể của nghệ nhân trong đời sống âm nhạc truyền thống (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2019).

4. Vai trò chủ thể của con người trong việc làm chủ dữ liệu và AI

Trước sự tham gia ngày càng sâu của AI vào các hoạt động sáng tạo, lưu trữ và quảng bá âm nhạc, việc khẳng định vai trò chủ thể của con người trở thành nguyên tắc cốt lõi trong bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam. Về bản chất, AI chỉ là hệ thống xử lý dữ liệu; do đó, giá trị văn hóa mà AI tái tạo phụ thuộc trực tiếp vào tri thức, thẩm mỹ và trách nhiệm của con người trong quá trình xây dựng và kiểm soát dữ liệu.

Nghệ nhân dân gian giữ vai trò không thể thay thế với tư cách là chủ thể lưu giữ tri thức văn hóa sống. Những yếu tố cốt lõi của âm nhạc truyền thống như lối diễn xướng, ngữ điệu, kỹ thuật xử lý âm thanh và mối liên hệ giữa âm nhạc với nghi lễ, phong tục và đời sống cộng đồng phần lớn không tồn tại đầy đủ trong văn bản hay ký hiệu nhạc phổ, mà được truyền dạy thông qua thực hành trực tiếp (Trần Văn Khê, 2005).

Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu và giáo dục âm nhạc giữ vai trò trung gian trong việc hệ thống hóa, diễn giải và chuyển hóa tri thức truyền thống sang ngôn ngữ học thuật và sư phạm phù hợp với môi trường số. Đây là lực lượng có trách nhiệm xác lập tiêu chí lựa chọn dữ liệu, phân loại phong cách, nhận diện đặc trưng vùng miền và thẩm định tính xác thực văn hóa trước khi dữ liệu được đưa vào các hệ thống AI (Ngô Đức Thịnh, 2014).

Từ góc độ quản lý văn hóa, việc làm chủ AI còn đòi hỏi xây dựng các nguyên tắc đạo đức và khung chính sách đối với dữ liệu âm nhạc truyền thống, bảo đảm sự đồng thuận của cộng đồng chủ thể và kiểm soát việc sử dụng dữ liệu trên không gian số (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2021).

5. Một số định hướng đề xuất

Từ những phân tích trên, bài viết đề xuất một số định hướng nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số quốc gia về âm nhạc dân gian Việt Nam với sự tham gia trực tiếp của nghệ nhân, nhà nghiên cứu và các cơ sở đào tạo âm nhạc.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

- Thu thập và số hóa dữ liệu âm nhạc gắn với đầy đủ ngữ cảnh văn hóa, không gian diễn xướng và đặc trưng vùng miền, phù hợp với tinh thần Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể.
- Thiết lập quy trình thẩm định văn hóa đối với dữ liệu được sử dụng trong các hệ thống AI liên quan đến âm nhạc truyền thống, bảo đảm tính xác thực và đại diện bản sắc.
- Kết nối cơ sở dữ liệu âm nhạc dân gian Việt Nam với các kho dữ liệu âm nhạc toàn cầu nhằm quảng bá và khẳng định bản sắc âm nhạc Việt Nam trên không gian số quốc tế.
- Tăng cường giáo dục về âm nhạc dân gian và bản sắc văn hóa trong các chương trình đào tạo gắn với công nghệ và trí tuệ nhân tạo.

6. Kết luận

Trong kỷ nguyên AI, bản sắc âm nhạc Việt Nam không thể được bảo tồn nếu không được số hóa; nhưng cũng không thể được số hóa đúng đắn nếu thiếu vai trò dẫn dắt của con người và cộng đồng văn hóa. Từ thực tiễn quản lý đào tạo, nghiên cứu và tổ chức các hoạt động học thuật trong lĩnh vực nghệ thuật tại Trường Đại học Văn Hiến, tác giả cho rằng việc làm chủ dữ liệu và định hướng ứng dụng AI không chỉ là vấn đề kỹ thuật hay công nghệ, mà là trách nhiệm văn hóa của các cơ sở đào tạo nghệ thuật trong việc gìn giữ và lan tỏa bản sắc âm nhạc Việt Nam trong bối cảnh đương đại. Dữ liệu số chỉ thực sự có giá trị khi được hình thành trên nền tảng tri thức văn hóa, trách nhiệm nghề nghiệp và sự tham gia chủ động của các chủ thể sáng tạo. Theo quan điểm của tác giả, việc làm chủ dữ liệu và kiểm soát quá trình ứng dụng AI chính là điều kiện tiên quyết để bảo tồn và phát huy bền vững bản sắc âm nhạc Việt Nam trong bối cảnh số hóa hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2019). *Âm nhạc truyền thống Việt Nam trong bối cảnh hội nhập*. Nxb Văn hóa Dân tộc.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2021). *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030*. Hà Nội.
- Ngô Đức Thịnh (2014). *Văn hóa Việt Nam – giá trị và bản sắc*. Nxb Chính trị Quốc gia.
- Trần Văn Khê (2005). *Âm nhạc dân gian Việt Nam*. Nxb Thế giới.
- Nguyễn Thị Minh Châu (2020). Bảo tồn di sản âm nhạc truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 423, 45–50.
- UNESCO (2003). *Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage*. Paris.
- UNESCO (2021). *Culture and Artificial Intelligence: Reflections on Ethics, Policy and Practice*. Paris.

TỪ TRUYỀN KHẨU ĐẾN DỮ LIỆU SỐ: VAI TRÒ CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG BẢO TỒN DÂN CA VÙNG BÌNH - TRỊ - THIÊN (QUẢNG BÌNH - QUẢNG TRỊ - THỪA THIÊN HUẾ)⁶

Nguyễn Đình Khoa

Trường Đại học Quảng Bình

Email: Dinhkhoa1969@gmail.com

Tóm tắt

Dân ca vùng Bình - Trị - Thiên (Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế) là bộ phận quan trọng của di sản âm nhạc phi vật thể Việt Nam, được hình thành và lưu truyền chủ yếu thông qua hình thức truyền khẩu, gắn chặt với không gian văn hóa, ngữ điệu vùng miền và đời sống sinh hoạt cộng đồng. Tuy nhiên, trước tác động của đô thị hóa, toàn cầu hóa và sự thu hẹp của môi trường diễn xướng truyền thống, nhiều làn điệu dân ca trong vùng đang đứng trước nguy cơ mai một và đứt gãy mạch truyền nối giữa các thế hệ.

Trong bối cảnh đó, sự phát triển của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) mở ra những khả năng mới trong việc số hóa, lưu trữ, phân tích và phổ biến dân ca. Bài viết tiếp cận vấn đề bảo tồn dân ca vùng Bình - Trị - Thiên từ góc nhìn chuyển dịch từ truyền khẩu sang dữ liệu số, làm rõ tiềm năng ứng dụng của AI trong việc phục hồi tư liệu, nhận diện đặc trưng ngữ điệu, bản sắc vùng miền và hỗ trợ công tác nghiên cứu, đào tạo. Đồng thời, bài viết cũng phân tích những giới hạn của AI khi đối diện với các yếu tố mang tính giá trị ẩn như sắc thái biểu cảm, không gian diễn xướng và vai trò chủ thể của nghệ nhân. Qua đó, nghiên cứu nhấn mạnh rằng AI chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được đặt trong một chiến lược bảo tồn tổng thể, tôn trọng bản sắc văn hóa và cộng đồng của dân ca Bình - Trị - Thiên.

Từ khóa: Dân ca Bình - Trị - Thiên; Truyền khẩu; Trí tuệ nhân tạo; Bảo tồn âm nhạc; Dữ liệu số; Không gian văn hóa.

Abstract

Folk songs of the Binh - Tri - Thien region (Quảng Bình – Quảng Trị – Thừa Thiên Huế) constitute an important component of Vietnam’s intangible musical heritage. Formed and transmitted primarily through oral tradition, these folk songs are closely embedded in local cultural spaces, regional vocal inflections, and communal life. However, under the impacts of urbanization, globalization, and the gradual decline of traditional performance environments, many folk melodies in this region are facing the risk of erosion and the disruption of intergenerational transmission.

⁶ Bài viết này, thuật ngữ ‘vùng Bình Trị Thiên’ được sử dụng theo nghĩa không gian văn hóa, lịch sử, bao gồm Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế (cũ) không đồng nhất với phân chia hành chính hiện nay.

In this context, the development of digital technologies and artificial intelligence (AI) offers new possibilities for the preservation of folk music. This paper approaches the safeguarding of Binh - Tri - Thien folk songs from the perspective of the transition from oral transmission to digital data, examining the potential applications of AI in archival restoration, the identification of regional melodic and vocal characteristics, and the support of research and education. At the same time, the study discusses the limitations of AI when confronted with forms of tacit knowledge such as expressive nuances, performance contexts, and the central role of tradition bearers. The paper argues that AI can only be effective when integrated into a comprehensive preservation strategy that respects cultural identity and community-based knowledge in the Binh - Tri - Thien region.

Keywords: Binh - Tri - Thien folk songs; Oral tradition; Artificial intelligence; Music preservation; Digital heritage; Cultural space.

1. Đặt vấn đề

Vùng Bình - Trị - Thiên (Quảng Bình -Quảng Trị-Thừa Thiên Huế) là một không gian văn hóa đặc thù của miền Trung Việt Nam, nơi hội tụ và giao thoa giữa các lớp trầm tích lịch sử, địa lý và ngôn ngữ. Trong không gian ấy, dân ca Bình - Trị - Thiên hình thành và phát triển như một phương thức biểu đạt cảm xúc, lưu giữ ký ức cộng đồng và phản ánh đời sống tinh thần của cư dân địa phương qua nhiều thế hệ.

Khác với các loại hình âm nhạc có hệ thống ký âm chặt chẽ, dân ca Bình - Trị - Thiên chủ yếu được lưu truyền bằng hình thức truyền khẩu, thông qua trí nhớ, kinh nghiệm và sự ứng biến của người diễn xướng. Các làn điệu hò mái nhì, hò mái đẩy, hò khoan, hò giã gạo, lý Huế dân gian, hát ru miền Trung... mang đậm ngữ điệu vùng miền, nhịp điệu lao động và sắc thái biểu cảm tinh tế. Chính đặc điểm này tạo nên giá trị độc đáo của dân ca Bình Trị Thiên, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức cho công tác bảo tồn trong bối cảnh đương đại.

Trong những thập niên gần đây, sự thu hẹp của không gian diễn xướng truyền thống đã làm suy giảm vai trò của hình thức truyền khẩu. Nhiều nghệ nhân cao tuổi qua đời mang theo vốn tri thức dân gian quý giá có khi chưa kịp ghi chép; các làn điệu dân ca tồn tại rải rác, thiếu hệ thống tư liệu chuẩn. Trước thực trạng đó, sự phát triển của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) mở ra một hướng tiếp cận mới cho việc bảo tồn dân ca, đặt ra câu hỏi: làm thế nào để chuyển dịch từ truyền khẩu sang dữ liệu số mà vẫn giữ được bản sắc văn hóa vùng Bình - Trị - Thiên.

2. Dân ca Bình - Trị - Thiên dưới góc nhìn truyền khẩu

Dân ca Bình - Trị - Thiên là một loại hình nghệ thuật dân gian sống, tồn tại và vận động trong không gian văn hóa cộng đồng. Hình thức truyền khẩu cho phép mỗi thế hệ vừa tiếp nhận vừa sáng tạo, tạo ra nhiều dị bản khác nhau của cùng một làn điệu. Sự linh hoạt này phản ánh tính thích ứng của dân ca với hoàn cảnh xã hội và tâm lý người diễn xướng (Trần Văn Khê, 2000).

Một đặc điểm nổi bật của dân ca Bình - Trị - Thiên là ngữ điệu miền Trung với biên độ dao động cao độ tinh tế, cách nhấn nhá và luyến láy giàu sắc thái biểu cảm. Các câu hò, điệu lý thường gắn với nhịp thở, nhịp lao động và không gian tự nhiên như sông nước, đồng ruộng, làng mạc. Âm nhạc không tách rời đời sống, mà hòa vào sinh hoạt thường nhật của cộng đồng (Nguyễn Thuyết Phong, 2006).

Tuy nhiên, chính tính truyền khẩu và sự phụ thuộc vào không gian diễn xướng khiến dân ca Bình - Trị - Thiên dễ bị tổn thương khi môi trường xã hội thay đổi. Khi các hình thức lao động truyền thống mai một, khi sinh hoạt cộng đồng thu hẹp, cơ chế truyền nói tự nhiên của dân ca cũng suy yếu, đòi hỏi những phương thức bảo tồn hỗ trợ mang tính hệ thống hơn (Nguyễn Đình Khoa, 2018).

3. Từ truyền khẩu đến dữ liệu số: các giải pháp ứng dụng AI trong bảo tồn dân ca Bình - Trị - Thiên

Quá trình chuyển dịch từ truyền khẩu sang dữ liệu số đối với dân ca Bình - Trị - Thiên không thể dừng lại ở việc ghi âm, ghi hình đơn thuần, mà cần hướng tới xây dựng các hệ thống dữ liệu có khả năng bảo tồn, phân tích và tái sử dụng tri thức âm nhạc một cách bền vững. Trong bối cảnh đó, trí tuệ nhân tạo (AI) có thể được ứng dụng theo một số nhóm giải pháp mang tính thực tiễn sau đây.

3.1. Xây dựng và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu dân ca vùng Bình - Trị - Thiên

Giải pháp cơ bản là xây dựng cơ sở dữ liệu số riêng cho dân ca Bình - Trị - Thiên, trong đó AI hỗ trợ xử lý và tổ chức tư liệu. Các bản ghi âm dân ca hiện có thường tồn tại ở nhiều định dạng, chất lượng khác nhau và thiếu thông tin chú giải. AI có thể được sử dụng để:

- Tự động lọc nhiễu, phục hồi và chuẩn hóa chất lượng âm thanh từ các bản thu cũ của nghệ nhân.
- Nhận diện giọng hát, cao độ, tiết tấu để gắn thẻ dữ liệu cho từng làn điệu.
- Hỗ trợ phân loại tư liệu theo địa phương, hình thức diễn xướng (hò, lý, hát ru...), ngữ cảnh sinh hoạt và nghệ nhân trình diễn.

Việc chuẩn hóa dữ liệu ngay từ đầu giúp tạo nền tảng cho các nghiên cứu chuyên sâu và tránh nguy cơ bị rời rạc, vốn là hạn chế phổ biến trong nhiều dự án bảo tồn dân ca hiện nay.

3.2. Phân tích đặc trưng ngữ điệu và giai điệu vùng miền bằng AI

Một thách thức lớn trong nghiên cứu dân ca Bình - Trị - Thiên là mô tả chính xác ngữ điệu vùng miền, yếu tố khó thể hiện bằng ký âm phương Tây. Các công cụ AI phân tích âm thanh có thể hỗ trợ:

- Trích xuất đường cao độ, cường độ và nhịp điệu đặc trưng của các câu hò, điệu lý.
- So sánh các dị bản của cùng một làn điệu để làm rõ mức độ biến đổi theo không gian và cá nhân nghệ nhân.
- Nhận diện những âm hình giai điệu lặp lại mang tính bản sắc vùng Bình - Trị - Thiên.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Kết quả phân tích này không nhằm thay thế cảm nhận thẩm mỹ truyền thống, mà đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ, giúp nhà nghiên cứu và người học tiếp cận dân ca một cách trực quan và có cơ sở khoa học hơn.

3.3. AI trong phục hồi và tái hiện tư liệu dân ca

Đối với nhiều làn điệu dân ca Bình - Trị - Thiên, tư liệu còn lại thường không đầy đủ hoặc bị gián đoạn. AI có thể hỗ trợ phục hồi tư liệu theo hướng:

- Tái tạo lại cấu trúc những đoạn giai điệu bị khuyết, với điều kiện có sự kiểm chứng của nghệ nhân và nhà chuyên môn.
- Hỗ trợ mô phỏng cách hát, cách nhấn nhá của từng vùng, từng phong cách nghệ nhân, phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo.

Tuy nhiên, việc tái hiện bằng AI cần được giới hạn rõ ràng về mục đích, tránh nhầm lẫn giữa việc tái hiện để tham khảo và thực hành.

3.4. Ứng dụng AI trong đào tạo và truyền dạy dân ca

Một hướng đi mang tính thực tiễn cao là tích hợp AI vào các mô hình đào tạo dân ca Bình - Trị - Thiên, đặc biệt trong bối cảnh thiếu người hiểu và dạy trực tiếp thì AI có thể hỗ trợ:

- Xây dựng các ứng dụng học dân ca có tương tác, trong đó người học được so sánh giọng hát của mình với mẫu chuẩn từ nghệ nhân được lưu trữ.
- Phân tích lỗi cao độ, nhịp điệu và gợi ý điều chỉnh, giúp người học tiếp cận dân ca một cách chủ động.
- Lưu trữ và truyền tải các bài học mẫu gắn với từng làn điệu, từng không gian văn hóa cụ thể.

Dù vậy, AI chỉ đóng vai trò hỗ trợ kỹ thuật; việc học dân ca vẫn cần gắn với sự hướng dẫn trực tiếp của nghệ nhân, những người có chuyên môn để bảo đảm tính chân thực và đúng về văn hóa.

3.5. Điều kiện triển khai và yêu cầu về đạo đức văn hóa

Để các giải pháp ứng dụng AI đạt hiệu quả, cần đáp ứng một số điều kiện tiên quyết:

- Bộ dữ liệu huấn luyện phải mang tính địa phương hóa, có sự tham gia và đồng thuận của nghệ nhân dân gian.
- Quyền tác giả, sự đồng thuận của cộng đồng và giá trị văn hóa cần được tôn trọng trong quá trình số hóa và khai thác dữ liệu.
- AI phải được đặt trong một chiến lược bảo tồn tổng thể, kết hợp giữa công nghệ, giáo dục và thực hành văn hóa cộng đồng.

Nếu thiếu những điều kiện này, AI không những không góp phần bảo tồn mà còn có nguy cơ làm đơn giản hóa, có khi dẫn đến mất bản sắc.

4. Giới hạn và thách thức của AI trong bảo tồn dân ca

Bên cạnh những tiềm năng, việc ứng dụng AI trong bảo tồn dân ca Bình - Trị - Thiên cũng đặt ra nhiều thách thức. Một nguy cơ lớn là việc tách rời âm nhạc khỏi

không gian văn hóa và bối cảnh diễn xướng, khiến dân ca bị giản lược thành các phần dữ liệu thuần túy (Tô Ngọc Thanh, 1997). AI, dù có khả năng xử lý dữ liệu lớn, vẫn khó tái tạo những yếu tố mang tính giá trị ẩn sâu như sắc thái biểu cảm, cảm xúc cá nhân và sự tương tác trực tiếp giữa người diễn xướng và cộng đồng. Đối với dân ca Bình - Trị - Thiên, những yếu tố này chính là linh hồn của nghệ thuật truyền khẩu (UNESCO, 2003).

Ngoài ra, nếu các hệ thống AI được huấn luyện trên dữ liệu thiếu chọn lọc hoặc bị pha trộn với các phong cách ngoài vùng, nguy cơ đồng hóa và làm mờ bản sắc địa phương là điều khó tránh khỏi. Do đó, việc xây dựng bộ dữ liệu huấn luyện mang tính địa phương hóa, có sự tham gia của nghệ nhân và nhà nghiên cứu, là yêu cầu cần nên có.

5. Vai trò trung tâm của con người trong thời AI

Trong mối quan hệ giữa truyền khẩu, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo, con người vẫn giữ vai trò trung tâm. Nghệ nhân dân gian là chủ thể sáng tạo và lưu giữ tri thức văn hóa sống; các nhà nghiên cứu và giáo dục âm nhạc đóng vai trò diễn giải, hệ thống hóa và truyền dạy. AI chỉ nên được xem là công cụ hỗ trợ kỹ thuật, không thay thế quá trình thực hành văn hóa.

Việc bảo tồn dân ca Bình - Trị - Thiên trong kỷ nguyên AI cần gắn liền với giáo dục âm nhạc cộng đồng, phục hồi không gian diễn xướng và khuyến khích sự tham gia của thế hệ trẻ. Công nghệ chỉ thực sự có ý nghĩa khi góp phần đưa dân ca trở lại đời sống, thay vì cô lập nó trong các kho dữ liệu.

6. Kết luận

Dân ca vùng Bình Trị Thiên là một thành tố quan trọng của bản sắc âm nhạc Việt Nam, phản ánh sâu sắc lịch sử và tâm thức văn hóa miền Trung. Trong bối cảnh truyền khẩu truyền thống suy giảm, trí tuệ nhân tạo mở ra những khả năng mới cho công tác bảo tồn thông qua số hóa, phân tích và phổ biến tư liệu.

Tuy nhiên, AI không thể thay thế vai trò của con người và cộng đồng, là những chủ thể văn hóa đích thực của dân ca. Việc ứng dụng AI cần được đặt trong một chiến lược bảo tồn tổng thể, tôn trọng không gian văn hóa, ngữ điệu vùng miền và tri thức bản địa. Chỉ khi đó, quá trình chuyển dịch từ truyền khẩu đến dữ liệu số mới thực sự góp phần gìn giữ và phát huy bản sắc dân ca Bình - Trị - Thiên trong kỷ nguyên AI.

Tài liệu tham khảo

- Trần Văn Khê (2000). *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tô Ngọc Thanh (1997). *Âm nhạc dân gian các dân tộc Việt Nam*. Nxb Văn hóa Dân tộc.
- Nguyễn Thuyết Phong (2006). *Âm nhạc Việt Nam: Truyền thống và hiện đại*. Nxb Văn hóa – Thông tin.
- Phạm Thị Nhạn (2012). *Dân ca miền Trung Việt Nam*. Nxb Âm nhạc.
- Lê Văn Hào (2005). *Dân ca Bình Trị Thiên*. Nxb Thuận Hóa.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Nguyễn Đình Khoa (2018). *Dân ca Thừa Thiên Huế trong đời sống văn hóa cộng đồng*.
Nxb Đại học Huế.

Hoàng Kiều (2003). *Ca Huế và dân ca xứ Huế*. Nxb Thuận Hóa.

UNESCO (2003). *Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage*.

CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA VÀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC DÂN TỘC: VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT TRONG NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỊ HIẾU ÂM NHẠC CHO SINH VIÊN

Đặng Ngọc Ngân¹, Phạm Kim Ngân²

¹ Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP. HCM

² Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cửu Long

Email: knganpham1990@gmail.com

Tóm tắt

Trong bối cảnh công nghiệp hóa, thị trường hóa âm nhạc diễn ra mạnh mẽ, vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc đang đặt ra những thách thức lớn đối với giáo dục nghệ thuật Việt Nam. Tham luận tập trung phân tích vai trò then chốt của các trường đại học nghệ thuật trong giáo dục thẩm mỹ, đào tạo nguồn nhân lực sáng tạo và định hướng thị hiếu âm nhạc cho sinh viên. Nghiên cứu nhấn mạnh yêu cầu nâng cao năng lực số và kỹ năng ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong quá trình sáng tạo âm nhạc – những công cụ không chỉ mở rộng khả năng biểu đạt nghệ thuật mà còn là phương tiện hiệu quả để số hóa, bảo tồn và tái hiện di sản âm nhạc dân gian. Từ phân tích thực trạng, tham luận đề xuất một số giải pháp đồng bộ: xây dựng chương trình đào tạo theo hướng tích hợp - liên ngành, khuyến khích khả năng sáng tạo sản phẩm âm nhạc từ chất liệu truyền thống, mở rộng hợp tác quốc tế để tiếp cận xu hướng, thiết lập mối quan hệ tương tác giữa nghệ sĩ, công chúng và cơ sở giáo dục,... Trong đó, trường đại học nghệ thuật vừa là nơi đào tạo ra những nghệ sĩ chuyên nghiệp, vừa là không gian bảo tồn và định hình nhận thức thẩm mỹ gắn liền với bản sắc dân tộc cho thế hệ tương lai.

Từ khóa: công nghiệp văn hóa; bản sắc dân tộc; giáo dục nghệ thuật; thị hiếu âm nhạc

1. Mở đầu

Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, công nghiệp văn hóa đã và đang trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần định hình bản sắc, nâng cao sức mạnh mềm quốc gia và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Điều này vừa đem đến những cơ hội, đồng thời vừa tạo ra những thách thức to lớn, đặc biệt là vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong âm nhạc thị trường. Với chủ trương phát triển công nghiệp văn hóa theo hướng dân tộc, tiên tiến, hiện đại, các trường đại học nghệ thuật bên cạnh việc bảo tồn các giá trị văn hóa, định hình năng lực thẩm mỹ âm nhạc cho thế hệ trẻ, còn phải chủ động trong việc đào tạo nguồn nhân lực có khả năng tạo những sản phẩm vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa đáp ứng được yêu cầu của thị trường âm nhạc hiện đại, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong tham luận này, chúng tôi sử dụng một số phương pháp phổ biến như: phương pháp cấu trúc – hệ thống, phân tích tài liệu, nghiên cứu thực nghiệm thông qua

bảng hỏi và phương pháp nghiên cứu liên ngành (kết hợp giữa văn hóa học, nghệ thuật học, xã hội học và giáo dục học).

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

3.1.1. Công nghiệp văn hóa, thị trường hóa âm nhạc và âm nhạc thị trường

- Công nghiệp văn hóa

Công nghiệp văn hóa là một khái niệm kinh tế - văn hóa quan trọng, dùng để chỉ tập hợp các ngành hoạt động sản xuất, phân phối, tiêu dùng sản phẩm và dịch vụ văn hóa mang tính sáng tạo, sử dụng tri thức, kỹ năng và tài năng cá nhân làm nền tảng, đồng thời tạo ra giá trị kinh tế và văn hóa. Công nghiệp văn hóa góp phần tạo ra những sản phẩm văn hóa mang tính kết nối, tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam với thế giới.

Năm 2007, UNESCO đưa ra khái niệm về công nghiệp văn hóa: “*Công nghiệp văn hóa là các ngành sản xuất ra các sản phẩm vật thể và phi vật thể về nghệ thuật và sáng tạo, có tiềm năng thúc đẩy việc tạo ra của cải và thu nhập thông qua việc khai thác các giá trị văn hóa và sản xuất ra các sản phẩm dịch vụ dựa vào tri thức (kể cả những giá trị hiện đại và truyền thống). Điểm chung nhất của các ngành công nghiệp văn hóa là nó sử dụng sáng tạo, tri thức văn hóa và bản quyền trí tuệ để sản xuất ra các sản phẩm và dịch vụ, cũng như nó mang giá trị văn hóa*” (Ban Kinh tế trung ương, 2007: 21). Công nghiệp văn hóa hướng đến việc tạo ra những sản phẩm có thị trường, có phân khúc rõ ràng, có sự hưởng ứng của khán giả ở các lứa tuổi khác nhau, thu hút sự quan tâm của quốc tế, bao gồm các lĩnh vực như âm nhạc, điện ảnh, mỹ thuật, thiết kế thời trang, kiến trúc, nghệ thuật biểu diễn,...

Ở nước ta, trong thời gian qua, các ngành công nghiệp văn hóa đã có nhiều bước tiến mới dần trở thành những ngành kinh tế dịch vụ quan trọng, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của đất nước. Năm 2019, Việt Nam lần đầu tiên lọt vào top 60 nền kinh tế sáng tạo nhất thế giới, trong đó phải kể đến sự đóng góp không ngừng của công nghiệp văn hóa. Khi nguồn lực dồi dào, được tạo điều kiện để sáng tạo không giới hạn, công nghiệp văn hóa Việt Nam sẽ ngày càng khẳng định tầm vóc trên bản đồ khu vực.

- Thị trường hóa âm nhạc

Công nghiệp văn hóa, với bản chất kép giữa giá trị tinh thần và giá trị kinh tế, đã tạo ra bối cảnh tất yếu cho quá trình thị trường hóa âm nhạc. Đồng thời, thị trường hóa âm nhạc là biểu hiện cụ thể, tất yếu của công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực âm nhạc. Âm nhạc - một trong những lĩnh vực cốt lõi của công nghiệp văn hóa - không còn chỉ là hoạt động nghệ thuật thuần túy phục vụ mục đích thẩm mỹ, mà đã trở thành sản phẩm văn hóa có thể sản xuất, phân phối, tiêu thụ theo quy luật thị trường. Quá trình này vừa tạo cơ hội phát triển ngành công nghiệp âm nhạc, vừa đặt ra thách thức về cân bằng giữa giá trị nghệ thuật và lợi ích thương mại.

Đặc trưng quan trọng nhất của thị trường hóa âm nhạc là sự hình thành và vận hành của một cơ chế thương mại hoàn chỉnh, bao gồm ba khâu: sản xuất - phân phối - tiêu thụ âm nhạc. Âm nhạc không còn được sáng tác, biểu diễn đơn thuần vì đam mê nghệ thuật hay phục vụ cộng đồng, mà trở thành hoạt động kinh tế với mục tiêu tạo ra giá trị trao đổi và lợi nhuận. Cơ chế này tác động đến toàn bộ hệ thống âm nhạc từ khâu sáng tác, biểu diễn, phát hành cho đến tiêu dùng. Trong thực tiễn, thị trường hóa âm nhạc thể hiện rõ qua các biểu hiện sau: công nghệ hóa, số hóa sản phẩm âm nhạc; thể chế hóa quan hệ nghệ sĩ - doanh nghiệp qua hợp đồng thương mại; chuyên nghiệp hóa hoạt động quảng bá, marketing cho sản phẩm âm nhạc; tài sản hóa bản quyền âm nhạc thành sản phẩm trí tuệ được bảo hộ, có giá trị kinh tế; thương mại hóa sự kiện trình diễn qua các concert, liveshow với cấu trúc doanh thu phức hợp từ bán vé, bán hàng lưu niệm, tài trợ và quảng cáo.

- *Âm nhạc thị trường*

Âm nhạc thị trường được xem là sản phẩm của quá trình thị trường hóa âm nhạc. Âm nhạc thị trường thường dùng để chỉ loại hình ca khúc được sáng tác nhanh, theo xu hướng, thị hiếu của đại chúng, đặt hiệu quả thương mại và khả năng tiếp cận công chúng rộng rãi làm tiêu chí hàng đầu. Loại hình âm nhạc này thường tập trung vào những chủ đề gần gũi, khai thác cảm xúc, tìm kiếm sự đồng cảm của số đông. Các sản phẩm âm nhạc thị trường thường chú trọng đến tính giải trí, giai điệu dễ nghe, dễ nhớ, linh hoạt trong cách xử lý giai điệu, hòa âm, phối khí. Khi âm nhạc bị thị trường hóa, các nhà sản xuất phải tìm cách để tối ưu hóa lợi nhuận. Họ tiến hành nghiên cứu xu hướng, tìm hiểu thị hiếu công chúng, từ đó cho ra đời các tác phẩm âm nhạc phù hợp với mô hình đã kiểm chứng, hay nói cách khác là các sản phẩm được định hình bởi cơ chế thị trường.

Âm nhạc thị trường là hiện tượng khách quan, không thể phủ nhận trong bối cảnh kinh tế thị trường và sự phát triển của công nghiệp văn hóa. Âm nhạc thị trường Việt Nam không tồn tại biệt lập mà chịu ảnh hưởng sâu sắc từ làn sóng toàn cầu hóa văn hóa (sự xâm nhập của K-pop, US-UK pop, J-pop đã định hình thị hiếu của công chúng Việt Nam, đặc biệt là giới trẻ). Thay vì phủ nhận hoặc chống lại một cách cực đoan, cần có cách tiếp cận cân bằng: công nhận vai trò và giá trị của âm nhạc thị trường trong việc phục vụ nhu cầu giải trí đại chúng, đồng thời tìm cách nâng cao chất lượng nghệ thuật, tái thiết di sản trong các sản phẩm âm nhạc thương mại. Đây chính là thách thức lớn đặt ra cho các nhà giáo dục âm nhạc, các trường đại học nghệ thuật trong nghiên cứu, đào tạo và định hướng thị hiếu thẩm mỹ cho sinh viên.

3.1.2. Vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong âm nhạc

Bản sắc dân tộc, ở cấp độ cơ bản nhất là tổng thể các đặc trưng, giá trị và niềm tin riêng biệt của một cộng đồng dân tộc bao gồm nguồn gốc, lịch sử, ngôn ngữ và đặc điểm sinh học. Ở cấp độ cao hơn, bản sắc dân tộc là tập hợp những giá trị văn hóa, tinh thần, lối sống, phong tục, tập quán, ngôn ngữ, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng,... mang tính đặc trưng của một dân tộc, giúp phân biệt dân tộc này với dân tộc khác. Các yếu tố

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

cốt lõi hình thành bản sắc dân tộc bao gồm ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử và ký ức tập thể, giá trị đạo đức, lãnh thổ và biểu tượng quốc gia.

Nghị quyết số 3-NQ/TW của Đảng đã đưa ra những quan niệm chung nhất về bản sắc dân tộc. Theo đó, bản sắc dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hành trình lịch sử ngàn năm dựng nước và giữ nước, hội tụ những giá trị tinh thần bền vững của cộng đồng 54 dân tộc. Những giá trị ấy thể hiện ở tinh thần yêu nước thiết tha, ý chí tự lực tự cường; ở sức mạnh đoàn kết và ý thức cộng đồng nối kết từ cá nhân đến gia đình, từ làng xã đến Tổ quốc. Bản sắc dân tộc còn tỏa sáng qua lòng nhân ái, sự khoan dung, đạo lý trọng nghĩa tình; qua phẩm chất cần cù sáng tạo trong lao động; qua sự tinh tế trong giao tiếp ứng xử và nét giản dị trong sinh hoạt đời thường. Tất cả những giá trị này còn được thể hiện sinh động qua các hình thức văn hóa nghệ thuật mang dấu ấn độc đáo của dân tộc.

Bản sắc dân tộc đóng vai trò thiết yếu trong việc “định danh” và khẳng định vị thế của một đất nước trên bản đồ thế giới. Trong phạm vi quốc gia, bản sắc dân tộc tạo sự gắn kết xã hội, góp phần bảo tồn văn hóa, là nền tảng cho sự phát triển bền vững và tự chủ. Trong phạm vi quốc tế, bản sắc dân tộc giúp duy trì sự đa dạng và sự nhận thức về giá trị văn hóa của mỗi dân tộc, là cơ sở của sự giao lưu và hợp tác quốc tế. Bản sắc dân tộc không phải là một cấu trúc tĩnh mà thường bị chi phối bởi các nhu cầu và thách thức đương đại. Nó có cơ hội được tái tạo và làm mới thông qua sự kết hợp sáng tạo giữa truyền thống và hiện đại. Do đó, nỗ lực bảo tồn bản sắc dân tộc cần được hiểu là thúc đẩy sự thích ứng linh hoạt của nó, cho phép nó sàng lọc và kết hợp sáng tạo những ảnh hưởng mới trong khi vẫn giữ vững các giá trị cốt lõi đã được định hình qua hàng thế kỷ.

Trải qua hành trình lịch sử nghìn năm, bản sắc dân tộc Việt Nam đã kết tinh thành hệ giá trị văn hóa độc đáo: từ tinh thần yêu nước, tự cường, đoàn kết cộng đồng, đến phẩm chất nhân ái, trọng nghĩa, cần cù sáng tạo, cùng nét tinh tế giản dị trong ứng xử và sinh hoạt. Công nghiệp văn hóa không thể đạt được thành tựu nếu thiếu nền tảng từ di sản, phong tục, nghệ thuật dân gian và những đặc trưng mang tính bản địa. Những giá trị tinh thần này được thể hiện sinh động, đậm nét qua các hình thức nghệ thuật dân gian, trong đó âm nhạc là một trong những phương thức biểu đạt đặc sắc bản sắc văn hóa dân tộc.

Bối cảnh toàn cầu hóa vừa mang đến những thách thức, đồng thời cũng tạo nên những động lực mạnh mẽ thúc đẩy việc gìn giữ căn cước văn hóa. Sự xâm nhập mạnh mẽ của văn hóa đại chúng từ các nước phát triển thông qua internet, điện ảnh, âm nhạc... có thể lấn át các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Đối với thế hệ trẻ, việc tiếp xúc quá nhiều với các yếu tố ngoại lai có thể dẫn đến việc không hiểu rõ hoặc thiếu trân trọng bản sắc cội nguồn của mình, từ đó dẫn đến nguy cơ xói mòn và đồng hóa văn hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những thách thức, toàn cầu hóa cũng mang đến những cơ hội tái khẳng định và làm phong phú thêm bản sắc dân tộc, tăng cường giao lưu và hiểu biết văn hóa giữa các dân tộc với nhau. Việc phát huy bản sắc dân tộc thông qua các ngành công nghiệp văn hóa như điện ảnh, âm nhạc, hội họa... giúp tạo ra nguồn thu lớn, biến văn hóa thành nguồn lực kinh tế.

Nghệ thuật nói chung và nghệ thuật âm nhạc nói riêng, với tư cách là một bộ phận của văn hóa, là một hệ thống bao gồm nhiều yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ, gắn liền với bản sắc văn hóa dân tộc. Bản sắc văn hóa không phải là một cấu trúc tĩnh tại, bất biến mà luôn vận động. Quá trình tiếp xúc, tiếp thu có chọn lọc âm nhạc từ các nền văn hóa nước ngoài đã làm thay đổi các phương thức biểu đạt của âm nhạc Việt Nam. Vấn đề mang tính trọng yếu để bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong âm nhạc là tạo ra những sản phẩm nghệ thuật âm nhạc độc đáo, mang đậm dấu ấn Việt Nam. Điều này còn góp phần thiết lập tiềm năng và nâng cao giá trị cho sản phẩm văn hóa Việt trên thị trường quốc tế.

3.1.3. Chiến lược phát huy bản sắc dân tộc trong âm nhạc hiện đại

- *Chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp văn hóa theo định hướng giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc*

Nghị quyết số 3-NQ/TW của Đảng “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998). Quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng cũng khẳng định: “Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998). Chiến lược bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc đòi hỏi cách tiếp cận biện chứng: vừa chủ động hội nhập, giao lưu quốc tế để tiếp nhận có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại, vừa không ngừng đổi mới, loại bỏ những yếu tố lạc hậu, lỗi thời, tạo điều kiện cho bản sắc dân tộc phát triển phù hợp với thời đại. Trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đảng ta đã tiếp tục khẳng định: “Phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng bộ máy quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội”.

Chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa để giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục khẳng định và đề cao vị trí, vai trò quan trọng của con người trong sự nghiệp phát triển đất nước: “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021a: 262). Đảng và Nhà nước xác định mục tiêu và phương hướng để phát triển công nghiệp văn hóa: “Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021b: 330).

Triển khai Nghị quyết Đại hội XIII, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất” (Nguyễn Phú Trọng, 2024: 13). Trên cơ sở xem việc bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc là kim chỉ nam quan trọng, là định hướng cho sự phát triển văn hóa, Tổng Bí thư cho rằng chúng ta cần “quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá

trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại” (Nguyễn Phú Trọng, 2024: 12).

Về vai trò của văn hóa, văn nghệ trong giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, nhân cách con người, Nguyễn Phú Trọng khẳng định: *“Văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức, nhân cách con người, nâng cao bản lĩnh và ý thức dân tộc, làm cho phát triển kinh tế thị trường mà không băng hoại giá trị đạo đức xã hội, “hội nhập mà không hòa tan”*” (Nguyễn Phú Trọng, 2024: 19). Ngược lại, giáo dục đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu trong vấn đề xây dựng con người với tư cách “là kết tinh của văn hóa Việt Nam”. Giáo dục con người trong nền công nghiệp văn hóa phải gắn với nhiệm vụ chiến lược: “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”, đào tạo “người có văn hóa”.

Nhờ những chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, các ngành công nghiệp văn hóa như điện ảnh, kịch nói, hội họa, nhiếp ảnh, âm nhạc... ngày càng được quan tâm, chú trọng và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của đất nước. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là *“nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng, với những đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”* (Nguyễn Phú Trọng, 2024: 15).

- *Chính sách và định hướng của Đảng và Nhà nước về thúc đẩy sáng tạo, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số*

Năm 2016, Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã đề cập đến khái niệm “đổi mới sáng tạo” và khẳng định đổi mới sáng tạo cùng với khoa học, công nghệ trở thành động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế, xã hội đất nước: *“Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, làm cho khoa học, công nghệ thật sự là quốc sách hàng đầu”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019: 584); *“Động lực quan trọng nhất và cũng là điều kiện để đổi mới mô hình tăng trưởng là đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019: 667).

Năm 2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW đề cập đến 3 trụ cột Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: *“Nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của nước ta là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia”* (Bộ Chính trị, 2019).

Tại Đại hội XIII (2021), Đảng tiếp tục xác định: *“Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xem đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 214). Nghị quyết số 57-NQ/TW *“Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”*, Đảng tiếp tục nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số, xem đây sự đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực to lớn cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Một chiến lược quan trọng trong định hướng của Đảng và nhà nước về thúc đẩy sáng tạo, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số là tận dụng Trí tuệ nhân tạo (AI). Từ năm 2014, AI đã được đưa vào danh mục công nghệ cao ưu tiên phát triển ở Việt Nam. Đầu năm 2021, Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030” nhằm thúc đẩy nghiên cứu và triển khai công nghệ AI, với tầm nhìn đến năm 2030, Việt Nam sẽ lọt top 4 quốc gia dẫn đầu trong Hiệp hội quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và nhóm 50 nước dẫn đầu thế giới về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI (Thủ tướng Chính phủ, 2021).

Trí tuệ nhân tạo (AI) được sử dụng như một bước đột phá trong công cuộc chuyển đổi mô hình sản xuất và phân phối sản phẩm văn hóa nói chung và sản phẩm âm nhạc nói riêng: thay đổi cách thức sáng tác, lưu trữ, phân phối và tiêu thụ. Trí tuệ nhân tạo (AI) trở thành công cụ sáng tác số, có thể mô phỏng nhạc cụ dân tộc: đàn tranh, đàn bầu, sáo trúc,... kết hợp giữa nhạc điệu truyền thống và hiện đại. Cùng với sự phát triển của công nghệ số, chúng ta còn có thể tận dụng các kênh truyền thông, mạng xã hội để phổ biến, quảng bá các sản phẩm âm nhạc, tổ chức các lớp học trực tuyến về nhạc cụ dân tộc. Phát triển công nghiệp văn hóa hiện đại đòi hỏi năng lực tiếp cận và làm chủ công nghệ, đồng thời phải hướng đến việc số hóa di sản, số hóa quy trình sáng tạo, mở rộng nền tảng tiêu dùng văn hóa thông minh, số hóa chuỗi cung ứng.

- Phát huy vai trò tích cực của nghệ sĩ và công chúng

Chiến lược phát huy bản sắc dân tộc trong âm nhạc hiện đại đòi hỏi sự tham gia tích cực của nghệ sĩ và công chúng. Nghệ sĩ không chỉ là người sáng tạo mà còn là người kế thừa và phát triển di sản âm nhạc dân tộc, vừa bảo vệ giá trị truyền thống, vừa đóng vai trò cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa bản sắc Việt Nam và xu hướng quốc tế. Công chúng không đơn thuần là người tiếp nhận thụ động mà còn là người đồng sáng tạo ý nghĩa, có khả năng quyết định sự tồn tại và phát triển của các sản phẩm âm nhạc thông qua sự lựa chọn, lan truyền và bảo vệ giá trị văn hóa. Hai chủ thể này không tồn tại độc lập mà liên kết với nhau trong mối quan hệ biện chứng, tạo thành vòng tuần hoàn sáng tạo: văn nghệ sĩ sáng tạo từ đời sống và khát vọng của công chúng, công chúng tiếp nhận và phản hồi, từ đó thúc đẩy văn nghệ sĩ sáng tạo ở tầm cao hơn. Vòng tuần hoàn này chính là cơ chế nội sinh đảm bảo âm nhạc dân tộc vừa được bảo tồn vừa được phát triển một cách bền vững.

Đối với nghệ sĩ, trước hết, cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm văn hóa thông qua việc giáo dục, bồi dưỡng về giá trị văn hóa, lịch sử và âm nhạc truyền thống, định hướng trách nhiệm của nghệ sĩ trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, đồng thời khuyến khích nghệ sĩ tham gia điền dã và trải nghiệm thực tế tại các vùng văn hóa đặc sắc. Bên cạnh đó, cần phát triển năng lực sáng tạo kết hợp truyền thống và hiện đại, đào tạo kỹ năng liên ngành cho văn nghệ sĩ, phát triển năng lực số và truyền thông đa phương tiện.

Đối với công chúng, cần nâng cao nhận thức và thị hiếu âm nhạc thông qua giáo dục từ sớm (tích hợp âm nhạc truyền thống vào giáo dục phổ thông, tổ chức hòa nhạc và

biểu diễn âm nhạc tại trường), truyền thông giáo dục đại chúng (sản xuất chương trình truyền hình, podcast, nội dung số về âm nhạc truyền thống) và xây dựng văn hóa thưởng thức (hướng dẫn cách nghe có chiều sâu, giới thiệu yếu tố kỹ thuật, tạo thói quen tham gia sự kiện chất lượng). Ngoài ra, cần tạo cơ hội tiếp cận và trải nghiệm cho thế hệ trẻ bằng cách đa dạng hóa kênh phân phối, tổ chức sự kiện gần gũi (concert, festival, đưa vào không gian công cộng) và khuyến khích vai trò đồng sáng tạo thông qua mạng xã hội và các nền tảng tương tác. Văn hóa tiêu dùng có trách nhiệm cũng cần được củng cố và bồi đắp thông qua việc nâng cao ý thức bảo vệ bản quyền, khuyến khích tiêu dùng có lựa chọn với sản phẩm có giá trị văn hóa, và phát triển cộng đồng ủng hộ âm nhạc truyền thống.

Nhìn chung, chiến lược phát huy bản sắc dân tộc trong âm nhạc hiện đại cần dựa trên sự tham gia tích cực và đồng bộ của cả văn nghệ sĩ và công chúng. Văn nghệ sĩ cần nâng cao năng lực sáng tạo, trách nhiệm văn hóa và vai trò tiên phong. Công chúng cần được giáo dục về giá trị âm nhạc truyền thống, tạo điều kiện tiếp cận và trở thành người đồng sáng tạo. Sự tương tác hai chiều giữa nghệ sĩ và công chúng sẽ tạo nên vòng tuần hoàn sáng tạo bền vững, góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong bối cảnh hội nhập và hiện đại hóa.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế và giao lưu văn hóa

Hợp tác quốc tế và giao lưu văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc phát huy bản sắc âm nhạc dân tộc, là cơ hội để âm nhạc Việt Nam khẳng định vị thế, tiếp cận công nghệ hiện đại và mở rộng tầm ảnh hưởng quốc tế.

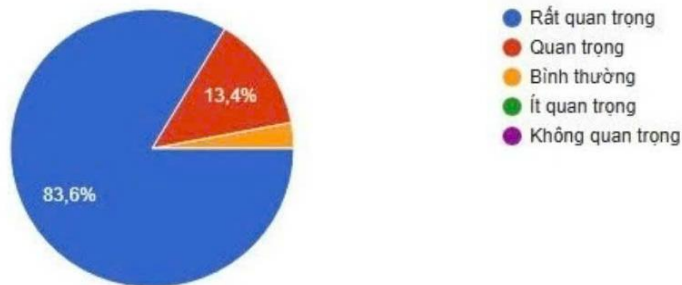
Chiến lược thúc đẩy hợp tác quốc tế và giao lưu văn hóa cần thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng và bình đẳng, chủ động và chọn lọc trong việc tiếp thu, đảm bảo tính hai chiều trong hợp tác. Các hình thức hợp tác chủ yếu bao gồm: tham gia các tổ chức quốc tế như UNESCO, Hội đồng Âm nhạc Quốc tế (IMC – International Music Council) và mạng lưới hợp tác ASEAN; tổ chức và tham gia các chương trình âm nhạc quốc tế, hội thảo học thuật về âm nhạc; cộng tác sản xuất với nhà sản xuất âm nhạc quốc tế. Mặt khác, cần học hỏi kinh nghiệm quốc tế về quản lý di sản (số hóa, lưu trữ, quản lý bản quyền), nâng cao năng lực số và kỹ năng sử dụng công nghệ mới nổi.

Đối với cơ sở đào tạo, cần phát triển chương trình liên kết với trường âm nhạc quốc tế, chia sẻ tài nguyên nghiên cứu và hợp tác thực hiện các dự án nghiên cứu về bảo tồn âm nhạc truyền thống. Để chiến lược thành công, cần có sự phối hợp đồng bộ từ Nhà nước (chính sách khuyến khích, hỗ trợ tài chính, đơn giản hóa thủ tục), cơ sở đào tạo (đổi mới chương trình, tăng cường liên kết quốc tế), và doanh nghiệp (đầu tư sản xuất, marketing quốc tế) nhằm quảng bá âm nhạc Việt Nam theo cách hiện đại và xây dựng cầu nối văn hóa giữa các quốc gia.

3.2. Thực trạng sáng tác và thưởng thức âm nhạc của thế hệ trẻ đương đại

Kết quả khảo sát cho thấy thói quen thưởng thức âm nhạc của người tham gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các nền tảng số. Trong đó, *YouTube* (80,6%), *TikTok* (70,1%) và các ứng dụng nghe nhạc như *Spotify*, *Apple Music*, *MP3*,... (65,7%) là ba kênh tiếp cận âm nhạc phổ biến nhất, trong khi các phương tiện truyền thống như *truyền hình* (11,9%)

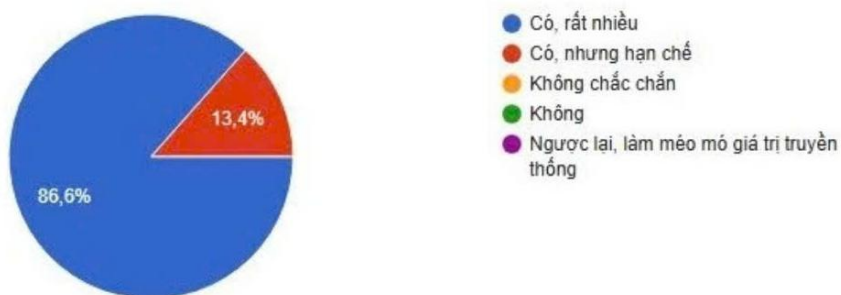
và *đài phát thanh* (7,5%) có tỷ lệ sử dụng tương đối thấp. Về thời lượng nghe nhạc, phần lớn người tham gia dành *1–2 giờ mỗi ngày* (40,3%), tiếp theo là nhóm nghe *trên 4 giờ* (23,9%) và *dưới 1 giờ* (20,9%), cho thấy âm nhạc là hoạt động hiện diện thường xuyên trong đời sống hằng ngày.



Biểu đồ 1. Mức độ quan trọng của việc bảo tồn bản sắc dân tộc trong âm nhạc

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Xét về thị hiếu thể loại, nhóm người được khảo sát thể hiện sự quan tâm tương đối đồng đều giữa *nhạc dân gian/ dân ca truyền thống* (36%) và *nhạc Pop* (35,5%), trong khi các thể loại như *Rap/ Rock/ Hip-hop* chiếm tỷ lệ thấp hơn (20,7%). Đáng chú ý, mức độ tiếp cận với các *ca khúc khai thác chất liệu dân gian* khá cao: có đến 50,7% *thỉnh thoảng*, 29,9% *thường xuyên* và 11,9% *rất thường xuyên* nghe các ca khúc dạng này. Điều đó phản ánh sự hiện diện ổn định của chất liệu dân gian trong đời sống âm nhạc đương đại.



Biểu đồ 2. Mức độ đóng góp của việc khai thác chất liệu dân gian trong âm nhạc thị trường đối với việc bảo tồn bản sắc văn hóa

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Trong nhận thức, phần lớn người tham gia đánh giá việc bảo tồn bản sắc dân tộc trong âm nhạc là *rất quan trọng* (83,6%) và đa số tin rằng *khai thác chất liệu dân gian trong âm nhạc thị trường sẽ có đóng góp tích cực cho bảo tồn văn hoá* (86,6%). Tuy nhiên, mức độ chủ động tìm hiểu bản gốc của các ca khúc dân gian được cải biên chỉ ở mức trung bình: 64,2% *chỉ thỉnh thoảng*, trong khi chỉ 17,9% *thường xuyên* tìm hiểu. Ngoài ra, khảo sát cũng ghi nhận xu hướng tiếp cận công nghệ trong lĩnh vực âm nhạc: 47,5% cho biết có sử dụng hoặc thỉnh thoảng sử dụng công nghệ/AI, song vẫn còn 20% chưa biết cách tiếp cận với hình thức này.

Như vậy, có thể thấy bối cảnh thị trường hóa âm nhạc hiện nay đã chi phối sâu sắc xu hướng sáng tác và thưởng thức âm nhạc của thế hệ trẻ. Đặc điểm nổi bật của xu hướng sáng tác hiện nay là tính nhanh chóng và theo thị hiếu. Các ca khúc được sáng tác với nội dung và cấu trúc hình thức đơn giản, lối xây dựng giai điệu cùng hòa âm phối khí mang phong cách chung: nhẹ, lạ và “bắt tai”. Nội dung và cấu trúc tác phẩm được đơn giản hóa, ưu tiên tính mới lạ hơn giá trị thẩm mỹ. Ca khúc tập trung vào đề tài tình yêu với các khía cạnh tiêu cực (thất tình, tan vỡ, phản bội), nhằm khai thác cảm xúc và tạo sự đồng cảm và gia tăng khả năng lan truyền của tác phẩm. Giai điệu càng lạ càng được ưa chuộng, tập trung vào tiết tấu và cách thể hiện độc đáo. Các sáng tác gần đây đang chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ âm nhạc quốc tế, đặc biệt là phong cách pop phương Tây và châu Á. Do ca khúc thị trường của các nước Châu Á hiện nay đều xuất phát từ ca khúc Pháp – Anh (nhạc Pop) nên giai điệu luôn bị chi phối bởi tiết điệu (Tango, Rumba, Ballad, Slow rock...). Qua quá trình phát triển, dòng nhạc này đã hấp thụ và chuyển hóa các yếu tố từ nhiều nền âm nhạc: phong cách Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản, pop Mỹ với sự pha trộn, hòa quyện nhiều thể loại giữa nhạc pop, country, jazz, blues và gần đây là rap, tạo nên một phong cách âm nhạc hỗn hợp đặc trưng của thời đại toàn cầu hóa.

Hiện nay, khai thác làn điệu dân ca và chất liệu âm nhạc dân gian đã trở thành một trong những xu hướng chính của âm nhạc thị trường Việt Nam đương đại. Xu hướng này được hình thành dựa trên hai yếu tố: khả năng dễ dàng được công chúng chấp nhận nhờ tính quen thuộc của các yếu tố văn hóa bản địa; sức hút đối với khán giả trong nước lẫn quốc tế khi các giá trị văn hóa dân tộc được trình bày dưới hình thức hiện đại. Các phương thức phổ biến để âm nhạc thị trường làm mới âm nhạc dân tộc là biến đổi hình thức biểu diễn, rock hóa/ pop hóa các giai điệu dân ca. Điển hình là ca khúc “Bắc Bling”, trong đó làn điệu dân ca Bắc bộ được tái cấu trúc theo phong cách nhạc pop với tiết tấu hiện đại và hòa âm phương Tây. Các tác phẩm như “Chiếc khăn Piêu”, “Xuống chợ” được tái hiện bằng cách cover, remix lại các bài dân ca hoặc ca khúc mang âm hưởng dân ca. Điểm chung của các phương thức khai thác trên là tính đại chúng được ưu tiên hàng đầu với nội dung dễ tiếp cận, không đòi hỏi kiến thức chuyên sâu và hình thức bắt mắt, lạ tai, thu hút thính giác, thị giác. Tuy nhiên, việc khai thác âm hưởng dân gian và văn hóa dân tộc trong nhiều trường hợp chỉ mang tính bề nổi, phục vụ mục đích đáp ứng thị hiếu số đông hơn là bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa. Xu hướng này phản ánh mâu thuẫn cơ bản giữa mục tiêu thương mại và trách nhiệm bảo tồn văn hóa. Khi các yếu tố dân gian được khai thác chủ yếu vì giá trị thương mại, chúng có nguy cơ bị đơn giản hóa, méo mó hoặc mất đi ý nghĩa văn hóa nguyên bản. Việc bảo tồn giá trị và bản sắc văn hóa dân tộc thường bị đặt xuống hàng thứ yếu so với khả năng thu hút và tạo doanh thu.

Khai thác chất liệu dân gian trong âm nhạc thị trường thể hiện hai mặt đối lập. Về mặt tích cực, xu hướng này đóng vai trò cầu nối quan trọng, đưa di sản văn hóa dân tộc đến gần hơn với công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ thông qua ngôn ngữ và hình thức trình diễn âm nhạc đương đại. Tuy nhiên, mặt trái của quá trình này là nguy cơ văn hóa truyền

thông bị thương mại hóa và biến dạng khi các giá trị văn hóa sâu xa bị đơn giản hóa để phục vụ mục đích kinh tế. Do đó, con đường phát triển bền vững đòi hỏi sự hài hòa giữa ba trụ cột: sáng tạo đổi mới, hiệu quả thương mại và nghĩa vụ bảo tồn-phát huy bản sắc dân tộc.

Trong bối cảnh đó, thực tiễn âm nhạc đại chúng Việt Nam đương đại cũng ghi nhận những mô hình khai thác chất liệu dân gian đạt hiệu quả nghệ thuật và sức lan tỏa xã hội rõ rệt, qua đó cho thấy thị hiếu công chúng không đối lập với giá trị truyền thống nếu được định hướng phù hợp. Các sản phẩm của Hoàng Thùy Linh như Bánh trôi nước, Để Mị nói cho mà nghe, See tình là mình chúng tiêu biểu cho việc tái cấu trúc thành công chất liệu dân gian thông qua sự kết hợp giữa ngôn ngữ âm nhạc hiện đại, mỹ học thị giác đương đại và hệ thống biểu tượng văn hóa truyền thống, tạo được sự cộng hưởng mạnh mẽ với công chúng trẻ và mở rộng khả năng hiện diện của văn hóa Việt Nam trong không gian giao lưu quốc tế. Bên cạnh đó, việc vận dụng truyện cổ tích Tấm Cám trong một số sản phẩm âm nhạc đương đại cho thấy những hướng tiếp cận linh hoạt trong chuyển hóa di sản văn học dân gian vào âm nhạc thị trường. MV Anh ơi ở lại (Chi Pu) diễn giải lại câu chuyện từ góc nhìn của nhân vật Cám, tập trung khai thác đời sống nội tâm và cảm thức chủ thể nữ, trong khi Vũ trụ có anh (Phương Mỹ Chi) chọn lọc các chi tiết mang tính biểu trưng để kiến tạo một không gian ý nghĩa mới, phản ánh quan niệm hạnh phúc và bản sắc cá nhân trong bối cảnh đương đại. Những trường hợp này cho thấy, chất liệu dân gian hoàn toàn có thể trở thành nguồn lực sáng tạo hiệu quả trong âm nhạc thị trường khi được vận dụng trên nền tảng hiểu biết văn hóa và chiến lược nghệ thuật phù hợp, đồng thời cung cấp luận cứ thực tiễn quan trọng cho việc định hướng thị hiếu và công tác đào tạo trong các trường đại học nghệ thuật.

3.3. Vai trò của trường đại học nghệ thuật trong nghiên cứu, đào tạo và định hướng thị hiếu âm nhạc cho sinh viên

Quá trình công nghiệp hóa văn hóa và thị trường hóa âm nhạc đang đặt ra yêu cầu mới cho các trường đại học nghệ thuật: cần xây dựng một mô hình đào tạo có khả năng đáp ứng đồng thời các mục tiêu bảo tồn văn hóa, đổi mới sáng tạo và thích ứng thị trường. Trường đại học nghệ thuật không đơn thuần là nơi truyền thụ kỹ năng nghề nghiệp mà còn là trung tâm nghiên cứu, lưu giữ di sản văn hóa nghệ thuật và định hình thị hiếu thẩm mỹ cho thế hệ trẻ - những người sẽ trở thành nghệ sĩ, nhà sáng tạo và người dẫn dắt xu hướng văn hóa trong tương lai. Trong bối cảnh âm nhạc thị trường đang chiếm ưu thế về số lượng, không gian trình diễn và giá trị kinh tế, việc các trường đại học nghệ thuật xác định đúng vai trò cũng như phát huy hiệu quả các chức năng của mình trở thành yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững của nền âm nhạc Việt Nam - vừa hiện đại, vừa đậm đà bản sắc dân tộc.

3.3.1. Vai trò của trường đại học nghệ thuật trong nghiên cứu

Vai trò đầu tiên và cơ bản nhất của trường đại học nghệ thuật trong lĩnh vực nghiên cứu là bảo tồn di sản âm nhạc dân tộc thông qua hoạt động khoa học có hệ thống. Theo định hướng của UNESCO, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể không chỉ dừng lại ở việc giữ gìn mà còn bao gồm việc phát huy các giá trị văn hóa trong đời sống hiện tại một cách

phù hợp và sáng tạo. Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, các trường đại học nghệ thuật cần đi tiên phong trong việc số hóa tài liệu âm nhạc truyền thống thông qua việc xây dựng hệ thống lưu trữ số hóa các tư liệu âm nhạc dân gian, các công trình nghiên cứu về âm nhạc dân tộc. Ngoài ra, cần thu thập, ghi âm, quay phim các buổi trình diễn của nghệ nhân, ký âm các làn điệu dân ca, và lưu trữ dưới dạng dữ liệu số với các tiêu chuẩn kỹ thuật cao. Từ đây, có thể chuẩn hóa dữ liệu để thành lập thư viện số với hệ thống phân loại khoa học. Thư viện số không chỉ đảm bảo tính bền vững của tư liệu mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và chia sẻ dữ liệu một cách rộng rãi.

Bên cạnh việc nghiên cứu lý thuyết và phương pháp luận về âm nhạc dân tộc, các trường đại học nghệ thuật còn cần nghiên cứu về thị trường hóa âm nhạc và bản chất của âm nhạc thị trường như: đặc điểm và xu hướng của âm nhạc thị trường Việt Nam, thói quen tiêu thụ âm nhạc của thế hệ trẻ, tác động của thị trường hóa đến bản sắc dân tộc, các mô hình thành công trong việc kết hợp giá trị thương mại với bảo tồn bản sắc văn hóa. Đây là lĩnh vực nghiên cứu tương đối mới tại Việt Nam, đòi hỏi cách tiếp cận liên ngành kết hợp giữa âm nhạc học, kinh tế học, xã hội học và văn hóa học. Kết quả nghiên cứu không chỉ phục vụ cho việc cập nhật nội dung giảng dạy mà còn cung cấp thông tin hữu ích cho sinh viên trong việc định hướng sự nghiệp. Các trường đại học nghệ thuật cần đẩy mạnh hoạt động xuất bản các công trình nghiên cứu về âm nhạc dân tộc, lý thuyết âm nhạc, các vấn đề đương đại của nghệ thuật âm nhạc. Ngoài ra, việc tổ chức hội thảo khoa học, xuất bản tạp chí chuyên ngành, giáo trình và sách chuyên khảo không chỉ đóng góp vào kho tàng tri thức chung mà còn nâng cao uy tín học thuật của cơ sở đào tạo.

Ngoài ra, Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 theo Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã mở ra cơ hội cho các trường đại học nghệ thuật ứng dụng AI trong bảo tồn âm nhạc. Công nghệ AI có thể hỗ trợ phục dựng các tư liệu bị hư hỏng, phân tích đặc trưng âm nhạc của từng vùng miền, thậm chí mô phỏng âm thanh của các nhạc cụ dân tộc truyền thống. Ngoài ra, các công nghệ như VR (Thực tế ảo) và AR (Thực tế tăng cường) có thể được ứng dụng để tái hiện không gian biểu diễn truyền thống, giúp sinh viên và công chúng có trải nghiệm sống động về bối cảnh văn hóa của các loại hình âm nhạc dân gian.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiềm năng tích cực, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực âm nhạc cũng đặt ra những thách thức mới về phương diện học thuật và đạo đức nghề nghiệp. Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng tham gia sâu vào quá trình sáng tạo âm nhạc, một hiện tượng đáng lưu ý là sự xuất hiện của “âm nhạc dân gian giả” (deepfake music), khi các thuật toán có thể mô phỏng giai điệu, thang âm, nhạc cụ và phong cách vùng miền mà không gắn với không gian văn hóa – lịch sử nguyên bản. Điều này đặt ra yêu cầu phải phân biệt rõ ranh giới giữa tái tạo sáng tạo và sao chép máy móc, phải nhận diện rõ vấn đề tính xác thực văn hóa (*cultural authenticity*) trong khai thác chất liệu dân gian. Trước thực tế đó, vai trò của trường đại học nghệ thuật không chỉ dừng lại ở việc trang bị kỹ năng sử dụng công nghệ, mà còn

bao gồm trách nhiệm nghiên cứu, thẩm định và định chuẩn việc ứng dụng AI trong sáng tạo âm nhạc trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về giá trị văn hóa, nguồn gốc và ngữ cảnh của di sản âm nhạc dân tộc. Việc tích hợp các nghiên cứu và học phần liên quan đến đạo đức nghệ thuật số, quyền tác giả và trách nhiệm văn hóa trong môi trường AI là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm rằng công nghệ trở thành công cụ hỗ trợ tái thiết di sản, thay vì làm rỗng hóa bản sắc.

3.3.2. Vai trò của trường đại học nghệ thuật trong đào tạo

Với quan điểm coi Giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu trong việc xây dựng “con người văn hóa”, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: *“Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài là công việc vừa có tính chiến lược, vừa mang tính cấp bách của toàn Đảng, toàn dân, trước hết là trách nhiệm của các nhà trường, của ngành Giáo dục - đào tạo”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 242). Nhiệm vụ của ngành Giáo dục - đào tạo là *“xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, ý thức công dân,... làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách”*. Điều này khẳng định rõ hơn nữa vai trò của trường đại học nghệ thuật trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền công nghiệp văn hóa.

Để làm được điều này, trước hết, các trường đại học cần xây dựng chương trình đào tạo tích hợp, cân bằng giữa lý thuyết và thực hành, giữa âm nhạc truyền thống và hiện đại: phương pháp phân tích - trích xuất đặc trưng văn hóa từ âm nhạc truyền thống; kỹ thuật chuyển hóa các yếu tố truyền thống sang ngôn ngữ âm nhạc đương đại; nguyên tắc đạo đức trong việc khai thác chất liệu dân gian. Cần xây dựng các mô hình tích hợp âm nhạc dân gian vào dự án thực hành cho sinh viên chuyên ngành như: nghiên cứu và tái hiện một loại hình âm nhạc dân gian, sáng tác tác phẩm kết hợp làn điệu dân ca với thể loại đương đại, sản xuất MV ca nhạc có yếu tố văn hóa dân tộc. Các dự án này sẽ giúp sinh viên có thể sáng tạo ra các sản phẩm âm nhạc vừa có giá trị kinh tế, vừa bảo tồn được bản sắc dân tộc, tránh xu hướng giản lược quá mức hoặc làm sai lệch ngữ cảnh văn hóa của các giá trị truyền thống.

Nhằm giúp sinh viên có khả năng cạnh tranh trong môi trường công nghiệp văn hóa, chương trình đào tạo cũng cần tích hợp các nội dung về Truyền thông đa phương tiện và Năng lực số như: sản xuất âm nhạc hiện đại, kỹ năng sáng tác kết hợp nhiều thể loại, chiến lược Marketing và quản lý nghệ thuật, quyền tác giả và quyền liên quan trong âm nhạc, kỹ năng truyền thông và xây dựng thương hiệu cá nhân,... Chương trình đào tạo nên tích hợp kiến thức về văn hóa học, xã hội học, tâm lý học nghệ thuật, kinh tế văn hóa và công nghệ thông tin. Cách tiếp cận liên ngành giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện về vai trò, giá trị của âm nhạc trong xã hội, đồng thời phát triển tư duy phê phán, khả năng phân tích đa chiều.

Dưới góc độ kinh tế sáng tạo, bản sắc dân tộc không chỉ là giá trị văn hóa tinh thần mà còn là nguồn lực có thể được định giá và chuyển hóa thành lợi thế cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Trong bối cảnh đó, trường đại học nghệ thuật cần mở rộng mục tiêu đào tạo từ việc hình thành “người làm nghệ thuật” sang bồi dưỡng “chủ thể kinh tế

sáng tạo”, giúp sinh viên hiểu cách xây dựng giá trị thương hiệu dựa trên căn cước văn hóa, định vị sản phẩm âm nhạc trong chuỗi giá trị của công nghiệp văn hóa, và tiếp cận thị trường trong nước cũng như quốc tế một cách chuyên nghiệp và bền vững.

Ngoài kiến thức, kỹ năng chuyên môn, sinh viên cũng cần được đào tạo các kỹ năng mềm như: giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, quản lý thời gian, tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, khả năng thích ứng với thay đổi. Đặc biệt quan trọng là việc giáo dục về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm văn hóa và ý thức bảo vệ bản sắc dân tộc - những phẩm chất cần thiết cho một nghệ sĩ không chỉ thành công về mặt thương mại mà còn đóng góp tích cực cho sự phát triển văn hóa của đất nước.

Phương pháp giảng dạy cần chuyển từ mô hình truyền thụ một chiều sang mô hình học tập chủ động, trong đó sinh viên được trải nghiệm thực tế và tự mình khám phá kiến thức. Các hoạt động như điền dã thu thập tư liệu âm nhạc dân gian, phỏng vấn nghệ nhân, tham gia các lễ hội truyền thống, thực hiện các dự án sáng tác kết hợp truyền thống - hiện đại giúp sinh viên có hiểu biết sâu sắc và gắn bó với giá trị văn hóa dân tộc. Các trường đại học cũng cần tận dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng giảng dạy. Việc xây dựng các khóa học trực tuyến, học liệu số tương tác và sử dụng các công cụ công nghệ mới (phần mềm sáng tác, phòng thu ảo, công nghệ VR/AR) không chỉ đáp ứng xu thế chuyển đổi số mà còn tạo điều kiện cho sinh viên làm quen với môi trường làm việc hiện đại.

Để đảm bảo sinh viên có khả năng thích ứng với môi trường làm việc thực tế ngay sau khi tốt nghiệp, các trường đại học nghệ thuật cần có sự liên kết chặt chẽ với các đơn vị trong ngành công nghiệp âm nhạc và văn hóa. Ngoài ra, có thể thành lập các trung tâm hỗ trợ sinh viên phát triển và thương mại hóa sản phẩm nghệ thuật với các dịch vụ như: hỗ trợ sản xuất âm nhạc chuyên nghiệp, kết nối với nhà đầu tư và đối tác, kết nối nhạc sĩ với ca sĩ, tư vấn pháp lý về bản quyền, hỗ trợ công bố, quảng bá những sản phẩm âm nhạc có chất lượng,...

Đặc biệt, trong bối cảnh lý luận - phê bình âm nhạc Việt Nam còn hạn chế, đội ngũ tác giả chuyên viết lý luận, phê bình âm nhạc không nhiều và lý luận - phê bình chưa tạo nên tác động xã hội đối với âm nhạc thị trường, các trường đại học nghệ thuật cần có chương trình đào tạo riêng cho lĩnh vực này. Các trường đại học nghệ thuật cần có chương trình đào tạo riêng cho lĩnh vực này để đảm bảo có đủ nhân lực thực hiện vai trò nghiên cứu, định hướng thẩm mỹ và góp phần điều tiết sự phát triển của âm nhạc trong bối cảnh thị trường hóa.

Khi được triển khai đồng bộ và hiệu quả, các chiến lược này không chỉ nâng cao khả năng cạnh tranh của sinh viên trên thị trường lao động mà còn đảm bảo họ có đủ công cụ, kiến thức và mạng lưới để theo đuổi sự nghiệp nghệ thuật gắn liền với bản sắc văn hóa dân tộc - một điều kiện tiên quyết cho sự phát triển bền vững của nền âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên hội nhập.

3.3.3. Vai trò của trường đại học nghệ thuật trong việc định hướng thị hiếu âm nhạc cho sinh viên

Một trong những vai trò cốt lõi của trường đại học nghệ thuật là định hướng, trang bị cho sinh viên khả năng nhận diện, phân loại và đánh giá các sản phẩm âm nhạc theo thang giá trị về chất lượng nghệ thuật, chiều sâu văn hóa cũng như tác động của sản phẩm đối với công chúng. Việc định hướng thị hiếu cần phải đi đôi với giáo dục về đạo đức nghệ thuật và trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc. Thay vì tiếp nhận thụ động các xu hướng thị trường, sinh viên cần được khuyến khích phát triển tư duy phản biện - khả năng đặt câu hỏi, phân tích, đánh giá các hiện tượng âm nhạc một cách độc lập thông qua thảo luận, viết bài phê bình, tham gia các diễn đàn âm nhạc. Sinh viên cần hiểu rằng họ không chỉ là người tiêu dùng âm nhạc mà còn là những người có khả năng tạo ra và định hình xu hướng mới thay vì “chạy theo đám đông”.

Thông qua giáo dục, trường đại học nghệ thuật không chỉ đem đến cho sinh viên nền tảng kiến thức vững chắc về âm nhạc, văn hóa - nghệ thuật mà còn cần cung cấp cho sinh viên kỹ năng truyền thông hiện đại: xây dựng và quản lý thương hiệu cá nhân, sử dụng có hiệu quả các nền tảng mạng xã hội, sáng tạo nội dung số thu hút, khả năng nhận diện xu hướng, tầm nhìn chiến lược về phát triển bền vững và đặc biệt là sự tự tin cùng quyết tâm theo đuổi giá trị chân chính. Sinh viên cần được khuyến khích để trở thành đại sứ văn hóa, là những người có khả năng tạo ra xu hướng mới, định hình thị hiếu công chúng và phát triển ngành công nghiệp âm nhạc theo hướng tích cực.

Sinh viên cần được giáo dục về vai trò của mình không chỉ là người sáng tạo mà còn là người tiêu dùng văn hóa có trách nhiệm. Điều này bao gồm: ý thức bảo vệ bản quyền, khả năng đánh giá chất lượng sản phẩm văn hóa, xu hướng ủng hộ các sản phẩm có giá trị nghệ thuật và văn hóa cao. Vai trò định hướng âm nhạc cho thế hệ trẻ của trường đại học nghệ thuật không phải là “áp đặt” thành những người định hình xu hướng văn hóa tích cực. Khi thế hệ nghệ sĩ trẻ hiểu sâu sắc giá trị bản sắc dân tộc, có năng lực “chuyển ngữ” văn hóa sáng tạo, và được trang bị công cụ truyền thông hiện đại, họ sẽ tạo ra những sản phẩm âm nhạc vừa có sức cạnh tranh thị trường, vừa góp phần bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Đây chính là con đường để “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Trong bối cảnh đó, việc đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế cho phép nhìn nhận rõ hơn mối quan hệ giữa bảo tồn bản sắc văn hóa và phát triển công nghiệp âm nhạc trong môi trường toàn cầu hóa. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc phát huy bản sắc dân tộc trong công nghiệp âm nhạc hoàn toàn có thể song hành với thành công thương mại toàn cầu. Trường hợp Hàn Quốc là một minh chứng điển hình khi K-pop không chỉ tiếp thu các yếu tố âm nhạc phương Tây mà còn tái cấu trúc các yếu tố truyền thống như nhạc cụ dân tộc, mỹ học Hanbok, triết lý phương Đông trong trình diễn và xây dựng hình ảnh nghệ sĩ. Thành công này gắn liền với vai trò của các cơ sở đào tạo nghệ thuật, nơi sinh viên được trang bị đồng thời năng lực sáng tạo, kỷ luật nghề nghiệp và tư duy công nghiệp văn hóa. So sánh này cho thấy, bài toán bảo tồn căn cước văn hóa không đối lập với thị trường, mà phụ thuộc vào chiến lược đào tạo và định hướng dài hạn.

4. Kết luận

Công nghiệp văn hóa trong thời đại số đang mở ra những khả năng sáng tạo chưa từng có, đồng thời làm thay đổi sâu sắc môi trường sản xuất, phân phối và thưởng thức âm nhạc. Trước bối cảnh đó, việc thúc đẩy nội lực văn hóa trở thành nhiệm vụ cấp thiết nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của âm nhạc Việt Nam trong dòng chảy toàn cầu hóa. Kết quả nghiên cứu khảo sát cho thấy thế hệ trẻ vừa chịu ảnh hưởng mạnh từ âm nhạc quốc tế, vừa thể hiện sự quan tâm đáng kể đối với chất liệu dân gian - một tín hiệu quan trọng cho thấy bản sắc dân tộc vẫn còn là nguồn lực hấp dẫn nếu được khai thác bằng những hình thức mới phù hợp với văn hóa nghe nhìn và thẩm mỹ của thời đại. Trong bối cảnh đó, các trường đại học nghệ thuật cần đóng vai trò trung tâm trong việc bồi dưỡng tri thức văn hóa - âm nhạc, phát triển năng lực sáng tạo và định hướng thị hiếu thẩm mỹ cho sinh viên. Không chỉ dừng ở giảng dạy, các cơ sở đào tạo cần xây dựng môi trường trải nghiệm, tăng cường diễn dã, mở rộng hợp tác quốc tế, tích hợp công nghệ và đặc biệt là khuyến khích sinh viên sáng tạo dựa trên chất liệu dân tộc bằng tư duy hiện đại. Sự kết hợp giữa tri thức truyền thống, công nghệ số và tư duy sáng tạo của thế hệ trẻ chính là con đường giúp âm nhạc Việt Nam vừa giữ gìn căn cước văn hóa, vừa khẳng định vị thế trong thị trường âm nhạc quốc tế.

Tóm lại, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong âm nhạc không chỉ là trách nhiệm của nghệ sĩ hay các tổ chức văn hóa mà còn là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở giáo dục nghệ thuật. Khi nhà trường trở thành nơi khơi nguồn và nuôi dưỡng bản sắc thông qua đào tạo, nghiên cứu và định hướng thẩm mỹ cho sinh viên, công nghiệp văn hóa Việt Nam sẽ có thêm nền tảng vững chắc để phát triển bền vững và lan tỏa những giá trị văn hóa Việt Nam trong thời đại mới.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Chính trị (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Truy cập từ: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-52-nqtw-ngay-2792019-cua-bo-chinh-tri-ve-mot-so-chu-truong-chinh-sach-chu-dong-tham-gia-cuoc-cach-mang-cong-5715>
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1998). *Nghị quyết số 3-NQ/TW về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Truy cập từ: <https://bvhttdl.gov.vn/van-ban-quan-ly/595.htm>
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2019). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới* (phần II: Đại hội X, XI, XII). Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập I). Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập II). Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hà Huy Giáp, Nguyễn Xuân Khoát (1972). *Về tính dân tộc trong âm nhạc Việt Nam*. Viện Âm nhạc.
- Lê Ngọc Trà (Tập hợp và giới thiệu). *Văn hóa Việt Nam đặc trưng và cách tiếp cận*. Nxb Giáo dục.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

- Nguyen, T. T. N. (2024). Music education in fostering student competencies and cultural identity in Vietnamese primary schools: A systematic review and future implications. *IJIRME Journal*, 3(10). Truy cập từ: <https://ijirme.com/v3i10/17.php>
- Nguyễn Phú Trọng (2021). Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. *Tạp chí Cộng sản*, 979, 9.
- Nguyễn Phú Trọng (2024). *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Thủ tướng Chính phủ (2021). *Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030*. Truy cập từ: <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=202565&tagid=6&type=1>

MÔ HÌNH STEAM TRONG GIẢNG DẠY THANH NHẠC: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ KHẢ NĂNG NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG GIỌNG HÁT NGƯỜI VIỆT TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Nguyễn Đăng Khoa

Khoa Thanh nhạc, Học viện Âm nhạc Huế

Email: nguyendangkhoa.hvan@gmail.com

Tóm tắt

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, giáo dục nghệ thuật đang đứng trước yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng sự phát triển của khoa học, công nghệ và nhu cầu sáng tạo của người học. Nghiên cứu này tập trung phân tích khả năng vận dụng phương pháp giáo dục STEAM (Science - Technology - Engineering - Arts - Mathematics) vào giảng dạy Thanh nhạc. Trên cơ sở tổng quan lý thuyết, khảo sát các công trình trong nước và quốc tế, nghiên cứu làm rõ những cơ hội, thách thức và điều kiện cần thiết để triển khai STEAM trong đào tạo Thanh nhạc, cũng như làm rõ vai trò STEAM trong việc nhận diện đặc trưng giọng hát của người Việt. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc tích hợp STEAM có thể góp phần nâng cao năng lực thực hành biểu diễn, kích thích tư duy sáng tạo, tăng cường khả năng ứng dụng công nghệ và mở rộng không gian học tập. Bên cạnh đó còn góp phần phát triển lý luận về giáo dục liên ngành trong nghệ thuật và cung cấp tài liệu tham khảo cho các cơ sở đào tạo khi xây dựng, thiết kế chương trình dạy học, ứng dụng công nghệ cũng như gìn giữ và phát triển bản sắc giọng hát của người Việt trong đào tạo Thanh nhạc.

Từ khoá: Giáo dục STEAM, Thanh nhạc, Phương pháp dạy học liên ngành, Chuyển đổi số, Trí tuệ nhân tạo trong âm nhạc, Đặc trưng giọng hát của người Việt

Steam model in vocal music teaching: Opportunities, challenges, and the ability to identify the characteristics of vietnamese voices in the digital age

Abstract

In the context of rapid digital transformation, arts education is facing the need to innovate teaching methods to meet the development of science and technology and the creative needs of learners. This study focuses on analyzing the applicability of the STEAM (Science - Technology - Engineering - Arts - Mathematics) educational method to teaching vocal music. Based on a theoretical overview and a survey of domestic and international works, the study clarifies the opportunities, challenges, and necessary conditions for implementing STEAM in vocal music training, as well as clarifying the role of STEAM in identifying the vocal characteristics of Vietnamese people. The research results show that integrating STEAM can contribute to improving performance skills, stimulating creative thinking, enhancing the application of technology, and expanding the learning space. Furthermore, it contributes to the development of interdisciplinary education theory in the arts and provides reference materials for training institutions when building and designing curricula, applying technology, and

preserving and developing the unique vocal identity of Vietnamese singers in vocal training.

Keywords: STEAM education, Vocal music, Interdisciplinary teaching methods, Digital transformation, Artificial intelligence in music, Characteristics of the Vietnamese singing voice.

1. Mở đầu

Hiện nay, tại Việt Nam, ngành Thanh nhạc (*vocal Performance*) chủ yếu giảng dạy dựa trên phương pháp đào tạo truyền thống, trọng tâm là kinh nghiệm cá nhân của giảng viên và khả năng cảm thụ, năng khiếu của sinh viên. Cách tiếp cận này đã góp phần tạo nên nhiều thế hệ ca sỹ, nghệ sỹ có trình độ chuyên môn cao. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học giọng hát (*the Science of the singing voice*) và các công cụ kỹ thuật số hỗ trợ trong đào tạo âm nhạc nói chung trong đó có Thanh nhạc, thì việc cập nhật thêm phương pháp giảng dạy mang tính định lượng là yêu cầu tất yếu đối với ngành Thanh nhạc trong thời đại số, nhất là trong việc đo lường sự tiến bộ của sinh viên, chuẩn hóa kỹ thuật thanh nhạc và khách quan hóa⁷ các tiêu chí đánh giá năng lực của sinh viên. Bên cạnh đó, trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục bao gồm giáo dục nghệ thuật, xu hướng liên ngành (*interdisciplinary learning*) đang trở thành hướng đi tất yếu thì mô hình STEAM (*Science - Technology - Engineering - Art - Mathematics*) là bước phát triển mới của giáo dục tích hợp. Theo đó, STEAM là thuật ngữ được mở rộng từ STEM được định nghĩa bởi Yakman (2006: 01), một nhà giáo dục STEAM nổi tiếng của Mỹ đến từ Học viện kỹ thuật Virginia tại hội nghị khoa học về giáo dục công nghệ, với nội dung “*STEAM là mô hình giáo dục tích hợp trong đó các môn học truyền thống khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học được cấu trúc lại thành một thể thống nhất*”.

Theo cơ sở dữ liệu Eric⁸, các công trình quốc tế tập trung nhiều vào việc ứng dụng STEAM nhằm phát triển năng lực tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề của người học. Özer & Demirbatır (2023) đã nghiên cứu nhằm xem xét các ứng dụng học tập số dựa trên mô hình STEAM trong giáo dục âm nhạc, phân tích nội dung, cách thức triển khai và sự phù hợp của chúng đối với các nhóm tuổi khác nhau. Về các nghiên cứu khoa học chuyên ngành, công trình *The Science of the singing voice* (1987) của Sundberg được xem là công trình tiên phong đặt nền tảng cho sự hình thành thành tố S (*Science*) trong lĩnh vực Thanh nhạc với việc minh họa bằng hơn một trăm sơ đồ và hình vẽ mô tả chi tiết cấu trúc và chức năng của cơ quan thanh quản trong ca hát. Tiếp nối hướng tiếp cận này, công trình nghiên cứu các chỉ số định lượng như: Jitter, Shimmer và Noise-to-Harmonic Ratio (NHR) của Teixeira & cộng sự (2013) là công trình mang thành tố T (*technology*) và thành tố M (*mathematics*) đã ứng dụng

⁷ Khách quan hóa là việc sử dụng các phương pháp và minh chứng cụ thể, đo lường được, không bị chi phối bởi cảm tính, cảm xúc, định kiến cá nhân để đánh giá chính xác năng lực.

⁸ ERIC (Education Resources Information Center) là cơ sở dữ liệu nghiên cứu và thông tin giáo dục [ERIC](https://eric.ed.gov/) được tài trợ bởi Viện Khoa học Giáo dục (IES) thuộc Bộ Giáo dục Hoa Kỳ. Đây là cơ sở dữ liệu lớn nhất về tài liệu giáo dục và chứa các tài liệu có từ năm 1966. Cơ sở dữ liệu [ERIC](https://eric.ed.gov/), bao gồm: Bài báo tạp chí; Kỷ yếu hội nghị; Tóm tắt các cuộc họp điều hành; Ấn phẩm của chính phủ; Luận án và luận văn; Sách và chương sách; Tài nguyên nghe nhìn

phương pháp phân tích âm học (*acoustic analysis*) để đánh giá chất lượng giọng nói một cách khách quan, giúp giảng viên và người học lượng hoá mức ổn định và chất lượng giọng hát.

Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, giáo dục STEAM đã được nghiên cứu và áp dụng tương đối phổ biến trong giáo dục phổ thông như Vũ Như Thư Hương (2020) đã xây dựng các chủ đề dạy học theo chương trình giáo dục liên môn STEAM; hoặc Phạm Diệu Linh (2021) nhận định “...*Việc đưa nghệ thuật vào STEAM giúp người học có khả năng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn bằng cách sử dụng các kỹ năng và kiến thức liên môn, củng cố tư duy sáng tạo và đổi mới.*”; Hay Tăng Thị Thùy & cộng sự (2022) đã đề xuất công cụ tự đánh giá năng lực STEAM cho giáo viên phổ thông.

Như vậy, chúng ta có thể nhận thấy trong khi quốc tế đã bước đầu hình thành hướng tiếp cận STEAM trong giáo dục âm nhạc bằng các thành tố của STEAM như S - T - M, thì ở Việt Nam việc nghiên cứu mô hình STEAM trong giáo dục nghệ thuật còn ít, việc nghiên cứu tích hợp mô hình STEAM trong giảng dạy âm nhạc chuyên nghiệp nói chung và ngành Thanh nhạc nói riêng càng “khan hiếm”. Khoảng trống này cho thấy việc nghiên cứu, xây dựng khung lý luận và đề xuất mô hình dạy học Thanh nhạc theo hướng STEAM là yêu cầu tất yếu mang tính chiến lược. Tuy nhiên, cần đảm bảo tính kế thừa của phương pháp giảng dạy truyền thống kết hợp với phương pháp định lượng và đánh giá khách quan của mô hình STEAM trên cơ sở kế thừa nền tảng khoa học quốc tế, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghệ thuật chuyên nghiệp trong nước theo tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Nội dung

2.1. Sự tương thích của các thành tố S-T-E-A-M trong giảng dạy Thanh nhạc

Thành tố Khoa học (Science - S) Giải mã giọng hát: Trọng tâm của yếu tố S đối với Thanh nhạc là việc áp dụng lý thuyết nguồn - lọc (*Source - filter theory*⁹). Theo lý thuyết này, âm thanh giọng hát được hình thành từ hai thành phần chính: nguồn âm - là dao động của dây thanh tạo ra tần số cơ bản và bộ lọc - là hệ thống cộng minh quyết định đặc trưng của âm sắc. Vì thế, âm sắc không đơn thuần là cảm giác chủ quan mà là kết quả vật lý của việc điều chỉnh hình dạng khoang cộng minh, giúp khuếch đại các Formant¹⁰ đặc biệt là Singer's formant¹¹. Điều này phù hợp với xu hướng giảng dạy thanh nhạc hiện đại dựa trên bằng chứng (*evidence - based vocal pedagogy*) thay vì dựa trên lời nói mang hình ảnh ẩn dụ như: “*hát bằng mặt nạ*” “*lấy hơi vào bụng*”.

9 Source - filter theory là một mô hình sản xuất lời nói, giải thích cách âm thanh được tạo ra và định hình thông qua một quá trình hai giai đoạn. Đầu tiên, một “nguồn” (như sự rung động của dây thanh quản) tạo ra âm thanh đầu tiên. Thứ hai, “bộ lọc” (đường thanh quản) định hình âm thanh này bằng cách điều chỉnh tần số của nó, tạo ra những âm thanh lời nói cụ thể mà chúng ta nhận biết dưới dạng từ.

10 Formant là một thuật ngữ trong âm học, chỉ các tần số đặc trưng trong phổ âm thanh của giọng nói, thường được sử dụng để phân tích và mô tả các nguyên âm. Các formant thường được ký hiệu bằng các chữ cái “F” và số thứ tự

11 Singer's formant là một “đặc điểm âm thanh” (*vocal resonance*) trong giọng hát, được tạo ra bởi sự cộng hưởng đặc biệt trong thanh quản. Về cơ bản, đó là một “đỉnh tần số” (*frequency peak*) có năng lượng âm thanh cao, giúp giọng hát trở nên nổi bật, rõ ràng và có âm sắc riêng, dễ phân biệt hơn

Thành tố Công nghệ (Technology - T) Khách quan hoá sự tiến bộ của giọng hát: Trong giảng dạy Thanh nhạc hiện đại, công nghệ đóng vai trò như cầu nối giữa cảm nhận chủ quan và dữ liệu khách quan, giúp sinh viên “nhìn thấy” bằng mắt những gì “nghe thấy” bằng tai. Một trong những công cụ cốt lõi được sử dụng phổ biến là phần mềm Praat, cho phép trực quan hoá phổ âm (*spectrogram*), hiển thị chi tiết các dải tần số, cường độ và cấu trúc âm sắc của giọng hát. Trong hoạt động học tập, người học có thể sử dụng Praat để đo các chỉ số của cao độ (*Jitter*) và cường độ (*Shimmer*). Hai chỉ số này phản ánh mức độ ổn định trong dao động của dây thanh, cung cấp minh chứng định lượng về chất lượng giọng hát mà cảm nhận thính giác thông thường khó phát hiện. Thông qua việc so sánh và phân tích kết quả đo được, người học có thể nhận biết rõ hơn những sai lệch trong khi hát. Việc tích hợp công nghệ, giúp sinh viên thanh nhạc chuyển từ “nghe theo cảm tính” sang “hát theo dữ liệu”, góp phần chuẩn hoá phương pháp đào tạo giọng hát.

Thành tố Kỹ thuật (Engineering - E) Thiết kế quy trình luyện tập giọng hát: Thành tố E được xem như một cách tiếp cận mang tính sáng tạo bằng việc thiết kế quy trình tập luyện để giải quyết vấn đề sai lệch trong khi hát. Chẳng hạn, sử dụng phần mềm Praat để đo chỉ số NHR nếu chỉ số giảm cho thấy giọng hát thiếu trong, sáng, vang, lúc này giảng viên định hướng sinh viên thiết kế chuỗi bài tập luyện thanh (*vocalises*) phù hợp nhằm cải thiện sự ổn định của dao động dây thanh và tăng độ trong sáng của âm thanh. Quá trình này mang tính lặp đi lặp lại (*iterative*) theo chu kỳ: thiết kế - thực hiện - đo lường bằng công cụ công nghệ - phân tích âm học - đối sánh kết quả - điều chỉnh và cải tiến quy trình tập luyện. Mỗi vòng lặp giúp sinh viên hiểu sâu hơn về cơ chế hoạt động và điều chỉnh giọng hát chính xác. Vì thế, thành tố E hình thành tư duy phản biện, khả năng phân tích và sáng tạo trong thiết kế quy trình tập luyện cá nhân hoá.

Thành tố Nghệ thuật (Art - A) Linh hồn của giọng hát: Thành tố A giữ vai trò trung tâm trong việc tạo nên sức sống và dấu ấn riêng cho mỗi nghệ sỹ. Nếu các thành tố khác của STEAM giúp định lượng giọng hát đạt đến độ chuẩn xác về âm thanh, thì Art lại là yếu tố thổi hồn, mang đến chiều sâu cảm xúc và tính thẩm mỹ cho phần trình diễn, nhờ đó, giọng hát không còn đơn thuần là sự kết hợp của cao độ, trường độ và âm sắc mà trở thành một phương diện nghệ thuật tinh tế giúp người nghe cảm nhận được ý nghĩa sâu xa của ca khúc. Đây cũng là yếu tố tạo nên sự khác biệt giữa người ca sỹ chuyên nghiệp, giữa việc “hát đúng” và “hát hay” giữa “thể hiện bài hát” và “thổi hồn vào bài hát”.

Thành tố Toán học (Mathematics - M) Lượng hoá giọng hát: Thành tố M đóng vai trò là công cụ lượng hoá và đánh giá chính xác quá trình học tập Thanh nhạc. Nếu như từ góc nhìn nghệ thuật ca hát thường được cảm nhận quan yếu tố “đẹp” hay “biểu cảm” thì Toán học giúp sinh viên nhận ra rằng giọng hát còn là một hiện tượng vật lý có thể đo lường, phân tích và tối ưu hoá bằng con số. Trong hoạt động học tập, sau khi sử dụng phần mềm Praat để đo, giảng viên và sinh viên có thể theo dõi mức độ ổn định của giọng hát một cách khách quan. Teixeira & cộng sự (2013 : 1117) nhận định rằng mức $Jitter > 1\%$ và $shimmer > 3,5\%$ thường là dấu hiệu bất thường trong phát âm, những giá

trị cao này biểu hiện sự mất ổn định chu kỳ của giọng nói, thường gặp ở người bị rối loạn thanh quản như: viêm dây thanh, u hạt hoặc các rối loạn cơ chức năng, điều này làm cho giọng nói “khàn”, giọng hát “thiếu độ vang, sáng”. Dựa vào kết quả nghiên cứu này, người học có thể thiết lập mục tiêu luyện tập cụ thể bằng số liệu. Chẳng hạn, như đạt Singer’s Formant với Jitte và shimmer ở mức thấp và HNR ở mức cao để có giọng hát vang, sáng. Như vậy, Toán học trong Thanh nhạc là ngôn ngữ khoa học giúp định nghĩa “sự chuẩn xác của giọng hát đẹp”, góp phần đưa quá trình đào tạo giọng hát từ cảm tính sang cơ sở thực chứng và định lượng hoá rõ ràng.

Vai trò của STEAM trong việc nhận diện đặc trưng giọng hát của người Việt: Giọng hát của người Việt mang những đặc điểm ngữ âm, ngữ điệu đặc trưng, được hình thành từ cấu trúc thanh điệu của tiếng Việt, ngôn ngữ đơn âm tiết và giàu thanh điệu. Vu Thanh Phuong (1981) đã mô tả chi tiết sáu thanh điệu Tiếng Việt ở ba phương ngữ chính Bắc - Trung - Nam với các số liệu đo lường tần số cơ bản, cường độ, trường độ và yếu tố thanh quản cho thấy xu hướng của người Việt khi hát sử dụng cơ chế phát âm với độ đóng thanh hầu tương đối cao, khẩu hình linh hoạt nhưng không mở quá rộng và lực đẩy hơi vừa phải, điều này tạo nên sắc thái của âm sắc thiên về sáng, mảnh, giàu tính ngữ điệu nhưng ít độ dày hoặc độ vang như khi hát ngôn ngữ phương Tây. Ngoài ra, sáu thanh điệu (*bằng, sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng*) với những đường cong âm học khác nhau dẫn đến thói quen tạo âm mang tính “nói - hát”, nhấn mạnh vào cao độ vi mô và biến thiên trường độ hơn là sử dụng khẩu hình lớn để tạo âm lượng. Bên cạnh đó, trong ca hát dân gian (*dân ca quan họ*); sân khấu cổ truyền Việt Nam (*Tuồng, Chèo, Cải lương, ca Huế...*) đề cao kỹ thuật nhấn nhá, luyến láy, rung nhanh cũng góp phần hình thành thắm mỹ giọng hát Việt mang tính mềm mại, uyển chuyển.

Để góp phần làm rõ và phát huy những đặc trưng giọng hát gắn với ngôn ngữ, văn hoá và hệ sinh lý của người Việt, dựa trên bằng chứng khoa học, công nghệ và tư duy thiết kế thì STEAM có vai trò quan trọng trong việc nhận diện, phát triển và gìn giữ đặc trưng giọng hát người Việt trên các phương diện. Trước hết, thành tố S đặt nền tảng sinh lý, âm học cho giảng dạy Thanh nhạc trong việc phân tích các đặc trưng âm học về Formant, Jitter, Shimmer hay mật độ năng lượng phổ giúp người hát hiểu rõ cơ chế hình thành âm sắc, từ đó xây dựng kỹ thuật hát phù hợp với đặc điểm tự nhiên của giọng hát người Việt. Trên nền tảng đó, thành tố T mang đến các công nghệ phân tích và nhận diện âm sắc Việt bằng trí tuệ nhân tạo (AI), cho phép lượng hoá các yếu tố vốn được cảm nhận theo cách chủ quan. AI trích xuất và mô hình hoá “đấu vân tay âm sắc” đặc thù của người Việt, đưa ra phản hồi theo thời gian thực về độ ổn định dây thanh, vị trí cộng minh hay độ chuẩn xác khi phát âm tiếng Việt trong hát. Tiếp theo, thành tố E chuyển hoá phân tích khoa học và công nghệ thiết kế bài tập kỹ thuật cụ thể. Dựa trên đặc trưng ngữ âm tiếng Việt và phong cách diễn xướng dân gian, các bài tập mô phỏng chuyển động vi mô của luyến láy, biến âm, rung hoặc chuyển thanh điệu được thiết kế theo quy trình kỹ thuật. Những bài tập này không chỉ rèn luyện khả năng điều tiết âm thanh mà còn giúp sinh viên làm chủ đặc trưng mềm mại, giàu biểu cảm của giọng hát Việt. Mỗi bài tập được kiểm chứng bằng chỉ số âm học để đảm bảo tính hiệu quả và phù

hợp sinh lý giọng. Với góc độ nghệ thuật, thành tố A đảm bảo rằng quá trình số hoá và kỹ thuật hoá không làm mất đi bản sắc Việt. Giảng dạy Thanh nhạc theo STEAM cần gắn kết với phong cách biểu diễn Việt Nam, bao gồm tinh thần ngũ cung, chất liệu dân gian và thói quen xử lý ngữ điệu Việt. Thông qua biểu diễn, dự án sáng tạo và thực hành nghệ thuật đa phương tiện, người học không chỉ phát triển kỹ thuật mà còn nuôi dưỡng cảm quan thẩm mỹ gắn với văn hoá Việt, tạo nên bản sắc đặc trưng trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Cuối cùng, thành tố Mathematics đưa các công cụ định lượng vào quá trình đánh giá và theo dõi tiến bộ của giọng hát. Các tham số (f_0), formant, độ biến thiên cao độ, tỷ lệ rung hay phổ năng lượng được sử dụng để lập “hồ sơ phát triển giọng hát” theo thời gian. Việc sơ đồ hoá dữ liệu bằng mô hình toán học hoặc biểu đồ giúp giảng viên và người học nhận diện xu hướng cải thiện, điều chỉnh chiến lược luyện tập và đánh giá hiệu quả trên cơ sở minh chứng khoa học.

Như vậy, mô hình STEAM tạo ra một hệ sinh thái giảng dạy Thanh nhạc toàn diện trong đó khoa học hoá, công nghệ hoá, kỹ thuật hoá được cân bằng với nghệ thuật hoá, định lượng hoá, các thành tố liên kết chặt chẽ, bổ trợ nhau nhằm xây dựng phương pháp đào tạo giọng hát có cơ sở khoa học, có tính cá nhân hoá, đồng thời tôn vinh đặc trưng âm sắc Việt.

- *Một số mô hình giảng dạy Thanh nhạc theo phương pháp STEAM*

Mô hình thứ nhất: “kỹ thuật hơi thở và áp suất dưới thanh môn”: Mô hình này nhằm giúp sinh viên hiểu rõ cơ chế sinh lý của hơi thở trong khi hát, đồng thời biết cách điều chỉnh và kiểm soát áp suất dưới thanh môn.

Mục tiêu: Người học hiểu cơ chế hoạt động của hệ hô hấp, vai trò của cơ hoành, phổi và áp suất hơi trong phát âm; biết sử dụng các công cụ, phần mềm để đo áp suất hơi và thiết kế bài tập điều hoà hơi thở phù hợp; vận dụng kỹ thuật điều hoà hơi vào hát liền hơi, hát liền mạch (*legato*), biểu cảm tự nhiên; người học biết đo, tính toán và phân tích dữ liệu hơi thở (thời lượng giữ hơi, tốc độ luồng hơi, cường độ âm thanh), từ đó đánh giá sự ổn định và hiệu quả kỹ thuật.

Quy trình tổ chức hoạt động giảng dạy: Mô hình được tổ chức trong 01 tiết học thực hành (90 phút) tại phòng dạy thanh nhạc, có trang bị công cụ, phần mềm để đo áp suất hơi, đo lưu lượng khí, sinh viên làm việc theo nhóm 2 - 3 người dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Quy trình tổ chức hoạt động giảng dạy gồm 5 giai đoạn như sau: Bước 1: Giảng viên giới thiệu sinh lý hô hấp trong khi hát, phân tích cơ chế phối hợp giữa cơ hoành - phổi - thanh quản trong việc tạo và điều tiết áp suất hơi dưới thanh môn. Sinh viên quan sát sơ đồ, thực hiện thao tác hít - thở có kiểm soát và ghi nhận cảm giác áp lực hơi qua mô phỏng; Bước 2: Người học sử dụng công cụ, phần mềm để đo áp suất hơi, đo thông số luồng hơi (l/s) khi hát một nguyên âm đơn (ví dụ: /a/ hoặc /i/). Dữ liệu được hiển thị trực quan trên màn hình, giúp người học hiểu rõ mối liên hệ giữa hơi thở, áp suất và cường độ âm thanh; Bước 3: Dựa vào dữ liệu thu được, người học thiết kế bài tập hơi thở phù hợp với mục tiêu là điều hoà áp suất hơi để duy trì dao động của dây thanh. Quy trình rèn luyện được thực hiện lặp đi lặp lại theo chu kỳ: đo hơi thở - thiết kế bài tập - luyện tập - ghi dữ liệu - phân tích - điều chỉnh kỹ thuật; Bước 4: Sau khi luyện

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

tập, người học áp dụng kỹ thuật điều hoà vào hát liền hơi (*legato*) trong một bài hát ngắn. Giảng viên hướng dẫn duy trì áp suất hơi ổn định để đảm bảo sự liền mạch và kiểm soát biểu cảm trong âm sắc. Khuyến khích người học tự quan sát sự thay đổi âm sắc và cường độ khi hơi thở không đều, từ đó phát triển khả năng cảm nhận tinh tế giữa “khoa học - nghệ thuật”; Bước 5: Các số liệu đo được (thời lượng giữ hơi, tốc độ luồng hơi, biên độ cường độ) được sinh viên tổng hợp và biểu diễn dưới dạng bảng và biểu đồ. Chẳng hạn: Người học có thể duy trì luồng hơi ổn định trong 8,5 giây ở bài đầu tiên và 12,0 giây sau khi luyện tập, thể hiện mức cải thiện 12 41%.

Báo cáo kết quả: Sau khi kết thúc quy trình tổ chức giảng dạy, người học viết báo cáo kết quả theo 05 phần như sau: Phần giới thiệu: Mục tiêu luyện tập, tầm quan trọng của áp suất hơi thở trong ca hát; Phần phương pháp: Thiết bị sử dụng (công cụ, phần mềm để đo áp suất hơi), cách thu dữ liệu; Phần kết quả: Bảng và biểu đồ thể hiện thời lượng giữ hơi, tốc độ luồng hơi, mức ổn định cường độ âm thanh; Phần phân tích - thảo luận: Giải thích mối quan hệ giữa áp suất hơi thở và chất lượng giọng hát, so sánh trước - sau luyện tập; Phần kết luận: Tóm tắt tiến bộ đạt được, nêu khó khăn và hướng tiếp tục cải thiện kỹ thuật hơi thở

Đánh giá kết quả: Kết quả của mô hình được đánh giá trên 02 phương diện: Về định lượng, Mức cải thiện các chỉ số được đo bằng công cụ, phần mềm để đo áp suất hơi khi hát một nguyên âm đơn (ví dụ: /a/ hoặc /i/). Dữ liệu được hiển thị trực quan trên màn hình, giúp người học hiểu rõ mối liên hệ giữa hơi thở, áp suất và cường độ âm thanh. Về định tính: Cảm nhận về sự thay đổi của áp suất hơi và cường độ âm thanh thông qua phản hồi của nhóm và đánh giá của giảng viên

Việc đánh giá năng lực người học dựa theo bảng rubric 5 tiêu chí STEAM như Phụ lục 1.

Mô hình thứ hai: “*My Vocal Lab*” là hình thức giảng dạy dự án ngắn hạn, giúp sinh viên chủ động tìm hiểu, phân tích và cải thiện giọng hát của bản thân thông qua kết hợp giữa tư duy khoa học và biểu cảm nghệ thuật

Mục tiêu: Giúp người học hiểu sâu cơ chế khoa học của giọng hát, cơ chế phát âm theo thuyết source - filter Theory, trong đó dây thanh đóng vai trò là nguồn âm và khoang cộng minh là bộ lọc quyết định âm sắc của giọng hát. Rèn luyện khả năng sử dụng công nghệ để đo lường và phân tích giọng hát bằng các phần mềm phân tích âm học như Praat, Audacity,... từ đó, người học thiết kế và điều chỉnh quy trình luyện tập kỹ thuật cá nhân phù hợp dựa trên dữ liệu đo lường được. Phát triển năng lực tư duy phân biện, kỹ năng định lượng và tư duy liên ngành.

Quy trình tổ chức hoạt động học tập: Hoạt động học tập được tổ chức trong 01 tiết học thực hành (90 phút) tại phòng máy hoặc phòng thu nhỏ với hình thức làm việc nhóm 2 - 3 sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Toàn bộ tiến trình học được xây dựng trên khung STEAM như sau: Bước 1: Giảng viên giới thiệu cơ chế phát âm theo source - filter Theory, cấu trúc dây thanh và vai trò cộng hưởng trong việc hình

12 Mức cải thiện (%) = (giá trị sau luyện tập – giá trị ban đầu) / giá trị ban đầu × 100%

thành âm sắc. Sinh viên quan sát, thảo luận mô phỏng lại quá trình tạo âm nhằm hiểu rõ mối liên hệ giữa hoạt động sinh lý và kết quả âm học; Bước 2: Sinh viên thu âm giọng hát và sử dụng phần mềm Praat để đo các chỉ số kỹ thuật gồm: Jitter, Shimmer và HNR. Dữ liệu được biểu diễn dưới dạng phổ âm (*spectrogram*) giúp người học trực quan hoá đặc tính âm thanh của mình; Bước 3: Căn cứ kết quả phân tích, Giảng viên hướng dẫn sinh viên thiết kế một số bài luyện thanh (*vocalises*) cá nhân hoá để điều chỉnh lỗi kỹ thuật. Chẳng hạn, nếu NHR quá cao, người học cần lựa chọn các bài tập semi-occluded vocal tract¹³ (SOVT) nhằm giảm căng cơ thanh quản. Quá trình này mang tính lặp lại: thiết kế - thực hiện - đo lường - phân tích - hiệu chỉnh; Bước 4: Sinh viên áp dụng các điều chỉnh kỹ thuật vào tập hát một đoạn bài hát ngắn, kết hợp với thể hiện phong cách và cảm xúc của mình. Giảng viên và các thành viên nhóm cùng phản hồi về biểu cảm và phong cách nghệ thuật sau điều chỉnh; Bước 5: Người học so sánh các số liệu định lượng trước và sau luyện tập, lập biểu đồ thể hiện sự cải thiện của các Jitter, Shimmer và HNR. Việc trực quan hoá dữ liệu giúp người học nhận thức được tiến bộ kỹ thuật của mình một cách khách quan.

Báo cáo kết quả: Kết thúc quy trình tổ chức hoạt động học tập, người học báo cáo kết quả theo 05 phần như sau: Phần giới thiệu: nêu mục tiêu luyện tập, lý do chọn bài hát; Phần phương pháp: mô tả quá trình thu âm, sử dụng phần mềm Praat và các chỉ số theo dõi; Phần kết quả: trình bày bảng dữ liệu và biểu đồ so sánh trước và sau luyện tập; Phần thảo luận: giải thích nguyên nhân thay đổi dữ liệu dựa trên thuyết source - filter Theory; Phần kết luận: đánh giá mức cải thiện, kinh nghiệm rút ra và định hướng tiếp tục luyện tập.

Đánh giá kết quả: Kết quả của mô hình được đánh giá trên 02 phương diện: Về định lượng, Mức cải thiện các chỉ số kỹ thuật đo bằng phần mềm Praat; Về định tính, Cảm nhận về sự thay đổi của âm sắc, độ sáng, cộng minh thông qua phản hồi của nhóm và đánh giá của giảng viên

Việc đánh giá năng lực người học dựa theo bảng rubric 5 tiêu chí STEAM như Phụ lục 2.

Bên cạnh những cơ hội thì trong quá trình triển khai các mô hình trên, cũng đối mặt với nhiều thách thức về điều kiện thực tế và yếu tố con người. Trước hết là rào cản về công nghệ và cơ sở vật chất, khi việc đầu tư thiết bị đo lường, phần mềm chuyên dụng và hạ tầng số đòi hỏi chi phí cao; giải pháp đặt ra là ưu tiên sử dụng các công cụ mã nguồn mở, ứng dụng di động chi phí thấp, đồng thời từng bước xây dựng các phòng lab thanh nhạc tối giản nhưng hiệu quả. Mặt khác, năng lực của đội ngũ giảng viên cũng là yếu tố then chốt, bởi nhiều giảng viên thanh nhạc được đào tạo theo hướng truyền thống, còn hạn chế về sử dụng công nghệ, kỹ năng phân tích dữ liệu; do đó cần tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu và tăng cường hợp tác liên ngành giữ thanh nhạc, khoa học giọng nói và công nghệ âm nhạc. Ngoài ra, những băn khoăn và e ngại trong việc chuyển đổi phương pháp giảng dạy từ định tính sang định lượng cũng là một trở ngại

¹³ Là các bài tập sử dụng các phương pháp làm khép một phần miệng hoặc đường dẫn thanh quản khi phát âm để tạo ra áp lực ngược.

không nhỏ, xuất phát từ lo lắng về việc làm giảm tính nghệ thuật và cảm xúc của ca hát; để khắc phục, cần triển khai mô hình STEAM một cách linh hoạt, kết hợp giữa phân tích kỹ thuật và cảm xúc âm nhạc, qua đó đảm bảo tính kế thừa của phương pháp truyền thống đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

3. Kết luận

Nghiên cứu về mô hình giảng dạy ngành Thanh nhạc theo phương pháp giáo dục STEAM trong thời đại số đã góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận và bối cảnh đổi mới giáo dục nghệ thuật trong xu thế chuyển đổi số. Trên nền tảng tiếp cận liên ngành, STEAM mở ra định hướng mới cho đào tạo Thanh nhạc, khi đặt người học vào môi trường học tập tích hợp, sáng tạo và có tính ứng dụng cao, phù hợp với yêu cầu của giáo dục 4.0 và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số. Kết quả nghiên cứu thể hiện ở các nội dung, nghiên cứu đã hệ thống hoá các khái niệm, đặc trưng và nguyên tắc cơ bản của giáo dục STEAM, đồng thời chỉ ra tính phù hợp của phương pháp này đối với ngành Thanh nhạc. Cách tiếp cận STEAM giúp kết nối nghệ thuật với khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học, qua đó phát triển toàn diện năng lực tư duy, năng lực sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề của người học; nghiên cứu đã làm rõ những cơ sở lý luận và điều kiện để triển khai mô hình giảng dạy Thanh nhạc theo STEAM và vai trò của STEAM trong việc nhận diện đặc trưng giọng hát của người Việt trong thời đại số.

Hướng nghiên cứu trong tương lai: Xây dựng mô hình STEAM chuyên biệt cho đào tạo cho âm nhạc chuyên nghiệp nói chung và Thanh nhạc nói riêng bao gồm: chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu đào tạo, quy trình tổ chức dạy học, bộ tiêu chí đánh giá phù hợp với đặt thù giọng hát; Thực nghiệm sư phạm quy mô lớn để đánh giá mức độ hiệu quả của giáo dục STEAM trong phát triển kỹ năng thanh nhạc, kỹ năng sáng tạo và năng lực công nghệ của người học; Nghiên cứu sâu về ứng dụng AI trong đào tạo Thanh nhạc như: phân tích âm sắc, chỉnh sửa kỹ thuật giọng hát, mô phỏng không gian âm học, cá nhân hoá bài luyện thanh và hỗ trợ tập luyện; Phát triển hệ sinh thái học liệu số phục vụ giảng dạy Thanh nhạc theo STEAM bao gồm: thư viện âm thanh, bài tập tương tác, mô hình trực quan và nền tảng hỗ trợ học tập tích hợp; Khảo sát mức độ sẵn sàng của giảng viên và sinh viên Thanh nhạc trong việc tiếp nhận mô hình STEAM, nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai rộng rãi trong giáo dục nghệ thuật chuyên nghiệp nói chung và Thanh nhạc nói riêng.

Tài liệu tham khảo

- Özer, Z. & Demirbatır, R. E. (2023). Examination of STEAM - Based Digital Learning Applications in Music Education. *European Journal of STEM Education*.
- Sundberg, J. (1987). *The Science of the singing voice*. Northern Illinois University Press.
- Teixeira & cộng sự (2013). *Vocal Acoustic Analysis - Jitter, Shimmer and HNR Parameters*. Procedia Technology 9.
- Vũ Như Thư Hương (2020). *Khám phá giáo dục STEAM - 10 chủ đề dạy học ở tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm Tp.HCM.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Phạm Diệu Linh (2021). Vai trò của nghệ thuật trong phương pháp giáo dục STEAM. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 11(3), 38-46.

Tăng Thị Thùy, Hà Thị Thu Trà, Đoàn Phương Anh, Phùng Thanh Thuỷ (2022). Phát triển công cụ tự đánh giá năng lực STEAM của giáo viên phổ thông. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, 18(10).

Vu Thanh Phuong (1981). The acoustic and perceptual nature of tone in Vietnamese.

Tsupros, N., Kohler, R., and Hallinen, J. (2009). *STEM education: A project to identify the missing components*.

Yakman, G. (2006). *STEAM Education: An overview of creating a model of integrative education. In Pupils' Attitudes Towards Technology*. Conference: Research on Technology, Salt Lake City, Utah, USA: Innovation, Design & Engineering Teaching.

PHỤ LỤC 1

Bảng rubric tiêu chí đánh giá mô hình “kỹ thuật hơi thở và áp suất dưới thanh môn”
(Dành cho giảng viên và sinh viên tự đánh giá)

Tiêu chí	Mức 1 (chưa đạt)	Mức 2 (đạt)	Mức 3 (khá)	Mức 4 (tốt)	Mức 5 (xuất sắc)
Khoa học	Không hiểu cơ chế hô hấp	Nêu được cấu trúc phổi, cơ hoành	Mô tả đúng vai trò áp suất hơi	Giải thích được mối quan hệ hơi và âm thanh	Phân tích sâu cơ chế áp suất dưới thanh môn và liên hệ thực hành
Công nghệ	Không sử dụng được thiết bị hoặc sử dụng sai	Thao tác cơ bản với cảm biến/ app	Ghi được dữ liệu đúng quy trình	Sử dụng thành thạo, biểu diễn dữ liệu bằng biểu đồ	Tích hợp nhiều công cụ đo và so sánh kết quả định lượng
Kỹ thuật	Không thiết kế bài tập luyện hơi	Thiết kế sơ sài, thiếu mục tiêu	Có chuỗi bài tập hợp lý	Hiệu chỉnh bài tập dựa trên kết quả đo	Xây dựng quy trình luyện hơi hoàn chỉnh có hiệu quả rõ rệt
Nghệ thuật	Hát rời rạc, thiếu kiểm soát hơi	Hát liền hơi đơn giản	Hát legato có sự kiểm soát hơi tương đối	Biểu diễn tự nhiên, hơi thở ổn định	Biểu cảm giàu cảm xúc, hơi thở linh hoạt và tinh tế
Toán học	Không biết ghi dữ liệu	Ghi nhưng chưa xử lý số liệu	Phân tích và tính được trung bình, sai số	Vẽ biểu đồ nhận xét được độ ổn định	Diễn giải được dữ liệu thành kết luận kỹ thuật có giá trị sư phạm

PHỤ LỤC 2

Bảng rubric tiêu chí đánh giá mô hình “My Vocal Lab”
(Dành cho giảng viên và sinh viên tự đánh giá)

Tiêu chí	Mức 1 (chưa đạt)	Mức 2 (đạt)	Mức 3 (khá)	Mức 4 (tốt)	Mức 5 (xuất sắc)
Tính khoa học	Không hiểu cơ chế phát âm, không liên hệ được với thực hành	Nêu được cơ chế cơ bản nhưng chưa vận dụng	Hiểu và mô tả đúng thuyết Source - Filter Theory	Phân tích được yếu tố ảnh hưởng đến giọng hát	Vận dụng lý thuyết để giải thích kết quả phân tích giọng hát
Ứng dụng công nghệ	Không sử dụng hoặc sử dụng sai phần mềm	Thao tác cơ bản trên Praat	Phân tích được một số chỉ số âm học	Sử dụng thành thạo, trình bày dữ liệu rõ ràng	Tích hợp công nghệ để minh chứng tiến bộ giọng hát
Tư duy kỹ thuật	Không xây dựng được kế hoạch tập luyện	Có bài tập nhưng không phù hợp mục tiêu	Thiết kế bài luyện thanh phù hợp kết quả phân tích	Hiệu chỉnh bài tập dựa trên phản hồi dữ liệu	Tạo quy trình luyện tập cá nhân hoá, cải thiện rõ rệt các chỉ số
Biểu cảm nghệ thuật	Thể hiện rập khuôn, thiếu cảm xúc	Có nỗ lực thể hiện nhưng chưa tự nhiên	Biểu diễn có phong cách riêng, rõ ý đồ	Thể hiện tốt cảm xúc và kỹ thuật	Biểu diễn truyền cảm, kết hợp nhuần nhuyễn kỹ thuật và thẩm mỹ
Năng lực định lượng	Không biết cách đọc/ ghi dữ liệu	Biết ghi nhận nhưng chưa phân tích được	Phân tích được mức độ cải thiện qua các chỉ số	Sử dụng biểu đồ, bảng dữ liệu so sánh hợp lý	Diễn giải được kết quả định lượng thành lập luận sư phạm rõ ràng

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VỚI VIỆC ĐỊNH HƯỚNG BẢN SẮC ÂM NHẠC CHO HỌC SINH, SINH VIÊN

Trần Kim Trọng Nghĩa, Nguyễn Thị Nhật Kim

Trường Cao đẳng Kon Tum

Email: nghiapiano1@gmail.com

Tóm tắt

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo đang tạo ra những thay đổi sâu rộng trong sáng tác, biểu diễn và tiếp nhận âm nhạc. Trong bối cảnh đó, vấn đề định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam đối với học sinh – sinh viên, nhóm công chúng trẻ năng động nhất, trở thành một chủ đề có ý nghĩa cấp thiết. AI mang lại nhiều cơ hội cho giáo dục âm nhạc như khả năng xây dựng học liệu số, mô phỏng nhạc cụ truyền thống, cá nhân hóa lộ trình học tập và hỗ trợ sáng tạo dựa trên chất liệu dân gian. Tuy nhiên, AI cũng tạo ra thách thức không nhỏ, đặc biệt là nguy cơ thương mại hóa, lai hóa và suy giảm thẩm mỹ âm nhạc dân tộc trong giới trẻ. Bài viết phân tích tác động hai chiều của AI, lý giải nguyên nhân dẫn đến những thay đổi trong tiếp nhận âm nhạc của học sinh – sinh viên, đồng thời đề xuất một số định hướng giáo dục âm nhạc nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc Việt trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, Bản sắc âm nhạc Việt, Giáo dục âm nhạc, Học sinh – sinh viên.

Artificial intelligence in shaping musical identity for students

Abstract

The rapid development of artificial intelligence has profoundly transformed the processes of musical creation, performance, dissemination, and reception in contemporary society. In this context, the issue of identifying and promoting the cultural identity of Vietnamese music among students—the most dynamic and technologically influenced audience group—has become increasingly urgent. AI offers various opportunities for music education, including the ability to develop digital learning materials, simulate traditional instruments, personalize learning pathways, and support creative activities based on folk elements. However, AI also introduces significant challenges, particularly the risks of commercialization, hybridization, and the gradual decline of traditional aesthetic values among young learners. This paper analyzes the dual impact of AI on Vietnamese musical identity, explains the underlying causes of shifting musical preferences among students, and proposes several pedagogical orientations aimed at preserving and fostering Vietnamese musical heritage in the digital era.

Keywords: Artificial intelligence; Vietnamese musical identity; Music education; Students.

1. Đặt vấn đề

Âm nhạc Việt Nam là bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc, kết tinh trong đó những giá trị thẩm mỹ, lịch sử và bản sắc tinh thần của cộng đồng. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển bùng nổ của công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), những giá trị ấy đang đứng trước sự dịch chuyển mạnh mẽ về cách thức sáng tạo, lưu trữ, phổ biến và tiếp nhận. AI đã trở thành một tác nhân có khả năng tạo ra tác phẩm âm nhạc, mô phỏng giọng hát, phân tích phong cách và thậm chí ảnh hưởng trực tiếp đến thị hiếu nghe nhạc của công chúng. Điều này đặt ra yêu cầu mới đối với giáo dục, nhất là đối với nhóm học sinh – sinh viên (HSSV) vốn là lực lượng tiếp xúc với âm nhạc và công nghệ thường xuyên nhất.

Sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng âm nhạc trực tuyến, các thuật toán gợi ý nội dung và các mô hình sáng tác tự động khiến quá trình tiếp nhận âm nhạc của HSSV thay đổi đáng kể: nhanh hơn, tiện lợi hơn nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ nông cạn hóa thẩm mỹ. Bản sắc âm nhạc Việt Nam – vốn dựa trên sự trải nghiệm cộng đồng, ký ức văn hóa và ngữ điệu đặc trưng – có thể bị lu mờ dưới sức ép của các xu hướng âm nhạc đại chúng được tạo ra hoặc khuếch đại bởi AI. Tính cấp thiết của vấn đề nằm ở chỗ: nếu thế hệ trẻ không được định hướng đúng đắn, việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc dân tộc sẽ gặp nhiều khó khăn trong tương lai, thậm chí dẫn đến sự đứt gãy trong truyền thừa văn hóa.

Từ thực tiễn trên, bài viết phân tích tác động hai chiều của trí tuệ nhân tạo đối với bản sắc âm nhạc Việt Nam trong môi trường tiếp nhận của học sinh – sinh viên, làm rõ những biểu hiện thay đổi trong thị hiếu và nhận thức thẩm mỹ âm nhạc, đồng thời luận giải các định hướng giáo dục nhằm góp phần bảo tồn và phát huy giá trị âm nhạc dân tộc trong bối cảnh công nghệ số.

2. Cơ sở lý luận

Bản sắc âm nhạc là một thành tố quan trọng của bản sắc văn hóa dân tộc, thể hiện qua hệ thống giai điệu, thang âm, tiết tấu, ngữ điệu và không gian văn hóa đặc trưng của mỗi vùng miền. Đối với âm nhạc Việt Nam, bản sắc được hình thành trên nền tảng của truyền thống dân gian lâu đời, gắn với lịch sử phát triển cộng đồng và sự tương tác văn hóa giữa các tộc người. Các nhà nghiên cứu cho rằng bản sắc âm nhạc không chỉ tồn tại dưới dạng cấu trúc âm thanh, mà còn thể hiện trong cách con người cảm thụ, thực hành, lưu truyền và gắn kết cộng đồng thông qua âm nhạc. Điều này đồng nghĩa với việc bảo tồn bản sắc âm nhạc Việt không chỉ là gìn giữ di sản, mà còn là duy trì sự sống động của các thực hành văn hóa trong đời sống đương đại.

Trong khi đó, tiếp nhận âm nhạc của HSSV lại chịu tác động mạnh mẽ từ môi trường xã hội, xu hướng thị trường và đặc biệt là công nghệ. Nhiều nghiên cứu về giáo

giáo dục nghệ thuật cho thấy thị hiếu âm nhạc của giới trẻ thường mang tính giao thoa, chịu ảnh hưởng của các trào lưu quốc tế và thay đổi nhanh chóng theo mô hình lan truyền của mạng xã hội. Tiếp nhận âm nhạc không chỉ phụ thuộc vào khả năng cảm thụ cá nhân mà còn bị chi phối bởi các yếu tố công nghệ trung gian – chẳng hạn như thuật toán đề xuất, định dạng nội dung ngắn và sự tiện dụng của các nền tảng số. Trong bối cảnh đó, âm nhạc truyền thống thường gặp bất lợi vì đòi hỏi thời gian lắng nghe lâu hơn, có cấu trúc phức tạp hơn và gắn với môi trường văn hóa cụ thể mà giới trẻ ít có cơ hội tiếp cận trực tiếp.

Trí tuệ nhân tạo (AI) trong âm nhạc được hiểu là việc ứng dụng các mô hình học máy (machine learning) và học sâu (deep learning) vào các hoạt động như phân tích giai điệu, mô phỏng giọng hát, tạo nhạc cụ ảo, sáng tác tự động hoặc dự đoán phong cách âm nhạc. Nhờ khả năng xử lý lượng dữ liệu lớn và mô phỏng cấu trúc âm thanh, AI có thể tạo ra các sản phẩm âm nhạc mới hoặc tái hiện phong cách cũ với độ chính xác cao. Tuy nhiên, chính đặc điểm này cũng đặt ra một số vấn đề lý luận quan trọng: âm nhạc được tạo bởi AI là sự “tái tổ hợp” dữ liệu chứ không phải sản phẩm của trải nghiệm văn hóa; vì vậy nó thiếu chiều sâu cảm xúc và không gian xã hội vốn là cốt lõi của nghệ thuật truyền thống. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng AI có thể mô phỏng âm sắc dân tộc nhưng không thể tái hiện được tri thức văn hóa nằm sau mỗi giai điệu, chẳng hạn như nghi lễ, phong tục hay ngữ nghĩa xã hội của âm nhạc.

Cơ chế tác động của AI đến bản sắc âm nhạc Việt Nam đối với HSSV có thể được lý giải từ hai phương diện. Thứ nhất, AI tạo ra môi trường tiếp xúc mới, nơi âm nhạc được phân phối, sáng tạo và tiếp nhận theo tốc độ nhanh hơn, đa dạng hơn và ít ràng buộc bởi truyền thống. Điều này mang lại nhiều cơ hội tiếp cận nhưng cũng dẫn đến khả năng “pha loãng” đặc trưng âm nhạc dân tộc khi HSSV quen với âm thanh được tiêu chuẩn hóa theo gu quốc tế. Thứ hai, AI góp phần định hướng thẩm mỹ qua thuật toán đề xuất. Khi phần lớn dữ liệu huấn luyện của AI là âm nhạc đại chúng quốc tế, các sản phẩm “gợi ý” cho người nghe trẻ dễ mang tính đồng hóa, từ đó làm suy giảm sự hiện diện của các yếu tố âm nhạc truyền thống trong quá trình tiếp nhận.

Như vậy, lý luận về bản sắc âm nhạc, về tiếp nhận thẩm mỹ của giới trẻ và về tác động của AI cho thấy một bức tranh đa chiều: AI vừa mở ra tiềm năng mới cho giáo dục âm nhạc, vừa tạo ra những biến đổi sâu sắc trong cách HSSV cảm nhận và đánh giá âm nhạc Việt Nam. Những cơ sở này đóng vai trò làm nền tảng cho việc phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp trong các phần tiếp theo.

3. Thực trạng tiếp nhận và giáo dục bản sắc âm nhạc Việt đối với học sinh – sinh viên

Trong những năm gần đây, sự phát triển của công nghệ số và AI đã định hình lại hành vi tiếp nhận âm nhạc của HSSV. Nhìn chung, thực trạng có thể được nhận diện

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

qua ba nhóm vấn đề chính: sự thay đổi thị hiếu âm nhạc, sự lệ thuộc vào thuật toán gợi ý, và sự đứt gãy trải nghiệm văn hóa truyền thống.

Trước hết, thị hiếu âm nhạc của HSSV đang dịch chuyển mạnh mẽ theo hướng ưu tiên những thể loại mang tính thị trường cao, có tiết tấu nhanh, cấu trúc đơn giản và dễ lan truyền trên mạng xã hội. Các ứng dụng như TikTok, YouTube Shorts và các công cụ tạo nhạc tự động đã góp phần hình thành thói quen nghe nhạc ngắn hạn (micro-listening). Điều này khiến những thể loại âm nhạc đòi hỏi sự lắng nghe sâu – như dân ca, nhạc cụ truyền thống hay các hình thức nghi lễ âm nhạc – gặp khó khăn trong việc tiếp cận người trẻ. Theo nhiều khảo sát không chính thức trên các nhóm sinh viên, phần lớn người trẻ chỉ nhận biết dân ca qua “bản remix”, “nhạc nền TikTok”, hoặc các mô phỏng do AI tạo ra, thay vì thông qua trải nghiệm thực tế.

Thứ hai, sự vận hành của thuật toán gợi ý trên các nền tảng âm nhạc khiến quá trình tiếp nhận của HSSV diễn ra một chiều và mang tính bị dẫn dắt. Khi người dùng tương tác với một số nội dung quốc tế, thuật toán lập tức khuếch đại chúng, làm giảm đáng kể khả năng tiếp cận với nguồn âm nhạc truyền thống. Điều này tạo ra “buồng vang kỹ thuật số” (digital echo chamber), trong đó âm nhạc Việt Nam – đặc biệt là âm nhạc mang bản sắc – có tần suất xuất hiện rất thấp. Trong môi trường như vậy, việc hình thành sự hiểu biết đúng về âm nhạc dân tộc trở nên khó khăn đối với nhiều HSSV.

Thứ ba, trong giáo dục âm nhạc, việc sử dụng AI vẫn còn thiếu định hướng. Một số HSSV sử dụng các công cụ như Suno, Udio hoặc phần mềm tạo giọng hát ảo để thực hiện bài tập sáng tác mà không thực sự hiểu chất liệu âm nhạc dân gian mà các em “mượn”. Các sản phẩm này thường mang tính mô phỏng cơ học, thiếu bối cảnh văn hóa và ngôn ngữ âm nhạc đặc trưng. Điều đáng lo ngại hơn là nhiều HSSV nhầm lẫn giữa âm nhạc do AI tái tạo và âm nhạc dân tộc “đích thực”, từ đó dẫn đến nhận thức sai lệch về bản sắc và giá trị thẩm mỹ truyền thống.

Cuối cùng, thực trạng giáo dục âm nhạc hiện nay vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu của thời đại số. Học liệu về âm nhạc truyền thống còn hạn chế, thiếu môi trường trải nghiệm thực hành, thiếu các công cụ trực quan hỗ trợ giải thích cấu trúc âm nhạc dân tộc. Điều này khiến HSSV dễ cảm thấy âm nhạc Việt “xa lạ” hoặc “khó hiểu”, trong khi âm nhạc do AI tạo ra lại xuất hiện gần gũi và phù hợp thị hiếu hơn. Từ những thực tế trên có thể thấy rằng bản sắc âm nhạc Việt trong lòng giới trẻ đang đứng trước nhiều nguy cơ phai nhạt nếu không có giải pháp can thiệp kịp thời và phù hợp.

4. Các giải pháp định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt cho học sinh – sinh viên trong kỷ nguyên AI

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực trạng tiếp nhận âm nhạc của học sinh – sinh viên trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo, kết quả nghiên cứu cho thấy việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam cần được thực hiện thông qua hệ thống giải pháp giáo dục mang tính tích hợp giữa công nghệ và giá trị văn hóa.

4.1. Tích hợp AI như công cụ hỗ trợ giáo dục âm nhạc dựa trên định hướng văn hóa

Trong bối cảnh AI được ứng dụng mạnh mẽ trong các lĩnh vực sáng tạo, giáo dục âm nhạc cần chuyển từ thái độ “lo ngại” sang “chủ động khai thác” công nghệ. Tuy nhiên, việc tích hợp AI vào dạy học không thể thực hiện một cách tự phát mà phải dựa trên định hướng văn hóa rõ ràng.

Giải pháp này nhấn mạnh vai trò của AI như công cụ minh họa và hỗ trợ phân tích, không phải thay thế tri thức văn hóa. Giáo viên có thể dùng AI để mô phỏng âm sắc nhạc cụ truyền thống, tạo biểu đồ trực quan về cấu trúc thang âm dân gian, hoặc truy vết sự biến đổi giai điệu qua các thế hệ nghệ nhân. Những ứng dụng này giúp HSSV tiếp cận kiến thức theo cách hiện đại hơn, dễ hình dung hơn.

Quan trọng hơn, giáo dục cần đặt AI trong bối cảnh văn hóa – lịch sử của âm nhạc truyền thống: tại sao dân ca có ngữ điệu đó, nhạc cụ xuất hiện trong nghi lễ nào, hay bản sắc âm nhạc gắn liền với phong tục và đời sống ra sao. Khi được dẫn dắt đúng hướng, AI không làm mất bản sắc mà trở thành phương tiện giúp HSSV hiểu sâu hơn giá trị văn hóa nằm sau mỗi âm thanh.

4.2. Xây dựng bộ học liệu số chuyên sâu về âm nhạc Việt Nam theo hướng mở và tương tác

Học liệu âm nhạc truyền thống hiện nay còn rời rạc, nặng về mô tả mà thiếu yếu tố trực quan. Trong khi đó, HSSV quen với môi trường digital và cần một hệ sinh thái học liệu phù hợp với phương thức tiếp nhận mới.

Giải pháp này đề xuất xây dựng bộ học liệu số hóa bao gồm:

- Thư viện âm thanh chuẩn hóa của các nhạc cụ truyền thống, được thu âm chất lượng cao.
- Bộ video ghi nhận thực hành dân ca, dân vũ, nghi lễ âm nhạc ở nhiều vùng miền khác nhau.
- Bản đồ âm nhạc Việt Nam có tương tác, cho phép người học khám phá từng làn điệu gắn với điều kiện địa lý – văn hóa.
- Hệ thống bài học số (e-learning) giải thích thang âm, tiết tấu, phong cách dân ca dưới dạng đồ họa trực quan.

Khi kết hợp với AI, học liệu số có thể trở nên linh hoạt hơn: AI giải thích cấu trúc một bài dân ca, phân tích tiết tấu tự động, hoặc đề xuất nguồn nghe phù hợp với chủ đề

đang học. Bộ học liệu này không chỉ hỗ trợ người dạy mà còn giúp HSSV chủ động khám phá âm nhạc truyền thống theo tốc độ và nhu cầu cá nhân.

4.3. Tổ chức các dự án sáng tạo và trải nghiệm âm nhạc dựa trên chất liệu truyền thống

Một trong những lý do khiến HSSV ít hứng thú với âm nhạc truyền thống là vì các em ít có cơ hội trải nghiệm sáng tạo. Dù AI có thể hỗ trợ sản xuất âm nhạc nhanh chóng, nhưng điều quan trọng là giáo dục phải hướng HSSV hiểu rằng sáng tạo nghệ thuật phải xuất phát từ tri thức âm nhạc dân tộc.

Giải pháp này đề xuất triển khai các dự án học tập như:

- Remix có định hướng: HSSV kết hợp dân ca với nhạc hiện đại nhưng giữ nguyên thang âm, phong cách và ngữ điệu truyền thống.

- Sáng tác giai điệu thiếu nhi dựa trên thang âm dân gian, có sự hỗ trợ phân tích của AI.

- Thiết kế sản phẩm multimedia (video, hoạt hình, sân khấu hóa) sử dụng nhạc cụ Việt được mô phỏng bởi công nghệ.

- Tái hiện không gian lễ hội âm nhạc bằng công nghệ VR/AR.

Trong quá trình đó, AI đóng vai trò trợ lý kỹ thuật – phân tích cao độ, kiểm tra sự phù hợp phong cách – trong khi người học vẫn là chủ thể sáng tạo. Điều này giúp HSSV cảm thấy âm nhạc truyền thống không xa lạ mà hoàn toàn có thể hòa vào đời sống hiện đại một cách tự nhiên và hấp dẫn.

4.4. Phát triển năng lực thẩm định và phân tích âm nhạc cho học sinh – sinh viên

Một trong những nguy cơ lớn nhất trong thời đại AI là HSSV đánh đồng giữa âm nhạc truyền thống thật và âm nhạc do AI mô phỏng. Do đó, giáo dục cần trang bị cho người học khả năng phân tích, đánh giá và nhận diện giá trị âm nhạc một cách khoa học.

Giải pháp này tập trung vào:

- Dạy HSSV nhận diện đặc điểm giai điệu dân tộc qua phân tích thang âm, tiết tấu, giọng điệu.

- Giải thích rõ sự khác biệt giữa “tái tạo âm thanh” và “thực hành văn hóa”.

- Huấn luyện kỹ năng nghe so sánh (comparative listening): phân biệt bản thật – bản AI, bản truyền thống – bản hiện đại.

- Khuyến khích HSSV viết bài phân tích âm nhạc, bình luận âm nhạc.

Khi được trang bị năng lực thẩm định, HSSV không bị cuốn theo xu hướng nghe nhạc nhanh trên nền tảng số mà có khả năng đánh giá sâu sắc hơn. Đây là nền tảng quan trọng để bảo vệ bản sắc âm nhạc dân tộc trước làn sóng công nghệ hóa.

4.5. Tăng cường hoạt động văn hóa – nghệ thuật cộng đồng gắn với môi trường học đường

AI có thể tạo ra âm thanh giống dân ca, nhưng không thể tái hiện không gian văn hóa – yếu tố cốt lõi làm nên bản sắc âm nhạc Việt. Do đó, để nuôi dưỡng tình cảm và sự

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

gắn kết văn hóa trong HSSV, cần tạo điều kiện cho các em tham gia nhiều hơn vào các hoạt động cộng đồng.

Giải pháp này bao gồm:

- Tổ chức buổi giao lưu với nghệ nhân các loại hình dân ca, dân vũ, nhạc cụ truyền thống.

- Cho HSSV tham dự lễ hội âm nhạc dân gian, hoạt động làng nghề, hoặc trình diễn công chiêng, quan họ, bài chòi...

- Tổ chức ngày hội âm nhạc học đường với chủ đề “Âm nhạc dân tộc trong đời sống hiện đại”.

- Kết hợp các câu lạc bộ âm nhạc để duy trì hoạt động hát dân ca, chơi nhạc cụ truyền thống.

Những trải nghiệm thực tế này chính là yếu tố bù đắp cho phần công nghệ. Chỉ có sự tiếp xúc trực tiếp với nghệ nhân, không gian, cộng đồng, HSSV mới cảm nhận được giá trị đích thực của bản sắc âm nhạc Việt Nam – điều mà AI không thể thay thế.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy AI đang tạo ra những tác động đa chiều đối với việc tiếp nhận và gìn giữ bản sắc âm nhạc Việt Nam trong giới HSSV. Một mặt, AI mở ra cơ hội tiếp cận mới thông qua học liệu số, mô phỏng nhạc cụ truyền thống, trực quan hóa cấu trúc âm nhạc và hỗ trợ sáng tạo dựa trên chất liệu dân gian. Những khả năng này góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, gia tăng hứng thú học tập và tạo điều kiện để người trẻ đến gần hơn với âm nhạc dân tộc bằng các phương tiện quen thuộc của thời đại số.

Mặt khác, nghiên cứu cũng chỉ ra những thách thức đáng kể: sự phụ thuộc vào thuật toán gợi ý khiến thị hiếu thẩm mỹ của HSSV bị định hướng; âm nhạc truyền thống bị “nén phẳng” thành dữ liệu, dễ bị lai hóa hoặc hiểu sai; và sự hiện diện của các sản phẩm âm nhạc do AI tạo ra đôi khi dẫn đến sự mơ hồ trong nhận thức về “giá trị thật” của âm nhạc dân tộc. Những phát hiện này mang ý nghĩa quan trọng, cảnh báo nguy cơ phai nhạt bản sắc âm nhạc Việt nếu giáo dục không có sự điều chỉnh phù hợp với bối cảnh công nghệ.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất hệ thống năm giải pháp nhằm định vị và phát huy bản sắc âm nhạc Việt trong môi trường giáo dục đương đại. Các giải pháp này thể hiện sự cần thiết phải kết hợp giữa công nghệ và giáo dục văn hóa, giữa tri thức âm nhạc dân tộc và phương tiện số, cũng như giữa trải nghiệm trực tiếp và mô phỏng gián tiếp. Điểm chung của các giải pháp là hướng đến trang bị cho HSSV năng lực thẩm định, phân tích và sáng tạo âm nhạc một cách chủ động, từ đó giúp người trẻ tiếp cận âm nhạc Việt Nam bằng thái độ trân trọng và hiểu biết hơn.

Nghiên cứu đồng thời mở ra hướng phát triển tiếp theo, bao gồm việc mở rộng khảo sát trên phạm vi lớn hơn, ứng dụng các phương pháp định lượng để đo lường mức

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

độ ảnh hưởng của AI đến thị hiếu âm nhạc của HSSV, cũng như xây dựng mô hình đánh giá hiệu quả của các hoạt động giáo dục kết hợp công nghệ. Những hướng nghiên cứu này sẽ góp phần làm rõ hơn cơ chế tác động của AI đến văn hóa âm nhạc Việt Nam và hỗ trợ xây dựng chiến lược bảo tồn di sản phù hợp trong thời kỳ số hóa.

Tổng thể, kết quả nghiên cứu khẳng định rằng AI không phải là yếu tố gây mất bản sắc âm nhạc Việt, mà chính cách thức giới trẻ sử dụng AI mới là yếu tố quyết định. Khi được định hướng đúng, AI sẽ trở thành cầu nối giúp thế hệ trẻ hiểu sâu hơn về âm nhạc dân tộc, đồng thời tạo điều kiện để bản sắc Việt tiếp tục tồn tại, đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong thời đại số.

Tài liệu tham khảo

- Đào Ngọc Chương (2008). *Âm nhạc học đại cương*. Nxb Đại học Quốc gia TP. HCM.
- Lê Bá Hán, Trần Đình Sử & Nguyễn Khắc Phi (2007). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Nxb Giáo dục.
- Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2019). *Giáo dục âm nhạc trong trường học hiện đại*. Nxb Đại học Sư phạm.
- Smith, J. (2023). AI and the Transformation of Music Education. *International Journal of Music Pedagogy*, 18(2), 45–59.
- Tan, L. & Herremans, D. (2021). AI in Music: A Review of Current Applications and Future Trends. *Journal of Creative Technologies*, 33(1), 1–15.
- Zeghlache, S. (2022). Folk Music in the Age of AI: Cultural Identity and Digital Mediation. *Ethnomusicology Online*, 29(3).
- Zhou, Y. (2021). Deepfake Voices and Cultural Authenticity in Music Performance. *Journal of Applied Digital Arts*, 14(2), 66–82.

ĐẶC ĐIỂM BẢN SẮC ÂM NHẠC DÂN TỘC TRONG CA KHÚC VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI KỶ NGUYÊN AI

Trần Hữu Phát, Phạm Nguyễn Anh Duy

Trường Trung Cấp Mai Linh

Email: anhduyvocal@gmail.com

Tóm tắt

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI), đời sống âm nhạc Việt Nam đang chứng kiến những biến đổi sâu sắc về phương thức sáng tác, sản xuất và tiếp nhận ca khúc. Trước xu thế toàn cầu hóa và tự động hóa ngày càng gia tăng, vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc Việt Nam trở thành một yêu cầu mang tính cấp thiết cả về phương diện văn hóa lẫn nghệ thuật. Bài viết tập trung nghiên cứu các đặc điểm thể hiện bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc Việt Nam trong thời đại kỷ nguyên AI thông qua việc phân tích các yếu tố âm nhạc như chất liệu dân gian, thang âm điệu thức, tư duy giai điệu, tiết tấu, hòa âm, ca từ và quan niệm thẩm mỹ của người sáng tác. Trên cơ sở đó, bài viết làm rõ những thách thức và cơ hội mà AI mang lại đối với việc bảo tồn và phát triển bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc Việt Nam, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm của con người là chủ thể sáng tạo trong việc định hình giá trị văn hóa của âm nhạc trong kỷ nguyên công nghệ.

Từ khóa: Ca khúc Việt Nam, bản sắc dân tộc, trí tuệ nhân tạo, âm nhạc truyền thống, công nghệ số.

Characteristics of national music identity in vietnamese songs in the AI era

Abstract

In the context of rapid development of digital technology and artificial intelligence (AI), Vietnamese musical life is undergoing profound changes in composition, production, and reception. Amid globalization and increasing automation, preserving and promoting national identity in Vietnamese songs has become an urgent cultural and artistic issue. This article examines the characteristics of national identity in Vietnamese songs in the AI era through the analysis of folk materials, modal systems, melodic thinking, rhythm, harmony, lyrics, and aesthetic perspectives. The study highlights both challenges and opportunities posed by AI to national musical identity and emphasizes the central role of human creativity in shaping cultural values in contemporary Vietnamese music.

Keywords: Vietnamese songs, national identity, artificial intelligence, traditional music, digital era.

1. Đặt vấn đề

Ca khúc luôn giữ vị trí đặc biệt trong đời sống âm nhạc Việt Nam nhờ tính phổ biến, khả năng lan tỏa rộng rãi và sức tác động mạnh mẽ đến cảm xúc xã hội. Trong suốt tiến trình phát triển của âm nhạc Việt Nam hiện đại, ca khúc không chỉ phản ánh hiện thực đời sống mà còn là phương tiện quan trọng chuyển tải các giá trị văn hóa, tinh thần và bản sắc dân tộc.

Bước sang thế kỷ XXI, sự bùng nổ của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đã làm thay đổi căn bản phương thức sáng tác và tiếp nhận âm nhạc. Các công cụ AI có khả năng tạo giai điệu, hòa âm, phối khí, thậm chí mô phỏng phong cách sáng tác của các nhạc sĩ nổi tiếng, đặt ra những vấn đề mới đối với tính độc đáo, bản quyền và bản sắc văn hóa trong ca khúc. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu đặc điểm bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc Việt Nam trong thời đại kỷ nguyên AI không chỉ mang ý nghĩa học thuật, mà còn có giá trị định hướng sáng tác và bảo tồn văn hóa âm nhạc dân tộc.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp phân tích tổng hợp: Phân tích các yếu tố cấu thành bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc và tổng hợp thành các đặc điểm mang tính hệ thống.

Phương pháp âm nhạc học: Phân tích thang âm, điệu thức, giai điệu, tiết tấu, hòa âm và hình thức ca khúc.

Phương pháp lịch sử xã hội: Đặt ca khúc trong bối cảnh phát triển của xã hội Việt Nam và tác động của công nghệ AI.

Phương pháp so sánh đối chiếu: So sánh ca khúc truyền thống, ca khúc hiện đại và các sản phẩm âm nhạc có sự hỗ trợ của AI.

Phương pháp khảo cứu tài liệu: Tham khảo các công trình nghiên cứu về âm nhạc truyền thống, ca khúc Việt Nam và công nghệ âm nhạc.

3. Nội dung

3.1. Bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc Việt Nam

Bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc Việt Nam là một phạm trù mang tính tổng hợp, phản ánh sâu sắc tư duy thẩm mỹ, đời sống tinh thần và hệ giá trị văn hóa của cộng đồng người Việt qua từng giai đoạn lịch sử. Ca khúc, với đặc trưng là sự kết hợp giữa âm nhạc và ngôn từ, không chỉ là hình thức biểu đạt cảm xúc cá nhân mà còn là phương tiện chuyển tải bản sắc văn hóa dân tộc một cách trực tiếp và sinh động.

Trước hết, bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc Việt Nam được thể hiện thông qua mối quan hệ hữu cơ với âm nhạc truyền thống. Nhiều ca khúc Việt Nam, dù được sáng tác trong bối cảnh hiện đại, vẫn kế thừa và phát triển các yếu tố của nhiều dòng chảy âm nhạc truyền thống khác nhau, trong đó âm nhạc dân gian giữ vai trò nổi bật, như thang âm ngũ cung, điệu thức đặc trưng, lối vận động giai điệu mềm mại, giàu tính trữ tình và gắn bó chặt chẽ với ngữ điệu tiếng Việt. Những yếu tố này tạo nên dấu ấn riêng biệt, giúp ca khúc Việt Nam dễ dàng được nhận diện và phân biệt với ca khúc của các nền âm nhạc khác.

Bên cạnh yếu tố âm nhạc, ca từ đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành bản sắc âm nhạc dân tộc của ca khúc Việt Nam. Ngôn ngữ ca từ Việt Nam giàu hình ảnh, giàu tính biểu cảm và thường gắn với không gian văn hóa, tâm lý và lối sống của người Việt. Nội dung ca từ phản ánh các chủ đề quen thuộc như quê hương, đất nước, con người, tình cảm gia đình, tình yêu đôi lứa, cũng như những suy tư trước các biến đổi của xã hội. Chính sự gắn gũi về ngôn ngữ và cảm xúc đã tạo nên mối liên kết bền chặt giữa ca khúc và công chúng Việt Nam.

Ngoài ra, bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc Việt Nam còn được thể hiện qua tư duy sáng tác và quan niệm thẩm mỹ của người nhạc sĩ. Khác với việc sao chép nguyên dạng các yếu tố dân gian, nhiều nhạc sĩ Việt Nam lựa chọn con đường tiếp biến văn hóa, tức là chắt lọc tinh thần cốt lõi của âm nhạc truyền thống để kết hợp với các yếu tố âm nhạc hiện đại. Quá trình này giúp ca khúc Việt Nam vừa giữ được “căn cốt” dân tộc, vừa đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ ngày càng đa dạng của xã hội đương đại.

Có thể khẳng định rằng, bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc Việt Nam không phải là một hệ thống bất biến, mà là một cấu trúc động, luôn vận động và biến đổi cùng với sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, dù ở bất kỳ giai đoạn nào, những giá trị văn hóa cốt lõi của dân tộc vẫn đóng vai trò nền tảng, định hướng cho quá trình sáng tạo. Chính điều này tạo nên sức sống lâu bền cho ca khúc Việt Nam và khẳng định vị trí của nó trong đời sống âm nhạc cũng như trong bản đồ văn hóa của dân tộc.

3.2. Chất liệu dân gian và sự chuyển hóa trong thời đại AI

Nền âm nhạc truyền thống Việt Nam phản ánh tính chất đa dân tộc cũng như đời sống tinh thần phong phú và đa dạng của người Việt Nam. Nền âm nhạc đó gồm hai thành phần lớn: âm nhạc dân gian hay âm nhạc truyền miệng (do nhân dân lao động sáng tạo và trình diễn) và âm nhạc chuyên nghiệp hay âm nhạc bác học (do các nghệ sĩ, nghệ nhân sáng tạo và biểu diễn). Trong hai thành phần này, âm nhạc dân gian chiếm tỷ trọng lớn, có vai trò quan trọng và là cơ sở của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam. Nhưng hai thành phần của nền âm nhạc này luôn có sự chuyển hóa, bổ sung lẫn nhau; sự chuyển hóa này được thực hiện nhiều lần, nhiều tầng,... theo cả hai chiều, từ âm nhạc dân gian đến âm nhạc bác học và ngược lại. Ranh giới của hai thành phần này trong nền âm nhạc truyền thống Việt Nam không phải lúc nào cũng rõ ràng (Nguyễn Thị Mỹ Liêm, 2014: 76)

Âm nhạc dân gian hình thành trực tiếp từ đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng, vì vậy phản ánh chân thực hiện thực cuộc sống con người. Trong quá trình phản ánh ấy, âm nhạc dân gian không chỉ tái hiện sinh hoạt thường nhật mà còn cho thấy những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ giai tầng và trình độ phát triển của cộng đồng trong từng giai đoạn lịch sử. Một trong những đặc trưng quan trọng của âm nhạc dân gian là tính nguyên hợp, thể hiện ở việc nó ra đời từ nhu cầu thực tiễn của đời sống và kết hợp hài hòa giữa chức năng sử dụng với giá trị thẩm mỹ. Chẳng hạn, hệ thống hò Sông Mã của Thanh Hóa gồm nhiều làn điệu gắn liền với hoạt động lao động và sinh hoạt của người dân làm nghề chèo đò trên sông, vừa phục vụ công việc, vừa đáp ứng nhu cầu biểu đạt cảm xúc và giao lưu tinh thần.

Trong tiến trình lịch sử âm nhạc Việt Nam hiện đại, các yếu tố dân gian như làn điệu, thang âm điệu thức, nhịp điệu, cách tổ chức giai điệu và ngữ điệu tiếng Việt đã được các nhạc sĩ khai thác, sáng tạo và chuyển hóa thành ngôn ngữ ca khúc mang tính thời đại. Bước sang kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, quá trình tiếp biến này diễn ra trong một bối cảnh mới, khi công nghệ can thiệp sâu vào mọi khâu của hoạt động sáng tác và sản xuất âm nhạc.

Trước hết, chất liệu dân gian trong ca khúc Việt Nam thời đại AI không còn tồn tại chủ yếu dưới hình thức trích dẫn trực tiếp các làn điệu truyền thống, mà được chuyển hóa thông qua các mô hình xử lý và tái cấu trúc âm nhạc. Các hệ thống AI có khả năng phân tích dữ liệu âm nhạc dân gian, nhận diện đặc trưng về cao độ, tiết tấu, cấu trúc giai điệu và mô hình hòa âm, từ đó tạo ra những sản phẩm âm nhạc mang âm hưởng dân gian trong hình thức hiện đại. Tuy nhiên, bản thân AI chỉ thực hiện được chức năng mô phỏng và kết hợp dữ liệu; việc lựa chọn mức độ, cách thức và mục đích sử dụng chất liệu dân gian vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào ý thức thẩm mỹ và định hướng văn hóa của người sáng tác.

Sự chuyển hóa chất liệu dân gian trong thời đại AI còn thể hiện rõ ở việc mở rộng không gian sáng tạo. Nhờ công nghệ số, các yếu tố dân gian từ nhiều vùng miền khác nhau có thể được tiếp cận, lưu trữ và khai thác một cách hệ thống. Điều này tạo điều kiện cho nhạc sĩ khám phá chiều sâu và sự đa dạng của di sản âm nhạc truyền thống, đồng thời kết hợp chúng với các phong cách âm nhạc đương đại như pop, rock, electronic hay world music. Quá trình này nếu được định hướng đúng đắn sẽ góp phần làm phong phú diện mạo ca khúc Việt Nam, tăng khả năng tiếp cận của âm nhạc dân tộc đối với công chúng trẻ trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Tuy nhiên, sự hỗ trợ mạnh mẽ của AI cũng đặt ra nguy cơ làm giản lược và phiến diện hóa chất liệu dân gian. Khi các yếu tố truyền thống chỉ được sử dụng như “màu sắc âm thanh” hoặc công cụ tạo hiệu ứng, bản sắc âm nhạc dân tộc có thể bị tách rời khỏi bối cảnh văn hóa – xã hội vốn có của nó. Việc lạm dụng các mô hình giai điệu hoặc tiết tấu dân gian do AI tạo ra mà thiếu sự hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc và ý nghĩa văn hóa sẽ dẫn đến hiện tượng sao chép hình thức, làm nghèo nàn giá trị nghệ thuật của ca khúc.

Do đó, trong thời đại AI, sự chuyển hóa chất liệu dân gian trong ca khúc Việt Nam cần được đặt trên nền tảng của tri thức âm nhạc truyền thống và bản lĩnh sáng tạo của con người. AI chỉ nên được xem là công cụ hỗ trợ kỹ thuật, giúp mở rộng khả năng thử nghiệm và xử lý âm thanh, chứ không thể thay thế vai trò của người nhạc sĩ trong việc cảm thụ, lựa chọn và định hướng giá trị văn hóa. Chính sự chủ động và tinh táo của chủ thể sáng tác sẽ quyết định việc chất liệu dân gian được bảo tồn, phát triển hay bị hòa tan trong dòng chảy công nghệ.

3.3. Thang âm, điệu thức và tư duy giai điệu mang tính dân tộc

Thang âm và điệu thức là những yếu tố cốt lõi góp phần tạo nên bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc Việt Nam. Trong đó, thang âm ngũ cung cùng các biến thể của nó đã hình thành nên “màu sắc Việt” đặc trưng, được nhận diện rõ ràng trong nhiều sáng tác ca khúc qua các thời kỳ. Việc sử dụng thang âm ngũ cung không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật âm nhạc, mà còn phản ánh tư duy thẩm mỹ và cảm quan âm thanh của người Việt, vốn đề cao sự cân bằng, mềm mại và tính biểu cảm nội tâm.

Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, thách thức lớn đặt ra là sự phổ biến của hệ thống trưởng – thứ phương Tây trong các thuật toán tạo nhạc. Phần lớn các mô hình AI hiện nay được huấn luyện dựa trên dữ liệu âm nhạc toàn cầu, trong đó âm nhạc phương Tây chiếm ưu thế. Điều này dẫn đến xu hướng đồng nhất hóa về thang âm và cấu trúc giai điệu,

khuyến các sản phẩm âm nhạc do AI hỗ trợ dễ nghiêng về ngôn ngữ âm nhạc phổ quát, làm mờ nhạt những đặc trưng mang tính dân tộc nếu thiếu sự định hướng của con người.

Bên cạnh yếu tố thang âm, tư duy giai điệu trong ca khúc Việt Nam truyền thống cũng là một biểu hiện quan trọng của bản sắc dân tộc. Giai điệu thường được phát triển theo hướng tuyến tính, ít đột ngột, giàu tính liên kết và phù hợp với ngữ điệu tiếng Việt. Cách vận động giai điệu này phản ánh tư duy thẩm mỹ coi trọng sự hài hòa, tính kể chuyện và chiều sâu cảm xúc hơn là phô diễn kỹ thuật. Đây chính là đặc điểm giúp ca khúc Việt Nam dễ đi vào lòng người và tạo nên sự đồng cảm bền vững với công chúng.

Trong bối cảnh AI tham gia vào quá trình sáng tác, việc bảo tồn tư duy giai điệu mang tính dân tộc đòi hỏi vai trò chủ động của người nhạc sĩ. Mặc dù AI có thể mô phỏng các mô hình giai điệu dựa trên dữ liệu sẵn có, nhưng khả năng cảm nhận ngữ điệu tiếng Việt, sắc thái cảm xúc và bối cảnh văn hóa vẫn là giới hạn của công nghệ. Do đó, chỉ khi con người giữ vai trò trung tâm trong việc lựa chọn, điều chỉnh và định hướng giai điệu, thang âm và điệu thức, ca khúc Việt Nam trong thời đại AI mới có thể vừa tiếp thu được thành tựu công nghệ, vừa giữ vững được bản sắc dân tộc.

3.4. Ca từ và ngôn ngữ là trụ cột bản sắc trong thời đại số

Trong ca khúc, ngôn ngữ là hệ thống phương tiện biểu đạt chung của cộng đồng, mang đặc trưng ngữ âm, thanh điệu, ngữ nghĩa và văn hóa; còn ca từ là sự tổ chức sáng tạo ngôn ngữ ấy trong không gian nghệ thuật âm nhạc. Nói cách khác, ngôn ngữ cung cấp chất liệu, còn ca từ là hình thức nghệ thuật được hình thành từ việc lựa chọn, sắp xếp và xử lý chất liệu ngôn ngữ theo tư duy thẩm mỹ của người nhạc sĩ.

Tiếng Việt, với đặc trưng thanh điệu phong phú, nhịp điệu linh hoạt và cấu trúc ngữ âm giàu nhạc tính, có ảnh hưởng trực tiếp đến cách hình thành giai điệu, tiết tấu và cấu trúc câu nhạc trong ca khúc. Trên nền tảng đó, ca từ không chỉ đảm nhiệm chức năng truyền đạt nội dung mà còn tham gia định hình cảm xúc, phong cách và hình thức biểu hiện của tác phẩm. Sự kết hợp chặt chẽ giữa ngôn ngữ và âm nhạc tạo nên một chỉnh thể biểu đạt thống nhất, trong đó ca từ đóng vai trò cầu nối giữa tư duy nghệ thuật và cảm xúc người nghe.

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng được ứng dụng rộng rãi vào sáng tác âm nhạc, nhiều phần mềm và thuật toán có khả năng hỗ trợ tạo lập ca từ một cách tự động. Tuy nhiên, các sản phẩm này chủ yếu vận hành trên cơ sở thống kê và mô hình xác suất của ngôn ngữ, khó tái hiện được chiều sâu văn hóa, tính biểu tượng và sắc thái tâm lý gắn liền với trải nghiệm sống của con người Việt Nam. Việc thiếu nền tảng cảm xúc, ký ức và bối cảnh văn hóa khiến ca từ do AI tạo ra dễ mang tính khuôn mẫu, thiếu cá tính sáng tạo và độ rung cảm thẩm mỹ.

Chính vì vậy, trong tiến trình sáng tác ca khúc, ca từ với tư cách là sự hiện thân nghệ thuật của ngôn ngữ vẫn là phương diện thể hiện rõ nét nhất bản sắc âm nhạc dân tộc, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm và không thể thay thế của con người trong hoạt động sáng tạo. Thông qua việc lựa chọn ngôn ngữ, xây dựng hình ảnh và tổ chức cảm xúc trong ca từ, người nhạc sĩ không chỉ sáng tác tác phẩm nghệ thuật mà còn góp phần gìn giữ, chuyển tải và lan tỏa các giá trị văn hóa dân tộc trong thời đại công nghệ số.

3.5. Tiết tấu, hòa âm và sự tiếp biến công nghệ

Tiết tấu gồm những nốt nhạc có trường độ dài ngắn khác nhau, cùng với cao độ làm nên nốt nhạc. Nói như thế chỉ nhìn về hình thức, như khi lấy bất kỳ giai điệu nào tước bỏ độ cao chỉ còn lại ký hiệu dài ngắn như một sơ đồ tiết tấu. Nhưng tiết tấu còn có thể hiểu rộng hơn gồm cả tiết nhịp, tốc độ nữa (Thế Bảo, 2013: 42). Hòa âm có nghĩa là có nhiều bè âm nhạc chồng lên nhau. Còn nếu gọi là hòa thanh thì chỉ là việc chồng của nhiều giọng hát sẽ không bao quát được âm nhạc nhiều bè (Thế Bảo, 2013: 44).

Tiết tấu và hòa âm là những thành tố quan trọng góp phần định hình diện mạo âm nhạc của ca khúc Việt Nam trong tiến trình hiện đại hóa. Trong bối cảnh công nghệ số và trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ, hai yếu tố này chịu sự tác động rõ rệt của các phương thức sản xuất âm nhạc mới, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp biến hài hòa giữa truyền thống và hiện đại nhằm bảo đảm bản sắc dân tộc.

Về tiết tấu, ca khúc Việt Nam truyền thống thường hướng đến sự linh hoạt, giàu tính kể chuyện và phù hợp với đặc điểm ngữ điệu tiếng Việt. Khi các công cụ công nghệ và AI được ứng dụng rộng rãi, tiết tấu trong ca khúc ngày càng đa dạng, chịu ảnh hưởng của nhiều phong cách âm nhạc quốc tế. Tuy nhiên, nếu thiếu sự điều tiết của người sáng tác, việc lạm dụng các mô hình tiết tấu mang tính toàn cầu có thể làm mất đi sự mềm mại và tính tự nhiên vốn có của ca khúc Việt Nam. Do đó, quá trình tiếp biến công nghệ cần được thực hiện trên cơ sở lựa chọn và điều chỉnh tiết tấu sao cho phù hợp với cấu trúc ca từ và cảm quan thẩm mỹ của người Việt.

Đối với hòa âm, công nghệ số và AI mang lại khả năng xử lý phức tạp, mở rộng không gian sáng tạo và rút ngắn đáng kể thời gian sản xuất. Các mô hình hòa âm hiện đại giúp ca khúc trở nên phong phú về màu sắc âm thanh và dễ dàng tiếp cận công chúng đương đại. Tuy nhiên, việc sử dụng hòa âm mang tính phổ quát, nếu không được định hướng bởi tư duy văn hóa, có thể dẫn đến xu hướng đồng nhất hóa phong cách, làm mờ nhạt dấu ấn dân tộc. Vì vậy, vai trò của người nhạc sĩ thể hiện ở khả năng lựa chọn ngôn ngữ hòa âm phù hợp, vừa tiếp thu thành tựu công nghệ, vừa giữ được tinh thần và cảm xúc đặc trưng của âm nhạc Việt Nam.

Sự tiếp biến công nghệ trong tiết tấu và hòa âm không nên được hiểu là sự thay thế hoàn toàn các giá trị truyền thống, mà là quá trình dung hòa và sáng tạo. Khi công nghệ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, đặt dưới sự kiểm soát của tư duy nghệ thuật và ý thức văn hóa, ca khúc Việt Nam có điều kiện phát triển theo hướng hiện đại mà không đánh mất bản sắc. Đây chính là cơ sở để âm nhạc Việt Nam hội nhập với đời sống âm nhạc toàn cầu trong thời đại AI, đồng thời vẫn giữ được những giá trị văn hóa bền vững của dân tộc.

3.6. Bản sắc âm nhạc dân tộc trong ca khúc Việt Nam trước thách thức và cơ hội của AI

Sự tham gia ngày càng sâu của trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực âm nhạc đặt ca khúc Việt Nam trước những tác động hai chiều. Một mặt, việc phụ thuộc quá mức vào các thuật toán sáng tác mang tính phổ quát có thể dẫn đến hiện tượng đồng dạng hóa phong cách, khiến những dấu ấn văn hóa riêng biệt dần bị lu mờ. Khi ngôn ngữ âm nhạc được

chuẩn hóa theo các mô hình toàn cầu, nguy cơ suy giảm tính độc đáo và chiều sâu văn hóa của ca khúc trở nên rõ rệt hơn.

Mặt khác, trí tuệ nhân tạo mở ra nhiều triển vọng mới trong việc tiếp cận và khai thác di sản âm nhạc dân tộc. Các công nghệ phân tích dữ liệu, số hóa và mô phỏng âm thanh cho phép hệ thống hóa, bảo tồn và tái tạo các giá trị âm nhạc truyền thống với mức độ chính xác cao, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và sáng tác. Nhờ đó, âm nhạc dân tộc có cơ hội được lan tỏa rộng rãi hơn trong không gian số và tiếp cận các thế hệ công chúng mới.

Trong mối quan hệ giữa âm nhạc và công nghệ, trí tuệ nhân tạo không giữ vai trò quyết định đối với sự tồn tại của bản sắc dân tộc. Yếu tố then chốt vẫn nằm ở ý thức văn hóa, năng lực thẩm mỹ và trách nhiệm sáng tạo của con người. Khi công nghệ được sử dụng một cách chủ động và có định hướng, ca khúc Việt Nam hoàn toàn có thể tận dụng thành tựu của AI để phát triển mà vẫn giữ vững được những giá trị văn hóa cốt lõi của dân tộc.

4. Kết luận

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng tác động sâu rộng đến hoạt động sáng tác và sản xuất âm nhạc, bản sắc âm nhạc dân tộc vẫn là nền tảng định hình giá trị văn hóa và chiều sâu nghệ thuật của ca khúc Việt Nam. Những yếu tố mang tính truyền thống không bị triệt tiêu bởi công nghệ, mà tiếp tục giữ vai trò định hướng, giúp âm nhạc Việt Nam khẳng định bản lĩnh và vị thế trong môi trường sáng tạo đương đại.

Trí tuệ nhân tạo không thể thay thế cảm quan thẩm mỹ, trải nghiệm sống và trách nhiệm văn hóa của con người trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Thay vào đó, công nghệ chỉ phát huy hiệu quả khi được đặt dưới sự kiểm soát của tư duy sáng tạo và ý thức văn hóa của người nhạc sĩ. Việc nhận diện đúng vai trò của AI sẽ giúp hạn chế nguy cơ đồng nhất hóa phong cách, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận và khai thác các giá trị âm nhạc truyền thống.

Do đó, để ca khúc Việt Nam phát triển một cách bền vững trong dòng chảy âm nhạc toàn cầu của kỷ nguyên AI, người sáng tác cần chủ động tiếp cận công nghệ trên cơ sở tôn trọng và gìn giữ các giá trị văn hóa dân tộc. Sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa con người và công nghệ, chính là con đường tất yếu để ca khúc Việt Nam vừa hội nhập sâu rộng, vừa giữ vững bản sắc riêng trong đời sống âm nhạc đương đại.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2014). *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb Âm Nhạc.
Thế Bảo (2013). *Cảm nhận mỹ học âm nhạc*. Nxb Thanh Niên.

ÂM SẮC GIỌNG HÁT CÁ NHÂN TRONG KỶ NGUYÊN AI ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO THANH NHẠC TỪ GÓC ĐỘ BẢN SẮC NGHỆ SĨ

Huỳnh Hoàng Cư

Trường Đại học Văn Hiến

Email: CuHH@vhu.edu.vn

Tóm tắt

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực âm nhạc, giọng hát con người đang đứng trước những thay đổi sâu sắc cả về phương thức đào tạo lẫn quan niệm thẩm mỹ. Bài viết tập trung phân tích vai trò của âm sắc giọng hát cá nhân, yếu tố cốt lõi làm nên bản sắc nghệ thuật của người ca sĩ trong kỷ nguyên AI. Từ thực tiễn giảng dạy và quản lý đào tạo ngành thanh nhạc tại Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Văn Hiến, tác giả làm rõ những cơ hội và thách thức do AI đặt ra đối với quá trình hình thành giọng hát cá nhân, đồng thời khẳng định vai trò không thể thay thế của giảng viên và tư duy sư phạm trong đào tạo thanh nhạc hiện nay.

Từ khóa: Âm sắc giọng hát, giọng hát cá nhân, đào tạo thanh nhạc, bản sắc nghệ sĩ; trí tuệ nhân tạo (AI)

Individual Vocal Timbre in the Era of Artificial Intelligence Vocal Training from the Perspective of Artistic Identity

Abstract

In the context of the increasing application of artificial intelligence (AI) in music, the human singing voice is undergoing profound changes in both pedagogical practice and aesthetic perception. This paper examines the role of individual vocal timbre as the core element shaping a singer's artistic identity in the AI era. Drawing on practical experience in vocal training at the Faculty of Arts, Van Hien University, the author analyzes the opportunities and challenges posed by AI to the formation of personal vocal identity and emphasizes the irreplaceable role of vocal instructors and pedagogical orientation in contemporary vocal education.

Keywords: Vocal timbre; vocal training; artificial intelligence; music education; personal identity

1. Mở đầu

Trong nghệ thuật thanh nhạc, giọng hát không chỉ là phương tiện truyền tải nội dung âm nhạc mà còn là dấu ấn nghệ thuật giúp người nghe nhận diện cá tính và bản sắc của người ca sĩ. Bên cạnh các yếu tố kỹ thuật như hơi thở, khẩu hình, khoảng vang và cộng minh, âm sắc giọng hát giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi đây là yếu tố mang tính cá nhân sâu sắc, gắn liền với cấu trúc sinh lý, trải nghiệm sống và tư duy nghệ thuật của mỗi người hát.

Từ góc độ một giảng viên trực tiếp giảng dạy thanh nhạc, đồng thời tham gia công tác quản lý đào tạo tại Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Văn Hiến - đơn vị tổ chức hội thảo khoa học này, tác giả nhận thấy rằng trong thực tiễn đào tạo hiện nay, xu hướng

chuẩn hóa kỹ thuật nếu không đi kèm định hướng thẩm mỹ phù hợp có thể dẫn đến hiện tượng đồng nhất hóa âm thanh, làm mờ đi dấu ấn âm sắc cá nhân của người học. Không ít sinh viên đạt được sự ổn định về kỹ thuật nhưng lại gặp khó khăn trong việc hình thành giọng hát mang bản sắc nghệ thuật riêng.

Bước sang kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, các công nghệ phân tích, chỉnh sửa và tái tạo giọng hát ngày càng can thiệp nhiều vào quá trình luyện tập và biểu diễn. Bên cạnh việc quan tâm kiểm soát cao độ, nhịp điệu và kỹ thuật, song đồng thời cũng có xu hướng hình thành một âm thanh chuẩn, từ đó làm giảm đi vai trò của âm sắc giọng hát cá nhân. Trong bối cảnh này, việc khẳng định và bảo vệ giá trị của âm sắc giọng hát cá nhân không chỉ là vấn đề lý luận mà còn là yêu cầu thực tiễn cấp thiết trong đào tạo thanh nhạc hiện nay.

Trong khuôn khổ báo cáo tham luận, nhằm tạo điều kiện cho việc cảm thụ trực tiếp và đối sánh giữa giọng hát con người và giọng hát do AI tái tạo, tác giả dự kiến triển khai một hình thức trình bày mang tính thực nghiệm sư phạm. Theo đó, hai sinh viên thanh nhạc sẽ tham gia biểu diễn với hai thể loại khác nhau: một tác phẩm nhạc pop đương đại và một tác phẩm dân ca thính phòng. Việc lựa chọn hai thể loại này nhằm làm rõ sự khác nhau về xử lý âm sắc cá nhân, đồng thời giúp hội thảo nhận diện rõ hơn giới hạn của AI trong việc tái tạo các sắc thái giọng hát gắn với ngữ cảnh văn hóa và trải nghiệm nghệ thuật của con người.

2. Âm sắc giọng hát và tính cá nhân trong thanh nhạc

Âm sắc giọng hát cá nhân là kết quả tổng hòa của các yếu tố sinh lý, kỹ thuật thanh nhạc và trải nghiệm nghệ thuật của người hát. Trong đào tạo thanh nhạc, việc hình thành âm sắc không phải là quá trình sao chép một mẫu giọng lý tưởng có sẵn, mà là quá trình khám phá, điều chỉnh và phát triển những đặc điểm riêng biệt của từng cá nhân.

Từ kinh nghiệm giảng dạy, tác giả nhận thấy rằng nhiều sinh viên có xu hướng chạy theo những hình mẫu giọng hát phổ biến trên thị trường âm nhạc đương đại, đặc biệt là các sản phẩm được xử lý mạnh bằng công nghệ. Nếu thiếu sự dẫn dắt sư phạm, người học dễ đánh đồng chất lượng giọng hát với độ hoàn hảo về mặt kỹ thuật, trong khi bỏ qua yếu tố cá tính âm sắc, nền tảng của bản sắc nghệ thuật lâu dài.

3. Tác động của AI đối với âm sắc giọng hát

Sự phát triển của AI trong lĩnh vực âm nhạc mang lại nhiều công cụ hỗ trợ hữu ích cho đào tạo thanh nhạc, từ phân tích cao độ, trường độ đến mô phỏng và tái tạo giọng hát. Tuy nhiên, từ góc độ đào tạo, cần nhìn nhận rằng các hệ thống AI thường được xây dựng trên cơ sở dữ liệu mang tính chuẩn hóa cao, do đó có xu hướng ưu tiên những đặc điểm âm thanh phổ quát, dễ dẫn đến việc làm mờ các sắc thái âm sắc cá nhân.

Từ kinh nghiệm giảng dạy và theo dõi quá trình hình thành giọng hát của sinh viên, tác giả cho rằng vấn đề không nằm ở bản thân công nghệ, mà ở cách thức AI được quan tâm trong môi trường sư phạm. Nếu âm sắc do AI tạo ra không được quan tâm thì có thể một số sinh viên xem như chuẩn mực để so sánh và đánh giá giọng hát, nguy cơ

đồng nhất hóa âm sắc là điều có thể xảy ra. Ngược lại, khi AI được sử dụng như một công cụ tham chiếu nhằm hỗ trợ nhận diện và điều chỉnh kỹ thuật trong thời gian tới, vai trò sáng tạo và cá tính nghệ thuật của người hát vẫn có thể được bảo toàn.

4. Vai trò của giảng viên trong kỷ nguyên AI

Trong đào tạo thanh nhạc hiện nay, giảng viên giữ vai trò trung tâm trong việc định hướng thẩm mỹ và bảo vệ âm sắc giọng hát cá nhân cho người học. Với kinh nghiệm nghề nghiệp và sự tương tác trực tiếp giữa thầy và trò, những yếu tố được hình thành qua quá trình giảng dạy và thực hành nghệ thuật lâu dài, có thể hướng dẫn sinh viên về khả năng cảm thụ tinh tế về âm sắc giọng hát mang tính cá nhân.

Từ thực tiễn giảng dạy và quản lý đào tạo tại Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Văn Hiến, tác giả cho rằng giảng viên cần chủ động phân tích về những tác động của AI trong thanh nhạc nói chung và âm sắc cá nhân nói riêng trong quá trình đào tạo, coi AI như công cụ hỗ trợ kỹ thuật chứ không phải chuẩn mực thẩm mỹ. Việc định hướng đúng đắn này có ý nghĩa quyết định trong việc đào tạo nên những ca sĩ vừa có nền tảng kỹ thuật vững chắc, vừa sở hữu âm sắc và cá tính nghệ thuật riêng.

5. Kết luận

Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, âm sắc giọng hát cá nhân tiếp tục giữ vai trò như dấu ấn nghệ thuật độc bản của mỗi người ca sĩ. Từ thực tiễn giảng dạy và quản lý đào tạo thanh nhạc, tác giả cho rằng việc tham khảo và sử dụng một số ứng dụng AI trong ca hát sẽ phát huy giá trị khi được đặt trong vai trò công cụ hỗ trợ, dưới sự dẫn dắt của tư duy sư phạm và trách nhiệm nghệ thuật của giảng viên.

Việc đưa giọng hát con người và giọng hát do AI tái tạo vào cùng một không gian cảm thụ cho thấy rõ giới hạn của công nghệ trước những yếu tố mang tính cá nhân, cảm xúc và trải nghiệm sống. Do đó, trong đào tạo thanh nhạc hiện nay, con người cần tiếp tục được đặt ở vị trí trung tâm, còn AI cần được sử dụng một cách tinh tế và có định hướng nhằm bảo vệ và phát huy âm sắc giọng hát cá nhân trong đời sống âm nhạc đương đại.

Tài liệu tham khảo

- Lê Thị Thanh Hương (2018). *Đào tạo thanh nhạc trong bối cảnh hội nhập*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
- McCoy, S. (2012). *Your Voice: An Inside View*. Inside View Press.
- Nguyễn Thị Minh Châu (2015). *Thanh nhạc cơ bản*. Nxb Âm nhạc.
- Nguyễn Thị Nhung (2012). *Phương pháp giảng dạy thanh nhạc*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Trần Văn Khê (2003). Âm sắc và bản sắc trong âm nhạc truyền thống Việt Nam. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 5, 12–18.

VAI TRÒ CỦA NHẠC VIỆN TP. HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC ÂM NHẠC DÂN TỘC DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHỆ SỐ

Huỳnh Thị Thu Hiền

Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh

Email: htthien@hcmcons.vn

Tóm tắt

Trong bối cảnh chuyển đổi số và bùng nổ công nghệ trí tuệ nhân tạo, đời sống âm nhạc Việt Nam nói chung và âm nhạc dân tộc nói riêng đang đứng trước những vận hội mới và cũng đối diện với nhiều thách thức về bản sắc. Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh – cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp hàng đầu ở khu vực phía Nam – có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc gìn giữ, phát huy âm nhạc dân tộc, đồng thời giúp thế hệ trẻ “đọc” và “viết” lại di sản ấy bằng ngôn ngữ công nghệ hiện đại. Trên cơ sở khung lý luận về bản sắc âm nhạc dân tộc và chuyển đổi số trong lĩnh vực âm nhạc, tham luận sẽ phân tích lịch sử – chức năng – sứ mệnh của Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh, đánh giá thực trạng công tác giảng dạy, nghiên cứu, biểu diễn âm nhạc dân tộc tại Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi số, chỉ ra những cơ hội, thách thức và đề xuất một số nhóm giải pháp: (1) Tái cấu trúc chương trình đào tạo theo hướng tích hợp “năng lực số”; (2) Xây dựng ngân hàng dữ liệu số về âm nhạc dân tộc; (3) Phát triển không gian trình diễn số và thương hiệu số; (4) Thúc đẩy nghiên cứu – hợp tác quốc tế về công nghệ và âm nhạc dân tộc; (5) Gắn trách nhiệm xã hội và giáo dục thẩm mỹ với chuyển đổi số. Những gợi ý này hướng tới mục tiêu giúp Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh chủ động chuyển đổi số mà vẫn giữ được sứ mệnh bảo tồn, lan tỏa bản sắc âm nhạc dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

Từ khóa: Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh, âm nhạc dân tộc, bản sắc văn hóa, công nghệ số, chuyển đổi số, giáo dục âm nhạc.

The role of the Ho Chi Minh city conservatory of music in preserving and promoting vietnamese traditional musical identity in the context of digital technology

Abstract

In the context of digital transformation and the boom of artificial intelligence technologies, Vietnamese musical life in general, and traditional/ ethnic music in particular, is facing new opportunities while also confronting many identity-related challenges. Ho Chi Minh City Conservatory of Music - the leading professional music-training institution in the Southern region - plays a particularly important role in preserving and promoting traditional music, while also helping the younger generation “read” and “rewrite” that heritage in the language of modern technology. Based on a theoretical framework of national musical identity and digital transformation in the music field, this paper analyzes the history, functions, and mission of the Ho Chi Minh City Conservatory of Music; assesses the current situation of teaching, research, and

performance of traditional music at the Conservatory in the context of digital transformation; identifies opportunities and challenges; and proposes several groups of solutions: (1) Restructuring the training curriculum toward integrating “digital competencies”; (2) Building a digital data bank of traditional music; (3) Developing digital performance spaces and a digital brand; (4) Promoting research and international cooperation on technology and traditional music; (5) Linking social responsibility and aesthetic education with digital transformation. These suggestions aim to help the Ho Chi Minh City Conservatory of Music proactively carry out digital transformation while still maintaining its mission of preserving and spreading the identity of Vietnamese traditional music in the new era.

Keywords: Ho Chi Minh City Conservatory of Music, traditional/ ethnic music, cultural identity, digital technology, digital transformation, music education.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số trong văn hóa nghệ thuật không còn là sự lựa chọn mà đã trở thành xu thế tất yếu. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã khẳng định: *“Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kị, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.*

Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hoá. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”.

Thực hiện theo định hướng của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục, đồng thời triển khai chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh đã xây dựng quan điểm chiến lược: *“Phát triển Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh trở thành một trong những cơ sở đào tạo âm nhạc hàng đầu ở Việt Nam, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển Văn hóa - Nghệ thuật tại khu vực phía Nam và trên phạm vi cả nước, có uy tín ngày càng cao trong và ngoài nước về chất lượng đào tạo, nghiên cứu và chất lượng hoạt động sáng tác, biểu diễn”.*

“Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030”, “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030” đều nhấn mạnh vai trò của khoa học công nghệ trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Trong lịch sử văn hóa Việt Nam, âm nhạc dân tộc không chỉ là một loại hình nghệ thuật, mà còn là “ký ức sống” của cộng đồng, kết tinh thế giới quan, nhân sinh quan, thẩm mỹ quan của dân tộc qua nhiều thế kỷ. Các công trình nghiên cứu của Hội Nhạc sĩ Việt Nam, các nhà nghiên cứu, nhà lý luận phê bình, các

nghệ sĩ và nhiều học giả đã khẳng định: “*Âm nhạc dân tộc là một thành tố cốt lõi của bản sắc văn hóa Việt Nam, là “tấm căn cước” để dân tộc tự nhận diện mình trong dòng chảy toàn cầu*”.

Tuy nhiên, cùng với cơ hội là nguy cơ đánh mất bản sắc nếu quá lệ thuộc vào công nghệ, chạy theo thị hiếu giải trí nhất thời, làm mờ nhạt những giá trị truyền thống. Trần Văn Khê (2004) nhấn mạnh: “*Nếu để mất âm nhạc truyền thống thì ngàn vàng không thể mua lại được*” như một cảnh báo mạnh mẽ về trách nhiệm gìn giữ di sản âm nhạc dân tộc trong bối cảnh hiện đại.

Trong bối cảnh đó, Hội thảo “*Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI*” do Trường Đại học Văn Hiến tổ chức là một diễn đàn cấp thiết để nhìn nhận lại vị thế của bản sắc âm nhạc truyền thống, các thiết chế đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp giữ vai trò “nút trụ” của hệ sinh thái âm nhạc. Đây không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức đối với sự nghiệp phát triển Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh – nơi đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong lĩnh vực âm nhạc là các nghệ sĩ biểu diễn, nhà nghiên cứu, nhà sáng tác, nhà sư phạm âm nhạc tương lai đồng thời cũng là cơ hội và thách thức đối với những cán bộ, giảng viên, nghệ sĩ có trách nhiệm, giàu tâm huyết trong công cuộc bảo tồn và phát huy nền âm nhạc dân tộc Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận và khung khái niệm

2.1. Bản sắc âm nhạc dân tộc

Trong nhiều công trình, các nhà nghiên cứu âm nhạc và văn hóa đều thống nhất rằng bản sắc văn hóa dân tộc nói chung, bản sắc âm nhạc nói riêng được hình thành từ những đặc trưng ổn định về thang âm, điệu thức, tiết tấu, cấu trúc thể loại, phong cách trình diễn, lối ứng tấu, hệ thống nhạc cụ và chức năng xã hội của âm nhạc trong đời sống cộng đồng.

Nguyễn Văn Hòa (2016) nhấn mạnh: “*Âm nhạc dân tộc không chỉ là “di sản quá khứ” mà còn là nguồn lực tinh thần để xây dựng bản lĩnh văn hóa, tạo nên sức đề kháng trước sự đồng nhất hóa của toàn cầu hóa*”.

Trong môi trường đại học, Hoàng Thị Thu Hương (2025) đã chỉ ra vai trò của âm nhạc dân tộc như “*cầu nối gắn liền giữa quá khứ và hiện tại*”, giúp thế hệ trẻ hiểu cội nguồn văn hóa của mình và tham gia tích cực vào hành trình tiếp nối bản sắc.

Như vậy, bản sắc âm nhạc dân tộc không phải là cái bất biến, đóng kín, mà là “giá trị gốc” cần được tái diễn và sáng tạo qua mỗi thế hệ, trong những ngữ cảnh lịch sử – xã hội và công nghệ khác nhau.

2.2. Công nghệ số và chuyển đổi số trong âm nhạc

Công nghệ số trong âm nhạc bao gồm: hệ thống thu âm – hậu kỳ số, phần mềm hòa âm – phối khí, công cụ soạn nhạc (notation), thư viện âm thanh (sample library), nền tảng phân phối số (streaming, mạng xã hội, YouTube), các ứng dụng phân tích âm thanh, phần mềm hỗ trợ nghiên cứu âm nhạc dân tộc cũng như các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) tạo sinh âm nhạc.

Hiện nay, công nghệ số đã có mặt trong các hoạt động âm nhạc, từ sáng tác đến biểu diễn, nghiên cứu và đào tạo. Việc cần nắm bắt xu thế công nghệ hóa, số hóa đổi

với sáng tạo nghệ thuật và các học phần bộ môn “*tin học âm nhạc*” hiện nay còn lạc hậu so với thế giới, đặt ra yêu cầu cấp bách đối với các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp như Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh.

Trong nghiên cứu âm nhạc dân tộc, từ luận văn của Đặng Huy Hoàng (Nhạc viện TP.HCM, 1996) cho đến luận án tiến sĩ tại Utrecht (Hà Lan) về ứng dụng phần mềm MIDI Utility Music và ký âm “chữ nhạc” cho nhạc tài tử Nam Bộ, cho thấy công nghệ có thể trở thành công cụ mạnh mẽ để ghi chép, phân tích, lưu trữ những chi tiết tinh tế của âm nhạc cổ truyền.

Như vậy, chuyển đổi số trong âm nhạc không chỉ từ việc học tập qua hình thức online hay phần mềm chép nhạc đơn giản, mà cụ thể hơn là thay đổi cách sáng tạo, bảo tồn, truyền dạy và tiếp nhận âm nhạc, trong đó các cơ sở giáo dục đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp giữ vai trò định hướng chuẩn mực nghệ thuật, chuẩn mực thẩm mỹ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

3. Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh: lịch sử, chức năng và sứ mệnh trong lĩnh vực âm nhạc dân tộc

Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh, tiền thân là trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn ra đời năm 1956. Năm 1960, Trường đổi tên thành Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn. Sau ngày giải phóng miền Nam ngày 30/4/1975, trường được đổi tên là Trường Quốc gia Âm nhạc thành phố Hồ Chí Minh và từ năm 1981 đến nay là Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh.

Qua gần 70 năm hoạt động và phát triển, Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh đã đào tạo được đội ngũ đông đảo những nghệ sĩ biểu diễn, các nhạc sĩ, các nhà sư phạm, các nhà lý luận âm nhạc, các nhà quản lý và nghiên cứu âm nhạc. Đội ngũ này đã tham gia tích cực vào mọi hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật âm nhạc, góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển Văn hóa – Nghệ thuật tại thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

Ngay từ khi thành lập, trường đã có hai ngành đào tạo chính: Quốc nhạc và nhạc Tây phương với gần 20 chuyên ngành nhạc khí và lý thuyết âm nhạc. Điều này cho thấy “tinh thần song hành”: chú trọng việc khai thác, phát huy vốn âm nhạc truyền thống kết hợp với việc tiếp thu những tinh hoa của nền âm nhạc thế giới. Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh đã có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển nền âm nhạc Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc. Nhiều Giáo sư, Phó Giáo sư của Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh đã được mời tham gia các Hội đồng nghiên cứu, Hội đồng giám khảo cho các cuộc thi âm nhạc trong nước và quốc tế. Nhiều giảng viên, học sinh, sinh viên của Nhạc viện đã đạt các giải thưởng cao trong và ngoài nước. Qua đó đã tạo dựng được uy tín về chất lượng đào tạo nghệ thuật âm nhạc nói chung và âm nhạc dân tộc nói riêng của Nhạc viện trong cả nước cũng như trong khu vực. Gần 70 năm hoạt động là một thời gian không dài nếu so với tuổi đời của các cơ sở đào tạo âm nhạc nổi tiếng, Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh đã trở thành địa chỉ khá quen thuộc, đáng tin cậy trong quan hệ giao lưu về các lĩnh vực, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, sáng tác, biểu diễn âm nhạc ở trong nước, khu vực và thế giới.

Hiện nay, Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh đang đứng trước những vận hội phát triển

nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những bất cập về điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như việc thích ứng chuyển giao công nghệ cho yêu cầu hoạt động, phát triển của Nhạc viện trong tương lai cũng như về lâu dài.

Ngoài bộ môn “*Tin học âm nhạc*” được đào tạo chuyên sâu dành cho các em HSSV học hệ chính quy, trong những năm gần đây, Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh cũng đã triển khai hình thức “Học trực tuyến”, xây dựng lịch học trực tuyến, tài liệu hướng dẫn và tài khoản học viên trên nền tảng số – cho thấy bước khởi đầu trong việc ứng dụng công nghệ vào công tác giảng dạy.

Từ góc độ bản sắc âm nhạc dân tộc, có thể tóm lược sứ mệnh của Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh ở ba phương diện:

- **Thiết chế đào tạo:** đào tạo nhạc sĩ, nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, nhà sư phạm âm nhạc – trong đó có âm nhạc dân tộc, âm nhạc phương Tây, những “hạt nhân” mang bản sắc dân tộc vào đời sống âm nhạc đương đại.

- **Thiết chế bảo tồn – nghiên cứu:** lưu trữ, nghiên cứu, hệ thống hóa vốn nhạc cổ, từ nhạc tài tử, cải lương, dân ca các vùng, đến nhạc lễ, nhạc cung đình Huế, nhạc chèo và các thể loại âm nhạc cổ truyền khác.

- **Thiết chế biểu diễn – lan tỏa:** tổ chức các chương trình hòa nhạc dân tộc, Festival, tham gia các cuộc thi âm nhạc dân tộc trên toàn quốc, giao lưu quốc tế, đưa âm nhạc dân tộc đến với công chúng, phục vụ cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ khu vực phía Nam.

Trong kỷ nguyên số, ba phương diện này cần được “chuyển hóa” trên nền tảng công nghệ để thực hiện sứ mệnh một cách hiệu quả và bền vững hơn.

4. Thực trạng gìn giữ và phát huy âm nhạc dân tộc tại nhạc viện Tp. Hồ Chí Minh trong bối cảnh số

4.1. Trong chương trình đào tạo

Đối với công tác đào tạo Âm nhạc dân tộc, cụ thể Khoa Âm nhạc truyền thống tại Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh là một thế mạnh rõ nét của Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh. Chương trình đào tạo và giáo trình các chuyên ngành như: đàn tranh, đàn bầu, đàn tỳ bà, đàn kìm, sáo trúc, đàn nhị, bộ gõ dân tộc, đàn tam thập lục, đàn guitar phím lõm... Về *Kiến thức giáo dục đại cương* có các môn: đại cương nghệ thuật truyền thống Việt Nam, tin học âm nhạc, cơ sở văn hóa Việt Nam... và ở *Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp* có các môn: âm nhạc Việt Nam, hòa tấu dàn nhạc cổ truyền, hòa tấu dàn nhạc dân tộc đương đại, hòa tấu thính phòng, ca cổ, nhạc lý và ký xướng âm dân tộc, tính năng nhạc cụ truyền thống Việt Nam, hòa âm và khúc thức âm nhạc truyền thống Việt Nam... đã góp phần đào tạo và hình thành nhiều thế hệ nghệ sĩ, giảng viên âm nhạc dân tộc chuyên nghiệp.

Tuy nhiên, trong bối cảnh công nghệ số, có thể nhận diện một số vấn đề như sau:

- Cấu trúc chương trình đào tạo chuyên môn phần lớn vẫn dựa trên mô hình “thầy – trò trực tiếp” truyền thống, truyền ngón, truyền khẩu, chưa tích hợp mạnh mẽ các học

phần về công nghệ âm nhạc (music technology), ký âm số, xử lý âm thanh, quản lý dữ liệu số.

- Việc sử dụng phần mềm ký âm, thư viện âm thanh dân tộc, công cụ phân tích âm thanh trong giảng dạy còn hạn chế; học sinh, sinh viên học nhạc cụ dân tộc tại Khoa thường có ưu thế về kỹ năng trình diễn, kiến thức âm nhạc chuyên sâu nhưng hạn chế về “năng lực số” (Digital Literacy) để tương tác với môi trường âm nhạc toàn cầu.

- Các chuyên đề về “âm nhạc dân tộc và truyền thông số”, “quản lý thương hiệu nghệ sĩ dân tộc trên nền tảng số”, “sản xuất nội dung âm nhạc dân tộc cho mạng xã hội”... còn mới mẻ, chưa tiếp cận sâu cũng như chưa được đưa vào chương trình chính khóa.

Những thực trạng này phần nào phản ánh nhận định chung của một số nhà nghiên cứu âm nhạc dân tộc về việc các Học viện, Nhạc viện tại Việt Nam: *“vẫn tiếp tục giảng dạy, sáng tác nhạc thính phòng, giao hưởng... theo phương pháp cũ”*, trong khi học phần *“tin học âm nhạc”* lạc hậu so với sự phát triển của thế giới.

4.2. Hoạt động biểu diễn và lan tỏa cộng đồng

Ngoài Khoa Âm nhạc truyền thống với chức năng đào tạo âm nhạc dân tộc, Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh còn thành lập Dân nhạc dân tộc (trực thuộc bộ phận Biểu diễn thuộc Trung tâm Biểu diễn, Thông tin thư viện và Bồi dưỡng năng khiếu âm nhạc), thường xuyên tổ chức các chương trình hòa nhạc, chương trình biểu diễn học vụ, chương trình giới thiệu âm nhạc truyền thống đến các trường học, công chúng, phục vụ cộng đồng, các chương trình báo cáo tốt nghiệp, Festival âm nhạc, giao lưu nghệ sĩ... đã tạo nên không gian tương tác giữa học sinh, sinh viên, giảng viên và khán giả.

Tuy nhiên, xét dưới góc độ công nghệ số thì có hạn chế một số vấn đề như sau:

- Hệ thống ghi hình, ghi âm và phát hành các chương trình âm nhạc dân tộc lên nền tảng số (YouTube, Spotify, podcast, mạng xã hội...) chưa thật sự được khai thác bài bản, đồng bộ, liên tục; phần lớn hoạt động vẫn gắn với “thời điểm biểu diễn trực tiếp”, ít có chiến lược “vòng đời số” cho từng chương trình, từng tác phẩm.

- Chưa có một “kho dữ liệu số” thống nhất, dễ truy cập dành cho công chúng và giới nghiên cứu về các chương trình âm nhạc dân tộc do Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

- Hoạt động truyền thông số (digital marketing) cho các chương trình âm nhạc dân tộc chưa đủ mạnh để cạnh tranh với các sản phẩm âm nhạc giải trí trên không gian mạng.

Nói cách khác, Nhạc viện đã có “nội dung tốt”, nhưng chưa đủ “hệ sinh thái số” để lan tỏa giá trị của nội dung tới cộng đồng rộng hơn.

4.3. Nghiên cứu, sưu tầm, số hóa di sản âm nhạc dân tộc

Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh có nguồn tài liệu, công trình nghiên cứu âm nhạc dân tộc phong phú, đa dạng, tiêu biểu như các luận văn, luận án về nhạc tài tử Nam Bộ, cải lương, dân ca các vùng, công trình ứng dụng công nghệ thông tin trong ký âm nhạc cổ truyền, các công trình nghiên cứu khoa học về âm nhạc dân tộc...

Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của thời đại số, có thể chỉ ra một số hạn chế:

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

- Chưa hình thành một chương trình dài hạn, chiến lược về số hóa âm nhạc dân tộc gắn với Nhạc viện như một “trung tâm dữ liệu”.

- Việc kết nối các dự án nghiên cứu (luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học) với một cơ sở dữ liệu số chung còn rời rạc; nhiều công trình giá trị vẫn nằm “trên giá sách”, chưa thành “tài nguyên mở” trên môi trường số.

- Sự giao thoa giữa nghiên cứu âm nhạc dân tộc và khoa học dữ liệu, phân tích âm thanh, trí tuệ nhân tạo còn ở mức thử nghiệm, chưa trở thành hướng nghiên cứu chủ lực.

Những thực trạng trên không chỉ là vấn đề nan giải của Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh mà còn là “bức tranh chung” của các trường Đại học, Nhạc viện, Học viện khi triển khai hoạt động bảo tồn âm nhạc dân tộc trong môi trường đào tạo chuyên nghiệp.

5. Tác động của công nghệ số đối với bản sắc âm nhạc dân tộc

5.1. Cơ hội

Công nghệ số mở ra khả năng **lưu trữ và số hóa** di sản âm nhạc với độ chính xác và quy mô lớn: từ bản ghi âm – ghi hình, bản ký âm điện tử, đến dữ liệu phân tích âm thanh, mô hình 3D nhạc cụ. Các phần mềm phân tích âm thanh sẽ cho phép “nhìn thấy” những yếu tố tinh vi của âm thanh.

Công nghệ số tạo ra **không gian trình diễn – lan tỏa mới**: các nền tảng như YouTube, Facebook, TikTok, các dịch vụ streaming cho phép các nghệ sĩ biểu diễn nhạc cụ dân tộc có thể đưa âm nhạc truyền thống đến gần công chúng trong và ngoài nước. Nhiều ví dụ cho thấy việc kết hợp âm nhạc dân tộc với ngôn ngữ âm nhạc hiện đại (EDM, rap, pop) trên không gian mạng vừa lôi cuốn được giới trẻ nhưng vẫn giữ được “hạt nhân dân tộc” trong hòa âm, giai điệu, cách xử lý nhạc cụ.

Công nghệ số mở ra **mô hình giáo dục âm nhạc linh hoạt**: lớp học online, MOOC, các ứng dụng luyện tập nhạc cụ, nền tảng quản lý học tập (LMS) cho phép học viên ở nhiều nơi vẫn có thể tiếp cận chương trình đào tạo của Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh. Điều này đặc biệt ý nghĩa đối với việc phổ cập hiểu biết về âm nhạc dân tộc cho cộng đồng, vượt khỏi “bức tường” của giảng đường truyền thống.

5.2. Thách thức

Bên cạnh đó, công nghệ số cũng mang đến những thách thức như:

- Thị trường âm nhạc giải trí, được “đẩy” bởi thuật toán của các nền tảng số, thường ưu ái sản phẩm dễ nghe, dễ lan truyền, nặng về hình thức “xem nhạc” hơn “nghe nhạc”. Điều này có nguy cơ đẩy âm nhạc dân tộc vốn đòi hỏi chiều sâu thẩm mỹ vào vị thế “thiếu số” trên không gian mạng.

- Kỹ thuật phòng thu, phần mềm chỉnh sửa âm thanh, hiệu ứng sân khấu có thể “làm giả” nghệ thuật, biến giọng hát, tiếng đàn không chuẩn xác như trình độ, kỹ thuật và cảm xúc “thật” của người nghệ sĩ, làm mờ ranh giới giữa giá trị thực và giá trị ảo, từ đó làm suy yếu chức năng giáo dục thẩm mỹ của âm nhạc dân tộc.

- Trào lưu nhạc chế, nhạc nhái, đạo nhạc trên mạng có thể làm biến dạng hình ảnh âm nhạc dân tộc trong giới trẻ, nếu thiếu hướng dẫn, thẩm định và định hướng thẩm mỹ từ phía các nhà chuyên môn.

Trong bối cảnh ấy, vai trò của Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh không chỉ là “đào tạo kỹ năng nghề nghiệp”, mà còn là “người gác cổng thẩm mỹ”, giúp học sinh, sinh viên vừa làm chủ công nghệ, vừa giữ được bản lĩnh, nhân cách nghệ sĩ, trung thành với giá trị dân tộc.

6. Định hướng và một số giải pháp cho Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực trạng, có thể đề xuất một số nhóm giải pháp nhằm phát huy vai trò của Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh trong gìn giữ bản sắc âm nhạc dân tộc dưới tác động của công nghệ số.

6.1. Tái cấu trúc chương trình đào tạo theo hướng tích hợp “năng lực số”

Bổ sung khối kiến thức công nghệ âm nhạc bắt buộc cho học sinh, sinh viên học âm nhạc dân tộc và các chuyên ngành liên quan:

- Tin học âm nhạc nâng cao (notation, xử lý MIDI, DAW).
- Kỹ thuật thu âm – hậu kỳ cho nhạc cụ dân tộc.
- Phân tích âm thanh và ứng dụng trong nghiên cứu âm nhạc dân tộc.

Thiết kế các học phần tích hợp: “Âm nhạc dân tộc và truyền thông số”, “Sản xuất nội dung âm nhạc dân tộc trên nền tảng số”, “Thực hành hòa âm – phối khí dân tộc trong môi trường số”, qua đó giúp học sinh, sinh viên biết cách đưa tác phẩm của mình đến với công chúng trên không gian mạng.

Phát triển khung năng lực số cho học sinh, sinh viên âm nhạc, xác định rõ những kỹ năng công nghệ tối thiểu mà một nghệ sĩ, giảng viên, nhà nghiên cứu âm nhạc dân tộc cần có trong môi trường công nghệ hiện nay.

6.2. Xây dựng ngân hàng dữ liệu số về âm nhạc dân tộc gắn với Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh

Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh có thể chủ trì xây dựng một **Kho dữ liệu số âm nhạc dân tộc** (Digital Traditional Music Repository), gồm:

- Thư viện ghi âm – ghi hình chuẩn mực về các loại hình: nhạc tài tử, cải lương, dân ca, nhạc lễ, cùng các loại hình dân ca, nhạc cổ truyền vùng miền khác.
- Hệ thống bản ký âm điện tử (score), chú giải học thuật, thông tin về tác giả, nghệ nhân, bối cảnh biểu diễn.
- Cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu: dữ liệu âm thanh thô, dữ liệu phân tích âm bội, phổ âm cho các đề tài nghiên cứu trình độ sau đại học.

Việc này có thể kế thừa, kết nối với các công trình nghiên cứu đã có của giảng viên, nghiên cứu sinh Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh và các dự án ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu âm nhạc dân tộc.

6.3. Phát triển không gian trình diễn số và thương hiệu số của Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh

Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh có thể xây dựng chiến lược thương hiệu số rõ ràng cho mảng âm nhạc dân tộc:

- Phát triển kênh YouTube, podcast, fanpage chuyên biệt cho chương trình âm nhạc dân tộc; xây dựng format chương trình mang tính “giải trí – giáo dục” (edutainment) như: talkshow với nghệ nhân, nghệ sĩ, tổ chức các lớp masterclass, phân

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

tích tác phẩm nhạc cổ truyền, phân tích từng loại nhạc cụ dân tộc, phân tích tính năng nhạc cụ...

- Phát hành các album số (digital albums) từ chương trình hòa nhạc dân tộc, báo cáo tốt nghiệp loại xuất sắc, dưới thương hiệu chung của Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh.

- Tổ chức các sự kiện hybrid (kết hợp trực tiếp – trực tuyến) về âm nhạc dân tộc, kết nối với khán giả trong nước và quốc tế.

Với những kinh nghiệm được nêu trong các nghiên cứu về âm nhạc dân tộc trong môi trường đại học, các hoạt động biểu diễn, câu lạc bộ, sự kiện văn hóa đóng vai trò rất lớn trong việc đưa âm nhạc dân tộc đến với học sinh, sinh viên và cộng đồng. Công nghệ số giúp mở rộng quy mô, kéo dài “vòng đời” của mỗi chương trình.

6.4. Thúc đẩy nghiên cứu – hợp tác quốc tế về công nghệ và âm nhạc dân tộc

- Khuyến khích thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến, kinh nghiệm, giải pháp tập trung vào ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu âm nhạc nói chung, âm nhạc dân tộc nói riêng trong bối cảnh phần mềm, AI hiện nay.

- Thiết lập mạng lưới hợp tác với các trường, viện nghiên cứu âm nhạc trên thế giới có thế mạnh về music technology, ethnomusicology để triển khai chương trình trao đổi sinh viên, đồng hướng dẫn luận án, dự án nghiên cứu chung.

- Tổ chức hội thảo, seminar quốc tế định kỳ về chủ đề “Âm nhạc dân tộc và công nghệ số”, đưa Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh trở thành điểm gặp gỡ học thuật trong khu vực và quốc tế.

6.5. Gắn trách nhiệm xã hội và giáo dục thẩm mỹ với chuyển đổi số

Sử dụng công nghệ số với tinh thần trách nhiệm xã hội và giáo dục thẩm mỹ âm nhạc. Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh có thể:

- Lồng ghép trong chương trình đào tạo các chuyên đề về đạo đức nghề nghiệp trong thời đại số, bản quyền, quyền liên quan, ranh giới giữa sáng tạo và vi phạm bản quyền, giữa hiện đại hóa và trách nhiệm bảo tồn di sản về âm nhạc.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông, chương trình giáo dục cộng đồng (đặc biệt hướng tới học sinh, sinh viên ngoài Nhạc viện, liên kết với các địa phương) về giá trị của âm nhạc dân tộc, qua đó chống lại xu hướng xem nhẹ, thương mại hóa quá mức di sản trên không gian mạng.

Như vậy, công nghệ số không thể được nhìn chỉ như “công cụ kỹ thuật”, mà phải gắn với tầm nhìn văn hóa – giáo dục – nhân văn như đúng với tinh thần Triết lý giáo dục của Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh khẳng định: “*Đam mê – Sáng tạo – Mỹ cảm – Nhân văn*”.

7. Kết luận

Trong thời đại số, việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc dân tộc không thể chỉ dừng lại ở mô hình “giữ gìn trong bảo tàng”. Di sản âm nhạc truyền thống chỉ thực sự sống khi nó bước vào các không gian mới từ sân khấu, nhà hát đến không gian mạng với những hình thức thể hiện mới nhưng vẫn giữ được “hồn cốt” dân tộc.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh với truyền thống lâu đời đào tạo âm nhạc dân tộc và vai trò là thiết chế âm nhạc chuyên nghiệp hàng đầu ở phía Nam, có sứ mệnh đặc biệt trong hành trình này. Những phân tích đã cho thấy:

- Nhạc viện đang sở hữu nhiều tiềm năng về nhân lực, chương trình, hoạt động biểu diễn âm nhạc dân tộc, nhưng việc tích hợp công nghệ số vẫn chưa thật sự tương xứng với yêu cầu của thời đại.

- Công nghệ số vừa mang đến cơ hội to lớn để số hóa di sản, lan tỏa âm nhạc dân tộc đến cộng đồng vừa đặt ra nguy cơ thương mại hóa, làm giả, làm “nhạt” bản sắc nếu thiếu định hướng thẩm mỹ và đạo đức nghề nghiệp.

- Để phát huy vai trò của mình, Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh cần tái cấu trúc chương trình đào tạo theo hướng tích hợp “năng lực số”, xây dựng ngân hàng dữ liệu số về âm nhạc dân tộc, phát triển thương hiệu số, đẩy mạnh nghiên cứu – hợp tác quốc tế, đồng thời gắn chặt chuyển đổi số với trách nhiệm xã hội và giáo dục thẩm mỹ.

Trong bối cảnh công nghệ số đang định hình lại toàn bộ đời sống âm nhạc trên cả nước, Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh càng cần chủ động hơn trong việc “chiếm lĩnh” công nghệ, để công nghệ trở thành phương tiện phục vụ trong quá trình phát huy và bảo tồn âm nhạc dân tộc, biến bản sắc âm nhạc dân tộc thành nguồn lực sáng tạo mới, đưa âm nhạc Việt Nam bước ra thế giới với một diện mạo vừa bản sắc, vừa hiện đại.

Tài liệu tham khảo

Bùi Thị Lan Anh (2022). *Tương lai của âm nhạc dân tộc trong thế kỷ 21: Các xu hướng phát triển và bảo tồn*. Nxb Âm nhạc.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2025). *Chiến lược Chuyển đổi số ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2025–2030*.

Hoàng Thị Thu Hương (2025). Vai trò của âm nhạc dân tộc trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tại các trường Đại học. *Tạp chí Tâm lý – Giáo dục*, 31(4), 257-260.

Hội Nhạc sĩ Việt Nam (2016). *Âm nhạc Việt Nam: Di sản và tương lai*. Nxb Văn hóa Dân tộc.

Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh (2024). *Chiến lược phát triển Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến năm 2030*.

Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2024). Phát triển nghệ thuật âm nhạc Việt Nam thời đại số. *Tạp chí Lý luận phê bình văn học nghệ thuật*.

Nguyễn Văn Hòa (2016). *Âm nhạc dân tộc và sự phát triển của nó trong bối cảnh xã hội hiện đại*. Nxb Văn hóa – Văn nghệ TP.HCM.

Nguyễn Tuấn Anh (2023). Sự kết hợp giữa âm nhạc dân tộc và âm nhạc hiện đại trong giáo dục tại các trường đại học. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*.

Trần Văn Khê (2004). *Du ngoạn trong âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb Trẻ.

Chen, D., Sun, N., Lee, J.-H., Zou, C., & Jeon, W.-S. (2024). Digital Technology in Cultural Heritage: Construction and Evaluation Methods of AI-Based Ethnic Music Dataset. *Applied Sciences*, 14(23), 10811. <https://doi.org/10.3390/app142310811>

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

RMIT University (2024). *Vietnam Digital Music Landscape 2024–2025*.

VOV World (2025). *Technology bridges Vietnamese culture and the world*.

GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY ÂM NHẠC DI SẢN TRUYỀN THỐNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO NGHỆ THUẬT TẠI KHU VỰC MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN

Hà Mai Hương

Học viện Âm nhạc Huế

Email: hmaihuongpiano@gmail.com

Tóm tắt

Gìn giữ và phát huy âm nhạc di sản truyền thống trong bối cảnh hiện nay là nhiệm vụ cấp thiết. Các cơ sở đào tạo nghệ thuật giữ vai trò then chốt trong việc giúp người học ý thức về giá trị cội nguồn, đồng thời trang bị năng lực sáng tạo để đưa âm nhạc Việt Nam tiếp tục phát triển trong thời đại mới.

Từ khóa: Âm nhạc di sản truyền thống, gìn giữ và phát huy, văn hóa, nghệ nhân, trí tuệ nhân tạo (AI)

**Preserving and promoting traditional musical heritage in the current context:
Insights from central highlands art institutions**

Abstract

Preserving and promoting traditional heritage music in the current context is an urgent task. Art training institutions play a pivotal role in helping learners understand the value of their cultural roots while equipping them with the creative capacity to further develop Vietnamese music in the modern era.

Keywords: Traditional heritage music, preserving and promoting, culture, folk artist, artificial intelligence (AI)

Âm nhạc truyền thống Việt Nam là di sản văn hóa quý báu, là tinh hoa sáng tạo của bao thế hệ, là nguồn cảm hứng để sáng tạo và phát triển nghệ thuật âm nhạc của đất nước. Từ những làn điệu dân ca mộc mạc, các hình thức âm nhạc cung đình tinh tế, đến hệ thống nhạc cụ truyền thống độc đáo, bản sắc âm nhạc Việt Nam luôn phản ánh tâm hồn, đời sống và giá trị văn hóa của cộng đồng. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, khoa học công nghệ có những bước tiến vượt bậc, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các loại hình âm nhạc hiện đại, âm nhạc truyền thống đứng trước nguy cơ mai một. Việc gìn giữ và phát huy bản sắc âm nhạc dân tộc trở thành một nhiệm vụ cấp thiết, mà các cơ sở đào tạo nghệ thuật giữ vai trò then chốt trong việc truyền dạy, bảo tồn và phát huy âm nhạc di sản bởi vì đào tạo âm nhạc không chỉ là truyền nghề, truyền đạt kỹ năng, tri thức âm nhạc mà quan trọng hơn, còn là quá trình gìn giữ truyền thống và thúc đẩy sáng tạo, giúp người học ý thức về giá trị cội nguồn, đồng thời trang bị năng lực sáng tạo để đưa âm nhạc Việt Nam tiếp tục phát triển trong thời đại mới.

1. Vai trò của Học viện Âm nhạc Huế trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị âm nhạc di sản truyền thống

Với hơn 60 năm hình thành và phát triển, Học viện Âm nhạc Huế có nhiệm vụ cung cấp nguồn nhân lực ở lĩnh vực âm nhạc đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính

trị, xã hội và đời sống văn hóa tinh thần các tỉnh, thành khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Trong thời gian qua, Học viện Âm nhạc Huế đã khẳng định vai trò, vị trí và thương hiệu của một trung tâm nghiên cứu, đào tạo và biểu diễn âm nhạc, kế thừa và phát huy những giá trị tinh hoa văn hóa nghệ thuật của nhân loại và truyền thống trên dải đất có bề dày văn hóa truyền thống và nghệ thuật lâu đời. Trên quan điểm đào tạo âm nhạc phải kết hợp giữa gìn giữ truyền thống và thúc đẩy sáng tạo, Học viện Âm nhạc Huế đã thể hiện rõ sứ mệnh của mình trên ba phương diện:

(1) *Gìn giữ và bảo tồn giá trị âm nhạc truyền thống*: Từ năm 1996, được sự tài trợ của Quỹ hỗ trợ các hoạt động văn hóa của Nhật Bản, nhà trường đã mở được khóa đào tạo Nhã nhạc đầu tiên trên cả nước. Đây chính là tiền đề quan trọng để Học viện xây dựng chương trình đào tạo các chuyên ngành về loại hình âm nhạc di sản: Nhã nhạc, Đàn hát dân ca Việt Nam, Đàn Ca Huế giai đoạn sau này. Vấn đề bảo tồn bản sắc được thể hiện qua việc duy trì đào tạo các loại hình âm nhạc truyền thống và mời nghệ nhân tham gia giảng dạy nhằm bảo đảm tính chính xác của ngôn ngữ âm nhạc truyền thống và truyền tải được tính nguyên bản của từng thể loại.

Việc đưa các loại hình Đàn ca Huế, các làn điệu Hò, Lý của miền Trung, các bộ môn âm nhạc truyền thống vào chương trình đào tạo giúp người học có cơ hội tiếp cận trực tiếp với di sản. Nhã nhạc cung đình Huế - di sản phi vật thể của nhân loại - được giảng dạy, nghiên cứu và biểu diễn một cách hệ thống, giúp sinh viên hiểu sâu về nghệ thuật âm nhạc cung đình.

(2) *Đào tạo các nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, nhà sư phạm có bản lĩnh văn hóa*: Để có thể phát huy được bản sắc âm nhạc Việt Nam nếu chỉ làm tốt nhiệm vụ bảo tồn là chưa đủ, mà còn đòi hỏi sự sáng tạo và khả năng thích nghi với đời sống nghệ thuật đương đại. Nhà trường chú trọng bồi dưỡng cho sinh viên sự hiểu biết sâu sắc về di sản. Người học không chỉ tiếp thu kỹ thuật biểu diễn mà còn được trang bị kiến thức lịch sử, văn hóa và bản sắc âm nhạc vùng, miền. Điều này giúp họ trở thành những nghệ sĩ - nhà nghiên cứu - nhà giáo có nền tảng vững vàng và ý thức rõ trách nhiệm gìn giữ bản sắc dân tộc, đồng thời có thể ứng dụng các yếu tố truyền thống vào thực hành nghệ thuật đương đại. Song song với đào tạo, công tác nghiên cứu và sưu tầm là yếu tố quan trọng giúp bảo tồn di sản trong bối cảnh nhiều loại hình đang có nguy cơ thất truyền.

Nhiều công trình nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên nhà trường đã và đang được thực hiện như: “*Âm nhạc trong lễ tế đàn Nam Giao Huế*”, “*Âm nhạc trong Hầu văn Huế*”, “*Bảo tồn và phát huy nghệ thuật Ca Huế*”, “*Hò giã gạo ở làng Phù Bài Thừa Thiên Huế*”, “*Tìm hiểu nhạc khí các dân tộc Tây Nguyên*”, “*Bảo tồn và phát huy nghệ thuật diễn xướng Hò Bả Trạo*”, “*Bảo tồn và phát huy giá trị âm nhạc dân gian Bình Trị Thiên*”, “*Phát huy giá trị nghệ thuật dân ca Nam Trung Bộ*” ..., đã góp phần vào việc bảo tồn giá trị nghệ thuật các loại hình văn hóa truyền thống của dân tộc. Hội thảo khoa học “*Đào tạo âm nhạc di sản trong bối cảnh hiện nay*” với sự tham gia của các nhà khoa học cả 3 miền do Học viện tổ chức đã đánh giá công tác đào tạo trong thời gian qua và hướng đến các giải pháp nhằm tìm ra hướng đi phù hợp.

(3) *Thúc đẩy sáng tạo và hội nhập*: Để âm nhạc truyền thống thật sự được lưu truyền thì nó phải được chính cuộc sống hôm nay nuôi dưỡng. Học viện luôn tạo môi trường sáng tạo, khuyến khích sinh viên sáng tác và biểu diễn các tác phẩm mới dựa trên chất liệu âm nhạc truyền thống thông qua các hoạt động khoa học của sinh viên. Việc kết hợp nhạc cụ truyền thống với nhạc cụ phương Tây, đổi mới ngôn ngữ âm nhạc, khuyến khích những thử nghiệm trong âm nhạc đương đại vừa giúp mở rộng khả năng biểu đạt vừa tạo ra màu sắc mới cho các yếu tố truyền thống. Các chương trình hòa tấu âm nhạc định kỳ của Dân nhạc Dân tộc tổng hợp, Dân Nhã nhạc đã được diễn ra tại các sân khấu hai bên bờ sông Hương vào các dịp cuối tuần nhằm tiếp cận công chúng, giới thiệu và quảng bá các giá trị âm nhạc di sản truyền thống, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Những nỗ lực trên nhằm mục đích giúp bản sắc âm nhạc di sản truyền thống không bị “đóng khung” trong quá khứ mà bước vào đời sống mới, gần gũi với công chúng hơn. Các chương trình hòa nhạc cộng đồng đã mở ra cơ hội để âm nhạc truyền thống tiếp cận với công chúng rộng rãi, định hình được những hướng đi mới trong nghệ thuật đương đại. Trong xu thế hội nhập, nhà trường luôn tìm kiếm các cơ hội để âm nhạc truyền thống được giới thiệu rộng rãi thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, các liên hoan nghệ thuật, giao lưu trong đào tạo và biểu diễn bởi vì đây không chỉ là cơ hội quảng bá văn hóa mà còn là cách để khẳng định vị thế sáng tạo của nghệ sĩ Việt Nam.

2. Những điều kiện thuận lợi trong vấn đề gìn giữ và phát huy âm nhạc di sản truyền thống

Cơ hội từ chính sách và sự quan tâm xã hội: Các văn bản pháp lý khẳng định chủ trương Nhà nước coi di sản văn hóa phi vật thể là vốn quý và ban hành các chính sách hỗ trợ bảo tồn (huy động nguồn lực xã hội để bảo tồn và phát huy di sản văn hóa gắn với cộng đồng); khuyến khích phục hồi, duy trì không gian diễn xướng; hỗ trợ các nghệ nhân, nghệ sĩ giữ nghề (mở lớp truyền dạy trong cộng đồng); phong trào “bảo tồn”, “giáo dục di sản” được thúc đẩy trong trường học; có cơ chế đặt hàng các tác phẩm mới dựa trên chất liệu truyền thống; hỗ trợ nghiên cứu, số hóa, lưu trữ di sản âm nhạc; phát triển nguồn nhân lực nghệ thuật truyền thống; hỗ trợ kiểm kê, tư liệu hóa, bảo quản - cần thiết với di sản dễ mai một như âm nhạc truyền thống... (*Luật Di sản văn hóa 2001, sửa đổi 2009, Luật Di sản văn hóa 45/2024/QH15 (hiệu lực từ 01/7/2025), Nghị định 98/2010/NĐ-CP (hướng dẫn Luật Di sản văn hóa), Nghị định 39/2024/NĐ-CP (quản lý, bảo vệ, phát huy di sản phi vật thể), Thông tư 04/2025/TT-BVHTTDL (kiểm kê di sản văn hóa), Thông tư 05/2025/TT-BVHTTDL (sưu tầm, lưu giữ, bảo quản di sản phi vật thể...)*)

Cơ hội từ công nghệ số (mở ra các giải pháp trong bảo tồn hiện đại): Trong những năm gần đây, sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đã tạo ra những thay đổi sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, bao gồm cả lĩnh vực âm nhạc. AI đang dần trở thành công cụ quan trọng trong môi trường đào tạo âm nhạc, hỗ trợ việc số hóa tư liệu (ghi âm, ghi hình, xây dựng thư viện số); tái hiện di sản bằng âm thanh - hình ảnh chất lượng cao.

Thông qua ứng dụng AI, có thể phục dựng âm thanh cũ, phân tích lời diễn tấu, tạo mô phỏng nhạc cụ để phục vụ giảng dạy. Trong lĩnh vực nghiên cứu, AI đóng vai trò quan trọng trong phân tích dữ liệu, chuyển đổi văn bản viết tay, bản scan thành âm thanh và MIDI...

Cơ hội đổi mới mô hình đào tạo: Đổi mới phương pháp sư phạm, kết hợp với các phương tiện công nghệ hiện đại (thu âm, hình ảnh, truyền thông) nhằm tăng hiệu quả, nâng cao chất lượng giảng dạy. Tăng cường khả năng tiếp cận trong giáo dục, thông qua ứng dụng AI như tạo môi trường biểu diễn (mô phỏng không gian âm học của các phòng hòa nhạc, tạo các dàn nhạc ảo chất lượng cao) để sinh viên chuyên ngành Sáng tác hoàn thiện tác phẩm của mình trong môi trường gần với thực tế; mở rộng khả năng thực hành (công cụ AI hỗ trợ phần đệm, mô phỏng nhạc cụ truyền thống, xây dựng kế hoạch luyện tập phù hợp với năng lực người học), hỗ trợ trong phân tích, tổng hợp tài liệu; hỗ trợ sinh viên khuyết tật nắm vững kiến thức, theo kịp tiến độ bài giảng (phần mềm chuyển bản nhạc sang dạng Braille cho người khiếm thị)...

3. Những khó khăn, thách thức trong vấn đề gìn giữ và phát huy âm nhạc di sản truyền thống

Sự biến đổi thị hiếu và cạnh tranh văn hóa: Có thể nói giới trẻ ngày nay ít quan tâm đến âm nhạc truyền thống, một trong những lý do chủ yếu là do sức hút mạnh mẽ của âm nhạc hiện đại: Pop, K-pop, EDM, R&B... phản ánh nhịp sống năng động với các chủ đề tình yêu, cảm xúc cá nhân, thế giới nội tâm... - là những điều mà giới trẻ quan tâm. Âm nhạc hiện đại đã thỏa mãn các nhu cầu thưởng thức cả về mặt thính giác và thị giác (vũ đạo, phong cách thời trang, sân khấu biểu diễn lung linh), có chiến lược quảng bá mạnh mẽ tạo sự thu hút. Trong khi đó âm nhạc truyền thống thường gắn với lịch sử, nghi lễ nên khoảng cách thẩm mỹ và cảm xúc trở nên lớn hơn. Ngoài ra do ít được đầu tư truyền thông, không có nhiều cơ hội tiếp xúc, không có những trải nghiệm dẫn đến sự quan tâm của giới trẻ dành cho âm nhạc truyền thống giảm sút.

Thêm vào đó, những người hiểu biết về âm nhạc di sản truyền thống ngày càng già yếu, nhiều làn điệu, kỹ thuật chơi các nhạc cụ dân tộc có nguy cơ thất truyền, trong khi lớp kế tục ngày càng hiếm hoi. Tại các làng bản Tây Nguyên và ở các vùng dân tộc thiểu số, các già làng và những người cao tuổi thuần thực trong sử dụng các nhạc khí dân tộc, nắm vững các làn điệu dân gian đang ngày càng ít đi. Tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp, số người thi tuyển vào các ngành nhạc cụ dân tộc là không nhiều nếu so sánh với các chuyên ngành khác; mức thu nhập nghề của nghệ sĩ truyền thống còn thấp dẫn đến những khó khăn trong vấn đề tạo nguồn.

Mặt trái của khoa học công nghệ: Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong gìn giữ và phát huy âm nhạc truyền thống mở ra nhiều cơ hội mới nhưng cũng đặt ra không ít thách thức. Trước hết AI khó có thể tái hiện một cách trung thực tính nguyên bản của di sản (những yếu tố như thang âm phi chuẩn, lối luyện láy, nhả chữ hay phong cách biểu diễn theo từng vùng, miền rất khó để xử lý, để tái hiện đúng bản sắc; âm nhạc truyền thống không theo quãng chuẩn 12 bán cung nên khó đưa vào mô hình). Ngoài ra việc

mô phỏng giọng hát hay phong cách của nghệ nhân dẫn đến vấn đề về bản quyền, nguy cơ làm mờ vai trò của nghệ nhân trong cộng đồng.

Việc triển khai AI còn gặp trở ngại do thiếu đội ngũ nhân lực am hiểu cả công nghệ và âm nhạc truyền thống dẫn đến những khó khăn trong ứng dụng công nghệ vào giảng dạy và nghiên cứu: Trang thiết bị hỗ trợ thu - ghi - lưu trữ không đồng bộ, thiếu công cụ số hóa chuyên nghiệp, hạ tầng công nghệ thông tin hạn chế dẫn đến hệ thống lưu trữ và sao lưu dữ liệu chưa đạt chuẩn, thiếu nguồn lực để duy trì lâu dài (việc thực hiện việc số hóa và ứng dụng công nghệ đối với âm nhạc di sản truyền thống đòi hỏi nguồn kinh phí lớn), thiếu tư liệu chuẩn hóa (các bản ghi âm, video chất lượng thấp, nhiều bài bản mang tính ngẫu hứng, truyền khẩu, khó ghi chép chính xác...), thiếu nghệ nhân tham gia hỗ trợ số hóa (tuổi cao, sức khỏe giảm sút...)

4. Các cơ sở đào tạo phải làm gì để thực hiện sứ mệnh gìn giữ truyền thống và thúc đẩy sáng tạo?

Gìn giữ và phát huy âm nhạc di sản truyền thống trong bối cảnh hiện nay là nhiệm vụ cấp thiết. Các cơ sở đào tạo nghệ thuật giữ vai trò trung tâm trong việc tạo ra lớp nghệ sĩ kế thừa vừa am hiểu di sản vừa có khả năng thích ứng với thời đại. Công nghệ số đã và đang trở thành một phần không thể thiếu trong đào tạo âm nhạc tại Việt Nam. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy mà còn tạo ra môi trường sáng tạo mới, thúc đẩy người học tiếp cận gần hơn với xu hướng công nghiệp âm nhạc toàn cầu. Tuy vậy, để phát huy tối đa lợi ích mà công nghệ mang lại, các cơ sở đào tạo cần chú trọng đầu tư cơ sở vật chất; đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhân lực liên ngành, kết hợp giữa công nghệ âm thanh, khoa học dữ liệu và hiểu biết sâu về di sản, nhằm tạo ra cầu nối thật sự giữa nghệ thuật và công nghệ; xây dựng hệ thống học liệu đồng bộ.

Bên cạnh đó, cần tăng cường vai trò của nghệ nhân trong giảng dạy, cải tiến chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, kết hợp giữa truyền thống và công nghệ. Xây dựng thư viện âm nhạc di sản truyền thống (dữ liệu phân tích âm thanh, số hóa tư liệu, lưu trữ kỹ thuật diễn tấu của nghệ nhân...) phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy.

Tạo cơ chế khuyến khích người học, trao học bổng, cơ hội biểu diễn, tham gia dự án, giao lưu quốc tế đối với sinh viên học chuyên ngành Nhạc cụ Di sản - Truyền thống. Khuyến khích sinh viên tham gia các dự án nghiên cứu về dân ca địa phương, khuyến khích các sáng tác mới dựa trên chất liệu dân tộc, kết hợp nhạc cụ dân tộc và nhạc cụ phương Tây.

Việc bảo tồn di sản văn hóa nói chung cũng như các giá trị âm nhạc truyền thống nói riêng, không thể chỉ đóng khung trong phạm vi bảo tàng. Những giá trị văn hóa truyền thống sẽ chết nếu nó không được làm sống lại trong đời sống cộng đồng của mỗi một quốc gia, mỗi một dân tộc. Các cơ sở đào tạo nghệ thuật giữ vai trò trung tâm trong việc tạo ra lớp nghệ sĩ kế thừa vừa am hiểu di sản vừa có khả năng thích ứng với thời đại. Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo mở ra cơ hội lớn để bảo tồn bền vững, truyền dạy hiệu quả và quảng bá rộng rãi. Sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

nghệ nhân và nhà trường, giữa nghệ thuật và công nghệ sẽ là chìa khóa để âm nhạc di sản không chỉ được gìn giữ mà còn lan tỏa trong đời sống hiện tại và tương lai.

Tài liệu tham khảo

Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2001). *Luật Di sản văn hóa*, Luật số 28/2001/QH10, ban hành ngày 29/6/2001.

Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2009). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*, Luật số 32/2009/QH12, ban hành ngày 18/6/2009.

Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2024). *Luật Di sản văn hóa*, Luật số 45/2024/QH15, ban hành ngày 23/11/2024, có hiệu lực từ 01/7/2025.

Chính phủ (2010). *Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*.

Chính phủ (2024). *Nghị định số 39/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể*.

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG VIỆC BẢO TỒN VÀ NÂNG CAO KỸ THUẬT BIỂU DIỄN THANH NHẠC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

Ngô Đăng Khoa, Trương Huy Hoàng

Trường Đại học Khánh Hòa

Email: Ngodangkhoa@ukh.edu.vn

Tóm tắt

Nghiên cứu này phân tích tiềm năng ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc bảo tồn và nâng cao kỹ thuật biểu diễn Thanh nhạc tại Trường Đại học Khánh Hòa, lấy giá trị thẩm mỹ và trải nghiệm thưởng thức của công chúng làm trọng tâm. Bài viết tập trung đánh giá các công cụ AI chuyên biệt, bao gồm phần mềm luyện tập, hệ thống phản hồi kỹ thuật và công nghệ mô phỏng môi trường sân khấu, nhằm hỗ trợ sinh viên nắm vững các sắc thái đặc trưng của âm nhạc truyền thống, từ đó tối ưu hóa khả năng truyền cảm trong biểu diễn. Kết quả cho thấy AI có tiềm năng lớn trong việc cá nhân hóa lộ trình học tập, nâng cao tính khách quan trong đánh giá thẩm mỹ nghe nhìn và hỗ trợ giảng viên chuyển trọng tâm sang truyền dạy tư duy nghệ thuật. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra các thách thức về chi phí và năng lực thích ứng công nghệ. Tác giả đề xuất lộ trình tích hợp AI theo giai đoạn, nhấn mạnh vào việc nâng cao năng lực số gắn liền với bản lĩnh sân khấu. Mục tiêu cuối cùng là tối ưu hóa chất lượng đào tạo, giúp sinh viên làm chủ sự giao thoa giữa công nghệ và nghệ thuật để chinh phục người nghe đồng thời gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, đào tạo Thanh nhạc, thẩm mỹ âm nhạc, bảo tồn bản sắc, chuyển đổi số.

Application of artificial intelligence in preserving and enhancing vocal performance techniques at Khanh Hoa University

Abstract

This study analyzes the potential of applying Artificial Intelligence (AI) in preserving and enhancing vocal performance techniques at Khanh Hoa University, focusing on aesthetic values and audience experience as core objectives. The article evaluates specialized AI tools, including training software, technical feedback systems, and stage simulation technology, to help students master the nuances of traditional music, thereby optimizing emotional transmission in performance. Results indicate that AI holds great potential in personalizing learning paths, enhancing objectivity in audio-visual aesthetic evaluation, and supporting instructors in shifting their focus toward teaching artistic mindset. However, the study also identifies challenges regarding investment costs and technological adaptability. The author proposes a phased AI integration roadmap, emphasizing digital competence linked to stage presence. The ultimate goal is to optimize training quality, enabling students to master the intersection of technology and art to captivate audiences while preserving national cultural identity in the digital age.

Keywords: Artificial intelligence, vocal training, musical aesthetics, performance techniques, identity preservation.

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Nghệ thuật thanh nhạc là một loại hình biểu diễn đa tầng, đòi hỏi sự hội tụ của kỹ thuật chuyên môn, khả năng truyền cảm sâu sắc và bản lĩnh làm sân khấu vững vàng, nhằm hướng tới mục tiêu cao nhất là truyền tải giá trị thẩm mỹ và khơi gợi sự rung động nơi người thưởng thức. Đặc biệt với Thanh nhạc Việt Nam, việc nắm vững kỹ thuật như: rung, nhấn, nhả chữ và các phong cách biểu diễn đậm chất bản sắc dân tộc là yêu cầu cốt lõi để người nghe có thể cảm nhận trọn vẹn “hồn cốt” của di sản văn hóa truyền thống. Tại Trường Đại học Khánh Hòa, mục tiêu đào tạo không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức mà còn chú trọng đến việc phát triển toàn diện năng lực biểu diễn, giúp sinh viên làm chủ được kỹ thuật thanh nhạc và bản sắc dân tộc, từ đó tối ưu hóa trải nghiệm biểu diễn thực tế trước công chúng. Tuy nhiên, mô hình giảng dạy truyền thống chủ yếu dựa vào tương tác trực tiếp một kèm một đang bộc lộ những hạn chế nhất định trước yêu cầu của thời đại mới. Sự hạn chế về thời lượng thực hành cùng việc thiếu hụt các công cụ phân tích sắc thái khách quan đã gây trở ngại đáng kể cho việc tái hiện các không gian diễn xướng truyền thống. Giải quyết triệt để những rào cản này không chỉ là yêu cầu cấp thiết để chuẩn hóa quy trình đào tạo mà còn là chìa khóa để nâng tầm năng lực cảm thụ và tối ưu hóa trải nghiệm thưởng thức nghệ thuật cho người học.

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, trí tuệ nhân tạo (AI) đã mở ra những cơ hội đột phá. Như nhận định của nhiều nhà nghiên cứu, AI không phải là mối đe dọa mà là công cụ để nâng tầm âm nhạc nếu được ứng dụng đúng cách, đặc biệt là vai trò làm “cầu nối” giúp sinh viên nhận diện diện mạo âm thanh của chính mình dưới góc độ của người nghe để điều chỉnh kỹ thuật đạt tới độ tinh tế nghệ thuật.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm ba mục tiêu chính: Hệ thống hóa các ứng dụng AI tiềm năng trong việc bảo tồn và nâng cao kỹ thuật thanh nhạc Việt Nam; Phân tích thực trạng triển khai công nghệ tại Trường Đại học Khánh Hòa gắn với định hướng giữ gìn bản sắc; Đề xuất lộ trình tích hợp AI phù hợp với đặc thù giảng dạy tại trường. Thông qua việc xây dựng nền tảng lý luận vững chắc về AI trong giáo dục nghệ thuật và lựa chọn phương pháp nghiên cứu thực tiễn, bài viết góp phần cải thiện chất lượng đào tạo, hướng tới việc phát triển năng lực biểu diễn chuyên môn cho sinh viên trong kỷ nguyên số, đồng thời khẳng định vai trò trọng tâm của việc nâng cao giá trị thưởng thức nghệ thuật cho cộng đồng.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Bối cảnh chung về trí tuệ nhân tạo trong giáo dục (AIED)

Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục (AIED) là một lĩnh vực đang phát triển, tập trung vào việc ứng dụng các thuật toán và công nghệ học máy để nâng cao hiệu quả giảng dạy, học tập và đánh giá trong môi trường giáo dục. Nhiều nghiên cứu đều cho thấy ảnh hưởng ngày càng rõ nét của AI trong giáo dục đại học. Popenici & Kerr (2017) thực

hiện phân tích sự xuất hiện của AI trong hoạt động giảng dạy và học tập ở bậc đại học, nhấn mạnh đến những thay đổi trong phương pháp truyền đạt tri thức. Trong khi đó, Zawacki-Richter & cộng sự (2019) tiến hành tổng hợp các nghiên cứu liên quan và xác định bốn nhóm ứng dụng chính của AIED trong các trường đại học: quản lý dữ liệu và dự báo học tập, đánh giá kết quả, hệ thống giảng dạy thông minh và cá nhân hóa quá trình học tập thông qua các mô hình thích ứng.

Tại Việt Nam, các nhà nghiên cứu đã bắt đầu chú trọng đến tác động của chuyển đổi số trong giáo dục đại học (Đinh Thị Mỹ Hạnh & Trần Văn Hưng, 2021). Đặc biệt, trong đào tạo nghệ thuật, sự xuất hiện của AI không chỉ dừng lại ở các công cụ hỗ trợ ngôn ngữ như Chat GPT, Gemini mà còn mở rộng sang các hệ thống phân tích sóng âm và nhận diện đặc điểm giọng hát. Đối với thanh nhạc Việt Nam, việc ứng dụng AI dựa trên lý thuyết về học tập thích ứng và phân tích âm thanh kỹ thuật số cho phép so sánh các kỹ thuật truyền thống (như rung, nảy hạt, nhả chữ) với các mẫu chuẩn (từ các nghệ sĩ bậc thầy), từ đó giúp bảo tồn các giá trị bản sắc không bị sai lệch trong quá trình đào tạo. Theo Holmes & cộng sự (2021) việc cung cấp phản hồi tức thời thông qua AI là chìa khóa để sinh viên nghệ thuật tự điều chỉnh kỹ thuật cá nhân hiệu quả. Điều này tạo ra một mô hình đào tạo mới: giảng viên giữ vai trò định hướng cảm xúc và tư duy nghệ thuật, trong khi AI hỗ trợ kiểm soát tính chính xác của kỹ thuật thực hành.

2.1.2. Khung lý thuyết ứng dụng AI trong bảo tồn và đào tạo Thanh nhạc

Phương pháp giảng dạy thanh nhạc truyền thống tại Trường Đại học Khánh Hòa hiện nay chủ yếu dựa trên mô hình tương tác trực tiếp một thầy, một trò. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu bảo tồn các kỹ thuật tinh tế của âm nhạc dân tộc trong kỷ nguyên số, bài viết xây dựng nền tảng lý luận dựa trên ba khung thuyết cốt lõi sau:

- *Khung lý thuyết học tập thích ứng và cá nhân hóa (Adaptive learning and personalization)*

Thách thức lớn nhất trong đào tạo thanh nhạc truyền thống là việc áp dụng một lộ trình chung cho nhiều sinh viên có âm sắc và khả năng tiếp thu khác nhau (Yu & cộng sự, 2023). Khung lý thuyết này đề xuất sử dụng các “hệ thống chuyên gia sư phạm” (Pedagogical expert systems) và mô hình tối ưu hóa dữ liệu để phá vỡ tính đơn lẻ của giáo trình cũ. AI có khả năng phân tích hồ sơ giọng hát cá nhân, từ đó thiết kế lộ trình luyện tập riêng biệt, giúp sinh viên tập trung khắc phục những hạn chế khi thực hiện các kỹ thuật khó (Wang & Wang, 2025). Trong đào tạo thanh nhạc Việt Nam kỹ thuật này thường xuất hiện như nhấn chữ hoặc các quãng luyện lấy đặc trưng có trong các ca khúc mang đậm chất vùng miền.

- *Khung lý thuyết phản hồi tức thời và đánh giá khách quan (Immediate feedback & Objective assessment)*

Khung thuyết này tập trung giải quyết tính chậm trễ của phản hồi và tính chủ quan trong đánh giá nghệ thuật thông qua các công nghệ lỗi:

Phản hồi kỹ thuật âm thanh: Sử dụng công nghệ mô phỏng nhận dạng giọng nói để phân tích các đặc tính âm thanh (cao độ, trường độ, âm sắc) theo thời gian thực Điều

này cho phép sinh viên nhận được phản hồi ngay lập tức về độ chuẩn xác của các thang âm điệu thức đặc thù trong âm nhạc dân tộc (Li & cộng sự, 2025).

Tính khách quan trong đánh giá: Ứng dụng Mạng Nơ-ron lan truyền ngược (BPNN) để mô phỏng các quy trình đánh giá phi tuyến tính phức tạp (WanLing, 2022). Hệ thống này giúp giảm thiểu sự cảm tính của con người, đảm bảo các kỹ thuật biểu diễn mang tính bản sắc được định lượng và đánh giá một cách khoa học.

Thẩm mỹ toàn diện: Công nghệ học sâu (Deep Learning) cho phép AI đánh giá các yếu tố “nhìn” như tư thế, biểu cảm sân khấu và sự phù hợp của phong cách biểu diễn với tinh thần của tác phẩm (Zheng & cộng sự, 2024).

- *Khung lý thuyết môi trường mô phỏng và cân bằng giữa yếu tố con người và máy (Simulated environments & Human - AI Balance)*

Khung lý thuyết này hướng đến việc tối ưu hóa hiệu suất công nghệ mà không làm mất đi tính nhân văn của nghệ thuật:

Môi trường diễn xướng ảo: Sự kết hợp giữa VR và AI thiết lập các không gian biểu diễn mô phỏng (như nhà hát cổ, không gian văn hóa truyền thống), giúp sinh viên rèn luyện tâm lý sân khấu và làm quen với môi trường diễn xướng đậm chất bản sắc (Jing, 2022).

Nguyên tắc cân bằng: Khẳng định vai trò của giảng viên là không thể thay thế trong việc truyền tải cảm xúc và định hướng thẩm mỹ (chiếm hơn 56% giá trị chất lượng đào tạo). AI chỉ đóng vai trò trợ lý đắc lực, giải phóng giảng viên khỏi các nhiệm vụ kỹ thuật lặp lại để họ có thể tập trung sâu hơn vào việc khai thác linh hồn và bản sắc dân tộc trong mỗi tác phẩm (Yuhao, 2025).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu vận dụng phương pháp tiếp cận định tính thông qua việc kết hợp linh hoạt các kỹ thuật nghiên cứu nhằm đảm bảo tính hệ thống và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu.

Rà soát tổng quan tài liệu: tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về AI trong giáo dục (AIED) và AI trong âm nhạc. Phương pháp này tập trung xây dựng nền tảng lý luận về các thuật toán AI (như BPNN, Deep Learning) và các khung thuyết học tập thích ứng, làm cơ sở khoa học để đối chiếu với đặc thù đào tạo thanh nhạc Việt Nam.

Phân tích bối cảnh và khảo sát hiện trạng: Thông qua quá trình quan sát thực tiễn hoạt động giảng dạy tại Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Khánh Hòa, tác giả phân tích thực trạng đào tạo chuyên ngành thanh nhạc. Phương pháp này giúp nhận diện các “khoảng trống” giữa phương pháp truyền thống và yêu cầu chuẩn hóa kỹ thuật biểu diễn trong kỷ nguyên số.

Phương pháp chuyên gia và lập luận logic: Dựa trên các dữ liệu lý thuyết và thực tiễn đã thu thập, nghiên cứu sử dụng phương pháp suy luận logic để xây dựng mô hình tích hợp AI. Các đề xuất được xây dựng dựa trên sự tham vấn gián tiếp từ các mô hình đào tạo nghệ thuật tiên tiến, nhằm đưa ra lộ trình ứng dụng công nghệ mà vẫn đảm bảo tính bảo tồn bản sắc dân tộc.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng đào tạo biểu diễn thanh nhạc tại Trường Đại học Khánh Hòa

Chương trình đào tạo thanh nhạc tại Trường Đại học Khánh Hòa hiện nay được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức toàn diện từ kỹ thuật thanh nhạc chuyên sâu đến xử lý tình huống sân khấu. Phương pháp sư phạm chủ đạo vẫn là hình thức trực tiếp một kèm một. Dù hình thức này giúp truyền thụ hiệu quả cảm xúc nghệ thuật, nhưng trước yêu cầu bảo tồn bản sắc trong kỷ nguyên số, mô hình truyền thống đang bộc lộ những thách thức sau:

Thách thức trong cá nhân hóa và bảo tồn kỹ thuật đặc thù: Việc xây dựng lộ trình luyện tập riêng biệt cho từng sinh viên còn gặp nhiều khó khăn do giới hạn về thời lượng đào tạo. Giáo trình có xu hướng đồng nhất hóa, chưa thể đi sâu vào việc khắc phục nhược điểm âm sắc cá nhân hoặc rèn luyện các kỹ thuật khó, đòi hỏi sự chuẩn xác cao của thanh nhạc Việt Nam như nhấn, nhả chữ, luyện láy. Sinh viên thiếu công cụ hỗ trợ tự học ngoài giờ, dẫn đến việc nắm bắt các sắc thái dân tộc thiếu tính liên tục và chiều sâu.

Sự thiếu hụt công cụ phản hồi tức thời và tính khách quan trong đánh giá: Quá trình đánh giá hiện nay chủ yếu dựa trên cảm nhận chủ quan và kinh nghiệm của giảng viên. Điều này gây khó khăn trong việc định lượng và chuẩn hóa các kỹ thuật biểu diễn mang tính bản sắc. Sự thiếu vắng các công cụ phản hồi tức thời khiến sinh viên khó tự nhận diện lỗi sai về cao độ, độ rung (vibrato) hay khẩu hình trong lúc luyện tập cá nhân, làm chậm tiến độ hoàn thiện kỹ thuật chuyên môn.

Khoảng cách giữa môi trường thực hành và không gian diễn xướng thực tế: Cơ hội để sinh viên thực hành trong các bối cảnh mô phỏng thực tế còn rất hạn chế. Đặc biệt, việc thiếu các không gian diễn xướng mô phỏng (từ sân khấu hiện đại đến các không gian văn hóa truyền thống) khiến sinh viên gặp khó khăn trong việc xây dựng bản lĩnh sân khấu và làm chủ tâm lý biểu diễn. Điều này tạo ra khoảng cách giữa kỹ thuật phòng học và năng lực thực tế trong môi trường biểu diễn đa dạng. Việc áp dụng các công nghệ mới vào giảng dạy không còn là lựa chọn mà đã trở thành yêu cầu bắt buộc để nâng cao chất lượng đào tạo. Thực tế cho thấy, hoạt động học tập của sinh viên hiện nay đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tương tác với các hệ thống thông minh, đòi hỏi các cơ sở đào tạo phải có những bước thích ứng kịp thời (Bùi Trọng Tài & Nguyễn Minh Tuấn, 2024). Chính vì vậy, nghiên cứu ứng dụng AI trong đào tạo thanh nhạc tại Trường Đại học Khánh Hòa là một hướng đi mang tính đột phá nhằm tối ưu hóa chất lượng đào tạo, giúp sinh viên phát triển toàn diện năng lực biểu diễn gắn liền với việc giữ gìn bản sắc dân tộc.

3.2. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo biểu diễn thanh nhạc

Dựa trên các khung lý thuyết về học tập thích ứng và phản hồi tức thời, nghiên cứu đề xuất bốn nhóm ứng dụng AI chuyên biệt nhằm tối ưu hóa chất lượng đào tạo, hướng tới việc bảo tồn các giá trị kỹ thuật trong thanh nhạc Việt Nam và nâng cao trải nghiệm thưởng thức cho công chúng.

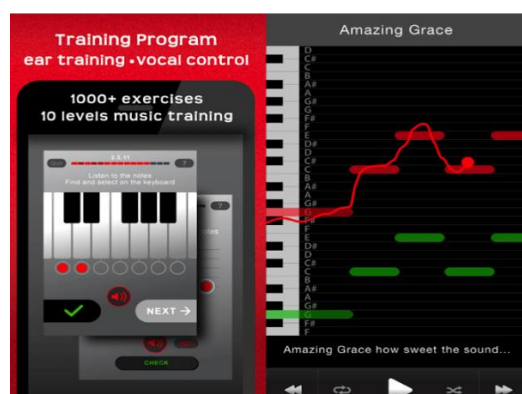
3.2.1. AI hỗ trợ cá nhân hóa và luyện thanh

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Cơ chế và công cụ: Các phần mềm như *Sing Sharp* hoặc *Vocal Image* sử dụng thuật toán nhận dạng giọng nói để phân tích các chỉ số: Cao độ, trường độ, âm sắc và độ ổn định.

Giá trị trong đào tạo bản sắc: AI cho phép thiết kế lộ trình luyện tập riêng biệt dựa trên mô hình Data Fusion. Đối với sinh viên thanh nhạc Việt Nam, điều này giúp kiểm soát sự chuẩn xác của các thang âm điệu thức dân tộc trước khi tiến tới xử lý các sắc thái biểu cảm phức tạp hơn. Ví dụ, sau khi AI phân tích tần số rung, giảng viên có thể điều chỉnh để sinh viên thực hiện kỹ thuật rung/ nhấn phù hợp với đặc thù của hát dân ca, tránh việc lạm dụng kỹ thuật rung phương Tây một cách máy móc, giúp người nghe cảm nhận sự tinh tế mượt mà và chiều sâu văn hoá của âm nhạc truyền thống.

Một minh chứng tiêu biểu là ứng dụng *Sing Sharp* (Hình 1), được vận hành trên nền tảng thuật toán nhận dạng giọng nói và học máy để phân tích các thuộc tính âm thanh cơ bản.



Hình 1. Giao diện phân tích cao độ và phản hồi kỹ thuật thời gian thực của ứng dụng Sing Sharp

Cơ chế hoạt động và phản hồi tức thời: Sing Sharp sử dụng bộ lọc dữ liệu để định lượng chính xác cao độ (Pitch), trường độ (Duration) và âm sắc (Timbre). Đối với sinh viên thanh nhạc tại Trường Đại học Khánh Hòa, hệ thống này đóng vai trò như một “trợ lý kỹ thuật” hỗ trợ nhận diện lỗi sai ngay lập tức khi luyện tập các thang âm điệu thức đặc thù của Việt Nam.

Giá trị cá nhân hóa và bảo tồn kỹ thuật: Sau bài kiểm tra đầu vào, AI phân tích dữ liệu về tần số rung giọng và độ ổn định âm thanh. Dựa trên kết quả này, hệ thống tự động thiết kế chuỗi bài tập chuyên biệt để kiểm soát hơi thở và cơ hoành, tạo nền tảng thể lực âm thanh vững chắc để sinh viên tự tin truyền tải cảm xúc đến khán giả.

Ứng dụng trong bản sắc: Thay vì chỉ luyện tập theo các mẫu âm phương Tây, giảng viên có thể định hướng sinh viên sử dụng dữ liệu từ AI để chuẩn hóa các kỹ thuật khó như nảy hạt (hay còn gọi là *đổ hạt* là một kỹ thuật cực kỳ đặc trưng và khó, thường xuất hiện trong các làn điệu dân ca cổ truyền miền Bắc như Ca trù, Quan họ, Hát Xoan, Hát Ghẹo...) hay luyến láy. Chẳng hạn, khi sinh viên hát một làn điệu dân ca, biểu đồ cao độ thời gian thực của Sing Sharp giúp kiểm soát nốt luyến không bị phò, chênh, đảm bảo tính

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

chuẩn xác của hệ thống ngữ cung truyền thống, từ đó giúp công chúng thưởng thức được trọn vẹn vẻ đẹp đặc trưng của âm nhạc cổ truyền mà không bị sai lệch về mặt thẩm mỹ.

Các tính năng hỗ trợ đào tạo chuyên sâu

Phân tích âm thanh đa chiều: Theo dõi sự tương quan giữa cao độ và âm sắc theo thời gian thực.

Hệ thống bài tập thích ứng: Đề xuất bài tập phát triển âm vực và kiểm soát tần số rung dựa trên sự tiến bộ của từng cá nhân.

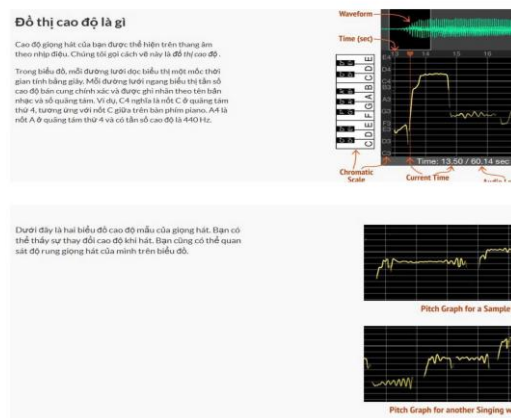
Lưu trữ và theo dõi tiến trình: Cung cấp biểu đồ tiến bộ theo thời gian, giúp giảng viên có căn cứ định lượng để đánh giá quá trình tự học của sinh viên, từ đó điều chỉnh giáo án cho phù hợp với năng lực thực tế.

3.2.2. Hệ thống phản hồi kỹ thuật và đánh giá khách quan

Ứng dụng này tập trung giải quyết vấn đề tính chủ quan trong đánh giá nghệ thuật và sự thiếu hụt phản hồi về các yếu tố phi âm thanh trong quá trình đào tạo.

Phân tích kỹ thuật chuyên sâu: Sử dụng công nghệ học sâu để phân tích song song cả dữ liệu âm thanh và hình ảnh video biểu diễn, từ đó đánh giá toàn diện các yếu tố thẩm mỹ nghe nhìn. AI có khả năng đo lường các chỉ số như: mức độ tiếp xúc bằng mắt, tần suất biểu cảm khuôn mặt để đánh giá sự truyền tải cảm xúc, nhằm đảm bảo mỗi tiết mục biểu diễn là một sự kết nối hoàn hảo giữa người biểu diễn và người xem.

Số hóa kỹ thuật đặc thù: Ứng dụng Sing Scope là một minh chứng điển hình trong việc định lượng hóa các kỹ thuật thanh nhạc phức tạp (Hình 2). Thông qua thuật toán AI, hệ thống cung cấp phản hồi định lượng về cao độ và độ ổn định giọng hát với độ chính xác cao.



Hình 2. Giao diện phân tích cao độ và đặc tính âm thanh trực quan của ứng dụng Sing Scope

Ứng dụng vào bản sắc: Đối với thanh nhạc Việt Nam, Sing Scope giúp sinh viên quan sát trực quan đồ thị của kỹ thuật nảy hạt hoặc luyến láy. Độ tách bạch của các “hạt” âm và quỹ đạo của các nốt luyến trong hệ thống ngữ cung được hiển thị chi tiết trên biểu đồ, giúp sinh viên tự điều chỉnh nhằm đạt đến độ rung cảm thẩm mỹ cao nhất cho người thưởng thức.

Các chức năng cốt lõi hỗ trợ đào tạo

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

Phân tích cao độ trực quan: Hiện thị biểu đồ cao độ theo thời gian thực. Điều này cực kỳ hữu ích để kiểm soát sự chuẩn xác khi hát các quãng luyến láy phức tạp trong dân ca Việt Nam.

Đánh giá độ ổn định: Kiểm tra khả năng giữ vững hơi thở và cao độ, đảm bảo âm thanh không bị bệt hoặc chênh phô.

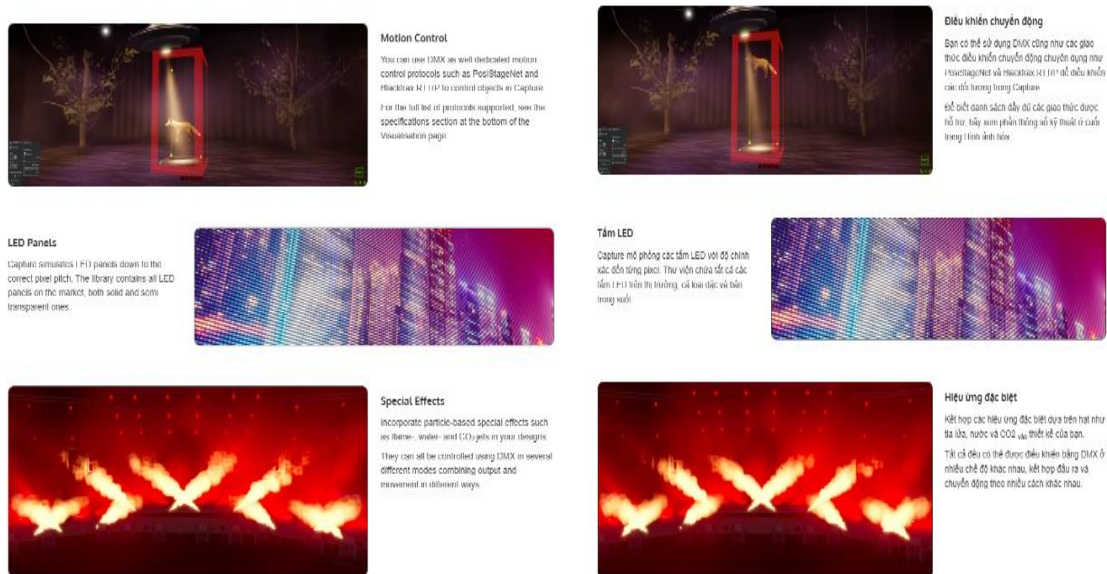
Phân tích đặc tính rung giọng: Giúp người học quan sát biên độ và tần số rung. Giảng viên có thể dựa vào biểu đồ này để hướng dẫn sinh viên phân biệt giữa độ rung phương Tây và độ nảy/ đờ hột trong hát truyền thống Việt Nam, giúp bảo tồn “cái hồn” của âm nhạc dân tộc trước khán giả hiện đại như hiện nay.

Lưu trữ và phân tích hậu kỳ: Cho phép ghi âm, phóng to/ thu nhỏ biểu đồ sóng âm để phân tích chi tiết từng nốt nhạc, giúp giảng viên và sinh viên có cơ sở dữ liệu khách quan để thảo luận về chuyên môn.

Đánh giá khách quan: Nhằm khắc phục đánh giá cảm tính trong chấm điểm, các mô hình AI như mạng Nơ-ron lan truyền ngược (BPNN) được ứng dụng để mô phỏng quá trình đánh giá phi tuyến tính. Hệ thống này giúp chuẩn hóa các tiêu chí chuyên môn, tạo ra sự công bằng và nhất quán trong việc đánh giá năng lực biểu diễn chuyên ngành tại Trường Đại học Khánh Hòa.

3.2.3. Công nghệ mô phỏng sân khấu và thực tế ảo

Ứng dụng này hướng tới việc rèn luyện kỹ năng biểu diễn thực tế, làm chủ tâm lý sân khấu và kiến tạo môi trường diễn xướng cho sinh viên.



Hình 3. Giao diện thiết kế không gian biểu diễn ảo và mô phỏng ánh sáng trên phần mềm Capture

Nền tảng công nghệ: Sự kết hợp giữa thực tế ảo (VR) và các thuật toán AI cho phép xây dựng các không gian biểu diễn mô phỏng. Công nghệ thực tế ảo và AI mô phỏng âm học giúp sinh viên nhận diện được sự tương tác giữa giọng hát và không gian khán phòng. Điều này cho phép sinh viên điều chỉnh cường độ và sắc thái âm thanh phù

hợp với từng môi trường biểu diễn cụ thể, đảm bảo rằng khán giả ở mọi vị trí trong khán phòng đều có thể thưởng thức trọn vẹn độ vang và cảm xúc của tác phẩm.

Mô phỏng không gian diễn xướng bản sắc: Trong đào tạo thanh nhạc Việt Nam, việc tái hiện môi trường diễn xướng phù hợp với tác phẩm là cực kỳ quan trọng. Giảng viên có thể sử dụng các phần mềm mô phỏng 3D chuyên nghiệp như Capture để minh họa mối liên hệ giữa hiệu suất thanh nhạc và hiệu ứng sân khấu giúp sinh viên hiểu rõ cách mà ánh sáng và không gian cộng hưởng với giọng hát để tạo nên một buổi biểu diễn mãn nhãn và thỏa mãn tai nghe của khán giả.

Các chức năng cốt lõi hỗ trợ đào tạo tại Trường Đại học Khánh Hòa

Thiết kế và mô hình hóa 3D: Xây dựng mô hình 3D của các loại hình sân khấu khác nhau (từ sân khấu hiện đại đến các không gian văn hóa truyền thống như đình làng, nhà hát cổ) với kích thước và tỷ lệ chính xác.

Mô phỏng ánh sáng vật lý: AI hỗ trợ tính toán chính xác cường độ, góc chiếu và màu sắc ánh sáng trong thời gian thực. Điều này giúp sinh viên hình dung rõ nét sự tương tác giữa trang phục biểu diễn truyền thống và ánh sáng sân khấu, từ đó tối ưu hóa hiệu quả thẩm mỹ nghe nhìn.

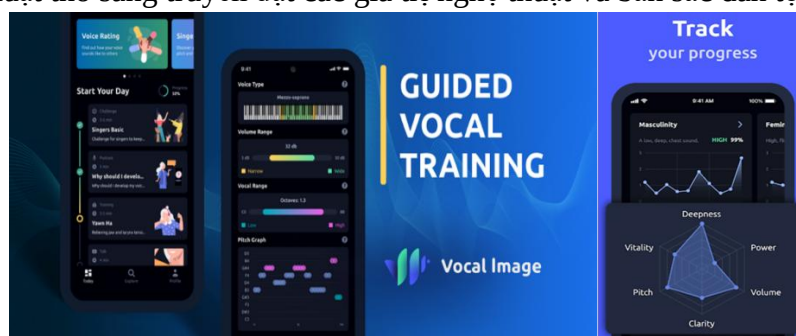
Điều khiển và giao tiếp kỹ thuật: Hỗ trợ các chuẩn công nghiệp như DMX và Art-Net, cho phép kết nối với các mô-đun AI bên ngoài để đồng bộ hóa ánh sáng theo giai điệu và cường độ giọng hát của sinh viên.

Phân tích hậu kỳ thông qua ghi hình mô phỏng: Hệ thống ghi lại buổi biểu diễn ảo dưới dạng video. Giảng viên và sinh viên có thể xem lại để phân tích sự phối hợp giữa kỹ thuật thanh nhạc và phong thái biểu diễn sân khấu, giúp điều chỉnh các lỗi về tâm lý hoặc tư thế một cách kịp thời.

Việc ứng dụng công nghệ mô phỏng không chỉ giúp sinh viên tự tin hơn mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách giữa môi trường học thuật và không gian diễn xướng thực tế trong kỷ nguyên số.

3.2.4. Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ giảng viên

Trong mô hình đào tạo hiện đại, AI đóng vai trò là công cụ hỗ trợ chiến lược nhằm tối ưu hóa hiệu quả giảng dạy, giúp giảng viên chuyển trọng tâm từ việc quản lý dữ liệu kỹ thuật thô sang truyền đạt các giá trị nghệ thuật và bản sắc dân tộc.



Hình 4. Giao diện báo cáo phân tích kỹ thuật và lộ trình luyện tập trên ứng dụng Vocal Image

Hệ thống theo dõi và quản lý tiến độ tự động: AI hỗ trợ giảng viên theo dõi sát sao lộ trình học tập của toàn bộ sinh viên thông qua dữ liệu số. Hệ thống có khả năng tự động phát hiện các điểm yếu về kỹ thuật thanh nhạc của từng cá nhân một cách khách quan, từ đó đề xuất các bài tập bổ trợ phù hợp.

Nâng cao hiệu quả sư phạm và giá trị nhân văn: Việc tự động hóa quá trình phân tích dữ liệu giúp giảng viên tiết kiệm thời gian trong khâu đánh giá kỹ thuật cơ bản. Nhờ đó, người thầy có thể tập trung vào các khía cạnh chuyên sâu hơn như: Truyền tải cảm xúc, định hướng phong cách biểu diễn độc lập và khơi gợi giá trị bản sắc dân tộc trong mỗi tác phẩm nghệ thuật. Sự chuyển dịch này hướng tới đích đến cuối cùng là giúp sinh viên không chỉ hát đúng mà còn hát hay, chạm đến trái tim người nghe thông qua sự tinh tế trong phong cách biểu diễn.

Các chức năng hỗ trợ chuyên môn của ứng dụng Vocal Image

Phân tích kỹ thuật đa chiều: Đánh giá các chỉ số cơ bản trong thời gian thực bao gồm: Cao độ (Pitch), cường độ (Volume), âm sắc (Tone) và độ ổn định (Stability). Đây là cơ sở dữ liệu khách quan để giảng viên đối chiếu với sự tiến bộ của sinh viên.

Hệ thống phản hồi thị giác: Cung cấp đồ thị cao độ trực quan, giúp sinh viên tự điều chỉnh nốt nhạc dựa trên nốt gốc dưới sự giám sát từ xa của giảng viên.

Báo cáo hiệu suất định lượng: Sau mỗi buổi tập, ứng dụng xuất báo cáo chi tiết về các vùng quãng giọng yếu. Giảng viên dựa vào đây để xây dựng giáo án cá nhân hóa, tập trung xử lý những phân đoạn kỹ thuật khó trong bài hát Việt Nam.

Cá nhân hóa bài tập luyện thanh: AI đề xuất các bài tập chuyên biệt dựa trên lỗi kỹ thuật thường gặp. Sự kết hợp này khẳng định vị thế không thể thay thế của người thầy: AI đảm nhận vai trò chuẩn hóa kỹ thuật, trong khi giảng viên đảm nhận vai trò khơi nguồn sáng tạo để sinh viên trở thành một nghệ sĩ có khả năng dẫn dắt cảm xúc của khán giả trong kỷ nguyên số.

3.3. Thảo luận về lợi ích và thách thức khi tích hợp AI

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào đào tạo biểu diễn thanh nhạc tại Trường Đại học Khánh Hòa là một xu thế tất yếu trong bối cảnh chuyển đổi số, nhưng cần một lộ trình cân bằng giữa công nghệ và đặc thù nghệ thuật.

- Lợi ích chiến lược của ứng dụng AI: Tích hợp AI mang lại ba lợi ích cốt lõi, giúp hiện đại hóa quy trình đào tạo truyền thống.

Tối ưu hóa cá nhân hóa: AI cho phép hợp nhất dữ liệu từ đặc điểm giọng hát và tiến độ riêng biệt của mỗi sinh viên để thiết kế lộ trình luyện tập chuyên biệt. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong việc giúp sinh viên làm chủ các kỹ thuật khó như nảy hạt hay nhả chữ vốn đòi hỏi sự rèn luyện kiên trì và chính xác theo từng âm sắc cá nhân.

Chuẩn hóa và khách quan hóa đánh giá: Việc sử dụng các mô hình như mạng Nơ-ron lan truyền ngược (BPNN) giúp định lượng hóa các tiêu chí chuyên môn. AI cung cấp phản hồi tức thời, giúp sinh viên nâng cao khả năng tự nhận thức lỗi sai về cao độ, độ rung, từ đó giảm thiểu sự cảm tính trong đánh giá nghệ thuật và đảm bảo tính minh bạch trong đào tạo.

Mở rộng không gian diễn xướng: Công nghệ VR kết hợp AI xóa bỏ rào cản về thời gian và không gian. Sinh viên có thể luyện tập bản lĩnh sân khấu trong môi trường mô phỏng (khán giả ảo, ánh sáng ảo), giúp thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết phòng học và thực tiễn biểu diễn chuyên nghiệp.

- *Những thách thức trong quá trình triển khai:* Bên cạnh lợi ích, việc tích hợp AI vào lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đối mặt với ba rào cản lớn.

Rào cản hạ tầng và chi phí: Việc đầu tư vào các phần mềm chuyên biệt, hệ thống VR và duy trì máy chủ đòi hỏi nguồn kinh phí lớn. Đây là thách thức đối với các cơ sở đào tạo địa phương trong việc đảm bảo tính đồng bộ và ổn định của công nghệ.

Năng lực thích ứng công nghệ của giảng viên: Kỹ năng công nghệ của đội ngũ giảng viên là yếu tố then chốt. Sự chuyển đổi từ phương pháp dạy truyền khẩu sang tích hợp công cụ số đòi hỏi các chương trình tập huấn bài bản để tránh tâm lý ngại đổi mới hoặc ứng dụng công nghệ một cách hình thức.

Thách thức về bảo tồn giá trị nhân văn và bản sắc: Đây là vấn đề quan trọng nhất. Sự phụ thuộc quá mức vào các chỉ số định lượng của AI dễ dẫn đến lối hát máy móc, thiếu cảm xúc. AI có thể nhận diện đúng cao độ, nhưng chưa thể thay thế con người trong việc truyền tải cái hồn của bản sắc dân tộc, những sắc thái tinh tế vốn nằm ngoài khả năng phân tích của thuật toán thuần túy.

Nhận định chung: Chiến lược tích hợp AI tại Trường Đại học Khánh Hòa phải dựa trên nguyên tắc “Công nghệ hỗ trợ - Con người định hướng”. AI cần được sử dụng như một công cụ chuẩn hóa kỹ thuật nền tảng, tạo không gian để giảng viên tập trung sâu hơn vào việc khơi gợi tư duy sáng tạo và giữ gìn bản sắc âm nhạc Việt trong tâm hồn sinh viên.

3.4. Đề xuất và định hướng tích hợp AI tại trường Đại học Khánh Hòa

Trên cơ sở phân tích thực trạng và tiềm năng công nghệ, nghiên cứu đề xuất khung định hướng tích hợp AI vào chương trình đào tạo thanh nhạc theo lộ trình đồng bộ, bền vững, nhằm mục tiêu cuối cùng là nâng cao năng lực biểu diễn thực tế và tối ưu hóa giá trị thưởng thức nghệ thuật.

- *Xây dựng lộ trình tích hợp phân kỳ:* Cần triển khai tích hợp công nghệ theo mô hình cuốn chiếu để đảm bảo tính thích nghi của giảng viên và sinh viên, tránh việc lạm dụng công nghệ làm mất đi tính cảm xúc trong nghệ thuật.

Giai đoạn 1 (Thử nghiệm): Ứng dụng các phần mềm luyện thanh di động (như Sing Sharp, Vocal Image) vào các giờ tự học. Ở giai đoạn này, AI đóng vai trò là “chiếc gương soi âm thanh” khách quan, giúp sinh viên tự nhận diện các lỗi cơ bản về cao độ và hơi thở từ góc độ của người nghe, từ đó hình thành tư duy tự điều chỉnh để đạt tới sự chuẩn xác thẩm mỹ.

Giai đoạn 2 (Chuẩn hóa): Thiết lập hệ thống phản hồi kỹ thuật chuyên sâu tại phòng thực hành. Ứng dụng các thuật toán phân tích sóng âm để chuẩn hóa các kỹ thuật bản sắc như nảy hạt, luyện láy trong hệ thống ngũ cung. Việc số hóa các kỹ thuật này không chỉ giúp sinh viên nắm vững lý thuyết mà còn giúp họ quan sát được quỹ đạo âm

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

thanh tinh tế, đảm bảo rằng những đặc thù của thanh nhạc Việt Nam được tái hiện một cách mượt mà, truyền cảm nhất tới khán giả.

Giai đoạn 3 (Trải nghiệm biểu diễn): Triển khai hệ thống mô phỏng sân khấu thực tế ảo (VR) và xây dựng kho dữ liệu diễn xướng ảo. Trọng tâm của giai đoạn này là mô phỏng âm học khán phòng, giúp sinh viên tập luyện cách tương tác giữa giọng hát và không gian sân khấu. Điều này giúp người học biết cách điều phối âm lượng và sắc thái để khán giả ở bất kỳ vị trí nào cũng có thể thưởng thức trọn vẹn cái hay của tác phẩm.

- Đào tạo và nâng cao năng lực “Sư phạm nghệ thuật số” cho giảng viên

Giảng viên đóng vai trò là người điều phối công nghệ và là người giữ nhịp cho linh hồn nghệ thuật.

Tổ chức các hội thảo chuyên sâu về phương pháp tích hợp AI vào giáo trình. Giảng viên cần được đào tạo để hiểu rằng AI chỉ xử lý phần vỏ kỹ thuật, còn người thầy sẽ tập trung vào phần lõi là truyền tải cảm xúc và tư duy xử lý tác phẩm.

Khuyến khích giảng viên tham gia tùy chỉnh các thông số kỹ thuật của AI để các thuật toán phản hồi đúng với đặc thù âm nhạc Việt Nam. Sự can thiệp chuyên môn của giảng viên sẽ giúp AI không “Tây hóa” giọng hát của sinh viên mà ngược lại trở thành công cụ đắc lực để bảo tồn những nét nhân, nhả chữ đậm chất bản sắc địa phương.

- Phát triển hệ sinh thái học liệu số và nền tảng thông minh nội bộ

Trường Đại học Khánh Hòa cần hướng tới việc xây dựng một hệ sinh thái học liệu số thông minh nội bộ, không phụ thuộc hoàn toàn vào các ứng dụng quốc tế.

Xây dựng nền tảng luyện thanh nội bộ: Tích hợp các bài tập cá nhân hóa gắn liền với các tác phẩm Thanh nhạc Việt Nam tiêu biểu và các làn điệu dân ca Nam Trung Bộ.

Số hóa dữ liệu mẫu: Ưu tiên số hóa các mẫu giọng hát chuẩn mực của các nghệ sĩ, nghệ nhân để làm dữ liệu mẫu cho AI. Việc sinh viên được so sánh đồ thị giọng hát của mình với những bậc thầy sẽ giúp họ học hỏi được cách xử lý sắc thái tinh tế, từ đó nâng cao chất lượng biểu diễn thực tế, đáp ứng nhu cầu thưởng thức ngày càng cao của công chúng.

- Tăng cường hợp tác liên ngành và chuyển giao công nghệ

Chủ động liên kết với các doanh nghiệp công nghệ để đặt hàng các công cụ AI chuyên biệt cho đào tạo Thanh nhạc, đặc biệt là các thuật toán nhận diện và chấm điểm kỹ thuật luyện láy, nhả chữ trong tiếng Việt.

Tham gia các mạng lưới đào tạo nghệ thuật số để cập nhật xu hướng mô phỏng sân khấu tiên tiến nhất. Mục tiêu cuối cùng của sự hợp tác này là tạo ra một môi trường học tập hiện đại, nơi công nghệ đóng vai trò bệ phóng để đưa tài năng và bản sắc âm nhạc của sinh viên Đại học Khánh Hòa đến gần hơn với trái tim khán giả.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã hệ thống hóa xu hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong đào tạo thanh nhạc và phân tích lộ trình tích hợp công nghệ này tại Trường Đại học Khánh Hòa. Bài viết khẳng định AI không chỉ là một công cụ kỹ thuật mà còn là giải pháp chiến lược nhằm hiện đại hóa quy trình đào tạo nghệ thuật, khắc phục những hạn chế về

thời lượng và tính chủ quan của phương pháp giảng dạy truyền thống, từ đó tạo ra một nền tảng vững chắc để nâng cao chất lượng biểu diễn thực tế.

Thông qua các nhóm ứng dụng về cá nhân hóa lộ trình luyện tập, hệ thống phản hồi kỹ thuật trực quan (như Sing Scope, Vocal Image) và công nghệ mô phỏng không gian diễn xướng (VR/Capture), AI cho phép định lượng hóa các kỹ thuật thanh nhạc đặc thù của Việt Nam như nảy hạt, nhấn chữ, luyến láy. Việc sử dụng AI để chuẩn hóa các kỹ thuật này không chỉ giúp sinh viên làm chủ nền tảng vững chắc trước khi tiến tới các sắc thái biểu cảm chuyên sâu, mà còn là tiền đề quan trọng để bảo tồn và truyền tải trọn vẹn vẻ đẹp tinh tế của âm nhạc dân tộc đến với khán giả. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc triển khai AI cần một lộ trình thận trọng để vượt qua các thách thức về chi phí đầu tư và năng lực thích ứng của đội ngũ giảng viên. Quan trọng nhất là cần duy trì sự cân bằng giữa tính toán của máy móc và tư duy nghệ thuật của con người. AI đóng vai trò là trợ lý số đắc lực, giải phóng giảng viên khỏi các nhiệm vụ kỹ thuật thô, tạo không gian để người thầy tập trung vào việc khơi nguồn cảm xúc, xây dựng phong cách biểu diễn cá nhân và truyền đạt linh hồn văn hóa dân tộc. Chính sự kết hợp này sẽ đảm bảo rằng các tiết mục thanh nhạc không chỉ dừng lại ở sự chuẩn xác về thông số mà còn đạt tới độ chín về thẩm mỹ nghe nhìn, đáp ứng nhu cầu thưởng thức ngày càng cao của xã hội.

Tác giả đề xuất định hướng tích hợp AI theo phân kỳ giai đoạn, kết hợp với công tác đào tạo đội ngũ và xây dựng hệ sinh thái học liệu số thông minh. Sự chuyển đổi này không chỉ giúp nâng cao năng lực biểu diễn chuyên môn cho sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa mà còn góp phần quan trọng vào việc bảo tồn, phát triển bản sắc âm nhạc Việt Nam, khẳng định vị thế của nghệ thuật thanh nhạc trong việc phục vụ đời sống tinh thần của cộng đồng trong bối cảnh toàn cầu hóa và kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Trọng Tài & Nguyễn Minh Tuấn (2024). Nghiên cứu ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục tới hoạt động học tập của sinh viên. *Tạp chí Giáo dục*, 24(10), 6–11.
- WanLing, C. (2022). *Evaluating the Vocal Music Teaching Using Backpropagation Neural Network*. *Mobile Information Systems*, 3843726. <https://doi.org/10.1155/2022/3843726>
- Yuhao, C. (2025). Cross-Dimensional Integration and Innovative Applications of Vocal Music and Piano Sound Assets in the AI Era. *Humanities and Social Sciences Review*, 8(1), 99–103.
- Đinh Thị Mỹ Hạnh & Trần Văn Hưng (2021). Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục: Cơ hội và thách thức đến tương lai của việc dạy và học ở trường đại học. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, 19(2), 38–42.
- Li, W., Cui, X., Manoharan, P., Dai, L., Liu, K., & Huang, L. (2025). *AI-assisted feedback and reflection in vocal music training: Effects on metacognition and singing performance*. *Frontiers in Psychology*, 16, 1598867. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2025.1598867>

- Liu, J. (2022). Application of Artificial Intelligence Algorithm and VR Technology in Vocal Music Teaching. *Mobile Information Systems*, 2320198. <https://doi.org/10.1155/2022/2320198>
- Popenici, S.A.D. & Kerr, S. (2017). Exploring the impact of artificial intelligence on teaching and learning in higher education. *Research and Practice in Technology Enhanced Learning*, 12, 22. <https://doi.org/10.1186/s41039-017-0062-8>
- Wang, M., & Wang, H. (2025). Research on Diversified Innovative Paths of Vocal Music Teaching in College Music Education Promoted by Information Technology. *Applied Mathematics and Nonlinear Sciences*, 10(1), 1–12.
- Zawacki-Richter, O., Marín, V. I., Bond, M., & Gouverneur, F. (2019). Systematic review of research on artificial intelligence applications in higher education – Where are the educators?. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 16(1), 39.
- Zheng, J., Zhang, Y., & Zhang, S. (2024). Audio-visual aesthetic teaching methods in college students' vocal music teaching by deep learning. *Scientific Reports*, 14, 29386. <https://doi.org/10.1038/s41598-024-80640-7>.

ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG TRONG PHIM TRUYỆN VIỆT NAM THỜI AI: TRƯỜNG HỢP CẢI LƯƠNG TRONG *SONG LANG*

Phạm Thuận Hải Thảo

Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Văn Hiến

Email: thaoph@vhu.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết khảo sát vai trò của cải lương như một chất liệu tự sự trung tâm trong phim truyện Việt Nam, thông qua trường hợp *Song Lang* (2018). Dựa trên các lý thuyết của Roland Barthes, Michel Chion, Claudia Gorbman, và khung phản biện của Iwabuchi và Braguinski về bản sắc văn hóa trong thời đại AI, nghiên cứu làm rõ cách cải lương không chỉ là yếu tố minh họa mà còn kiến tạo mạch kể, cảm xúc và ký ức trong phim. Với các lớp âm thanh di động giữa diegetic và non-diegetic, chất vọng cổ trở thành phương tiện biểu đạt nội tâm nhân vật và mở rộng không gian văn hóa. Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo có thể tạo sinh âm nhạc kỹ thuật, cải lương giữ lại những “độ rung người” thứ mà công nghệ khó mô phỏng từ đó trở thành lực kháng cự mềm, giúp tái tạo bản sắc văn hóa trong môi trường nghe nhìn đương đại.

Từ khóa: Âm nhạc phim, Tự sự điện ảnh, Cải lương, Bản sắc văn hóa, *Song Lang*

The Role of Traditional Music in Vietnamese Cinema in the Age of AI: A Case Study of Cải Lương in *Song Lang*

Abstract

This paper explores the role of *cải lương* (a traditional Vietnamese theatrical form) as a central narrative device in Vietnamese feature films, focusing on the case of *Song Lang* (2018). Drawing on theoretical frameworks from Roland Barthes, Michel Chion, Claudia Gorbman, as well as critical perspectives by Koichi Iwabuchi and Nikita Braguinski on cultural identity in the age of AI, the study demonstrates how *cải lương* functions not merely as an illustrative element but as a narrative thread shaping the film’s structure, emotion, and memory. Through the fluid movement between diegetic and non-diegetic sound layers, the melancholic tones of *vọng cổ* (nostalgic melody) become a medium for articulating inner worlds and expanding cultural space. In an era where artificial intelligence can generate technically correct music, *cải lương* retains its “human irregularities” those emotional nuances that resist algorithmic reproduction and thus operates as a form of soft resistance, reaffirming cultural identity in the contemporary audiovisual landscape.

Keywords: film music, cinematic narration, cải lương, cultural identity, *Song Lang*.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng can thiệp sâu vào quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm nghe nhìn, âm nhạc truyền thống đứng trước thách thức bị làm phẳng, phi cá tính và mất dần “mùi văn hóa” tức dấu vết của bản sắc vùng miền và

cộng đồng. Theo Iwabuchi (2002), quá trình “khử mùi văn hóa” thường diễn ra khi các sản phẩm văn hóa được điều chỉnh để dễ dàng thích nghi với thị hiếu toàn cầu, dẫn đến sự mờ nhòe của căn tính bản địa. Braguinski (2022) cũng cảnh báo rằng, trong môi trường âm nhạc do AI tạo sinh, tính “đúng chuẩn” về ngữ pháp âm thanh có thể làm mất đi những bất toàn giàu cảm xúc, vốn là linh hồn của âm nhạc truyền thống.

Trong hoàn cảnh đó, bài viết tập trung khảo sát vai trò của âm nhạc truyền thống, cụ thể là cải lương như một chất liệu tự sự trong phim truyện Việt Nam đương đại, nhằm khẳng định khả năng tái tạo bản sắc văn hóa trong môi trường điện ảnh chịu ảnh hưởng mạnh từ công nghệ thuật toán. Lựa chọn trường hợp phim *Song Lang* (Leon Lê, 2018), nghiên cứu đề xuất rằng cải lương không chỉ hiện diện như một yếu tố thẩm mỹ, mà còn giữ vai trò cấu trúc trong việc kiến tạo không gian cảm xúc, biểu đạt nội tâm nhân vật và hồi sinh ký ức cộng đồng. Như vậy, trong khi nhiều dòng âm nhạc hiện đại có xu hướng hòa tan bản sắc để đạt tính phổ quát, thì âm nhạc truyền thống khi được tổ chức như một diễn ngôn tự sự vẫn cho thấy sức mạnh biểu đạt và khả năng kháng cự mềm trong lòng văn hóa đại chúng.

Với mục tiêu đó, bài viết tiếp cận cải lương như một hình thức kể chuyện mang tính văn hóa đặc thù, vận hành trong ngôn ngữ điện ảnh thông qua các khái niệm “giọng kể thứ hai” (Chion, 2019), “unheard melodies” (Gorbman, 1987), cấu trúc tự sự gieo hạt (Roland Barthes), và khả năng mở rộng không gian/ nhịp điệu ký ức (James Buhler). Trên nền tảng này, bài viết hướng tới khẳng định rằng: âm nhạc truyền thống không chỉ còn là chất liệu trang trí, mà có thể là động lực cốt lõi trong xây dựng tự sự điện ảnh Việt Nam thời AI.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo hướng liên ngành giữa âm nhạc học và tự sự học điện ảnh, nhằm phân tích cách cải lương như một hình thức âm nhạc truyền thống đặc trưng của Nam Bộ vận hành như một chất liệu tự sự thẩm mỹ và văn hóa trong phim truyện Việt Nam đương đại. Trên cơ sở đó, bài viết định vị âm nhạc cải lương không chỉ là yếu tố minh họa hình ảnh, mà là trung tâm kiến tạo cảm xúc, ký ức và bản sắc, đặc biệt trong bối cảnh điện ảnh chịu ảnh hưởng ngày càng rõ nét của trí tuệ nhân tạo và các mô hình mô phỏng âm thanh. Qua đó những lý thuyết nền tảng được tổng kết như sau:

- Chion (2019) với các khái niệm *giá trị gia tăng* (added value), *synchresis*, *passe-muraille* và âm nhạc như “giọng kể thứ hai”, lý giải vai trò cấu trúc của âm thanh trong việc tạo nghĩa vượt khỏi hình ảnh trực quan;

- Gorbman (1987) với khái niệm *unheard melodies* – âm nhạc như một “dòng cảm xúc vô hình”, và Buhler & cộng sự (2010) với phân loại *diegetic/non-diegetic* giúp xác định vị trí âm nhạc trong cấu trúc kể chuyện;

- Barthes (1977) với khái niệm *gieo hạt* (hermeneutic code) cho thấy khả năng của âm nhạc trong việc kích hoạt các đơn vị tự sự tiềm tàng;

- Bordwell & Thompson (2013) và Buckland (2011) về cấu trúc thời gian không gian trong phim, từ đó soi chiếu âm nhạc như một “nhịp điệu tổ chức cảm xúc” và dòng chảy tự duy nhân vật.

Bài viết cũng làm rõ đặc trưng ngôn ngữ của cải lương thông qua phân tích khái niệm “cà ra bộ” tức sự phối hợp giữa điệu bộ, lời thoại, ca từ và giọng “oán” như một hình thức kể chuyện giàu biểu cảm đặc biệt hấp dẫn với khán giả miền Nam, “*Ai thích xem diễn thì đến hát bội, đến cải lương là nghe và đuổi theo đào kép đẹp, giọng ca hay... công chúng thường vỗ tay cho những câu vọng cổ (một biến thể của giọng oán) xuống hò, diễn viên nào ca không hay không thể nổi tiếng*” (Tuần Giang, 2008: 106).

Từ đó, bài viết đặt cải lương như một ngôn ngữ tự sự mang tính khu vực, giàu thẩm mỹ biểu đạt, đồng thời phù hợp với khung khái niệm văn hóa học về “tính quen thuộc” (familiarity). Cải lương trong trường hợp phim *Song Lang* là một phần của văn hóa cảm xúc tập thể, có khả năng tạo đồng cảm tức thời qua chất giọng và nhịp phách đặc thù. Như Rosewarne lý giải trong nghiên cứu về làm lại (remake): “*Một tác phẩm làm lại mới muốn thành công vì nó chứa những điều quen thuộc trong nền văn hóa ấy hoặc nỗ lực duy trì sự phù hợp bằng cách thực hiện các thay đổi được coi là phù hợp với bối cảnh văn hóa hiện tại*” (Rosewarne, 2020: 196).

Ngoài ra, bài viết cũng xét đến bối cảnh công nghệ thông qua lý thuyết của Braguinski (2022) về khả năng mô phỏng âm nhạc của học máy nơi các bản nhạc “đúng ngữ pháp” nhưng thiếu chiều sâu văn hóa và của Iwabuchi (2002) về hiện tượng “khử mùi văn hóa” trong sản phẩm đại chúng. Những lập luận này giúp bài viết nhận diện vai trò kháng cự mềm (soft resistance) của âm nhạc truyền thống như cải lương không chỉ bảo tồn ký ức dân tộc mà còn tái kích hoạt bản sắc trong điều kiện toàn cầu hóa thuật toán.

Phương pháp chính được áp dụng là phân tích trường hợp điển hình với các trích đoạn nổi bật trong *Song Lang*: cảnh tập tuồng, cảnh Linh Phụng hát vọng cổ, cảnh Dừng nghe cải lương trong im lặng, và cảnh chia tay. Những phân tích này làm rõ việc cải lương không đơn thuần là nhạc nền mà trở thành trục kể chuyện trung tâm – nơi ký ức, không gian văn hóa và cảm xúc cá nhân được đan cài vào nhau thông qua nhịp điệu và âm sắc bản địa.

3. Kết quả nghiên cứu

Từ cơ sở lý thuyết đã trình bày, kết quả nghiên cứu tập trung làm rõ cách âm nhạc truyền thống vận hành như một chất liệu tự sự trong *Song Lang*, nơi cải lương không chỉ là bối cảnh thẩm mỹ mà trở thành cấu trúc dẫn dắt cảm xúc, tổ chức điểm nhìn và mở rộng không gian văn hóa của phim. Bằng cách phân tích các phân đoạn then chốt, nghiên cứu chỉ ra rằng âm nhạc truyền thống trong *Song Lang* vừa đảm nhiệm chức năng kể chuyện theo nghĩa của Barthes, vừa tạo “giá trị gia tăng” cho hình ảnh theo Chion, đồng thời vận động linh hoạt trong quan hệ diegetic và non-diegetic như Buhler & cộng sự mô tả. Trong bối cảnh thời AI, nơi âm nhạc có nguy cơ bị làm phẳng bởi các thuật toán gợi ý và các mô hình tạo sinh, việc *Song Lang* sử dụng cải lương như trung tâm tự sự còn cho thấy một cơ chế kháng cự văn hóa, tái khẳng định bản sắc qua âm thanh truyền thống. Những phân tích dưới đây vì vậy tập trung vào ba khía cạnh chính: vai trò của cải lương như “giọng kể thứ hai”, sự di động của âm thanh trong cấu trúc không gian và thời gian của phim, và ý nghĩa văn hóa của việc duy trì âm nhạc truyền thống trong thời đại thuật toán hóa.

3.1. Cải lương như một ngôn ngữ âm nhạc tự sự đặc thù của Nam bộ

Trong kho tàng âm nhạc truyền thống Việt Nam, cải lương là thể loại tiêu biểu nhất của sân khấu nhạc kịch Nam Bộ, mang trong mình một cấu trúc tự sự đặc biệt. Không chỉ là âm nhạc, cải lương còn là một hình thức kể chuyện bằng ca từ, vũ đạo và diễn xuất được gọi chung là “ca ra bộ”. Theo Tuấn Giang (2008) cải lương mê hoặc công chúng không chỉ bởi cốt truyện, mà còn nhờ vào giọng ca “Oán”, “vọng cổ” những âm sắc đặc trưng truyền cảm mạnh mẽ và khơi gợi sự đồng cảm sâu sắc. Chính sự giao thoa giữa kể và hát, giữa hình thể và cảm xúc ấy đã khiến cải lương trở thành một ngôn ngữ âm nhạc tự sự độc đáo một hệ thống ký hiệu nơi âm thanh không chỉ minh họa cho hành động mà còn kiến tạo nên các lớp nghĩa nội tâm, xã hội và văn hóa.

Trong phim *Song Lang* (2018) của đạo diễn Leon Quang Lê, cải lương được đặt ở vị trí trung tâm không chỉ như bối cảnh văn hóa, mà như trục tự sự. Phim kể về mối quan hệ giữa Dũng, một tay đòi nợ trong thế giới ngầm, và Linh Phụng là kép chính của đoàn cải lương Sài Gòn. Tương phản giữa hai thế giới này là bạo lực và nghệ thuật. Chính là nền tảng để cải lương vận hành như một “giọng kể thứ hai” của bộ phim. Theo Chion (2019), âm nhạc điện ảnh có thể tạo nên “giá trị gia tăng” (added value) tức là, khi âm thanh và hình ảnh kết hợp tạo ra nghĩa mà từng lớp riêng biệt không có được. Cảnh Linh Phụng cất giọng vọng cổ lần đầu là minh chứng điển hình cho khái niệm *synchresis* – nơi âm nhạc phá vỡ mạch hành động để dẫn dắt khán giả đến với chiều sâu nội tâm của Dũng, nhân vật không hề bộc lộ cảm xúc qua lời thoại.

Một trong những cảnh giàu tính biểu tượng trong *Song Lang* là khi Dũng bước đi trong đêm vắng của thành phố Sài Gòn. Trong cảnh này, tiếng vọng cổ vang lên đều đều, chậm rãi, như thể không quan tâm đến những gì đang diễn ra trên hình ảnh. Đây chính là biểu hiện tiêu biểu của “âm nhạc phi đồng cảm” (*anempathetic music*) theo cách Chion định nghĩa: “âm nhạc không tham gia vào cảm xúc của cảnh, mà vận hành như một thực thể riêng biệt, đều đặn, vô tư lự – chính điều đó lại làm tăng sức mạnh cảm xúc” (Chion, 2019: 8). Âm nhạc, trong trường hợp này, không hoà theo nỗi buồn của Dũng một cách trực tiếp, nhưng chính sự thờ ơ, lạnh lùng và bất biến ấy lại khắc sâu cảm xúc cô lập, bơ vơ và mất phương hướng của nhân vật.

Điều đáng chú ý là tiếng vọng cổ ấy không xuất hiện từ một nguồn phát cụ thể không có sân khấu, không có người hát. Âm nhạc như “rỉ ra” từ cảnh vật, từ những con hẻm, góc phố, từ chính không gian tĩnh lặng của đô thị về đêm. Các cảnh luân chuyển liên tục qua các không gian: từ sân khấu sáng rực đến phòng trọ tăm tối, từ hành lang hậu trường đến phố thị về đêm. Âm nhạc không bị giam hãm trong không gian kể chuyện, mà luôn “xuyên tường”, điều này gợi đến nhận định của Chion về âm nhạc như yếu tố “*passe-muraille*” “vượt qua giới hạn không gian và thời gian để giao tiếp với toàn bộ thế giới phim” (Chion, 2019: 80). Vọng cổ, vốn là chất âm sâu lắng và u hoài, nhờ vị thế đặc thù ấy mà trở thành một dòng chảy tự sự thâm lắng, dẫn dắt cảm xúc mà không cần đến lời thoại hay hành động.

Sự tách biệt giữa âm nhạc và hành động trong cảnh này cũng tạo ra khoảng cách biểu cảm mà Barthes (1977) gọi là “khoảng trống có tính tự sự”, nơi chính sự thiếu đồng hiện (*non congruence*) lại khơi gợi tưởng tượng của người xem. Trong điện ảnh,

đó là lúc khán giả tự lấp đầy khoảng trống cảm xúc bằng kinh nghiệm văn hóa của mình. Cải lương, với tư cách là một chất liệu thẩm thấu ký ức miền Nam, có sức gọi đặc biệt trong trường hợp này.

Không chỉ thế, vọng cổ trong cảnh này cũng mang yếu tố mà Gorbman gọi là “unheard melodies”, âm nhạc “nghe như không nghe”, khi nó hòa nhập hoàn toàn vào bối cảnh và cảm xúc, khiến khán giả gần như không ý thức được họ đang nghe một bản nhạc, mà chỉ thấy mình bị cuốn vào một trạng thái cảm giác. Chính tính vô hình đó làm tăng hiệu quả tự sự: âm nhạc như không có mà lại làm nên tất cả.

Cuối cùng, chính sự lựa chọn vọng cổ như một biến thể từ giọng “Oán” trong cải lương là một quyết định mang tính tự sự và bản sắc mà “*công chúng miền Nam mê đắm cải lương vì những câu vọng cổ xuống hò nơi bi kịch và mỹ cảm hòa làm một*” (Tuấn Giang, 2008: 106). Do đó, dù không gào khóc hay biểu lộ rõ ràng, Dững nhân vật sống giữa ranh giới của tàn nhẫn và yếu đuối lại được nhìn thấy rõ nhất qua tiếng nhạc buồn bã không lời đó.

Cải lương, như vậy, không chỉ minh họa cho hình ảnh hay thiết lập bối cảnh văn hóa, mà thực sự trở thành một cấu trúc tự sự độc lập một “giọng kể thứ hai” vận hành song song với lời thoại và hành động. Nó giúp khán giả cảm nhận những điều nhân vật không thể nói, đồng thời tạo ra một “lõi cảm xúc” thống nhất cho toàn bộ phim. Điều này cho thấy lý do tại sao “một tác phẩm làm lại chỉ có thể thành công nếu nó giữ được điều quen thuộc trong văn hóa gốc, hoặc thích ứng với bối cảnh đương đại một cách hợp lý” (Rosewarne, 2020: 196). Song Lang không làm mới cải lương theo cách cách tân bề mặt, mà đưa nó vào trung tâm tự sự – giúp nghệ thuật truyền thống được tái sinh như một phương tiện biểu đạt cảm xúc điện ảnh có chiều sâu văn hóa và tri nhận.

3.2. Âm nhạc cải lương trong điện ảnh: từ chất liệu thẩm mỹ đến cấu trúc tự sự

Song Lang không chỉ sử dụng cải lương như một lớp thẩm mỹ dân tộc mà còn tái định vị nó như một cơ chế tự sự trung tâm, điều hiếm thấy trong điện ảnh Việt đương đại. Sự hiện diện của cải lương không chỉ đơn thuần làm nền âm thanh cho câu chuyện, mà tổ chức kể chuyện bằng âm thanh âm nhạc, có thể so sánh với một “giọng kể thứ hai” trong cấu trúc điện ảnh đúng như mô tả của Chion.

Trong phim, cải lương vận động linh hoạt giữa hai tầng âm thanh: *diegetic* (trong truyện) và *non-diegetic* (ngoài truyện). Âm thanh *diegetic* là những gì “nhân vật nghe được, thuộc về thế giới truyện”, còn âm thanh *non-diegetic* “chỉ dành cho khán giả, không nằm trong nhận thức của nhân vật” (Buhler & cộng sự, 2010: 66). Ở Song Lang, cải lương xuất hiện từ sân khấu, tiếp tục vang vọng khi khung hình đã chuyển sang hành lang hậu trường một ví dụ điển hình của *offscreen sound* vẫn nằm trong *diegetic*. Cách nổi âm thanh này tạo ra hiệu ứng liên mạch mà Chion gọi là “*ấn tượng âm thanh đến từ sự liên tục giữa các lớp chứ không từ từng mảng tách biệt*” (Chion, 2019: 45). Chính sự di động giữa hai tầng này tạo ra khả năng kết nối giữa đời thực và sân khấu, giữa hiện tại và ký ức điều rất tương hợp với cấu trúc cảm xúc mà phim muốn kiến tạo.

Quan trọng hơn, những cảnh như Dững ngồi lặng lẽ hút thuốc trong phòng trọ, không có sân khấu hay người biểu diễn, nhưng tiếng vọng cổ vẫn ngân lên đã chuyển

cải lương sang tầng non-diegetic. Đây không còn là âm thanh “thực” trong câu chuyện, mà là lớp tự sự nội tâm hóa một kiểu “voice-over bằng âm nhạc”. Âm nhạc lúc này thực hiện đúng đặc quyền *passee-muraille* mà Chion đề xuất: “*vượt qua mọi rào cản về thời gian và không gian, giao tiếp với tất cả các tầng hành động*” (Chion, 2019: 80). Nhờ vậy, âm thanh không chỉ dẫn dắt cảm xúc tức thời, mà kết nối các lớp hiện thực, ký ức, biểu diễn và đời sống nội tâm trong một trục tự sự vô hình nhưng mạnh mẽ.

Khái niệm *unheard melodies* của Gorbman cũng lý giải sức mạnh này: âm nhạc càng hòa tan vào cảnh phim, càng ít được ý thức, nó càng định hướng mạnh mẽ cảm xúc khán giả. Khi Dũng lặng người nhìn Linh Phụng hóa thân thành Tô Ánh Nguyệt, tiếng đàn nhị len vào nhịp thở nhân vật tạo nên cảm giác âm thanh “nghe như không nghe”. Người xem không phân biệt rạch ròi âm thanh và hình ảnh, vì tất cả đã quyện thành một khối cảm xúc tinh tế và mơ hồ nơi nhân vật không cần lời thoại vẫn khiến người xem cảm nhận được sự chuyển động nội tâm.

Hiệu quả tự sự không chỉ nằm ở cảm xúc mà còn ở tầng văn hóa sâu hơn. Theo Iwabuchi, mọi sản phẩm văn hóa mang theo “mùi văn hóa” dấu vết lịch sử, lối sống và ký ức cộng đồng nơi nó sinh ra. Trong thời đại toàn cầu hóa, nhiều sản phẩm âm nhạc bị “khử mùi” để dễ tiêu thụ, trung tính hóa bản sắc. Song Lang chọn hướng ngược lại: cải lương với chất giọng Nam Bộ rung đặc, cách ngân lời của giọng Oán, tiếng nhịp song lang chậm rãi tất cả đều được giữ nguyên, làm bật lên “mùi Sài Gòn xưa”, “mùi sân khấu”, “mùi hẻm nhỏ và đèn dầu hậu trường”.

Âm thanh ấy lập tức kích hoạt “ký ức cảm giác” như tiếng radio vọng cổ, tiếng gánh hát lướt qua đêm tối. Giai điệu trở thành công nối giữa khán giả và tầng văn hóa bản địa, vượt qua hình ảnh thuần túy. Nói cách khác, cải lương không chỉ biểu đạt cảm xúc nhân vật mà còn phục hồi bản sắc cộng đồng, đúng như vai trò của một “tác nhân tái mùi hóa” (re-odorization) trong thời đại bị thuật toán hóa.

Điều đặc biệt là khi phim sử dụng cải lương như một yếu tố phi đồng cảm (anempathetic music) trong cảnh Dũng đi bộ qua đêm tối, tiếng vọng cổ đều đặn như “văn bản tự vận hành” không cùng nhịp với hành động nhưng lại khắc họa chính nỗi cô đơn của nhân vật. Chion cho rằng dạng âm nhạc này “không làm tê liệt cảm xúc mà ghi sâu nó trên nền tảng rộng hơn” (Chion, 2019: 8). Cảnh vật im lặng, nhưng âm thanh vọng cổ như một nỗi buồn lặng lẽ trôi qua thành phố không ồn ào, nhưng dai dẳng và ám ảnh.

Tất cả những điều này cho thấy cải lương không chỉ là một yếu tố trang trí hay địa phương hóa, mà thực sự trở thành cấu trúc tổ chức tự sự, nơi âm thanh vừa kể chuyện, vừa kết nối nội tâm nhân vật, vừa phục hồi ký ức văn hóa. Trong Song Lang, ta thấy âm thanh và hình ảnh không còn là hai yếu tố tách rời, mà hòa quyện thành một “thân thể cảm xúc” chung, nơi bản sắc dân tộc không chỉ được kể lại, mà được “nghe lại” bằng một cách vô cùng bản năng.

3.3. Tái tạo bản sắc qua cải lương trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo

Trong thời đại AI, khi âm nhạc có thể được mô phỏng và tạo sinh bằng các mô hình học máy, một vấn đề đặt ra là: điều gì khiến âm nhạc truyền thống vẫn giữ được

giá trị và sức sống trong điện ảnh? Braguinski đã cảnh báo rằng âm nhạc do AI tạo ra tuy có thể “đúng về mặt ngữ pháp âm nhạc và nhất quán về phong cách” nhưng lại thiếu “acoustic irregularity” những vết nứt, độ rung lệch, sự không hoàn hảo có chủ đích vốn là linh hồn của nhạc truyền thống (Braguinski, 2022: 147). Iwabuchi gọi hiện tượng này là “khử mùi văn hóa” (deodorization), khi sản phẩm âm nhạc bị trung tính hóa để phù hợp với thị hiếu toàn cầu, khiến dấu vết địa phương và ký ức cộng đồng bị làm mờ (Iwabuchi, 2002: 27).

Trường hợp Song Lang cho thấy một hướng đi ngược lại: cải lương không bị “tinh luyện” thành một lớp thẩm mỹ sạch sẽ, mà vẫn giữ nguyên chất giọng Nam Bộ, điệu ngân rung, nhịp loi, độ trễ những đặc điểm không thể mô phỏng trọn vẹn bằng máy học. Việc cải lương không hiện diện như minh họa, mà như một “trực cảm xúc” xuyên suốt bộ phim, đã tái định vị âm nhạc truyền thống như một lực tự sự chủ đạo, vận hành như lời kể bằng âm thanh. Chính cách tổ chức đó làm bật lên vai trò của cải lương như một hình thức kháng cự mềm (soft resistance) truyền thống không đối kháng hiện đại, mà chủ động bước vào khung hình điện ảnh để tạo ra không gian kể chuyện mới, phù hợp với thời đại nhưng không đánh mất linh hồn bản địa.

Cải lương trong phim không cố gắng hoài cổ hay tái dựng nguyên trạng mà được “kích hoạt lại” (reactivated) thông qua hệ thống kể chuyện điện ảnh. Các giai điệu không chỉ xuất hiện trong sân khấu mà còn len lỏi vào phòng trọ, phố thị, và cả những khoảnh khắc nội tâm hóa. Khi tiếng vọng cổ vang lên trong cảnh Dững lặng người giữa đêm, không gian hình ảnh dường như đóng băng để nhường chỗ cho một lớp tự sự cảm xúc vô hình, thứ mà AI khó có thể “học” từ dữ liệu.

Ở cấp độ văn hóa, cải lương như một lớp “mùi văn hóa” không thể khử: tiếng đàn cò, giọng ca ngân rung, nhịp song lang, ... đều mang theo dấu vết xã hội và cộng đồng cụ thể. Như Braguinski (2022) chỉ ra, những “sonic cracks” vết rạn âm học chính là bản sắc con người trong âm nhạc, điều không thể sinh ra từ quá trình số hóa tối ưu hóa thị hiếu. Thay vì phục vụ cho thị trường nghe nhìn đại trà, cải lương trong Song Lang vận hành như một cánh cửa ký ức, kết nối người xem với không gian Sài Gòn xưa, với tinh thần của nghệ thuật dân tộc, và với nỗi cô đơn phổ quát mà hình ảnh không thể gọi lên.

Khi cải lương di chuyển linh hoạt giữa tầng âm thanh *diegetic* và *non-diegetic*, từ sân khấu đến hành lang, từ hành lang đến phòng trọ, từ phòng trọ ra phố, nó trở thành một “dòng chảy âm thanh xuyên tường” (*passe-muraille*) (Chion, 2019: 80), cho phép âm nhạc đi qua mọi giới hạn thời gian, không gian, và nhân vật. Không một hệ thống gợi ý nào có thể tạo nên nhịp thở của một bản vọng cổ, cũng như không một bộ dữ liệu nào có thể mô phỏng được sự đứt đoạn đầy cảm xúc của một lớp ký ức đang sống.

Chính trong sự dịch chuyển này, cải lương không chỉ kể câu chuyện của Dững và Linh Phụng, mà còn kể câu chuyện của một loại hình nghệ thuật đang vật lộn tồn tại trong một thế giới bị điều hướng bởi công nghệ. Cải lương trong Song Lang vì vậy là một lời khẳng định thẩm mỹ và văn hóa: trong thời đại AI, khi dữ liệu trở thành công cụ kể chuyện phổ biến, vẫn có những chất liệu không thể thay thế – vì chúng không chỉ là âm thanh, mà là ký ức, là thân thể, là tinh thần của một cộng đồng sống.

4. Kết luận

Bài viết đã làm rõ cách cải lương – một hình thức âm nhạc truyền thống của Việt Nam vận hành như một chất liệu tự sự trung tâm trong phim Song Lang, không chỉ ở vai trò thẩm mỹ mà còn là cấu trúc kiến tạo cảm xúc, nhân vật và không gian văn hóa. Thông qua các lý thuyết của Michel Chion về added value, synchresis và passe-muraille, Claudia Gorbman với unheard melodies, cũng như phân tích của Buhler & cộng sự (2010) về âm thanh *diegetic* và *non-diegetic*, nghiên cứu cho thấy rằng cải lương trong Song Lang không bị giới hạn trong khuôn khổ biểu diễn mà trở thành một “giọng kể thứ hai” – đồng hành, đối thoại và phản chiếu nội tâm nhân vật.

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng chi phối các nền tảng nghe nhìn, khi âm nhạc có thể được mô phỏng theo hướng “chuẩn hóa”, thì cải lương – với tất cả sự không hoàn hảo, dao động, độ trễ, và “mùi văn hóa” trở thành một lực kháng cự mềm. Những yếu tố mà Braguinski gọi là “vết nứt âm học” và Iwabuchi gọi là “bản sắc chưa bị khử mùi” chính là minh chứng cho giá trị không thể thay thế của âm nhạc truyền thống trong việc giữ gìn căn tính văn hóa. Song Lang nhờ vậy không chỉ là một tác phẩm điện ảnh đẹp về mặt thị giác và âm thanh, mà còn là ví dụ sinh động cho thấy cách điện ảnh Việt Nam đương đại có thể sử dụng âm nhạc truyền thống như một chiến lược tự sự – vừa làm giàu chiều sâu cảm xúc, vừa mở rộng không gian văn hóa trong thời đại thuật toán. Đây cũng là gợi mở quan trọng cho hướng tiếp cận tương lai: đưa âm nhạc bản địa vào điện ảnh như một hình thức kể chuyện giàu bản sắc, thay vì chỉ là chất liệu minh họa bề mặt.

Tài liệu tham khảo

- Barthes, R. (1977). *Image – Music – Text* (S. Heath, Trans.). Hill and Wang.
- Bordwell, D., & Thompson, K. (2013). *Nghệ thuật điện ảnh* (Nhiều người dịch). Nhà Nam & NXB Thế Giới.
- Braguinski, N. (2022). *Mathematical Music: From Antiquity to Music AI*. Springer.
- Buckland, W. (2011). *Nghiên cứu phim* (P. N. Giang dịch, P. X. Thạch hiệu đính). Nhà Nam & NXB Tri Thức.
- Buhler, J., Neumeyer, D., & Deemer, R. (2010). *Hearing the Movies: Music and Sound in Film History*. Oxford University Press.
- Chatman, S. (1978). *Story and Discourse: Narrative Structure in Fiction and Film*. Cornell University Press.
- Chion, M. (2019). *Audio-Vision: Sound on Screen*. Columbia University Press.
- Gorbman, C. (1987). *Unheard Melodies: Narrative Film Music*. Indiana University Press.
- Iwabuchi, K. (2002). *Recentring Globalization: Popular Culture and Japanese Transnationalism*. Duke University Press.
- Kracauer, S. (1965). *Theory of Film: The Redemption of Physical Reality*. Oxford University Press.
- Rosewarne, L. (2020). *Why We Remake: The Politics, Economics and Emotions of Film and TV Remakes*. Routledge.
- Tuân Giang (2008). *Lịch sử Cải lương*. NXB Sân khấu.

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG HÒA PHỐI ÂM NHẠC QUA PHIM *QUỶ NHẬP TRÀNG* CỦA ĐẠO DIỄN POM NGUYỄN

Lê Hữu Phước Thành

Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Văn Hiến

Email: thanhhlhp@vhu.edu.vn

Tóm tắt

Trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển mạnh mẽ của công nghệ sáng tạo, trí tuệ nhân tạo (AI) đang dần trở thành một công cụ quan trọng trong lĩnh vực âm nhạc điện ảnh, đặc biệt ở khâu hòa phối và tổ chức ngôn ngữ âm thanh. AI không chỉ hỗ trợ xử lý kỹ thuật mà còn can thiệp trực tiếp vào cấu trúc giai điệu, hòa âm và nhịp điệu, góp phần định hình không gian cảm xúc và chiều sâu tâm lý nhân vật trong phim truyện điện ảnh.

Bài viết này tập trung nghiên cứu việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hòa phối âm nhạc qua bộ phim *Quỷ nhập tràng* của đạo diễn Pom Nguyễn, một tác phẩm phim truyện điện ảnh Việt Nam đương đại thuộc thể loại kinh dị và tâm linh. Thông qua phân tích mối quan hệ giữa âm nhạc do AI hỗ trợ hòa phối với hình ảnh, nhịp dựng và diễn xuất, bài viết làm rõ vai trò của âm nhạc trong việc tạo dựng trạng thái sợ hãi, căng thẳng và xung đột nội tâm của nhân vật. Từ đó, nghiên cứu góp phần nhận diện những thay đổi trong tư duy sáng tác âm nhạc điện ảnh khi AI được đưa vào quá trình sáng tạo, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm của con người trong việc định hướng thẩm mỹ và tư tưởng nghệ thuật của tác phẩm.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, hòa phối âm nhạc điện ảnh, cảm xúc nhân vật, phim kinh dị, *Quỷ nhập tràng*.

The Application Of Artificial Intelligence (Ai) In Music Orchestration In The Film *Quỷ Nhập Tràng*, Directed By Pom Nguyễn

Abstract

In the context of digital transformation and the rapid development of creative technologies, artificial intelligence (AI) is increasingly becoming an essential tool in film music, particularly in orchestration and the organization of sonic language. AI not only assists with technical processing but also intervenes directly in melodic structure, harmony, and rhythm, contributing to the formation of emotional spaces and the psychological depth of characters in cinematic storytelling.

This paper focuses on the application of artificial intelligence in music orchestration through the film *Quỷ nhập tràng* (Demonic Possession) by director Pom Nguyễn, a contemporary Vietnamese feature film belonging to the horror and spiritual genre. By analyzing the relationship between AI-assisted music orchestration and cinematic elements such as imagery, editing rhythm, and acting performance, the study clarifies the role of music in generating fear, tension, and the internal conflicts of characters. From this perspective, the research identifies shifts in creative thinking

within film music composition when AI becomes part of the artistic process, while also reaffirming the central role of human creators in shaping the aesthetic direction and artistic philosophy of the work.

Keywords: Artificial intelligence, film music orchestration, character emotion, horror cinema, Quỷ nhập tràng.

1. Đặt vấn đề

Âm nhạc là một trong những thành tố quan trọng của ngôn ngữ điện ảnh, có khả năng tác động trực tiếp đến cảm xúc người xem và tham gia xây dựng thế giới tâm lý của nhân vật. Trong phim truyện điện ảnh, đặc biệt ở thể loại kinh dị, âm nhạc và âm thanh không chỉ giữ chức năng minh họa mà còn đảm nhiệm vai trò dẫn dắt cảm xúc, tạo nhịp căng thẳng, đồng thời gợi mở trạng thái bất an và ám ảnh mang tính tâm lý. Cùng với sự phát triển của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng ứng dụng trong lĩnh vực sáng tác, sản xuất âm nhạc. AI có khả năng phân tích dữ liệu âm thanh, mô phỏng phong cách, đề xuất cấu trúc hòa âm, cũng như tổ chức chất liệu âm nhạc theo yêu cầu cảm xúc của từng phân đoạn phim. Sự xuất hiện của AI đặt ra những vấn đề mới về mặt lý luận, thực tiễn với sáng tác âm nhạc dành cho điện ảnh. AI tham gia vào quá trình hòa phối ở mức độ nào, tác động ra sao đến hiệu quả biểu đạt cảm xúc và vai trò sáng tạo của con người có bị thay đổi hay không? Trong phim truyện điện ảnh Việt Nam, ứng dụng AI trong âm nhạc phim vẫn còn là lĩnh vực mới, chưa được nghiên cứu một cách hệ thống trong các công trình lý luận. Phim *Quỷ nhập tràng* của đạo diễn Pom Nguyễn là một trường hợp cho xu hướng kết hợp công nghệ AI với tư duy sáng tạo âm nhạc nhằm tăng cường hiệu quả cảm xúc, đặc biệt trong việc khắc họa trạng thái sợ hãi và xung đột nội tâm của nhân vật. Âm nhạc trong phim không tồn tại như một lớp âm thanh độc lập, mà được tổ chức chặt chẽ với hình ảnh và nhịp kể, tạo nên sự cộng hưởng cảm xúc xuyên suốt tác phẩm.

Việc nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hòa phối âm nhạc qua phim *Quỷ nhập tràng* của đạo diễn Pom Nguyễn không chỉ mang ý nghĩa phân tích một bộ phim cụ thể, mà còn góp phần làm rõ vai trò của AI trong sự vận động của ngôn ngữ điện ảnh đương đại. Qua đó, bài viết hướng tới việc bổ sung cơ sở lý luận cho nghiên cứu âm nhạc phim truyện điện ảnh Việt Nam trong bối cảnh hội nhập công nghệ, đồng thời khẳng định rằng AI là công cụ hỗ trợ sáng tạo, không thay thế tư duy nghệ thuật và vai trò chủ thể của người nghệ sĩ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu, người viết vận dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ điện ảnh (hình ảnh, âm thanh, ánh sáng, góc máy) nhằm làm rõ cách đạo diễn tổ chức hoạt động kể chuyện và truyền tải thông điệp nghệ thuật. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu cách hòa phối âm nhạc có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI) với phương thức hòa phối truyền thống, qua đó làm rõ những điểm tương đồng, khác biệt và đặc trưng trong ngôn ngữ biểu đạt của âm nhạc điện ảnh. Đồng thời, các phương pháp diễn giải và quy nạp được triển khai xuyên suốt quá trình nghiên cứu để

phân tích những chi tiết điển hình trong phim, từ các biểu hiện cụ thể đi đến những khái quát mang tính lý luận.

Phương pháp phân tích – tổng hợp nhằm thu thập, phân tích và hệ thống hóa các tài liệu, công trình nghiên cứu, bài phê bình liên quan đến đạo diễn Pom Nguyễn, nhằm làm rõ các yếu tố cấu thành tác phẩm, đặc biệt là vai trò của âm nhạc và việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hòa phối âm nhạc phim. Trên cơ sở đó, phương pháp tổng hợp được sử dụng để liên kết các kết quả phân tích riêng lẻ, hình thành những nhận định mang tính hệ thống và toàn diện.

Việc phối hợp các phương pháp trên giúp nghiên cứu làm sáng tỏ một cách khoa học và thuyết phục qua bộ phim *Quý nhập tràng* trong bối cảnh vận động của phim truyện điện ảnh Việt Nam đầu thế kỷ XXI, từ đó đánh giá giá trị nghệ thuật của tác phẩm dưới góc nhìn học thuật.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Âm nhạc trong phim truyện điện ảnh

Âm nhạc là một loại hình nghệ thuật được hình thành từ âm thanh có tổ chức, nhằm tạo nên cái đẹp và truyền tải cảm xúc đến con người. Với nhiều hình thức thể hiện như nhạc cụ, giọng hát hay âm thanh điện tử, âm nhạc có khả năng tác động trực tiếp đến cảm xúc, trí tưởng tượng và thế giới nội tâm của người nghe. Chion cho rằng: “Âm nhạc có khả năng tác động trực tiếp đến đời sống cảm xúc con người, vượt qua giới hạn của ngôn ngữ để chạm tới chiều sâu nội tâm” (Chion, 2019: 23).

Chính đặc điểm này khiến âm nhạc trở thành một thành tố đặc biệt quan trọng khi được vận dụng trong phim truyện điện ảnh, âm nhạc giữ một vai trò quan trọng, góp phần tạo nên sức sống và chiều sâu cảm xúc cho tác phẩm. Khi được đưa vào phim, âm nhạc không chỉ làm nền cho hình ảnh mà còn hỗ trợ quá trình kể chuyện, giúp người xem dễ dàng cảm nhận được tâm trạng nhân vật, bầu không khí của cảnh phim và tinh thần chung của tác phẩm. Ở nhiều trường hợp, âm nhạc còn có khả năng bổ sung ý nghĩa cho hình ảnh, gợi mở những điều mà lời thoại và hành động chưa thể diễn đạt trọn vẹn. Điện ảnh là loại hình nghệ thuật tổng hợp, có khả năng tiếp nhận và phát huy thế mạnh của nhiều loại hình nghệ thuật khác, trong đó có âm nhạc. Trong phim truyện điện ảnh, âm nhạc luôn đi song hành với hình ảnh, cùng nhau tạo nên dòng cảm xúc liên tục cho người xem. Nhờ có âm nhạc, hình ảnh điện ảnh trở nên mềm mại hơn, sâu lắng hơn và giàu sức gợi hơn.

Nhạc phim là một hình thức sử dụng âm nhạc mang tính chức năng rõ rệt, khác với âm nhạc tồn tại độc lập ngoài đời sống. Nếu âm nhạc tự thân thường có cấu trúc hoàn chỉnh và phát triển liên tục theo thời gian, thì âm nhạc trong phim chỉ xuất hiện ở những đoạn cần thiết, tùy theo diễn biến của câu chuyện. Thời lượng và cách thể hiện của nhạc phim phụ thuộc chặt chẽ vào kịch bản, nhịp điệu dựng phim và diễn biến của từng cảnh quay, nhằm phục vụ tốt nhất cho nội dung và cảm xúc của tác phẩm. Việc sáng tác nhạc cho phim luôn bắt đầu từ yêu cầu cụ thể của kịch bản. Âm nhạc được sử dụng để nhấn mạnh cao trào cảm xúc, làm rõ tâm trạng nhân vật, tăng sức nặng cho

những chi tiết hình ảnh hoặc giúp người xem hiểu sâu hơn ý nghĩa của cảnh phim. Nhờ đó, ngôn ngữ điện ảnh trở nên sinh động, giàu cảm xúc và dễ đi vào lòng người hơn.

Trong phim truyện điện ảnh, âm nhạc luôn tồn tại trong mối quan hệ gắn bó với hình ảnh, tạo thành sự kết hợp chặt chẽ giữa âm thanh và thị giác. Âm nhạc được xem như một phần của ngôn ngữ điện ảnh, góp phần thể hiện tâm trạng con người, không gian sống và những lát cắt của đời sống hiện thực. Bên cạnh âm nhạc, các âm thanh quen thuộc trong đời sống khi được đưa vào phim cũng giúp tạo không gian, không khí và tăng cảm giác chân thực cho tác phẩm. Âm nhạc trong phim có thể được sử dụng với nhiều mục đích khác nhau để diễn tả cảm xúc nhân vật, tạo kịch tính, xây dựng không gian hoặc dẫn dắt mạch cảm xúc của người xem. Nếu được sử dụng hợp lý, âm nhạc và tiếng động trong phim có thể trở thành những phương tiện biểu đạt hiệu quả, góp phần quan trọng vào thành công chung của tác phẩm điện ảnh.

Xét một cách tổng quát, âm nhạc trong phim truyện điện ảnh không tồn tại tách rời mà luôn gắn liền với hình ảnh, câu chuyện và cách kể của bộ phim. Điểm khác biệt cơ bản giữa âm nhạc nói chung và âm nhạc trong phim truyện điện ảnh nằm ở mục đích sử dụng: âm nhạc tự thân hướng đến việc thưởng thức độc lập, còn âm nhạc trong phim hướng đến việc phục vụ câu chuyện và cảm xúc của người xem. Ngoài ra, âm nhạc trong phim còn phải tuân theo những yêu cầu riêng của điện ảnh như độ dài phù hợp cảnh quay, sự ăn khớp với hình ảnh, sự thống nhất không khí chung của bộ phim. Nếu sử dụng không hợp lý, âm nhạc có thể làm gián đoạn cảm xúc, gây khó chịu cho người xem.

3.2. Nhân vật và vai trò của âm nhạc và ca khúc trong phim truyện điện ảnh

Trong ngôn ngữ điện ảnh, nhân vật là trung tâm của trần thuật, điểm quy chiếu để tổ chức hình ảnh, âm thanh, hành động và nhịp điệu bộ phim. Nhân vật không tồn tại như một thực thể được kể lại bằng lời, mà được xây dựng thông qua chuỗi hình ảnh chuyển động, diễn xuất và hệ thống âm thanh trong sự vận động của thời gian. Chính sự kết hợp này tạo nên hình tượng nhân vật mang tính trực quan và cảm giác, khác biệt căn bản với cách xây dựng nhân vật trong văn học. Trong cấu trúc ngôn ngữ điện ảnh, âm nhạc không đóng vai trò minh họa đơn thuần, mà là một thành tố tạo nghĩa, tham gia trực tiếp vào quá trình trần thuật. Âm nhạc có khả năng mở rộng biên độ biểu đạt của hình ảnh, bộc lộ trạng thái tâm lý, những ám ảnh vô thức và xung đột nội tâm của nhân vật những lớp nghĩa thường không được phát ngôn bằng lời thoại. Thông qua cao độ, nhịp điệu, cường độ và chất liệu âm thanh, âm nhạc kiến tạo một trường cảm xúc song hành với hành động, dẫn dắt người xem tiếp cận chiều sâu tinh thần của nhân vật.

Đối với phim kinh dị, vai trò của âm nhạc càng trở nên đặc biệt quan trọng. Thay vì mô tả trực tiếp nỗi sợ hãi bằng hình ảnh, âm nhạc góp phần kiến tạo không khí bất an, căng thẳng và chấn động tâm lý, tác động trực tiếp đến cảm giác và phản xạ cảm xúc của người xem. Trong nhiều trường hợp, âm nhạc vận hành như một dòng trần thuật ngầm, len lỏi vào không gian phim, làm mờ ranh giới giữa thế giới khách quan và thế giới nội tâm của nhân vật. Âm nhạc và ca khúc giữ vai trò quan trọng trong việc định hình màu sắc nghệ thuật và bản sắc biểu đạt của phim truyện điện ảnh. Sự phối hợp giữa

âm thanh và hình ảnh chuyển động không chỉ tổ chức nhịp điệu dựng phim, mà còn định hướng cách tiếp nhận không gian và thời gian tự sự của tác phẩm. Vì vậy, âm nhạc trong điện ảnh không chỉ là vấn đề kỹ thuật hay cảm xúc nhất thời, mà là một yếu tố cấu thành ngôn ngữ điện ảnh, góp phần quyết định hiệu quả trần thuật và chiều sâu biểu hiện của bộ phim.

Bordwell & Thompson cho rằng *“Tất cả sự tái hiện nghệ thuật đều nằm trong giác quan, trong ký ức và trong khả năng bắt chước”* (Bordwell & Thompson, 2008: 31). Quan điểm này cho thấy vai trò đặc biệt của âm nhạc trong việc kích hoạt cảm giác và ký ức của con người, từ đó góp phần tạo nên trải nghiệm thẩm mỹ toàn diện cho người xem. Trong phim truyện điện ảnh, âm nhạc và ca khúc không chỉ đảm nhiệm chức năng minh họa hình ảnh, mà còn có khả năng thay thế hoặc bổ sung cho lời thoại, trở thành phương tiện biểu đạt trực tiếp thế giới nội tâm và số phận nhân vật. Ca khúc xuất hiện trong phim truyện điện ảnh thường mang tính cô đọng cao về nội dung, có khả năng khái quát mạch truyện hoặc nhấn mạnh những điểm nút cảm xúc quan trọng. Các yếu tố như giai điệu, tiết tấu, hòa phối và sắc thái biểu cảm của ca khúc góp phần định hình nhịp điệu cảm xúc của bộ phim, dẫn dắt trạng thái tâm lý người xem qua nhiều cung bậc khác nhau, từ hồi hộp, căng thẳng đến hân hoan, bi cảm. Nhờ đó, nhạc phim trở thành thành tố không thể thiếu trong các phân đoạn cao trào, tăng cường hiệu quả cảm xúc và sức ám ảnh cho tác phẩm.

Nhận định *“Không có gì trên thế giới có thể khiến con người khóc hay cười nhanh bằng âm nhạc. Không có gì thay thế được vị trí của âm nhạc trong một bộ phim”* (Dashkevich, 2002: 120) cho thấy âm nhạc trong điện ảnh hoạt động như một hệ thống ký hiệu cảm xúc, có khả năng mở rộng chiều sâu nghĩa của hình ảnh. Trong bối cảnh điện ảnh đương đại, âm nhạc và ca khúc trong phim không chỉ tồn tại trong không gian tác phẩm mà còn có đời sống độc lập ngoài màn ảnh, tham gia vào quá trình lan tỏa và ghi nhớ của khán giả. Tuy nhiên, giá trị cốt lõi của âm nhạc trong phim truyện điện ảnh vẫn nằm ở chức năng tự sự và biểu đạt thông qua sự kết hợp chặt chẽ với hình ảnh, dựng phim và diễn xuất, âm nhạc góp phần hoàn thiện ngôn ngữ điện ảnh, làm rõ tính cách, số phận và xung đột tâm lý của nhân vật.

3.3. AI trong hòa phối âm nhạc và sự kết hợp với các thành tố khác trong một tác phẩm phim truyện điện ảnh

Trong phim truyện điện ảnh, âm nhạc không tồn tại như một yếu tố tách biệt mà luôn gắn bó chặt chẽ với toàn bộ cấu trúc ngôn ngữ của tác phẩm. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hòa phối âm nhạc vì thế cần được đặt trong mối quan hệ tổng thể với hình ảnh, dựng phim, diễn xuất, âm thanh, kịch bản và tư duy đạo diễn, nhằm tạo nên một chỉnh thể nghệ thuật thống nhất. Trước hết, âm nhạc phối hợp trực tiếp với ngôn ngữ hình ảnh để tăng cường khả năng biểu đạt cảm xúc của khung hình. Tiết tấu, cường độ và sắc thái âm nhạc góp phần định hướng cách người xem cảm nhận chuyển động máy quay, bố cục, ánh sáng và màu sắc. Khi có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo, âm nhạc có thể được điều chỉnh linh hoạt theo nhịp điệu hình ảnh, giúp mối quan hệ giữa nghe và nhìn trở nên chặt chẽ và tự nhiên hơn.

Âm nhạc đồng thời tham gia vào việc tổ chức nhịp kể thông qua mối liên hệ với dựng phim. Nhịp cắt, độ dài cảnh quay và cao trào của câu chuyện thường được cảm nhận rõ rệt thông qua dòng chảy âm nhạc. Công nghệ trí tuệ nhân tạo có khả năng hỗ trợ phân tích tiết tấu dựng phim, từ đó gợi ý các phương án hòa phối phù hợp, góp phần duy trì sự liên mạch và ổn định cảm xúc trong tiến trình câu chuyện. Trong mối quan hệ với nhân vật, âm nhạc đóng vai trò quan trọng trong việc bộc lộ và làm rõ đời sống nội tâm bên trong của nhân vật. Nhiều trạng thái tâm lý khó thể hiện bằng hành động hay lời thoại có thể được âm nhạc chuyển tải một cách tinh tế. Trí tuệ nhân tạo, khi được sử dụng đúng cách, có thể hỗ trợ xây dựng những biến thể âm nhạc gắn với từng giai đoạn phát triển của nhân vật, qua đó giúp hình tượng nhân vật trở nên có chiều sâu và giàu sức gợi. Âm nhạc trong phim cũng không thể tách rời khỏi hệ thống âm thanh chung của tác phẩm. Việc hòa phối cần bảo đảm sự cân bằng với lời thoại và tiếng động, tránh gây cảm giác lấn át hoặc rối loạn cảm thụ. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong khâu này cho phép kiểm soát chính xác hơn cường độ, lớp âm và thời điểm xuất hiện của âm nhạc, góp phần hình thành một không gian âm thanh hài hòa và thống nhất.

Bên cạnh đó, âm nhạc luôn chịu sự chi phối trực tiếp của kịch bản và cấu trúc tự sự. Mỗi đoạn nhạc chỉ phát huy hiệu quả khi được đặt đúng vị trí trong tiến trình câu chuyện, gắn với xung đột và cao trào kịch tính. Trí tuệ nhân tạo trong trường hợp này, cần được xem là công cụ hỗ trợ nhằm hiện thực hóa ý đồ nghệ thuật, chứ không thay thế vai trò tư duy sáng tạo của đạo diễn và nhạc sĩ. Có thể thấy rằng, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hòa phối âm nhạc điện ảnh chỉ thực sự có giá trị khi được đặt trong mối quan hệ hài hòa với các thành tố khác của phim truyện điện ảnh. Khi âm nhạc, hình ảnh, dựng phim và diễn xuất cùng hướng đến một mục tiêu biểu đạt chung, trí tuệ nhân tạo sẽ trở thành phương tiện hỗ trợ hữu hiệu, góp phần làm giàu ngôn ngữ điện ảnh và nâng cao chiều sâu cảm xúc cho tác phẩm.

3.4. Tóm tắt phim *Quỷ nhập tràng* (2025)

Quỷ nhập tràng là tác phẩm phim kinh dị Việt Nam thuộc vũ trụ linh dị ngũ hành do Nhất Trung sản xuất, trong đó bộ phim đại diện cho hành Kim. Bối cảnh phim đặt tại một ngôi làng hẻo lánh chuyên làm nghề mai táng truyền thống và không gian chứa đựng những biểu tượng của Kim như quan tài, đồ khâm liệm, vật liệu kim loại và ánh sáng sắc lạnh. Cảm hứng từ câu chuyện có thật về người đàn ông ôm xác vợ ở Quảng Nam được chuyển hóa thành nền tảng tâm lý, văn hóa của bộ phim, tạo nên chiều sâu hiện thực và tính kinh dị đặc trưng của thể loại. Nhân vật trung tâm là Quang và Như, một đôi vợ chồng nghèo túng vì nợ nần do Quang sa vào cờ bạc. Trong bối cảnh bị chủ nợ truy ép, Quang quyết định bán mảnh đất hương hỏa của gia đình và nơi tồn tại một ngôi mộ cổ vô danh được trấn yểm từ đời xưa. Những lời cảnh báo của bậc cao niên trong làng không đủ ngăn cản vợ chồng Quang phá mộ để giải quyết khốn khó trước mắt. Chính hành động xâm phạm vùng cấm tâm linh ấy đã phá vỡ phong ấn, đánh thức một thế lực tà ác ngủ yên. Sau biến cố đào mộ, Như tử nạn đột ngột. Nhưng trong tang lễ, thi thể Như bất ngờ bật dậy khi một con mèo đen nhảy qua hình ảnh gắn với truyền thuyết dân gian về “quỷ nhập tràng”. Từ thời điểm này, Như không còn là một con người mà

trở thành vật chứa của năng lượng tà quái, hành xử vô thức, rời rạc, mang những biểu hiện dị thường.

Trái với phản ứng thường thấy trong dòng phim kinh dị, Quang lựa chọn phủ nhận cái chết của vợ. Anh đưa cái xác biết đi về nhà, chăm sóc như một người sống, cố duy trì ảo tưởng về hạnh phúc gia đình. Sự tự hủy hoại đó đẩy nhân vật vào trạng thái hoang tưởng, đồng thời biến ngôi nhà thành nơi lan tỏa tử khí, lạnh lẽo và bất an. Từ đây, ngôi làng bắt đầu có nhiều hiện tượng bất thường, vật nuôi chết hàng loạt, tai họa xảy ra liên tiếp, và bầu không khí u ám bao phủ toàn vùng. Những dấu hiệu ấy dẫn đến sự hoài nghi và lo sợ của dân làng đối với gia đình Quang. Sự thật dần được hé mở Như không phải sống lại vì tình yêu hay phép màu, mà là phương tiện để quỷ dữ trả thù con người sau khi bị đánh thức. Cao trào phim được xây dựng trên các nghi thức trừ tà mang đậm sắc thái tín ngưỡng bản địa, kết hợp với ngôn ngữ hình ảnh đặc trưng của hành Kim, tạo nên một không gian tâm linh đậm chất Việt. Quang buộc phải đối diện lựa chọn đau đớn tiếp tục níu giữ ảo ảnh về người vợ đã khuất hay chấm dứt vòng luân phiên tai ương để cứu làng. Quyết định cuối cùng của anh dẫn đến một bi kịch tất yếu, khẳng định thông điệp nhân quả xuyên suốt tác phẩm mọi sự xâm phạm cõi thiêng, mọi hành động xuất phát từ lòng tham và sự mù quáng đều phải trả giá bằng cả thể xác lẫn tinh thần.

Ở góc độ nghiên cứu, *Quỷ nhập tràng* cho thấy sự kết hợp hài hòa giữa chất liệu văn hóa tâm linh Việt Nam, motif dân gian về người chết sống lại và hệ thống biểu tượng ngũ hành. Bộ phim tái hiện một bi kịch nhân sinh trong đó nỗi đau, sự hối hận và lòng tham của con người trở thành chất xúc tác làm bùng nổ thế lực tà ác và đồng thời phản ánh cách phim điện ảnh kinh dị Việt Nam đang nỗ lực kiến tạo bản sắc riêng trong dòng phim tâm linh đương đại.

3.5. Sử dụng công nghệ AI trong ca từ, giai điệu âm nhạc để xây dựng tính cách nhân vật trong phim *Quỷ nhập tràng*

Trong *Quỷ nhập tràng*, việc sử dụng công nghệ AI trong sáng tạo ca từ, giai điệu và xử lý giọng hát đã trở thành một thủ pháp nghệ thuật đặc biệt, đóng vai trò quan trọng trong việc khắc họa tính cách và trạng thái tâm lý của nhân vật. Ca từ do AI tạo ra mang đặc trưng trực diện, lặp lại và gần như không vận dụng chiều sâu ẩn dụ như sáng tác của con người. Đạo diễn Pom Nguyễn đã khai thác chính sự thô ráp và máy móc ấy để phơi bày đời sống nội tâm rối loạn của nhân vật Quang. Ca khúc *Hoang Tưởng Đêm Khuya* do AI thể hiện trong phim những câu hát lặp đi lặp lại như “Vợ anh chưa chết”, “Em vẫn ở đây” không chỉ mô phỏng cơ chế tâm lý của kẻ đang chìm trong hoang tưởng mà còn cho thấy tính cách yếu mềm, bám víu và sợ đối diện sự thật của anh. Với Quang, ca từ trở thành câu thần chú tự thôi miên giúp anh duy trì ảo tưởng, né tránh nỗi đau mất mát và níu giữ chút hy vọng mong manh về sự tồn tại của nhân vật Như. Sự đứt gãy, ngô nghê trong lời hát, khi hình ảnh và cảm xúc chuyển đổi đột ngột và phản chiếu trạng thái tinh thần đã rạn vỡ, nơi ký ức, lý trí và xúc cảm không còn hòa hợp. Nhân vật Quang hiện lên như một người đàn ông kiệt quệ, tính cách hoang mang và bất lực chìm trong mớ hỗn độn tâm lý do chính mình tạo ra.

Giai điệu do AI tạo lập tiếp tục tăng cường không gian cảm xúc của bộ phim, phủ lên toàn bộ câu chuyện một bầu không khí lạnh lẽo mang tính hành Kim đặc trưng. Âm nhạc được sinh ra từ thuật toán nên đều, sạch, thiếu độ rung cảm, từ đó tạo ấn tượng vô hồn. Điều này phù hợp hoàn toàn với bản chất nhân vật Như sau khi bị quỷ nhập, một thân xác chuyển động gần giống người sống nhưng hoàn toàn trống rỗng linh hồn. Tính cách của Như vì thế hiện lên như một thực thể bị chiếm hữu, vô cảm, xa lạ với thế giới loài người. Những đoạn giai điệu lạ, bất thường về cấu trúc âm nhạc tạo cảm giác phi thực, như đến từ nơi không thuộc về cõi sống. Mỗi lần âm nhạc vang lên, sự tách biệt giữa nhân vật và hiện thực càng được nhấn mạnh, Quang và Như như tồn tại trong một thế giới song hành, vùng xám giữa sự sống và cái chết mà họ không thể thoát ra.

Công nghệ AI trong xử lý giọng hát là yếu tố quyết định tạo nên diện mạo thính giác của nhân vật Như. Giọng hát mô phỏng gần giống người nhưng thiếu hơi thở, thiếu độ rung và thiếu những biến thiên cảm xúc tự nhiên từ đó rơi vào vùng thung lũng kỳ lạ khiến khán giả bất giác cảm thấy bất an. Sự giống mà không giống này làm bật lên tính cách quỷ dị của nhân vật Như - hình dáng là con người nhưng bản thể đã là một thực thể khác, xa lạ và nguy hiểm. Những lỗi sai thanh điệu tiếng Việt thường bị sai dấu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) do chưa xử lý tốt thanh điệu. Ví dụ: Chữ “nhớ” (sắc) có thể bị hát bè xuống như dấu huyền. Nhược điểm vốn có của AI lại trở thành ưu điểm thẩm mỹ khi được đạo diễn Pom Nguyễn đưa vào phim. Các âm sắc bị kéo lệch, vỡ nhịp hay sai dấu khiến giọng hát trở nên méo mó, như thể nhân vật đang cố gắng bắt chước tiếng người nhưng không thể hòa nhập được. Âm thanh lệch chuẩn này đồng bộ với thân thể vận vẹo của “quỷ nhập tràng”, tạo nên một chỉnh thể thẩm mỹ thống nhất giữa âm và hình, giữa cái nghe và cái nhìn, qua đó làm nổi bật tính cách giả sống của nhân vật Như.

Nhờ cách khai thác đó, âm nhạc trong phim *Quỷ nhập tràng* không dừng lại ở vai trò minh họa mà trở thành phương tiện kể chuyện giàu sức gợi. Ca từ phản ánh tính cách hoang tưởng và nhu nhược của nhân vật Quang giai điệu tái hiện sự vô hồn, lạnh lẽo của nhân vật Như còn giọng hát AI mang bản chất lệch lạc của một thực thể không thuộc thế giới con người. Tất cả hòa quyện để phác họa hai nhân vật trung tâm Quang là người đàn ông bị ám ảnh bởi nỗi đau và chấp niệm đến mức đánh mất khả năng phân biệt thực và ảo, nhân vật Như thân xác bị chiếm giữ, tồn tại như giao điểm giữa tình yêu, cái chết và tà lực. Đây là minh chứng rõ nét cho cách điện ảnh đương đại vận dụng AI như một thành tố nghệ thuật, mở rộng khả năng biểu đạt và làm sâu sắc hơn quá trình xây dựng tính cách nhân vật trong phim truyện điện ảnh.

3.6. Âm nhạc kết hợp AI tham gia xây dựng số phận nhân vật và khái quát bối cảnh xã hội trong phim *Quỷ nhập tràng*

Âm nhạc kết hợp công nghệ AI trong *Quỷ nhập tràng* không chỉ góp phần tạo dựng bầu không khí kinh dị mà còn tham gia trực tiếp vào việc hình thành số phận nhân vật và khái quát bối cảnh xã hội của bộ phim. Bản chất của âm nhạc AI là sản phẩm của thuật toán, của những chuỗi mã lệnh được lập trình sẵn và trở thành hình ảnh ẩn dụ cho số phận bi kịch của các nhân vật, những con người tưởng như đang sống nhưng lại bị cuốn vào một đường ray định mệnh không thể thoát ra. Khi nhân vật Quang ôm xác vợ

trong ảo giác về hạnh phúc, tiếng hát AI vang lên với một chất giọng gần giống người nhưng thiếu hơi thở và sự sống. Âm thanh ấy như lời khẳng định tàn nhẫn rằng hạnh phúc mà Quang cố gắng níu giữ chỉ là ảo giác, giọng hát không có linh hồn, cũng như tình yêu của họ đã chết từ khoảnh khắc ngôi mộ tổ tiên bị xâm phạm. Âm nhạc AI trở thành tiếng nói tố cáo sự tự lừa dối của nhân vật, phơi bày tính cách yếu đuối, lệ thuộc và chấp niệm đến mù quáng của Quang.

Cấu trúc lặp lại đều đặn của các bản nhạc AI vốn là một giới hạn tự nhiên của hệ thống dữ liệu và hòa nhịp với vòng lặp nghiệp chướng mà nhân vật chính không ngừng rơi vào nợ nần, phạm điều cấm kỵ, mất vợ, hoảng loạn, và cuối cùng là chìm sâu vào tà thuật. Nhịp điệu đơn điệu, thiếu cao trào của âm nhạc AI giống như một đoạn mã lỗi chạy mãi không có điểm dừng, báo trước một số phận không thể cứu rỗi. Đồng thời, chất giọng lạnh, sắc và mang âm hưởng kim loại đặc trưng của các hệ thống xử lý âm thanh máy tính trở thành biểu tượng của cái phi nhân tính đang chiếm giữ cuộc đời các nhân vật. Khi tiếng hát vô cảm ấy gắn liền với hình ảnh của Như sau khi sống dậy, người xem cảm nhận rõ sự chiếm hữu của một thế lực vô tri, nơi vật chất, tà lực và cái chết lấn át toàn bộ phần người. Như không còn là Như, cô chỉ còn là thân xác bị điều khiển, còn Quang thì đánh mất nhân tính để trở thành nô lệ cho ảo ảnh của chính mình.

Âm nhạc AI không chỉ định hình số phận nhân vật mà còn mở ra một tầng bình diện rộng hơn về bối cảnh xã hội trong phim. Một làng quê Việt Nam truyền thống, nơi nén nhang, quan tài và các nghi thức tâm linh vốn là biểu tượng của đạo lý tổ tiên, lại vang lên trong âm thanh của giọng hát điện tử, tạo nên sự lệch pha đầy ám ảnh giữa cũ và mới, linh thiêng và cơ giới. Sự đối nghịch này phản chiếu một xã hội đang trải qua quá trình biến đổi sâu sắc, nơi các giá trị truyền thống bị xói mòn bởi những tham vọng vật chất và thực dụng. Hành động bán đất tổ tiên, phá mộ cổ hay dựng chuyện vì lợi ích cá nhân cho thấy một xã hội không còn tuân thủ những nguyên tắc đạo lý căn bản. Trong bối cảnh ấy, giọng hát AI vô cảm, lạnh lùng, không biết đau trước nỗi đau của con người và trở thành ẩn dụ cho sự vô cảm lan rộng trong xã hội. Nó gợi lên hình ảnh một xã hội nơi lòng trắc ẩn bị thay thế bằng toan tính, nơi người ta nhìn bi kịch của nhau như những con số vô nghĩa.

Âm hưởng kỹ thuật số của âm nhạc AI là sắc, lạnh, thiếu độ ấm và đồng thời làm nổi bật khí chất của hành Kim bao trùm bộ phim. Nó khiến khán giả có thể nghe thấy cái giá phải trả của lòng người, sự lạnh lẽo của kim loại, của tiền bạc, của những quyết định tàn phá đạo lý và phá vỡ trật tự tâm linh. Tất cả hợp lại tạo nên bối cảnh xã hội bị chi phối bởi nợ nần, lợi ích và sự suy thoái của giá trị tinh thần. Trong không gian đó, âm nhạc AI không chỉ kể chuyện mà còn định hình cảm thức, cảm thức về một thế giới đã mất cân bằng, nơi vật chất lên ngôi và con người dần mất đi khả năng cảm xúc. Như vậy, âm nhạc kết hợp AI đã vượt khỏi vai trò thuần âm thanh để trở thành một thành tố trần thuật chủ đạo trong *Quý nhập tràng*. Nó góp phần định hình số phận bi kịch của nhân vật, đồng thời phác họa một bối cảnh xã hội lạnh lẽo và rạn nứt các giá trị nhân văn, nơi bi kịch cá nhân hòa lẫn vào bi kịch chung của thời đại.

4. Kết luận

Nghiên cứu âm nhạc và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong *Quý nhập tràng* cho thấy sự dịch chuyển đáng kể trong tư duy sáng tạo của phim truyện điện ảnh Việt Nam đầu thế kỷ XXI. Bộ phim không chỉ sử dụng AI như một công cụ kỹ thuật mà biến nó thành một mã ký hiệu nghệ thuật, tham gia trực tiếp vào cấu trúc tự sự và quá trình xây dựng nhân vật. Đặc tính mô phỏng, lặp lại và thiếu chiều sâu cảm xúc của âm nhạc AI được đạo diễn chuyển hóa thành phương tiện biểu đạt hữu hiệu cho trạng thái tâm lý rối loạn, hoang tưởng và bi kịch tinh thần của nhân vật Quang, đồng thời làm nổi bật sự phi nhân tính và dị dạng tồn tại của nhân vật Như sau khi bị quý nhập. Âm nhạc AI cũng góp phần mở rộng bối cảnh xã hội của bộ phim, phản ánh sự đứt gãy giá trị đạo lý và sự trỗi dậy của chủ nghĩa thực dụng trong đời sống hiện đại. Sự kết hợp giữa chất liệu văn hóa dân gian với công nghệ mới tạo nên một diễn ngôn thẩm mỹ đặc sắc, minh chứng cho khả năng cộng sinh giữa nghệ thuật truyền thống và công nghệ số. Qua phim *Quý nhập tràng*, có thể khẳng định rằng AI không thay thế vai trò sáng tạo của con người mà mở ra những phương thức biểu đạt mới, góp phần làm giàu ngôn ngữ điện ảnh và mở rộng phạm vi cảm xúc trong thể loại phim kinh dị điện ảnh Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Bloch, J. W., Fadiman, W., Peyser, L. (1996). *Nghệ thuật viết kịch bản điện ảnh*. Trung tâm nghiên cứu nghệ thuật và lưu trữ điện ảnh Việt Nam.
- Bordwell, D. & Thompson, K. (2008). *Nghệ thuật điện ảnh (Film Art)*. NXB Giáo dục Hà Nội.
- Cao Hoàng Yên Nhi (2023). *Âm nhạc trong phim nhạc kịch*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.
- Chion, M. (2019). *Âm thanh trên màn hình, Audio-Vision*. Columbia University Press.
- Dashkevich, V. (2002) *Âm nhạc và điện ảnh qua những bài giảng được thuyết trình tại khoa đào tạo bổ túc nghiệp vụ*. NXB Đại học Điện ảnh Quốc gia liên Bang Nga.
- Hà Thu - Hoàng Dung (2025). *Nhạc Việt dò dẫm ứng dụng AI*. Truy cập tại <https://vnexpress.net/nhac-viet-do-dam-ung-dung-ai-4886391.html>
- Lê Ngọc Minh (2006). *Viết kịch bản phim truyện*. Hà Nội: NXB Hội Điện ảnh Việt Nam.
- Minh Hạo (2025). *‘Quý nhập tràng’ sử dụng AI, nghệ sĩ Việt bị cướp việc làm?*. Truy cập tại <https://znews.vn/quy-nhap-trang-su-dung-ai-nghe-si-viet-bi-cuop-viec-lam-post1537330.html>
- Minh Tùng, Phương Lan & Vinh Sơn (2011). *Từ vựng điện ảnh Anh – Pháp – Việt*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

TỪ LO NGẠI ĐẾN KIẾN TẠO: XÂY DỰNG “A.I. MANG BẢN SẮC VIỆT” TRONG ÂM NHẠC ĐIỆN ẢNH

Ngô Phạm Hạnh Thuý

Hội Điện Ảnh Thành phố Hồ Chí Minh

Email: hanhthuyk8@gmail.com

Tóm tắt

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra những biến đổi sâu sắc trong mọi mặt đời sống. Lịch sử cho thấy, mỗi cuộc cách mạng công nghệ đều từng làm dấy lên nhiều lo ngại, nhưng đồng thời cũng mở ra những khả năng sáng tạo mới khi công nghệ được tiếp nhận và định hướng một cách chủ động.

Trong bối cảnh đó, âm nhạc điện ảnh Việt Nam đứng trước yêu cầu vừa hội nhập với xu thế công nghệ, vừa bảo tồn, phát triển bản sắc dân tộc, lại không thể đứng ngoài làn sóng công nghệ mang tính tất yếu của thế giới.

Từ nhận thức đó, tham luận chuyển hướng từ tâm thế lo ngại sang tư duy kiến tạo, gọi mở để coi AI là công cụ hữu hiệu, phục vụ hiệu quả cho sáng tác và khẳng định giá trị, bản sắc Việt trong sáng tác. Bài viết đề xuất khả năng xây dựng mô hình “AI mang bản sắc Việt” nhằm biến AI thành nguồn lực hỗ trợ sáng tạo và định vị bản sắc hiệu quả trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: AI, trí tuệ nhân tạo, âm nhạc điện ảnh, bản sắc Việt, điện ảnh Việt Nam

1. Mở đầu

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) trong những năm gần đây đang làm thay đổi căn bản nhiều lĩnh vực sáng tạo, trong đó có âm nhạc điện ảnh. Từ các phần mềm hỗ trợ phối khí, tạo motif, đến các hệ thống có khả năng “sáng tác” nhạc tự động dựa trên mô tả cảm xúc và kịch bản, AI ngày càng tham gia sâu vào quy trình sản xuất phim. Trong bối cảnh đó, câu hỏi không còn dừng lại ở việc AI có được sử dụng trong điện ảnh hay không, mà là: AI sẽ tham gia như thế nào, với những hệ quả thẩm mỹ, văn hóa và bản sắc ra sao.

Trên thế giới, xu hướng sử dụng AI như một thành phần sáng tác quan trọng đã xuất hiện từ lâu. Những “ca sĩ AI” (Thùy Trang, 2026), “nhạc sĩ AI” (Trai Úc, 2025) đầu tiên được giới thiệu như các thực thể sáng tạo độc lập, có phong cách, giọng hát và khả năng sản xuất âm nhạc liên tục. Trong điện ảnh, AI tham gia ở mọi khâu sản xuất từ tiền kỳ đến hậu kỳ, trong đó phải kể đến các hiệu ứng AI đã được sử dụng rất hiệu quả: tạo nhạc nền theo tâm trạng cảnh phim, mô phỏng phong cách các nhà soạn nhạc nổi tiếng, tái tạo giọng hát của những nghệ sĩ đã qua đời, tham gia lồng tiếng... Những ứng dụng này đặt ra câu hỏi không chỉ về kỹ thuật, mà còn về quyền tác giả, tính nguyên bản và ranh giới giữa sáng tạo của con người và máy móc.

Đối với điện ảnh Việt Nam, âm nhạc từ lâu đã đóng vai trò quan trọng trong việc tạo cảm xúc, nhịp điệu và khắc họa chiều sâu văn hóa của phim Việt. Từ những giai điệu dân gian mộc mạc, đậm truyền thống đến trẻ trung, mới mẻ... Âm nhạc trong phim không chỉ minh họa mà còn góp phần tạo nên một “cảm thức Việt” khó gọi tên nhưng dễ nhận ra.

Trong sáng tác âm nhạc điện ảnh tại Việt Nam, sự can dự trực tiếp của trí tuệ nhân tạo đang dần chuyển từ thử nghiệm sang thực hành cụ thể. Tại Việt Nam, bộ phim *Quỷ Nhập Tràng* (một phim điện ảnh thành công với doanh thu trăm tỷ) được xem là phim điện ảnh đầu tiên sử dụng bài hát chủ đề do AI đảm nhiệm toàn bộ quy trình, từ viết lời, tạo giai điệu cho đến “hát”. Bản thân người viết đã thực hiện một cuộc phỏng vấn với đạo diễn và nhà sản xuất của phim về khả năng sử dụng AI phụ trách âm nhạc cho các phần phim tiếp theo thì câu trả lời đạt được là có. Trường hợp này đã mang ý nghĩa gợi mở quan trọng: AI không còn chỉ hỗ trợ kỹ thuật, mà đã bước vào vùng lõi của sáng tác âm nhạc điện ảnh, nơi trước đây được xem là lãnh địa thuần túy của cảm xúc và trực giác con người.

Trường hợp *Quỷ Nhập Tràng* cho thấy điện ảnh Việt Nam không đứng ngoài làn sóng toàn cầu, nhưng cũng đồng cũng tạo nên nhiều lo lắng: Liệu con người có bị AI chiếm mất công việc và bị thay thế? Khi AI tham gia sâu vào sáng tác, điều gì sẽ đảm bảo bản sắc âm nhạc Việt không bị hòa tan vào các mô hình thẩm mỹ phổ quát? Làm thế nào con người vẫn là yếu tố chính yếu trong sáng tạo âm nhạc điện ảnh? làm thế nào con người không bị AI chi phối và khống chế?

Tham luận này không tiếp cận vấn đề theo hướng phê phán công nghệ hay lo ngại một cách cảm tính, mà chuyển trọng tâm sang câu hỏi mang tính xây dựng: liệu có thể hình thành một mô hình “AI mang bản sắc Việt” trong lĩnh vực âm nhạc điện ảnh hay không? Trong sáng tác âm nhạc điện ảnh Việt, AI sẽ tham gia với vai trò là người sáng tạo hay công cụ hỗ trợ?

2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện theo hướng tiếp cận liên ngành, kết hợp giữa nghiên cứu điện ảnh, âm nhạc, tham khảo văn hóa và khoa học công nghệ.

Trong bài có sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp lý thuyết nhằm hệ thống hóa quan điểm về âm nhạc điện ảnh, bản sắc văn hóa, vai trò trí tuệ nhân tạo trong sáng tạo nghệ thuật.

Phương pháp so sánh được áp dụng để đối chiếu thực tế của âm nhạc điện ảnh Việt Nam và thế giới.

Bên cạnh đó, nghiên cứu tiến hành phân tích, nghiên cứu trường hợp đối với một số phim Việt Nam và quốc tế có ứng dụng công nghệ và AI trong sáng tác âm nhạc.

Cuối cùng, phương pháp phỏng vấn chuyên gia được sử dụng nhằm bổ sung góc nhìn thực tiễn, hoàn thiện các luận điểm nghiên cứu.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Sự phát triển của AI có làm con người mất đi vai trò sáng tạo và bị thay thế trong lĩnh vực nghệ thuật hay không? Làm thế nào để con người vẫn giữ vai trò trung tâm trong sáng tạo âm nhạc điện ảnh, thay vì bị AI chi phối hoặc kiểm soát?

Có nên xây dựng và phát triển mô hình “AI mang bản sắc Việt” trong lĩnh vực âm nhạc điện ảnh hay không, và nếu có thì cần định hướng như thế nào?

3.1. Nội dung

3.1.1. AI có thể thay thế hoàn toàn con người không?

Lịch sử nghệ thuật đi cùng với lịch sử nhân loại đã chứng kiến rất nhiều cuộc Cách mạng công nghệ, trong đó điện ảnh cũng có những thay đổi lớn lao như: sự ghi nhận hình ảnh có thể chuyển động ở cuối thế kỷ XIX, khi điện ảnh chuyển từ phim câm sang phim có tiếng ở những năm 1920, phim trắng đen được thay thế bởi phim có màu, sự phát triển của kỹ thuật dựng phim tạo nên cuộc cách mạng về ngôn ngữ dựng phim và kể chuyện, sự xuất hiện của công nghệ số và CGI, sự toàn cầu hoá của thế giới và gần đây nhất là sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo (AI).

Lịch sử điện ảnh cho thấy, mỗi cuộc cách mạng công nghệ không làm điện ảnh đánh mất bản sắc, mà buộc điện ảnh phải tái định nghĩa chính mình. Những thay đổi mang tính cách mạng không nằm ở công nghệ tự thân, mà ở cách con người làm chủ và biến công nghệ thành ngôn ngữ biểu đạt mới.

Trên thế giới, việc ứng dụng AI trong âm nhạc điện ảnh diễn ra chủ yếu theo hai xu hướng:

Thứ nhất, AI như công cụ tăng tốc sáng tác khi có thể hỗ trợ tạo nháp, thử nghiệm nhanh nhiều phương án âm nhạc, phổ biến trong các ngành công nghiệp điện ảnh thương mại.

Thứ hai, AI như đối tượng thử nghiệm nghệ thuật bằng cách xuất hiện trong các dự án mang tính trình diễn, khám phá ranh giới giữa con người và máy móc. Cho dù xuất hiện bằng cách nào, AI cũng tạo được vô số ấn tượng độc đáo về sự xuất hiện của nó bởi nó tạo ra những ấn tượng thẩm mỹ mới mẻ, từ cảm giác về một “chủ thể vô hình” tham gia sáng tác, đến những cấu trúc âm nhạc mang tính phá vỡ cấu trúc câu chữ, nhịp điệu, tiết tấu thông thường, khác biệt rõ rệt với logic cảm xúc truyền thống của con người.

Thẳng thắn mà nói, vai trò của AI hiện nay quá lớn, đến mức có thể khiến con người cảm thấy có nguy cơ bị thay thế trong nhiều ngành nghề. Trên khắp thế giới, công nghệ thông minh AI đã và đang thay thế từ một phần đến triệt để nhiều ngành nghề trong xã hội. Đó là thực tế không thể phủ nhận. Nó tạo nên nguy cơ mất việc của rất nhiều người lao động. Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận AI mang lại rất nhiều lợi ích phục vụ đời sống con người. Nhìn suốt hành trình lịch sử phát triển xã hội, không phải lần đầu con người bị đe dọa bởi công nghệ, chỉ có điều lúc nào con người cũng là người chiến thắng vì vốn dĩ công nghệ sinh ra là để phục vụ con người.

Sự xuất hiện và phát triển của trí tuệ nhân tạo trong đời sống đương đại, xét một cách khách quan, là hệ quả tất yếu của tiến trình phát triển khoa học, công nghệ và xã hội loài người. Trong bối cảnh đó, việc AI tham gia vào các lĩnh vực sáng tạo, bao gồm âm nhạc điện ảnh, không phải là một hiện tượng bất thường hay mang tính đột biến, mà là kết quả tự nhiên của nhu cầu tối ưu hóa quy trình lao động, gia tăng hiệu suất và tiện lợi hóa công việc.

Từ góc nhìn này, câu hỏi “AI có thể thay thế con người hay không?” cần được đặt lại trong một hệ quy chiếu thực tiễn và khoa học hơn.

Trong một bài phỏng vấn, ông Robert Kyncl, CEO của Warner Music Group cũng chia sẻ ý kiến rằng: “AI có lẽ là một trong những thứ có khả năng biến đổi nhanh nhất nhân loại mà tôi từng chứng kiến” (Tim Ingham, 2024)

Báo Tuổi Trẻ ngày 14/11/2023 đã chia sẻ ý kiến của các chuyên gia chia sẻ qua tọa đàm *Âm nhạc trong môi trường kỹ thuật số*, nằm trong khuôn khổ Hội thảo *Bản quyền âm nhạc VCPMC 2023* rằng “Ca khúc do AI sáng tác chỉ có bản quyền, không sáng tạo, không có bản quyền âm nhạc” (Hoài Phương, 2023). Ông Benjamin, giám đốc khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Liên đoàn quốc tế các hiệp hội tác giả và nhà soạn nhạc (CISAC) cũng khẳng định: “AI không sáng tạo mà chỉ có bản quyền theo thuật toán, tổng hợp thành ca khúc”.

Ngay cả trong những trường hợp AI xuất hiện với tư cách “chủ thể”, như ca sĩ AI, nhạc sĩ AI, hay thậm chí các hình mẫu AI trong lĩnh vực truyền thông và chính trị (Thu Thảo, 2025) thì bản chất hoạt động của các thực thể này vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào con người. Chúng được tạo ra, huấn luyện, định hướng, kiểm soát và vận hành trong một khung giá trị do con người thiết lập. AI, dù đạt mức độ tinh vi đến đâu, cũng không tự sinh ra mục tiêu sáng tạo, không tự xác lập hệ giá trị thẩm mỹ, và không chịu trách nhiệm xã hội hay đạo đức đối với sản phẩm mà nó tạo ra mà đó là vấn đề của con người.

Đối với âm nhạc điện ảnh, vấn đề này càng trở nên rõ ràng. Sáng tác âm nhạc ở trình độ cao không chỉ là việc tổ chức âm thanh, giai điệu theo các quy luật kỹ thuật, mà là một hoạt động mang tính tổng hợp, đòi hỏi khả năng cảm thụ cảm xúc tinh tế, tư duy trừu tượng, ý thức văn hóa và hiểu biết sâu sắc về cấu trúc tự sự điện ảnh. Những yếu tố này gắn liền với trải nghiệm sống, ký ức cá nhân và ký ức tập thể, cảm xúc, tư duy, thẩm mỹ, cá tính cá nhân...những điều AI hiện nay không sở hữu và không thể tự hình thành.

Trong thư kiến nghị phản đối AI có hàng ngàn chữ ký của các nghệ sĩ nổi tiếng trong đó có chữ ký của các nhạc sĩ nhóm ABBA, Radiohead và The Cure phản đối việc khai thác tác phẩm nghệ thuật của họ để xây dựng các công cụ trí tuệ nhân tạo đã nêu rõ: “Việc sử dụng trái phép các tác phẩm sáng tạo để đào tạo AI tạo ra là mối đe dọa lớn và bất công đối với những người sáng tạo tác phẩm. Đây là hành vi trái phép” (Tuấn Huy, 2024).

Rõ ràng, AI đã tạo nên nguy cơ không hề nhỏ về việc trí tuệ và bản quyền của con người sẽ bị nó xâm hại nếu rơi vào tay người sử dụng không tự trọng. Cũng trong hội thảo *Bản quyền âm nhạc VCPMC 2023* kể trên, những nhạc sĩ, các chuyên gia uy tín cũng lên tiếng. Ông Hoàng Văn Bình, phó tổng giám đốc Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam, nói: “Nếu ca khúc không có cảm hứng sáng tác, không có sự lãng mạn thì ca khúc không có hồn. Ca khúc do AI sáng tác được tạo ra từ thuật toán, không truyền cảm cho người nghe từ lựa chọn này. Sáng tác nhạc của tác giả sẽ hay hơn vì người nhạc sĩ sáng tác bằng tâm lòng, trí tuệ, nguồn cảm hứng” (Hoài Phương, 2023).

Nhạc sĩ Đức Trí khi được hỏi về nguy cơ đe dọa của AI trong sáng tác đã có ý kiến: “Nếu AI có thể viết những ca khúc giống phong cách Đức Trí, không sao cả. Vì

tôi sẽ lại tiếp tục khám phá, sáng tạo ở những vùng âm nhạc mà AI chưa biết (Hà Thu - Hoàng Dung, 2025).

Do đó, có thể khách quan nhìn nhận trong mối quan hệ giữa AI và con người, đặc biệt trong lĩnh vực âm nhạc điện ảnh, con người vẫn là chủ thể sáng tạo đầu tiên và cuối cùng. AI cần được nhìn nhận như một *công cụ hỗ trợ mạnh mẽ*, giúp mở rộng khả năng thử nghiệm, rút ngắn thời gian sản xuất và hỗ trợ kỹ thuật. Hiện tại đã chứng minh rằng AI không thay thế con người. Vậy vấn đề nằm ở việc *con người có giữ được vai trò chủ động, định hướng và chịu trách nhiệm trong quá trình sáng tạo hay không*. Khi con người làm chủ công nghệ, AI trở thành trợ thủ; khi con người thoái lui khỏi vai trò sáng tạo, AI mới trở thành mối lo ngại. Đây chính là ranh giới cốt lõi cần được nhận diện một cách tinh tế trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo. Và con người nhất định phải khẳng định, giữ vững được *vai trò quyết định cuối cùng về mặt sáng tạo, thẩm mỹ và ý nghĩa tác phẩm vì đó là thiên chức của Con Người Sáng Tạo*.

3.1.2 Âm nhạc điện ảnh Việt Nam trong dòng chảy công nghệ

Âm nhạc điện ảnh Việt Nam hình thành và phát triển trong mối quan hệ chặt chẽ với lịch sử, văn hóa và đời sống xã hội. Từ phim cách mạng, phim chiến tranh, đến điện ảnh thời kỳ Đổi mới và điện ảnh đương đại, âm nhạc luôn đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo không khí, cảm xúc và chiều sâu văn hóa. Những yếu tố như thang âm ngũ cung, nhạc cụ dân tộc, tiết tấu gắn với sinh hoạt vùng miền hay cảm thức trữ tình Á Đông đã góp phần tạo nên bản sắc riêng của nhạc phim Việt. Điều này vô cùng giá trị và cần thiết trong thời điểm điện ảnh Việt Nam chính thức hoà nhập với điện ảnh toàn cầu mạnh mẽ chưa từng có, khi Thành phố Hồ Chí Minh vừa được chính thức công nhận là *Thành phố điện ảnh* đầu tiên của Đông Nam Á.

Sự kiện này mang lại rất nhiều cơ hội, tuy nhiên chắc chắn cũng sẽ mang lại những thách thức không nhỏ. Dễ nhận thấy nhất là trong bối cảnh hiện tại, hội nhập, mở cửa sẽ khiến âm nhạc điện ảnh Việt Nam chịu tác động mạnh mẽ của xu hướng toàn cầu hóa. Và giới sáng tác Việt Nam chắc chắn cũng không thể đoạn tuyệt hoàn toàn với công nghệ, với AI bởi những giá trị, hiệu quả không thể phủ nhận của nó.

Việc sử dụng các mẫu âm thanh, cấu trúc hòa âm và nhịp điệu phổ biến quốc tế giúp phim Việt dễ tiếp cận khán giả rộng hơn, nhưng đồng thời cũng làm gia tăng nguy cơ đánh mất những sắc thái bản địa. Khi AI tham gia sâu hơn vào quá trình sáng tác, nguy cơ này càng trở nên rõ rệt nếu thiếu chiến lược dữ liệu và định hướng văn hóa rõ ràng.

Bordwell & Thomson đề cập “Trong tất cả thể loại của âm thanh thì âm nhạc là thứ được bàn đến rộng rãi nhất” bởi “âm nhạc là thứ giúp hình ảnh lên tiếng một cách cô đọng nhất” (Bordwell & Thomson, 2008: 467).

Nhà văn Olivier Clouzot nhận xét: “âm nhạc điện ảnh thần diệu không phải vì nó thay đổi nội dung hình ảnh, mà bởi nó tác động tâm não người xem, khiến người xem ngấm ngấm chấp nhận sự biến hóa. Âm nhạc là một trong những xảo thuật điện ảnh làm cho thế giới điện ảnh thật hơn, súc tích hơn thực tế” (Việt Linh, 2006: 167). Chẳng phải

ngẫu nhiên mà khi trao giải ở các liên hoan điện ảnh luôn có một giải xứng đáng vinh danh cho “*âm nhạc xuất sắc nhất*”

Âm nhạc trong điện ảnh Việt luôn được xem là một trong những phương thức biểu thị bản sắc văn hoá rõ ràng nhất. Ta có thể thấy rõ điều này qua các tác phẩm của Đặng Nhật Minh, Bùi Thạc Chuyên...chỉ cần nghe giai điệu phát ra ta đã hình dung được bản sắc văn hoá của đất nước, vùng miền ấy. Tương tự, các nền điện ảnh có bản sắc mạnh (Nhật Bản, Iran, Hàn Quốc...) đều sử dụng âm nhạc trong điện ảnh như một phương thức biểu thị bản sắc, văn hoá và cảm xúc công nghệ trong khuôn khổ kiểm soát thẩm mỹ chặt chẽ, nhằm bảo vệ cảm thức văn hóa đặc thù của mình. Tuy nhiên, có một thực tế hiện nay AI vốn dùng nguồn dữ liệu lớn trên các kho dữ liệu âm nhạc toàn cầu nên bản sắc Việt Nam khá nhạt nhòa và thiếu. Điều này mang lại một nguy cơ: âm nhạc điện ảnh Việt nếu chỉ khai thác trên kho ứng dụng như hiện nay sẽ dễ rơi vào tình trạng “vô Việt Nam, ruột quốc tế” trong các sản phẩm.

Trong khoảng hai thập niên trở lại đây, âm nhạc điện ảnh trong điện ảnh Việt Nam có sự chuyển biến rõ rệt về mặt kỹ thuật, phương thức sản xuất và mức độ chuyên nghiệp. Hệ thống phòng thu, phần mềm sáng tác, đội ngũ hòa âm, phối khí và khả năng tiếp cận công nghệ quốc tế đã giúp nhạc phim Việt đạt được chất lượng ngày càng tiệm cận chuẩn mực toàn cầu. Ở nhiều tác phẩm thương mại, âm nhạc đã hoàn thành tốt chức năng minh họa cảm xúc, tạo nhịp điệu cho câu chuyện và hỗ trợ trải nghiệm nghe, nhìn của khán giả.

Tuy nhiên, xét trên bình diện học thuật và bản sắc, âm nhạc điện ảnh Việt Nam hiện nay vẫn bộc lộ không ít vấn đề: Nhiều nhạc phim sử dụng các cấu trúc hòa âm, tiết tấu, màu sắc âm thanh phổ biến dẫn đến tình trạng “an toàn”, dễ nghe nhưng thiếu dấu ấn cá nhân và bản sắc văn hóa rõ rệt. Âm nhạc trong không ít bộ phim trở thành một lớp nền cảm xúc chung chung, có thể thay thế mà không làm thay đổi căn tính của tác phẩm.

Thứ hai, trong nhiều trường hợp, âm nhạc được xử lý ở giai đoạn hậu kỳ, mang tính “bù đắp” hơn là một thành tố được tư duy ngay từ kịch bản và cấu trúc phim. Điều này khiến nhạc phim khó đạt tới chiều sâu tư tưởng, thiếu sự tương tác hữu cơ với hình ảnh và nhịp kể.

Thứ ba, trong bối cảnh áp lực sản xuất nhanh, kinh phí hạn chế và yêu cầu thương mại cao, việc sử dụng thư viện âm thanh có sẵn, nhạc mẫu hoặc các giải pháp công nghệ, trong đó có AI, ngày càng phổ biến. Dù giúp tiết kiệm thời gian và chi phí, nhưng nếu lạm dụng, xu hướng này dễ làm âm nhạc điện ảnh rơi vào trạng thái phi cá tính, thiếu chiều sâu cảm xúc và xa rời những chất liệu âm nhạc bản địa vốn là thế mạnh của điện ảnh Việt.

Bên cạnh đó, việc đào tạo và phát triển đội ngũ sáng tác âm nhạc chuyên sâu cho điện ảnh vẫn còn là một khoảng trống. Phần lớn nhạc sĩ tham gia làm nhạc phim xuất thân từ lĩnh vực âm nhạc đại chúng, trong khi sáng tác âm nhạc điện ảnh đòi hỏi tư duy cấu trúc, nhịp kể và khả năng đọc hình ảnh ở trình độ cao. Sự thiếu hụt này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và tính ổn định của nhạc phim Việt.

Tuy vậy, không thể phủ nhận rằng vẫn tồn tại những nỗ lực đáng ghi nhận nhằm tìm kiếm bản sắc và chiều sâu cho âm nhạc điện ảnh Việt Nam. Một số tác phẩm đã chú trọng hơn đến việc khai thác chất liệu dân gian, nhạc cụ truyền thống hoặc cách tổ chức âm nhạc phù hợp với không gian văn hóa của câu chuyện. Những thử nghiệm này cho thấy tiềm năng phát triển nếu có chiến lược dài hạn và sự đầu tư nghiêm túc.

Tóm lại, thực tế của âm nhạc trong điện ảnh Việt Nam hiện nay là *một trạng thái quá độ*: đã có nhiều tiến bộ về công nghệ và kỹ thuật, nhưng lại bộc lộ nguy cơ mất phương hướng về bản sắc. Trong bối cảnh AI và công nghệ số ngày càng can thiệp sâu vào sáng tạo, thách thức lớn nhất không nằm ở việc “bị thay thế”, mà ở nguy cơ đánh mất tiếng nói riêng nếu con người với tư cách chủ thể văn hóa và thẩm mỹ không giữ vai trò dẫn dắt.

Bản thân người viết tin rằng, với sự ảnh hưởng mạnh mẽ và mang tính tất yếu như hiện nay, AI không nằm ngoài quy trình sáng tác của âm nhạc trong điện ảnh, phần lớn nữa là hiệu quả sử dụng của AI gần như không cần bàn cãi. Vấn đề đặt ra hiện nay không phải là có nên sử dụng AI trong âm nhạc điện ảnh Việt Nam hay không, mà là *sử dụng AI như thế nào để không làm đứt gãy mạch bản sắc*. Vì thế, theo quan điểm của người viết, chủ động xây dựng kho dữ liệu âm nhạc mang bản sắc Việt, kèm theo một chiến lược kiểm soát thẩm mỹ và định hướng văn hóa rõ ràng là cần thiết.

3.2. Từ tâm thế lo ngại đến tư duy kiến tạo

Về bản chất, các hệ thống AI hiện nay vận hành dựa trên khả năng phân tích và tái tổ hợp dữ liệu âm nhạc đã tồn tại. AI có thể mô phỏng phong cách, cấu trúc hòa âm, nhịp điệu và mood cảm xúc, nhưng không sở hữu trải nghiệm sống, ký ức văn hóa hay ý thức xã hội. Trong khi đó, âm nhạc điện ảnh không phải là sản phẩm âm nhạc độc lập, mà là một thành tố nằm trong cấu trúc tự sự phức hợp của phim, gắn chặt với tâm lý nhân vật, bối cảnh lịch sử, xã hội, nhịp dựng, cảm xúc và trình độ tư duy của người sáng tác, cảm thức văn hóa của cộng đồng tiếp nhận.

Với vai trò là một công cụ sáng tạo mới trong âm nhạc điện ảnh, AI có thể hỗ trợ nhà soạn nhạc trong việc gợi ý chủ đề, tạo biến thể giai điệu, mô phỏng phong cách hoặc tối ưu hóa cấu trúc cảm xúc theo diễn tiến câu chuyện. Tuy nhiên, các sản phẩm do AI tạo ra luôn phản ánh trực tiếp chất lượng, đặc điểm và hệ giá trị của tập dữ liệu mà nó được huấn luyện, đó là nguy cơ “chuẩn hóa thẩm mỹ” trong các mô hình AI toàn cầu.

Thực tế hiện nay cho thấy, phần lớn các mô hình AI sáng tác nhạc được huấn luyện trên tập dữ liệu mang tính toàn cầu, trong đó âm nhạc phương Tây chiếm ưu thế về số lượng và mức độ chuẩn hóa. Điều này dẫn đến nguy cơ các sản phẩm âm nhạc do AI hỗ trợ dễ rơi vào những cấu trúc hòa âm, nhịp điệu và logic cảm xúc mang tính phổ quát, làm mờ đi những đặc trưng văn hóa bản địa. Đối với các nền điện ảnh nhỏ hoặc đang phát triển như Việt Nam, nguy cơ này càng trở nên rõ nét nếu AI được tiếp nhận một cách thụ động hoặc không trang bị đủ nguồn dữ liệu để AI có thể sử dụng hiệu quả. Do đó, bản thân con người phải trang bị cho mình những kỹ năng cần thiết, nâng cao nhận thức, tư duy, khẳng định cá tính sáng tác để có thể vẫn đảm bảo vị thế làm chủ

sang tạo là điều cần thiết. Trong đó, trang bị để giúp AI thành công cụ hiệu quả hoặc trợ lý đắc lực là điều có thể nghĩ đến.

Trong bối cảnh đó, câu hỏi không còn là “AI có làm mất bản sắc hay không”, mà là “chúng ta sẽ đưa bản sắc nào vào AI, bằng cách nào và với mục tiêu gì” và bản thân người viết nghĩ: một kho dữ liệu AI mang bản sắc Việt là hoàn toàn cần thiết.

3.3. Giải pháp đề xuất

Cốt lõi của một mô hình AI mang bản sắc Việt nằm ở việc xây dựng bộ dữ liệu âm nhạc Việt Nam có chất lượng, đa dạng và được giám tuyển cẩn trọng, trong đó phải đặc biệt lưu ý ngữ cảnh văn hóa và ngôn ngữ âm nhạc trong kể chuyện điện ảnh. Bởi khác với dữ liệu âm thanh, âm nhạc thuần túy, dữ liệu âm nhạc điện ảnh cần được gắn với ngữ cảnh kể chuyện, bối cảnh lịch sử, xã hội và cấu trúc cảm xúc của phim. Việc tích hợp các yếu tố này vào quá trình huấn luyện AI giúp mô hình không chỉ tái tạo âm thanh, mà còn học được logic cảm xúc mang đặc trưng Việt Nam.

Cốt lõi của một mô hình AI mang bản sắc Việt trong lĩnh vực âm nhạc điện ảnh không nằm ở thuật toán, mà nằm ở hệ dữ liệu và tư duy giám tuyển văn hóa. Nếu không có một nền tảng dữ liệu được xây dựng có chủ đích, thì AI dù hiện đại đến đâu cũng chỉ tái sản xuất các khuôn mẫu thẩm mỹ toàn cầu, dẫn đến nguy cơ đồng dạng hóa ngôn ngữ âm nhạc và làm mờ nhạt bản sắc Việt. Vì thế xây dựng bộ dữ liệu âm nhạc Việt Nam có chất lượng là nền tảng cốt lõi, trong đó cần đảm bảo tính đa dạng về chất liệu, mà còn phản ánh chiều sâu lịch sử, văn hóa, xã hội của điện ảnh Việt Nam.

Cuối cùng, việc xây dựng AI mang bản sắc Việt không nên được nhìn như một dự án công nghệ đơn lẻ, mà cần được đặt trong chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa và điện ảnh quốc gia. Khi Thành phố Hồ Chí Minh đã được công nhận là Thành phố điện ảnh của UNESCO, yêu cầu bảo vệ và phát huy bản sắc thông qua công nghệ càng trở nên cấp thiết.

Một mô hình AI được huấn luyện đúng hướng không chỉ giúp hỗ trợ sáng tác hiệu quả, mà còn góp phần lưu giữ, tái kích hoạt và lan tỏa cảm thức âm nhạc Việt trong bối cảnh toàn cầu hóa, thay vì để bản sắc này bị hòa tan trong các mô hình thẩm mỹ phổ quát. Việc xây dựng các kho dữ liệu quốc gia về ngôn ngữ, âm nhạc và hình ảnh không chỉ phục vụ nghiên cứu công nghệ, mà còn là chiến lược bảo vệ và phát triển bản sắc văn hóa trong kỷ nguyên số.

Việc xây dựng AI mang bản sắc Việt đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa các nhà làm phim, nhạc sĩ, nhà nghiên cứu văn hóa và chuyên gia công nghệ. Trong đó không thể thiếu vai trò chính yếu của nhà nước và các thiết chế văn hóa trong vai trò định hướng, điều phối, hỗ trợ xây dựng hạ tầng dữ liệu, cơ chế bản quyền và khuyến khích nghiên cứu ứng dụng AI trong lĩnh vực nghệ thuật. Đây là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững và có định hướng.

4. Kết luận

Trong kỷ nguyên AI, bản sắc không phải là yếu tố đối lập với công nghệ, mà là giá trị có thể được tái cấu trúc và khuếch đại thông qua công nghệ. Âm nhạc điện ảnh Việt Nam đứng trước cơ hội lớn để tận dụng AI như một nguồn lực sáng tạo mới, đồng

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

thời khẳng định vị thế và tiếng nói văn hóa riêng trong không gian toàn cầu. Việc xây dựng mô hình “AI mang bản sắc Việt” không chỉ là giải pháp công nghệ, mà còn là chiến lược văn hóa dài hạn, góp phần định vị và phát triển bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Lựa chọn AI như một công cụ hợp tác, không đối kháng và xây dựng “AI mang bản sắc Việt” vì thế không chỉ là một lựa chọn công nghệ, mà là một chiến lược văn hóa tất yếu. Điện ảnh, với tư cách là nghệ thuật tổng hợp, có thể trở thành nơi thử nghiệm và hiện thực hóa chiến lược này, góp phần đưa âm nhạc, điện ảnh, nghệ thuật Việt Nam bước vào kỷ nguyên AI mà không đánh mất căn cước văn hóa của mình.

Tài liệu tham khảo

- David Bordwell (1985). *Narration in the fiction film*. University of Wisconsin Press.
- Bordwell, D. & Thomson, K. (2008). *Nghệ thuật điện ảnh*. Nxb Giáo dục.
- Peter J. Rabinowitz & James Phelan (2005). *Lý thuyết chuyện kể*. Blackwell Publishing
- Việt Linh (2006). *Dạo chơi vườn điện ảnh*. Nxb Văn hóa Sài Gòn.
- Trai Úc (2025). Người đứng sau ca sĩ AI hát 'Say một đời vì em' đang gây sốt là ai?. *Tuổi trẻ cười*. Truy cập tại <https://cuoi.tuoitre.vn/nguoi-dung-sau-ca-si-ai-hat-say-mot-doi-vi-em-dang-gay-sot-la-ai-20250922115712452.htm>
- Thùy Trang (2026). Nữ ca sĩ "ảo" Việt debut, mạng xã hội tranh cãi "nảy lửa". *Người lao động*. Truy cập tại <https://nld.com.vn/giai-tri/nu-ca-si-ao-viet-debut-mang-xa-hoi-tranh-cai-nay-lua-2023032008052454.htm>
- Hoài Phương (2023). Ca khúc do AI sáng tác chỉ có một, không sáng tạo, không có bản quyền âm nhạc. *Tuổi trẻ Online*. Truy cập tại <https://tuoitre.vn/ca-khuc-do-ai-sang-tac-chi-cop-nhat-khong-sang-tao-khong-co-ban-quyen-am-nhac-20231114222019509.htm>
- Thu Thảo (2025). Bộ trưởng AI đầu tiên trên thế giới. *VnExpress*. Truy cập tại <https://vnexpress.net/bo-truong-ai-dau-tien-tren-the-gioi-4938208.html>
- Hà Thu & Hoàng Dung (2025). Nhạc Việt dò dẫm ứng dụng AI. *VnExpress*. Truy cập tại <https://vnexpress.net/nhac-viet-do-dam-ung-dung-ai-4886391.html>
- Tim Ingham (2024). A year after he took charge as CEO, Robert Kyncl has quietly transformed Warner Music Group's leadership. *Music Business Worldwide*. Truy cập tại <https://www.musicbusinessworldwide.com/took-charge-ceo-robert-kyncl-has-quietly-transformed-warner-music-groups-leadership/>
- Tuấn Huy (2024). Nghệ sĩ thế giới tiếp tục kiến nghị phản đối AI. *Báo Phụ nữ*. Truy cập tại <https://www.phunuonline.com.vn/nghe-si-the-gioi-tiep-tuc-kien-nghi-phan-doi-ai-a1532167.html#:~:text=PNO%20-%20Hôm%20qua%20thứ%20Ba%20một%20thứ,dừng%20các%20công%20cụ%20tr%C3%AD%20tuệ%20nhân%20tạo.>

THƯỜNG THỨC BIỂU DIỄN THANH NHẠC TRONG KỶ NGUYÊN A.I.

Trương Ngọc Thắng

Trường Đại học Văn Lang

Email: ngocthangopera@gmail.com

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu sự tác động của Trí tuệ nhân tạo (AI) đối với nghệ thuật thanh nhạc, tập trung vào sự dịch chuyển trong tâm lý thưởng thức và hành vi của công chúng. Mục đích của nghiên cứu là phân tích các cơ hội từ công nghệ hỗ trợ biểu diễn và những thách thức đối với giá trị nhân văn truyền thống. Đặc biệt, nghiên cứu nhấn mạnh việc nâng cao trải nghiệm thưởng thức của khán giả thông qua các ứng dụng AI hiện đại trên sân khấu. Qua đó, tác giả đề xuất các giải pháp trong đào tạo và biểu diễn nhằm phát triển bền vững âm nhạc - Thanh nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên số. Kết quả nghiên cứu khẳng định AI là công cụ hỗ trợ tiềm năng nhưng không thể thay thế được trải nghiệm sống và sự kết nối tâm hồn của nghệ sĩ con người.

Từ khóa: Thanh nhạc, Trí tuệ nhân tạo, Thường thức âm nhạc, Kỷ nguyên số, Biểu diễn.

Enjoying vocal performance in the AI era

Abstract

The article researches the impact of Artificial Intelligence (AI) on vocal arts, focusing on the shift in audience psychology and enjoyment behavior. The purpose of the study is to analyze opportunities from performance support technology and challenges to traditional humanistic values. In particular, the research emphasizes enhancing the audience's enjoyment experience through modern AI applications on stage. Thereby, the author proposes solutions in training and performance to sustainably develop Vietnamese music- Vocal in the digital era. Research results confirm that AI is a potential supporting tool but cannot replace the lived experience and soul connection of human artists.

Keywords: Vocal music, Artificial Intelligence, Music appreciation, Digital era, Performance.

1. Đặt vấn đề

Âm nhạc như một “chất xúc tác” làm thay đổi màu sắc của cuộc sống thường nhật, là *Liều thuốc cho tâm lý* giúp giải tỏa căng thẳng (stress), điều hòa nhịp tim và cải thiện tâm trạng. Nhiều người sử dụng âm nhạc như một cách để “chữa lành” sau những giờ làm việc mệt mỏi, là *Kết nối cộng đồng* xóa tan khoảng cách về ngôn ngữ và văn hóa, âm nhạc cũng là *Động lực làm việc và sáng tạo* đặc biệt là trong các tác phẩm khí nhạc, các giai điệu tiết tấu nhanh thường được dùng để tăng sự tập trung hoặc tiếp thêm năng lượng và âm nhạc cũng *Phản ánh bản sắc cá nhân* đó là *gu âm nhạc* của một người thường nói lên tính cách, quan điểm sống và những giá trị mà họ theo đuổi.

Trong lịch sử phát triển nghệ thuật, sự thay đổi của công nghệ luôn kéo theo sự dịch chuyển trong cách con người sáng tạo và thưởng thức âm nhạc. Nếu thế kỷ XX

chứng kiến sự bùng nổ của công nghệ thu âm và truyền hình, thì thế kỷ XXI mở ra kỷ nguyên của trí tuệ nhân tạo (AI) – nơi mà ranh giới giữa thực và ảo, giữa con người và máy móc đang dần trở nên mờ nhạt. Trong bối cảnh đó, nhu cầu và hành vi thưởng thức biểu diễn thanh nhạc của công chúng trở thành trọng tâm của mọi sự thay đổi. Khán giả ngày nay không chỉ nghe giọng hát mà còn thưởng thức một hệ sinh thái âm thanh và hình ảnh được tối ưu hóa bởi công nghệ mà tiêu biểu là AI. Theo Briot & cộng sự (2020), máy móc hiện nay không chỉ dừng lại ở việc lưu trữ mà đã có khả năng phân tích sâu, mô phỏng và thậm chí sáng tạo âm nhạc một cách độc lập.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích lý thuyết và tổng hợp tài liệu từ các công trình nghiên cứu âm nhạc hiện đại trong và ngoài nước. *Về cơ sở lý luận:* Dựa trên các học thuyết về tương tác âm nhạc và kỹ thuật học sâu trong tạo tác âm nhạc. *Về đối tượng nghiên cứu:* Hành vi thưởng thức của công chúng và các hệ thống hỗ trợ biểu diễn thanh nhạc bằng AI.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Sự chuyển dịch trong hành vi và tâm lý thưởng thức của công chúng

Vai trò của việc thưởng thức biểu diễn thanh nhạc hiện nay đã thay đổi từ việc nghe thụ động sang trải nghiệm đa giác quan. Công chúng ngày nay tiếp cận biểu diễn không chỉ trực tiếp tại sân khấu mà còn qua các nền tảng số và thực tế ảo do AI sáng tạo (VR/AR). Tiêu chuẩn thưởng thức của khán giả được nâng cao khi họ kỳ vọng vào sự hoàn hảo của âm thanh và sự mới lạ trong hình thức thể hiện mà điều đó AI đã đáp ứng.

3.1.1. Cá nhân hóa và thuật toán gợi ý

Nếu âm nhạc nói chung là sự kết hợp của âm thanh, thì thanh nhạc là loại hình nghệ thuật đặc biệt lấy giọng hát của con người làm nhạc cụ chính với những yếu tố *Sức mạnh của ca từ:* Khác với khí nhạc (nhạc cụ), thanh nhạc có sự hỗ trợ của ngôn ngữ, giúp truyền tải thông điệp một cách trực tiếp, dễ chạm đến lòng người và *Sự kết nối giữa người với người:* Tiếng hát mang theo hơi thở, cảm xúc chân thật nhất của người nghệ sĩ. Khán giả không chỉ nghe âm thanh mà còn cảm nhận được nỗi đau, niềm hạnh phúc hay sự hy vọng của người hát. Đối với nghệ thuật thanh nhạc, một loại hình vốn tôn vinh sự nguyên bản của giọng hát và cảm xúc trực tiếp, AI đang tạo ra những tác động kép. Một mặt, AI mở rộng biên độ sáng tạo; mặt khác, nó thách thức các giá trị truyền thống về cái đẹp. Pachet (2003) nhận định rằng AI đang trực tiếp tham gia vào quá trình tương tác âm nhạc, tạo ra những trải nghiệm thưởng thức mới mẻ nhưng cũng đầy thách thức cho cả nghệ sĩ và công chúng.

Thanh nhạc, loại hình nghệ thuật sống gắn liền với tâm sinh lý con người, vốn đề cao cảm xúc và sự hiện diện trực tiếp, đang đứng trước những thay đổi lớn. Công chúng ngày nay tiếp cận biểu diễn âm nhạc không chỉ trực tiếp đến sân khấu mà còn có thể thông qua nền tảng số, thực tế ảo, thuật toán gợi ý và các hệ thống phân tích âm thanh. Điều này đặt ra câu hỏi:

- AI đang thay đổi cách khán giả thưởng thức thanh nhạc như thế nào?
- Công nghệ có làm giảm giá trị của giọng hát thật?

- Nghệ sĩ cần thích ứng ra sao để không bị “hòa tan” trong môi trường số?

Trong kỷ nguyên số, khán giả không còn là những người tiếp nhận âm nhạc thụ động mà chủ động nhờ các hệ thống AI dựa trên Big Data để phân tích thói quen, từ đó xây dựng “hồ sơ âm nhạc” riêng cho từng cá nhân. Điều này dẫn đến một xu hướng thưởng thức mới: khán giả chỉ nghe những gì họ thích và thuật toán cho rằng họ sẽ thích.

3.1.2. Không gian thưởng thức đa chiều và thực tế ảo (VR/AR)

Khán giả ngày nay có thể tham dự một buổi biểu diễn âm nhạc, thanh nhạc, hòa nhạc giao hưởng hoặc một đêm nhạc Opera ngay tại phòng khách với sự hỗ trợ của kính VR. AI giúp tái hiện không gian âm học của các sân khấu lớn, hiện đại, các nhà hát danh tiếng toàn cầu với độ chính xác cực cao, cho phép người xem thay đổi góc nhìn sân khấu hoặc phóng to hình ảnh nghệ sĩ để quan sát kỹ thuật biểu diễn một cách toàn diện.

3.1.3. Kỳ vọng về sự hoàn hảo và áp lực lên nghệ sĩ

Sự phổ biến của âm thanh đã qua xử lý AI (Autotune, AI Mastering) đã định hình lại tiêu chuẩn về “giọng hát hay” trong tai người nghe, từ đó người ca sĩ luôn phấn đấu một cách toàn diện về lý thuyết, thực hành, kỹ thuật, phong cách để đáp ứng với kỳ vọng của người nghe, người xem. Hồ Mộ La (2008: 15) nhấn mạnh rằng chất lượng âm thanh hoàn hảo từ các bản thu xử lý công nghệ đã vô tình tạo áp lực khổng lồ cho nghệ sĩ biểu diễn trực tiếp, buộc họ phải duy trì độ chính xác tuyệt đối và sự ổn định của giọng hát tương đương với phòng thu.

3.2. AI - Người đồng hành trên sân khấu

- *Hỗ trợ phần đệm, phối bè, làm dày âm thanh*: Sự thành công của AI trong biểu diễn thanh nhạc không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ mà đã trực tiếp tạo nên những hiệu ứng nghệ thuật bùng nổ, đáp ứng thị hiếu thưởng thức hiện đại thông qua AI như người đồng hành với các ca sĩ trên sân khấu. Một trong những thành công nổi bật là việc AI hỗ trợ bổ sung phần đệm qua nhạc điện tử một cách linh hoạt. Sự kết hợp giữa giọng hát truyền thống và các dải âm thanh điện tử hiện đại do AI tạo ra giúp tiết mục trở nên sống động, bắt tai và phù hợp với không gian âm nhạc kỷ nguyên số. AI còn tự động phối bè và làm dày âm thanh, khả năng chèn các bè (vocal layers) trực tiếp theo thời gian thực dựa trên cao độ của nghệ sĩ, giúp giọng hát trở nên sang trọng và đầy đặn hơn ngay trên sân khấu live mà không cần đến đội ngũ hát bè hùng hậu.

- *Tương tác thời gian thực*: AI có khả năng phân tích tín hiệu âm thanh từ giọng hát để điều chỉnh tốc độ (tempo) và sắc thái của phần đệm ngay lập tức. Điều này mang lại cho người thưởng thức cảm giác về một không gian âm nhạc hòa quyện, đồng nhất giữa con người và máy móc. Đây là bước tiến lớn trong biểu diễn và luyện tập của ca sĩ với các nhạc cụ, dàn nhạc do AI tạo ra với phần hòa âm, phối khí hoàn hảo. AI không chỉ là một chiếc máy vô hồn mà nó biết lắng nghe. Briot & cộng sự (2020) cho biết các hệ thống này có khả năng phân tích tín hiệu âm thanh từ giọng hát để điều chỉnh tốc độ (tempo), sắc thái và cường độ của phần đệm ngay lập tức, giúp nghệ sĩ có sự tự do tối đa trong xử lý tác phẩm.

3.2.1. Phục dựng và mô phỏng giọng hát (Voice Cloning)

Công nghệ AI còn giúp hồi sinh giọng hát của những huyền thoại đã khuất hoặc tạo ra những bản song ca xuyên thời đại. Mặc dù mang lại giá trị cảm xúc lớn cho người hâm mộ, nhưng điều này cũng tạo lên những tranh luận về đạo đức và bản quyền nghệ thuật.

3.2.2. Cách mạng trong phân tích và giáo dục kỹ thuật thanh nhạc

AI đóng vai trò như một “giảng viên trợ giảng” giúp sinh viên quan sát những gì tai thường khó nhận ra về cao độ, tiết tấu, âm lượng, độ rung. Theo Nguyễn Trung Kiên (2004: 62), các công cụ phân tích âm thanh hiện đại cho phép định lượng hóa độ rung (vibrato), độ vang và sự ổn định của vị trí âm thanh, hỗ trợ sinh viên nhận diện lỗi kỹ thuật nhanh chóng dưới sự giám sát thẩm mỹ của giảng viên.

3.3. Những thách thức về giá trị nhân văn và bản sắc nghệ thuật

Khi AI can thiệp quá sâu vào việc chỉnh sửa cao độ và nhịp điệu, biểu diễn thanh nhạc có nguy cơ trở nên vô hồn, thiếu sự biểu cảm từ bên trong của người ca sĩ. Müller (2015: 210) cảnh báo rằng sự can thiệp quá mức của công nghệ sẽ làm mất đi những sai số mang tính con người - vốn là yếu tố tạo nên sự truyền cảm và “hơi thở” đặc trưng của nghệ thuật thanh nhạc. Tuy nhiên có thể khẳng định *vai trò không thể thay thế của nghệ sĩ con người*. Dù AI có thể mô phỏng giọng hát hoàn hảo đến đâu, nó vẫn thiếu đi sự trải nghiệm sống, tình cảm và nội tâm của con người nghệ sĩ. Nghệ thuật thanh nhạc chân chính không chỉ là âm thanh mà là sự kết nối tâm hồn giữa người hát và người nghe.

3.4. Thưởng thức nghệ thuật – Thanh nhạc trong thời đại mới

Ngày nay người dân thưởng thức âm nhạc đã có những chuyển biến rõ rệt: chuyển từ nghe đĩa vật lý sang các nền tảng streaming (Spotify, YouTube, Apple Music); từ việc nghe nhạc tại gia đến việc săn đón các đêm nhạc Live Concert, Music Festival để trải nghiệm âm thanh thực thụ. Khán giả ngày càng khắt khe hơn về chất lượng âm thanh và kỹ thuật thanh nhạc của nghệ sĩ, đồng thời coi trọng cảm xúc cá nhân hơn là trào lưu. Người nghe không còn thụ động mà tham gia bình luận, cover lại bài hát và chia sẻ gu âm nhạc lên mạng xã hội.

3.5. Đề xuất các giải pháp

Để nghệ thuật thanh nhạc Việt Nam phát triển bền vững trong kỷ nguyên AI nhằm tăng cơ hội thưởng thức nghệ thuật - âm nhạc - thanh nhạc cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- *Trong biểu diễn*: Cần lấy trải nghiệm thưởng thức của khán giả làm trọng tâm, sử dụng AI để chèn bè, phối khí điện tử nhằm tăng tính hấp dẫn nhưng phải giữ được cảm xúc thực của người nghệ sĩ.

- *Về phía công chúng*: Định hướng thẩm mỹ giúp khán giả trân trọng những giá trị live music trong sự đối sánh với các sản phẩm do AI tạo ra.

- *Trong đào tạo*: Tích hợp các môn học về công nghệ âm nhạc và AI vào chương trình giảng dạy thanh nhạc tại các cơ sở đào tạo.

4. Kết luận

Âm nhạc và thanh nhạc không đơn thuần là giải trí, mà là một phần di sản văn hóa và là công cụ để con người hiểu về chính mình hơn. Một cuộc sống thiếu vắng âm nhạc sẽ trở nên khô khan và thiếu sức sống. Điểm khác biệt lớn nhất giữa AI và con người chính là “*hơi thở*” nghệ thuật và *sai số biểu cảm*. Müller (2015) đã chỉ ra trong khi AI hướng tới sự hoàn hảo cơ giới, nghệ thuật thanh nhạc chân chính lại nằm ở sự kết nối tâm hồn và trải nghiệm nội tâm mà máy móc không thể mô phỏng. Việc chú trọng vào vai trò thưởng thức và tận dụng thành công các công nghệ AI như phối bè, đệm nhạc điện tử chính là chìa khóa để hiện đại hóa thanh nhạc Việt Nam. AI không phải là dấu chấm hết cho nghệ thuật thanh nhạc mà là một khởi đầu mới đầy tiềm năng. Tuy nhiên, công nghệ chỉ thực sự có giá trị khi nó phục vụ mục đích tôn vinh vẻ đẹp chân chính của nghệ thuật, vẻ đẹp con người và cảm xúc nhân văn. Việc thích ứng một cách tinh tế và sáng tạo khi sử dụng AI là một công cụ chính là chìa khóa để nghệ sĩ thanh nhạc khẳng định vị thế của mình trong trái tim khán giả giữa kỷ nguyên số khi thưởng thức nghệ thuật- âm nhạc- thanh nhạc.

Tài liệu tham khảo

- Hồ Mộ La (2008) *Phương pháp dạy thanh nhạc* - Hà Nội: Nhà xuất bản Âm nhạc - Việt Nam.
- Briot, J-P. Hadjeres, G., & Pachet, F.-D (2020). *Deep Learning Techniques for Music Generation*. Springer.
- Pachet, F. (2003). The Continuator: Musical Interaction with Style. *Journal of New Music Research*, 32(3), 333-341.
- Nguyễn Trung Kiên (2004). *Phương pháp sư phạm thanh nhạc*. Nxb Âm nhạc.
- Müller, M. (2015). *Fundamentals of Music Processing: Audio, Analysis, Algorithms, Applications*. Springer.

BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT TRONG SÁNG TÁC VÀ BIỂU DIỄN ĐƯƠNG ĐẠI THỜI ĐẠI KỶ NGUYÊN AI

Đặng Xuân Trường

Học viện Âm nhạc Huế

Email: <mailto:dangxuantruonghva@gmail.com>

Tóm tắt

Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (AI), âm nhạc đang đứng trước những biến đổi sâu sắc về phương thức sáng tác, biểu diễn và truyền bá. Đối với âm nhạc Việt Nam, sự phát triển của AI vừa mở ra nhiều cơ hội đổi mới, vừa đặt ra những thách thức lớn trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Bài viết tập trung làm rõ khái niệm bản sắc âm nhạc Việt trong bối cảnh đương đại, phân tích tác động của AI đối với hoạt động sáng tác và biểu diễn âm nhạc, đồng thời chỉ ra những cơ hội và thách thức trong quá trình ứng dụng công nghệ. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng phát triển nhằm bảo đảm vai trò trung tâm của con người trong sáng tạo nghệ thuật, định hướng AI như một công cụ hỗ trợ hiệu quả, qua đó góp phần gìn giữ, phát triển và lan tỏa bản sắc âm nhạc Việt Nam trong thời đại số.

Từ khoá: Bản sắc âm nhạc Việt, trí tuệ nhân tạo AI, sáng tác âm nhạc, biểu diễn âm nhạc, âm nhạc đương đại, công nghệ số.

Vietnamese musical identity in contemporary composition and performance in the AI era

Abstract

In the era of artificial intelligence (AI), music is facing profound changes in its methods of creation, performance, and dissemination. For Vietnamese music, the development of AI opens up many opportunities for innovation while posing significant challenges in preserving and promoting national cultural identity. This article focuses on clarifying the concept of Vietnamese musical identity in the contemporary context, analyzing the impact of AI on musical creation and performance, and identifying the opportunities and challenges in the application of the technology. Based on this, the article proposes several development directions to ensure the central role of humans in artistic creation, orienting AI as an effective supporting tool, thereby contributing to the preservation, development, and dissemination of Vietnamese musical identity in the digital age.

Keywords: Vietnamese musical identity, artificial intelligence AI, music composition, music performance, contemporary music, digital technology.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự trỗi dậy mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo AI, âm nhạc toàn cầu đang trải qua biến đổi sâu sắc. Từ phương thức sáng tác, sản xuất, phân phối cho đến trình diễn, AI mở ra nhiều phương thức mới, đồng thời đặt ra thách thức việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa. Đối với Việt Nam, vấn đề gìn giữ bản sắc âm nhạc dân tộc trong sáng tác và biểu diễn càng trở nên quan trọng hơn khi sự hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ.

Tham luận này tập trung phân tích vai trò của bản sắc âm nhạc Việt, những cơ hội, thách thức khi ứng dụng AI, đồng thời đề xuất một số định hướng trong sáng tác và biểu diễn nhằm phát triển âm nhạc Việt Nam trong thời đại số. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của công nghệ trí tuệ nhân tạo AI, nghệ thuật âm nhạc đang trải qua những biến đổi sâu rộng, từ tư duy sáng tác, phương thức biểu diễn cho đến hoạt động giáo dục và tiếp nhận. Với Việt Nam, nơi âm nhạc truyền thống được hình thành từ lịch sử lâu đời, gắn với bản sắc văn hóa của 54 dân tộc, sự xuất hiện của AI không chỉ mở ra những triển vọng mới mà còn đặt ra câu hỏi: làm thế nào để bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong dòng chảy sáng tạo hiện đại?

Âm nhạc Việt Nam được kiến tạo bởi hệ thống thang âm, điệu thức, kỹ thuật biểu diễn và tinh thần thẩm mỹ đặc thù; nay bước vào một kỷ nguyên mà các mô hình AI có khả năng sáng tác, phối khí, mô phỏng giọng hát, tương tác sân khấu và phân tích chuyên sâu. Điều này tạo nên sự dịch chuyển mạnh mẽ trong cách nghệ sĩ lao động sáng tạo cũng như cách khán giả tiếp nhận âm nhạc.

Trước những biến đổi, việc nhận diện đúng bản chất, cơ hội và thách thức của AI đối với bản sắc âm nhạc Việt Nam trở thành vấn đề mang ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Tham luận này nhằm phân tích bối cảnh, đánh giá tác động của AI trong sáng tác, biểu diễn, giáo dục âm nhạc, đồng thời đề xuất định hướng nhằm giúp bản sắc âm nhạc Việt không chỉ được bảo tồn mà còn phát triển mạnh mẽ, lan tỏa hơn trong thời đại số. Trong hành trình ấy, con người với tri thức văn hóa, cảm xúc và trải nghiệm thẩm mỹ, vẫn giữ vai trò trung tâm, để công nghệ trở thành công cụ đồng hành chứ không thay thế những giá trị cốt lõi làm nên linh hồn của âm nhạc Việt.

2. Khái niệm bản sắc âm nhạc Việt trong bối cảnh đương đại

Bản sắc âm nhạc Việt trong bối cảnh đương đại có thể được hiểu như tổng hòa của những đặc trưng âm nhạc hình thành từ kho tàng dân ca, dân nhạc của 54 dân tộc, từ âm nhạc cung đình, âm nhạc tôn giáo, tín ngưỡng, cũng như từ kinh nghiệm thẩm mỹ được tích lũy qua nhiều thế hệ. Bản sắc ấy được thể hiện qua hệ thống thang âm, điệu thức đặc trưng như ngũ cung, hơi Bắc - Trung - Nam; qua các kỹ thuật diễn tấu và hình thức hát nói, ngâm, hò giàu tính ngẫu hứng; qua tính biểu cảm mềm mại, trữ tình mà phóng khoáng và qua hệ thống nhạc cụ truyền thống với cấu trúc âm học độc đáo. Trong bối cảnh đương đại, khi quá trình toàn cầu hóa và công nghệ số phát triển mạnh mẽ, bản sắc âm nhạc Việt không chỉ được nhìn nhận như một “di sản” cần bảo tồn mà còn như một nguồn dữ liệu văn hóa sống động, có thể được khai mở, tái cấu trúc và sáng tạo trên nhiều nền tảng mới. Chính sự chuyển dịch này mở ra khả năng tái hiện bản sắc âm nhạc Việt theo những phương thức phong phú hơn, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp cận bản sắc bằng tư duy linh hoạt, mở rộng để thích ứng với sự phát triển của thời đại.

3. Ảnh hưởng của Kỷ nguyên AI đến sáng tác và biểu diễn âm nhạc

3.1. AI trong sáng tác âm nhạc

AI trong sáng tác âm nhạc hiện không chỉ dừng lại ở vai trò một công cụ công nghệ thuần túy, mà đang trở thành nhân tố có khả năng tái cấu trúc toàn bộ quy trình sáng tạo nghệ thuật. Với các thuật toán học sâu và mô hình tạo sinh, AI có thể phân tích

phong cách của nhạc sĩ thông qua việc nhận diện đặc điểm giai điệu, nhịp điệu, vòng hòa âm, cấu trúc mô-típ và cách xử lý âm sắc, từ đó tạo ra các giai điệu mới theo mô hình thống kê của dữ liệu đầu vào. Bên cạnh đó, khả năng tổng hợp âm thanh và mô phỏng đa dạng nhạc cụ giúp AI tham gia vào quá trình phối khí, phối âm với tốc độ nhanh hơn rất nhiều so với phương pháp truyền thống. Một số hệ thống còn có thể đề xuất phác thảo cấu trúc tác phẩm, gợi ý phần chuyển đoạn, cao trào, hay kết thúc dựa trên phân tích hàng nghìn tác phẩm có sẵn. Ở giai đoạn hậu kỳ, AI hỗ trợ xử lý audio chuyên sâu như tối ưu tần số, loại bỏ nhiễu, kiểm soát cao độ, tạo hiệu ứng không gian và thậm chí mô phỏng giọng hát với độ chân thực cao nhờ các mô hình sao chép giọng nói và tổng hợp âm thanh.

Tuy nhiên, bản chất hoạt động của AI vẫn dựa trên đặc trưng thống kê và nội suy dữ liệu, chứ không dựa trên trải nghiệm thẩm mỹ hay tư duy tình cảm mang tính cá nhân. AI có thể tái tạo phong cách nhưng chưa thể tạo ra bối cảnh; có thể sinh âm thanh nhưng chưa hiểu ý nghĩa văn hóa của âm thanh đó trong đời sống cộng đồng. Những yếu tố như nỗi nhớ trong điệu Nam, Ai, chất tự sự trong Quan họ, hay sự khoáng đạt của điệu Hồ miền Trung, những mô thức biểu cảm mang đậm lịch sử, địa lý, ký ức và tâm lý tập thể, là những chiều cạnh mà AI chưa thể nắm bắt. Chính thiếu hụt về ý hướng biểu đạt, chiều sâu cảm xúc và nhận thức văn hóa khiến âm nhạc do AI tạo ra, dù hoàn chỉnh về mặt kỹ thuật, vẫn thường thiếu tính phong cách trong âm nhạc.

Do đó, việc ứng dụng AI trong sáng tác cần được đặt trong triết lý “con người sáng tạo, AI hỗ trợ”, nhằm bảo đảm vai trò dẫn dắt của nghệ sĩ trong việc định hình phong cách, ý tưởng và bản sắc. Ở mô hình này, AI trở thành một công cụ mở rộng trí tưởng tượng, tạo môi trường thử nghiệm nhanh và đa chiều, hỗ trợ nhạc sĩ tiếp cận những cấu trúc, âm sắc hay kỹ thuật phối âm mới mà trước đây khó hình dung hoặc mất nhiều thời gian để thực hiện. Đồng thời, việc giữ vững vai trò trung tâm của con người cũng là cách ngăn chặn nguy cơ lấn át hoặc làm phai mờ những giá trị truyền thống, đặc biệt là các giá trị mang tính đặc thù dân tộc, trong bối cảnh toàn cầu hóa và công nghệ hóa mạnh mẽ hiện nay. Trong cách tiếp cận này, AI được nhìn nhận như một “đối tác sáng tạo” chứ không phải “chủ thể sáng tạo”, còn bản sắc âm nhạc Việt Nam chỉ có thể tiếp tục tồn tại và phát triển khi được kiến tạo và định hướng bởi chủ thể văn hóa, con người Việt Nam.

3.2. AI trong biểu diễn âm nhạc

AI trong biểu diễn âm nhạc đang tạo ra những thay đổi quan trọng trong cách thức nghệ thuật được trình diễn trên sân khấu. Công nghệ trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ tạo nhạc đệm theo thời gian thực, đồng bộ cùng diễn viên hoặc ca sĩ; điều khiển và phối hợp hệ thống ánh sáng, hình ảnh, chuyển động để tạo ra không gian thị giác có tính tương tác cao, công nghệ này cho phép sân khấu trở thành một môi trường “sống”, nơi cảnh vật có thể thay đổi theo trường độ, cường độ âm nhạc hoặc nội dung biểu đạt của biểu diễn. Ví dụ, AI có thể tạo ra *nhiều lớp cảnh diễn khác nhau* như đô thị, thiên nhiên, không gian trừu tượng, tương ứng với các đoạn nhạc, tạo cảm giác thị giác mới lạ và tăng tính kể chuyện của tiết mục, AI còn hỗ trợ *tự động hòa âm và phối thanh* trong thời

gian thực, từ đó bổ sung lớp âm nhạc phong phú, đa dạng và linh hoạt cho biểu diễn. Một nghệ sĩ violin trên sân khấu có thể được AI tạo thêm các lớp đệm dây (string pads), bộ gõ điện tử hoặc nền âm thanh điện ảnh mà không cần dàn nhạc phía sau. Trong một số mô hình sân khấu tương tác, chuyển động của nghệ sĩ hoặc khán giả được cảm biến và truyền vào hệ thống AI để sinh âm thanh mới, tạo thành trải nghiệm đa phương thức. Bên cạnh đó, AI còn cho phép xây dựng mô hình “biểu diễn ảo” và nghệ sĩ số (virtual performer), mở ra một hình thức trình diễn mới, vượt qua giới hạn vật lý của cơ thể và không gian sân khấu truyền thống.

Tuy nhiên, sự xuất hiện của những công nghệ này cũng dẫn đến nhiều vấn đề cần suy ngẫm: nghệ sĩ là ai trong bối cảnh người thật có thể được thay thế hoặc mô phỏng? Bản sắc văn hóa được thể hiện như thế nào khi sân khấu có thể vận hành trên những yếu tố được lập trình? Tính người, yếu tố cốt lõi làm nên giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật, sẽ nằm ở đâu khi ranh giới giữa sáng tạo con người và sản phẩm công nghệ ngày càng mờ nhạt? Những câu hỏi này đặt ra yêu cầu cần tiếp cận AI một cách tỉnh táo, đảm bảo công nghệ trở thành công cụ hỗ trợ thay vì thay thế nghệ thuật sống.

3.3. Cơ hội để bản sắc âm nhạc Việt được lan tỏa trong thời đại AI

Cơ hội để bản sắc âm nhạc Việt được lan tỏa trong thời đại AI trở nên rộng mở hơn bao giờ hết, khi công nghệ số mang lại những phương thức tiếp cận, lưu trữ và sáng tạo hoàn toàn mới. Trước hết, việc số hóa kho tàng âm nhạc truyền thống cho phép các hệ thống AI lưu trữ và phân tích hàng nghìn giờ dân ca, dân nhạc của dân tộc Việt Nam. Nhờ khả năng nhận diện mẫu thức, cấu trúc và kỹ thuật biểu diễn tinh vi, AI hỗ trợ các nhà nghiên cứu hiểu sâu hơn về ngôn ngữ âm nhạc truyền thống, đồng thời tạo nền tảng cho việc bảo tồn di sản trong dạng thức hiện đại. Bên cạnh đó, AI mở ra không gian sáng tác mới, nơi nhạc sĩ có thể thử nghiệm hòa âm giữa chất liệu dân tộc và âm nhạc đương đại, kết hợp nhạc cụ truyền thống với âm thanh điện tử để tạo nên những tác phẩm mang bản sắc nhưng không kém phần thời đại. Công nghệ cũng tạo điều kiện để lan tỏa bản sắc Việt ra thế giới, khi các nền tảng AI và mạng xã hội toàn cầu giúp âm nhạc mang âm hưởng Việt, như ngũ cung, âm sắc đàn tranh, đàn bầu, dễ dàng tiếp cận khán giả quốc tế, tạo nên xu hướng kết hợp độc đáo trong EDM, lo-fi hay world music. Ngoài ra, trong lĩnh vực giáo dục, AI góp phần cá nhân hóa quá trình đào tạo âm nhạc thông qua các công cụ phân tích giọng hát, thang âm, độ vang, vibrato,...giúp việc luyện tập thanh nhạc và nhạc cụ truyền thống trở nên trực quan, hiệu quả và phù hợp với từng người học. Tất cả những cơ hội này góp phần đưa bản sắc âm nhạc Việt không chỉ được bảo tồn mà còn sống động, đổi mới và lan tỏa trong kỷ nguyên số.

3.4. Thách thức đối với việc bảo tồn bản sắc âm nhạc Việt

Thách thức đối với việc bảo tồn bản sắc âm nhạc Việt trong thời đại AI đặt ra nhiều vấn đề phức tạp, đòi hỏi sự nhận thức sâu sắc và định hướng chiến lược trong ứng xử với công nghệ. Trước hết, sự phổ biến của các thuật toán học máy dựa trên kho dữ liệu toàn cầu khiến nguy cơ đồng nhất hóa thẩm mỹ âm nhạc trở nên hiện hữu, khi phong cách sáng tác dễ bị “Tây hóa” hoặc chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng quốc tế, làm mờ nhạt tính độc đáo của ngôn ngữ âm nhạc Việt. Đồng thời, việc ứng dụng công

nghệ rộng rãi trong sáng tác và biểu diễn có thể dẫn đến sự suy giảm vai trò của nghệ nhân và nghệ sĩ truyền thống; nếu thiếu chính sách bảo tồn và tôn vinh, những tri thức bản địa quý giá rất dễ bị thay thế, bị đơn giản hóa hoặc bị tái tạo sai lệch bởi các mô hình AI. Một thách thức lớn khác là vấn đề bản quyền và sở hữu trí tuệ, khi AI có khả năng tạo ra những tác phẩm mang dáng dấp của dân ca, dân nhạc hoặc mô phỏng phong cách sáng tác của một nhạc sĩ cụ thể, dẫn đến những tranh cãi về tính nguyên gốc và quyền sở hữu tác phẩm. Cuối cùng, sự phát triển của nghệ sĩ ảo và biểu diễn số hóa đặt ra nguy cơ biểu diễn ảo lấn át biểu diễn thật, khiến bản sắc văn hóa chỉ còn tồn tại như một lớp mô phỏng bề mặt, thiếu chiều sâu tinh thần và không phản ánh đúng tinh khí của nghệ thuật truyền thống. Những thách thức này đòi hỏi cách tiếp cận AI có trách nhiệm, đảm bảo công nghệ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ thay vì làm biến đổi hoặc che mờ những giá trị cốt lõi của bản sắc âm nhạc Việt.

3.5. Định hướng phát triển bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI

Định hướng phát triển bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI cần được triển khai trên nhiều phương diện nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa bảo tồn, sáng tạo và ứng dụng công nghệ. Trong lĩnh vực sáng tác, việc khuyến khích nhạc sĩ khai thác chất liệu dân ca, ngũ cung và ngôn ngữ âm nhạc truyền thống là cơ sở để hình thành phong cách cá nhân mang dấu ấn Việt. Cùng với đó, cần xây dựng các cơ sở dữ liệu mở về nhạc cụ, làn điệu và kỹ thuật trình diễn truyền thống nhằm định hướng cho AI học đúng đặc trưng bản sắc, tránh tái tạo sai lệch. Việc phát triển dòng nhạc World Music Việt cũng là một chiến lược quan trọng, giúp kết nối âm nhạc dân tộc với công nghệ mới và xu hướng quốc tế mà vẫn bảo toàn cốt lõi văn hóa.

Trong lĩnh vực biểu diễn, cần thúc đẩy các chương trình kết hợp giữa nhạc cụ truyền thống và công nghệ số, từ đó tạo ra những không gian âm nhạc đa tầng, giàu tương tác. Các sân khấu ứng dụng AI nên được thiết kế theo hướng giữ nghệ sĩ làm trung tâm, đảm bảo yếu tố con người không bị che lấp bởi kỹ thuật số. Đồng thời, đào tạo nghệ sĩ có năng lực làm việc với công nghệ, từ điều khiển hệ thống tương tác đến khai thác nhạc cụ số là yêu cầu tất yếu trong giai đoạn mới.

Đối với giáo dục, đào tạo, việc tích hợp học phần “Âm nhạc và AI” vào chương trình của các cơ sở nghệ thuật sẽ giúp sinh viên nắm bắt tư duy công nghệ và cách ứng dụng hiệu quả trong sáng tác, biểu diễn và nghiên cứu. Các công cụ AI hỗ trợ phân tích giọng hát, nhịp điệu, trường độ... cũng cần được triển khai rộng rãi để nâng cao chất lượng luyện tập. Bên cạnh đó, hệ thống học liệu số hóa về di sản âm nhạc dân tộc sẽ tạo điều kiện để thế hệ trẻ tiếp cận dễ dàng, góp phần nuôi dưỡng ý thức bảo tồn và sáng tạo.

Trong lĩnh vực chính sách – quản lý, cần hoàn thiện hành lang pháp lý cho bản quyền tác phẩm do AI tạo ra, nhằm bảo đảm quyền lợi của nghệ sĩ và ngăn chặn việc sao chép trái phép. Nhà nước cũng cần có cơ chế hỗ trợ nghệ nhân, nghệ sĩ truyền thống trong công tác số hóa và truyền dạy, đồng thời đầu tư các dự án nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo và âm nhạc Việt Nam. Những định hướng này góp phần xây dựng nền âm nhạc vừa hiện đại, vừa đậm đà bản sắc, phù hợp với sự phát triển của thời đại AI.

4. Kết luận

Trong bối cảnh kỷ nguyên AI đang định hình lại mọi lĩnh vực sáng tạo, âm nhạc Việt Nam đứng trước cả cơ hội lẫn thách thức. Công nghệ mang đến khả năng số hóa di sản, mở rộng không gian sáng tác, đổi mới hình thức biểu diễn và nâng cao chất lượng giáo dục âm nhạc. Tuy nhiên, AI cũng làm gia tăng nguy cơ đồng nhất hóa thẩm mỹ, làm mờ ranh giới bản quyền, giảm vai trò của nghệ nhân truyền thống và tạo ra những mô phỏng văn hóa thiếu chiều sâu.

Do đó, xây dựng và phát triển bản sắc âm nhạc Việt trong thời đại AI phải được đặt trên nền tảng “con người làm chủ, công nghệ hỗ trợ”. Điều quan trọng là chủ động định hướng AI học đúng các giá trị văn hóa bản địa, khuyến khích nghệ sĩ sáng tạo dựa trên chất liệu dân tộc, đồng thời đầu tư cho giáo dục, nghiên cứu và chính sách bảo tồn.

Khi công nghệ và bản sắc được kết nối hài hòa, âm nhạc Việt có thể không chỉ được bảo tồn bền vững mà còn lan tỏa mạnh mẽ hơn trên bản đồ âm nhạc thế giới, như một minh chứng rằng trong mọi thời đại, giá trị tinh thần của con người vẫn luôn là hạt nhân của sáng tạo nghệ thuật.

Tài liệu tham khảo

- Trần Văn Khê (1993). *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội.
- Bửu Ý (2002). *Văn hóa Huế và mối quan hệ giao lưu văn hóa Đông – Tây*. Nxb Thuận Hóa.
- Lê Hồng Thái (2018). *Bản sắc văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- UNESCO (2022). *Culture and Artificial Intelligence: Impacts and Emerging Challenges*. UNESCO Publishing.
- Hosken, D. (2014). *An Introduction to Music Technology*. Routledge.
- Thwaites, T. (2020). *Music, Technology and Creativity in the Digital Age*. Bloomsbury Academic.

AI VÀ NGUY CƠ ĐỒNG HÓA THẨM MỸ TRONG SÁNG TÁC NHẠC VIỆT ĐƯƠNG ĐẠI

Nông Văn Hiểu

Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Văn Hiến

Email: hieunv@vhu.edu.vn

Tóm tắt

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong sáng tác và sản xuất âm nhạc, vấn đề bảo tồn bản sắc âm nhạc dân tộc trở thành một thách thức mang tính thời sự. Từ góc nhìn của nhạc sĩ, nhà sản xuất âm nhạc, bài tham luận phân tích nguy cơ đồng hóa thẩm mỹ trong âm nhạc Việt Nam đương đại, xuất phát từ đặc điểm dữ liệu huấn luyện AI mang tính toàn cầu. Trên cơ sở đó, bài viết làm rõ vai trò chủ thể sáng tạo của người nhạc sĩ, nhà sản xuất trong việc định hướng thẩm mỹ, làm chủ công nghệ và bảo vệ bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, bản sắc âm nhạc Việt Nam, sáng tác âm nhạc, đồng hóa thẩm mỹ, dữ liệu âm nhạc.

Artificial Intelligence and the Risk of Aesthetic Homogenization in Contemporary Vietnamese Music

Abstract

In the context of the increasing application of artificial intelligence (AI) in music composition and production, the preservation of national musical identity has become a critical issue. From the perspective of a composer and music producer, this paper analyzes the risk of aesthetic homogenization in contemporary Vietnamese music, arising from the globalized nature of AI training data, which is largely dominated by Western and international popular music, while Vietnamese musical data remains limited. The paper emphasizes the central role of composers and producers as creative subjects who must consciously direct aesthetic choices, master technology, and safeguard Vietnamese musical identity in the AI era.

Keywords: Artificial intelligence, Vietnamese musical identity, music composition, aesthetic homogenization, musical data.

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành một công cụ quen thuộc trong hoạt động sáng tác và sản xuất âm nhạc đương đại. Từ góc nhìn của một nhạc sĩ, nhà sản xuất âm nhạc, có thể nhận thấy AI không chỉ hỗ trợ về mặt kỹ thuật mà còn tác động trực tiếp đến tư duy sáng tạo và lựa chọn thẩm mỹ. Trong bối cảnh hội nhập và công nghiệp văn hóa, việc ứng dụng AI đặt ra nguy cơ đồng hóa thẩm mỹ, khi các sản phẩm âm nhạc ngày càng tiệm cận những mô hình toàn cầu, làm mờ nhạt dấu ấn văn hóa bản địa.

Vấn đề cốt lõi của hiện tượng này nằm ở đặc điểm dữ liệu mà AI được huấn luyện. Các hệ thống AI hiện nay chủ yếu học từ kho dữ liệu âm nhạc mang tính toàn cầu, trong đó âm nhạc phương Tây và nhạc đại chúng quốc tế chiếm ưu thế, trong khi dữ liệu âm nhạc Việt Nam còn hạn chế. Tham luận này tập trung phân tích nguy cơ đồng hóa thẩm mỹ xuất phát từ chính nền tảng dữ liệu của AI, đồng thời nhấn mạnh vai

trò chủ thể sáng tạo và trách nhiệm văn hóa của người nhạc sĩ, nhà sản xuất trong kỷ nguyên công nghệ.

2. Bản sắc âm nhạc Việt và AI

Bản sắc âm nhạc Việt Nam được hình thành từ hệ thống thang âm, điệu thức đặc thù, lối phát triển giai điệu gắn với ngôn ngữ tiếng Việt, tiết tấu linh hoạt và âm sắc gắn liền với nhạc cụ dân tộc cũng như môi trường diễn xướng truyền thống. Những yếu tố này tạo nên tính nhận diện của âm nhạc Việt Nam trong không gian văn hóa khu vực và thế giới.

Trong khi đó, AI trong âm nhạc hoạt động dựa trên các mô hình học máy được huấn luyện từ các tập dữ liệu lớn. Do dữ liệu mang tính toàn cầu hóa cao, AI có xu hướng tái tạo và đề xuất những chuẩn mực thẩm mỹ phổ biến của thị trường quốc tế. Sự chênh lệch giữa dữ liệu toàn cầu và dữ liệu âm nhạc Việt Nam khiến AI khó có khả năng phản ánh đầy đủ bản sắc âm nhạc dân tộc nếu không có sự định hướng từ con người.

3. Nguy cơ đồng hóa thẩm mỹ trong sáng tác và sản xuất âm nhạc Việt Nam đương đại

Trong thực tiễn sáng tác và sản xuất, AI thường được sử dụng để gợi ý giai điệu, xây dựng hòa âm, cấu trúc ca khúc và chuẩn hóa âm thanh. Điều này giúp rút ngắn thời gian lao động nghệ thuật, nhưng đồng thời cũng dẫn đến việc lặp lại các mô hình âm nhạc quen thuộc đã được chứng minh là hiệu quả về mặt thị trường.

Nguy cơ đồng hóa thẩm mỹ xuất hiện khi người sáng tác phụ thuộc quá nhiều vào các gợi ý do AI tạo ra mà thiếu định hướng bản sắc rõ ràng. Các yếu tố đặc trưng của âm nhạc Việt như thang âm ngũ cung, xử lý giai điệu mang tính ngôn ngữ, tiết tấu dân gian và âm sắc truyền thống dễ bị thay thế bởi những mô hình chung, phù hợp với thị hiếu toàn cầu nhưng mờ nhạt dấu ấn dân tộc.

Về lâu dài, hiện tượng này không chỉ làm suy giảm khả năng nhận diện bản sắc âm nhạc Việt Nam trong các sản phẩm đương đại, mà còn ảnh hưởng đến quá trình kế thừa và phát triển các giá trị âm nhạc truyền thống.

4. Vai trò của nhạc sĩ, nhà sản xuất trong việc định hướng bản sắc âm nhạc

Trong kỷ nguyên AI, vai trò của nhạc sĩ, nhà sản xuất âm nhạc không chỉ giới hạn ở hoạt động sáng tác hay hoàn thiện sản phẩm âm nhạc, mà còn mở rộng sang vai trò định hướng thẩm mỹ và chuyển hóa chất liệu văn hóa trong môi trường công nghệ. Với tư cách là giảng viên giảng dạy Piano ứng dụng, đồng thời là người trực tiếp phụ trách công tác phối khí cho nhiều chương trình âm nhạc, tác giả nhận thấy rõ khoảng cách giữa tiện ích công nghệ và yêu cầu gìn giữ bản sắc trong thực tiễn lao động nghệ thuật.

Trong giảng dạy Piano ứng dụng, sinh viên thường tiếp cận AI và các công cụ hỗ trợ sáng tác như một giải pháp nhanh để hình thành hòa âm, tiết tấu và màu sắc âm thanh. Nếu không có sự định hướng kịp thời, các sản phẩm thực hành dễ mang đặc điểm chung của âm nhạc đại chúng toàn cầu, thiếu dấu ấn văn hóa bản địa. Vì vậy, vai trò của giảng viên, nhạc sĩ không chỉ là hướng dẫn kỹ thuật sử dụng công cụ, mà quan trọng

hơn là giúp người học ý thức được nền tảng thẩm mỹ và nguồn gốc văn hóa của chất liệu âm nhạc mà họ lựa chọn.

Trong thực tiễn phối khí và vai trò giám đốc âm nhạc các chương trình, việc khai thác các chất liệu như âm nhạc vùng, miền như Tây Bắc, Tây Nguyên, Miền Trung...cho thấy AI chỉ có thể hỗ trợ ở mức xử lý kỹ thuật, trong khi những yếu tố mang tính bản sắc, như tiết tấu, cách tổ chức lớp âm thanh, âm sắc nhạc cụ dân tộc và tinh thần không gian văn hóa, đòi hỏi sự can thiệp trực tiếp của con người. Các mô hình AI hiện nay hầu như không có khả năng tự nhận diện và tái tạo những đặc trưng này nếu không có sự chủ động định hướng từ nhạc sĩ, nhà sản xuất.

Từ góc độ thực hành nghề nghiệp, có thể khẳng định rằng việc sử dụng AI trong phối khí chỉ thực sự hiệu quả khi người làm nghề xác lập rõ bản sắc cho tác phẩm ngay từ đầu. AI có thể giúp mở rộng khả năng thử nghiệm hòa âm, phối âm và cấu trúc, nhưng quyết định cuối cùng về màu sắc, phong cách và chiều sâu văn hóa phải thuộc về nhạc sĩ, người phối khí. Chính chủ thể sáng tạo là người chịu trách nhiệm lựa chọn những gì cần giữ lại, những gì cần biến đổi và mức độ tiếp biến với các chuẩn mực thẩm mỹ toàn cầu.

Do đó, trong bối cảnh đào tạo và thực hành âm nhạc hiện nay, nhạc sĩ, nhà sản xuất đồng thời giữ vai trò người sáng tạo, người hướng dẫn và người bảo vệ bản sắc. Việc kết hợp tri thức âm nhạc truyền thống, kinh nghiệm thực tiễn phối khí và khả năng làm chủ công nghệ AI là điều kiện then chốt để các sản phẩm âm nhạc Việt Nam vừa đáp ứng yêu cầu của đời sống đương đại, vừa duy trì được chiều sâu văn hóa và bản sắc dân tộc.

Bên cạnh đó, trong hoạt động giảng dạy Piano ứng dụng, việc hướng dẫn sinh viên phát triển chủ đề âm nhạc từ các làn điệu dân ca Việt Nam được xem là một phương pháp quan trọng nhằm kết nối truyền thống với sáng tác hiện đại. Thông qua việc phân tích cấu trúc giai điệu, tiết tấu và đặc điểm âm sắc của các làn điệu dân ca ở nhiều vùng miền khác nhau, sinh viên được khuyến khích trích xuất các mô-típ đặc trưng để phát triển thành chủ đề âm nhạc mới trong hòa âm, phối khí và sáng tác.

Thực tiễn cho thấy, khi sinh viên chủ động làm việc với chất liệu dân ca, AI có thể được sử dụng như công cụ hỗ trợ thử nghiệm biến tấu giai điệu, mở rộng hòa thanh hoặc tổ chức hình thức, nhưng không thay thế quá trình tư duy sáng tạo dựa trên hiểu biết văn hóa cá nhân. Cách tiếp cận này giúp người học nhận thức rõ ranh giới giữa hỗ trợ công nghệ và sáng tạo mang bản sắc, đồng thời hình thành năng lực sáng tác và phối khí vừa hiện đại, vừa gắn bó với âm nhạc truyền thống Việt Nam.

5. Kết luận

AI là xu thế tất yếu của sáng tác và sản xuất âm nhạc đương đại, nhưng nguy cơ đồng hóa thẩm mỹ đặt ra thách thức nghiêm trọng đối với việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam. Căn nguyên của vấn đề không nằm ở bản thân công nghệ, mà ở đặc điểm dữ liệu huấn luyện mang tính toàn cầu và cách con người sử dụng AI trong thực tiễn sáng tác.

Chỉ khi người nhạc sĩ, nhà sản xuất giữ vững vai trò chủ thể sáng tạo, làm chủ công nghệ và ý thức sâu sắc về trách nhiệm văn hóa, âm nhạc Việt Nam mới có thể phát triển hài hòa giữa hội nhập và bản sắc trong kỷ nguyên AI.

Tài liệu tham khảo

Adorno, T. W. (2002). *Essays on Music*. University of California Press.

Lê Thị Thanh Hương (2018). *Đào tạo thanh nhạc trong bối cảnh hội nhập*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.

Trần Văn Khê (2003). Âm sắc và bản sắc trong âm nhạc truyền thống Việt Nam. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 5, 12–18.

Turino, T. (2008). *Music as Social Life: The Politics of Participation*. University of Chicago Press.

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT NAM (Góc nhìn văn hóa và quản lý nghệ thuật)

Trần Văn Thành

Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Email: thanhvtan@huit.edu.vn

Tóm tắt

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi đáng kể một số phương diện của lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật, trong đó có âm nhạc. Từ hỗ trợ sáng tác, sản xuất, biểu diễn đến phân phối và tiêu dùng, trí tuệ nhân tạo không chỉ là công cụ kỹ thuật mà ngày càng tác động đến thẩm mỹ và thị hiếu trong một số bối cảnh sáng tạo và tiêu dùng âm nhạc. Trong tình hình đó, vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam đặt ra những yêu cầu mới, vượt ra ngoài các phương thức bảo tồn truyền thống thuần túy. Bài viết tiếp cận vấn đề từ góc nhìn văn hóa học và quản lý nghệ thuật, nhằm phân tích các chiều tác động của trí tuệ nhân tạo đối với bản sắc âm nhạc Việt Nam, đồng thời nhận diện những cơ hội và thách thức trong môi trường số hóa. Trên cơ sở phân tích lý luận và đối chiếu với khung bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, bài viết đề xuất một số hàm ý quản lý và giáo dục nhằm tích hợp trí tuệ nhân tạo vào hoạt động sáng tạo âm nhạc một cách có trách nhiệm, qua đó góp phần giữ gìn chiều sâu văn hóa và bảo đảm sự phát triển bền vững của âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo, bản sắc âm nhạc Việt Nam, quản lý nghệ thuật, công nghiệp văn hóa, bảo tồn văn hóa.

Abstract

The rapid development of artificial intelligence (AI) has been reshaping certain aspects of artistic creation, including music, across composition, production, performance, distribution, and consumption. In this context, Vietnamese music encounters both opportunities for wider dissemination and challenges related to cultural identity. AI increasingly influences aesthetic norms and creative practices in specific settings, raising questions not only about technology but also about the cultural values embedded in musical traditions. This paper examines the impact of AI on Vietnamese musical identity from the perspectives of cultural studies and arts management. Using qualitative analysis of key theoretical debates on culture and creativity, alongside reflections grounded in the framework for safeguarding intangible cultural heritage, the study highlights how AI may support digitization, archiving, and educational transmission of musical values, while also posing risks of aesthetic homogenization, weakened authenticity, and blurred responsibility in authorship. The paper proposes a three-tier governance approach, normative, institutional, and capacity-based, to guide the responsible integration of AI into musical practices, aiming to ensure that technological innovation contributes to the cultural depth and sustainable development of Vietnamese music in the AI era.

Keywords: artificial intelligence, Vietnamese musical identity, arts management, cultural industries, cultural preservation.

1. Mở đầu

Trong lịch sử phát triển của nghệ thuật, mỗi bước tiến công nghệ thường gắn liền với những thay đổi trong cách con người sáng tạo, lưu giữ và truyền tải giá trị thẩm mỹ. Âm nhạc, với tư cách là một loại hình nghệ thuật gắn bó chặt chẽ với đời sống xã hội và ký ức cộng đồng, luôn nhạy cảm trước các biến chuyển của môi trường truyền thông. Từ kỹ thuật ghi âm, phát thanh cho đến nền tảng số, công nghệ không chỉ mở rộng khả năng tiếp cận âm nhạc mà còn ảnh hưởng đến cách con người sáng tạo và thưởng thức nghệ thuật (McLuhan, 1994). Sự xuất hiện và phát triển của trí tuệ nhân tạo trong những năm gần đây tiếp tục đẩy quá trình này sang một giai đoạn mới, khi công nghệ có thể can dự ở những mức độ khác nhau vào hoạt động sáng tạo.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, âm nhạc Việt Nam đứng trước những cơ hội và thách thức đan xen. Một mặt, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu trữ, phục hồi và lan tỏa các giá trị âm nhạc truyền thống trên quy mô rộng lớn. Mặt khác, cơ chế vận hành của nền tảng số và thuật toán khuyến nghị có thể ưu tiên những mô thức âm nhạc dễ nhận diện, dễ lặp lại, qua đó làm gia tăng nguy cơ đồng dạng hóa thẩm mỹ và làm mờ chiều sâu bản sắc văn hóa (Hesmondhalgh, 2019). Trong môi trường đó, vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc không thể tiếp tục được tiếp cận theo các phương thức truyền thống thuần túy.

Từ góc nhìn văn hóa học, trong nhiều tiếp cận, bản sắc được hiểu không phải là một tập hợp bất biến các yếu tố kỹ thuật, mà là kết quả của quá trình tích lũy lịch sử, gắn với không gian văn hóa, đời sống xã hội và ký ức cộng đồng. Các nghiên cứu về văn hóa Việt Nam đã chỉ ra rằng bản sắc được hình thành và duy trì thông qua sự tương tác liên tục giữa truyền thống và biến đổi, giữa bảo tồn và sáng tạo (Đào Duy Anh, 2022; Trần Ngọc Thêm, 2023). Do đó, khi trí tuệ nhân tạo tham gia vào quá trình sáng tạo và phân phối âm nhạc, câu hỏi đặt ra không chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà là cách thức công nghệ này tác động đến hệ giá trị văn hóa vốn làm nên bản sắc của âm nhạc Việt Nam.

Trên bình diện quốc tế, nhiều nghiên cứu cho rằng trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi cách hiểu về sáng tạo nghệ thuật, khi ranh giới giữa con người và công nghệ trở nên linh hoạt hơn (Boden, 2016). Với lĩnh vực âm nhạc, AI không chỉ hỗ trợ sáng tác và sản xuất, mà còn ảnh hưởng đến thẩm mỹ, thị hiếu và cách thức tiêu dùng văn hóa. Đồng thời, các thảo luận về đạo đức trí tuệ nhân tạo nhấn mạnh yêu cầu minh bạch và trách nhiệm xã hội khi công nghệ can thiệp vào các lĩnh vực sáng tạo gắn với bản sắc và ký ức cộng đồng (Floridi, 2023). Những tranh luận này cho thấy sự cần thiết của một cách tiếp cận quản lý có trách nhiệm đối với việc ứng dụng AI trong âm nhạc.

Qua những vấn đề trên, bài viết tiếp cận mối quan hệ giữa trí tuệ nhân tạo và bản sắc âm nhạc Việt Nam từ góc nhìn văn hóa và quản lý nghệ thuật. Mục tiêu của bài viết là phân tích đa chiều tác động của AI đối với bản sắc âm nhạc, nhận diện những cơ hội

và thách thức trong thực tiễn Việt Nam, đồng thời đề xuất một số hàm ý quản lý và giáo dục nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa đổi mới công nghệ và gìn giữ giá trị văn hóa.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện theo hướng nghiên cứu định tính, dựa trên cách tiếp cận liên ngành giữa văn hóa học và quản lý nghệ thuật. Phân tích tài liệu được sử dụng nhằm xây dựng cơ sở lý luận về bản sắc, công nghiệp văn hóa và những tranh luận xoay quanh sáng tạo trong bối cảnh công nghệ. Đồng thời, khung bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể được sử dụng để đặt vấn đề bản sắc trong mối quan hệ với cộng đồng, thực hành và bối cảnh xã hội (UNESCO, 2003). Trên cơ sở đó, bài viết tiến hành phân tích, diễn giải các tác động của trí tuệ nhân tạo theo từng khâu trong chuỗi giá trị âm nhạc, từ sáng tác, sản xuất đến phân phối và tiếp nhận.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Cơ sở lý luận về bản sắc âm nhạc trong kỷ nguyên số

Trong nghiên cứu văn hóa đương đại, bản sắc thường được tiếp cận như một quá trình hình thành và tái tạo liên tục. Đối với âm nhạc, bản sắc không chỉ nằm ở những yếu tố hữu hình như nhạc cụ, thang âm hay tiết tấu, mà còn thể hiện qua cấu trúc cảm xúc, cách tổ chức âm thanh và mối quan hệ giữa âm nhạc với không gian văn hóa, xã hội, nơi nó được sinh ra và tiếp nhận (Đào Duy Anh, 2022; Trần Ngọc Thêm, 2023).

Sự phát triển của môi trường số đã làm thay đổi cách tồn tại và lưu thông của tác phẩm âm nhạc. Trong bối cảnh công nghiệp văn hóa, thành công của một sản phẩm ngày càng gắn với khả năng thu hút và giữ chân người nghe trong thời gian ngắn. Nhiều nghiên cứu cho rằng cơ chế này có thể góp phần hình thành các chuẩn mực thẩm mỹ mang tính lặp lại, dễ tiêu thụ (Hesmondhalgh, 2019). Khi đó, bản sắc âm nhạc, đặc biệt ở tầng chiều sâu, đứng trước nguy cơ bị giản lược thành phong cách bề mặt.

Từ góc nhìn quản lý nghệ thuật, việc nhận diện bản sắc âm nhạc trong kỷ nguyên số cần được đặt trong một khung giá trị rộng hơn, bao gồm đào tạo, truyền thông và chính sách văn hóa. Khi các quyết định quản lý bị chi phối quá mạnh bởi logic thị trường hoặc thuật toán, nguy cơ làm mờ bản sắc trở nên rõ rệt hơn. Do đó, bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc trong bối cảnh AI đòi hỏi sự phối hợp giữa sáng tạo cá nhân và định hướng của các thiết chế văn hóa.

3.2. Trí tuệ nhân tạo trong chuỗi giá trị âm nhạc - công cụ, thị trường và sự tái định hình thẩm mỹ

Trí tuệ nhân tạo tham gia vào chuỗi giá trị âm nhạc ở nhiều cấp độ khác nhau, từ hỗ trợ sáng tác đến tối ưu hóa phân phối. Ở khâu sáng tác, AI có thể gợi ý cấu trúc, hợp âm hoặc mô thức giai điệu, giúp người sáng tác mở rộng không gian thử nghiệm. Tuy nhiên, các nghiên cứu về sáng tạo và AI cho rằng AI chủ yếu tái tạo các mẫu hình đã có trong dữ liệu, trong khi ý nghĩa văn hóa của tác phẩm vẫn gắn với chủ thể con người và bối cảnh xã hội (Boden, 2016).

Ở khâu phân phối, thuật toán khuyến nghị trên nền tảng số góp phần hình thành một dạng “thị hiếu nền tảng”, có khả năng ảnh hưởng đến cách sản xuất và tiêu dùng âm nhạc. Trong logic công nghiệp văn hóa, cơ chế này có thể làm gia tăng nguy cơ đồng

dạng hóa thẩm mỹ và thu hẹp biên độ thử nghiệm sáng tạo (Hesmondhalgh, 2019). Từ đặc thù quản lý nghệ thuật, việc tích hợp AI vào chuỗi giá trị âm nhạc cần được đặt trong một khung giá trị rõ ràng, coi bản sắc là nền tảng định hướng chứ không phải yếu tố phụ trợ.

3.3. Cơ hội phát huy bản sắc âm nhạc khi có trí tuệ nhân tạo ở Việt Nam

Trong bối cảnh Việt Nam, trí tuệ nhân tạo gợi mở một số cơ hội đáng chú ý cho việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc. Một trong những cơ hội đó là khả năng số hóa, lưu trữ và hệ thống hóa tư liệu âm nhạc truyền thống. Khi được đặt trong chiến lược văn hóa dài hạn, các công cụ công nghệ có thể hỗ trợ nghiên cứu, giảng dạy và truyền thông văn hóa. Tuy nhiên, theo quan điểm của UNESCO, việc bảo tồn chỉ có ý nghĩa bền vững khi gắn với cộng đồng thực hành và môi trường truyền dạy, thay vì chỉ dừng ở lưu trữ kỹ thuật (UNESCO, 2003).

Bên cạnh đó, AI có thể hỗ trợ giáo dục và truyền nghề trong lĩnh vực âm nhạc thông qua các công cụ phân tích và mô phỏng. Tuy nhiên, các nghiên cứu về văn hóa Việt Nam nhấn mạnh rằng truyền nghề không chỉ là chuyển giao kỹ năng, mà còn là sự truyền tải giá trị, thái độ và chuẩn mực văn hóa (Trần Ngọc Thêm, 2023). Vì thế, AI chỉ có ý nghĩa khi được sử dụng như công cụ hỗ trợ cho con người, chứ không thay thế hoàn toàn môi trường văn hóa sống.

3.4. Thách thức cốt lõi, khi trí tuệ nhân tạo có thể làm loãng bản sắc âm nhạc

Bên cạnh cơ hội, việc ứng dụng AI trong âm nhạc cũng đặt ra những thách thức đáng lưu ý. Trước hết là nguy cơ đồng dạng hóa thẩm mỹ khi AI và nền tảng số ưu tiên các mô thức âm nhạc phổ biến, dễ tiếp nhận. Trong dài hạn, cơ chế này có thể làm suy giảm tính đa dạng văn hóa (Hesmondhalgh, 2019).

Một thách thức khác liên quan đến quyền tác giả và trách nhiệm sáng tạo. Khi AI tham gia vào quá trình tạo tác, ranh giới giữa học hỏi, mô phỏng và sao chép trở nên khó phân định. Các thảo luận về đạo đức trí tuệ nhân tạo cho rằng minh bạch về mức độ sử dụng AI và vai trò của con người là điều kiện quan trọng để duy trì niềm tin xã hội trong lĩnh vực sáng tạo (Floridi, 2023).

Ngoài ra, nếu việc ứng dụng AI không đi kèm định hướng giáo dục phù hợp, quá trình truyền dạy và tích lũy tri thức văn hóa có nguy cơ bị xem nhẹ. Điều này đặc biệt đáng lưu ý đối với âm nhạc gắn với di sản và ký ức cộng đồng, nơi giá trị không chỉ nằm ở âm thanh mà còn ở bối cảnh xã hội của thực hành âm nhạc (UNESCO, 2003).

3.5. Hàm ý quản lý và giáo dục - Khung quản trị ba cấp nhằm tích hợp trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm

Từ các phân tích trên, bài viết đề xuất một khung quản trị ba cấp nhằm định hướng việc tích hợp AI vào lĩnh vực âm nhạc. Cấp chuẩn mực tập trung vào việc xác lập các giá trị văn hóa làm nền tảng cho sáng tạo có sử dụng AI, nhấn mạnh tính minh bạch và tôn trọng bối cảnh văn hóa (Floridi, 2023). Cấp thể chế bao gồm các cơ chế quản lý và chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi của cộng đồng và duy trì mối liên hệ giữa di sản và đời sống thực hành (UNESCO, 2003). Cấp năng lực hướng tới phát triển

nguồn nhân lực có khả năng kết hợp hiệu biết văn hóa với kỹ năng công nghệ, qua đó bảo đảm rằng AI được sử dụng như công cụ hỗ trợ cho sự đa dạng và chiều sâu văn hóa.

Trong những năm gần đây, quá trình số hóa và lưu trữ tư liệu âm nhạc truyền thống đã được triển khai tại một số viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và đơn vị quản lý văn hóa. Việc ứng dụng các công cụ phân tích âm thanh, nhận dạng giai điệu và phân loại dữ liệu giúp hệ thống hóa kho tư liệu dân ca, nhạc nghi lễ và âm nhạc truyền thống vùng miền, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu và giảng dạy. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực đào tạo và truyền dạy âm nhạc, một số cơ sở giáo dục nghệ thuật đã bước đầu ứng dụng các phần mềm thông minh hỗ trợ phân tích cao độ, tiết tấu và kỹ thuật biểu diễn. Các công cụ này góp phần nâng cao hiệu quả luyện tập cá nhân, đặc biệt đối với người học trẻ, tuy nhiên vẫn được đặt trong khuôn khổ đào tạo do giảng viên trực tiếp định hướng, qua đó bảo đảm vai trò trung tâm của yếu tố con người và bối cảnh văn hóa trong quá trình truyền nghề.

Ở lĩnh vực sáng tạo và sản xuất âm nhạc đương đại, một bộ phận nghệ sĩ và nhà sản xuất trẻ tại Việt Nam đã thử nghiệm việc sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo để gợi ý cấu trúc, hòa âm hoặc xử lý âm thanh, trong đó có xu hướng kết hợp chất liệu âm nhạc truyền thống với ngôn ngữ âm nhạc hiện đại. Những thực hành này cho thấy AI có thể đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ thử nghiệm sáng tạo, song giá trị bản sắc vẫn phụ thuộc vào định hướng thẩm mỹ và ý thức văn hóa của chủ thể sáng tạo.

Các ví dụ trên cho thấy, trong bối cảnh Việt Nam, trí tuệ nhân tạo đang mở ra những khả năng mới cho việc bảo tồn, giáo dục và sáng tạo âm nhạc. Tuy nhiên, hiệu quả và tính bền vững của các ứng dụng này chỉ thực sự được bảo đảm khi AI được tích hợp trong một khung quản lý và giáo dục có định hướng văn hóa rõ ràng, gắn với cộng đồng thực hành và mục tiêu phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam.

4. Kết luận

Bài viết cho thấy trí tuệ nhân tạo đang tác động đáng kể đến cách thức sáng tạo, phân phối và tiếp nhận âm nhạc, qua đó ảnh hưởng đến việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam. Trí tuệ nhân tạo vừa mở ra những cơ hội mới cho số hóa, lưu trữ và giáo dục âm nhạc, vừa đặt ra các thách thức liên quan đến đồng dạng hóa thẩm mỹ, trách nhiệm sáng tạo và nguy cơ đứt gãy truyền dạy. Vấn đề cốt lõi không nằm ở việc chấp nhận hay từ chối công nghệ, mà ở cách thức quản lý và định hướng việc sử dụng AI trong một khung giá trị văn hóa rõ ràng. Khung quản trị ba cấp được đề xuất trong bài viết nhấn mạnh vai trò của chuẩn mực, thể chế và năng lực con người trong việc bảo đảm rằng đổi mới công nghệ góp phần củng cố, nhưng không làm suy yếu, chiều sâu bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI.

Tài liệu tham khảo

Boden, M. A. (2016). *AI: Its nature and future*. Oxford University Press.

Đào Duy Anh (2022). *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb Văn học.

Floridi, L. (2023). *The ethics of artificial intelligence: Principles, challenges, and opportunities*. Oxford University Press.

Hesmondhalgh, D. (2019). *The cultural industries* (4th ed.). SAGE Publications.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI”

McLuhan, M. (1994), *Understanding media: The extensions of man*. MIT Press.

Trần Ngọc Thêm (2023). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

UNESCO (2003). *Convention for the safeguarding of the intangible cultural heritage*.
UNESCO.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC PHÒNG THU TRONG VIỆC GÌN GIỮ BẢN SẮC ÂM NHẠC VIỆT NAM Ở KỶ NGUYÊN AI

Trần Quang Khả Tuấn

Sion Studio

Email: tranquangkhatuan92@gmail.com

Tóm tắt

Bài tham luận tập trung phân tích vai trò của người làm công tác phòng thu trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng can thiệp sâu vào quy trình sản xuất âm nhạc. Trên cơ sở tiếp cận thực tiễn nghề nghiệp, bài viết làm rõ vai trò con người trong ba khâu quan trọng của phòng thu gồm xử lý giai điệu (melody), xử lý giọng hát trong phối khí (mix voice) và hoàn thiện âm thanh (mastering). Nghiên cứu cho thấy, mặc dù AI có khả năng hỗ trợ hiệu quả về mặt kỹ thuật và tối ưu hóa quy trình sản xuất, nhưng các quyết định mang tính thẩm mỹ, cảm xúc và văn hóa vẫn phụ thuộc chủ yếu vào tư duy, trải nghiệm và trách nhiệm nghề nghiệp của con người. Từ đó, bài tham luận khẳng định rằng người làm công tác phòng thu không chỉ là kỹ thuật viên âm thanh, mà còn là chủ thể sáng tạo và người giữ vai trò định hướng thẩm mỹ, góp phần bảo tồn bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI.

Từ khóa: Phòng thu âm; bản sắc âm nhạc Việt; melody; mix voice; mastering; trí tuệ nhân tạo (AI).

Abstract

This paper examines the role of recording studio professionals in preserving and promoting Vietnamese musical identity in the context of the increasing integration of artificial intelligence (AI) in music production. From a practice-based perspective, the study analyzes the role of human involvement in three key stages of studio work: melody development, vocal mixing, and audio mastering. The findings indicate that while AI provides effective technical support and workflow optimization, aesthetic judgment, emotional expression, and cultural sensitivity remain primarily dependent on human creativity, experience, and professional responsibility. Accordingly, the paper argues that recording studio professionals are not merely sound technicians, but creative agents who shape musical aesthetics and contribute significantly to the preservation of Vietnamese musical identity in the AI era.

Keywords: Recording studio; Vietnamese musical identity; melody; vocal mixing; mastering; artificial intelligence (AI).

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI) đã và đang làm thay đổi sâu sắc quy trình sản xuất âm nhạc, đặc biệt trong lĩnh vực thu âm và hậu kỳ. Các công nghệ tự động hóa ngày càng có khả năng tham gia vào nhiều khâu kỹ thuật như tạo giai điệu, chỉnh sửa cao độ, xử lý hòa âm, trộn âm (mixing) và hoàn thiện bản thu (mastering). Trong bối cảnh đó, câu hỏi đặt ra không chỉ là AI có thể làm được gì, mà quan trọng

hơn là vai trò của con người trong phòng thu sẽ được xác lập như thế nào để bảo đảm bản sắc âm nhạc Việt Nam không bị hòa tan trong chuẩn mực công nghiệp toàn cầu.

Trong thực tiễn sản xuất âm nhạc, phòng thu không đơn thuần là không gian kỹ thuật, mà là nơi các giá trị thẩm mỹ, văn hóa và cá tính nghệ thuật được định hình rõ nét nhất. Chính vì vậy, việc nhận diện vai trò của người làm công tác phòng thu - từ xử lý giai điệu, giọng hát cho đến khâu hoàn thiện âm thanh, có ý nghĩa quan trọng trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI.

2. Vai trò con người trong xử lý melody: Tư duy giai điệu và ngôn ngữ âm nhạc Việt

Melody (giai điệu) là linh hồn của ca khúc và là nơi bản sắc âm nhạc Việt Nam thể hiện rõ nét nhất. Trong khi AI có thể tạo ra các chuỗi giai điệu dựa trên dữ liệu lớn và thuật toán học máy, thì tư duy giai điệu của con người lại gắn liền với ngôn ngữ, ngữ điệu tiếng Việt và cảm thức văn hóa vùng miền.

Người làm công tác phòng thu, đặc biệt là producer hoặc vocal director, đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh melody sao cho phù hợp với đặc điểm thanh điệu của tiếng Việt, tránh tình trạng “giai điệu đúng nhưng lời không thuận”. Những yếu tố như luyến láy, nhấn nhá, độ mở khẩu hình và cách dẫn dắt câu hát mang tính kinh nghiệm và cảm nhận văn hóa, mà AI khó có thể tái hiện đầy đủ.

Trong bối cảnh AI có khả năng đề xuất hoàn chỉnh giai điệu nhanh và hiệu quả, vai trò của con người không bị triệt tiêu mà ngược lại, trở nên quan trọng hơn ở khía cạnh chọn lọc, điều chỉnh và thẩm định thẩm mỹ. Chính con người là người quyết định điều chỉnh những yếu tố mang tính chi tiết của giai điệu như thế nào để phù hợp với tinh thần âm nhạc Việt Nam, chi tiết nào cần được tiết chế hoặc biến đổi để giữ được màu sắc văn hóa bản địa.

3. Vai trò con người trong xử lý Mix Voice: Giữ “hơi thở” và cá tính giọng hát

Mix voice là khâu then chốt quyết định cách giọng hát tồn tại trong tổng thể bản thu. Với sự hỗ trợ của AI, nhiều thao tác kỹ thuật như chỉnh cao độ, nén động học, cân bằng tần số có thể được thực hiện nhanh chóng và chính xác. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là liệu giọng hát sau khi được xử lý có còn giữ được “hơi thở” và cá tính âm sắc ban đầu hay không.

Trong âm nhạc Việt Nam, giọng hát không chỉ mang chức năng trình bày giai điệu, mà còn là phương tiện truyền tải cảm xúc, câu chuyện và dấu ấn vùng miền. Người kỹ thuật viên âm thanh giữ vai trò “người phiên dịch” giữa giọng hát tự nhiên của ca sĩ và không gian âm nhạc của bản thu. Những quyết định mang tính thẩm mỹ như mức độ can thiệp vào giọng hát, cách giữ lại những “khuyết điểm có chủ ý” hay sự mộc mạc trong âm sắc đều là những lựa chọn mang tính con người, không thể giao phó hoàn toàn cho thuật toán.

Nếu lạm dụng AI trong xử lý mix voice, giọng hát rất dễ bị đồng nhất hóa, trở nên “đúng, sạch và tròn trịa” nhưng thiếu chiều sâu cảm xúc. Ngược lại, khi con người giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng xử lý, AI trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả, giúp hoàn thiện kỹ thuật mà không làm mất đi bản sắc giọng hát Việt.

4. Vai trò người Master: Định hình thẩm mỹ và trách nhiệm với bản sắc và văn hóa

Master là khâu cuối cùng trong quy trình sản xuất âm nhạc, nơi bản thu được hoàn thiện để sử dụng. Trong kỷ nguyên AI, nhiều công cụ mastering tự động ra đời với khả năng tối ưu hóa chất lượng âm thanh và tần số theo chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, mastering không chỉ là việc đạt chuẩn kỹ thuật, mà còn là định hình thẩm mỹ âm thanh.

Người làm công tác mastering giữ vai trò như một “người gác cổng” về thẩm mỹ, quyết định bản thu sẽ mang màu sắc nào, không gian nào và cảm giác nghe ra sao. Đối với âm nhạc Việt Nam, việc chạy theo các chuẩn âm thanh toàn cầu một cách máy móc có thể làm mờ đi những đặc trưng vốn có của giọng hát, nhạc cụ và không gian biểu diễn có bản sắc, truyền thống.

Trong bối cảnh đó, người master không chỉ chịu trách nhiệm kỹ thuật, mà còn mang trách nhiệm giữ gìn bản sắc, tính độc đáo và hơn nữa là cả một vấn đề văn hóa, đảm bảo bản thu vừa đáp ứng yêu cầu phát hành hiện đại, vừa giữ được tinh thần và bản sắc âm nhạc Việt Nam. Đây là vai trò mà AI, với bản chất xử lý dữ liệu, chưa thể đảm nhiệm một cách trọn vẹn.

5. Thảo luận thêm: Con người, trung tâm sáng tạo trong phòng thu kỷ nguyên AI

Từ ba khâu melody, mix voice đến mastering, có thể thấy rằng AI đang làm thay đổi cách thức sản xuất âm nhạc, nhưng không thể thay thế hoàn toàn vai trò sáng tạo và thẩm định thẩm mỹ của con người. Ngược lại, khi AI càng phát triển, thì yêu cầu về bản lĩnh nghề nghiệp, tư duy văn hóa và trách nhiệm thẩm mỹ của người làm công tác phòng thu càng trở nên rõ ràng hơn.

Trong kỷ nguyên AI, phòng thu không chỉ là nơi sản xuất âm thanh, mà còn là không gian gìn giữ và tái tạo bản sắc âm nhạc. Vai trò của con người trong phòng thu vì thế không bị thu hẹp, mà được tái định vị như một chủ thể sáng tạo, người lựa chọn và kiểm soát công nghệ vì mục tiêu nghệ thuật và văn hóa.

6. Kết luận

Hội thảo “*Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI*” đặt ra một vấn đề mang tính thời sự và có ý nghĩa lâu dài đối với đời sống âm nhạc. Trong bối cảnh đó, việc khẳng định vai trò của người làm công tác phòng thu là cần thiết để nhấn mạnh rằng công nghệ, dù hiện đại đến đâu, cũng chỉ nên đóng vai trò hỗ trợ. Chính con người, với tư duy thẩm mỹ, cảm xúc âm nhạc, trải nghiệm văn hóa và trách nhiệm nghề nghiệp mới là yếu tố quyết định việc bảo tồn và phát huy bản sắc âm nhạc Việt Nam trong kỷ nguyên AI.

BEL CANTO TRONG ĐÀO TẠO THANH NHẠC VIỆT NAM TỪ LỐI HÁT TRUYỀN THỐNG ĐẾN VAI TRÒ GIẢNG VIÊN TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Đoàn Thanh Minh

Trường Đại học Sài Gòn

Email: dtminh@sgu.edu.vn

Tóm tắt

Bel canto, lối hát và hệ kỹ thuật thanh nhạc hình thành từ truyền thống thanh nhạc Ý được xem là nền tảng cơ bản của đào tạo thanh nhạc thính phòng tại Việt Nam. Các tiêu chuẩn kỹ thuật của Bel canto như kiểm soát hơi thở tự nhiên, khoảng vang, âm sắc và cộng minh của âm thanh không chỉ mang giá trị thẩm mỹ, mà còn phản ánh quy luật sinh học của giọng hát con người.

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng tham gia vào lĩnh vực thanh nhạc thông qua việc mô phỏng và tạo sinh âm thanh giọng hát, những chuẩn mực kỹ thuật này đang đứng trước nguy cơ bị đơn giản hóa thành các mô hình âm thanh nhân tạo, tách rời cơ thể. Bài tham luận phân tích sự khác biệt căn bản giữa giọng hát Bel canto được hình thành từ cơ thể sống và quá trình sư phạm trực tiếp với các sản phẩm giọng hát do AI tạo ra. Trên cơ sở đó, bài viết nhấn mạnh vai trò của giảng viên trong việc truyền dạy kỹ thuật Bel canto, chuẩn hóa thẩm mỹ âm thanh và định hướng sử dụng AI như công cụ hỗ trợ trong đào tạo thanh nhạc thính phòng Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Bel canto, kỹ thuật thanh nhạc, đào tạo thanh nhạc thính phòng, trí tuệ nhân tạo, vai trò giảng viên.

Bel Canto in Vietnamese Vocal Education: From Traditional Vocal Practice to the Lecturer's Role in the Age of Artificial Intelligence

Abstract

Bel canto, a traditional Italian singing style and vocal technique system, constitutes the core foundation of classical vocal training in Vietnam. Its technical standards such as natural breath management, resonance space, chiaroscuro balance, and vocal clarity are not only aesthetic ideals but also reflections of the biological principles of the human voice.

In the contemporary context, artificial intelligence (AI) has increasingly been applied to vocal sound generation and simulation, raising critical questions about the nature of vocal sound and technical authenticity. This paper examines the fundamental differences between bel canto singing, which emerges from the living human body through pedagogical guidance, and AI-generated vocal sounds, which are based on data-driven acoustic modeling without physical embodiment. The study argues that while AI can reproduce sonic outcomes, it cannot replicate the physiological processes, sensory awareness, and expressive control inherent in bel canto technique. Accordingly, the paper emphasizes the irreplaceable role of lecturers in transmitting bel canto pedagogy,

establishing authentic vocal sound standards, and guiding the responsible use of AI as a supportive tool in contemporary Vietnamese classical vocal training.

Keywords: Bel canto, vocal technique, classical vocal training, artificial intelligence, lecturer.

1. Đặt vấn đề

Bel canto, lối hát và hệ kỹ thuật thanh nhạc hình thành từ truyền thống thanh nhạc Ý từ lâu đã giữ vị trí trung tâm trong đào tạo thanh nhạc thính phòng tại Việt Nam. Không chỉ được xem là một phong cách hát đẹp, Bel canto còn là hệ thống kỹ thuật dựa trên những quy luật sinh học tự nhiên của giọng hát con người, bao gồm kiểm soát hơi thở, cơ chế phát âm, khoảng vang, cân bằng âm sắc và sự công minh của âm thanh (Nguyễn Trung Kiên, 2008; Miller, 1996).

Trong bối cảnh công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) phát triển mạnh mẽ, giọng hát con người ngày càng được phân tích, mô phỏng và tái tạo dưới dạng dữ liệu âm thanh. Các mô hình AI có khả năng tạo sinh giọng hát với độ chính xác cao về cao độ, trường độ và âm sắc, đặt ra những vấn đề mới cho đào tạo thanh nhạc: đâu là chuẩn mực của âm thanh giọng hát, đâu là ranh giới giữa giọng hát tự nhiên và âm thanh nhân tạo, và vai trò của giảng viên thanh nhạc cần được xác lập như thế nào trong bối cảnh này.

2. Bel canto như một tiêu chuẩn kỹ thuật của giọng hát tự nhiên

Bel canto không tồn tại như một tập hợp quy tắc mà là hệ tiêu chuẩn kỹ thuật gắn liền với cơ thể sống của người hát. Những tiêu chuẩn này được hình thành và kiểm chứng qua thực tiễn sư phạm kéo dài nhiều thế kỷ.

2.1. Hơi thở tự nhiên và nguyên lý appoggio (nguyên lý kiểm soát hơi thở trong Bel canto)

Hơi thở trong Bel canto không chỉ là nền tảng của phát âm, mà là nền tảng sinh lý của toàn bộ hoạt động thanh nhạc. Nguyên lý appoggio nhấn mạnh sự phối hợp linh hoạt giữa hơi thở, cơ hoành, giúp giọng hát duy trì sự ổn định, tự nhiên và bền vững. Đây là quá trình mang tính cảm giác, chỉ có thể được lĩnh hội thông qua hướng dẫn trực tiếp và trải nghiệm cá nhân.

2.2. Khoảng vang và cộng minh

Bel canto coi khoảng vang là yếu tố quyết định chất lượng âm thanh. Âm thanh cộng minh được hình thành từ sự phối hợp giữa thanh quản, khoang miệng, khoang hầu và các xoang. Khoảng vang không mang tính cố định mà thay đổi theo từng cá nhân, từng trạng thái cơ thể và từng yêu cầu biểu cảm âm nhạc (Nguyễn Trung Kiên, 2019).

Cộng minh, sự cân bằng giữa sáng và tối trong âm sắc là tiêu chí kỹ thuật then chốt của Bel canto. Âm thanh Bel canto không quá sáng để trở nên mỏng và căng, cũng không quá tối để mất đi sự rõ nét. Sự cân bằng này phản ánh trình độ kiểm soát kỹ thuật và cảm nhận thẩm mỹ của người hát.

Trong thực tiễn đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp, Bel canto không tồn tại như một mẫu âm thanh lý tưởng có thể sao chép, mà là một hệ thống sư phạm sống, trong đó

mỗi giọng hát được hình thành thông qua quá trình tương tác liên tục giữa cơ thể người học và sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Giọng hát do AI tạo ra và những giới hạn kỹ thuật

Trí tuệ nhân tạo hiện nay có khả năng phân tích và tái tạo âm thanh giọng hát dựa trên dữ liệu tìm có được trên hệ thống. Các hệ thống AI có thể mô phỏng cao độ, cường độ và âm sắc với độ chính xác cao, tạo ra những sản phẩm âm thanh có tính thuyết phục về mặt kỹ thuật. Tuy nhiên, giọng hát do AI tạo ra chỉ tồn tại ở kết quả âm thanh, không có quá trình sinh học. AI không có hơi thở, không có cơ thể, không có cảm giác thanh nhạc và không chịu tác động của trạng thái tâm sinh lý. Những yếu tố cốt lõi của Bel canto như appoggio, khoảng vang linh hoạt hay công minh chỉ được AI mô phỏng ở bề mặt âm thanh, không phải là kết quả của quá trình điều phối của cơ chế phát âm của cơ thể (Nguyễn Trung Kiên, 2019). Điều này cho thấy sự khác biệt căn bản giữa giọng hát tự nhiên con người và giọng hát nhân tạo: Bel canto là hệ thống kỹ thuật sống, trong khi AI chỉ là mô hình âm thanh tĩnh.

4. Vai trò của giảng viên trong đào tạo Bel canto hiện nay

Từ kinh nghiệm giảng dạy thanh nhạc trực tiếp tại các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp như Trường Đại học Sài Gòn, Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Văn Hiến, tác giả nhận thấy rằng những vấn đề cốt lõi của kỹ thuật Bel canto thường không nằm ở việc nghe đúng âm thanh, mà ở việc cảm nhận quá trình phát âm.

Nhiều sinh viên có khả năng làm tốt các âm thanh mẫu, chuẩn nhưng gặp khó khăn trong việc duy trì hơi thở, ổn định khoảng vang và kiểm soát âm sắc khi thay đổi cao độ hoặc cường độ. Điều này cho thấy khoảng cách rõ rệt giữa âm thanh được tái tạo và kỹ thuật được hình thành từ cơ thể khoảng cách mà chỉ có sự phạm trực tiếp mới có thể giải quyết. Từ những lý do này, vai trò của giảng viên cần rõ ràng hơn trong các vấn đề sau:

4.1. Giảng viên là người truyền dạy cảm giác và kinh nghiệm thanh nhạc

Bel canto không thể được học thông qua dữ liệu hay mô phỏng. Các cảm giác về hơi thở, độ mở của khoảng vang và sự thư giãn cơ thể chỉ có thể được truyền đạt thông qua sự tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên. Đây là yếu tố mà AI không thể thay thế (Lê Đức Trí, 2018).

4.2. Giảng viên là người chuẩn hóa thẩm mỹ âm thanh

Trong bối cảnh giọng hát AI ngày càng phổ biến, giảng viên giữ vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên phân biệt giữa âm thanh đúng kỹ thuật Bel canto và âm thanh nhân tạo. Việc chuẩn hóa tai nghe và thẩm mỹ âm thanh là nhiệm vụ cốt lõi của đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp (Nguyễn Trung Kiên, 2019).

4.3. Giảng viên là người hướng dẫn việc tham khảo AI

AI chỉ nên được sử dụng như công cụ hỗ trợ phân tích và tham khảo. Giảng viên là người kiểm soát mức độ ứng dụng, tham khảo AI, đảm bảo rằng công nghệ phục vụ cho quá trình đào tạo, không thay thế tư duy sự phạm và trải nghiệm nghệ thuật.

5. Bel canto trong đào tạo thanh nhạc thính phòng Việt Nam hiện nay

Trong thực tiễn đào tạo thanh nhạc thính phòng tại Việt Nam, Bel canto được áp dụng như nền tảng kỹ thuật chung, đồng thời được điều chỉnh để phù hợp với thể trạng, ngôn ngữ và thẩm mỹ biểu diễn của người Việt. Vai trò của giảng viên càng trở nên quan trọng trong việc dung hòa giữa truyền thống thanh nhạc Ý và bối cảnh văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam (Đặng Hoàn Loan, 2022).

Việc tiếp cận AI một cách thiếu định hướng có thể dẫn đến sự chuẩn hóa âm thanh theo mô hình nhân tạo, làm mờ đi bản sắc kỹ thuật và thẩm mỹ của thanh nhạc thính phòng. Do đó, giảng viên cần giữ vai trò trung tâm trong việc bảo vệ và phát triển giá trị của Bel canto trong đào tạo hiện nay.

6. Kết luận

Bel canto, với tư cách là một hệ thống kỹ thuật và sự phạm thanh nhạc hình thành từ thực tiễn sinh học của giọng hát con người, không chỉ là di sản của truyền thống thanh nhạc Ý mà còn là nền tảng cốt lõi của đào tạo thanh nhạc thính phòng tại Việt Nam. Giá trị của Bel canto không nằm ở hình thức âm thanh bên ngoài, mà ở quá trình hình thành giọng hát thông qua sự điều phối tinh tế giữa hơi thở, cơ thể, cảm giác và ý thức thẩm mỹ của người hát.

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng có khả năng mô phỏng và tạo sinh âm thanh giọng hát, bài tham luận cho thấy sự khác biệt mang tính bản chất giữa giọng hát Bel canto và các sản phẩm giọng hát do AI tạo ra. Nếu AI chỉ tái tạo kết quả âm thanh dựa trên dữ liệu và mô phỏng, thì Bel canto là một hệ thống kỹ thuật sống, gắn liền với cơ thể, trạng thái tâm, sinh lý và quá trình sự phạm trực tiếp. Chính sự khác biệt này khẳng định rằng AI, dù có giá trị hỗ trợ nhất định, không thể thay thế nền tảng kỹ thuật và cảm giác thanh nhạc vốn là cốt lõi của đào tạo Bel canto.

Trên cơ sở phân tích lý luận kết hợp với thực tiễn giảng dạy thanh nhạc chuyên nghiệp, bài viết khẳng định vai trò trung tâm của giảng viên trong đào tạo thanh nhạc thính phòng hiện nay. Giảng viên không chỉ là người truyền dạy kỹ thuật, mà còn là chủ thể định hình thẩm mỹ âm thanh, chuẩn hóa cảm nhận giọng hát và định hướng việc tiếp cận công nghệ một cách có kiểm soát và phù hợp với mục tiêu sự phạm.

Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, thách thức lớn nhất của đào tạo thanh nhạc không nằm ở việc phủ nhận công nghệ, mà ở việc xác lập ranh giới rõ ràng giữa công cụ hỗ trợ, tham khảo và nền tảng kỹ thuật cốt lõi. Chỉ khi Bel canto tiếp tục được đặt trên nền tảng sự phạm trực tiếp, với giảng viên giữ vai trò chủ thể trung tâm, đào tạo thanh nhạc thính phòng Việt Nam mới có thể vừa tiếp thu những thành tựu của công nghệ, vừa bảo tồn và phát triển bền vững các giá trị kỹ thuật thẩm mỹ của giọng hát con người trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Trung Kiên (2008). *Thanh nhạc, Kỹ thuật và biểu hiện*. Nxb Âm nhạc.
- Nguyễn Trung Kiên (2016). Hơi thở và vai trò của hơi thở trong kỹ thuật thanh nhạc. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 386, 45–50.
- Nguyễn Trung Kiên (2019). Âm thanh giọng hát và tiêu chuẩn kỹ thuật trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp. *Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật*, 51, 22–28.

Nguyễn Thị Nhung (2012). *Giáo trình Thanh nhạc cơ bản*. Nxb Âm nhạc.

Trần Thu Hà (2014). *Phương pháp giảng dạy thanh nhạc*. Nxb Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

Lê Đức Trí (2018). Vai trò của giảng viên trong đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp hiện nay. *Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật*, 42, 25–30.

Đặng Hoàng Loan (2022). *Âm nhạc hàn lâm và đào tạo biểu diễn ở Việt Nam*. Nxb Âm nhạc.

Miller, R. (1996), *The Structure of Singing: System and Art in Vocal Technique*, Schirmer Books, New York.

Stark, J. (2003), *Bel Canto: A History of Vocal Pedagogy*, University of Toronto Press, Toronto.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia:
Bản sắc âm nhạc Việt trong kỷ nguyên AI

Trường Đại học Văn Hiến

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Trụ sở chính

Địa chỉ: 59 Thợ Nhuộm, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: 0088.24.38253841

Chi nhánh

Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 0084.28.38220102

Email: thegioi@thegioipublishers.vn

marketing@thegioipublishers.vn

Website: www.thegioipublishers.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

PHẠM TRẦN LONG

Biên tập: **Bùi Thế Khoa**

Bìa: ĐH Văn Hiến

Trình bày: ĐH Văn Hiến

Sửa bản in: **TamNgonBook**

Liên kết xuất bản: **Công ty TNHH Eco Book**

Địa chỉ: 134 Trần Nhân Tôn, phường Vườn Lài, TP.HCM

In 1.00 cuốn khổ 19 x 26.5 cm, tại Công ty Cổ phần An Đông Kim,

Địa chỉ: Số 17 đường ĐHT 14B, phường Đồng Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 222-2026/CXBIPH/02-06/ThG.

Quyết định xuất bản số: 45/QĐ-ThG cấp ngày 16.01.2026.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2026.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-632-02-0589-9